

VĂN - HÓA DÂN - TỘC PHÁT - TRIỂN
CÁCH - MẠNG QUỐC - GIA THÀNH - CÔNG

ĐẠI-HỘI

VĂN-HÓA TOÀN QUỐC

1957



MỤC-LỤC

A.— LỄ KHAI-MẠC ĐẠI-HỘI

TRANG

- Huấn-từ của Ngô Tổng-Thống 10
- Diễn-văn khai-mạc của ông Trần-Chánh-Thành (trưởng ban Vận-động và tổ-chức Đại-Hội) 12
- Cảm-tưởng của một vị đại-biêu văn-hóa 15

B.— HỘI-NGHỊ

a) *Đề mục thuyết-trình và thảo-luận :*

- Trình-bày về tổ-chức Đại-Hội và chương-trình nghị-sự (ông Đinh-sinh-Pai) 19
- Nhận-định tình-hình văn-hóa Việt-Nam hiện-tại (ông Lê-Khải-Trạch) 25
- Tự-do tư-tưởng qua hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa (ông Dân-biêu Nguyễn-phương-Thiệp) 27
- Quan-điểm nhân-vị (Giáo-sư Bửu-Dương) 41
- Báo-cáo của Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Hội-ng nghị các nhà Văn Á-Châu (ông Nguyễn-hữu-Thống) . . . 54
- Thử định-nghĩa văn-hóa trên quan-điểm nhân-vị (Giáo-sư Lê-hữu-Mục) 74
- Văn-học Việt-Nam (nhà văn Lê-văn-Siêu) 90
- Khoa-học của con người (Bác-sĩ Nguyễn-hữu-Phiếm) 113
- Báo-chí Việt-Nam — Nhận-định tình-hình báo-chí vùng Việt-Cộng (ký-giả Văn-Hoàn và ký-giả Tô-Văn) . . 133
- Hội-họa Việt-Nam (Họa-sĩ Đào-sĩ-Chu) 152
- Nói chuyện về vấn-đề Y-tế (Bác-sĩ Phạm-hữu-Chương) 174

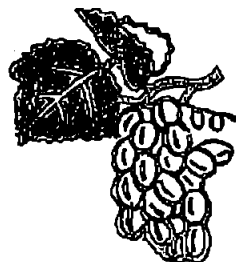
— Một quan-niệm về văn-hóa (ông Cố-vấn. Ngô-đình-Nhu)	196
— Nhiếp-ảnh Việt-Nam (ông Phạm-văn-Mùi)	201
— Kỹ-thuật tại Việt-Nam (Kỹ-sư Phạm-hữu-Vĩnh và ông Lê-sĩ-Ngọc)	213
— Văn-nghệ trong Quân-đội (Đại-úy Phạm-văn-Sơn)	221
— Quan-niệm về luật-pháp và nhiệm-vụ của các luật-gia Việt-Nam (ông Lại-Tư)	253
— Quan-niệm về giáo-dục dưới chánh-thể Cộng-Hòa (ông Dân-biêu Nguyễn-Thiệu)	274
— Luân-lý xã-hội (L.m. Hoàng-Yến)	296
<i>b) Thảo-luận về việc thành-lập Tổng-Hội văn-hóa Việt-Nam</i>	304

C.— THUYẾT-MINH VÀ TRÌNH-DIỄN

— Chương-trình trình-diễn văn-nghệ.	309-318
— Thuyết-minh về sân-khấu tuồng cải-lương (Nghệ-sĩ Duy-Lân)	319
— Thuyết-minh về điện-ảnh Việt-Nam (ông Nguyễn-văn-Hảo)	334

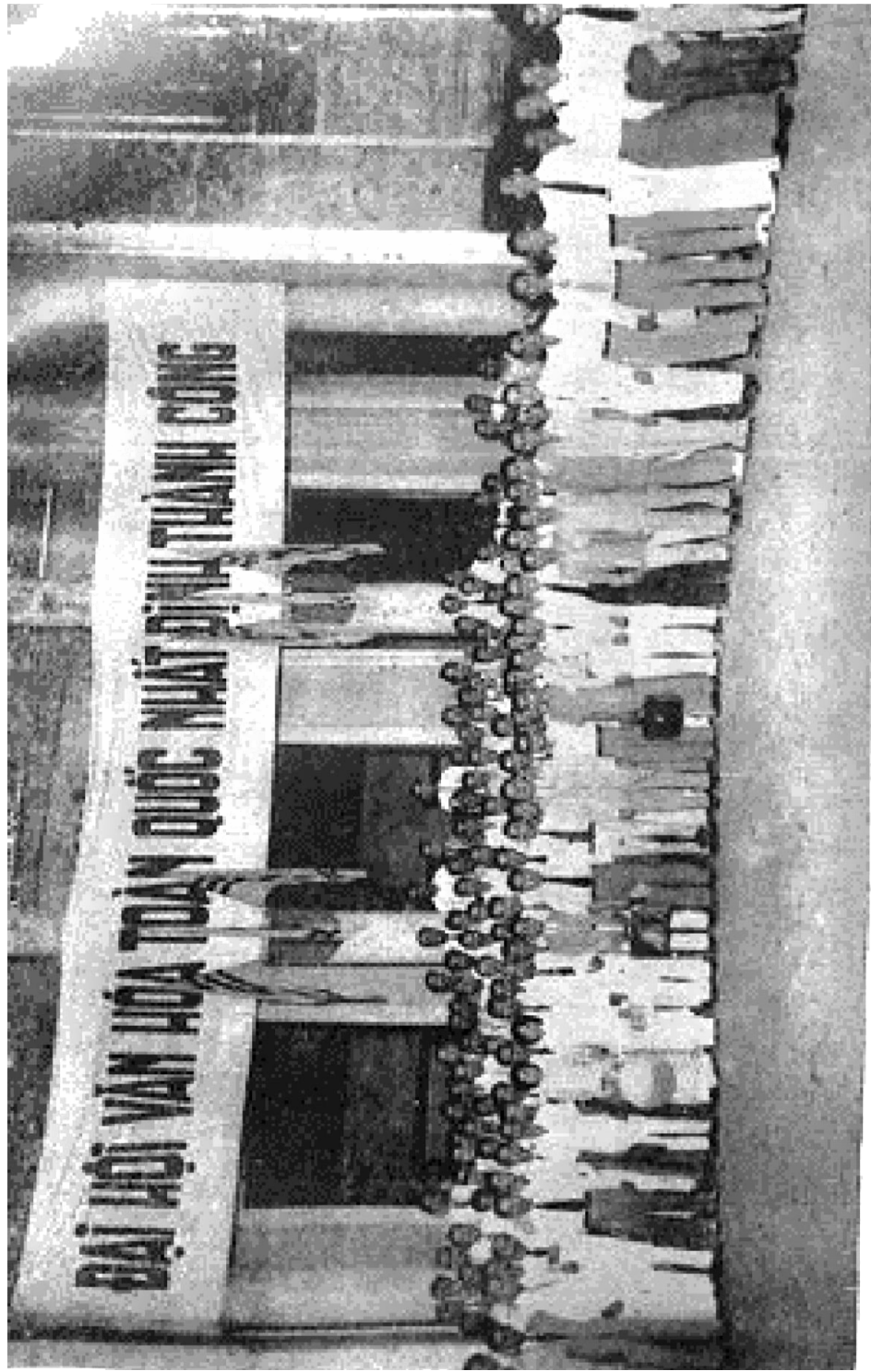
D.— TỔNG-KẾT ĐẠI-HỘI

— Bản tổng-kết Đại-hội	377
— Quyết-nghị của Đại-hội	391



VĂN-HÓA DÂN-TỘC PHÁT-TRIỂN
CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA THÀNH-CÔNG

ĐẠI - HỘI
VĂN - HÓA TOÀN QUỐC
1957



Đại-hội Văn-Hóa trong toàn quốc, là cuộc thiêu Trưng-Phù, Cao-Nguyên, Nam-Phân, lời Thán-dó Suipat
Phan-chí Đại-Hội Văn-Hóa toàn quốc 1957

- Một quan niệm về văn-hóa (ông Cố-vấn Ngô-đình-Nhu)
- Nhiếp-ảnh Việt-Nam (ông Phạm văn-Mùi)
- Kỹ-thuật tại Việt-Nam (Kỹ-sư Phạm-hữu-Vĩnh và ông Lê-sĩ-Ngạc).
- Văn-ngệ trong Quân-đội (Đại-úy Phạm-văn-Sơn).
- Quan-niệm về luật-pháp và nhiệm-vụ của các luật-gia Việt-Nam (ông Lại-Tư)
- Quan-niệm về giáo-dục dưới chánh-thể Cộng-Hòa (ông Dân-biêu Nguyễn-Thiệu).
- Luân-lý xã-hội (L.m. Hoàng-Yến).

b) Thảo-luận về việc thành lập Tổng Hội văn-hóa Việt-Nam

C.— THUYẾT-MINH VÀ TRÌNH-DIỄN

- Thuyết-minh về sân-khấu tuồng cải-lương (Nghệ-sĩ Duy-Lân)
- Thuyết-minh về điện-ảnh Việt-Nam (ông Nguyễn-văn-Hào).

D.— TỔNG-KẾT ĐẠI-HỘI

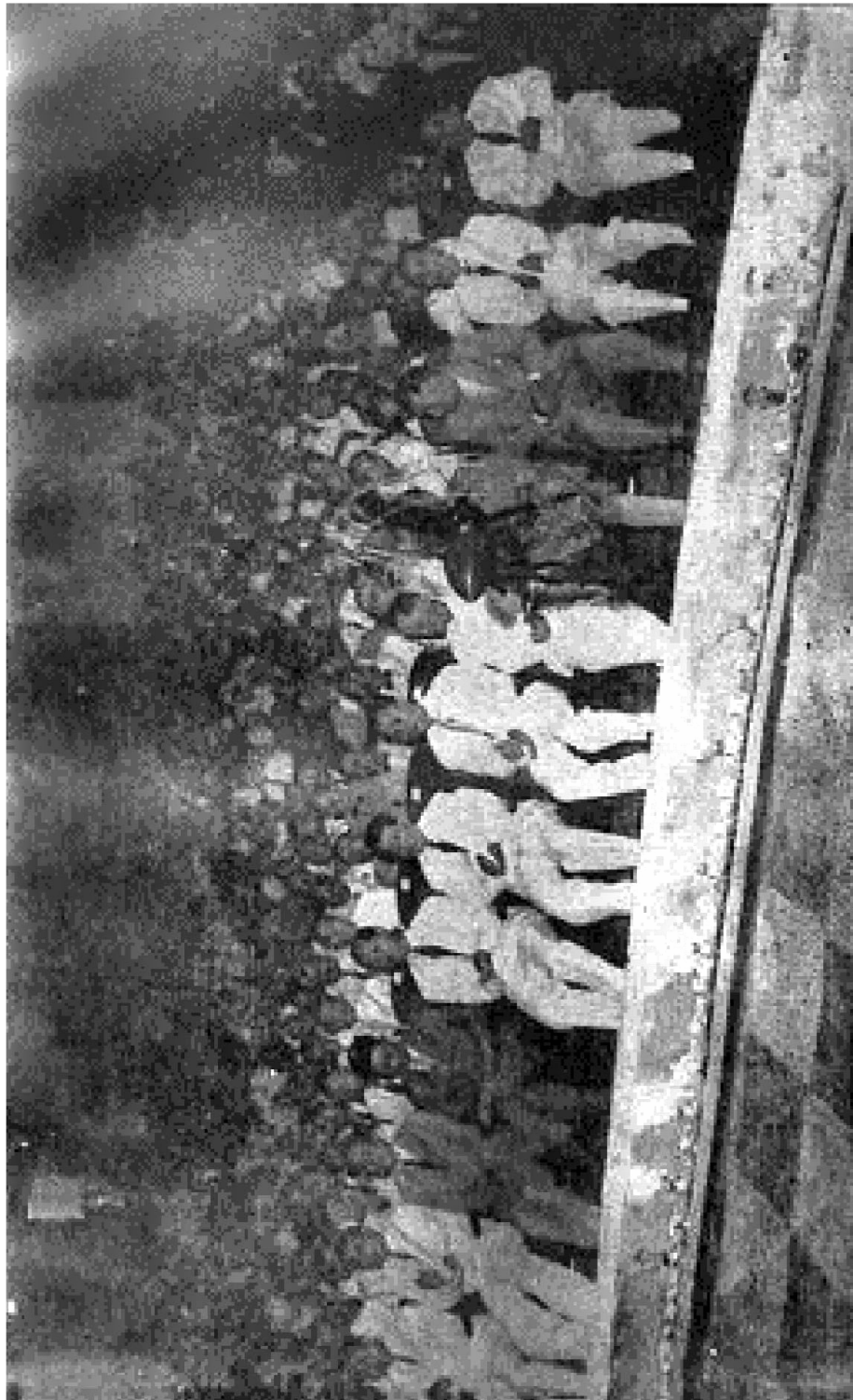
- Bản tổng-kết Đại-hội.
- Quyết-nghị của Đại-hội.



Bí-chú.— Những bản còn sửa chữa hoặc còn lưu lại chưa đáng gồm có như sau :

- Nguyên văn bản thuyết-trình về VẤN-ĐỀ NHÂN-VỊ.
- Nguyên văn bản thuyết-trình về MỘT QUAN-NIỆM VĂN-HÓA.
- Nguyên văn bản BÁO-CÁO TÌNH-HÌNH VĂN-HÓA VIỆT-NAM HIỆN TẠI.
- Nguyên văn bản thuyết-trình về THẺ DỤC VÀ THẺ THAO.
- Nguyên văn bản thuyết-trình về KỸ-THUẬT TRONG QUÂN-ĐỘI.
- Nguyên văn bản LỊCH-TRÌNH TÂN-NHẠC VIỆT-NAM.
- Nguyên văn bản thuyết-trình về TUỒNG CHÈO VÀ CỔ NHẠC VIỆT-NAM.
- Nguyên văn bản thuyết-minh về TÂN-KỊCH VIỆT-NAM.

(xem bản chương-trình nghị-sự).



Quang-công-hệ hệt-cuông trong huyên là kình-tuợc Đệ-t. Hết Van-Nice rođm quốc 1937
/ hđng y hế đĩc cò Tđng-Thđng và cđc sđđm-vết cđc-cđp trong Cđđđđ-Pđđ đđđđđđ Đệ-t. Hết.

A. — LỄ KHAI - MẠC
ĐẠI-HỘI VĂN-HÓA TOÀN-QUỐC
1957

ĐẪN đầu tiên trong lịch-sử dân-tộc Việt-Nam, một Đại-hội văn-hóa toàn quốc đã được tổ-chức và khai-mạc tại Thủ-dô Saigon.

Sáng ngày 7-1-57, hồi 8 giờ, Đại-hội văn-hóa toàn quốc đã khai-mạc tại Rạp Thống-Nhất Saigon trong bầu không-khi tung-bùng, sôi nổi.

Buổi lễ đặt dưới quyền chủ-tọa tối-cao của Ngô Tổng-Thống.

Tới dự lễ khai-mạc có quý ông : Chủ-tịch Quốc-Hội, Phó Chủ-tịch Quốc-hội, các nghị-sĩ Quốc-hội, các vị Bộ-Trưởng các vị đại-diện các cơ-quan chính-quyền và đoàn-thể tại Thủ-dô.

Trên một ngàn bốn trăm đại-biểu văn-hóa trong toàn quốc, từ các miền Trung - Phần, Cao - Nguyên, Nam - Phần về dự đại-hội.

Ba khẩu-hiệu lớn trong hội-trường được treo cao và mọi người chú ý :

— Văn-Hóa dân-tộc phát-triển, Cách - Mạng Quốc-Gia thành công.

— Bài-trừ tinh-thần nô-lệ Thực-Cộng trong Văn-hóa.

— Phát-triển Văn-hóa dân-tộc và nhân-vị.

Sau thủ-lục khai-mạc lễ, ông Trần-Chánh-Thành, đại-diện Ban vận-dộng và tổ-chức Đại-hội văn hóa toàn quốc đọc diễn-văn khai-mạc.

Ngô-Tổng-Thống ban huấn-từ.

Sau đó, một đại-biểu văn-hóa thay mặt cho toàn-thể Đại-hội lên trình bày cảm-tưởng và tỏ lời tri-ân Ngô Tổng-Thống.

(Đại-hội khai-mạc sáng ngày 7-1-57, bế-mạc chiều ngày 15-1-57 sau 9 ngày thảo-luận sôi-nổi đã lần-lượt thông-qua các đề-mục quan-trọng và thống-nhất quan-điểm).

HUÂN-TỪ CỦA NGÔ TỔNG-THÔNG

NHÂN-DỊP LỄ KHAI-MẠC ĐẠI-HỘI

VĂN-HÓA TOÀN-QUỐC

(SAIGON 7-1-57)

Thưa quý Vị

Tôi rất hân-hoan đến chủ-tọa lễ khai-mạc Đại-hội văn-hóa toàn-quốc, đánh dấu một giai-đoạn quan-trọng lịch-sử nước nhà. Đây là bước đầu của phong-trào phục-hưng Văn-hóa đang sôi nổi trong nhân-dân.

Quả thật như thế, sở dĩ có cuộc Đại-hội hôm nay là do bao nhiêu kiến-nghị của các tổ-chức văn-hóa, các giới Văn-nghe, Khoa-học, Xã-hội-học, tại Thủ-Đô cũng như tại các Tỉnh đòi hỏi một dịp gặp-gỡ, trao đổi quan-điểm và thảo-luận lập một chương-trình xây-dựng Văn-hóa trong tất cả các địa-hạt các đời sống tư và công-cộng.

Không có một trở-lực nào có thể ngăn cản một dân-tộc muốn canh-tân. Một nền Văn-hóa đang vươn lên là thước đo sinh-lực đời-dào và trình-độ tiến-triển của một dân-tộc bất khuất.

Đứng trước một phong-trào phấn-khởi sáu rộng như phong-trào này, khó mà đoán trước được chắc-chắn, kết-quả sẽ ra sao. Nhưng căn-cứ vào lịch-sử dân-tộc, và những thành-tích của Quốc-gia trong giai-đoạn vừa qua, có thể nói mà không sợ sai lầm là tinh-chất của Phong-trào là dân-tộc tinh và Á-Đông tinh, hướng tiến của phong-trào là con đường nhân-vị và sự đồng-tiến của toàn dân.

Đó cũng là sự mong-mỏi của tôi đối với Phong-trào này.



Ngô Tăng-Giông đọc sách-trên trong ảnh là Anh-tưc Đợi-Mệ Văn-Mêo làm quốc 1957.

Một điều chắc-chắn là chánh-phủ sẽ hết sức giúp đỡ phong-trào, gây những điều-kiện cần-thiết cho Văn-Hóa phát-triển.

Nhưng chúng ta không nên quên các công-trình tri-thức phải phát-triển trong những khung cảnh phức-tạp. Vì tinh-thần và thể-xác kháng-khít mật-thiết với nhau cho nên khó mà tách-biệt các hoạt-động Văn-hóa ra khỏi thân-phận con người, ý-chí tự-do ra khỏi những đòi hỏi của kỹ-thuật chung và những yêu-cầu của vận-mệnh thực-tại Quốc-gia.

Mục-đích của Văn-hóa là phát-triển và nâng cao con người. Con người chỉ vươn lên do sức cố-gắng vượt ra ngoài các định-mệnh ràng buộc mình. Vậy chính những cố-gắng của quý Vị để quân-bình các đòi hỏi của hoàn-cảnh lịch-sử nước nhà với tự-do cần-thiết cho mọi hoạt-động Văn-hóa, chính những cố-gắng của quý-vị để chế-ngự sự tương-phản tự-nhiên, khắc nghiệt nhưng phong-phú ấy, sẽ đẩy mạnh phong-trào phục-hưng Văn-hóa này.

Tôi mong Đại-hội văn-hóa toàn-quốc sẽ đặt dưới dấu-hiệu của sự thành-tâm và trọng thực-tế, và như vậy, sẽ thành-công xứng đáng.



DIỄN - VĂN KHAI - MẠC
CỦA ÔNG TRẦN-CHÁNH-THÀNH,
ĐẠI DIỆN BAN VẬN-ĐỘNG VÀ TỔ-CHỨC
ĐẠI-HỘI VĂN-HÓA TOÀN-QUỐC (7-1-57)

Kính thưa TỔNG-THỐNG,

Ban vận-động và tổ-chức Đại-hội văn-hóa toàn-quốc chúng tôi trân-trọng cảm-tạ TỔNG-THỐNG đã đến Chủ-tọa lễ khai-mạc Đại-hội. Sự hiện-diện của TỔNG-THỐNG là một khích-lệ vô cùng lớn-lao cho tất cả các nhà Văn-nghệ, Khoa-học và Xã-hội-học, cho tất cả mọi người quan-tâm đến Văn-hóa. Chúng tôi càng hân-hạnh sẽ được nghe huấn-lời của TỔNG-THỐNG. Các nhà văn-hóa Việt-Nam tin-trưởng nơi lòng ưu-ái của TỔNG-THỐNG và chủ-trương xây-dựng và phát-triển Văn-hóa của Chính-phủ do TỔNG-THỐNG lãnh-đạo.

Kính thưa TỔNG-THỐNG,

Thưa quý Vị.

Hai năm qua, cuộc Cách-mạng chính-trị của dân-tộc ta đã chặn đứng làn sóng đỏ, đánh tan phong-kiến, thâu hồi chủ-guyễn, xây dựng dân-chủ, triệu-tập Quốc-hội, ban - hành Hiến-pháp. Cuộc Cách-mạng xã-hội đã bắt đầu với sự thi-hành cải-cách điền-địa, và chủ-trương giải-phóng và xây-dựng kinh-lẽ quốc-gia.

Sau những sự-kiện đó, dân-tộc ta đòi hỏi một cuộc cách-mạng trong lĩnh-vực Văn-hóa. Cuộc Cách-mạng Quốc-gia phải toàn diện; sự xây-dựng toàn bộ phải được thực-hiện. Các nhà văn-hóa cảm-thông với sự đòi hỏi của nhân-dân và của chính mình. Chẳng những phải đồng-tiến với nhân-dân, các nhà văn-hóa còn



Ông Trần Chính Thành, đại diện Hội Vận động và Ủng hộ Thời Nội Văn-Hội toàn quốc, đọc diễn văn khai mạc Thời Nội.

phải hướng-dẫn nhân-dân trên con đường tiến-bộ. Ngành văn-hóa chẳng những phải theo kịp bước tiến của ngành chính-trị, mà còn phải tiên-phong trong công cuộc kiến-thiết xã-hội.

Từ các địa-phương, từ Quảng-Trị đến Cà-Mâu, Kontum, Ban-Mê-Thuột, trong mỗi hội văn-hóa, giữa các nhóm nghệ-sĩ, văn-gia, các nhà khoa-học, xã-hội-học, ai ai cũng mong có một dịp họp mặt của các đại-biểu các ngành văn-hóa đề trao đổi quan-điểm, kiểm-điểm hàng ngũ, nhận-định quá-trình, hiện-trạng, hướng tiến tương-lai, ấn-định kế-hoạch xây-dựng và phát-triển văn-hóa.

Tại Saigon cũng như ở các Tỉnh, các Ban vận-động đã được thành-lập, nhiều hội-nghị sơ bộ đã được triệu-lập, các đại-biểu các ngành văn-học, giáo-dục, khoa-học, y-tế, luật-học, báo-chí và các bộ-môn văn-nghệ như Hội-họa, Nhiếp-ảnh, Điện-ảnh, Âm-nhạc, Văn-nghệ Quán-đội... đã xây-dựng thuyết-trình cho mỗi ngành, mỗi bộ-môn.

Trên sáu mươi (60) quyết-nghị đã gửi tới Ban vận-động trung-wang để yêu-cầu triệu-lập Đại-hội toàn-quốc.

Với sự tán-trợ và giúp đỡ của các cơ-quan văn-hóa và giáo-dục trong Chánh-quyền, Đại-hội văn-hóa khai mạc ngày hôm nay dưới sự chủ-tọa của TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CÔNG-HÒA là một-thành-công quan-trọng trong công-cuộc xây-dựng và phát-triển văn-hóa.

Dự đại-hội là các đại-biểu của các Tỉnh và Thủ-đô, các đại-biểu các ngành, các bộ-môn, các đại-biểu của chính-quyền và những người qu n-tâm tới Văn-hóa. Ban tổ-chức rất tiếc là phòng họp không đủ chỗ để tất cả mọi người muốn dự Đại-hội được dự. Hơn lúc nào hết, cần thấy có một phòng hội-họp, một rạp trình-diễn rộng-rãi và đủ tiện-nghi.

Đại-hội văn-hóa khai-mạc tại Saigon, sau những thành-công của dân-tộc về chính-trị, trong lúc cuộc cách-mạng xã-hội đang tiến-hành, trong bầu không-khí tự-do tư-tưởng, tự-do sáng-tác, giữa niềm tin-tưởng của mọi người về tương-lai huy-hoàng của nền Cộng-hòa, Đại-hội văn-hóa khai-mạc trong hoàn cảnh ấy, đem lại cho mọi người sự hào-hưng, phấn-khởi.

Trong lúc đó ở Bắc-phần, các Văn-nghệ-sĩ bấy lâu bị kìm-hãm, bắt đầu lên tiếng công-kích đường lối lãnh-đạo một chiều của Phòng Chánh-trị đảng Cộng-sản, muốn biến Văn-nghệ-sĩ —

theo một tờ báo xuất-bản tại Hà-nội — thành « những con civu ngoan ngoãn, sợ-sệt chịu đẽ cho bọn chần giắt lừa đi ngả nào, cũng được », — cũng theo tờ báo ấy — thành « những hòn đất thỏ tròn méo mặc dầu tay kẻ nặn ».

Chúng ta mong các Văn-nghệ-sĩ ở Bắc phần sẽ tranh-đấu cho được tự-do tư-tưởng, tự-do sáng-tác theo quan-niệm và cảm-hứng của mình, không phải theo chỉ-thị Văn-hóa của Trung-Ương Đảng-bộ Cộng-Sản.

Chúng ta mong các Văn-nghệ-sĩ ở Bắc-phần khỏi phải bỏ buộc ca-ngợi lòng căm-thù, sự chia rẽ giai-cấp, sự phá-hoại tôn-giáo và gia-đình, mà được đem tài-năng của mình làm sáng tỏ công-lý và tình thương đồng chủng.

Chúng ta mong các Văn-nghệ-sĩ ở Bắc-phần sẽ được tự-do sinh sống bằng các sáng-tác văn-nghệ của mình. Họ phải được quyền xuất-bản, phổ-biến, bán các sáng-tác phẩm, tự-do thành-lập các đoàn ca, nhạc, kịch, tuồng, tự-do tổ-chức các buổi trình-diễn sân-khấu, mà không phải bó buộc biến thành các cán-bộ văn-nghệ ăn lương tháng của chính-quyền hay của « Đảng » — một hình-thức để bóc-lột tài-năng, kiểm-soát và chỉ-huy văn-nghệ-sĩ.

Tin-tưởng ở sự trường-tồn, ở tương-lai rực-rỡ của nền văn-hóa Việt-Nam, tin-tưởng ở sự quyết-tâm bảo-tồn và phát-huy vốn văn-hóa dân-lộc nhưng sẵn sàng tiếp-nhận mọi liên-bộ từ bốn phương; tin tưởng ở tinh-thần bất-khuất của dân-lộc, không chịu nô-lệ tư-tưởng vào một hệ-thống tư-tưởng ngoại-lai trái ngược với tinh-hoa giống nòi, chúng tôi long-trọng tuyên-bố khai-mạc Đại-hội văn-hóa toàn quốc.

CẢM - TƯỜNG CỦA MỘT ĐẠI - BIỂU

THAM-DỰ ĐẠI-HỘI VĂN-HÓA TOÀN-QUỐC

Kính thưa **TỔNG-THỐNG**,

Kính thưa Quý-vị trong Chánh-phủ, Quốc-hội và Quân-đội Việt-Nam Cộng-hòa,

Thưa quý vị Đại-biểu Dân-Quân-Chánh,

Thưa các bạn Khoa-học, Kỹ-thuật, Xã-hội-học cùng các bạn Văn-nghệ-sĩ.

Đã từ lâu, chúng tôi ước mong buổi họp mặt tung-bùng của toàn thể các bạn chuyên-môn trong các ngành văn-hóa để trao đổi ý-kiến xây-dựng phát-triển nền văn-hóa dân-tộc Việt-Nam.

Điều mong ước đó nay đã được thực-hiện, lòng chúng tôi sung-sướng và đầy tin-tưởng ở kết-quả của Đại-hội.

Vinh-dự lớn cho chúng tôi hôm nay là sự chủ-tọa của **TỔNG-THỐNG** và sự hiện-diện của quý vị trong buổi lễ khai-mạc này. Chúng tôi rất hân-hạnh được lãnh huấn-từ đầy ý-nghĩa của **TỔNG-THỐNG**, và rất tin-tưởng nơi sự lưu-ý giúp đỡ của Chánh-quyền. Chúng tôi tỏ lòng tri-ân **TỔNG-THỐNG** đã tuyên - bố năng-dữ chúng tôi trong công cuộc xây-dựng văn-hóa.

Ngó lại hàng ngũ các nhà văn-hóa, chúng tôi rất vui mừng khi thấy tại Đại-hội có sự họp mặt đông đủ đại-biểu mọi ngành mọi Tỉnh trong toàn quốc.

Điều đó làm chúng tôi không khỏi cảm-động và cũng làm cho chúng tôi thêm nhiều tin-tưởng vào sự thành công của Đại-hội.

Trong công cuộc Cách-mạng Quốc-gia hiện-tại, sự-mệnh của văn-hóa vô cùng quan-trọng, nhất là trong hoàn-cảnh mà đất nước đang bị chia đôi, tại miền Bắc, Việt-Cộng đang đàn-áp văn-nghệ-sĩ, đặt một chế-độ nô-lệ tư-tưởng, trong đó không có những tự-do căn-bản cần-thiết cho sự phát-triển văn-hóa. Nhiệm-vụ của chúng ta, của những-người hoạt-dộng văn-hóa, sung sướng được sống dưới một chế-độ tôn-trọng nhân-vị, tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, tự-do sáng-tác và tự-do diên-tả, chúng ta nguyện sát cánh cùng toàn dân chống lại hiểm-họa nô-lệ Cộng-sản để thống-nhất xứ-sở, xây-dựng cho toàn cõi Việt-Nam một nền văn-hóa dân-tộc và nhân-vị.

Trước khi hết lời, chúng tôi trân-trọng kính gửi nơi đây lời chào « Tích-cực xây-dựng nền văn-hóa ».



B. — HỒI-NHÌ!

SÁNG NGÀY 7-1-57

Sau lễ khai-mạc Đại-hội văn-hóa toàn-quốc, sáng ngày 7-1-57, các vị đại-biểu văn-hóa bắt đầu làm việc ngay tại Rạp Thống-Nhất Saigon.

Hội-ngị đều đồng-thanh bầu Chủ-tịch đoàn và Thư-ký đoàn trong buổi nhóm đầu tiên :

Chủ-tịch đoàn : ô.ô. Đạm-Nguyên (nhà văn)
Phạm-hữu-Vĩnh (kỹ-sư)
Phạm-xuân-Thái (nhà văn)

Thư-ký đoàn : ô.ô. Phan-vĩnh-Căn.

Nguyễn-Thịnh.
Trần-văn-Khanh.
Nguyễn-thanh-Chiếu.
Hà-sĩ-Trung.
Nghiêm-xuân-Trường.
Cô Dương-thị-Tuyết.
Cô Hà-dương-thị-Cần.
Cô Phạm-thị-Bích-Loan.
Cô Trần-thị-Vĩnh-Thịnh.
Cô Trần-kim-Phượng.
Cô Trương-Lê-Xuân-Mỹ.

Ông Đinh-Sinh-Pai được Ban vận - động và tổ - chức ủy-nhiệm trình-bày trước Đại-Hội bản dự-thảo chương-trình hoạt-động kể từ 7-1-57 đến 15-1-57.

Các đại-biểu tham-gia ý-kiến xây-dựng sôi-nổi. Cuối cùng cuộc tranh-luận tự-do đã dẫn tới kết-quả thống-nhất một chương-trình hoạt-động, nội-dung gồm có những điểm chính-yếu như sau :

- Nhận-định tình-hình văn-hóa Việt-Nam.
- Nghiên-cứu các nhu-cầu của các ngành hoạt-động về văn-hóa.
- Xây-dựng đường lối phát-triển nền văn-hóa Việt-Nam.
- Đặt kế-hoạch phát-triển các ngành hoạt-động về văn-hóa và vạch chương-trình phối-hợp công-tác kiến-thiết chung.

CHƯƠNG-TRÌNH NGHỊ-SỰ

(ĐIỂM TẠI RÁP THỐNG-NHẤT - SAIGON)

NGÀY 7-1-1957

Sáng :

- Lễ khai-mạc
- Bầu chủ-tọa đoàn, thư-ký đoàn.
- Trình-bày về tổ-chức Đại-hội và bản dự-thảo chương-trình nghị-sự (ông Đinh-Sinh-Pai, văn-hóa Vụ-trưởng tại Bộ Thông-Tin).

15 giờ đến 17g.30 :

- Báo-cáo tình-hình hiện-tại về văn-hóa Việt-Nam (ông Lê-Khải-Trạch).
- Nói chuyện về « Tự-do tư-tưởng qua hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa » (Ông Nguyễn-Phương-Thiệt, dân-biểu Quốc-Hội)

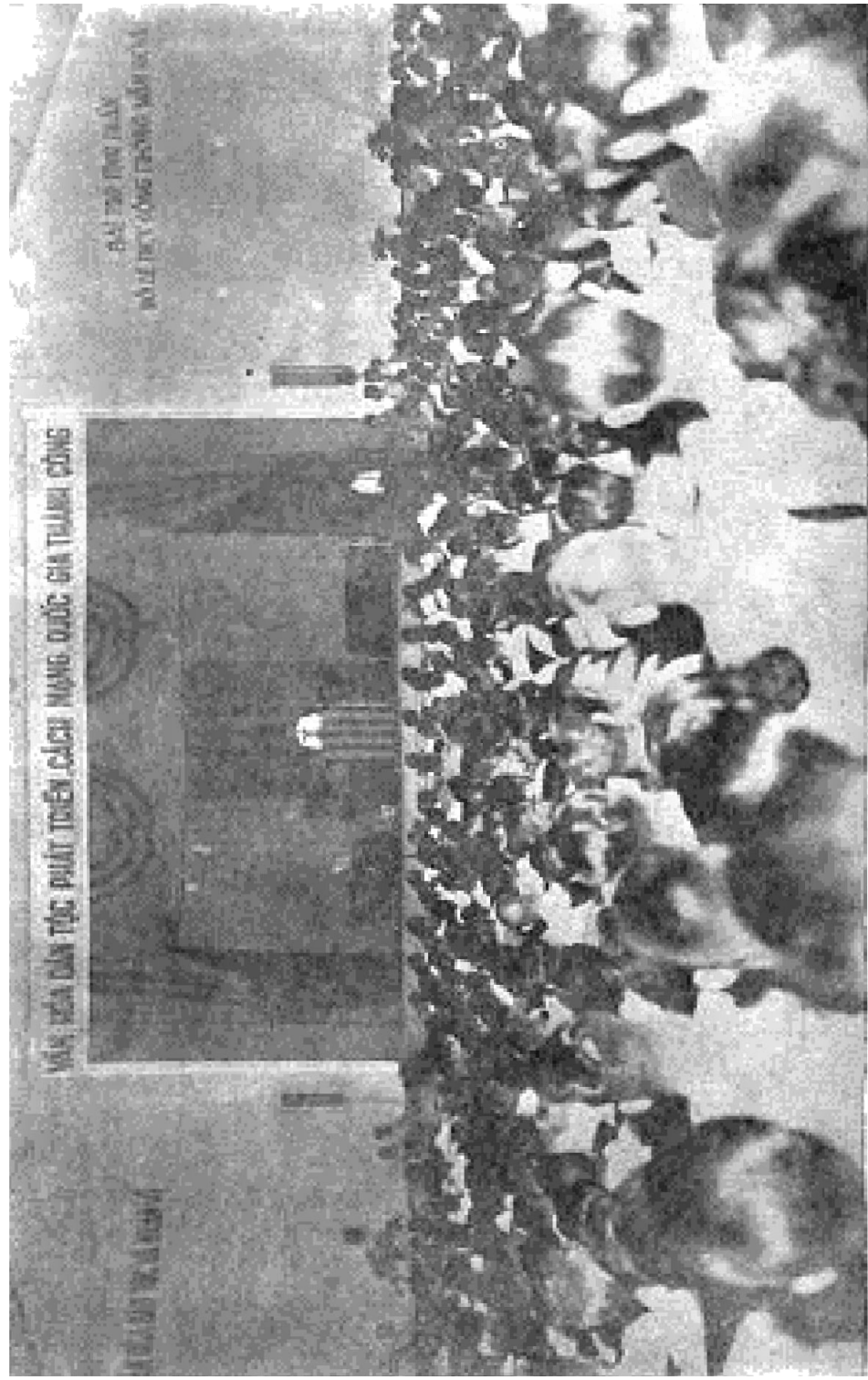
20 giờ đến 23g.30 :

- Trình-diễn Văn-nghệ dân-tộc Trung-Hoa (Hội Việt-Hoa thân-hữu tổ-chức)

NGÀY 8-1-1957

8 giờ đến 11g.30 :

- Lễ Kỷ-niệm Đức Phật-Thích-Ca.
- Trình-bày về « quan-điểm nhân-vị » (do Linh-mục Bửu-Dương, Giáo-sư Đại-Học).



Quang cảnh Đại hội

15 giờ đến 17g.30 :

- Báo-cáo của Đại-biểu Việt-Nam tham-dự Hội-nghị văn-nghệ Á-Châu (Ông Nguyễn-Hữu-Thống đại-diện trình bày).
- « Thử định-nghĩa văn-hóa trên quan-điểm nhân-vị » (giáo-sư Lê-hữu-Mục)

20 giờ đến 23g.30 :

- Trình-diễn văn-nghệ dân-tộc Hoa-Kỳ. (Hội Việt-Mỹ thân-hữu tổ-chức).

NGÀY 9-1-1957

8 giờ đến 11g.30 :

- Bàn-luận về Văn-học Việt-Nam (do nhà văn Lê-văn-Siêu.)

15 giờ đến 17g.30 :

- Khoa-học của con người (do Bác-sĩ Nguyễn-hữu-Phiếm thuyết-trình).

20 giờ đến 23g.30 :

- Thuyết-minh và trình-diễn Tân-nhạc Việt-Nam (do nhạc-sĩ Thẩm-Oánh và nhạc-sĩ Võ-đức-Thu cùng các ban tân-nhạc tại Saigon).

NGÀY 10-1-1957

Sáng :

- Lễ đón di-hài Đức Cường-Đề.

Sáng và Chiều :

- Quan-niệm về báo-chí Việt-Nam (ký-giả Văn-Hoàn).
- Nhận-định tình-hình báo-chí tại vùng Việt-Cộng (ký-giả Tô-Văn).

20 giờ đến 23g.30 :

- *Thuyết-minh và trình-diễn về tuồng chèo và cổ-nhạc V.N (nghệ-sĩ Văn-Thuật và Mai-linh phụ trách).*
- *Thuyết-minh và trình-diễn về tân-kịch V.N (nghệ-sĩ Hoàng-trọng-Miên phụ-trách).*

NGÀY 11 THÁNG 1 NĂM 1957

8 giờ đến 11g.30 :

- *Quan-niệm và Hội-họa (do họa-sĩ Đào-sĩ-Chu thuyết trình).*
- *Nói chuyện về vấn-đề Y-Tế (do Bác-sĩ Phạm-hữu-Chương, Chủ-tịch Nghiệp-đoàn các Bác-sĩ tư).*

15 giờ đến 17g.30 :

- *Một Quan-niệm về văn-hóa (do Ông Cổ-Văn Ngô-đình-Nhu).*

20 giờ đến 23g.30 :

- *Trình-diễn văn-nghệ Pháp (Phái-đoàn văn-hóa Pháp tổ-chức).*

NGÀY 12 THÁNG 1 NĂM 1957

8 giờ đến 11g.30 :

- *Quan-niệm về Nhiếp-ảnh (do Ông Phạm-văn-Mùi thuyết-trình).*
- *Thuyết-trình về Kỹ-thuật Việt-Nam (do Kỹ-sư Phạm-hữu-Vĩnh đại-diện hội các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam).*
- *Trình-bày vấn-đề khoa-học trong Quân-đội (do Trung-tá Nguyễn-đắc-Lộc).*
- *Văn-nghệ trong Quân-đội (do Đại-úy Phạm-văn-Sơn đại-diện các văn-nghệ-sĩ quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa).*

15 giờ đến 17g.30 :

- Quan-niệm về Pháp-lý và nhiệm-vụ của các luật-gia Việt-Nam (do ông Lại-tur, đại-diện bộ-môn Luật-học)

20 giờ đến 23g.30 :

- Thuyết-minh và trình-diễn tuồng cải-lương V.N. (do nghệ-sĩ Duy-Lân thuyết-trình và các bạn trong Hội nghệ-sĩ ái-hữu tổ-chức).
- Trình-diễn các điệu múa của dân-tộc thiểu-số (do đoàn vũ-nữ Thái Lai-Châu di-cư vào Nam, từ Djiring về Thủ-Đô Saigon).
- Trình-bày một vài sáng-tác nhạc-phẩm tự-do (do đoàn ca-nhạc học-sinh của tiếng nói học-sinh trên đài phát-thanh Saigon).

NGÀY 13-1-57 CHỦ-NHẬT

Sáng chiều 17g.30 :

- Nghỉ.

Các đại-biểu văn-hóa dự tiệc trà thân-mật tại dinh Tổng-Thống do Ban tổ-chức Đại-hội văn-hóa đảm-nhiệm tổ-chức. (Tổng-Thống và các tân-khách tới dự).

20 giờ đến 23g.30 :

- Thuyết-minh và trình-diễn về điện-ảnh Việt-Nam (ông Nguyễn-văn-Hảo phụ-trách).

NGÀY 14 THÁNG I NĂM 1957

8 giờ đến 11g.30 :

- Quan-niệm về Giáo-dục (ông Nguyễn-Thiệu, dân-biểu Quốc-hội trình-bày).
- Thể-dục và Thể-thao (ông Nguyễn-văn-Đoan trình-bày).
- Luân-lý xã-hội.
(do Lm. Hoàng-Yến, đại diện Hội bảo-vệ luân-lý V.N).

15 giờ đến 17g.30 :

- Thảo - luận về việc thành - lập Tổng - hội văn - hóa Việt - Nam.

20g.30 đến 23g.30 :

- Trình-diễn văn-nghệ Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa (Ban văn-nghệ quân-đội V.N.C.H. tổ-chức).

NGÀY 15-1-57

Sáng :

- Lập quyết-nghị của Đại-Hội.
- Tổng-Kết Đại-Hội.

Chiều :

- Lễ truy-điệu các nhà văn-hóa đã bỏ mình vì nước và bỏ mình bởi tay Cộng-Sản.
- Bể mạc Đại-Hội.

Tối :

- Cuộc vui bể-mạc.
- Trình diễn văn-nghệ quân-đội V.N.C.H

TÓM TẮT BẢN

**NHẬN - ĐỊNH TÌNH - HÌNH
VĂN - HÓA VIỆT - NAM HIỆN - TẠI**

Chiều 7-1-57 :

ĐỀ MỤC :

BÁO-CÁO TÌNH-HÌNH VĂN-HÓA V.N HIỆN-TẠI

Thuyết-trình viên: ông Lê-khai-Trạch (Đồng Lý Văn Phòng
Bộ Thông-Tin và Thanh-niên)

Chủ-tọa đoàn : Nguyên thành phần cũ.

Thư-ký đoàn : — nt —

Bản báo-cáo gồm có ba phần :

- 1) Nhận-định tình-hình tại vùng Việt-Cộng
- 2) Nhận-định tình-hình tại vùng Tự-do
- 3) Những thành-tích xây-dựng phát-triển văn-hóa dưới chính thể Cộng-Hòa V.N. hiện-tại.

★

★★

Đề-cập tới tình-hình vùng Việt-Cộng, thuyết-trình viên đưa ra những dẫn-chứng rồi kết-luận :

« Văn-hóa miền Cộng-Sản, thần-hạ của chính-trị, đem cái vỹnh « cứu của đạo-lý và nhân-bản, lệ-thuộc những mưu mẹo nhất thời về « 'chính-trị, trong một sự đảo-lộn trật-tự các giá-trị tinh-thần để cuối « cùng, văn-hóa khoác tính-chất phi văn-hóa.

« Dưới cái vui giả dối ở hình-thức bề ngoài, con người văn- « hóa xa gốc tổ, sống khắc-khoải và thắc-mắc trong tình trạng khủng « khoảng về tinh-thần mà cuộc đại khủng-khoảng chính-trị của tổ « chức Cộng-sản quốc-tế đệ-tam đã dồn tới.

— « Cả đến sinh-mạng những người mà ngày hôm trước
« được Đảng cho là có công, cũng chưa biết sẽ ra sao ngày hôm sau.

« Trong tình-trạng ấy của một tổ-hợp những kẻ sống không
« tình nghi, văn-hóa đã chết và người văn-hóa cũng đã chết ở cõi
« lòng của họ. »

★
★★

Bàn về văn-hóa trong vùng Tự-do, thuyết-trình viên nói :

« Quay về nền văn-hóa trong vùng tự-do của chúng ta, dưới
« sắc-thái của muôn nghìn màu sắc và thanh-âm, con người văn-hóa
« tha hồ vẫy-vùng để tự thể-hiện mình và vươn lên cao-cả.

« Sự cố-gắng tự thể-hiện ấy của mỗi người, chung đúc lại đã
« khiến nền văn-hóa của chúng ta bắt đầu tự thể-hiện được trong
« điệu hòa-ca của sự trao-đổi quốc-tế về văn-hóa.

« Văn-hóa Việt-Nam đã sẵn lối đi từ gốc để khởi nguồn sống
« tinh-thần cho dân-tộc và để thích-ứng với hoàn-cảnh quốc-tế mới.

« Nhân-vị và Dân-tộc là hai đầu mối của sự nhất-trí tinh-thần
« của toàn dân, không phân biệt tôn-giáo, giai-cấp, không phân
« biệt địa-phương Nam, Trung, Bắc.

« Trên nền tảng văn-hóa vững chắc ấy, đã mở ra trong lòng
« mỗi người dân Việt-Nam, một tin chắc ở tương-lai sáng lạng của
xứ sở.



TỰ-DO TƯ-TƯỞNG QUA HIẾN-PHÁP VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Chiều 7-1-57

ĐỀ - MỤC :

NÓI CHUYỆN VỀ TỰ-DO TƯ-TƯỞNG QUA HIẾN-PHÁP VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Thuyết-trình-viên : Ông Nguyễn-phương-Thiệp (đán-biêu Quốc-Hội).

Chủ tọa đoàn : Nguyễn thành-phần cũ

Thư - ký đoàn : — nt —

NỘI-DUNG.— (trích trong giấy thu-thanh của máy ghi âm tại Đại-Hội).

a.— MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Thưa quý Vị,

Khi lựa chọn đề-tài này, chúng tôi không có ý-định đề-cập tới một vấn-đề triết-lý là vấn-đề tự-do tư-tưởng nói chung. nghĩa là tìm xem tư-tưởng con người có tự-do hay không, trong phạm vi nào tư-tưởng con người là tự-do và trong phạm-vi nào tư-tưởng đã bị thực-tại chi-phối. Khi lựa chọn đề-tài tự-do tư-tưởng qua Hiến-Pháp Việt-Nam, chúng tôi có ý-định trình-bày quyền tự-do tư-tưởng là một quyền đã được Hiến-pháp công-nhận cũng như các quyền tự-do dân-chủ khác. Như quý Vị đã biết, tại nhiều nước, quyền tự-do dân-chủ được ghi

trong đoạn mở đầu của Hiến-Pháp làm cho các luật-gia phải tốn nhiều giấy mực để bàn cãi về giá-trị của đoạn mở đầu Hiến-Pháp.

Có phái luật-gia thì chủ-trương rằng đoạn mở đầu Hiến-Pháp cũng bó buộc nhà lập-pháp như là các điều khoản trong Hiến-Pháp. Có phái luật-gia khác lại chủ-trương rằng đoạn mở đầu Hiến-pháp không có giá-trị như một điều-khoản trong Hiến-pháp, nghĩa là nếu một đạo-luật đi ngược lại đoạn mở đầu của Hiến-pháp đạo-luật đó không phải là một đạo-luật bất-hợp-hiến. Các nhà lập-hiến Việt-Nam đã giải-quyết vấn-đề bằng một phương-pháp giản-dị nhất. Phương-pháp giản-dị đó là các quyền tự-do dân-chủ được ghi thành điều khoản trong bản văn của Hiến-pháp. Như vậy thì vấn-đề pháp-lý mà chúng tôi vừa trình-bày sẽ không còn phải đặt ra cho chúng ta nữa.

Nhà lập-hiến đã dành riêng một thiên thứ hai để nói về quyền-lợi và nhiệm-vụ của người dân. Thiên này gồm 21 điều khoản, trong đó đã dành 19 điều-khoản nói về các quyền tự-do của người dân. Và trong điều khoản đó, điều 15 nói về quyền tự-do tư-tưởng. Các Luật-gia thường chia các quyền của người dân làm 3 loại : Loại thứ nhất gọi là các quyền tự-do căn-bản, loại thứ nhì là các quyền về mặt chính-trị, loại thứ ba : các quyền về mặt xã-hội. Theo các quyền đó, các luật-gia cho quyền tự-do tư-tưởng thuộc về loại quyền tự-do căn-bản

Quyền bầu-cử, ứng-cử chẳng hạn là một quyền về chính-trị và quyền được cứu-trợ khi già yếu là một quyền về xã-hội. Nhà lập-hiến Việt-Nam trong 19 điều khoản thuộc thiên thứ II của Hiến-pháp đã công nhận cả 3 loại quyền đó. Thực vậy, những quyền mà Hiến-pháp thừa nhận cho người dân không bị thâu hẹp trong phạm-vi các quyền tự-do căn-bản và các quyền chính-trị. Nhà lập-hiến Việt-Nam đã ý-thức rằng chế-độ « dân-chủ chính-trị » là một chế độ đã quá thời. Trong các cuộc thảo-luận của quốc-hội lập-hiến danh-từ « dân-chủ toàn-diện » đã nhiều lần được nêu lên và đề-cao. Trong đoạn mở đầu Hiến-pháp, nhà lập-hiến định-nghĩa nền dân-chủ toàn-diện là một nền dân-chủ xây-dựng cho toàn dân và bao gồm các địa-hạt chính-trị, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa. Do quan-niệm đó 19 điều trong thiên thứ II của Hiến-Pháp thừa-nhận không những các quyền tự-do căn-bản và các quyền ứng-cử mà cả các quyền kinh-tế và xã-hội

nữa, quyền của người dân được cứu-trợ khi già yếu bệnh tật, quyền được tán-trợ trong việc phụ-cấp nhà cửa, ruộng cày, quyền đình-công được thừa-nhận và được xếp ngang hàng với quyền bầu-cử, ứng-cử, quyền tự-do đi lại, quyền tự-do tư-tưởng. Theo các nhà lập-hiến Việt-Nam thì tất cả các quyền tự-do dân-chủ mà các luật-gia thường phân làm 3 loại như chúng tôi vừa trình bày đều có chung 1 căn-bản.

b) PHẦN BÌNH-LUẬN THỨ NHẤT

Thiên thứ nhất của Hiến-pháp đã xác-định căn-bản chung cho tất cả các quyền tự-do dân-chủ mà Hiến-pháp thừa-nhận. Thiên thứ nhất nói về điều khoản căn-bản, trong thiên đó nhà lập-hiến đã dành 1 điều nói về căn-bản, các quyền tự-do dân-chủ. Bởi vậy để có thể nghiên-cứu các đặc-điểm của quyền tự-do tư-tưởng qua Hiến-pháp Việt-Nam tôi thiết tưởng chúng ta cần tìm hiểu quan-niệm của nhà lập-hiến về các quyền tự-do dân-chủ nói chung. Cho nên trong phần thứ nhất của buổi nói chuyện này, chúng ta sẽ tìm xem nhà lập-hiến Việt-Nam trả lời như thế nào câu hỏi « Do đâu mà người dân có quyền tự-do dân-chủ ? » Cái gì là căn-bản của quyền tự-do tư-tưởng, tự-do đi lại, quyền bầu-cử, ứng-cử, quyền được cứu-trợ ? Phải chăng quốc-gia đã ban cho người dân các quyền đó ? Phải chăng dân số dĩ có các quyền tự-do dân-chủ là do đặc-ân của quốc-gia ? Chúng ta cần tìm hiểu quan-niệm của nhà lập-hiến Việt-Nam về vấn-đề then chốt này.

Nếu ta cho rằng quốc-gia là nguồn gốc các quyền của người dân thì ta phải công-nhận quốc-gia có quyền hoặc cho người dân quyền tự-do hoặc không cho người dân có quyền đó. Quốc-gia có quyền thu-hồi nghĩa là xóa bỏ các nhân-quyền và công-quyền. Một trong các nguyên-tắc của dân-chủ là nguyên-tắc thiểu-số phục-tùng đa-số. Nếu ta quan-niệm rằng quyền của người dân là do đặc-ân của quốc-gia thì ta phải công-nhận rằng trong thực-tế đa số ở chính-quyền có thể thu-hồi các quyền tự-do dân-chủ bất cứ lúc nào và quyền đó là một quyền vô hạn-định. Nhà lập-hiến Việt-Nam đã ý-thức sự quan-trọng của vấn-đề này đối với tương-lai của đất nước và khi giải-quyết vấn-đề đó đã có một lập-trường rõ rệt. Lập-trường của nhà lập-hiến Việt-Nam được tỏ bày trong toàn-bộ bản Hiến-pháp cũng như trong hai bức thông điệp của Tổng-Thống gửi Quốc-hội, hơn

nữa lập-trường đó được ghi hẳn vào một điều-khoản của Hiến-pháp. Đó là điều 5 trong thiên thứ nhất nói về điều-khoản căn-bản :

« Quốc-gia công-nhận và bảo-đảm những quyền căn - bản của con người trong cương-vị cá-nhân hay trong cương-vị tập-thể » theo điều này quyền của người dân không căn-nguyên ở quốc-gia, người dân có quyền không phải là do một đặc-án của quốc-gia. Trái lại quyền của người dân, dầu những quyền đó là cương-vị cá-nhân (thí dụ : quyền sinh-sống tự-do và an-toàn) cũng như những quyền trong cương-vị tập-thể (thí dụ : quyền được hưởng cứu-trợ khi gặp thiên-tai) tất cả các quyền đó, tất cả các nhân-quyền và công quyền đều xuất từ một căn-nguyên, căn nguyên đó là quyền của con người phải được tự-do dân-chủ nghĩa là quyền tự-do căn-bản của con người. Trong khi thuyết-trình điều 5 của dự-án Hiến-pháp trước Quốc-hội trong phiên-nhóm họp thứ 17 ngày 28-4-56, Ủy-ban xây-dựng Hiến-pháp xác-định rằng tất cả các quyền tự-do dân-chủ mà người dân có đều không phân-biệt trong cương-vị cá-nhân hay trong cương-vị tập-thể, vì đều phát-xuất ở một căn-nguyên, căn-nguyên đó là tư-cách làm người. Các quyền tự-do dân-chủ đều phát-xuất ở tư-cách làm người mà ra. Trong bức thông-diệp thứ nhất của Tổng-Thống gửi Quốc-Hội lập-hiến có câu sau đây : « Chúng ta xác-nhận lòng tin-tưởng vào giá-trị tuyệt-đối của con người vẫn là thiên-mạng bất-diệt và sẵn có phẩm-giá từ trước khi xã-hội được tạo-thành ». Con người có trước xã-hội, có trước Quốc-gia. Quyền của con người không thể là do xã-hội hay quốc-gia ban cho, trái lại người dân sở-dĩ có quyền là do tư-cách làm người của mình. Các quyền tự-do dân-chủ phát-xuất ở con người mà nhà lập-hiến quan-niệm là có giá-trị tuyệt-đối trong siêu-việt và tự bản-thể có phẩm-giá và có thiên-mạng bất-diệt và do ở bản-thể đó mà người dân có quyền tự-do dân-chủ. Người dân không chịu một đặc-án nào của quốc-gia khi hưởng các quyền tự-do dân-chủ. Quốc gia không ban cho người dân quyền đó, không có quyền thu-hồi hay xóa bỏ các quyền-đó. Một vấn-đề đặt ra ngay là quốc-gia có bổn-phận phải bảo-vệ các quyền tự-do dân-chủ của người dân. Đành rằng các quyền của người dân phát-xuất ở bản-thể con người mà ra, Quốc-gia bắt buộc phải thừa-nhận các quyền đó như một sự-kiện khách-quan đối với quốc-gia. Nói một cách khác, người dân có quyền

đòi hỏi ở Quốc-gia bảo-đảm cho mình những điều-kiện cần-thiết để mình có thể thụ-hưởng các quyền tự-do đã được công-nhận trong hiến-pháp. Như vậy ta đứng trước một vấn-đề không kém trọng-đại, vấn đề đó thường được mệnh-danh là vấn-đề cứu-cánh của quốc-gia. Chúng ta thử tìm xem nhà lập-hiến Việt-Nam đã quan niệm và giải-quyết vấn-đề đó như thế nào.

Bàn và vấn-đề này, trước hết kiểm-điểm lại các quan-niệm, ta thấy rằng theo quan-niệm dân-chủ cổ-diễn thì quốc-gia không có quyền can-thiệp vào đời sống cá-nhân, quốc gia chỉ là khách bàng-quan đứng xem các cá-nhân xử-sự trong tự-do, hay cùng lắm, nếu có sự xô-sát mâu-thuẫn giữa các cá-nhân, quốc-gia sẽ đóng vai trọng-tài hòa-giải. Quốc-gia theo quan-niệm đó, được xem như là 1 sự cần-thiết bất-đắc-dĩ. Quốc-gia không có quyền can-thiệp vào đời sống cá-nhân và ngược lại cá-nhân không có quyền đòi hỏi quốc-gia can-thiệp. Hiến-pháp đã tìm đủ cách ngăn-cản sự can-thiệp giữa quốc gia vào đời sống cá-nhân. Và như vậy, Hiến-pháp không thể bó buộc quốc gia phải bảo-đảm cho người dân các điều-kiện để xử-dụng các quyền tự-do dân-chủ, vì nếu Hiến-pháp bó buộc quốc-gia phải bảo-đảm các điều-kiện đó tất-nhiên Hiến-pháp sẽ phải cho phép quốc-gia can-thiệp vào đời sống cá-nhân, đó là 1 điều tối-ky đối với quan-niệm dân-chủ cổ-diễn. Cá-nhân được đề-cao như là một thực-thể riêng-biệt, một thực-thể độc-tòn, cá-nhân độc-tòn là đầu mối, là cứu cánh của mọi sự, mọi vật, mọi hoạt-động. Trước cá-nhân độc-tòn đó, quốc-gia phải quý-gối quy-hàng. Lịch-sử đã chứng-minh rằng nêndân-chủ đặt căn-bản trên cá-nhân chủ-nghĩa tuyệt-đối, đã đưa tới những cảnh bất-công xã-hội trầm-trọng và trước những cảnh bất-công xã-hội ngày càng chồng-chất, Quốc-gia phải bó tay ngồi nhìn một cách bàng-quan. Quốc-gia không có phương-tiện để làm nhiệm-vụ đó một cách có hiệu - quả trước những cảnh hỗn-độn do quan-niệm dân-chủ cổ-diễn khi lấy căn-bản là cá-nhân chủ-nghĩa tuyệt-đối.

Rồi đến những lý-thuyết độc-tài đã được nêu lên và được coi như con đường độc-nhất để giải-phóng nhân-loại, do đó có phát-xít chủ-nghĩa, và có cộng-sản chủ-nghĩa. nhược-điểm chung của tất-cả các chế-độ độc-tài đều là độc-tài cá-nhân (phát xít) hay độc-tài đảng-trị (cộng-sản). là sự chối bỏ thực-thể cá-nhân và sự đề-cao tập-thể coi như là một thực-thể độc-tòn, tập-thể chủ-nghĩa tuyệt-đối đã được đề-cao thay thế cho cá-

nhân chủ-nghĩa tuyệt-đối. Tập-thể là tất-cả, cá-nhân chỉ là một con số hư-danh trong tập-thể, tập-thể có quyền tuyệt-đối, cá-nhân bắt-buộc phải phục-tùng vô điều-kiện, tập-thể có toàn-quyền điều-khiển và chỉ-huy, tập-thể có toàn-quyền chi-phối đời sống cá-nhân trong mọi lĩnh-vực, con người hẳn không có quyền đòi hỏi tập-thể một điều-kiện nào, trái lại người dân bắt buộc phải phục-tùng tập-thể một cách tuyệt-đối. Dưới chế-độ Cộng-sản, như chế-độ Việt-cộng, người dân đi từ làng này đến làng khác cũng phải xin phép Đảng, lấy vợ lấy chồng cũng phải xin phép Đảng, thậm chí ăn một miếng cơm, hút một điếu thuốc cũng là nhờ ơn Bác và Đảng, chính-quyền bị tập-trung trong tay đảng và quyền-hành đó là một quyền-hành vô-hạn-định, quyền này cho phép Đảng chỉ-huy mọi người dân ngay cả trong lãnh-vực sáu-xa thăm-kin nhất là đời sống tu-tướng và đời sống tình-cảm.

Tóm lại, tập-thể nghĩa là Đảng (Cộng-Sản) là một tập-thể độc-tôn, là đầu mối và cứu-cánh của mọi sự-vật. Con người chỉ là một con số hư-danh, con người chỉ ở dưới góc cạnh như một phần của tập-thể. Cộng-sản không những thủ-tiêu các quyền tự-do, Cộng-sản phủ-nhận ngay cả sự hiện-hữu của các quyền đó. Các nhà lập-hiến Việt-Nam đã phế-truất cả hai quan-niệm cá-nhân chủ-nghĩa và tập-thể chủ-nghĩa tuyệt-đối. Con người, theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam không phải là cá-nhân riêng-biệt và độc-tôn. Con người, theo quan-niệm nhà Lập-hiến Việt-Nam cũng không phải là một số vô-danh. Theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam, con người phải là con người toàn-diện. Danh-từ này được ghi rõ trong đoạn mở đầu của Hiến-pháp. Con người toàn - diện bao gồm thực-thể cá-nhân có đời sống nội-tại riêng biệt. Con người toàn-diện không phải là cá-nhân riêng - biệt mà là cá-nhân sống trong tập-thể, hỗ-tương mật-thiết với tập-thể. Trong đoạn mở đầu của Hiến-pháp cũng như trong điều 5 của chương I nói về điều khoản căn - bản, các nhà lập - hiến Việt - Nam đã thận-trọng xác-định quan-niệm của mình về con người toàn-diện, sự phát-triển tự-do điều-hòa và đầy-đủ trong cương-vị cá-nhân cũng như trong đời sống tập-thể phải là mục-dịch của mọi hoạt-dộng. Điều 5 của Hiến-pháp có câu : « Quốc-gia công-nhận và bảo-đảm những quyền căn-bản của con người trong cương-vị cá-nhân hay trong cương-vị tập-

thể ». Chúng ta nhận-thấy rằng các nhà lập-hiến đã cố-linh nhấn mạnh về hai khía cạnh của người toàn-diện, khía-cạnh cá-nhân nội-tại và khía-cạnh tập-thể cộng-đồng. Quan-niệm đó về con người đã được ghi rõ trong câu kết-luận bài diễn-văn của Tổng-thống nhân-dịp khai-mạc quốc-hội lập-hiến :

« Tôi kỳ-vọng cùng quý Vị đề lập một chế-độ mở đường cho con người được nầy nở toàn-diện, đồng-thời không đi trái với trào-lưu tiến-hóa đang đưa nhân-loại đến những hình-thái sinh-hoạt cộng-đồng và tập-thể ». Ta thấy rõ qua các văn-kiện đó và theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam thì cá-nhân và tập-thể không phải là hai đối - tượng tách rời nhau và đối chọi nhau. Trái lại đời sống cá-nhân nội-tại và đời sống tập-thể cộng-đồng chỉ là hai cương-vị sinh-hoạt của con người toàn-diện. Quan niệm như vậy, các nhà lập-hiến đã đi tới kết-luận : « Nếu con người tự bản-thể đã có các quyền tự-do dân-chủ thì cũng tự bản-thể đó mà con người có những nhiệm-vụ đối với quốc-gia xã-hội, nghĩa là trong khuôn-khổ mà con người có thể sinh-hoạt và phát-triển ». Điều 6 của Hiến-pháp ghi rõ mục-đích, nhiệm-vụ của người dân có nhiệm-vụ tôn-trọng và bảo-vệ Hiến-pháp luật-pháp, bảo-vệ tổ-quốc, bảo-vệ chính-thể Cộng-hòa và nền tự-do dân-chủ. Người dân phải làm nhiệm-vụ quân-dịch, người dân có nhiệm-vụ góp phần vào sự chi-tiêu công-cộng. Theo điều 28 của Hiến-pháp, người dân không được lạm-dụng các quyền được công-nhận trong Hiến-pháp để phá-hoại chính-thể cộng-hòa, chế-độ dân-chủ tự-do và nền độc-lập thống-nhất quốc-gia như đã nói ở trên. Con người chỉ có thể sinh-hoạt và phát-triển trong khuôn - khổ tập-thể, thì nhiệm-vụ của mọi người là phải tôn-trọng khuôn khổ đó. Các nhà lập-hiến đã đặc-biệt chú-trọng tới điểm này, khi xây-dựng điều 20 của Hiến-pháp nói về quyền tư-hữu. Điều 20 công-nhận và bảo-dảm quyền tư-hữu nhưng lại qui-định rằng thể-lức hưởng-thụ quyền tư-hữu phải thỏa-mãn nhu-cầu xây-dựng nền thịnh-vượng xã-hội nói chung. Trong tất cả thiên-thứ 2 của hiến-pháp ta nhận thấy nhà lập-hiến Việt-Nam khi qui-định các quyền tư-hữu phải thỏa-mãn nhu-cầu xây-dựng nền thịnh-vượng xã-hội nói chung. Trong tất cả thiên-thứ 2 của Hiến-pháp, ta nhận thấy nhà lập-hiến Việt-Nam khi qui-định các quyền-lợi và nhiệm-vụ người dân, đã cố-gắng dung-hòa tự-do cá-nhân và nhu-cầu tập-thể.

Các quyền của người dân là những quyền căn-bản, nhưng sự xủ-dụng các quyền đó không thể ngược lại của tập-thể. Người dân có quyền tự-do nhưng không thể xủ-dụng quyền đó để tiêu-diệt tự-do. Theo quan-niệm đó nhà lập-hiến đã đặt cộng-sản ra ngoài vòng pháp-luật. Điều 7 trong chương thứ nhất của Hiến-pháp nói về các điều-khoản căn-bản như sau : « Những hành-vi có mục-dịch phổ-biến hoặc thực-hiện một cách trực-tiếp hay gián-tiếp chủ-nghĩa Cộng-sản dưới mọi hình-thức đều trái với nguyên-tác ghi trong Hiến-pháp ». Cộng-sản chủ-nghĩa phủ-nhận giá-trị nội-tại của con người. Chế-độ Cộng-sản tiêu-tiệt tự-do và mọi phương-diện của nhân-tính, hỏi vậy người dân có quyền tự-do nhưng không thể có tự-do tiêu-diệt tự-do. Khi xây-dựng điều 7 của Hiến-pháp, các nhà lập-hiến Việt-Nam đã xác-định quan-niệm của mình về con người : Người dân có nhiệm-vụ đối với quốc-gia. Ngược lại quốc-gia chẳng những thừa - nhận mà phải bảo-dảm những quyền căn-bản của người dân, nghĩa là phải cố-gắng tạo cho người dân những điều-kiện để người dân có thể xủ-dụng và hưởng theo quyền tự-do dân-chủ mà Hiến-pháp ban bố. Theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam, việc tạo các điều - kiện thuận-liện cho người dân hưởng-thụ các quyền tự-do dân-chủ chẳng những chỉ là một nhiệm-vụ của quốc-gia như đã ghi ở điều 5 của Hiến-pháp mà công việc đó chính là mục-dịch của mọi hoạt-động Quốc-gia. Đoạn mở đầu của Hiến-pháp có câu :

« Tin - tưởng ở giá-trị siêu-việt của con người mà sự phát-triển tự-do điều-hòa và đầy-đủ trong cương-vị cá-nhân cũng như trong đời sống tập-thể phải là mục-dịch của mọi hoạt-động quốc-gia ». Trong câu đó các nhà lập-hiến đã xác-định cứu-cánh của quốc-gia. Quốc-gia không phải là một thực-thể tự-túc tự-mãn, quốc-gia không phải là cứu-cánh của mọi đời sống tập-thể, trái lại theo quan-niệm đúng về con người, các nhà lập-hiến đã xác-định một cách minh-bạch rằng cứu-cánh của quốc-gia chính là sự phát-triển con người. Căn-bản quyền hành quốc-gia đối với người dân là sự phát-triển tự - do điều-hòa và đầy đủ của người dân trong cương-vị cá-nhân cũng như trong cương-vị tập-thể. Như vậy, sau khi khước-từ quan-niệm cá-nhân chủ-nghĩa tuyệt-đối (cho quốc-gia chỉ là khách bàng-quan, đứng ngoài các hoạt-động của cá-nhân) và sau khi bác bỏ quan-niệm tập-thể chủ-nghĩa tuyệt-đối (cho quốc-gia là cứu

cánh) các nhà lập-hiến Việt-Nam đã xác-định lập-trường của mình, theo đó cứu-cánh của quốc-gia là sự phục-vụ con người.

Tóm lại phần thứ nhất của buổi nói chuyện của chúng tôi ngày hôm nay đưa đến ba nhận xét sau đây :

— Thứ nhất, theo các nhà lập-hiến Việt-Nam, quyền tự-do của người dân không phải do quốc-gia ban cho mà do bản-thể con người mà có.

— Thứ nhì, con người theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam là con người toàn-diện không thể tách-rời tập-thể mà trong đó con người sinh-hoạt và phát-triển. Do đó con người có nhiệm-vụ đối với tập-thể. Theo các nhà lập-hiến, mục-dịch của mọi sinh-hoạt quốc-gia là sự phát-triển tự-do điều-hòa và đầy-dủ của con người toàn-diện, cứu-cánh của quốc-gia là sự phục-vụ con người.

— Thứ ba, nhận xét tổng-quát đó sẽ giúp chúng ta tìm hiểu quyền tự-do tư-tưởng qua các điều khoản ghi trong hiến-pháp mà chúng tôi xin trình-bày trong phần thứ nhì của bản thuyết-trình này.

C.— PHẦN BÌNH-LUẬN THỨ NHÌ.

Theo điều 15 của Hiến-pháp, mọi người đều có quyền tự-do tư-tưởng (như đã nói trong phần thứ nhất bài này) các quyền tự-do của người dân, theo quan-niệm nhà lập-hiến, đều phát xuất từ tư-cách làm người mà ra. Quyền tự-do tư-tưởng cũng như quyền tự-do tín-ngưỡng là những quyền có tính cách nội-tại, vì thuộc lãnh-vực những hoạt-động tinh-thần của con người. Bởi vậy ta dễ có khuynh-hướng xem quyền tự-do tư-tưởng như một quyền tự-do vô điều-kiện. Thực vậy, người dân có quyền suy-nghĩ hay tin-tưởng theo ý thích và suy-luận riêng của mình, không một quyền-hành nào đâu là quyền hành quốc-gia có thể can-thiệp và xâm-phạm vào phạm-vi sinh-hoạt của người dân. trong phạm-vi sinh-hoạt đó con người được hoàn-toàn tự-do. Chúng tôi không đặt ra ở đây, vấn-đề tự-do trên bình-diện triết-lý như chúng tôi đã nói lúc mở đầu buổi nói chuyện này. Để tìm hiểu trong phạm-vi nào, tư-tưởng con người bị thực-tại chi-phối, chúng tôi chỉ đặt vấn-đề đó trong

binh-diện hiến-pháp, nghĩa là tìm xem quốc-gia có quyền chi-phối tâm-tư của người dân hay không. Trên binh-diện đó, ta phải công nhận rằng: người dân đều hoàn-toàn tự-do suy-luận tư-tưởng theo sở-thích riêng của mình. Chỉ có Cộng-Sản với chủ-nghĩa tập-thể tuyệt-đối mới phủ-nhận quyền này của người dân. Dưới chế-độ Cộng-sản chỉ có Đảng mới có quyền suy-nghĩ: chỉ có Đảng mới có quyền đưa ra một lập-trường về mọi vấn-đề. Người dân không có quyền có ý-kiến riêng. Trái lại, phải học-tập lập-trường của Đảng để uốn-nắn tâm-tư của mình theo lập-trường đó. Cộng-Sản phủ-nhận tất cả các quyền tự-do của con người và mất nhiều thì giờ nhất để tiêu-diệt quyền tự-do tư-tưởng. Chúng không từ-khước bất cứ một biện-pháp dã-man nào để tìm cách kiểm-soát tư-tưởng cá-nhân và chỉ-huy tư-tưởng của mỗi người theo đường lối của Đảng. Nhà lập-hiến Việt-Nam đề-cao quyền tự-do tư-tưởng và quyền tự-do tiến-triển phát-huy sáng-kiến và sinh-hoạt tinh-thần đến cực-độ. Như vậy quốc-gia không thể can-thiệp vào đời sống nội-tại của người dân khi tư-tưởng của người dân còn nằm trong phạm-vi nội-tại cá-nhân, người dân được toàn quyền tự-do sinh-hoạt tinh-thần trong sở-thích và suy-luận riêng của mình. Vấn-đề tự-do tư-tưởng còn là vấn-đề tự-do phổ-biến và truyền-bá tư-tưởng. Điều 17 của hiến-pháp công-nhận quyền tự-do truyền-giáo. Quyền tự-do ngôn-luận và báo-chi được thừa nhận trong điều 16. Điều 26 thừa-nhận quyền tự-do mở trường dạy học. Quyền tham-gia hoạt-động văn-hóa và khoa-học được ghi rõ ở trong điều 27. Các nhà lập-hiến Việt-Nam trung-thành với quan-niệm của mình về con người toàn-diện, đã thừa-nhận quyền tự-do phổ-biến và truyền-bá tư-tưởng dưới mọi hình-thái. Nhưng, một vấn-đề đặt ra ngay là quyền tự-do phổ-diễn tư-tưởng và truyền-bá tư-tưởng có phải là 1 quyền tự-do vô điều-kiện hay không? Ta nhận thấy rằng: Sự sử-dụng quyền tự-do phổ-diễn và truyền-bá tư-tưởng tất nhiên có ảnh-hưởng đến tập-thể. *Nhà văn-hóa không thể là một cá-nhân tách-biệt xã-hội để sống cô-đơn trong tháp-ngà học-lực của mình.* Con người có cả phương-diện văn-hóa, theo quan-niệm nhà lập-hiến Việt-Nam, là một con người không thể tách-rời khỏi tập-thể mà trong đó con người sinh-hoạt và phát-triển. Do đó con người có những nhiệm-vụ đối với tập-thể. Bởi vậy, ta có thể kết-luận ngay là quyền tự-do phổ-diễn và quyền tự-do truyền-bá tư-tưởng không thể là một quyền tự-do vô-điều-kiện. Hơn nữa, những người

truyền-bá tư-tưởng là những người có triển-vọng hướng-dẫn dư-luận của các người khác. Ảnh-hưởng của các người đó đối với đời sống tập-thể là một điều chắc-chắn, cho nên nhiệm-vụ của những nhà tư-tưởng đối với tập-thể càng nặng-nề bội-phần. Các nhà lập-hiến Việt-Nam đã ý-thức rõ sự quan-hệ của vấn-đề này và đã quan-niệm sự quan-hệ của vấn-đề không những là một quyền tự-do cá-nhân mà còn là một trách-vụ xã-hội. Bởi vậy Hiến-pháp đã quy-dịnh sự xử-dụng các quyền tự-do phổ-diễn và truyền-bá tư-tưởng. Sự xử-dụng quyền tự-do truyền-giáo không thể trái với luân-lý và thuần-phong mỹ-tục theo điều 17 của Hiến-pháp, quyền tự-do ngôn-luận không được dùng để vu-cáo phỉ-báng xâm-phạm đến nền đạo-lý công-cộng, hò-hào nổi loạn, hoặc lật-đổ chính-thể cộng-hòa. Điều 16 của Hiến-pháp : quyền tự-do mở những trường phái do những điều-kiện nhất-định. Chính-sách, trách-vụ xã-hội của tự-do truyền-bá tư-tưởng được ghi rõ trong điều 16 đoạn 2 của hiến-pháp, nói về quyền tự-do báo-chí. Ta đặt điều đó như sau : Mỗi người dân đều được hưởng quyền tự-do báo-chí để tạo thành một dư-luận xác-thực và xây-dựng mà quốc-gia có nhiệm-vụ bảo-vệ chống lại mọi hành-vi xuyên-tạc sự thực. Như vậy chúng ta thấy rằng một mặt hiến-pháp công-nhận quyền tự-do tư-tưởng cũng như các quyền tự-do dân-chủ khác là quyền căn-bản của con người, căn-nguyên ở tư-cách làm người mà ra. Sự xử-dụng quyền tự-do tư-tưởng hay nói cho đúng hơn quyền tự-do truyền-bá tư-tưởng không có thể có tính-cách vô-điều-kiện vì như đã kết-luận ở phần thứ nhất bài này, theo quan-niệm nhà lập-hiến, không thể tách rời con người nên tất-nhiên con người có nhiệm-vụ đối với tập-thể mà trong đó con người sinh-hoạt phát-triển. Hơn nữa hiến-pháp quy-dịnh một cách đặc-biệt sự xử-dụng quyền tự-do phổ-diễn và truyền-bá tư-tưởng, chính vì quyền tự-do căn-bản này, theo quan-niệm nhà lập-hiến, có tính cách một trách-vụ xã-hội.

Một vấn-đề nữa đặt ra là hiến-pháp đã quan-niệm thế nào về đời sống quốc-gia và đời sống văn-hóa ? Theo quan-niệm dân-chủ cổ-diễn thì đời sống văn-hóa hoàn-toàn trong lãnh-vực cá-nhân. Theo quan-niệm đó, quốc-gia không có quyền chi-phối đời sống cá-nhân trong mọi lãnh-vực. Đặc-biệt trong lãnh-vực văn-hóa, quốc-gia càng không có quyền can-thiệp, mà chỉ có thể là khách bàng-quan trước các hoạt-động văn-hóa của tư-nhân. Ngược lại với quan-niệm đó, nếu

quốc-gia không có quyền can-thiệp vào đời sống văn-hóa thì cá-nhân cũng không có quyền đòi hỏi ở quốc-gia cho mình những điều-kiện để cá-nhân hoạt-động về văn-hóa, nghĩa là quốc-gia không có nhiệm-vụ gì đối với người dân. Người văn-hóa hoàn-toàn tự-do sáng-tác trong công việc và không có quyền đòi hỏi quốc-gia bất cứ một sự tán-trợ nào. Trái ngược với quan-niệm dân-chủ cổ-diễn ấy (dặt căn-bản trên cá-nhân chủ-nghĩa tuyệt-đối) quan-niệm tập-thể, (chủ-nghĩa tuyệt-đối) lại cho rằng hoạt-động văn-hóa cũng như các hoạt-động khác nằm trong khuôn-khò của đời sống tập-thể.

Cộng-sản cho rằng : Đảng chẳng những phải can-thiệp vào đời sống văn-hóa, Đảng còn phải kiểm-soát và chỉ-huy đời sống văn-hóa nữa. Cộng-sản cố-gắng chỉ-huy văn-hóa cũng như chúng đã chỉ-huy kinh-tế và chính-trị. Chúng biến các nhà văn-hóa thành các cán-bộ sản-xuất. Sự bế-tắc đó gây nên do sự mâu-thuẫn giữa sáng-tác văn-hóa và quyền chỉ-huy của Đảng. Cộng-sản phủ-nhận cá-nhân nhưng vai-trò của cá-nhân trong sáng-tác văn-hóa là một sự-kiện hiển-nhiên không thể chối cãi được. Ngay về phương-diện tri-thức thì sự tiếp-nhận thực-tại không phải chỉ là một sự tiếp-nhận thụ-động. Học-sinh học bài như vẹt mà chẳng hiểu bài mình học đã tiếp-nhận kiến-thức một cách hoàn-toàn thụ-động ; học-sinh khác học bài một cách thông-minh và cố-gắng tìm hiểu, đó là một hoạt-động tích-cực của cá-nhân. Những kiến-thức mới thấu-luộm được chỉ có thể được thấu-triệt nếu sự tiếp-nhận các kiến-thức đó ngoài tinh-cách tiếp-nhận thụ-động còn có thêm sự cố-gắng tích-cực của cá-nhân để biến kiến-thức có tinh-cách khách-quan thành một kiến-thức có tinh cách chủ-quan.

Con người không phải là một cái máy để ghi nhận thực-tại như ta thấu-thanh vào đĩa hát. Sự thấu-nhận kiến-thức để biến khách-quan thành chủ-quan đã có tinh-cách là một sáng-tạo đòi hỏi sự tham-gia tích-cực của cá-nhân. Sự tiếp-nhận tri-thức đã vậy, hưởng-hồ lại sáng-tác văn-hóa, tác-giả một sáng-tác phẩm văn-hóa phải vận-dụng tất-cả các năng-khiếu về tri-thức và tinh-cảm. Sự vận-dụng đó có tinh cách hoàn-toàn cá-nhân và liên-quan tới những lãnh-vực thầm-kín nhất của con người. Một sáng-tác văn-hóa nào cũng mang một dấu-tích sâu-xa của bản thân tác-giả. Bởi vậy, sự chỉ-huy văn-hóa không thể đưa tới sự sáng-tác văn-hóa, mà chỉ có thể

tạo nên những sản-phẩm không cá-tính, không màu sắc. Cộng-Sản về phương-diện lý-thuyết đã không giải-quyết được mâu-thuần nội-tại giữa sáng-tác và chỉ-huy, trong thực-tế, chúng ta thấy rằng dưới chế-độ Cộng-sản sự chỉ-huy văn-hóa đã giết chết sáng-tác văn-hóa.

Hiến-pháp Việt-Nam công-nhận con người là cứu-cánh của mọi hoạt-động quốc-gia. Theo tinh-thần bản Hiến-pháp đó, ta không thể chủ-trương sự chỉ-huy văn-hóa được mà phải đặt vấn-đề văn-hóa trong một không-khi tự-do. Nói như vậy không có nghĩa là quốc-gia không có một vai-trò gì trong đời sống văn-hóa, quốc-gia có nhiệm-vụ cho người dân những điều-kiện cần-thiết để phát-triển về phương-diện văn-hóa. Theo điều 26 của Hiến-pháp, người dân có quyền đòi hỏi ở quốc-gia cho mình một nền giáo-dục căn-bản không mất tiền ; người dân có khả-năng mà không có phương-tiện riêng, có quyền đòi hỏi sự nâng đỡ của quốc-gia để theo đuổi học-vấn. Theo điều 27 của Hiến-pháp, người dân có quyền hưởng-thụ nghệ-thuật về phương-diện sáng-tác văn-hóa. Quốc-gia có nhiệm-vụ tạo cho người dân những điều-kiện thuận-tiện để người dân có thể tham-gia mọi hoạt-động văn-hóa. Điều 5 trong thiên thứ nhất, nói về điều khoản căn-bản, quy-định rằng : quốc-gia phải tán-trợ sự phát-huy văn-hóa và điều 27 trong thiên thứ hai của Hiến-pháp ghi rằng mọi người dân đều có quyền tham-gia hoạt-động văn-hóa.

Như vậy, ta nhận thấy rằng các nhà lập-hiến Việt-nam một mặt khước-từ quan-niệm văn-hóa chỉ-huy, một mặt khác chủ-trương rằng quốc-gia có nhiệm-vụ tán-trợ người dân về hai phương-diện : thụ-hưởng văn-hóa và sáng-tác văn-hóa... Quốc-gia sở-dĩ có nhiệm-vụ tán-trợ đó là vì, như chúng ta đã thảo-luận trong phần thứ nhất của buổi nói chuyện này, mục-dịch của mọi hoạt-động quốc-gia là sự phát-triển con người về mọi phương-diện. Văn-hóa chính là hình-thái cao nhất của con người, và sự phục-vụ con người chính là cứu-cánh của quốc-gia.

Tóm lại, phần thứ hai buổi nói chuyện này của chúng tôi dẫn tới 3 nhận xét sau đây :

— Trước hết quyền tự-do tư-tưởng là 1 quyền căn-bản được Hiến-pháp công-nhận.

— Thứ hai, nếu trong phạm-vi nội-tại cá-nhân, quyền tự-do tư-tưởng là một quyền tự-do vô điều-kiện thì khi tư-tưởng được quảng-bá, nhà lập-hiến Việt-nam đặt văn-hóa trước trách-vụ trọng-đại của mình, và chính trách-vụ xã-hội của nhà văn-hóa đã đặt điều-kiện sử-dụng quyền tự-do phổ-diễn và truyền-bá tư-tưởng.

— Thứ ba, là về phương-diện sáng-tác, các nhà lập-hiến phủ-nhận quan-niệm văn-hóa chỉ-huy.

Tuy nhiên, quốc-gia có nhiệm-vụ tán-trợ người dân trong địa-hạt văn-hóa vì cứu-cánh của quốc-gia là sự phục-vụ con người, mà văn-hóa là một hình thái sinh-hoạt của con người.



Mục-đích của Đại-hội văn-hóa toàn-quốc là để các nhà văn-hóa sau khi nghiên-cứu tình-trạng hiện-tại, sau khi kiểm-điểm những thành-tích trong quá-khứ sẽ cùng nhau thảo-luận để tìm một hướng tiến cho nền văn-hóa nước nhà. Theo đúng tinh-thần bản hiến-pháp, quốc-gia có nhiệm-vụ nâng đỡ các nhà văn-hóa trong công-cuộc trọng-đại này và cũng theo tinh-thần bản văn-Hiến-pháp, chính các nhà văn-hóa là những người giữ vai trò chủ-động trong công-cuộc xây-dựng tòa lâu-dài văn-hóa tương-lai của nước nhà. Triền-vọng đó không bị hạn-định trong biên-giới quốc-gia, vì theo các nhà lập-hiến Việt-nam, nước ta ở trên con đường giao-thông quốc-tế, dân-tộc ta sẵn-sàng tiếp-nhận các trào-lưu tư-tưởng tiến-bộ để góp phần xây-dựng một nền văn-minh nhân-bản, bảo-vệ và phát-triển con người toàn-diện. Chính do lòng tin-tưởng mãnh-liệt đó mà ngày hôm nay, chúng tôi hân-hạnh được hầu chuyện quý-vị trong Đại-hội văn-hóa toàn-quốc này.





Giao-an Nhu-Trung thuyet-trich ở « Quan-diem nhân-vi »



*Trang-tá Nguyễn-văn-Lưu thao-phải-trình
ở * Kỹ-thuật trong Quán-dầu **



**Kỹ-sư Nguyễn-Hữu-Vinh thuyết-trình
về * Kỹ-thuật tại Việt-Nam**



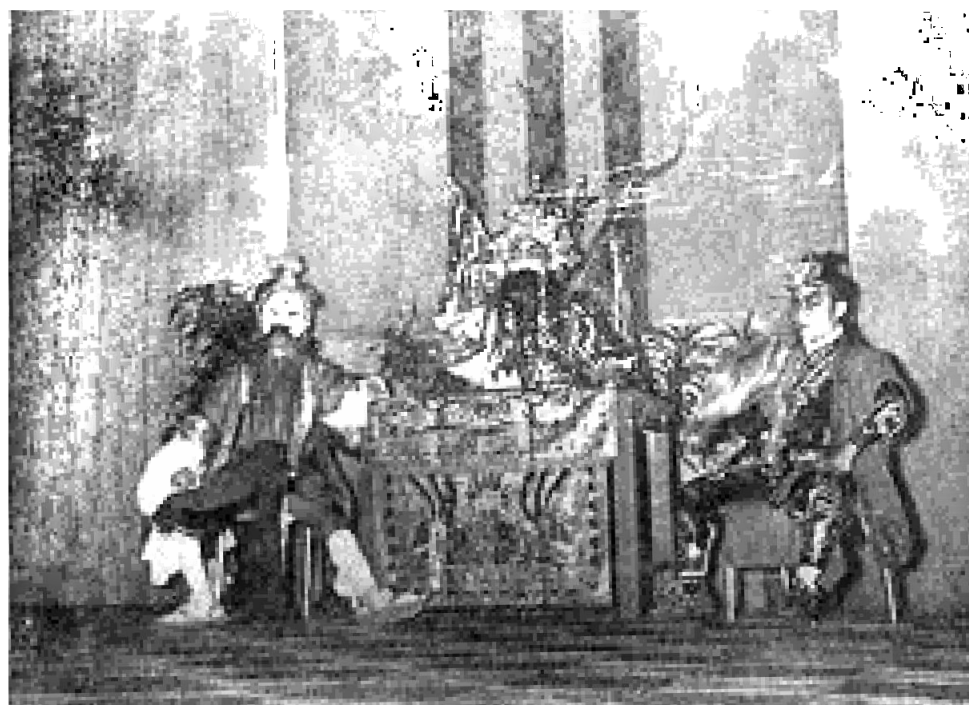
*Đạt-ủy Phạm-sơn-Sơn, Đại-diện văn-nghe-sĩ
Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hoa Đứng-trình bệ
« Văn-nghe Quân-đội xưa và nay »*



Đại-học-xường do Thanh-niên Trung-liên trình diễn



*Một vũ-diệu miên xuân-cửu của Trung-Hoa
do Học-sinh Hoa-khẩu trường Tân-Thành trình diễn*



Nhân tướng cô Trưng-Hoa do Ban hát Triều-Châu trình diễn

1914. 1914. 1914. 1914. 1914. 1914. 1914. 1914. 1914. 1914.





Một mầu Chèo cũ Việt-Nam



Nghệ-sĩ Văn-thuyết và Mai-Linh thuyết-minh về Chèo cũ Việt-Nam



Một nhà dân tộc
Việt-Nam
(Thôn - Biện)



Một nhà dân tộc
Việt-Nam
(Làng Thủ Đức xưa)



*Das Bild für Philip Donatella Jansenpost mit J. P. wird
trink-dieße muß sein sich eine Mutter*



Một em bé trình bày
một vũ-điệu vũ-điễn Pháp



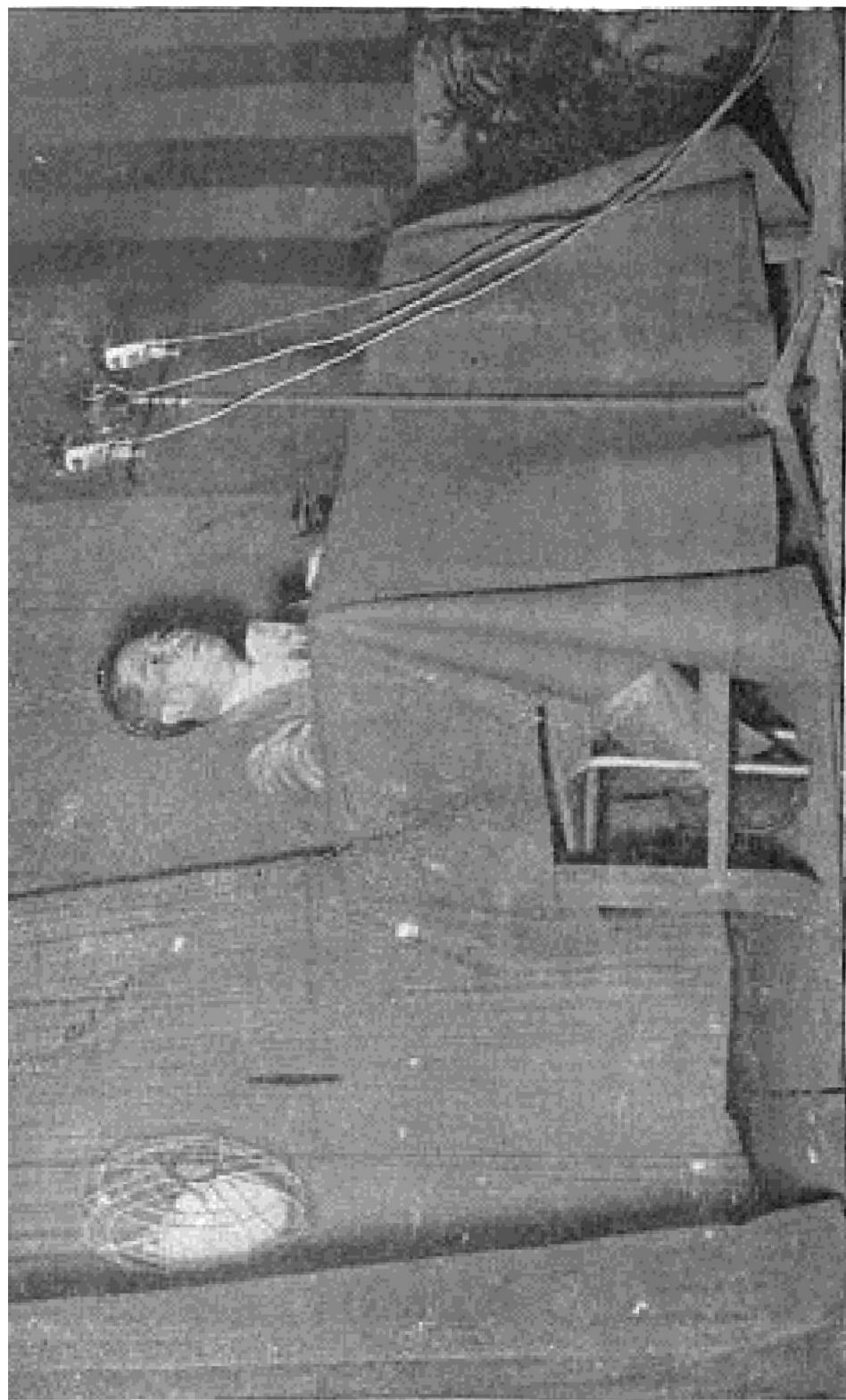
Một nữ-học-sinh Pháp trình bày
một bài thơ Pháp cũn kìm



*Đàn Quân-Kịch Tổng-Thống-Phủ
kể-lưu những bản nhạc CQ-ĐQ*



Khúc ca Văn-Hiến do Ban Hợp ca Quân-Đội V.N.C.D. trình bày



Das Bild zeigt die Frau, die in der ersten Szene des Films zu sehen ist.

QUAN-ĐIỂM NHÂN-VỊ

Sáng 8-1-57 :

ĐỀ-MỤC :

TRÌNH-BÀY VỀ QUAN-ĐIỂM NHÂN-VỊ

Thuyết-trình-viên : Giáo sư Bửu-Dương.

Chủ-tọa đoàn : Ông Phạm-xuân-Thái (nhà văn)

Ông Vũ - văn - Tĩnh (Giám-độc Thông-Tin. C. N. T. P)

Bà Lê-xuân-Phương (giáo-sư)

Thư-ký đoàn : nhu cũ.

I. SƯỜN BÀI :

ĐỊNH-NGHĨA

Theo nghĩa từng chữ, **Nhân** : Người

Vị : ngôi thứ, thứ bậc.

Đã bảo là **Người**, tất phải đủ những điều-kiện, tính-cách cho thành **Con Người**, phải có thân-thể, cả linh-hồn, cả phần vật-chất, cả phần linh-tính ; lại mỗi phần cũng hoàn-toàn, đầy đủ những điều-kiện thiết-yếu ; thiếu đi một phần nào, hoặc một điều thiết-yếu, thì không phải là **Con Người**, không có **Nhân-vị**.

Đã là thứ vị, ngôi thứ, thứ bậc, tất là có phần **tương-liên** liên lạc ; tất là nơi con người không phải riêng biệt, mà còn **đối** với người khác, đối với thời-gian, không-gian, trên, dưới, trước sau, quá-khứ, hiện-tại, tương-lai, người này kẻ khác, chung quanh, xa gần ; mà dù có **tương-liên** thế nào, bao giờ chính cũng phải hoàn-toàn đầy đủ con người thì mới có **Nhân-vị**.

Vậy hai chữ **Nhân-vị** có thể chỉ, hoặc :

a) « tính-cách địa-vị của mỗi người theo bản-tính nhân-loại ». Đã làm người thì có Nhân-vị, ai cũng có Nhân-vị. Đó là nghĩa rộng, thuộc về phạm-vi luân-lý lý-thuyết ;

hoặc :

b) « chính mỗi người, tự nơi mình, hay đối với kẻ khác, vẫn hoàn toàn một người, không giảm thiểu, không tổn-hại, không di-thất một phần nào, hay một điều gì trong những điều thiết-yếu cho thành con người ». Đó là nghĩa riêng, nghĩa hẹp thuộc về phạm-vi luân-lý thực-hành.

YẾU-TỐ :

- Thân-thể (vật-chất) }
— Linh-hồn (linh-líh) } hợp lại thành con người.

ĐIỀU-KIỆN

- Phạm-vi tâm-lý : trí-thức, tinh-thần, hoạt-động (ý-tưởng, ý-chí, cảm-xúc, cảm-tình...)
— Phạm-vi luân-lý : lương-tâm, tự-do, trách-nhiệm, bản-phận, quyền-lợi.

TÍNH-CÁCH : (ĐẶC-TÍNH)

- 1) Thống-nhất.
- 2) Độc-lập (tự-chủ).
- 3) Tương-đồng.
- 4) Linh-động — Duy-linh.

PHÂN-BIỆT :

I. — NHÂN-VỊ VÀ BẢN-NGÃ

a) **Giống nhau** : Hai bên đều chỉ về con người, nơi người tôi, gồm cả thân-thể, cả linh-hồn, có khi còn hiểu nghĩa rộng hơn, bao-quát bao nhiêu điều gì thuộc về tôi, lại còn bà con thân-thuộc bằng hữu xa gần, vật dụng của tôi...

b) **Khác nhau** : Tùy hoàn-cảnh trường-hợp, có thể có nhiều bản-ngã khác nhau, như bản-ngã vật-lý (khi tôi chỉ biết đến cái hình-hài thể-chất, khi riêng chứng bệnh... thân-thể...), bản-ngã tâm-lý (nhìn riêng về ý-tưởng, tâm-tính...), bản-ngã luân-lý

(nhìn riêng đến bản-phân, quyền-lợi...) **bản-ngã xã-hội** (đóng vai trong xã-hội). Có nhiều bản-ngã, khác nhau, có thể xung đột mà hại đến nhân-vị. Nhân-vị chỉ có một, nhìn đủ con người, tự nơi mình và đối với kẻ khác, hoàn cảnh, trường-hợp, chứ không vì điều ấy mà tự mình có thể hoàn-toàn thành ra một người khác, như sống một bản-ngã khác.

Bản ngã có thể thu góp những điều phụ-thuộc, mà nhân-vị thì chỉ bao-quát những điều cốt-yếu con người.

2.- NHÂN-VỊ VÀ CÁ-NHÂN :

a) **Giống nhau** : Để chỉ riêng mỗi người, chú-trọng vào mỗi người, từng người.

b) **khác nhau** : Cá-nhân chỉ riêng từng người một, riêng biệt, theo bản-tính nhân-loại, nhưng không chú-trọng đến linh-tính, có thể hệ-trọng đến phần vật-chất, chiếm được chỗ một phần, một đơn-vị trong một nhóm, một khối, riêng biệt với người khác chứ không phân-biệt.

Nhân-vị cũng chỉ riêng từng người, nhưng chú-trọng đến phần linh-tính, lưu-ý đến mối tương-liên, tương-quan, một phần-tử trong một đoàn-thể, nhưng không thể tiêu mất trong đoàn-thể hay vì đoàn-thể, thành-thủ phân-biệt mà không riêng biệt.

Cá-nhân thì có ý khinh, vì không kể đến phần trí-thức, tâm hồn, mà nhân-vị thì phải trọng, vì chú-trọng vào trí-thức tâm-hồn, trọng cái địa-vị của con người.

Cá-nhân, một người riêng, không phải vì người mà vì số, chỉ biết về phương-diện đó là một (chứ không hẳn là Người, một người), một đơn-vị đóng cửa, nghĩa là riêng mình, một mình mình biết, một mình mình hay.

Nhân-vị không phải vì số, nhưng vì người, tuy riêng mình, mà vẫn mở rộng, tương-cảm tương-ứng với các nhân-vị khác.

Cá-nhân chỉ biết hiện-tại, mục-đích của mình là nơi mình, càng chiếm-đoạt của kẻ khác, càng thu vào cho mình, thì càng thêm cá-nhân. Càng vật-chất thì càng chia rẽ, cá-nhân hướng về chia rẽ.

• Nhân-vị vừa sống trong hiện-tại, vừa tương-liên đến quá-khứ và chú trọng tương-lai; mục-đích của mình là tự nơi mình với người khác, có thể mở rộng đạt đến ngoài mình và trên mình; càng hiến mình, càng hy-sinh, càng vị-tha, thì càng thêm nhân-vị.

Càng chú-trọng đến linh-tính thì càng hội-hợp, nhân-vị hướng về đoàn-thể, tức về nhân-loại, vũ-trụ.

Cá-nhân, vì trọng vật-chất, có thể tiêu-tan trong một khối, chỉ là một phần của một loại.

Nhân-vị, vì quý linh-tính, không thể tiêu-tan, nhưng có thể hợp với người, mà chính mình vẫn tồn-tại con người của mình.

(Vi-dụ: trong một đoàn lính, chỉ biết lính 368, 454 là nhìn cá-nhân, con người quen nhận được anh lính thân-nhân, bạn-hữu của mình là nhìn thấy nhân-vị. Trong chuyện Nửa chừng Xuân, bà An chỉ biết cá-nhân, mà cô Mai là người biết tìm sống nhân-vị. Trong truyện Kiều. Thúy-Vân, Mã-giám-Sinh, Thúc-Sinh, Hoạn-Thư, không thấy khi nào tỏ ra biết quý Nhân-vị và sống Nhân-vị, toàn chỉ biết cá-nhân. Chỉ như Thúy-Kiều, Từ-Hải, Kim-Trọng cũng có lúc biết đến Nhân-vị, cũng có khi « liêu mình nhắm mắt đưa chân... thì kể đến cá-nhân).

3.- NHÂN-VỊ VÀ NHÂN VẬT :

a) **Giống nhau** : chỉ một người, con người, đóng một vai quan-trọng giữa xã-hội, đáng tôn-trọng, có phẩm-giá.

b) **Khác nhau** : Nhân-vật, tính-cách tạm thời, phẩm-giá nhiều khi do ở ngoài, do hoàn-cảnh đưa lại, người ta có thể sai lầm. Có người thành nhân-vật chỉ do một điều phụ-thuộc, một cơ-hội, khéo luồn cúi, xu-thời, dua-nịnh, tự-khi, tự-hạ, thành-thử không có chân giá-trị, chỉ là một vai-tuồng trên sân-khấu...

Nhân-vị, tính-cách thiết-thực, điều-kiện sâu-xa, phẩm-giá do tự nơi mình, có khi người ngoài không nhận biết, không tùy-thuộc ngoại-cảnh, ngoại-quan, không xu-thời, không tự-hạ, giữ được chân giá-trị, giữ được quyền tự-chủ, tự-do, thống-nhất, độc-lập...

Có thể phân-biệt trong một câu : « Càng tìm nhân-vật thì càng mất nhân-vị ; mà càng sống nhân-vị thì càng thành nhân-vật » (ví dụ : Trần-bình-Trọng đã muốn bảo tồn Nhân-vị « Ninh vi Nam qui vô vi Bắc-Vương » thì đã thành nhân-vật muôn đời trong lịch-sử).

4.-NHÂN-VỊ VÀ NHÂN-PHẠM

a) **Giống nhau** : Hai bên cũng nói phẩm-giá tự-nhiên của con người khiến cho người ta phải tôn-trọng, không được phạm đến, và chính mình phải giữ-gìn mới xứng đáng làm người.

b) **Khác nhau** : Nhân-phẩm chỉ nói trong phạm-vi luân-lý xã-hội, có thể chỉ một phần nào nơi con người, tôn-trọng nơi người ta vì là « người » chứ không vì « con người », không chú-trọng đến ý-nghĩa tương-liên của con người (phẩm chứ không phải vị..)

Nhân-vị, nói đến phạm-vi siêu hình, luân-lý xã hội tựa vào căn bản trong phạm-vi ấy, nói toàn con người, tôn-trọng vì « con người » chứ không phải chỉ vì « người », chú-trọng đến ý-nghĩa tương-liên của con người (vị, ngôi thứ, thứ bậc).

Nhân-phẩm không ngụ-ý nhân-vị, có thể nhận nhân-phẩm mà không nhận nhân-vị. Trái lại nhân-vị bao hàm, ngụ ý nhân-phẩm, đã nhận-định tôn-trọng nhân-vị thì tất nhiên vẫn nhận-định và tôn-trọng nhân-phẩm.

5.- NHÂN-VỊ VÀ NHÂN-CÁCH

a) **Giống nhau** : hai bên cũng nói đến tính-cách tự-nhiên của con người, đáng tôn-trọng, mỗi người phải cẩn-thận bảo-tồn và khuếch trương....

b) **Khác nhau** : Nhân-cách cũng có khi thiên về bề ngoài, quá chú-trọng đến ý-nghĩa tính-nết thu-thập, khoa-trương, không có ý-nghĩa tương-quan, liên-lạc nói chung loài người, và riêng từng người, riêng biệt hơn là phân-biệt...

Nhân-vị chú-trọng vào tự-nhiên bề trong bản tính sâu-xa, căn bản thiết-yếu của con người, có ý-nghĩa tương-quan liên-lạc, không riêng biệt mà phân-biệt.

Nhân-cách không ngụ-ý nhân-vị..., (như nói trên về Nhân-phẩm và Nhân-vị; Nhân-cách và Nhân-vị cũng có mấy điểm dị-đồng ấy.

Nhận-thức : Khi sống đầy đủ con người, bất kỳ trường-hợp nào, hoàn cảnh, địa-vị nào, vẫn đủ điều kiện, đặc tính của nhân vị.

Tiêu-thất : Khi thiếu một điều-kiện hay đặc tính của nhân-vị, như khi không còn tự-chủ, tự-do, thống-nhất, linh-động... Khi phạm đến nhân vị của người khác thì nhân vị của mình cũng không còn.

Áp-dụng : Muốn thực-hành chủ-nghĩa Nhân-vị : Phải tôn-trọng nhân-vị của mình và nhân-vị của người, không kể mình là ai và người là ai : trong các phạm vi : gia-đình, xã-hội, văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, kinh-tế, chính-trị, quân-sự.

G.S. BỬU-DƯƠNG

2. — NỘI-DUNG PHÁT-TRIỂN

(trích trong giấy thu-thanh của máy ghi-âm tại Đại-Hội)

— Luận về định-nghĩa hai chữ « nhân-vị », Thuyết-trình-viên nói :

« Nhân là người, Vị là ngôi, thứ bậc, song hai chữ đó bao-
« hàm bao nhiêu ý-nghĩa. Chính trong hai chữ nhân-vị của ta, người
« thì phải sống sao cho đầy đủ con người, con người cả vật-chất, cả
« linh-tính, có thân-thể, có linh-hồn, có tư-tưởng, có cảm-tính, có
« hoạt-động ; đầy đủ những điều đó mới gọi được là người, thiếu
« mất đi một phần nào thì không còn phải là con người.

« Đã nói tới Vị là ngôi, thứ bậc, tức là ngụ ý mình tương-quan,
« tương-đối với chung quanh, với trước với sau, với trên với dưới,
« với quá-khứ với tương-lai, mình đây, không phải là một người cô-
« độc, lẻ loi. Cho nên, con người mà lấy riêng rẽ thì cũng không
« phải là nhân-vị vì nhân-vị không phải chỉ nói một người và vì con
« người có cái đời sống của mình còn có đời sống đối với người
« khác.

« Như vậy, có thể nói tóm tắt theo nghĩa rộng, nhân-vị là tính-
« chất địa-vị của mọi người theo bản tính nhân-loại, theo bản-tính
« làm người, ai ai cũng có nhân-vị, theo nghĩa hẹp thì nói riêng mỗi
« người hay bốn-phận đối với kẻ khác. Bao giờ cũng đầy đủ không
« thiếu sót một phần quan-trọng để thành con người, đó là ý-nghĩa
« về đời sống nhân-vị, ý-nghĩa về luân-lý thực-hành. Làm sao cho
« thành nhân-vị, với những điều-kiện gì, những yếu-tố nào? Ta đã
« thấy rõ hai phần, phần vật chất và phần linh-tính. Hai phần đó hợp
« lại thì thành ra con người, bỏ đi một phần nào cũng phạm đến con
« người.

« Từ những ý-tưởng của ta đến tính-tình, đến những cảm-súc,
« khi ta vui, ta buồn, ta thương, ta nhớ, bao nhiêu điều đó là thuộc
« về con người, thuộc điều-kiện tâm-lý của con người, cho nên con
« người mà không có tâm-linh thì không gọi được là con người.

« Trong một con người, từ những ý-thức, đến cảm-tính
« đến hoạt-động, từ những tự-do, đến bốn-phận đến quyền-lợi, bao
« nhiêu điều đó phải quy vào một mối, phải hướng về một chủ-quyền,
« chứ còn chia rẽ nhau thì không còn phải là nhân-vị, khi đó không
« còn phải là một người, mà chia ra nhiều vật nơi một con người, ví
« dụ tôi nghĩ một điều mà có cảm-tình một cách khác, hoạt-động
« một cách khác thì khi đó tôi không còn sống nhân-vị nữa, vì tôi

« không còn cái đặc-tính hệ-trọng của nhân-vị là cái đặc-tính thống-
« nhất. Vấn đề thống-nhất một đoàn-thể, thống-nhất nước nhà
« quan-hệ là vì nó, đi vào đời sống con người. Nước nhà không
« được thống-nhất là một điều làm cho người công-dân phải đau
« đớn phải mong mỏi, chờ đợi.

« Một nước không phải là gồm các cá-nhân, như có người đã
« nói, nhưng một nước là gồm các nhân-vị. Đã nói đến nhân-vị
« thì mỗi nhân-vị, từ nơi mình phải thống-nhất và chung quanh
« mình phải sống cho thống-nhất, đó là một đặc-tính của nhân-vị
« một đặc-tính thứ hai. Một điều hệ-trọng, là khi đã có một chủ-
« quyền rồi thì cái quyền đó không phải là quyền ở ngoài mình mà
« chính là quyền đó tự nơi mình, không lệ-thuộc ai, không nô-lệ một
« người nào, tự mình làm chủ lấy mình, đặc-tính đó gọi là Độc-lập,
« con người nhân-vị phải độc-lập. Độc-lập đây không phải là cô-lập,
« nếu cô-lập thì không còn là nhân-vị. Độc-lập không phải là
« không biết đến kẻ khác. Độc-lập không phải là bài-ngoại, độc-
« lập là tự mình trị lấy mình. Mình trị lấy mình mà không chạm đến
« quyền-lợi kẻ khác vì mình thấy mình là một con người, kẻ khác
« cũng là một con người. Mình suy nghĩ, mình thương yêu là tự nơi
« mình chứ không có ai bắt buộc suy nghĩ, bắt buộc thương yêu, cho
« nên đi đến Độc-lập, đó là tự-nguyện, tự-chủ nơi con người, đi đến
« độc-lập là có tính-chất hệ-trọng của nhân-vị. là tự nơi mình chứ
« không do tự một người nào khác. Hễ một khi có một điều gì do tự
« nơi người nào khác thì tôi không còn sống con người của tôi mà
« tôi phải sống lệ-thuộc nơi con người khác.

« Đặc-tính tối-ư hệ-trọng là đã sống nhân-vị, đã sống con người
« thì có hoạt-động, hoạt-động đó dưới sự điều-khiển then chốt của
« linh-tính gọi là linh-động. Hai chữ linh-động còn có ý nghĩa sâu-xa :
« dù con người chưa tin-tưởng về phần linh-tính, nhưng cũng thấy
« cái phần linh đó là hệ-trọng thể nào, cái linh đó là cái động của con
« người. Người ta có thể hành-động, hơn nữa là hoạt-động. Nhưng
« đi đến linh-động thì mới nhận thấy đúng nghĩa con người, cho nên
« nhân-vị là như vậy. Nói đến linh-động, cần phải nhắc đến tính-cách
« đặc-biệt của nhân-vị thuộc về phạm-vi duy-linh, nói 2 tiếng duy-
« linh có người cho là riêng của công giáo. Nhưng tôi tưởng, không
« nên lo sợ là riêng của công giáo. Vì duy-linh là của chung, của
« người tin-tưởng có linh hồn, tin tưởng nơi con người không
« phải chỉ có vật-chất mà còn có linh-tính mà phần linh-tính đó là
« phần hệ-trọng, điều-khiển con người, tuy có chịu ảnh-hưởng của

« vật-chất nhiều khi nhưng vẫn là phần hệ-trọng. Đặt cái linh-tính
« lên trên, đặt cái linh-tính làm cốt tức là theo thuyết duy-linh. Duy-
« linh không phải là duy-tâm. Vì con người không phải là duy-tâm
« mà con người là duy-linh, trọng cái phần linh-tính. Đến đây không
« khỏi có người hỏi, thế thì người duy-vật có thể theo thuyết nhân-
« vị được không hay là chỉ có duy-linh mới có nhân-vị. Tôi tưởng
« muốn giải-đáp câu hỏi đó cho rõ ràng thì cần phải phân biệt hai ý-
« nghĩa : ai là người theo duy-vật vô-thần nhận thấy rằng con người
« không khác gì con vật, chỉ hơn con vật là vì có thể tiến-hóa được
« đến phần nào khiến cho có suy-nghĩ, khiến cho có cảm-tình nhưng
« cũng là con vật. Con vật tiến-hóa đến bậc nào, cái quan-niệm con
« người như thế ấy thì theo nghĩa rộng, họ cũng có thể lạm-dụng chữ
« nhân-vị. Tôi nói lạm-dụng là vì Nhân là người, mà người khác hẳn
« con vật dù là con vật bậc cao hay là con vật do tiến-hóa đến một độ.

« Vị là ngôi thứ, thứ bậc mà cất trên cất dưới, hốt chung quanh
« đi, thì còn đâu là tương-quan, tương-đối. Không tin có trên có
« dưới, không tin có trước có sau, thì nói đến vị sao được, cho nên
« nói cho đúng nghĩa thì vô-thần không thể nhận được là nhân-vị.



Để giải-thích rõ thêm ý-nghĩa hai danh-từ « nhân-vị », thuyết-trình-viên đã khéo chọn những hình-ảnh để so-sánh ý-nghĩa giữa các danh-từ : bản-ngã, cá-nhân, nhân-vật, nhân-phẩm, nhân-cách nhân-vị.

Thuyết-trình-viên nói :

« Nhân-vị như một người đứng thẳng hai tay đưa ra sẵn-sàng
« đón tiếp sự tương-quan, tương-đối với mọi người, hai mắt nhìn
« người triu-mến một cách chờ đợi, sẵn đón một cảm-tình vì coi bao
« người khác đều là nhân-vị và chính mình cũng là nhân-vị.

« Bản-ngã thì hai tay thu vào để mình góp lại, chiếm lấy cho
« mình, coi là của mình, riêng mình.

« Cá-nhân, thì nhắm mắt lại chỉ nghĩ đến mình, chỉ biết đến
« mình, của mình.

« Nhân-vật thì đứng dậy mà nhìn chung quanh mình xem ai
« tôn-trọng mình, ai nói mình thế nào.

« Nhân-phẩm là tự mình nghĩ cho mình xem có việc gì để cho
« người ta phải trách chăng, mình có xứng-đáng không, tự lo lắng cho
« mình mà không chắc gì chuyện ấy mình có được, lo làm thế nào
« cho người ta tin mình là có. Nhân-cách cũng vậy.

« Một thí-dụ khác về hai con mắt, với cái nhìn, cái ngó và hình
« ảnh sãn-sàng để liên-lạc với các người khác, nhìn một cách tương-
« quan, tương-đối là hiện-tượng nhân-vị. Nhìn lấy chung quanh của
« mình, nhìn coi như là bao nhiêu điều đó đều là của mình, đó là cái
« nhìn bản-ngã, nhắm mắt lại chỉ lo lấy mình là hiện-tượng cá-
« nhân và đưa hai con mắt ra mà nhìn chung quanh để chờ đón
« người khác đối với mình thế nào, đó là cái nhìn nhân-vật. Đưa
« mắt mà nhìn, tự hỏi mình, xét tự nơi mình, lo lắng cho mình mà
« tự mình không trông thấy được, tự mình không có mà chờ đợi ở
« đâu đâu, đó là cái nhìn nhân-phẩm và cái nhìn của nhân-cách.

Để phân biệt rõ quan-niệm về nhân-vị và nhân-vật, Thuyết-trình viên nói :

« Có nhiều người nhầm nhân-vật và nhân-vị, nhưng nhân-vật
« và nhân vị rất khác nhau vì nhân vị là những điều hệ-trọng nơi con
« người, tự mình mà có, còn nhân-vật là ở ngoài đưa vào. Nhân-vật
« nhiều khi vì hoàn cảnh vì thời cuộc gây nên rồi có khi mất đi, biết
« bao nhiêu nhân-vật khi xưa bây giờ có còn là nhân-vật đâu. Vì vậy
« cho nên chính cái nhân-vị là hệ-trọng mà nhân-vị là tự nơi mình có
« nó, mình càng sống nhân-vị thì nhân-vị càng rõ ràng. Người sống
« nhân-vật thì lệ-thuộc ngoài và tự-cao tự-đại mới thành nhân-vật.
« Sống nhân vị thì không phụ-thuộc ngoại-giới, không bao giờ tự-
« kiêu tự-đại. Tự lo nhân-vị thì sống được nhân-vật mà quá lo
« nhân-vật thì mất nhân vị, cho nên ta có thể tóm tắt một câu phân-
« biệt được nhân-vật và nhân-vị:

« Càng tìm nhân-vật càng mất nhân vị mà càng sống nhân-
« vị càng trở-thành nhân-vật ». Điều đó có thể thấy rõ ràng
« trong lịch-sử V.N., tôi không nói những người đã vì nhân-vật
« mà mất nhân-vị. Tôi chỉ muốn nhắc đến những người đã muốn sống
« nhân-vị cho nên đã thành nhân-vật. Như Ông Trần-Bình-Trọng
« khi bị bắt sang Tàu khuyến-nhủ cho làm quan đất Bắc, nhưng Trần-
« Bình-Trọng đã giả lời một câu : (Ninh vị nam quý vô vi Bắc
« Vương : ta thà làm quý nước Nam còn hơn làm vua đất Bắc nghĩa
« là : ta không thèm cái nhân vật của người, ta chỉ sống cái nhân-vị
« nước Nam thôi.

« Mà nào có phải tìm đâu xa trong lịch-sử, cách đây trên dưới
« 20 năm, ở triều-đình Huế có một cuộc hội-ng nghị các vị thượng-thơ,
« có một vị thượng-thơ Bộ-lại là một người thanh-niên.

« Mới chỉ trên 30 tuổi, thế mà giữa Hội-đồng, trước mặt các
« vị đại-thần ngày đó, nhất là các vị đại-thần mà người ta đều run sợ,
« ngày xưa gọi là khâm-sứ đại-thần, vị thượng-thơ Bộ-lại không đồng

« ý kiến vì có mấy điều chạm đến quyền-lợi của tổ-quốc, phạm đến
« quyền-lợi của quốc-dân. Vị thượng-thư Bộ-lại phản-đối và nhất
« quyết treo án từ quan. Thà không làm thượng-thư vì muốn sống
« nhân-vị, nên sống nhân-vị ngày đó mà ngày nay thành nhân-vật,
« sống nhân-vị ngày đó mà ngày nay nước Nam mới có nhân-vật
« quý hóa như vậy.

« Có thể nói không biết bao nhiêu nhân-vật đã mất nhân-vị, con
« người tuy vẫn là người, nhưng không còn sống nhân-vị nữa.
« Ta không có quyền bỏ mất nhân-vị của ta và cũng không được
« làm cho người khác mất nhân-vị. Cái tội của con người nặng nhất
« là cái tội làm cho người khác mất nhân-vị, đã làm mất nhân-vị của
« mình rồi lại còn làm mất nhân-vị người khác. Vì vậy muốn tôn-
« trọng nhân-vị người ta thì chính mình phải sống nhân-vị đã. Vì
« mình không tự-trọng nhân-vị thì làm sao mà tôn trọng nhân-vị
« người khác được.

« Phải giữ nhân-vị của mình, phải trọng các điều kiện tự-do, tự
« chủ của người khác và sau nữa là phải nhận trọng các phạm-vi, từ
« phạm-vi gia-đình đến xã-hội, từ phạm-vi chính-trị quốc-gia đến
« Quốc-tế, từ phạm-vi văn-hóa, phạm-vi, Kinh-tế đến đâu đều phải
« lồng vào nhân-vị. Làm thế nào để cho người trong phạm-vi này
« hay phạm-vi khác đều có thể sống nhân-vị của mình và trọng nhân-
« vị người khác, một bài học, một bài giảng cần có câu gì để giúp cho
« con người sống nhân-vị. Tôi tưởng trong nền văn-hóa Việt-Nam
« đã sẵn có một cái kho tàng nhân-vị không cần phải mượn, phải
« xin ở đâu xa. Hãy trở về Việt-Nam trở về với cái văn-hóa tốt
« đẹp của Việt-Nam..... »



3.— HỘI-NGHỊ THẢO-LUẬN

a) CHẤT-VẤN

Một Đại biểu (288).

— « Trong ví dụ đầu tiên mà Giáo-sư đã nêu ra để chứng minh
thuyết nhân-vị có nói đến cách cư-xử với mọi người như tử dụ đi
xem kịch, như thế nói hẹp lại nó là phép xã-giao hay là điều công-dân
giáo-dục ở trong đời, nếu nói rộng ra thì nhân-vị là một chủ-nghĩa
mà bất cứ chủ-nghĩa nào cũng muốn cho con người thành ra một
người lý-tưởng nghĩa là toàn-thiện toàn-mỹ. Ta có thể thu nhỏ vấn
đề nhân vị làm một điều công-dân giáo-dục để cho mọi người biết
phép xử-thế ở đời, hay làm một chủ-nghĩa để con người trở-thành
con người lý tưởng? Nếu sau khi nghe vấn-đề nhân-vị, chúng ta

ai cũng muốn sống nhân vị nhưng ở trong xã hội đều bị chi-phối bởi hoàn-cảnh thì liệu có thể sống nhân-vị luôn luôn được không? »

Một Đại-biêu Pleiku (421) : « Trong buổi thuyết-trình hôm nay, giáo-sư Bửu-Dương có nói về Nhân-vị và nhân-vật như sau : « Càng tìm nhân-vật thì càng mất nhân-vị mà càng sống nhân-vị thì càng thành nhân-vật » Chúng ta nhận thấy câu đó gồm có 2 phần. Phần thứ nhất là : « Càng tìm nhân-vật thì càng mất nhân-vị », phần thứ 2 : « Càng sống Nhân-vị thì càng thành nhân-vật ». Chúng tôi không nói đến phần sau bởi vì những ví dụ đưa ra đã chứng tỏ một cách quá rõ ràng.

Nhưng nói « càng tìm nhân vật càng mất nhân vị », chúng tôi thiết tưởng cũng nên nêu ra một vài trường hợp, chúng tôi xin nói đến trường hợp. không phải về chính trị không phải về xã-hội mà về khoa-học. Lịch-sử đã chứng minh rằng : có rất nhiều bác-sĩ bác-học đã chịu hy-sinh thân mình để sống với các người bệnh mà mắc phải những bệnh đó, không hiểu rằng trong khi cố gắng tìm nhân-vị, sống nhân-vị, những bác-học đó đã có lúc nào có cái ý-định muốn trở thành Nhân-vật hay không? Ví dụ như ông Yersin, như ông bà Curie, những nhà bác-học đó đã từng sống với những người nghèo-khổ, đã từng hy-sinh tất cả đời sống xa-hoa của mình để làm việc ở trong phòng thí-nghiệm hòng tìm cho thế-giới, cho nhân-loại những phương-pháp mới, những viên thuốc mới để chữa bệnh thì hỏi rằng những người đó sống ở trong những trường-hợp như thế đã có khi nào có cái ý-muốn trở thành nhân-vật và nếu những người đó muốn trở thành nhân-vật thì có mất nhân-vị không?

b) GIẢI-ĐÁP

Thuyết-trình viên trả-lời (sau đây là đoạn tóm tắt) :

— « Muốn giải đáp những câu hỏi đó, tôi xin quý vị để ý những điểm về nguyên tắc chứ không thể nào trong một khuôn-khổ Đại-hội này mà đi vào chi-tiết được. Nói về nguyên tắc, chứ không phải nói về thực-tế trong giai-đoạn xã-hội nào. Nói về vấn đề xã-hội ngày nay không cho ta sống nhân-vị, điều đó tôi xin nói rõ ràng : bất kỳ người nào, ở vào trường hợp nào, địa vị nào cũng có thể sống nhân-vị, vẫn hay rằng đời vật-chất bắt buộc người ta phải theo thời để có tiền nuôi sống mình và nuôi sống gia-đình. Nuôi sống mình và nuôi sống gia-đình đó là một điều tự-trọng. Vì không phải sợ đỡ người thân của mình. Có trách-nhiệm thế nào thì phải làm cho đến nơi đến chốn, nhưng không phải vì thế mà không kể đến cái nhân-vị của mình. Những người nhiều khi muốn quy-lụy, chẳng qua là muốn cho

được nhiều tiền mới chạm đến nhân-vị, muốn cho có được một thứ gì đổi chừ không phải là muốn cho mình được sống đầy đủ theo con người. Bao giờ mỗi người cũng phải có trách-nhiệm bổn-phận lo cho mình, và lo cho gia-đình mình, có cái phương-kế và phương-tiện hợp với con người.

Chờ-đợi một cái xã-hội để giúp cho chúng ta sống nhân-vị thì không biết mấy đời nữa mới có cái xã-hội như vậy. Ngày nay ta có cái hy-vọng là chính-phủ Việt-Nam đương để ý đến dân-chủ thì mong và cùng góp sức với chính-phủ anh-minh này tổ-chức, xếp đặt thế nào giúp cho người ta sống nhân-vị, như tôi vừa trình bày. Còn chờ người ta tạo cho mình cái hoàn-cảnh sống nhân-vị thì chính mình đã không sống nhân-vị, cho nên phải phân-biệt cái chỗ chiều theo và lườn cúi. Con người ta nhiều khi phải chiều theo hoàn-cảnh nhưng đừng có làm với cái chiều-lụy một cách tự-hạ. Người thợ có khi phải chiều ông chủ nhưng người đó không tự-hạ tự-khi thì không phạm đến nhân-vị của mình. Ông chủ có khi chiều người thợ mà không tự-hạ thì cũng không lụy đến nhân-vị của mình. Nói tới việc giao-thiệp giữa người thợ người chủ không nên dễ-dàng lên án chế-độ này hay chế-độ khác.

Người ta không để ý đến nhân-vị mới sinh ra vô-sản và tư-bản, Còn nói đến nhân-vị thì không còn có vô-sản và tư-bản. Ngày nay sau hơn một trăm năm, thuyết của Mã - Khắc - Tư, thuyết của Cộng-sản đưa ra mà không giải-quyết được điều gì chẳng qua là vì chưa chú-ý đến nhân-vị. Nói đến người đứng trên sân-khấu, người diễn-kịch tôi không nói rằng : làm cho hài lòng khán-giả vì nhiều khi làm hài lòng khán-giả là không sống nhân-vị, tôi chỉ nói rằng đóng cho đúng cái vai của mình. Chính tự mình biết cái sức của mình chừng nào mình làm chừng ấy là sống nhân-vị. Trái lại có nhiều tài-tử không sống nhân-vị vì đã khinh-thị không chú-ý, cẩn-thận, không đem toàn tài và sức ra.

Xã-giao là bề ngoài. Không sống nhân-vị mà lời nói ra vẻ nhân-vị thì thực ra không phải là sống nhân-vị. Thành-thử nhân-vị không phải là xã-giao, trái lại nhiều khi vì xã-giao mà mất nhân-vị, mà càng sống nhân-vị thì càng đầy đủ xã-giao, vì xã-giao là giữa người với người, không phải người với vật hay giữa vật với vật. Nếu xã-giao đặt ra là để thay thế cho những chỗ không có nhân-vị thì cứ lo nhân-vị đi, sẽ có xã-giao.

Khi tôi nói rằng « càng tìm nhân-vật thì càng mất nhân-vị » một nhà khoa-học phát-minh ra một điều gì nếu nhà khoa-học cố ý tìm nhân-vật thì chưa chắc đã thành nhân-vật mà đã mất nhân-vị rồi,

còn các nhà khoa-học mà ngày nay ta tôn-kính, thứ nhất là tôn-kính các nhà đó đã sống nhân-vị. Một nhà khoa-học mà nghiên-cứu một điều gì cố ý thành nhân-vật chứ không phải muốn sống nhân-vị, có khi cũng phát minh được, tìm ra được, có khi cũng thành nhân-vật mà có khi bề ngoài người ta vẫn tôn-kính, bởi vì nhân-vật được người đời tôn-kính còn nhân-vị thì mấy ai biết. Người mà có chí sống nhân-vị dù khi nghiên-cứu, do nhận-vị mà nghiên-cứu, thì chắc là khoa-học còn đi xa hơn nữa, vì khi đã ham danh ham lợi thì danh và lợi nó cũng kích-thích cho con người nhưng giữa lúc kích-thích đó, biết đâu đã làm ngăn-cản bao nhiêu tiền-bộ khác, thành-thử ra các nhà văn-chương khoa-học có khi vì đã bị một phần nào theo nhân-vật mà làm cho xã-hội, nhân-loại mất nhiều sự phát-minh quý-giá hơn, cao xa hơn. Nói đến quá-trình nhân-vị tương-quan đến quá-trình tiến-triển xã-hội, điều đó cần phải nghiên-cứu lại, không thể để vào trong khuôn-khố một bài nói chuyện hôm nay được.

Muốn đem áp-dụng nhân-vị thế nào, cần phải hiểu nhiều hơn từ tự-do, gia-đình nhân-vị, và xã-hội nhân-vị đến đem áp-dụng nhân-vị vào trong các phạm-vi thế nào của một xã-hội. Theo chủ-nghĩa nhân-vị thì không nên đưa con người quá lệ-thuộc vào cái tầm vật-chất, có nhiều bạn không phân biệt cái chỗ là sống nhân-vị và người ta thay mình sống nhân-vị. Mình nhận-thức mình thời khác mà người ta nhận thấy mình lại khác, không mù-quáng chú-trọng vào cái chỗ người ta nhận thấy, lo sống nhân-vị đi thì mình nhận thấy mình sống nhân-vị, vấn-đề nhân-vị vẫn hay rằng nó tùy thuộc vấn-đề xã-hội nhưng không phải hoàn-toàn tùy-thuộc, vì thời-thế tạo anh-hùng và cũng có anh-hùng tạo thời-thế, bây giờ mà chờ xã-hội giúp cho ta sống nhân-vị thì chưa chắc ta đã sống nhân-vị, bởi ta chỉ sống theo xã-hội mà thôi chứ có phải là sống con người của ta đâu, chính tự ta phải sống nhân-vị đi để gây cho thành nhân-vị trong gia-đình, năm người sống nhân-vị cả năm thì gia-đình đó thành 1 gia-đình sống nhân-vị, rồi gia-đình này sang gia-đình khác, khi đó mới thành xã-hội nhân-vị, vì thế giáo-dục là hệ-trọng ở vấn-đề đó, khi đã thấy cái chủ-nghĩa nhân-vị là cần, chủ-nghĩa nhân-vị hệ-trọng. Nếu trong gia-đình không ai dạy con cái sống nhân-vị thì con cái ấy lớn lên dù trong xã-hội nào cũng không sống nhân-vị được mà nếu trong gia-đình lo dạy cho con cái sống nhân-vị để cho con cái bắt chước thì đây sẽ thấy cái xã-hội sống nhân-vị.»

BÁO-CÁO CỦA PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ VĂN-HÓA Á-CHÂU 1956

Chiều 8-1-57

ĐỀ-MỤC :

BÁO-CÁO CỦA PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ VĂN-HÓA Á-CHÂU TẠI THỦ-ĐÔ TÂN-ĐÈ-LY 23-12/28-12-57

Thuyết-trình viên : ông Nguyễn-hữu-Thống (đại diện Phái-
đoàn)

Chủ-tọa đoàn : Giáo-sư Nguyễn -đăng -Thục (ủy-viên
Phái-đoàn)

ông Hoàng-Nguyên (ủy-viên Phái-đoàn)

ông Phạm-xuân-Thái (nhà văn)

Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI DUNG

Thưa quý vị Đại-Biểu,

Thưa các bạn,

Phái-đoàn văn-nghệ Việt-Nam Cộng-Hòa lên đường đi tham-
dự hội-nghị các nhà Văn Á-châu giữa lúc phong-trào văn-hóa
đột-khởi tại Thủ-đô cũng như trong toàn lãnh-thổ. Dựa vào cái
phong-trào đang lên đó, chúng tôi giữ vững tinh-thần, lấy thiện-
chí và đức tin làm khí-giới để một mặt đấu-tranh tư-tưởng và
một mặt khác tranh-thủ nhân-tâm.

Thưa quý vị, cách đây đúng 4 tháng, hội-ng nghị sơ-bộ các nhà văn Á-châu đã khai-mạc với sự tham-gia đông-dào của phe Cộng-sản Á-châu. Kém về trên trường ngoại-giao quốc-tế, Trung-cộng đã tung ra chiến-lược mềm dẻo về cộng-đồng sinh-tồn để mua chuộc một số các quốc-gia vùng Nam-Á. Sau hội-ng nghị Bandơng là hội-ng nghị các nhà văn Á-châu, một hội-ng nghị Bandơng về văn-ngệ. Sau Chu-Ấn-Lai là Tào-Ngu, Mao-Thuần, uốn ba tấc lưỡi để khai-thác những máu-thuần giữa đế-quốc và cự-thuộc-địa, lấy lời đường mật để lũng đoạn tinh-thần một số tri-thức không tưởng thiếu kinh-nghiệm bản-thân về chế-độ độc-tài Cộng-sản.

Trong một buổi đầu thu, tại thủ-đô Tân-Đề-Li ấm-áp, Tổng thư-ký Hội văn-ngệ Trung-cộng Tào-Ngu, diềm nhiên phe-phẩy chiếc quạt lông, tuyên-bố một câu nửa đùa nửa thực ;

« Tại lục-địa Trung-Hoa ngày nay, nhà văn có tuyệt-đối tự-do, muốn viết gì mặc ý. »

Đồng-thời tại các miền chu-hầu Bắc-Hàn, Bắc-Việt, các tay văn công trung-thành, ngày đêm cầm cúi dịch-thuật, phê-bình ca-tụng chủ-nghĩa văn-ngệ mới của « Trung - quốc vĩ - đại » mệnh danh là chủ-trương « trăm hoa đua nở » !

Họ cố tình lãng quên một bông hoa đang héo-hon từ 18 tháng nay trong ánh sáng tối tăm của ngục-thất, là Hồ-phong, một nhà văn chỉ có một tội là đòi phát-triển tự-do cho văn-ngệ-sĩ. Cũng như họ đã lãng quên nhiều đóa hoa văn-ngệ khác đã bị chôn vùi dưới lớp bùn sâu vì không theo đúng chương-trình giai-đoạn của Đảng.

Vậy thì, từ 4 tháng nay, tự-do tuyệt-đối và trăm hoa đua nở là câu đầu lưỡi của các văn-công. Về mặt tổ-chức, Trung-cộng cố tình mời mọc một số nhà văn mác-xít : có kẻ được giải thưởng Staline mà không có mấy độc-giả trong nước, có người đại-diện cho cả một quốc-gia mà hể mở miệng là nhắc lại một khẩu-hiệu : « Tôi xin đồng-y với ông Mao-Thuần », mặc dầu, nhiều khi trưởng phái-đoàn Trung-cộng chưa có lời phát-biểu.

Trong bầu không-khí mờ tối như vậy, với những thành-phần hội-ng nghị khả-nghi như vậy, chúng tôi bước chân tới

Tân-dề-Li mà tưởng như lạc-lỡng vào một khu-vực không văn-nghệ chút nào.

Chúng tôi ngoảnh đi ngoảnh lại, chẳng thấy đâu là bóng dáng các bạn đồng-minh. Các khu-vực dành riêng cho Phi-luật-Tân, Thái-Lan, Đài-Loan, Cộng-Hòa Triều-Tiên, Tân-gia-Ba, Mã-Lai... đều vắng tanh, lạnh lẽo, giữa bầu không-khi đầy sương của Tân-dề-Li ngày lập đông.

Nhưng, may-mắn thay, ngoài những bộ mặt của kẻ phụ-thuộc, và của hạng bị khuôn đúc trong cái khuôn Mác-xít, chúng tôi đã được hoan-hỉ đón chào những tấm lòng chân-thật, những con người đầy thiện-chi và vô-tư của thủ-đô Ấn-Độ, nổi tiếng là quê-hương của vô-tư và thiện-chí.

Tay nắm tay, mặt nhìn mặt, chúng tôi thăm nhủ nhau rằng, ta quyết đem lòng ngay thẳng, lấy sự chân-thành mà vượt qua những cạm-bẫy gai-góc của mưu-tri và thủ-đoạn.

Chúng tôi đưa ra 3 điều-kiện tiên-quyết :

— Không thảo-luận về những vấn-dề chính-trị.

— Không làm bản kiến-nghị tuyên-truyền.

— Không bầu-cử, chia đa-số và thiểu-số mà phải theo nguyên-tắc toàn-thể tán-thành.

Lập-trường của chúng tôi được dư-luận và Hội-nghị chấp-thuận vì nó đi đúng với tinh-thần văn-nghệ chân-chính.

Một lần, tinh thần-thiện Ấn-Việt được cụ-thể-hóa và kết-tinh trong sự đoàn-kết.

Sau đó, chúng tôi nhắc đến tinh-thần cổ-truyền của Đông-phương, kêu gọi tiềm-thức sâu-xa của người dân châu Á, chưa bị những chủ-nghĩa ngoại-lai đè nén làm mất rễ với Đông-phương và truyền-thống dân-tộc.

Ngày 23 tháng chạp 1956, giáo-sư Kabir, Bộ-trưởng giáo-dục Ấn-Độ đọc diễn-văn khai-mạc, kêu gọi các nhà văn Á-Châu trở về với Đông-phương mà bắt tay thân-ái với Tây-phương để xây-dựng văn-hóa chung cho nhân-loại trong hòa-bình và thân-thiện.

Phủi-doàn văn-nghệ Việt-Nam Cộng-Hòa, tha-thiết mong
mỗi Hội-nghị đặt được những nền móng nhân-bản cho văn-
nghệ Đông-phương :

« Hội-nghị các nhà văn Á-châu đã gọi lại cho chúng ta cái
tiềm-thức sâu-xa của Đông-phương, động-lực chính của công
cuộc xây-dựng lâu dài thi-ca nghệ-thuật bất-diệt tại miền Á-châu
già nua mà phục-hưng này, là lòng tôn-trọng từ bản thủy một
nền văn-hóa nhân-bản.

Cùng với những hội-nghị Á-châu về chính-trị, kinh-tế, xã-
hội liên-tiếp trong những ngày qua, Hội-nghị văn-nghệ Á-châu
còn ghi dấu sự thức-lĩnh và sự trưởng-thành của Á-châu.

Giữa những biến-chuyển lớn-lao của thời-cuộc, những sự
chuyển mình vĩ-đại của các dân-tộc đòi giải-phóng, Hội-nghị
các nhà văn Á-châu, trung-thành với truyền-thống của Đông-
phương, vẫn giữ được sự yên-lĩnh tinh-thần, chân-thành và
nhũn-nhặn đặt ra những vấn-đề gay-go trong lãnh-vực văn-
nghệ, mà từ trước đến nay đã tốn bao nhiêu giấy mực mà vẫn
chưa tìm ra giải-pháp thỏa đáng...

Trong một khung-cảnh tự-do, với khí-hậu hiền-hòa của thủ-
đô Tân-đê-Li, nổi danh là trung-tâm thiện-chí Á-châu, và nhất là
với lòng hiếu-khách của người dân Ấn-Độ, các nhà văn từ mọi
chân trời xa lạ tập-trung tại nơi này, đối chất quan-điểm, hy-
vọng tìm thấy trong những máu-thuần, những màu sắc khác
biệt, một hướng mới, đưa đến chân-lý và cái đẹp.

Các nhà tổ-chức phiên Hội-nghị này đã sớm ý-thức rằng,
văn-hóa phải được đặt cao hơn kinh-tế và chính-trị, và phải
nhằm được những mục-tiêu xa hơn, đẹp hơn, nhân-đạo hơn,
thực-hiện lý-tưởng con người toàn-diện.

Vì dấu sao kinh-tế chính-trị vẫn chỉ là những vấn-đề giai-
đoạn, phương-tiện ; văn-hóa trái lại có tinh-cách liên-tục, trường-
cửu, tự nó đã chứa sẵn một cứu cánh.

Đông-phương có thể yếu-kém về mặt trang-bị kỹ-nghệ, và
về kinh-tế ; Đông-phương có thể du-nhập những chủ-nghĩa
ngoại lai, nhưng Đông-phương vẫn tự-hào về kho gia-
tài văn-hóa vô-tận của mình, trọng tinh-thần văn-hóa nhân-bản
tự-do.

Cũng vì những vấn-đề tinh-thần và truyền-thống đó mà chúng ta mới được chứng-kiến sự thức-lĩnh của Á-châu, và đồng-thời sự trưởng-thành của Á-châu.

Tinh-thần đại-đồng và lòng vị-tha của Đông-phương trải qua sự đồng-tôn của 4 đạo-giáo : Phật, Khổng, Lão, Hồi đã xây đắp dần những căn-bản nhân-bản và văn-hóa, vững-vàng cho các thế-hệ sau này.

Thành Cam-địa cũng đã thử-nghiệm tinh-thần Đông-phương khi Người hòa vào cuộc đấu-tranh chính-trị những yếu-tố tôn-giáo, văn-hóa, gây nên sự điều-hòa dẫn tới tự-do. Hàng trăm triệu con người tại miền Nam-Á đã được giải-phóng, không bằng quá-khích, oán thù, mà bằng con đường hòa-bình, bất bạo-động.

Ngày nay những vấn-đề cấp-thiết của xã-hội như muốn đòi hỏi một sự chú-trọng đặc-biệt. Những vấn-đề về phần nội-tâm riêng-biệt của con người gần như bị xao-lãng. Tuy nhiên sau giấc mơ khoa-học cơ-khí, những nhu-cầu tinh-thần của con người Á-châu, lại phát-triển mạnh-mẽ. Đông-phương đã trở nên một trường thí-nghiệm cho các chủ-nghĩa ngoại-lai phi-nhân và giả-tạo, Á-châu già-nua, nhưng phục-hưng, đang làm một công-trình tổng-hợp các huynh-hướng chủ-nghĩa, văn-hóa, đặt trên căn-bản truyền-thống của mình. Á-Châu sẽ biết cách thâu rút những tinh-hoa mới của nhân-loại, để bồi-dưỡng cho căn bản truyền-thống Đông-phương.

Tổng-hợp để các khuynh-hướng văn-hóa sẽ khai-nguyên cho kỹ-nguyên tổng-hợp để lịch-sử trong đó con người sẽ được giải-phóng khỏi mọi hình-thức áp-bức, và sẽ được phát-triển toàn-diện.

Hội-nghị các nhà văn Á-châu cầm một cái mốc đầu-tiên trên con đường đưa tới tổng-hợp để lịch-sử cho Á-châu và cho Thế-giới.

Bài diễn-văn khai-mạc của phái-đoàn ta đã gây được cảm tình trong Hội-nghị cũng như trong dư-luận báo-chí. Công cuộc xây-dựng tổng-hợp để văn-hóa mà ta kêu gọi đã được nhiều nhà văn Ấn-Độ đề-cấp và các báo-chí bàn luận.

Đối chiếu với nhiều bài diễn-văn tuyên-truyền khô-khạn khác, nó chứng tỏ rằng, chúng ta có tinh-thần vô tư, thật tình mong muốn bồi đắp gốc văn-hóa chung cho các dân-tộc Á-châu.

Qua ngày 21 tháng chạp, chủ-tịch đoàn gồm có các trưởng phái-đoàn của 15 nước đến tham-dự, hiệp-lực cùng 9 vị thư-ký thường-trực Ấn-Độ, họp thành Thư-ký đoàn Á-châu, có quyền-hạn và nhiệm-vụ điều-khiển mọi công-tác Hội-nghị.

15 nước đến tham-dự Hội-nghị là : Ấn-Độ, Miến-Điện, Đại-Hồi, Tích-Lan, Népal, Việt-Nam Cộng-Hòa, Nhật-Bản, Bắc-Việt, Trung-Cộng, Bắc-Hàn, Mông-CỒ, Nga-sô, Ai-Cập, Syrie và Ba-Tư.

Thư-ký đoàn Á-châu chấp-thuận chương-trình nghị-sự gồm 4 vấn-đề :

- Những truyền-thống căn-bản của Á-châu.
- Tự-do và nhà văn
- Nhà văn và nghề-nghiệp
- và sự trao đổi văn-hóa.

Trước khi chia thành tiểu-ban để thảo-luận về 4 vấn-đề nói trên, Hội-nghị dành riêng một buổi để nghe các trưởng phái-đoàn thuyết-trình về *hiện-tình văn-nghệ từng-nước*. Phái-đoàn văn-nghệ Ấn-Độ đưa ra ý-kiến đó, với thiện-ý được nhìn qua những nét chính của nền văn-nghệ các nước Á-châu phức-hung.

Nhưng, lẽ tất nhiên, các tay « văn công » đã không quên lợi-dụng dịp may hiếm có đó để, nào là quảng-cáo các môn hàng văn-nghệ công-an của họ, nào là khoe-khoang chủ-trương trăm hoa đua nở, cũng như dùng Hội-nghị làm nơi diễn-đàn công-khai đề cao những chủ-nghĩa cấm-hờn, thù-oán mà lại kết-luận kêu gọi hòa-bình, quên hẳn ý-nghĩa chính-đáng của sứ-mệnh văn-nghệ.

Người ta không nghe thấy từ miệng Nguyễn-công-Hoan những lời nhả ngọc phun châu của các văn-công, như đại-tá Tố-Hữu ca-tụng họ Hồ :

*« Ôi người cha đôi mắt máu hiền sao
Tiếng của người là suối máu hòa cao
Roi hòa máu cho lòng con mong ước
Hồ-chi-Minh
Máu thấm nơi nơi ?*

Người ta cũng không thấy tác-giả Lá Ngọc Cành Vàng ngâm-vịnh những vần thơ « lãng-mạn » của Xuân-Diệu như :

*« Bầy choa quyết đánh cho tan chúng mây
Bầy choa thấp đuốc đêm nay
Đánh cho nát mặt võ mày chúng ra... »*

Người ta chỉ thấy các « văn công » Bắc-Việt làm chuyện đả cơ nền văn-nghệ kháng-chiến, nền văn-nghệ cách-mạng.

Nhưng, độc-giả Ấn-Độ sẽ không mất những món ăn tinh-thần của nền văn-nghệ Công-an miền Bắc, vì chúng tôi đã mạn phép cho phiên dịch nguyên-văn những áng văn hay của các văn công, sáng-tác để phục-vụ giai-đoạn trong phong-trào đấu-tổ, cho xứng đáng với chủ-trưởng « trăm hoa đua nở ».

Tuy nhiên, ý-thức rằng vượt mấy ngàn dặm tới Ấn-Độ, không phải để phá phách xương, chúng tôi đã thành-thật trình-bày với các nhà văn Á-châu một vài nét chính của nền văn-nghệ Việt-Nam.

Chúng tôi đã thua với Hội-nghị rằng :

« Đề-cấp đến vấn-đề văn-nghệ tại Việt-Nam tự-do, chúng tôi có cảm-tưởng đi lạc vào một khu vườn thiên-nhiên với hoa lá xum xoe và cỏ gai chằng chịt.

Chúng tôi không sao gáu cho nền văn-nghệ đó một cá-tính thuần-nhất, vì chúng tôi không chủ-trương một nền văn-nghệ chỉ-huy.

Chúng tôi chỉ nhận-định rằng, tự-do là một điều-kiện dễ-dàng cho sự phát-triển văn-nghệ, theo mọi khuynh-hướng biệt-lập và nhiều khi đối-lập với nhau. Chúng tôi không phàn-nản về sự dị-biệt đó, vì có lẽ, đó chính là đặc-điểm của tinh-tinh con người, đòi hỏi sự phong-phủ cho tình-cảm được nảy-nở tự-nhiên.

Văn-nghệ không bị chỉ-huy, thì tình cảm, tư-tưởng và nguyện-vọng đều không bị câu-thúc, chi-phối và cũng không bị hướng lái vào một con đường chủ-ngĩa nhất định.

Cho nên, chúng tôi tới tham dự kỳ hội-nghị văn-nghệ Á-châu không nhân danh Đảng mà cũng không nhân danh Chánh-Phủ, vì chúng tôi không hề tham-dự vào một đảng cầm-quyền hay vào bộ máy chánh-guyền. Chúng tôi là những nhà văn độc-lập, theo đuổi những nghề tự-do để bảo-vệ nền độc-lập kinh-lẽ và độc-lập tinh-thần của mình.

Vì vậy, chúng tôi có thể tự-do trình-bày quan-điểm, ý-kiến, nguyện-vọng của mình mà không bị kiểm-soát.

Dựa vào tinh-thần khách-quan đó, chúng tôi nhận định nền văn-nghệ tại Việt-Nam tự-do như sau :

Hai khuynh-hướng chính nổi bật lên trong khu-vực văn-nghệ tại Việt-Nam tự-do :

— Khuynh-hướng đấu-tranh chống nền văn-nghệ độc-tài.

— Và khuynh-hướng xây dựng nền văn-nghệ dân-tộc và nhân-bản.

Về mặt đấu-tranh văn-nghệ, chúng tôi chủ-trương rằng nhà vua không thể biến-thể thành một cái máy sản-xuất văn thơ để phục-vụ giai-đoạn. Và sự-nghiệp văn-nghệ không thể là một bộ-phận công-tác của chính-quyền chuyên-chế, mệnh-danh là nhà Vua, hay Đảng.

Chúng tôi phản-nạn cho số-phận các văn-sĩ và thi-sĩ thời Trung-Cổ, uốn nắn lời văn câu thơ để phục-vụ cá-nhân Nhà Vua. Chúng tôi cũng lo lắng cho số-phận các văn-sĩ, thi-sĩ dưới chế-độ độc-tài đảng-trị, viết văn, làm thơ để phục-vụ một phong-trào do Đảng đề-ra một giai-đoạn.

Đối-tượng của các văn-thi-phẩm đó không phải là nhân-dân. Mục-đích của chúng là đi ca tụng Nhà Vua hay Đảng đầu-răng ngai vàng của Vua và nền độc-tài của Đảng, có thể được xây-dựng bằng võ-lực với những cuộc tàn-sát đẫm máu,

Chống nền văn-nghệ độc-tài là vạch trần ra và tố cáo những âm-mưu nham-hiềm của chính-trị phi-nhân muốn cắt-xén và tiêu-diệt tinh-thần vô-tư và nhân-đạo tiềm-tàng trong lòng văn-nghệ sĩ.

Chống nền văn-nghệ độc-tài là dọn-đường cho nền văn-nghệ nhân-bản.

Qua giai-đoạn tiêu-cực đó, chúng tôi kiên-nhẫn bước vào giai-đoạn tích-cực, chán-thành mong ước xây-dựng được những nền móng vững-vàng làm căn-bản cho nền văn-nghệ dân-tộc và nhân-bản.

Những truyền-thống của dân-tộc, những quan-niệm nhân-bản của nhân-loại và nhất là những giá trị tinh-thần vĩnh-cửu của Đông-Phương sẽ khơi-nguồn cho nền văn-nghệ Việt-Nam.

Bắt được nguồn liên-tục văn-hóa của Việt-Nam nói riêng và Á-châu nói chung, nền văn-nghệ dân-tộc và nhân-bản Việt-Nam sẽ không bị mất gốc hoặc sa-ngã vào những cạm bẫy của những chủ-nghĩa ngoại-lai máy móc.

Chúng tôi không dám tự-hào đã kết-tinh được những nguyên-lý cơ sở cho nền văn-nghệ nhân-bản.

Chúng tôi chỉ muốn được góp phần với các bạn văn-nghệ Á-châu trong công cuộc xây-dựng tổng-hợp đề văn-hóa để giải-phóng con người và phát-triển con người toàn diện»

Trong 2 ngày 25 và 26 tháng chạp, Hội-nghị phân-tán thành các tiểu-ban, thảo-luận về một vài nét chính liên-quan đến :

vấn-đề truyền-thống Á-châu
vấn-đề tự-do và nhà văn
vấn-đề nhà văn và nghề-nghiệp
và vấn-đề trao-đổi văn-hóa.

Điều đặc biệt là trong 3 tiểu-ban về Truyền-thống, tự-do và nghề viết văn, phe C.S. quốc-tế gồm có Trung-cộng, Nga-sô, Bắc-Hàn, Bắc-Việt và Mông-Cổ đã tham-gia gần như miễn cưỡng. Trong khi hồ-đồ gán cho quá trình văn-hóa Trung-Hoa những danh-hiệu « phong-kiến, phản-động », Trung-cộng đã vô-tình ly-khai với truyền-thống Đông-Phương, và mãi miết chạy trên một con đường không đích, không ngọn : Bắc-Việt mắc phải « mặc cảm phạm tội », nhớ lại những lời thú tội của các văn-nghệ-sĩ phong-trào qua chiếc cầu chính-huấn đã khất-khe lên án các khuynh-hướng văn-nghệ mệnh danh là lãng-mạn, tư-sản, phong-kiến.

Văn-công đã là một công-cụ của Đảng, chỉ được phép sản-xuất văn thơ nhằm đúng giai-đoạn, theo quan-niệm « nghệ-thuật và tuyên-truyền là một », thì bàn đến việc nâng cao giá-trị của nghề viết văn, chỉ còn là chuyện hoang-đường.

Cũng vì vậy mà các văn-công sinh-hoạt lẻ tẻ trong các tiểu-ban về truyền-thống và nghề viết văn.

Nhưng nếu Tào Ngụ đã lỡ lời nói về sự « tự-do tuyệt-đối », cũng như tung ra chủ-trương « trăm hoa đua nở », thì ít nhất các tay đàn em cũng phải ngỏ đôi lời về vấn-đề tự-do và nhà

vấn ? Nói đến quan-niệm tự-do của cộng-sản, tưởng ta phải nghĩ ngay đến câu sấm truyền của Lê-Nin :

« Có nhà nước thì không có tự-do. Có tự-do thì không có nhà nước ». Ngày nay nhà nước cộng-sản mạnh hơn bao giờ hết, độc-tài hơn bao giờ hết, thì cứ truy-nguyên lời kinh của Lê-Nin, hẳn là không có tự-do.

Thế mà các tay văn-công đã phản-bội Lê-Nin khi họ hô-hào rằng, họ được hưởng tự-do tuyệt đối, Vậy thì họ quan-niệm tự-do ra sao ? Thừa rằng, họ đã nói cho tự-do một cái đuôi là mục-dịch, một cái khung là giới hạn.

Họ lý luận rằng nền tự-do của nhà văn phải hướng vào một mục-dịch và phải chịu giới hạn là quyền-lợi xã-hội. Rồi họ có toàn quyền gấn cho tự-do một cái « đuôi mục-dịch » nặng ngàn cân, để cho tự-do tri-trệ, ý-ghét, cố-định. Cũng như họ muốn giải-thích quyền-lợi xã-hội đến độ nào mặc ý, để nhốt tự-do vào một cái khung khép nhỏ dần, nhỏ dần như một cái đầu kim.

Trăm hoa có quyền đua nở, nhưng phải hướng vào mục-dịch củng-cố nền độc-tài đảng trị, mà chỉ được nở trong một khung-cảnh nhất định, trong một giai-đoạn nhất định. Nở không đúng lúc, nở không đúng hướng, là thoái-hóa, là sa vào phản-động.

Đem máy móc một loài hoa còn khó khăn, huống chi đem máy móc con người, và nhất là con người ưu ái như văn-nghệ-sĩ.

Văn-công đã bôi nhọ truyền-thống, sa-dọa nghề viết văn và phóng khi tự-do sáng tác.

Vậy thì họ vận-động bỏ bao nhiêu công-của, trong vòng 4 tháng nay, để làm gì ?

Nhất-định không phải để bàn về những vấn-đề mà (như lời Lê-nin đã dạy) chỉ có bọn giáo-sư triết-học và bè lũ học-trò của chúng mới hay lôi ra, như truyền-thống, tự-do, nghề viết văn v.v...

Thâm-ý của phe Cộng-sản quốc-tế của các tay văn-công (xin hiểu là văn-nghệ công-an) là đưa ra trước Hội-nghị vấn-đề trao-đổi văn-hóa, dùng văn-hóa làm lợi-khi tuyên-truyền để lũng-đoạn tinh-thần nhân-bản của Đông-Phương, kể cả tinh-

thần tôn-giáo Ấn-Độ, và đồng-thời gieo rắc những nguyên-ly của chủ-nghĩa Mác Lê-nin, Staline, Mao-trạch-Đông, vào đầu óc một số trí-thức không-tưởng và lao-động quá-khích.

Muốn thế, họ cần có một hình-thức tổ-chức thường-trực, một *Phòng Thông-Tin Cộng-Sản Quốc-Tế đời lối văn-nghệ*.

Chúng ta cũng nên nhắc lại rằng trong kỳ Hội-nghị Bandung, Chu-ân-Lai cũng đã đề-nghị thành-lập một tổ-chức thường-trực Á-Phi, để cạnh-tranh với Liên-hiệp-Quốc. Các quốc-gia chống Cộng và không Cộng-Sản, kể cả Ấn-Độ, và nhất là Ấn-Độ, đã đứng ra phản-đối và phá tan âm-mưu đó.

Lần này, tại Hội-nghị Tân-dê-Li, Mao-Thuấn khôn-khéo hơn, muốn che đậy thủ-doạn bằng chiêu-bài văn-nghệ, nên đã đề-nghị thiết-tập tổ-chức văn-hóa thường-trực tại Á-Châu.

Các chánh-giới và văn-giới Ấn-Độ ngấm ngầm phản-đối. Phái-đoàn văn-nghệ Việt-Nam Cộng-Hòa phản-đối công-khai.

Hôm đó nhằm vào ngày 27 tháng Chạp. Thế-theo lời đề-nghị của Trung-Cộng, Chủ-tịch đoàn đề-cử ra một tiểu-ban đề-thảo-luận về vấn-đề thành-lập một tổ-chức văn-hóa thường-trực cho Á-Châu. Có đại-biểu 8 nước được đề-cử vào tiểu-ban, theo thứ-tự như sau :

- | | |
|-----------------|-----------------------|
| 1) Trung-Cộng. | 2) Việt-Nam Cộng-Hòa. |
| 3) Nga-Sô. | 4) Ba-Tư. |
| 5) Tích-Lan. | 6) Đại-Hồi. |
| 7) Miến-diện và | 8) Ấn-Độ. |

Các nước chư-hầu như Bắc-Hàn, Bắc-Việt, Mông-Công, không được gia-nhập Tiểu-ban, vì một lý-do rất giản-dị, là trong các phiên-họp chủ-tịch đoàn, họ không phát-biểu một câu nào, ngoài câu khẩu-hiệu học thuộc lòng : « Tôi xin đồng ý với Ông Mao-Thuấn », (trưởng phái-đoàn Trung-Cộng).

Việt-Nam Cộng-Hòa được đề - cử làm hội-viên thứ nhì trong Tiểu-ban, một phần có lẽ vì những thành-tích hội-nghị và thiện-chí xây-dựng của mình. Chúng tôi cũng xin nói thêm rằng, chính Ấn-Độ đã đề-cử Việt-Nam Cộng-Hòa.

Các trưởng phái-đoàn 8 nước trong Tiểu-ban chỉ phải nhóm họp vào buổi chiều ngày 27 tháng Chạp. Sau đó, nếu có sự thỏa-thuận, Chủ-tịch Đoàn sẽ duyệt lại đề-nghị của Tiểu-

bun và đưa ra Đại-hội thông qua. Vì theo chương-trình đã định, Hội-nghị sẽ kết-thúc vào chiều ngày 27 tháng Chạp.

Nghĩa là phe Trung-Cộng Nga-sô áp-dụng chiến-thuật tấn-công chớp nhoáng, đề dư-luận và Hội-nghị không kịp chuẩn-bị đối-phó.

Việt-Nam Cộng-Hòa đã từng trải qua nhiều kinh-nghiệm bản-thân chua sót vì chế-độ Cộng-Sản, tự thấy có nhiệm-vụ và vinh-dự được ngăn-cản bước lan-tràn của làn sóng đỏ.

Phái-đoàn văn-nghệ của ta, cực-lực phản-đối sự thành-lập 1 tổ chức văn-hóa thường-trực Á-Châu và nêu ra 4 lý-do chính :

1) Một tổ-chức thường-trực sẽ bao gồm những thành-phần hội-viên bất đồng. Sự có mặt của các cường-quốc bên cạnh các nước bé nhỏ và trung-bình sẽ là mầm áp-bức, máu-thuần và tranh-chấp,

Chỉ có hại cho tinh-thần văn-nghệ.

2) Một tổ-chức như vậy sẽ theo bản-chất nào, hoặc là một tổ-chức tư-nhân hoặc là một tổ-chức chánh-quyền. Vả lại, rất nhiều phái-đoàn hiện có mặt tại Hội-nghị nhất là phe Cộng-Sản quốc-tế đại diện cho các Hội-văn-nghệ của chánh-quyền. Trái lại rất nhiều Hội văn-nghệ khác, lại có tính cách tư-nhân, độc-lập với chánh-quyền. Những thành-phần dị-biệt đó không thể cấu-tạo thành một tổ-chức thuần-nhất, ngay từ bản-chất.

3) Trong các tiêu-ban hội họp chớp nhoáng như vậy, (tiêu-ban trao-đổi văn-hóa họp có 2 tiếng đồng hồ) rất nhiều khuyến-hướng không có đủ thời gian để trình-bày quan-điểm. Phái-đoàn văn-nghệ Việt-Nam Cộng-Hòa, mặc dầu có tính-cách tư-nhân, cũng đủ thẩm-quyền đề tuyên-bố khước-từ sự trao đổi văn-hóa với các nước Cộng-Sản.

Vì những lý-do gì, chúng tôi sẽ xin đề cập đến sau.

Cho nên, đóng cho văn-nghệ-sĩ một cái khung cứng nhắc, mà nhiều khi họ không ưa thích, là một điều thất-sách, trái với tinh-thần rộng rãi của Đông-phương.

4) Sau cùng, chúng tôi tự hỏi tại sao Hội-nghị lại quá tham-lam muốn làm những việc của nhà chánh-trị. Vả chăng, ngay tại Hội-nghị chính-trị Bandơng, người ta cũng không nổi

cho nó một cái đuôi ngày bế-mạc. Kết quả là người ta đã gây được (mặc dầu thật tinh hay giả-dối) một bầu không-khí hòa hoãn, mệnh-danh là tinh-thần Bang-dương. Chúng tôi cũng chỉ ước mong rằng Hội-nghị các nhà văn Á-Châu hôm nay nên cố tìm cách tránh mọi mâu-thuẫn, để gây được bầu không-khí văn-nghệ mệnh-danh là tinh-thần Tân-đề-Li.

Cho nên chúng tôi phản-đối sự thành-lập bất cứ một Hội nào dầu là văn-hóa hay văn-nghệ tại đây.

Dựa vào nguyên-tắc toàn-thể tán-thành, sự phản-đối của Việt-Nam Cộng-Hòa có giá-trị một quyền phủ-quyết. Âm-mưu của Trung-Cộng một lần bị thất-bại.

Nhưng họ đã không nản chí. Họ vận-động kéo dài Hội-nghị cho đến hết ngày 28 tháng Chạp.

Rồi dùng kế mua chuộc, dụ-dỗ đề lũng-đoạn tinh-thần chúng tôi.

Đề-nghị thứ hai của Trung-Cộng là xin thành-lập một Văn-phòng liên-lạc để có cơ-sở nối tiếp cộng-tác hội-nghị.

Chúng tôi không đồng quan-điểm đó và lý-luận rằng :

« Sau ngày 28 tháng Chạp, Hội-nghị các nhà văn Á-Châu sẽ hết tồn tại, đồng-thời Tiểu ban 8 nước cũng sẽ tiêu-vong. Vậy thì văn-phòng sẽ không còn cơ-quan nào để liên-lạc. Đối-tượng liên-lạc đã mất, văn-phòng liên-lạc sẽ vô hiệu-lực ».

Một lần nữa, kế-hoạch của Trung-Cộng không thành.

Sau cùng, Trung-Cộng đưa ra một đề-nghị thứ ba, yêu-cầu thành-lập một Ủy-ban thuyết-trình đề tinh sớ cộng-tác Hội-Nghị và làm bản tuyên-bố chung. Ủy-ban sẽ có đại-diện của Trung-Cộng, Nga-Sô, Ấn-Độ, Tích-Lan, Ba-Tur và Đại-Hồi. Hỏi về nhiệm-ký của Ủy-ban là bao lâu, thì thấy Trung-Cộng lộ vẻ bối rối và không dám định rõ thời-gian.

Chúng tôi nghi rằng phe Cộng-Sản đang đem áp-dụng thủ-đoạn « bình cũ rượu mới », lấy Ủy-ban làm một cái khung hình-thức, còn nội-dung thì biến-chế không thường. Hôm nay Ủy-ban còn có nhiệm-vụ làm thuyết-trình, ngày mai vì lý-do này khác, nó có thể tự gán cho nó những nhiệm-vụ mới thì ta ở xa làm sao mà kiểm-soát nổi. Rồi nó cứ kéo dài vô hạn-định, thì đích-thị là một tổ-chức vĩnh-viễn rồi còn gì ?

Cho nên chúng tôi lại phản-đối và lý-luận rằng, một Ủy-han thuyết-trình như vậy xét ra không cần-thiết, vì đã có 4 bản thuyết-trình của 4 tiểu-ban được đại-hội thông qua. Chỉ cần dựa vào tinh-thần các bản thuyết-trình của tiểu-ban để làm bản tuyên-bố chung là đủ. Không thể đề-cập đến những vấn-đề chưa được Hội-nghị thảo-luận.

Kết cuộc, sau 3 phiên họp Tiểu-ban 8 nước và chủ-tịch đoàn 15 nước, kế-hoạch thành-lập tổ-chức văn-hóa thường-trực bị bác bỏ vì không có sự toàn-thể tán-thành.

Chúng tôi cũng xin nói thêm rằng, ngoài phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa ra, còn có đa số các vị thư-ký Ấn-Độ phản-đối kế-hoạch nói trên, trong số này ta phải kể đến giáo-sư Kabir, Bộ-trưởng giáo-dục Ấn-Độ.

Đề ra khỏi chỗ bế-tắc này, Hội-nghị đã thảo-thuận giao cho các vị thư-ký Ấn-độ làm bản phúc-trình về các điều-kiện trao-đổi văn-hóa.

Một bản tuyên-bố chung văn-tắt được Hội-nghị thông qua, nguyên văn như sau :

« Hội-nghị các nhà văn Á-Châu họp tại Tân-đề-Li từ ngày
« 23 đến ngày 28 tháng Chạp 1956, đã tập-trung được lần đầu
« tiên trong lịch sử các nhà văn của 17 nước Á-Châu. Hội-nghị
« nhà văn đã tượng-trưng cho tinh-thần mới của Á-Châu phục-
« hưng, tinh-thần lớn-trọng tự-do và phẩm-giá của con người,
« tượng-trưng cho ý-thức mới của Á-Châu tự-hào về gia-tài văn-
« hóa huy-hoàng của mình, và cũng tượng-trưng cho ý-chí mới
« quyết tâm xây-dựng một đời sống mới giàu thịnh về tinh-thần và
« vật-chất cho nhân dân. Gác bỏ những quan-điểm và chủ-trương
« khác biệt, các nhà văn Á-Châu đã gặp nhau, chân-thành mong
« muốn tái-lập những tương-quan cổ-xưa về văn-hóa và phát-triển
« những tương-quan mới trong khung-cảnh thế-giới tân-liển,
« cùng thắt chặt tình đoàn-kết, sự hiểu biết lẫn nhau, lòng vị-tha
« và hòa-bình giữa các nhà văn giữa các dân-tộc và giữa các nước
« Á-Châu cũng như trên toàn thế-giới.

« Chúng tôi cảm thấy rằng chỉ có những cuộc trao-đổi tư-
« tưởng tự-do nhất trong các cuộc gặp gỡ của nhà văn hay của
« các hội văn-ngệ Á-Châu, cũng như sự trao-đổi sách vở, mới
« có thể đạt tới những mục-tiêu nói trên.

« Chân thành tin-tưởng vào các truyền-thống vị-tha của Á-
« Châu già nua, cũng như vào sự đại-đồng và nhân-bản, chúng
« tôi tin rằng sự hợp-tác văn-hóa giữa các quốc-gia Á-Châu sẽ
« đưa tới sự thông hiểu giữa các nước, sự trao đổi văn-hóa lẫn
« nhau và sự trao đổi tin-lực.

« Chúng tôi mong rằng các nhà văn trên các nước Á-Châu
« hay cùng nhau thực-hiện những lý-tưởng đó, giữ những mối
« tương-quan liên-tục và ghi nhớ rằng chúng ta thuộc vào một
« đại gia-đình văn-ngệ trên toàn thế-giới ».

Lập-trường đặc-biệt của phái-đoàn văn-ngệ Việt-Nam
Cộng-Hòa đã khiến cho dư-luận báo-chí chú-ý tới. Một số ký-
giả tại thủ-đô Tân-đề-Li yêu-cầu chúng tôi cho biết cảm-tưởng
và ý-kiến về Hội-nghị các nhà văn Á-Châu.

Không đủ thời giờ chuẩn-bị một cuộc hội họp báo-chí,
chúng tôi có gởi cho các báo một bản thông-tư xác-định lập-
trường về vấn-đề trao đổi văn-hóa và trình-bày cảm-tưởng về
Hội-nghị.

Nguyên văn bản thông-tư gởi cho báo-chí như sau :

*Phái đoàn văn-ngệ nước Việt-Nam Cộng-Hòa đến tham-dự
Hội-nghị các nhà văn Á-Châu với tất cả thiện-chí và không hề
đem theo thành-kiến.*

*Bước chân đến Thủ-Đô Tân-Đề-Li, chúng tôi tự nhủ gạt bỏ
những quan-niệm chánh-trị, chân thành và tin-tưởng đặt vấn-đề
văn-ngệ Á-Châu trong tinh-thần vô-tư và xây-dựng.*

*Trong bài diễn-văn khai-mạc, chúng ta đã giải bày lòng
khao-khát được cùng bắt tay với các bạn nhà văn Á-Châu để
cùng xây-dựng tổng-hợp đề văn-hóa, mở đường cho tổng-hợp đề
lịch-sử đến sự giải-phóng con người và sự phát-triển con người
toàn diện.*

*Chúng tôi sung-sướng biết bao khi thấy giáo-sư Humayun
Kabir và nhà triết-học đáng kính Raja gopolachari cũng đồng
một quan-điểm như vậy. Thì ra từ mọi chân trời xa lạ, những
nhà văn tha-thiết đến tương-lai mà con người đều ý-thức sự
khủng-hoảng hiện-tại của nền văn-hóa thế-giới. Và họ ý-thức rằng
Hòa-bình và hạnh-phúc của nhân-loại chỉ có thể được trường-cửu
một khi có sự quân-bình trong nội-tâm của con người đồng thời
với cuộc tổng-hợp đề về văn-hóa và nhân-bản.*

Đó là mối khich-lệ quý báu cho chúng tôi.

Tuy nhiên, niềm khich-lệ tinh-thần của chúng tôi không được lâu dài. Vì mặc dầu tích-cực sinh-hoạt trong hội-nghị, tham-gia mọi cuộc thảo-luận trong các tiểu-ban, cũng như nghiên-cứu tương tận các bản thuyết-trình của đại-biểu các nhà văn Á-châu, chúng tôi không thấy hội-nghị trình-bày về lý-tưởng căn-bản cho nghệ-thuật Á-Châu phục-hưng như chúng tôi mong muốn, một số lớn các đại-biểu văn-ngệ tới đây, vì vô-tình hay cố-ý, chỉ muốn nêu ra vấn-đề đấu-tranh chánh-trị, dùng văn-ngệ làm một lợi-khí để tuyên-truyền cổ-động, mặc dầu những khẩu-hiệu tuyên-truyền nhiều khi chánh đáng như hòa-bình, hạnh-phúc, chống thực-dân phong-kiến.

Thật ra, hòa-bình phải xuất-hiện ngay từ trong nội-tâm mỗi con người. Sự thắng bằng của con người là một điều-kiện căn-bản của hòa-bình xã-hội, hòa-bình thế-giới. Chính-trị kinh-tế, còn chưa giải-quyết được vấn-đề hòa-bình thì làm sao ta có thể gán cho văn-ngệ một nhiệm-vụ khó khăn như vậy?

Sự-mạng chân-chính của văn-ngệ không phải là để làm lợi khí cho các hoạt-động khác mà để tạo ra nền thắng bằng nội-tâm của con người trong cương-vị cá-nhân, gia-đình, xã-hội và vũ-trụ.

Một số nhà văn mệnh-danh là cấp-tiến chắc đang mỉm cười chế chúng tôi.

Nhưng chúng tôi chỉ xin nhắc họ rằng nền quân-bình đó đã một thời được thực-hiện, khi nền văn-minh Đông-Phương đi đến chỗ cực-thịnh nhờ vào truyền-thống và những giá-trị tinh-thần bất-diệt của Đông-phương.

2 nền văn-minh truyền-thống còn tồn-tại cho đến ngày nay là của Trung-hoa và Ấn-Độ.

Tuy nhiên Trung-Hoa lục địa ngày nay đã lãng quên mất truyền-thống huy-hoàng của mình, bỏ mất nguồn liên tục lịch-sử vẻ-vang mà lao đầu theo một chủ-nghĩa ngoại-lai là chủ-nghĩa Cộng-sản.

Văn-hóa Cộng-sản tại Trung-hoa lục địa đã quá khó khăn, cần cỗi vì chỉ chủ-trương đấu-tranh giai-cấp cũng-cổ Đảng và Chánh phủ là những bộ máy độc-tài.

Chúng tôi chỉ còn có thể trông mong vào Ấn-Độ. Tại đây, Gandhi và Tagore đã vạch đường cho nền tổng-hợp đề văn-hóa Đông Tây, vượt ngoài biên-giới Á-Châu để đạt tới độ quốc-tế.

Gandhi đã chứng-nghiệm nền tổng-hợp đó khi người đem tôn-giáo hóa, nghệ-thuật hóa, nghĩa là nhân-đạo hóa cuộc đấu-tranh chính-trị.

Những đề-tử của Gandhi đã trung-thành với chủ-trương của người, dựa vào phương-pháp bất bạo động để giải-phóng quốc gia dân-tộc.

Các nhà văn-nghệ Ấn-Độ có mặt tại Hội-nghị này, không ngớt nhắc lại những nguyên-lý cao cả Gandhi.

Tin theo tinh-thần nhân-bản đó, chúng tôi mời dám bước chân vào hội-nghị.

Thế mà hội nghị đã không đạt được mục-đích của mình. Hội-nghị đã bị lũng-đoan bởi tinh-thần tranh-đấu, dùng văn-nghệ làm lợi-khi tuyên-truyền chánh-trị, các đại-biểu chỉ nói nhiều về nền văn-nghệ giai-cấp, nền văn-nghệ phục-vụ chánh-trị chứ không nghĩ đến mục-tiêu nhân-bản của văn-nghệ.

Chủ-trương đấu-tranh giai-cấp, dùng văn-nghệ làm công-cụ để thực-hiện và củng-cố nền độc-tái cộng-sản không phải là mục-tiêu chánh của hội-nghị như chúng tôi tưởng.

Mà cuộc đấu-tranh giai-cấp của họ đã phải dùng đến những biện-pháp tàn-ác nhất như gieo-rắc cảm-hờn, thúc-dục thù-tính, và giết chết tình-cảm.

Cũng vì vậy, mà chúng tôi rất dè-dặt khi đề-cập đến vấn-đề trao đổi văn-hóa với phe cộng-sản.

Chúng tôi nghĩ rằng sự phát-triển các tương-quan quốc-tế là một điều-kiện tiền-hóa tất nhiên của lịch-sử hiện-đại. Chúng tôi cũng nghĩ rằng sự trao đổi văn-hóa chẳng những là một điều mong muốn, mà còn là một nhu-cầu quan-trọng nữa.

Cho nên chúng tôi mong muốn được thưởng-thức và thông-cảm với những đóa hoa văn-nghệ xa lạ từ 4 phương trời gửi tới. Chúng tôi thành-khẩn muốn trao đổi tác-phẩm và nhân-sự, và đã từng mong mỗi sự thành-lập các đại-diện văn-hóa bên cạnh đại-diện ngoại giao hay thương-mại giữa Ấn-Độ và Việt-Nam,

Vì chúng tôi muốn tìm hiểu nền văn-minh Ấn-Độ với những nguyên-lý ón-hòa nhân đạo.

Chúng tôi cũng mong muốn được phát-triển những tương-quan văn-hóa với các nước Tây-Âu và Bắc-Âu để hiểu biết những truyền-thống dân-chủ và xã-hội nhân-bản tại các miền đó.

Riêng đối các nước cộng-sản, chúng tôi xin nhắc lại sự dè-dặt của mình.

Bắc-Việt không ngọt hô-hào thiết-lập quan-hệ bình-thường, trao đổi văn hóa. Đứng ngoài mà xét ta tưởng đó là một thiện-chí. Thực ra đó chỉ là khẩu-hiệu tuyên-truyền để che lấp chỗ nhược-điểm của mình. Chúng ta còn chủ-trương một sự trao-đổi quan-trọng hơn : đó là sự trao đổi con người.

Văn-hóa dù cao-đẹp đến đâu cũng vẫn là sản-phẩm của con người. Muốn trao đổi văn-hóa, trước hết phải trao đổi con người, nghĩa là cho con người ta được tự-do giao-thông, tự-do chọn nơi cư-trú của mình tại miền cộng-sản hay tại miền không cộng-sản.

Những bức màn tre hay bức màn sắt đã ngăn cản công cuộc trao đổi con người, vi-phạm quyền tự-do giao-thông quyền tự-do tuyển-lựa nơi cư-trú, những quyền đã được bản tuyên-ngôn nhân-quyền liên-hiệp-quốc công-nhận.

Chính-sách thối-nát mà Bắc-Việt chủ-trương, buộc người dân phải xin giấy thông-hành khi muốn đi từ làng mình qua làng khác, là một bằng chứng tỏ rằng sự trao đổi nhân-sự rất khó-khăn giữa 2 miền cộng-sản và không Cộng-sản. Thế thì nói đến trao đổi văn-hóa chỉ là một lần trò hề.

Hơn nữa, theo bản-chất, nền văn-hóa cộng-sản đi đến chỗ gò-bó con người cưỡng-ép con người, nghĩa là đến sự phồng-khi con người. Nó không còn là sự phát biểu chân-thành tự-nhiên của những tình-cảm con người xuất-phát từ mọi tầng-lớp nhân-dân.

Lãnh-tụ văn-hóa Trung-cộng Chu-Dương trong kỳ đại-hội văn-hóa 1953 đã nhắc lại câu nói của Lénine :

« Sự-nghiệp văn-học là một bộ-phận công-tác của Đảng ». Lý-thuyết-gia đảng Cộng-sản Việt-Nam, Trương-Chinh cũng hô hào :

« Nghệ-thuật và tuyên-truyền là một, anh em (văn-công) phải quan-niệm văn-nghệ của ta nhất-thiết phải nằm trong lãnh-

ược tuyên-truyền, chỉ có thể thôi, không đi xa hơn nữa. Không đi lệch ra ngoài. Nếu lạc-hướng đó là thoái-hóa, lạc-hậu và tất nhiên sa vào phản-động».

‘ Vậy thì văn-nghệ cộng-sản là một bộ-phận tuyên-truyền cho chủ-nghĩa cộng-sản, một chủ-nghĩa ngoại-lai, phi-nhân, máy-móc.

Chúng tôi không muốn bị nhồi sọ bằng chủ-nghĩa đó, văn-nghệ đã là tuyên-truyền, tức là đi trái với nguyên-tắc, có đi có lại là tinh-thần của sự trao đổi. Trao đổi một chiều tức là tuyên-truyền chứ không phải là trao đổi.

Sau cùng, chúng tôi muốn rằng các nước cộng-sản hãy trao-đổi văn-hóa trong nước đã, nghĩa là cho các khuynh-hướng văn-hóa độc-lập và đối-lập có cơ-hội phát-triển, có những cơ-quan ngôn-luận không phục-vụ Đảng và chánh-phủ mà phục-vụ nhân-loại phục-vụ con người.

Cho đến nay, sự tự-do trao đổi văn-hóa nội-bộ không có. Tại các nước cộng-sản chỉ có một cơ-quan ngôn-luận chánh được phát-hành mà thôi.

Tại lục-địa Trung-Hoa nhà văn Hồ-Phong bị giam cầm từ 18 tháng nay chỉ vì đòi trả lại tự-do cho văn-sĩ. Tại Hung-gia-Lợi các nhà văn nhà tri-thức đã cầm bút, cầm súng chống lại chánh-quyền độc-tài.

Chúng tôi sẽ đặt vấn-đề trao đổi văn-hóa với các khu vực cộng-sản, khi nào chúng tôi chứng-biện cụ-thể rằng có những khuynh-hướng văn-hóa độc-lập hay đối-lập được hoạt-động công-khai tại miền đó.

Chúng tôi kết-luận rằng, trao đổi văn-hóa không thể là một hình-thức, tuyên-truyền lũng-đoạn. Hơn nữa, không có văn-hóa dưới các chế-độ áp-bức như thực-dân, phát-xít và cộng-sản vì không có tự-do.

Cũng vì những lý-do đó, chúng tôi phản-đối việc thành-lập một tổ-chức thường-trực cho văn-nghệ-sĩ Á-Châu. Chúng tôi sẽ nói lên ý-kiến của các nước không cộng-sản có mặt hay vắng mặt tại đây, rằng chúng tôi ghê sợ sự tái-lập một phòng thông-tin Cộng-sản quốc-tế đội lốt văn-nghệ.

Một phòng thông-tin văn-nghệ cộng-sản quốc-lẽ tại Á-Châu sẽ là một mối đe dọa nặng nề cho nền hòa-bình tại Á-Châu cũng như trên thế-giới.»

Thưa Quý Vị,

Thưa các Bạn,

Trên đây là những công-tác hội-nghị và những ý-kiến chính mà chúng tôi đã thực-hiện và phát-biểu tại Hội-nghị các nhà văn Á-Châu.

Trong những phút thảo-luận sôi nổi, những ý-kiến đó chưa hầu đã hoàn-toàn chín chắn.

Có điều đáng chú ý là, trước sau như nhất, nó trung-thành với tinh-thần và lập-trường cố-hữu của chúng ta.

Trước khi hết lời, chúng tôi xin mạn phép các bạn trình-bầy rằng :

Bị làm vào bước thoái-trào tại Âu-Châu, phe Cộng-Sản quốc-tế đang hướng trung-tâm hoạt-động vào Á-Châu. Mà hoạt-động kín đáo nhất hiện nay lần vào phạm-vi văn-hóa.

Rất có thể cuối năm nay phe Cộng-Sản quốc-tế sẽ lại triệu-tập một hội-nghị văn-nghệ Á-Châu khác.

Để đối phó lại, chúng ta, văn-nghệ-sĩ tại Việt-Nam và Á-Châu tự-do phản hiệp-lực lại, gạt bỏ những quan-diểm dị-biệt, mà xung vào hàng ngũ Văn-hóa tự-do tại Á-Châu trước để đoàn-kết nội-bộ, sau để chặn đứng hiểm-họa xâm-lãng văn-hóa của Cộng-Sản.

Tương-lai Á-Châu một phần trông vào các bạn.

Chúng tôi xin trân-trọng cảm ơn.

NHUỆ-HỒNG NGUYỄN-HỮU-THỐNG

Saigon, 8-1-1957

THỬ ĐỊNH-NGHĨA VĂN-HÓA TRÊN QUAN-ĐIỂM NHÂN-VỊ

Chiều 8-1-57 :

ĐỀ MỤC:

THỬ ĐỊNH-NGHĨA VĂN-HÓA TRÊN QUAN-ĐIỂM NHÂN-VỊ

Thuyết trình viên : G.S. Lê-hữu-Mục.

Chủ-tọa đoàn : ô ô. Võ-long-Tê (nhà văn)
Lâm - Toại (nhà văn)
Luật-sư Nguyễn-hữu-Trứ.

Thư ký đoàn : như cũ.

NỘI DUNG :

Đã từ lâu, người Việt-Nam chúng ta băn-khoăn về ý-nghĩa sâu xa của đời sống. Loài người hăng-hái lao mình vào những cuộc phát-huy khoa-học, nhưng những hiệu-quả tai-hại của văn-minh cơ-khí không khỏi làm cho chúng ta bi-quan. Làm thế nào để cho con người vừa thỏa-mãn được những nhu-cầu vật-chất, vừa thực-hiện được những nguyện-vọng sâu xa của tinh-thần? Phải theo một nền văn-hóa nào để cho con người vừa được sống đầy-đủ trong trật-tự thiên-nhiên, vừa tiến đến thiên-mạng bất-diệt để đồng thời, bảo-vệ những quyền-lợi căn-bản như quyền sinh-sống, và phát-triển được nhân-cách, lý-trí, đạo-đức.....

Để giải-đáp những câu hỏi chính-đáng này, tôi xin phép lần lượt nhận-xét những quan-niệm về danh từ văn-hóa, xác định quan-

điểm văn-hóa trên lập-trường Nhân-vị và Duy-linh ; sau đó, trình-bày những đặc tính của nền văn-hóa ấy.

Trước hết, là tìm hiểu danh-từ văn-hóa theo từ-nguyên và theo những quan-niệm khác nhau của các nhà văn-hóa.

A. — THEO TỪ-NGUYÊN

1. — VĂN.

Văn là vẻ, nghĩa là cái thể-hiện tao-nhã, thanh-lich, tinh-tế của sự-vật. Văn đối-lập với chất, nghĩa là một cái chưa có hình-thức trau chuốt và gọt dũa.

Nói đến văn là nói đến vẻ đẹp, cái đẹp muôn hình-thể được biểu-thị bằng sự nhịp nhàng của màu sắc, cái uyển-chuyển của một cung-bực, sự cân-đối của đường nét, vẻ đậm-đà của một mùi hương ; nói tóm lại văn là vẻ đẹp thể-hiện trong sự điều-hòa.

Văn còn là kết-quả của một thể quân-bình, nghĩa là trong trạng-thái trừu-khử những yếu-tố xung-khắc, và hòa dịu những thành-phần mâu-thuẫn hoặc cực-đoan. Nếu cái mỹ của nhà nho là do sự sung-thực, cái thiện là cái gì khả dục, thì đối với con người, văn là cái « trung-hòa », nghĩa là trạng-thái cân bằng của tình cảm, sự « phát nhi giai trủng tiết », cái « tình thâm nhi văn-minh » của sách Lê-Ký.

Sau cùng văn có nghĩa là hình-tượng các loài mà đặt ra chữ ; bởi thế, văn thường được dùng như là một danh-từ tổng-quát để chỉ-định tất cả những sản-phẩm của trí-tuệ biểu thị bằng lời nói hay bằng chữ viết. Văn theo nghĩa này cách-biệt hoàn-toàn với chữ lẽ được coi là quan-trọng hơn (tiên học lễ, hậu học văn).

2. — HÓA

Hóa là biến, một cái gì mang nó từ một trạng-thái này sang một trạng-thái khác. Hóa đòi hỏi một sự biến-chất. một vận-động của vật-thể để từ chỗ này quay cuồng, vật-vã, tối tăm tiến đến sự rực rỡ. huy-hoàng, lộng-lẫy, Chữ Hóa gọi ra một ý-niệm về tiến-bộ, về phát-triển ở bản-thân cũng như ở đồng-loại. Nó diễn-tả một sức mạnh luôn luôn tự vượt, luôn luôn chống tại quán-tính

bẩm sinh để chiêm đoạt những đức-tính mới. Chữ Hóa bao hàm một sức căng thẳng thường-xuyên, một quá-trình tiến-triển bất túc.

3.— Vậy danh từ Văn-Hóa theo từ-nguyên là một quan-niệm động, biểu-thị một sự phát-huy từ cái sâu-xa đến cái đẹp-đẽ, từ cái hỗn-tạp đến cái điều-hòa; nó nói lên sự nỗ-lực vô-biên của cá-nhân trong những phạm-vi nghệ thuật, giáo-dục, đạo-đức, để đạt tới một cái đẹp hoàn toàn.

B.— THỬ TÌM HIỂU MỘT VÀI ĐỊNH-NGHĨA

Sau khi đã phân-tích ý-nghĩa của danh từ văn-hóa theo từ nguyên, ta thử đối-chiếu một vài quan-điểm của các nhà văn-hóa về danh-từ này.

1.— NHỮNG QUAN-DIỂM BẤT TOÀN.

a) của ông Nguyễn-văn-Tổ: « Văn-hóa là những ngành hoạt-động tinh-thần ». Định-nghĩa này có một giá-trị rất đáng kể là nhấn mạnh vào tính cách trí-tuệ của văn-hóa, nhưng nếu đi sâu vào bản-tính của con người và suy-nghiệm một cách thực-tiến về đời sống, ta sẽ nhận thấy rằng nếu người là tinh-thần thì tinh-thần ấy phải ở trong một thể-chất, nghĩa là tinh-thần của loài người không phải là thuần-túy, mà là một tinh-thần nhập-thể. Nếu nói đến văn-hóa, mà chỉ đề-cập đến sinh-hoạt của tinh-thần mà không cho biết sinh-hoạt ấy tác-động ở đâu, trên một cái gì thì đó chỉ là một quan-điểm chưa được kiện-toàn về văn-hóa.

b) Của Ông Đào-Duy-Anh: Tôi nhắc đến Ông để chứng tỏ rằng một khi không có một quan-niệm lành-mạnh về văn-hóa thì ta sẽ bị tha-hóa (1) một cách dễ dàng. Đầu tiên, Ông định-nghĩa « văn-hóa là dùng văn-vật để giáo-hóa ». Đây là một định-nghĩa rất mơ hồ vì trong một định-nghĩa, không bao giờ được nhắc lại những chữ dùng trong danh-từ; ở đây, Ông Đào-Duy-Anh đã nhắc lại chữ văn và chữ hóa trong khi đáng lẽ ra, ông phải xác-định, những đặc-tính và giới-hạn của những chữ ấy, có lẽ nhận thấy khuyết-điểm ấy cho nên trong quyển « văn-hóa là gì », Ông Đào-Duy-Anh đã trình

(1) tha-hóa: Aliéné, aliénation.

bày một định nghĩa mà Ông cho là đủ hơn : « văn-hóa là những giá-trị, biểu-hiệu cuộc sinh-hoạt mạnh-mẽ của loài người trong tất cả mọi phương-diện vật-chất, tinh-thần và xã-hội. Những môn-bộ gồm thành văn-hóa là hình thức kỹ-thuật, kinh-tế, chính trị pháp-luật, binh-chế, giáo-dục, ngôn-ngữ, văn-tự, triết-học, khoa-học, tôn-giáo v.v... » Định-nghĩa thứ hai này mặc dầu đề-cập đến toàn-thể hoạt-động của con người vẫn còn mắc phải một khuyết-điểm lớn là đã trừu-tượng hóa, nghĩa là đã tách rời khỏi-điểm và cùng-điểm của văn-hóa là con người.

c) Những quan-điểm quá nghiêng về tác-dụng của văn-hóa. Đó là những định-nghĩa của một vài nhà văn-hóa Mỹ như Ellwood, Wissler, Wallas, người thì chỉ đứng về phương-diện lợi-ích của văn-hóa, người thì chỉ nhìn-nhận hình-thức của văn-hóa, người thì chỉ nghĩ đến tính-chất của văn-hóa. Những định-nghĩa trừu-tượng này chỉ hời-quang một phần bé nhỏ và nông cạn của danh-từ.

d) Những quan-điểm của đám đông : Phần nhiều, người ta chỉ quan-niệm chữ Văn-hóa theo một nghĩa rất hẹp. Có khi văn-hóa bị lầm lẫn với học-lực : Người có văn-hóa cao là người hay-chữ. Văn-hóa còn nhiều khi đồng-nghĩa với văn-học, với văn-nghệ. Các nhà văn-hóa phải có một thái-độ rõ rệt về vấn-đề này, nếu không thì một ngày kia văn-hóa chỉ còn có nghĩa là kịch và ca-nhạc.

2. — NHỮNG ĐỊNH-NGHĨA CHƯA RÕ RỆT.—

a) của sách Từ-Hải : « Văn-hóa là thành-tích của sự gắng sức của loài người từ dã-man mà đến văn-minh : thành-tích ấy hiển-hiện ở các phương-diện là khoa-học, nghệ-thuật, tôn-giáo, đạo-đức, pháp-luật, phong-tục, tập-quán, tổng-thể của các cái ấy gọi là văn-hóa ».

b) của Jacques Maritain : « Văn-hóa hay văn-minh tức là sự nẩy nở đời sống hoàn-toàn nhân-loại, gồm có chẳng những sự tiến-triển vật-chất cần-thiết và đầy đủ để chúng ta sống một đời đườn-g-hoàng ở cõi thế mà trước hết là có sự tiến-triển tinh-thần, sự tiến-triển các ngành hoạt-động thuần-lý và thực dụng (nghệ-thuật và đạo-đức) đáng gọi là sự tiến-triển nhân-loại ».

c) của Léon Brienschvicg : « Văn-hóa, theo nghĩa đen mà nói, ấy là những cái gì bồi-bổ vào bản-tính tự-nhiên để nâng loài người lên trên trình-độ cảm-thú. Ấy là sự tinh-tế trong phong-tục, sự thanh-cao trong tính tình, lòng hiếu-mỹ và trí thắm-mỹ, tóm lại là hết thấy những cái gì có lẽ không làm cho bản-năng riêng của chúng ta hao hụt đi, mà chỉ muốn làm cho sự sinh-hoạt thêm phần khoái-lạc, mục-đích đem lại trong giao-tế xã-hội, cái hứng-thú độc-chất của chế-độ và sự dịu-dàng ». Những định-nghĩa này, của các học-giả danh tiếng của ngoại quốc không phải là những quan-điểm tầm thường, nhưng vẫn còn một cái gì làm cho chúng ta chưa được thỏa-mãn : đó là sự khiêm-diện của con người được coi như thực-thể có tự-do và lý-trí, mà mọi hoạt-động đều hướng về một cứu cánh tuyệt-đối và cuối cùng.

3.— ĐỊNH-NGHĨA DUY-VẬT.—

Nhưng trầm trọng nhất là sự sai lầm của các nhà duy-vật chỉ muốn hiểu văn-hóa theo một chiều. Không nói đến những nhà duy-vật Tây-phương, chỉ nhắc đến một vài nhà duy-vật ở Việt-Nam, ta đã nhận thấy dễ-dàng những khuyết-điểm lớn lao của lập-trường duy-vật. Đây là luận-điệu của tác-giả bài « vấn-đề văn-hóa » : « Đứng về phương-diện tinh mà xét thì văn-hóa là ý-thức hệ của một trạng-thái xã-hội nhất-định. Theo phương-diện động của nó thì văn-hóa là ý-thức hệ của quá-trình tranh-đấu đẳng-cấp trong một xã-hội nhất-định ». (Vấn-đề văn-hóa, trong văn mới Nghị-luận, số 1 ngày 10-10-1944, trang 2). Vẫn biết rằng văn-hóa là sản-phẩm của con người trong xã-hội để điều-hòa thích-ứng với thiên-nhiên, nhưng nếu nhận-định rằng « chỉ khi nào cái sự-trạng vật-chất đang có mà thành hình-trạng rõ-rệt, khi ấy trong lãnh-vực ý-thức (lãnh-vực văn-hóa) mới nảy ra được một cuộc tranh-đấu có hệ-thống và mục-đích rõ-rệt », nếu chỉ công-nhận ở con người toàn những phản-ứng thụ-động và mù quáng ấy thì thực đã phủ-nhận tất cả những đặc-tính tự-do và lý-trí đặc-biệt của con người. Bản-chất của nhân-loại không phải chỉ là vật-chất và lệ-thuộc một cách máy móc vào những tương-quan sản-xuất. Phái duy-vật sai lầm khi chỉ nhận-định một cách nhất-nguyên về con người. Khuyết-điểm ấy chẳng những không giải-quyết nổi những mâu-thuẫn lớn lao của các thành-phần trong xã-hội, mà trái lại, đã gây ra một sự căm-thù giai-cấp ghê tởm, làm cho loài người trở thành một loài cảm-thú dã-man đấu-tổ giết chóc lẫn nhau.

A) **Phê-bình và chủ-trương.** — Sau khi nhận-định tổng-quát về một vài định-nghĩa danh-từ Văn-hóa, tôi thấy rằng các quan-niệm nói trên về văn-hóa không đặt nặng một vấn-đề quan-yếu là **vấn-đề người**. Sự hiện-diện của người không được xác-định minh-bạch trong quá-trình tiến-triển của văn-hóa, hoặc nếu có một ai nhắc nhở đến thì con người được đề-cập chỉ là một con người **trừu-tượng**, quan-niệm theo một chiều. Sự thực, khi ta tách rời chữ văn và hóa thì sự phân-tích có vẻ hợp lý và dễ-dàng nhưng như thế là ta đã cắt đứt một thực-tại bất-phân, một nguồn sống rào rạt. Đã nói văn thì mục-đích của nó phải hóa, đã nói hóa thì cũng phải có một điều-kiện tối cần là văn, hai chữ ấy tạo thành một danh-từ mang một ý-nghĩa nhất-quán, tiến-triển trong một quá-trình. Văn là kết-quả của một thích-ứng mà con người biểu-thị một cách hữu-thức trước thiên-nhiên, thích-ứng ấy không đến một cách đơn độc, nó sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, rồi tiến-triển. Như thế gọi là hóa, nhưng hóa phải hướng đến văn, và như thế, hai điều luôn-luôn giao-tiếp nhau để tiến đến một trình-độ cao xa hơn nữa. Sự liên-hệ mật-thiết giữa văn và hóa là sự-kiện tất nhiên không cần phải bàn cãi dài dòng nhưng có một điều mà có lẽ « hơn một người » đã thắc-mắc là cái quá-trình tiến-triển, cái liên-quan tương-hỗ ấy bắt đầu ở một khởi-điểm nào và sẽ chấm dứt ở một cùng-điểm nào, hay là chỉ tuân theo một sức mạnh nội tại mà tiến-triển mãi mãi? Tôi xin trả lời khởi-điểm cũng như cùng-điểm ấy, ta sẽ không tìm kiếm đâu xa, nó nằm ngay trong ý-nghĩa danh từ, ngụ-ý trong bản-chất của danh-từ. Đây là một bông hoa. Bông hoa rực rỡ ấy mang biết bao nhiêu là chất Văn trong bộ cánh yêu-kiều, nhưng cái Văn ấy chính hoa không thể nào ý-thức được. Còn cái Văn mà chúng ta đang đề-cập đây là cái văn mà ta đã chất ra từ cái chất thô-sơ mộc-mạc. Đó là cái Văn được trừu-tượng bởi một tác-động của tinh-thần, bởi vì chỉ có tinh-thần mới có đủ uyển-chuyển để tự vượt khỏi mình, đứng ra xa mà nhìn lại mình, nghĩa là chỉ có tinh-thần mới có khả-năng trừu-tượng hóa. Vậy cái Văn đang được bàn cãi ở đây là cái văn đã được ý-thức, mang dấu vết đẻo gọt của một trí tuệ, chở nặng một nỗ-lực kiên-trì và kham khổ: đó là cái Văn mà chỉ có loài người mới tri-giác được. Lại nữa, không ai chối cãi rằng giống vật cũng có một phần nào tiến-bộ; loài ong chẳng hạn sẽ thôi không hút nhị hoa nếu tìm được nột chỗ nào có đường. Nhưng sự tiến-bộ của bản-năng dù sao chỉ là một tác-động vô-thức và klu-biệt. Trí-tuệ, chỉ có trí-tuệ là có thể kéo ở đây ra một

định-luật chung, một đường lối, một nguyên-tắc. Đó là đặc tính của loài người, và chỉ có loài người mới có văn-hóa thực-sự. Vậy danh-từ văn-hóa đã tự-nhiên bao-hàm ý-niệm người. Khởi điểm của văn-hóa là người, văn-hóa là một sản-phẩm của nhân-loại và công-dụng là để phụng-sự nhân-loại trên các bậc thang tiến-hóa.

Tôi vừa phân-tích đặc-điểm tổng-quát của danh-từ văn-hóa, và tôi thiết-tưởng các nhà văn-hóa, mặc dầu khác nhau về một vài chi-tiết, đều nhất loạt chủ-trương rằng văn-hóa có một giá-trị nhân-bản, và mọi hoạt-động văn-hóa đều phải nhằm vào một mục-đích là phát-huy giá-trị của con người. Nhưng chính vì cái giá-trị này của con người mà các học-giả bất đồng ý-kiến với nhau. Từ ngày Diogène thắp đèn giữa ban ngày để tìm kiếm một người cho đến ngày Tú-Xương :

Mong cho sĩ-thứ, người trong nước,

Sao được cho ra cái giống người.

Văn-đề Người, không biết bao nhiêu lần đã được đặt lên thảm xanh và hiện bây giờ cuộc tranh-luận về con người vẫn còn sôi nổi. Khoa-học đã ghi được biết bao thành-tích vẻ-vang trong công cuộc chinh-phục ngoại giới, nhưng trước cái phức-tạp của người đời và đời người, có lẽ con người vẫn là con người lạ mặt, nói như Carrel. Mỗi một nhà cầm bút đều có một quan-niệm riêng biệt về người. Có con người quân-tử, con người Nietzsche, con người sắc-tri-êng... chúng ta cũng có con người đời Trần, con người Tự-lực, con người Hàn-Thuyên v.v... ấy là chưa nói đến những con người cổ-điển, những con người lãng-mạn., những con người này chỉ được quan-niệm theo cách thể-hiện của nó trong xã-hội nhân-quần. Đó chỉ là con người ở cái phần mà Bergson đã gọi là khu-vực bi-phu. Các học-giả phải đào sâu vào khu vực bên trong của bản-ngã, để định-nghĩa con người dưới cạnh góc bản-tính. Nhưng chính ở điểm này mà sự bất đồng ý-kiến đã gây ra không biết bao nhiêu là quan-niệm và tiếp theo đây là những cuộc tranh-luận gay gắt. Đại-cương ta có thể chú-ý đến hai lập-trường xung-khắc nhất là học-thuyết duy-vật và duy-tâm

a) Đại-đế học-thuyết duy-tâm là một khuynh-hướng qui-nạp tất-cả thực-tại vào ý-niệm và tư-duy. Từ quan-niệm vô-chất của Berkeley, học-thuyết hiện-tượng của David Hume đến quan-điểm duy-tâm tuyệt-đối của Kant, Fichte, Edmond, Husserl bên Đức, Bradley và Thomas Hill Green bên Anh, Renouvier và mới đây Léon

Brunchvicg, René le Senne bên Pháp, các nhà duy-tâm căn-cứ trên nguyên-tắc túc-ly và trên tính-cách dị-biệt giữa vật-chất và tinh-thần để quả-quyết rằng chỉ đạt được những biểu-tượng của sự-vật chứ không có một lý-do nào có thể công nhận sự tồn-tại của sự vật ; họ còn căn-cứ trên nguyên-tắc mâu-thuần để chủ-trương rằng, mọi cái ở bên kia tư-duy là cái không thể nào tư-duy được. Các nhà duy-tâm phủ-nhận sự hiện-diện của thể-chất và chỉ xác-nhận một thực-tại là tinh-thần. Không nói thì ai cũng biết rằng chủ-trương này tất-nhiên phát-sinh ra chủ-nghĩa « duy-ngã » hoàn-toàn chống lại khoa-học.

b) Phái duy-vật triệt-để đối-lập với phái duy-tâm và qui- nạp mọi thực-tại vào vật-chất. Con người của họ hoặc chỉ là một cá-nhân hoặc chỉ là một phần-tử hy-sinh cho chủng-loại. Nhà duy-vật coi người như một hữu-thể, của thiên-nhiên trong thực-tại vật-chất của nó và là một đối tượng của trí-thức cảm-quan. Đây là một hữu-thể rõ ràng bị hạn-định bởi đơn-vị động-vật. Con người của học-thuyết này, theo một nhà duy-vật « là sản-vật của xã-hội. Nó đã ra đời với qui-định » Con người ấy, các nhà duy-vật không muốn cho là gì cả, họ chỉ nhìn đây là một con số, là một vật hy-sinh, là một phần tử âm-u của xã-hội. Chỉ khi nào nền tảng kinh-tế biến-đổi thì con người, được qui-định bởi hoàn-cảnh xã-hội mới, sẽ phát-triển được khả-năng và thực hiện được định-mạng. Chủ-trương này một dạo đã làm mưa làm gió trên văn-đàn Việt-Nam, nó đã đập đổ quan-niệm duy-tâm mơ hồ, nó đã công-phá dũ-dội, quan-niệm cá-nhân vị kỷ của thực-dân, và hiện nay, nó đang đày-đọa nhân-dân ngoài Bắc một cách vô cùng tàn-bạo. Làm thế nào để chống lại học thuyết phi-nhân này. Từ năm 1949, các nhà hữu-tâm với nền văn-hóa dân-tộc đã cùng nhau bàn-luận xông-xao ; trong cảnh khủng-khoảng tinh-thần ấy, lời kêu gọi thống-thiết của các nhà văn-hóa không có tiếng vang, chẳng những chưa được lưu-ý ủng-hộ mà còn bị những phần-tử duy-vật ẩn-núp trong hàng-ngũ quốc-gia dũ dội đã-phá. Nhìn về thực-tế thì nhân-dân đã kiệt-quệ dưới ách nặng nề của phong-kiến và thực-dân, đời sống càng nghèo-nàn cơ-cực dưới ách Cộng-Sản.

Học-thuyết duy-tâm không đủ hiệu-lực để gây một chút tin-tưởng trong tâm-hồn của họ. Giữa lúc âm-đạm bi sầu ấy, thì nhà Chí-sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM trở về như một ngôi sao rực-rỡ. Cuộc Cách-mạng nhân-vị khởi-phát với học-thuyết duy-linh. Một bầu không-khí mới thay đổi hẳn cục-diện miền Nam Việt-Nam ngày thêm tươi sáng.

Đứng trong lĩnh-vực của học-thuyết duy-linh và trên lập-trường nhân-vị, tôi xin định-nghĩa danh từ văn-hóa như sau : « Văn-hóa là tất cả những hoạt-động để thỏa-mãn những nhu-cầu tinh-thần và vật-chất nhằm mục-đích phát-huy nhân-vị ».

Định nghĩa này trưng ra một quan-niệm nhị-nguyên nghĩa là một quan-niệm toàn bộ về con người. Con người ở đây không chỉ là một tinh-thần thuần-túy, cũng không phải chỉ là một cơ-thể động-vật. Con người là một nhân-vị, khảo sát về phương-diện vật-chất, nó có một thực-thể tự-nhiên mà về phương-diện tinh-thần, có lý-trí và tự-do, nhờ đó có thể sống một cuộc đời đầy đủ và có khả-năng vượt quá cuộc đời tự-nhiên để thực-hiện một sứ-mạng cao quý. Học thuyết chủ-trương con người là một nhân-vị là học-thuyết duy-linh. Vậy cần định-nghĩa để tìm những đặc-tính cốt-yếu của học-thuyết này, đồng thời, tôi đề-nghị cùng các nhà văn-hóa một con đường tiến-triển mới mà đặc-tính chống-đổi lại duy-tâm và duy-vật.

II. — ĐẶC TÍNH CỦA NỀN VĂN-HÓA MỚI LÀ ĐẶC TÍNH CỦA HỌC-THUYẾT DUY-LINH

a) ĐỐI-LẬP DUY-TÂM

Trái với duy-tâm, thuyết duy-linh nhìn nhận con người cũng là một thực thể tự-nhiên, nghĩa là có cơ-thể tương-tự như cơ-thể loài vật. Sự trạng đầu tiên có thể quan-sát dễ dàng là tổ-chức thể-chất của con người và tính-cách liên-hệ của nó với vũ-trụ. Bởi cơ-thể của tôi là một phần của thiên-nhiên, tôi bị bao-hàm một khối năng-lực hóa-cơ và sinh-lý, tôi bám rễ vào vũ-trụ, trong một thể-giới đầy những năng-lực huyền-bí và sôi trào mà không bao giờ tôi có thể thoát khỏi được hoàn-toàn. Tôi là một hữu-thể thiên-nhiên, nên tôi trực-tiếp lệ-thuộc thiên-nhiên nếu không có một vài sự-vật cần-thiết thì đời sống của tôi rất khó khăn ; tôi tuy thuộc cái « khác » ở ngoài tôi, cái « khác » ấy là thể-giới vật-chất ; là một hữu-thể khách quan, tự-nhiên, những đối-tượng của tư-duy tôi tồn-tại ở ngoài tôi như những đối-tượng độc lập ; nhưng những đối-tượng này là những đối-tượng của nhu-cầu đối với tôi : đối chẳng hạn là một tình-trạng về nhu-cầu tự-nhiên, nó cần có một cái gì ở ngoài nó, một thiên-nhiên ở ngoài nó làm thỏa-mãn. Đó là một tình-trạng về nhu-cầu vật-chất cơ-thể ; là một hữu-thể tự-nhiên tôi cần biết bao nhiêu sự vật để tồn tại, để thực-hiện, để phát-triển.

Sự tùy thuộc của thể-chất đối với thiên-nhiên sẽ tạo ra cho nó những mối liên-hệ chặt-chẽ với vũ-trụ. Lý-do này giải-thích tại sao việc tổ-chức thể-giới vật-chất là một công cuộc tối-cần. Nền văn-hóa nhân-vị sẽ nghiên-cứu những biện-pháp thích nghi để phát-triển kinh-tế, thăng-bằng giá-trị của tiền-tê trong thị-trường, kiểm-điểm tín dụng để tiêu-diệt nạn cho vay nặng lãi; thi-hành những biện-pháp bảo-vệ mậu-dịch, theo rồi thị-trường quốc-tế v.v... Nền kinh-tế chỉ được bảo-vệ một khi toàn dân góp công vào việc tăng-cường sản-lực; để giúp đỡ nhà nông, ngư-u-canh, điền-khí cần phải được cung-cấp rộng rãi. Năng-xuất cũng sẽ được tăng-gia nhờ ở sự hạn-chế đại-diện-sản, bởi vì đại-diện-sản là một chế-độ không phù-hợp với tâm-kích của con người và gây ra những mâu-thuân không thể tránh được giữa tá-diện và chủ-nhân. Nông-nghiệp cần phải được kỹ-nghệ hóa, các ngành thủy-lâm ngư-nghiệp cần phải được bành-trướng đồng thời với nền công kỹ-nghệ.

Hơn nữa, học thuyết duy-linh đã chứng-nhận rằng sinh-hoạt của tâm-linh bao giờ cũng liên-hệ chặt-chẽ với sinh-hoạt của thể-chất. Thí-dụ sự lưu-thông của khí-huyết là hiện tượng sinh-lý đóng một vai trò quan-trọng liên-quan với hiện-tượng tâm-linh. Khoa-học ngày nay đã xác-định tính-cách cần-thiết của các « nội-tiết-tuyến » đối với sinh-hoạt tinh-thần. Những thí-nghiệm của Dubois của Mosso về những « rãnh » Rolando và Sylvius trong óc có thể một phần nào chứng minh sự lệ-thuộc của hoạt-động trí-tuệ vào những trạng-thái của não. Lời nồng-nhiệt của Lâm-ngữ-Đường, tác-giả cuốn « sự quan-trọng của đời sống » tán-tụng cái vai trò quan-yếu của dạ-dày, không phải là một lời nói ngoa, vậy khoa-học và kỹ-thuật phải được triệt-để áp-dụng để giữ vững thể-quân-bình của thể-chất. Nhiều người lầm tưởng rằng văn-hóa nhân-vị chỉ chú-trọng đến tinh-thần mà lãng quên khoa-học và kỹ-thuật. Sự thực nếu khoa-học và kỹ-thuật chỉ là những phát-mình của loài người thì không có lý-do nào một học-thuyết liên-hệ mật-thiết đến con người như học-thuyết duy-linh lại không quan-tâm đến. Có thể nói rằng hơn các văn-hóa duy-vật, văn-hóa nhân-vị đặc-biệt chuyên-chú đến khoa-học bởi vì khoa-học có đủ phương-tiện để xây-dựng một xã-hội lành mạnh. Văn-hóa duy-vật, một mặt thì sùng-kính khoa-học như một vị thần, một mặt lại không dám cho các nhà khoa-học được tự-do sưu-tầm, và tuyên-bố kết-quả. Sự thủ-tiêu Nikolai Vavilov để cho Lyssenko thay thế ở viện Lénine, sự cảm-đoán các nhà bác-học trả lời những câu hỏi khoa-học nếu không có sự hội-ý với chính-quyền, đó là thái-độ lúng-túng của các nhà duy-vật. Kỹ-thuật bao-quát mọi

hình thức sản-xuất, qui-định những phương-pháp thích-nghi hay những quy-mô thực-tiễn nhờ đó có thể biến-hóa sự vật để thỏa-mãn những nhu-cầu của loài người. Khoa-học và kỹ-thuật sẽ được triệt-đề khảo-cứu và áp-dụng để nâng cao sinh-hoạt chung.

Nếu nhà duy-vật công-nhận tính-cách quyết-định của kinh-tế, của sinh-lý, hoàn-cảnh vật-chất trong hoạt-động tinh-thần thì trái lại, nhà duy-linh nhận thấy tính-cách toàn bộ nhưng hữu hạn của con người và chỉ công-nhận ảnh-hưởng của vật-chất khi nào nó có hiệu-quả trong công cuộc phát-triển con người, một khi nó đi sai đường lối đã định, nó sẽ bị gạt bỏ như những phương-tiện vô-ích. Nói như thế tức là ta chủ-trương về kinh-tế cũng như về khoa-học và kỹ-thuật, một sự hạn-chế thích-trung ôn-hòa. Văn-hóa nhân-vị chủ-trương bảo-vệ tài-sản và quyền tư-hữu vì công cuộc ấy mang dấu vết của nhân-vị, vả lại nó cần-thiết để duy-trì sự thuần-nhất của gia-đình, để bù đắp những tổn kém về giáo-dưỡng con cái nhưng một khi những tài-sản ấy gây ra những cơ-hội bóc-lột vô-nhân-đạo, những mâu-thuẫn nan-giải giữa các tầng lớp của xã-hội loài người, thì một sự tiết-chế sẽ cần-thiết để bảo-vệ sinh-hoạt công-bình và bác-ái trong nhân-dân. Nhiều kinh-nghiệm kinh-tế đã chứng-minh sự hiệu-quả của chủ-trương này và đó là một đảm bảo chắc-chắn cho người hữu-sản cũng như cho người vô-sản được sống một cách xứng-đáng với nhân-phẩm. Đối với khoa-học và kỹ-thuật, văn-hóa nhân-vị công-nhận ảnh-hưởng sâu rộng đối với con người, thì những quan-niệm khoa-học vạn năng như của Renan, hay những chủ-trương duy-anh khoa-học như của Ernest Mach hay Duhem đều bị bãi bỏ. Nhà toán-học H. Poincaré đã nói: « Mục-đích hoạt-động của chúng ta là tìm kiếm sự thực, đó là cứu cánh độc-nhất. Đã đành chúng ta phải cố-gắng làm nhẹ bớt những đau khổ nhân-loại trước đã, nhưng để làm gì? Nếu chúng ta càng ngày càng muốn giải-thoát con người khỏi những lo âu vật chất, chính là để cho người có thể dùng những sự tự-do đã thu hồi được vào sự nghiên-cứu và chiêm-ngưỡng sự thực » « H. Poincaré, trong : La Valeur de la science).

Sau cùng, muốn cho thể-chất được trở thành một dụng-cụ đặc-lực cho sự phát-triển của tinh-thần, điều quan-hệ là phải tổ-chức lại những phương-tiện hoạt-động cho thể xác được nảy nở. Phong-trào « khỏe vì nước » cần phải bành-trướng sâu rộng và thấm-nhuần khắp nhân-dân. Giờ làm việc của công-chức, chương-trình học-tập của học-sinh, tất cả đều phải nghiên-cứu lại để mọi người

có đủ thì giờ luyện-tập thể-dục. Lương hưởng cũng như điều-kiện lao-tác của công-nhân phải được hợp-lý để họ có thể tổ-chức hoặc tham-gia các cuộc giải-trí lành mạnh. Tư-đồ-tướng phải được triệt-để bài-trừ, nhất là thuốc phiện và nạn mại-dâm. Giáo-dục giác-quan và sinh-lý phải được tổ-chức một cách sáng-suốt để thanh-niên sống một cuộc đời trong sạch trước khi thành-lập gia-đình.

b) ĐỐI-LẬP DUY-VẬT

Trong đoạn trên, chúng tôi quan-niệm con người có một phần thể-chất thực-sự và đã trình-bày sơ-lược một vài biện-pháp để tán-trợ sự phát-triển của sinh-hoạt thể-chất ấy. Sinh-hoạt ấy là yếu-tố quan-trọng của con người, nhưng song-song với thể-chất và đồng nhất với nó là tinh-thần, một yếu-tố cần-thiết để nâng con người lên khỏi đơn-vị động-vật và mang nó về một ngôi vị thực-sự. Đến đây, ta bước vào địa-phận thiết-yếu của duy-linh, nơi mà nhà duy-vật không bao giờ có thể đặt chân tới : đó là địa-phận của tinh-thần, nói đúng hơn, của linh-hồn, phải có hai yếu-tố song tồn này, con người mới có tính-cách toàn bộ. Quan-niệm **nhị-nguyên** này là một quan-niệm như ta sẽ thấy, cho rằng linh-hồn là một thực-thể, linh-thiên và bất-diệt.

Nhà duy-linh chủ-trương trước hết, tinh-thần là một **thực-thể** chứ không phải chỉ là một danh-từ hay là một ý-nhiệm. Tinh-thần ở đây, tôi hiểu là một **nguyên-lý của trí-thức**, nhất là của tư-duy ở trong người : tư-duy mà tôi đang đề-cập là một đối-tượng không lệ-thuộc vào những định-luật và những điều-kiện của diễn-tượng ; như thế, tư-duy ở đây đối-lập với cảm-giác hay tri-giác cảm-quan. Định-nghĩa như thế, tư-duy là một hiện-tượng, một sự-kiện của một thực-thể. Nó có thực như những hiện-tượng hô-hấp hay những hiện-tượng tiêu-hóa. Tất cả mọi hiện-tượng, tất cả mọi sự-kiện có thực đều bắt nguồn ở một nguyên-nhân có thực. Nguyên-lý của tư-duy, cái mà ta gọi là tinh-thần của con người chính là một thực-thể vậy.

Là một thực-thể, tinh-thần còn là một bản-thể nữa, bởi vì nó vừa làm chủ đối với chính nó, vừa làm căn-bản cho những biến-chuyển ngẫu-hữu. Nó không phải là một **ngẫu-thể** để tồn-tại trong một cái không phải là mình để rồi phải phụng-sự cái ấy. Xét về phương-diện này, người là một **thực-hữu tư-duy**, có khả-năng suy-luận và một căn-bản lý-trí. Nếu suy-nghĩ là một trí-thức thuộc vào bản-tính của người thì nhất-định nguyên-lý của tư-duy, cái mà

ta gọi là tinh-thần, là một yếu-tố cấu-tạo của bản-tính ấy, là một thành phần của toàn bộ con người.

Điều chúng ta vừa nhận xét ở trên là một quyết-định quan-trọng của văn-hóa : nhân-vị và duy-linh. Nếu linh-hồn không phải là một bản-thể, thì chúng ta sẽ là gì ? Chúng ta chỉ là một hiện-tượng như trăm nghìn hiện-tượng khác, chúng ta sẽ dễ-dàng tan biến như chưa từng có bao giờ.

Nhưng nếu tinh-thần là một bản-thể, thì những tổ-chức chính-trị, xã-hội, giáo-dục phải được kiện-toàn để phát-huy nhân-vị cực độ.

Chính-trị phải là một nền dân-chủ nhân-vị. Nó sẽ đặt nặng những công cuộc thiết lập các cơ-quan công-quyền và tôn-trọng ý-kiến của nhân-dân được coi là chủ-thể của nhiều quyền-lợi và nhiệm-vụ. Nó thực-hiện một chính-thể trong đó mọi quyền tự-do được công-nhận, nền tư-pháp độc-lập để bảo-vệ chính-quyền các lực-lượng kinh-tế tham-chính để phối-hợp hoạt-động.

Tổ-chức xã-hội nhân-vị sẽ hoạch-định một chương-trình cải-thiện đời sống của mọi người, tạo thành một nơi thích-hợp để mọi người có thể tự-do phát-triển những đức-tính căn-bản. Tổ-chức ấy bắt đầu từ gia-đình là nền tảng của xã-hội, rồi đến các khu-vực thành-thị và thôn quê.

Gia-đình nhân-vị sẽ đặt trên cơ-sở tình yêu. Tính-cách của gia-đình phải là nhất phu nhất phụ, bất-khả-ly, nó đối-lập với tất cả những hình-thức đa thê và ly-dị. Mục-đích của hôn-nhân chẳng những là để tiết-chế dục-tình, mà còn nhằm đến sự giáo-dục con cái.

Ở nông-thôn, vấn-đề chính-yếu xã-hội là vấn-đề cải-cách điền-địa. Làm thế-nào để xã-hội tiến tới một cuộc đời đạo-đức phù-hợp với bản-thể của con người. Nền văn-hóa nhân-vị chỉ thành-công khi nào những con người chân lấm tay bùn không phải kéo dài một cuộc sống nghèo-nàn khổn-khổ nơi bùn lầy nước đọng.

Ở thị-thành, các tổ-chức nghiệp-đoàn được tổ-chức để đáp lại nhu-cầu xã-hội, những tổ-chức ấy là hãnh-diện lớn của nền Văn-hóa nhân-vị. Lương bổng đối với nhân-công là một điều-kiện sinh-tồn, bởi thế, một chế-độ lương-hưởng công-bằng phải được ấn-định để người công-nhân có một số lương đủ sống. Đủ sống không có nghĩa là sống vất-vả cho khỏi chết đói. Đủ sống nghĩa là phải được đủ ăn mặc, có thì giờ rảnh-rang để tham-dự những cuộc

giải-trí lành-mạnh, những lễ-nghi, tôn-giáo, nói tắt là có đủ điều-kiện thích-nghi để phát-triển Nhân-vị một cách điều-hòa.

Tất cả những tổ-chức xã-hội tùy-thuộc vào một quan-niệm nhân-vị về giáo-dục. Nền giáo-dục mới sẽ căn-cứ trên tính-cách toàn bộ của con người gồm thể-xác và linh-hồn được coi như là một thực-thể. Những phương-pháp áp-dụng trong giáo-dục cần phải được kiên-toàn. Trong nền giáo-dục cũ, óc say mê khoa-cử và bằng cấp không cần phải bàn cãi nữa, đã gây ra tai-hại quá rõ-ràng: tinh-thần của học-sinh, bản-sắc của tư-tưởng bị đè bẹp dưới sức nặng của công-thức. Lại nữa sự huấn-luyện thân-thể, giác-quan ý-chí tự-chủ, óc phán-đoán, tinh-thần xã-hội ít khi được đề-cập. Nền giáo-dục nhân-vị sẽ bổ-khuyết những điểm thiếu sót để học-sinh trở thành những rường cột thực-sự của xã-hội và quốc-gia. Sự cải-tổ chương-trình cho phù-hợp với tinh-thần Việt-Nam cần phải được thực-hiện, sự cần-thiết của thi-cử cần phải được cân nhắc, và sau cùng, vấn-đề học-chế phải được quyết-định hợp-lý từ cấp bậc tiểu-học đến đại-học. Nền phổ-thông giáo-dục là một tổ-chức cần-thiết cho nhân-dân để tận diệt giặc-dốt. Đó là những quan-điểm đại-cương về nền giáo-dục nhân-vị.

Tất cả những khuynh-hướng mới trong văn-hóa sẽ phản-chiếu trung-thành trong các bộ-môn của văn-nghệ, trong văn-chương và nghệ-thuật.

Trước hết, đối-tượng của văn-nghệ không phải chỉ khu-biệt hoặc trong vấn-đề nhân-sinh, hoặc trong vấn-đề nghệ-thuật. Con người toàn bộ gồm có thể-chất và tinh-thần. Văn-nghệ vừa phải đề-cập đến sinh-hoạt của hai yếu-tố ấy, vừa phải đạt đến mức tinh-vi. Con người phải toàn-diện nên chỉ có quan-niệm toàn diện về văn-nghệ mới đáp lại được những nhu-cầu thiết-yếu của tâm-hồn. Nếu nhà duy-tâm chỉ chú-trọng đến nghệ-thuật thuần-túy, độc-lập với nhân-sinh, nếu nhà duy-vật chỉ chú-trọng đến những giá-trị mà họ cho là thực-tiễn thì nhà văn-nghệ duy-linh chủ-trương nghệ-thuật và nhân-sinh phải tạo-thành một đối-tượng duy-nhất của văn-nghệ. Tác-phẩm có giá-trị là những tác-phẩm làm bảo-chứng cho những hoạt-động của con người, trong đời sống thể-chất cũng như trong đời sống tinh-thần. Đối với văn-nghệ duy-linh, văn-thể không phải là một vấn-đề phức-tạp. Tất cả những hình-thức sẽ được xữ-dụng tùy theo từng trường-hợp. Một tác-phẩm có giá-trị là một tác-phẩm

có thể thỏa-mãn người đọc bất-cứ với một hình-thức nào, miễn là nó diễn-tả một đời sống cụ-thể và đường-tiến đến chân, thiện, mỹ.

Tác-phẩm Văn-ngệ phải là một kinh-nghiệm sống, Văn-ngệ phải thích-ứng với những nhu-cầu tình-cảm những khát-vọng tâm-linh của con người thì mới gây được tác-dụng sâu-xa. Bạn đọc sẽ hồi-hộp theo rồi từng cử-chỉ, từng ngôn-ngữ, từng tư-tưởng của các nhân-vật. Cách giải-quyết phù-hợp với nhân-vị sẽ làm cho họ tự-nhiên hân-hoan, lời giải-đáp mơ-hồ, trừu-tượng, xa cuộc đời, cách-biệt với luân-lý sẽ làm cho họ bất-mãn. Vậy đối với một nhà văn-ngệ duy-linh, sáng-tạo và sinh-hoạt phải song-hành. Sự truyền-cảm chỉ mau-lẹ và dễ-dàng một khi tác-phẩm được sống thực-sự và được tạo nên trong những điều-kiện thành-thực. Lý-do cất nghia tại sao những tác-phẩm của Hemingway, hay của Saint Exupéry hấp-dẫn mãnh-liệt sự chú-ý của độc-giả Tây-phương. Chính vì tác-phẩm của họ đã sống thực-sự.

Nền văn-ngệ nhân-vị và duy-linh còn có tính-cách **cộng-đồng**, nó đồng thời phải bao-hàm dân-tộc tính và nhân-loại tính trong một tổng-hợp điều-hòa. Con người Việt-Nam, có một sinh-hoạt cộng-đồng trong lòng xã-hội Việt-Nam, Dân-tộc tính cần phải được phát-huy đậm-đà trong tác-phẩm. Đọc một cuốn tiểu-thuyết, thưởng-thức một bức tranh là sống lại một cuộc đời, và không có cái gì làm cho người Việt-Nam cảm-động bồi-hồi là được thấy trong tác-phẩm những vẻ đẹp bao la của đồng quê, nét quanh-co xa hút của một con đường làng v.v...

Văn-ngệ duy-linh và nhân-vị có tính-cách tiến-bộ, và đại-chúng, tiến-bộ vì văn-ngệ ca-tụng những đời sống đang đi lên, Văn-ngệ sĩ phải tranh-đấu cho tự-do, phản-đối lại thú-tính trong cơ-thể, văn-hóa phải được đại-chúng, nghĩa là về nội-dung, văn-ngệ sẽ chú-trọng trình-bày hướng-dẫn tìm tòi một đời sống phù-hợp với nhân-vị, về hình-thức, diễn-tả thành-thực, dễ cảm-thông. Đại-chúng hóa không có nghĩa chỉ chạy theo thị-hiểu của quần-chúng, mà chính là để hướng-dẫn họ trong sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần, huấn-luyện thị-hiểu của họ, để họ có óc thẩm-mỹ và sáng-suốt phân-biệt thiện-đoan và ác-đoan, đối-chiếu những giá-trị.

Sứ-mạng cao-quý của văn-ngệ đòi hỏi ở các nhà văn-ngệ-sĩ, từ nhà triết-học uyên-thâm đến nhà phê-bình và báo-chí một tinh-thần đạo-đức, vững chắc. Một khi bạn không sống nhân-vị, một

khi bạn không tôn-trọng nhân-vị của kẻ khác, thì cái thiên-tài của bạn sẽ là một hãm dọa ghê gớm cho sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần của xã-hội. Trong những trường-hợp ấy thì đừng có văn-ngệ thì hơn.

Sau cùng, nền văn-hóa duy-linh và nhân-vị còn chú-trọng đến một quan-điểm nữa, và đây chính là một đặc-tính duy-nhất phân-biệt nền văn-hóa này với các nền văn-hóa khác : quan-điểm ấy là sự linh-thiêng và bất-diệt nơi con người.

Sự linh-thiêng nơi con người được chứng tỏ bởi sinh-hoạt trí-tuệ bao-hàm những yếu-tố quan-trọng là ký-ức, ý-niệm trừu-tượng, phổ-quát và những ý-niệm đạo-đức tâm tình ; sự linh-thiêng ấy còn được chứng-nhận bởi sinh-hoạt cảm-tình, bởi cảm-xúc, sự linh-thiêng ấy còn được giải-thích bằng sinh-hoạt của ý-chí. Một cử chỉ tự-do lựa chọn không thể nào bị bao-hàm trong quá-trình của vật-chất nặng nề, bởi vì tự-do là khả-năng vượt lên tất cả mọi sự-khến của đời sống, kể cả mình nữa.

Tính-cách linh-thiêng nơi con người quyết-định sự tồn-tại trong một sinh-hoạt độc-lập, một đời sống vĩnh-viễn.

Vậy nền văn-hóa duy-linh và nhân-vị sẽ được xây-dập trên tính-cách đặc-biệt : chỉ con người mới có. Nền văn-hóa mới chú-trọng đến sự nảy nở của cơ-câu vật-chất, nhưng công cuộc này chỉ mang một giá-trị thực-tiền và cụ-thể khi nó phù-hợp với bản-chất nội-tại của con người. Đến đây ta đã bước từ khu-vực chính-trị, kinh-tế, xã-hội, khoa-học, giáo-dục, và văn-ngệ đến địa-hạt của tôn-giáo : Nho-giáo, Phật-giáo, Lão-giáo, Công-giáo, tất cả những tổ-chức tinh-thần này chẳng những vạch cho con người một nhân-sinh quan thích-nghi, mà còn là những biện-pháp chống Cộng đày hiệu-quả và là nguồn cảm-hứng dồi-dào và sâu-xa của các ngành văn-ngệ.

Nói tóm lại, để đối-phó với Cộng-Sản duy-vật và vô-thần chúng ta cần phải tìm một đường đi, chúng ta chọn một lối sống phù-hợp với bản-tính của con người. Tất cả các ngã đường cũ đều dẫn ta hoặc đến một đời sống cá-nhân trụy-lạc, hoặc đến một xã-hội phi-nhân và độc-tài. Ta tiếp-tục cuộc Cách-mạng tinh-thần xây-dựng nền văn-hóa duy-linh, căn-cứ trên giá-trị vật-chất và tinh-thần để phát-huy nhân-vị. Tôi nghĩ rằng nền độc-lập của dân-tộc được duy-trì, giá-trị của con người Việt-Nam được đảm-bảo, chính là nhờ ở nền Văn-hóa duy-linh và nhân-vị vậy.

GIÁO-SƯ LÊ-HỮU-MỤC.

VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Sáng 9-1-1957

ĐỀ-MỤC:

THUYẾT-TRÌNH VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Thuyết-trình viên: : Nhà văn Lê-văn-Siêu.

Chủ-tọa đoàn : Ô. Ô. Võ-long-Tê (nhà văn)
Lê-hữu-Mục (giáo-sư)
Cao-bá-Vũ (nhà văn)

thay phiên : Ô. Ô. Phạm-xuân-Thái (nhà văn)
Thiếu-tá Lê-văn-Sai.
Đình-sinh-Pai (Văn-hóa vụ)
trưởng Bộ Thông-Tin-

Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI DUNG :

Bản thuyết-trình này gồm 2 phần: Phần thứ nhất; phác-họa sơ-lược lịch-trình tiến-hóa của nền văn-học Việt-Nam với những đặc-tính của từng giai-đoạn ấy: Phần thứ hai: Trình-bày hiện-trạng nền văn-học Việt-Nam với những xu-hướng và tiến-triển của nó.

Trước khi nói vào bài, chúng tôi xin đặt ra hai tiền-đề:

Tiền-đề thứ nhất là trong bản thuyết-trình, chúng tôi không cần nói đến sự minh-chứng tinh-chất dân-tộc ở trong văn-học Việt-Nam. Sở-dĩ chúng tôi nói như vậy là vì văn-học bất cứ của một nước nào cũng đã bao-hàm tinh-chất dân-tộc của nước ấy. Chúng ta không cần phải minh-chứng với bất cứ ai dân-tộc tinh Việt-Nam trong nền văn-học Việt-Nam. Vì vậy mà bài thuyết-trình không có cái đoạn ấy.

Tiền-đề thứ hai là chúng tôi cần phải nói rõ việc công-nhận hay không công-nhận trong văn-học Việt-Nam những tác-phẩm viết bằng chữ Hán. Chúng tôi nhận thấy nếu chúng ta không công-nhận trong văn-học Việt-Nam những gì viết bằng chữ Hán thì chúng ta sẽ mất gần 4000 năm lịch-sử. Điều đó là một điều tai hại cho lịch-sử văn-học của chúng ta. Thường khi người ta đứng về phía chính-trị mà nói rằng chữ Hán là 1 lối chữ do người Tàu khi đô-hộ chúng ta đem tới đây và bắt chúng ta học dễ dễ bề cai-trị. Đó là người ta đứng về phía chính-trị mà xét. Đứng về phía chính-trị, người ta lại còn xét qua cái giai-đoạn vừa rồi là người Pháp tới đây cũng bắt chúng ta học tiếng Pháp dễ dễ bề cai-trị, người ta cho rằng chữ Hán cũng đã qua một thời gian như thế và động-cơ chính-thức khiến cho chữ Hán thành ra một thứ chữ của chúng ta là động-cơ người đô-hộ bắt người Việt-Nam học cái chữ đó dễ dễ đô-hộ. Chúng tôi nhận thấy không đúng, bởi vì chữ Hán du-nhập vào nước ta từ trước khi bắt đầu thời Bắc-thuộc nghĩa là 111 năm sau tây-lịch. Ngay thời kỳ chưa có đô-hộ thì Triệu-Đà đã có những bản văn viết bằng chữ Hán cho đến Lữ-Giang khi viết thư và giết Cù-Thị cũng viết 1 bản văn bằng chữ Hán. Thế thì trước khi người Tàu tới đây cai-trị chúng ta, chữ Hán đã có rồi. Không biết là có bằng cách nào, không biết là có vì ai đem đến nhưng nó đã có từ trước khi người Tàu đến đô-hộ. Lý-do nói rằng chữ Hán là thứ chữ của người đô-hộ đem tới bắt chúng ta học dễ dễ bề cai-trị là một lý-do không đủ sức đứng vững. Vì vậy chúng tôi xin đứng ở 1 phía chủ-trương rằng văn-chương chữ Hán thuộc văn-học nước ta, thêm 1 lý-do nữa là vẫn biết rằng chữ Hán ấy là chữ ở phương bắc đem tới đây, nhưng ở trong cái quốc-tế đông-phương hồi ngày xưa, không phải chỉ có người Hán dùng chữ Hán mà cả người Tống, người Tần, Tề, Lương đủ tất cả bao nhiêu thứ người thời xưa đều đã dùng cái chữ ấy cả, cứ mỗi một dân-tộc khi dùng chữ ấy đều dùng theo lối riêng của mình và hiểu theo lối của mình, đọc theo lối của mình. Như vậy chữ Hán khi sang với chúng ta, đã được Giao-chỉ-hóa đi rồi không còn là chữ Hán thuần-túy và viết theo như lối cũ nữa.

Chúng ta có thể nói rằng chữ Hán là chữ dùng chung cho nhiều dân-tộc miền Á-Châu, không phải riêng của người đô-hộ chúng ta mà thôi. Giả thử ở bên vườn nước láng-giềng có một cây, nếu ta đem nó về vườn của chúng ta mà trồng, chúng ta chăm bón nó với mồ hôi nước mắt của chúng ta, thì khi mà nó

sinh ra hoa quả, tất nhiên là hoa quả của chúng ta, vậy không có thể nói là của nhà bên cạnh được nữa. Chữ Hán cũng như vậy và phải được kể vào trong văn-học của nước nhà.

Sau khi trình-bày cùng Đại-hội 2 quan-điểm nói trên, chúng tôi mới có thể bắt đầu nhập-đề bài thuyết-trình chính-thức.

PHẦN THỨ NHẤT

SƠ-LƯỢC LỊCH-TRÌNH TIẾN-HÓA CỦA NỀN VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Từ thời thượng-cổ cách đây gần 5000 năm, người Giao-chỉ định-cư tại miền đồng-bằng sông Nhị-Hà và sông Mã đã có một tiếng nói riêng (1), đã có một cách chơi tiếng và chơi âm-thanh đặc-biệt của nòi giống bằng nói lái (2), và dùng những tiếng đệm (3), để làm cho tiếng nói ấy vô cùng phong-phú và để khiến cho tiếng nói ấy có một tinh-thần đặc-biệt không thể có ảnh-hưởng nào tới làm lung lay được gốc rễ của nó.

Loạn Xuân-Thu Chiến-Quốc (800-300 trước TL) đã đẩy qua một số người Việt trong Bách-Việt (4) nhất định lấy đây làm căn-cứ địa để trả mối thù truyền-kiếp với bạo Tần, và để có ngày tỏa rộng nền Văn-minh trở ra. Bao nhiêu kỹ-thuật canh-tác, ngư-nghiệp, chiến-tranh (5) cũng như bao nhiêu cơ-sở học-vấn mà chữ viết là một, đã được đem tới để Giao-chỉ hóa sau này, thành thứ chữ quen gọi là chữ Hán-Việt.

(1) Trần-cương-Trung viết trong Sử Giao-Châu-tập của Tàu một đoạn nói về tiếng ta và gọi là ngữ-sâm TRU-LY. (Nguồn gốc Văn-học Việt-Nam trang 23) Năm 1.109 trước Tây-Lịch đời Thành-Vương Nhà Chu, sứ ta sang phải thông-dịch ba lần mới hiểu tiếng nhau.

(2) Nguồn gốc Văn-học Việt-Nam trang 100

(3) Nguồn gốc Văn-học Việt-Nam trang 102

(4) Người Bách-Việt trốn vào rừng ở không chịu dưới chính-thê nhà Tần và đánh du-kích giết được Bô-Thư là quan lệnh-ý.

(Việt-Nam Sử-lược, Trần trọng-Kim trang 229)

(5) Trống đồng Ngọc-Cú đào thấy tại vùng Đông-Sơn, cùng với một nền Văn-minh mà Pelliot khám-phá trong những vật khai-quật tại đó, như chiến-thuyền bằng đồng, gương soi bằng đồng, chứng tỏ kỹ-thuật chiến-tranh của người Dương-Tử đã được đem tới đây.

Việc Thục-Phán chạy đi tìm thân Kim-qui ở mạn núi Hồng-Lĩnh cũng chứng tỏ có một số chiến-sĩ thời Xuân-Thu lập căn-cứ tại hiểm địa ấy.

Thứ chữ này không phải lúc Bắc-thuộc mới có, và cũng không phải đã do người đō-hộ mang tới bắt dân bản-xứ học (1) nó là thứ chữ dùng chung gần như của cả cái Quốc-Tế Đông-Phương này (2). Người Lỗ, Tề, Sở, Châu, Tần, Tống, Vệ, Trần, Khuông, Việt, ... đều dùng cả. Mỗi giống người lại đọc một lối khác nhau và có thể hiểu một lối khác nhau (3).

Thành ra cho đến bắt đầu thời đō-hộ, song-song với tiếng nói phong-phú, ta đã có một bộ chữ viết dễ khi giao-tiếp với ngoài, hấp-thụ với mọi tinh-hoa của cō-học Đông-Phương, khi giao-tiếp với trong, dạy-dỗ lẫn nhau mà cùng tiến-hóa.

Nền Văn-chương truyền-khẩu với những ca-dao đồng-dao thành-ngữ, tục-ngữ, những câu đố, những chuyện tích, chuyện tiểu-lâm đã được sáng-tác ra rất nhiều (4) để phổ-biến ra chiều rộng (5) những nội-dung của nền văn-chương thành văn vần lắng xuống chiều sâu.

Ta tự-nhận là một văn-hiến chi-bang (6) bởi lễ-giáo thắm-nhuần khắp mọi người ở phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ, cử-chỉ, tư-cách, thái-độ (7) Ta không dùng mưu trí lừa-lọc nên đã thua mưu-tri và quân-lực của nhà Hán để bị dầy ải dưới ách đō-hộ của Tàu hơn một ngàn năm.

(1) Hịch văn bằng chữ nho của Tiệu-Đài có từ trước khi nhà Hán chiếm được nước ta (Nguồn-gốc Văn-học Việt-Nam trang 118)

(2) Nguồn-gốc Văn-học Việt-Nam (trang 119)

(3) (trang 130)

(4) Nguồn-gốc Văn-học Việt-Nam, Lê-văn-Siêu tr. 34 :

Nói về Ca dao : tr. 92 : Nói về câu đố

(5) Nhận xét dạy về Luận-Lý trong Ca dao cò (Nguồn-gốc Văn-học Việt-Nam tr. 55)

(6) Như nước Việt-Nam ta từ trước, vốn xưng Văn-hiến đã lâu.

(Bình-Ngô đại-cáo của Nguyễn-Trái viết năm 1428)

(7) Văn-học chẳng phải chỉ là những gì viết ra trên giấy trắng, mực đen. Nó là phần tinh-thần của dân-tộc, mượn giấy trắng mực đen làm phương-tiện để phát-huy cũng như đã mượn tiếng nói, mượn cử-chỉ, mượn giáng-điệu, để tự thể-hiện.

(Nguồn-gốc Văn-học Việt-Nam tr. 9)

Mượn Văn-chương truyền-khẩu hay bằng chữ viết làm một con đường dè đi vào ý-thức tư-tưởng công-cộng của dân Việt, và để nhận xét một phần sự tiến-tiến các f-thức tư-tưởng ấy qua các thời-đại, đó chính là đối-tượng văn-học sử.

(Việt-Nam văn-học sử trích-yếu. Nghiêm-Toàn, trang 4).

Trong hơn một ngàn năm ấy dưới đời Hán, ta vẫn khinh người đô-hộ (1) ; đời Tam-Quốc ta còn giốn-cột mĩa-mai (2) ; sang đời Tống, Tần, Tề, Lương, thì ta phải hóa phần nào theo họ để thích-ứng với hoàn-cảnh mà tồn-tại (3). Hồi đầu chống cự còn bằng quân-sự do Trưng-Vương, Triệu-Ấu, Lý-Nam-Đế, Dạ-trạch-Vương, Mai-Hắc-Đế, Phùng-Hung, rồi sau, tinh-thần độc-lập đã uyên-chuyên linh-động hơn để thoát lốt tự-trị với Khúc-thừa-Dụ. Đợi khi đủ điều-kiện ta mới đánh tan quân Nam-Hán một trận Bạch-Đẳng mà bứt xiềng đô-hộ và sống tự-thủ riêng một cõi.

Văn-học cũng chuyển từ nghênh ngang xây-dựng riêng một cõi rồi mĩa-mai, cay độc, có lúc buồn bã nã-nề, để cuối cùng có phần đồng-hóa với nền văn-minh Trung-Hoa đời Đường. Nhưng những cách phò-diễn tư-tướng và tình-cảm bằng thơ văn, ca-dao, những cách suy-nghĩ, lý-luận bằng thành-ngữ, tục-ngữ, chuyện cồ-tích, ta vẫn giữ được tinh-chất đặc-biệt như xưa, để nó vẫn tiến đều đều theo đà của nó (5).

Thê thơ lục-bát và song-thất lục-bát thành hình hẳn bắt đầu từ thời này là một chứng-tích hùng-hồn của tinh-thần dân-tộc ta. Nó là một hơi thở, một nhịp-điều sống tình-cảm ở ngay trong từng thơ thịt của từng người dân Việt-Nam, mà giai-đoạn Bắc-thuộc là giai-đoạn thử-thách, để chỉ kiện-toàn nó, mà không làm mất được nó.

(1) Người chống đối chế-độ nhà Hán sang ở lẫn với dân ta.

(Tờ số của Tiết-Tông dâng lên cho Ngô-Hoàng-V6, năm 231. Loạn Vương-Mãng cũng có một số người bắt mấn chạy qua. Những lớp người ấy có thể đã giúp Trưng-Vương trong việc đem 65 thành-trị theo một lượt.

(Văn-học Việt-Nam thời bắc thuộc, Lê-văn-Siêu tr. 45) Sĩ-Nhiếp dựng một phái riêng và được gọi là Nam-Giao học-tử).

(Văn-học Việt-Nam thời Bắc-thuộc, tr. 50-51-52)

(2) Những câu ca-dao điệu cợt ở thời Tam-Quốc,

(3) Văn-học Việt-Nam thời Bắc-thuộc, tr. 57-58.

(4) Văn-học Việt-Nam thời Bắc-thuộc, tr. 76.

(5) Thê thơ 5 chữ của Trung-Quốc thịnh-hành từ Tam-Quốc tới đời Đường 400 năm không ảnh-hưởng gì tới thê ca-dao chữ một, cũng không ảnh-hưởng gì tới ca-dao 5 chữ của ta nữa, cách gieo vần vẫn khác nhau, về nội-dung cũng khác nhau.

(Văn-học Việt-Nam thời Bắc-thuộc, tr. 72)

Những câu thơ 8 chữ, ghép hai câu 4 chữ với nhau, Tàu cũng không có, như :

Cô Thi, cô Thi, cô đang dương thi,

Tam thủ, tam vĩ, lục nhân, lục nhị.

(Xem : Sự thành hình của thê thơ lục bát trong Văn-học Việt-Nam thời Bắc-thuộc, từ trang 61).

Đến khi bắt đầu cuộc sống độc-lập năm 939, thì dân-tộc Việt-Nam đã là một dân-tộc trưởng-thành, nhất là về phương-diện tư-tưởng (1).

Nền Văn-minh thời Lý đã đem lại cho xã-hội Việt-Nam những cơ-sở của một nền quốc-học chứa-dựng trong những thơ-văn còn sót lại (2), và những đường nét kiến-trúc, điêu-khắc (3). Nền văn minh ấy đã xây-dựng được cả một nền Văn-hóa dân-tộc chứa đựng trong tinh-thần tam-giáo đồng-nguyên và cả một ý-thức hệ (4) với những nhân-sinh quan, vũ-trụ quan, nhận-thức quan, mà từ vua quan đến thứ dân tất cả đều sống hóa vui trong sự nhất chí đề dứt-khoát tư-tưởng với cuộc sống hiện-tại của mình cũng như cuộc sống của linh-hồn ở tương-lai.

Nhờ vậy mà người thời Lý, ngoài Bắc phạt Tống, Nam bình Chiêm, hàng phục Chân-Lạp và Vạn-Furong mà trong thì giữ được cho dân-chúng an-cư lạc-nghiệp (5)

Đến đời Trần, so đời Lý tuy đã kém ở chiều sâu nhưng đã hơn ở chiều rộng. Trần kém Lý về Phật-học nhưng đã hơn Lý về Khổng-học. Trần không có đức-trị của Lý, nhưng đã dùng được nền tảng Khổng-Mạnh, và chú ý nhiều đến sinh-hoạt xã-hội, ở thực-tế, xu-hướng tổ-chức xã-hội thiên về pháp-trị.

Tinh-thần Quốc-gia đời Trần đã khiến hai phen đánh tan được giặc Nguyên đề lên cao tột bậc, và điều quan-hệ ở văn-học là đã bắt đầu có việc dùng chữ nôm làm thơ văn (6), và gọi chữ nôm ấy là chữ quốc-ngữ (7). Nhưng một điều đáng chú

(1) Văn-học Việt-Nam thời Lý (Lã-văn-Siêu).

(2) Thơ của Viên-Chiều : { Giốc-trường tủy phong xuyên trúc đáo
Sơn nhâm đới nguyệt của tường lai.

— Thơ của Khổng-Lộ ; Trạch đắc long xà địa khả cư,

Đã tình chung nhật lạc vô dư.

Hữu thi trực thượng cô phong đỉnh.

Trường khiếu nhất thành hòa Thái hư.

— Thơ của Thiên-Lão : { Tủy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh,
Thanh phong minh nguyệt lệ toàn chân.

(3) Chùa Một Cột. Khuê phong Các ở Văn-miếu đền Lý Bản-Đế, chùa Quỳnh.

(4) Kiến-trúc thành Thăng-Long (Văn-học Việt-Nam thời Lý, chương II và chương III, Phần thứ hai)

(5) Một cuộc vạn-lý trường-chinh đối với hồi đi bộ và đem quân đi xa hàng ngàn cây số.

(6) Khoảng cuối thế-kỷ 13, Hàn-Thuyên dạy Thái-học, sinh năm 1256, làm quan tới Hình-bộ Thượng-thư. Bài văn nôm « Tế cá sấu » chắc đã làm ra vào khoảng 1288-1290 sau khi đuổi được giặc Nguyên.

(7) Quốc-Ngữ Thi tập, là tên sách của Chu-Văn-An.

ý là chưa đầy năm mươi năm sau những trận Bạch-Đẳng, tinh-thần quân và dân bạc-nhược hẳn đi theo với sự suy-nhược của bộ đội (1), sợ sệt trước những quấy phá liên-tiếp của Chiêm-Thành.

Ấy là vì lòng người bắt đầu thiết-thực trong sự ích-kỷ, bắt đầu thương thân hơn thương đời và quý của riêng mình hơn sơn-hà xã-tắc.

Bao nhiêu nền-móng tư-tưởng xây-dựng trong thời Lý bắt đầu bị thời Trần-Mạt phá (2), để thay bằng thứ quan-niệm lấy Nho-học làm bực thang danh-vọng. Văn-học cũng biểu-lộ được hết sự không may ấy.

Hồ-quý-Ly đã muốn dùng chính-sách độc-tài để dựng lại ngôi nhà nghiêng-ngửa (3); nhưng chưa kịp làm được gì nhiều, thì quân Minh đã sang xâm-lấn, và bao nhiêu di-sản văn-hóa đều bị họ cướp phá và đưa về Kim-Lăng thiêu-hủy.

Sau khi đuổi được giặc Minh, Lê-Lợi khai-sáng cơ-nghiệp nhà Hậu-Lê. Nhờ cái đà-thắng trận sau cuộc chống đối lâu dài tới 10 năm, uy-tin triều-đình được vững-vàng và nền văn-học được một hồi rực-rỡ đời vua Lê-Thánh-Tông (4). Nhưng rực-rỡ ở hình-thức và ở từ-chương nhiều hơn là ở nội-dung xây-dựng về lý-thuyết, thành ra văn-tự chính-sách chỉ gây ra một không-khí học-tập đề thi đỗ, làm quan, làm thơ thù-tặc, cố cho những điền-cổ vào trong những lời dịu-ngọt để tỏ chí mình một cách vụn-vặt nhiều hơn là biểu-lộ cái tài về tế-thế an-bang.

Cho đến hồi Lê-Mạt, nước chia ra làm hai phần để giết chóc lẫn nhau, thì lòng người toi-bời muôn ngả. Tuy-nhiên có một số người có những tác-phẩm bằng văn-nôm đáng được kể

(1) 1353, bị quân Chiêm đánh thua ở Quảng-nghĩa phải chạy về ; 1367, Chiêm bắt chánh tướng Trần-thế-Hưng, Phó tướng Đỗ-từ-Bình bỏ chạy ; 1376, Duệ-Tông đem binh-sĩ đánh Chiêm ; 1377, Chiêm đem quân vào đánh Thăng-Long ; 1378, Chiêm lại đánh vào Thăng-Long ; 1383, Chiêm lại đánh vào Thăng-Long ;

(2) Lời phê bình của Lê-văn-Hữu về việc tha Nùng-Tri-Cao (Việt-Nam Cổ Văn-học Sử, trang 181)

— Lời phê-bình của Lê-văn-Hữu về việc Vua Thần-Tông lên chùa tạ Phật khi nghe tin thắng Chiêm-Thành (V.N. Cổ văn-học-sử, trang 182).

— Bài bia chùa Khai-nghiêm của Trương-Hấn-Siêu (V.N. Cổ văn-học-sử, trang 183).

— Bài bia chùa Thiện-Phúc của Bá-Quát (trang 186)

(3) Việt-Nam cổ văn-học-sử (Nguyễn-dông-Chi, tr. 372)

(4) Lê-Thánh-Tông (Chu-Thiên, tr. 144).

là nền-tảng cho nền văn-học sau này. (1) Nhưng nói chung thì sự chán-chường, sự đau-buồn, sự ăn chơi, muốn lẫn-trốn cuộc đời, sự mĩa-mai diễu-cợt, chủi-bối, cay-chua đã xâm-lấn tâm-hồn Văn-ngệ-Sĩ.

Đến hồi Nguyễn bình-định được mọi nơi thì với tinh-thần tự-cao tự-đại, vua tôi nhà Nguyễn càng có xu-hướng sống trong bình kín không chịu tự khai-hóa duy-tân cho kịp người, đến nỗi nước yếu, dân hèn mà mất trước đà tiến của tư-bản kỹ-nghệ Âu-châu cần có thị-trường tiêu-thụ.

Trong cái rũi, ta có được cái may là có một khí-cụ văn-hóa mới, đó là chữ quốc-ngữ do các giáo-sĩ Âu-châu chế-biến theo văn La-tinh từ hai thế-kỷ trước để học tiếng ta mà truyền-đạo. Sau lại được ông Alexandre de Rhodes chỉnh-đốn và thống-nhất lối viết theo luật-tắc định bởi một cuốn tự-vị, đặt nền tảng hẳn hoi không những cho người ngoại-quốc học tiếng ta mà luôn cho người nước ta giao-thiệp với người ngoại-quốc.

Chữ quốc-ngữ nhờ dễ học và đủ để phiên-thiết cơ-bộ tiếng nói của ta nên từ trước khi Pháp đặt nền cai-trị, thì chữ ấy đã thành hẳn một lợi khí tiến-hóa của dân-tộc, đánh dấu một thời mới, thời hiện-đại của nền văn-hóa Việt-Nam.



PHẦN THỨ HAI

VĂN-HỌC VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

Văn-học Việt-Nam hiện-đại có thể chia làm 5 thời kỳ : Thời kỳ thứ nhất từ 1865 tới 1913 là thời kỳ Pháp cố đặt vững nền đô-hộ trong khi các sỹ-phu còn tìm đủ cách chống bằng quân-sự, bằng vận-động ngoại-viện, bằng vận-động quần-chúng và bằng phá-hoại hay âm-mưu đầu độc.

Trong thời kỳ này, văn-học kháng-cự chính-quyền đô-hộ với những bài về hát dặm, quan hò, những bài ca chính-khi, Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Á-tế-á, những bức-Hải-ngoại, huyết thơ

(1) Đoàn-thị-Điềm, Nguyễn-hữu-Chính, Nguyễn-gia-Thiều, Nguyễn-Huy-Tự).

thống-thiết và bị ai, đã làm át những tiếng nói thỏa-hiệp, mặc dầu nền đó-hộ đặt vững dần dần (1).

Thời-kỳ thứ hai từ 1913-1925 là thời-kỳ hình-thành trong đó sự trị-an đã có phần nào bảo-đảm vì sức chống đối bằng võ-lực bị hao mòn dần và bao nhiêu những nhà ái-quốc đã bị tù đầy.

Văn-học dung-hòa Đông và Tây bắt đầu nổi dậy với Đông-Dương tạp-chí (2) và Nam-phong (3). Đồng thời thi ca và văn-chương tả tình cũng nổi lên để đem cái làm-ly của lời văn xóa nhòa bớt cái não nuột trong lòng vị quốc-sĩ (4).

Nhưng đến khi một điệu đàn xưa thánh thót trở lại, thì như một cơn gió lớn lại cuốn hết dân-tộc đứng lên.

Điệu đàn ấy đã được đem về bởi hai cụ Phan-Bội-Châu và Phan-Châu-Trinh.

Từ Nam chí Bắc lại ùn ùn nổi lên một tinh-thần ái-quốc mãnh-liệt để tạo thành những cuộc bạo-động 1929-1930.

Văn-học chiến-dấu tích-cực hoặc cố che dậy phần nào một lần nữa làm át văn-học nghiên-cứu thuần-túy của Nam-Phong.

Thời kỳ thứ ba từ 1930 đến 1940 là thời-kỳ xúc-tiến trong đó văn-học ở khắp mọi ngành đua nhau cố sức vươn lên và cố sức thấu-thái tinh-thần Âu-tây để cải-tiến xã-hội. (5)

Người ta bắt đầu chính-thức mượn tinh-thần khoa-học suy-lý hình-thức để áp-đạo tinh-thần cố-chấp của nhà Nho cũ, và chính-thức có một số người mượn lý-thuyết duy-vật là con đẻ

(1) Các báo xuất-bản vào hồi này là : Gia-định báo (1865), Nông cò mìn dân (1900), Nhật báo tỉnh (1905), Dạng cò tưng báo (1907), Lục tỉnh Tân-văn (1910).

Và các sách xuất-bản bằng quốc-ngữ là : Truyện đời xưa (1866), Chuyện Kiều diễn ra quốc-ngữ (1875), Chuyện khôi-hải (1882), của Trương-vinh-Ký, Chuyện giải buồn (1880), Đại-nam quốc-âm tự-vị (1895), của Huỳnh-tĩnh-Của, gương sử Nam (1910), của Hoàng-cao-Khải.

(2) Đông-Dương tạp-chí xuất-bản năm 1913 do Nguyễn-văn-Vinh, Phan-kế-Bính, Phạm-duy-Tôn.

(3) Nam-Phong xuất-bản năm 1917 do Phạm-Quỳnh chủ-trương và ngưng xuất-bản năm 1934.

(4) Giọt lệ thu (1923) của Trương-Phổ, Linh-Phương-Kỳ của Đông-Hồ, Tuyết-Hồng lệ-sử của Tu-trâm-A; bài hát Anh-Khóa của Trần-Tuân-Khải; Giấc mộng con (1916), Khôi tỉnh con (1917) của Tân-Đà.

(5) Báo Đông-Tây của Hoàng-Tích-Chu (1930); Phong-Hóa (1932), của Nhất-Linh và Tự-Lực Văn-Đoàn; Tiều-thuyết thứ bảy, Ích-Hữu, Phê-thông bán nguyệt-san với Vũ-Bàng, Lê-văn-Trương, Nguyễn-Tuân, Ngọc Giao, Nguyễn-Công-Hoan; phong-trào thơ mới (1934).

của thứ tinh-thần suy-lý, hình-thức ấy đề vận-động quần-chúng trên báo-chí văn-thơ (1).

Sự tiến-bộ có đem lại thực-sự là ở hình-thức phát-triển mạnh mẽ của văn-thơ. Nhưng sự thoái-bộ cũng có đem lại thực nữa là ở tinh-thần xa gốc cũ.

Thời kỳ thứ tư chiến-tranh, từ 1940 đến 1945 là thời-kỳ tinh-thần dân-tộc lại được thức-tỉnh với sự quay về nguồn-gốc xưa (2). Những phong-trào phục-hồi cổ-học chưa kịp nhen nhúm thì đã bắt đầu xảy ra những biến-cố, trong đó Cộng-sản lợi-dụng tinh-thần quốc-gia để lái dần dần qua con đường tranh-đấu giai-cấp, tranh-đấu cho Đảng, tranh-đấu cho địa-vị của các lãnh-tụ và tranh-đấu cho uy-thế của khối Nga-sò.

Văn-học cũng bị lâm vào cảnh đau đớn ấy.

Suốt thời kỳ thứ năm từ 1945 đến 1954 dưới chế-độ độc-tài, không còn một tư-tưởng nào được khác với tư-tưởng Cộng-sản, coi con người không là gì hết, mà Đảng mới là tất cả. Không còn một thái-độ tri-thức nào được nói sự thực khác với những điều mà Đảng đã nói. Ngay cả đến lịch-sử cũng phải thay đổi hết sự thực để hiệu cho hợp với đường lối chính-trị đương thời. Ngay cả đến văn-chương cũng phải hiệu và làm theo cạnh khía có lợi cho « giai-cấp vô-sản » (nghĩa là Đảng).

Tình-trạng ấy, mỗi ngày lại một đi quá trớn như người lao đầu xuống vực thẳm.

Sự chia đất nước ra làm hai theo hiệp-định Genève đã khiến tập-trung vào riêng hẳn một khu thứ văn-học đen tối ấy, và kể từ 1954 trở về sau, trước nguy-cơ chung và nối tiếp theo đà tiến trong dòng dài lịch-sử, nền văn-học dịch-thị Việt-Nam đã bắt đầu đứng ra đảm-nhận trách-nhiệm lịch-sử của mình để lo xây-dựng ý-thức hệ mới đúng nguyện-vọng của toàn-dân.

Nền văn-học dịch-thị Việt-Nam ấy, không tiêu-cực như 1930-1940, không rụt rè và e-ngại trước sứ-mệnh lịch-sử như hồi 1940-1945, không chán chường thất-vọng như hồi 1913-1925, cũng không cố chấp như hồi 1865-1913.

(1) Phan-văn-Hùm với « Biện-chứng-pháp phổ-thông », Hải-Triều với « Duy-tâm duy-vật », Đào-Duy-Anh với các sách của Quan-hải tùng-thư, Trương-Từu với các sách của Hàn-Thuyên.

(2) Tri-tân (1942) với Nguyễn-răn-Tố, Hoa-Băng, Việt-Nam văn-học-sử, Dương-Quảng-Hàm, Lều chông, Bút nghiên của Chu-Thiền (1942) Hoàng-lê-Nhật, Thông Ghi (1944), Trai nước Nam làm gì (1945) của Hoàng-Đạo-Thủy, Việt-Nam cổ-văn-học-sử (1950) của Nguyễn-đông-Chi, Lê-Thánh-Tông (1943) của Chu-Thiền.

Nền văn-học dịch-thị Việt-Nam ấy được trình-bày trước một sự-khien trao đổi quốc-tế về văn-hóa, và đặt trước một mối hô-tương quan-hệ về đời sống quốc-tế, đã nhận-định rõ lập-trường dân-tộc trong cuộc hỗ-trợ và tiến-hóa chung của toàn-thể xã-hội loài người, để không bảo-thủ cực-đoan và mù-quáng như hồi Lê-Mạt, Nguyễn-Sơ.

Nền văn-học dịch-thị Việt-Nam ấy đã nhìn thấy trong dòng lịch-sử những bài học lớn về sự nhất-chí, tinh-thần của toàn-dân không phân giai-cấp và tôn-giáo, để nhận-định đó là điều-kiện cơ-bản dẫn giắt dân-tộc đến vinh-quang.

Nền văn-học dịch-thị Việt-Nam ấy đã tố-cáo sự chà-đạp lên phẩm-giá con người, sự áp-bức của tổ-chức xã-hội đối với quyền tự-do của cá-nhân, sự hạ-giá con người xuống hàng thú vật khi đặt quyền-lợi trên tinh-nghĩa trong cuộc giao-tiếp hàng ngày, nên đã đề-cao tinh-chất nhân-vị.

Nền văn-học dịch-thị Việt-Nam ấy tin ở các đấng thiêng-liêng, tin ở khí thiêng sông núi, tin ở tiềm-thức dân-tộc, tiềm-lực Quốc-gia, tin có âm-dương giao-cầm để khơi-sáng tinh-thần cho các con dân biết đâu là đường phải noi theo, nên đã lấy Duy-Linh làm tiêu-ngữ.

Chỉ còn ước-mong rằng công việc xây-dựng của nền văn-học dịch-thị Việt-Nam này sẽ không phải chỉ là một việc làm trong nhất thời để chỉ có tác-dụng trong nhất thời, mà sẽ là một công-kuộc lâu dài để có lợi về lâu dài cho dân-tộc.

Công việc xây-dựng của nó đương nhằm đi tới là :

1.— Sưu-tầm, bảo-tồn và phổ-biến những tác-phẩm văn-học nền-tảng cũ, để vớt-vát lại những di-sản văn-hóa cổ-truyền.

— Phiên-dịch, bình-chú cổ-văn để, hướng-dẫn người đọc cho khỏi bị sai-lạc về tinh-thần.

2.— Thống-nhất ngôn-ngữ, chính-lả, ngữ-pháp, để tiếng Việt xứng với địa-vị đã trưởng-thành của một dân-tộc đã trưởng-thành và phát-triển ngôn-ngữ đó về mọi mặt kỹ-thuật, ý-chi v.v... ngày thêm phong phú.

3.— Tu-soạn quốc-sử, văn-học, văn-minh-sử, trên quan-điểm dân-tộc và nhân-vị.

5.— Tu-soạn bách-khoa-thư để thấu-thái những tinh-hoa của nền Văn-hóa quốc-tế và đề trao-đổi văn-hóa.

6.— Phiên-dịch và bình-chú những tác-phẩm văn-học nền-tảng của ngoại-quốc.

7.— Tìm-hiểu thấu-triệt dân-tộc với những xu-hướng và khả-năng đề định-hướng đi trong cuộc sống quốc-tế.

8.— Nghiên-cứu phổ-biến rộng-rãi văn-chương tư-tưởng trong dân-chúng.

Saigon, ngày 20 tháng 12 năm 1956

T.M. Ủy-Ban Xây-Dựng Thuyết-Trình Bộ-Môn Văn-Học

LÊ-VĂN-SIÊU



Đại-biểu Ban-mé-thuôt : Ông Lê-văn-Siêu có nói rằng, văn-chương bình-dân xuất-phát từ những người ưu-tú, những sĩ-phu rồi lần-lần được cải lại, tôi không đồng-ý vì mấy lý-do sau đây : Thứ nhất, chúng ta thấy rằng trong văn-chương bình-dân, qua các câu ca-dao, phong-dao tục-ngữ v.v... trong đó có những lời văn tả cuộc đời chất-phác, hồn-nhiên của các người nông-phu, hay các chị thôn-nữ. Không sống trong hoàn-cảnh đó, không thể làm được những áng-văn hay như vậy. Các sĩ-tử, các sĩ-phu sống trong áo dài quần chùng, nhất là trong chế-độ phong-kiến, thì không thể nào mà sát với quần-chúng để tả được một cách chân-thật và linh-động. Thứ nhì, các câu ca-dao hay bình-dân ấy, chúng ta thấy nó di-dỏm cũng có, hồn-nhiên cũng có, mà vụng-về lời văn cũng có ; đối với những sĩ-phu đã được điều-luyện trong lời thơ thì ít có những lối văn như vậy. Thứ ba, thuyết-trình-viên đã phủ-nhận cái năng-lực tiềm-tàng về đời sống tình-cảm của người nông-dân trong đất nước chúng ta. Chúng ta phải công-nhận rằng, người nông-dân tuy chân-lấm tay bùn, nhưng về tình-cảm rất dồi-dào, và những tình-cảm ấy nó đã biểu-lộ trong những câu ca-dao và tục-ngữ, cho nên không có tình-cảm ấy thì làm sao mà tạo nên được những văn-thơ hay như vậy. Thứ tư và cuối cùng, nói như nhà văn Lê-văn-Siêu, thì theo ý tôi, nhà văn đã hoặc vô-tình, hoặc hữu-ý phủ-nhận cái nhân-vị mà chúng ta phải tôn-trọng trong mọi con người chúng ta, nhất là đám người nông-dân đông-đảo ở chúng ta.

Thuyết-trình-viên : Chúng ta không sống ở trong hoàn-cảnh của lúc xuất-phát những câu ca-dao hay tục-ngữ rất chất-phác.

Chúng ta hiện đang sống trong hoàn-cảnh của chúng ta, ở thế-kỷ thứ 20 thành ra chúng ta nhìn vào cái hoàn-cảnh của thế-kỷ xưa, qua cái ống kính của thế-kỷ 20 này.

— Ở thế-kỷ thứ 2 thứ 3 và trước thế-kỷ thứ 19 trở lui, nước ta là một nước không phân chia giai-cấp. Người Việt-Nam xưa không phân-biệt những người này là người vô-sản, những người kia là người phong-kiến. Trong hoàn-cảnh xã-hội cũ của nước ta, tất cả mọi người đều ở trong khối nhân-dân mà tiến lên. Những phần tử ưu-tú mà chúng tôi nói đó, là những phần tử của nhân-dân. Có một cơ-cấu tinh-thần đặc-biệt, những phần tử ấy là những phần-tử kết-tinh của những tinh-hoa trong nhân dân. Những phần-tử ấy bao giờ cũng sống với nhân-dân chứ không có tách-biệt riêng rẽ hẳn ra là một giai-cấp đứng ở trên ngó xuống hoặc là chống-đối với nhau. Ông bạn vừa nói đó đã nhìn sự việc qua cái ống kính của một lý-thuyết trong thế kỷ 20 này mà người ta nói rằng xã-hội nước ta xưa nay là một xã-hội có chia giai-cấp thế nọ thế kia.

Chúng tôi xin nhấn-mạnh điều này : dù là kẻ sĩ hoặc là nông-dân hay dù là những người nào đi nữa trong xã-hội ngày xưa, xã-hội cũ của nước ta vẫn sống thành một khối hết sức chặt-chẽ không có chia bè chia phái, không chia thành giai-cấp gì hết. Bởi điểm đó mà chúng tôi chủ-trương rằng những câu ca-dao, tục-ngữ, câu-đố, thời đó không phải do người bình-dân tạo ra mà đã do một số phần tử ưu-tú trong xã-hội làm ra trước tiên rồi truyền trong nhân-dân. Nhân-dân nhắc đi và nhắc lại đời này qua đời khác, người này qua người khác, những câu ấy mới biến thành những câu mà chúng ta bây giờ gọi là văn-chương bình-dân. Chúng tôi đề-nghị gọi nó là văn-chương truyền khẩu, không dùng danh-từ bình-dân ấy bởi vì người ta lầm rằng cái đó là hoàn-toàn do người bình-dân sáng-tạo từ đầu chí cuối.

Đại-biểu Thừa-thiên (1142).— Tôi chưa được thỏa-mãn về câu trả lời của bạn Lê-văn-Siêu. Khi thuyết-trình, bạn Lê-văn-Siêu đã nói rằng văn-học bình-dân không phải là do bình-dân sáng-tạo mà do một số phần-tử ưu-tú và tôi nhớ hình như bạn có nói thêm chữ « nho-sĩ » nữa.

Nói rằng trước kia không có giai-cấp, chúng ta nên nhớ rằng đầu ở trong xã-hội nào và nhất là dưới chế-độ cũ, phải công-nhận có một đẳng-cấp thống-trị và đa-số bị trị, chúng ta xét

những nội-dung của các thi-ca bình-dân thì chúng ta thấy có thể-hiện một tư-tưởng chống đối lại những người đã có quyền thống-trị họ. Xét về tiểu-lâm, xét về những chuyện cổ-tích, xét về những tinh-tiết trong ca-dao, chúng ta cũng thấy rõ. Tôi không đồng ý nói rằng đã nhìn qua ống kính của thế kỷ thứ 20. Dầu chúng ta dòm ống kính nào đi nữa, chúng ta cũng phải thấy văn-chương bình-dân xuất từ những thi-sĩ của đồng quê nội cỏ, ở những văn-nhân trong đám bình-dân chứ không phải trong đám nho-sĩ. Một điều nữa mà tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tôi công-nhận trong kho tàng về Văn-Nghệ truyền-khẩu hay bình-dân có một phần của các nho-sĩ làm ra nhưng mà xuất-xứ của nó là tự ở lớp bình-dân. Nếu chúng ta đi sâu vào quần chúng, chúng ta cùng sống với quần chúng ở nông thôn, chúng ta sẽ thấy chính những người họ không học hành gì cả nhưng khi họ sáng-tác văn-nghệ dân-tộc thì họ thật có tài, tài hơn cả những ông tú ông cử, hơn cả chúng ta là vì họ sống trong cái sức sống của người cùng cảnh-ngộ và lời văn thể-hiện một cách thành-thật trong ca-dao câu hò, câu hát.

Nêu ra vấn đề đó, tôi không chủ-quan chớ là đúng hẳn, song muốn đề cùng bạn Lê-văn-Siêu, chúng ta xét lại vấn-đề đó như thế nào.

Một đại-biểu ký giả.— Chúng tôi xin đưa ý-kiến đề bênh-vực cho lập-trường của nhà văn Lê-văn-Siêu. Về quan-niệm văn-chương bình-dân, chúng ta đã thấy nhà xuất-bản Hàn-Thuyên rồi Trương-Tửu và Nguyễn-bách-Khoa đã có lần đưa ra bàn tán rất nhiều, nói về tập « Kinh thi V.N. », chính Trương-Tửu cũng đã chủ-trương là Văn-chương bình-dân xuất-phát từ lòng đại đa số nhân-dân mà ra. Nhưng nghiên-cứu lại thì thấy rõ Trương-Tửu, Nguyễn-bách-Khoa thuộc đám văn-nghệ Cộng-Sản đệ tam, đám văn công duy-vật đã mang cái chủ-trương đó làm định-luật để áp-dụng một cách cố tình làm lợi cho chính-trị của phái duy-vật. Họ chủ-trương văn-chương bình-dân do « nhân-dân » sáng tạo ra và ai có sống mới có thể viết được, ai có sống mới có thể viết ra những tác-phẩm giá-trị được, do đó tất cả Văn-nghệ-sĩ đều phải khuôn nắn đời sống theo nếp sống do chính-trị hướng-đạo, văn-nghệ-sĩ phải uốn nắn tình cảm của mình theo nếp sống đó, văn-nghệ-sĩ phải nông-dân-hóa, vô-sân-hóa, do đó mà làm sa-đọa hóa văn-nghệ. Vấn-đề do một bạn Đại-Biểu Banmethuot đề ra, có liên-quan

đến vấn-đề khách-quan quyết định chủ-quan, ngoại-cảnh của cuộc sống quyết-định hướng sáng-tác cũng như quyết-định tình-cảm thể-hiện trong sáng-tác. Tôi nhận thấy nòng cốt của văn-nghệ cũng như cơ-sở của văn-nghệ, là do nhân-dân sản-xuất ra, những văn-nghệ-sĩ tiềm ẩn trong nhân-dân là những người đã ghi chép lại sau khi đã lọc qua cái chủ-quan của mình, ghi chép lại một cách tinh-tế nhất, đưa đến cái rung cảm mãnh-liệt nhất. Đó là công việc làm của văn-nghệ-sĩ. Còn tất cả những chứng-kiện trong cuộc sống là do nhân-dân sinh ra. Những người ghi chép lại thành văn thành thơ là văn-nghệ-sĩ vì văn-nghệ-sĩ là một con người sinh ra đời có cái thiên-hồng — những con người đó sống một giây phút có thể bằng cả một thế-kỷ. Tôi đưa ra thí dụ về trường-hợp thi-sĩ Nguyễn-Du hay Victor Schubert. Nếu ta nói Cụ Nguyễn-Du hay ông Schubert phải sống mới sáng-tác được thì có lẽ ông Schubert và cụ Nguyễn-Du phải sống hàng trăm thế-kỷ mới có thể sáng-tạo được tác-phẩm sâu đậm và tinh-tế. Trường-hợp của Cụ Nguyễn-Du hay ông Victor Schubert chứng tỏ cho ta thấy rằng trong con người văn-nghệ có nguồn rung cảm vô cùng phong-phú, tinh tế, khiến cho nhìn vào sự-vật chỉ đây lát đã có thể thấu tóm được thấu-triệt sự vật đó mà không cần phải vô-sân-hóa như người « đệ-tam » đã nói, không phải nờ-lệ cái đường lối mà Đệ-Tam đưa ra là phải sớm hòa mình vào xã-hội chính-trị mới có thể sáng-tác được, mà văn-nghệ-sĩ là người chứng-kiến thời-đại, hòa cái chủ-quan của mình và cái khách-quan cuộc sống, có thể dãi-lọc ra những tác-phẩm giá trị. Do đó đi đến kết-luận là tất cả những chứng kiện của cuộc sống, tất cả những rung-cảm về cuộc sống do nhân-dân sản ra, người ghi chép lại được và lập thành văn, thành thơ, thành nhạc, là văn-nghệ sĩ.

— Sau đây tôi muốn nêu ra mấy điểm đề-đề-nghị nhà văn Lê-văn-Siêu phát-triển thêm :

Điều thứ nhất, tôi muốn biết nhà văn Lê-văn-Siêu đã đứng trên lập-trường nào để nhận-định lịch-sử, vì thứ nhất là lịch-sử không thoát được cái tình-cảm và khuynh-hướng cá-nhân do người chép sử biên-soạn.

Thứ nhì lịch-sử chỉ đi sâu vào những chi-tiết vụn-vặt mà không giải-thích một sự-kiện chính-yếu cơ-bản.

Thứ ba là sử-gia thường bị các nhà cầm-quyền chi-phối nên chép những tài-liệu sai sự thật. Một cái vi-dụ hùng-hồn nhất là

chính-thể Nga-Sô đã bắt Văn-nghệ sĩ chép lại cuộc Cách-Mạng tháng 10 mà người chủ chốt lại là Staline.

Trong vụ lén án Staline vừa rồi qua bản văn của Kroutchev thì lại nói ngược hết tất cả lại những điều đã che đậy về cuộc Cách-Mạng tháng mười đó.

Thứ 4, đứng trước cả một kho tàng lịch-sử phong-phú, nhất là giai-đoạn sau này, các sử-gia V.N. khó mà phân-tích những điểm trọng-yếu đã ghi chép từ thời phong-kiến, thực-dân và gần đây lại bị bóp méo xuyên-tạc bởi bọn Cộng-sản độc-tài, thế thì chúng ta đứng trên lập-trường nào mà nhận định sử?

Điều thứ nhì, trong bản thuyết-minh có nói 2 phần, một phần là phác-họa sơ-lược lịch-trình tiến-hóa của văn-học Việt-Nam, một phần là hiện-trạng văn-học Việt-Nam.

Về phần hiện-trạng Văn-học Việt-Nam, chúng tôi thấy chưa rõ-rệt, chúng tôi đề-nghị nhà văn Lê-văn-Siêu sẽ phát-triển thêm phần này về tác-dụng của những xu-hướng văn-học trước lịch-sử và giá-trị lịch-sử của những xu-hướng văn-học đó.

Chúng tôi muốn đề nghị nhà văn Lê-văn-Siêu cho biết thêm quan-niệm và lập-trường đối với văn-học hiện-dại.

Ý-kiến của một đại-biêu (54).

Về vấn-đề văn-học, không mấy khi chúng ta đồng-ý hoàn-toàn, cho nên chúng tôi có một vài nhận-định sau đây.

Về bố-cục bài thuyết-trình, ông Lê-văn-Siêu đã chia ra làm 2 phần. Phần trên ông nói về quá-trình văn-học Việt-Nam tức là văn-học Việt-Nam về thời-cổ và phần thứ nhì là văn-học hiện-dại. Bàn về thời-kỳ cổ xưa, ông Lê-văn-Siêu cũng có nói đến ảnh-hưởng của xã-hội thời đó khi nói về Đoàn Bách-Việt trốn sang Việt-Nam. Song lẽ có một điều mà theo ý tôi cần phải nêu lên, đó là cái thời kỳ mà trước khi chữ Hán nhập vào đất Việt-Nam, thì đã có một nền văn-chương mà ta có thể gọi là văn-chương bình-dân tức là những câu ca-dao, những câu vè. Khi bắt đầu chữ Hán nhập vào đất Việt-Nam thời mới có nền Văn-Học chắc-chắn, rồi có ảnh-hưởng của sự đô-hộ bởi nước Tàu. Trong mấy nghìn năm, sự đô-hộ đó có ảnh-hưởng nhiều đến văn-học Việt-Nam, mà trong bài thuyết-trình ông Lê-văn-Siêu không cho chúng ta dẫn-chứng tức là những sáng-tác về văn-học thời đó để chứng-minh cái tinh-chất của nền Văn-học thời CỒ — sang đến

thời-kỳ hiện-đại, theo thiển-ý của riêng tôi nó chia ra làm 3 giai-đoạn từ giai-đoạn đầu, văn-chương mới tuy được bành-trướng nhưng vẫn còn theo các lề-lối cũ và không có gì thay đổi cho lắm. Giai-đoạn thứ nhì là thời kỳ nhóm Tự-lực ra đời có ông Lê-văn-Khôi và các nhà văn-sĩ với thể thơ mới. Sang giai đoạn thứ ba là thời-kỳ hiện nay kể từ năm 1945.

Thuyết-trình-viên :

Chúng tôi xin trả lời về câu hỏi đứng trên lập-trường nào mà xét về lịch-sử. Chúng tôi không muốn tự gán một cái nhãn-hiệu nào vào người trong khi xét những vấn-đề về lịch-sử. Ngay cuộc sống của chúng ta hiện tại đây chưa chắc chúng ta đã nhìn một việc mà biết được cái chân-tượng thực-sự của nó huống hồ những việc xảy ra từ một, hai, ba bốn nghìn năm về trước. Vì lẽ đó mà ta phải lấy cái trực-giác của chúng ta, chúng ta phải lọc dũa cái tinh-thần, cái tâm-hồn của chúng ta cho khỏi có cái ô-trọc về danh về lợi, chúng ta gột rửa ở trong lòng chúng ta những cái gì là vọng tâm về chính-trị, về tiền-của thì bấy giờ chúng ta mới có cái sáng-suốt để dùng cái trực-giác là cái thiên-hằm mà nhìn vào sự-thực của lịch-sử cũng như sự-thực hiện ra trước mắt của chúng ta. Bởi vậy chúng tôi nói rằng : chúng tôi không cần phải minh-chứng cái lập-trường nào của chúng tôi trong khi xét về lịch-sử mà thiết-tưởng cái điều đó là điều mà toàn-thể các anh em cũng muốn nói như vậy, nhưng bởi vì người ta đã có một phong-thói và gần đây do cái ảnh-hưởng của chính-trị, người ta muốn có một cách nhanh chóng, một cái dấu-hiệu để mà nhận-định cho nó nhanh, người này thuộc vào phái này, người kia thuộc về xu-hướng kia, cho nên người ta muốn buộc rằng : người nào cũng phải dán vào ngực mình một cái nhãn-hiệu đã đề rồi từ cái nhãn-hiệu đó người ta nhận-định người ấy nói cái điều chân-lý có đúng hay là không. Thành thử vì cái phong thói đó, vì cái tập-quán đó, chúng ta đã đi ngược, chúng ta đi tìm chân-lý chẳng phải là vì tâm-lý, mà tìm chân-lý chỉ là vì nhãn-hiệu. Đó là một điều rất tai hại. Nói về những dẫn-chứng ở lịch-sử, như tôi đã nói, có nhiều điểm mà lịch-sử chép sai, nếu háy giờ căn-cứ vào những cái chép sai đó để mà lập-luận, thì chúng ta lại đưa ra những cái sai vô cùng to lớn khác đề rồi chúng ta lừa dối nhau, và chính mình tự lừa dối mình, đơn cử vài thí-dụ ở trong lịch-sử đã chép sai như cái việc cột đồng Đông - Hán. Khi Mã-Viện

đánh tan quân Trung-Vương rồi, thì Mã-Viện cầm một cái cột đồng, không biết rõ cột đồng ấy cầm ở đâu, mà bây giờ có một số các học-giả đi tìm cái cột đồng ấy. Đó là một việc làm mà chúng tôi thấy vô ích. Một số người thì công-nhận lịch-sử chép như thế này: « Sau khi Mã-Viện dựng cái cột đồng thì người Giao-Chỉ sợ rằng nếu cột đồng ấy gãy, tất cả dân-tộc sẽ mất giống cho nên mỗi một người mới ném vào đó một hòn đất, hòn đá để cho nó vững » — chúng tôi nhận thấy như thế là một sự thỏa-mạ lịch-sử, thỏa-mạ cả dân-tộc, bởi vì người Giao-Chỉ hồi xưa khi theo Trung-Vương, dựng cờ khởi nghĩa để đánh quân Tô-Định, những người đó không phải là những người vô ý-thức. Họ hiểu rõ thế nào là vinh thế nào là nhục. Khi Mã-Viện cầm một cái cột đồng đề chữ « Đồng trụ chiết. Giao-Chỉ diệt » tức là Mã-Viện muốn thỏa-mạ dân-tộc Việt là Mã-Viện có quân lực trong tay, dân-tộc ta không thể chống đối lại được, nên phải tìm cách mà chôn nó đi. Chôn nó đi là chôn một cái nhục của dân-tộc. Ấy thế mà có người đã chép rằng người Giao-Chỉ sợ cột đồng ấy gãy cho nên phải đắp cho nó vững, đó là, chép sai. Chúng tôi lại xin dẫn-chứng một đoạn sử nữa nói về Lê-Long-Đĩnh. Đoạn sử này do nhà Lý ghi lại cho rằng ông Đĩnh là một ông vua ăn chơi sa-dọa và có đưa ra ba cơ đề nói rằng ông ta là một người hoàn-toàn hư-hỏng. Cơ thứ nhất cho rằng ông ấy đề mía trên đầu nhà sư mà róc vỏ, thỉnh-thoảng lại giả tảng lỡ tay cho dao chặt vào đầu chảy máu ra, và lấy thế làm vui cười. Chúng tôi nhận thấy cái cơ đó chưa đủ để kết án Lê-Long-Đĩnh vì trong thời Lê-Long-Đĩnh cũng có mấy ông sư làm quan rất lớn, thế thì tại sao mấy ông kia thì đề mà mấy ông sư nọ lại bị róc mía trên đầu? Về cơ thứ hai nói rằng Lê-Long-Đĩnh đã dùng mấy người làm trò hề nhại tiếng các quan trong triều mà chơi vui, cái cơ đó chưa chắc có thể đứng vững mà buộc tội ông vua Đĩnh, bởi vì trong triều có thể có những ông quan xu-nịnh quá hoặc nói năng một cách hèn mọn quá không xứng đáng làm quan mà các anh hề có chế diễu để bợt những cái hèn hạ đó đi thì kết tội người ta sao được. Về cái cơ thứ ba, nói rằng ông vua Đĩnh ăn chơi sa-dọa đến nỗi có bệnh phải nằm trên giường mà thị-triều thì ngược trở lại, nếu bị bệnh mà còn lo việc triều-đình chưa biết chừng điều đó chứng tỏ ông vốn là người chăm việc triều-chính bởi vì có rất nhiều ông vua khác lại trốn-tránh nằm phòng riêng không nhìn gì đến việc triều-chính.

Đó là một hai điều chứng tỏ lịch-sử chép chưa chắc đã đúng. Đòi sau mà chép việc về đời trước có thể thêm bớt và làm hư-hỏng đi.

— Về việc phát-triển thêm mục nói về giai-đoạn văn-học hiện-tại, chúng tôi công-nhận điều đó là cần vì đoạn đầu chúng tôi nói hơi dài mà đoạn sau thì lại sơ sài quá. Chúng tôi sẽ viết thêm tài-liệu vào đoạn sau.

— Một vấn-đề mà chúng ta chưa đồng-ý hẳn với nhau, đó là vấn-đề văn-học bình-dân. Một bạn nói rằng : « trong thời cũ, tuy không có người ở giai-cấp này chống đối người ở giai-cấp khác nhưng vẫn có một đẳng-cấp thống-trị ». Tôi cho điều đó đúng bởi vì bất-cứ ở thời nào vẫn có những người chỉ-huy và những người chịu sự chỉ-huy.

Cái việc thống-trị hay chỉ-huy đó là lẽ thường nhưng trong việc thống-trị ấy ta không thể nói rằng có một giai-cấp thống-trị và giai-cấp bị-trị.

Bởi vì có những ông quan ngày xưa khi hồi hưu, vẫn chui rúc trong nhà lá và vẫn sống trong dân-chúng như thường-dân của một làng, chỉ có cái danh-dự là đã từng làm quan này quan nọ mà thôi. Chúng ta thấy không có sự chia ra giai-cấp cách-biệt như ở tình-trạng xã-hội tư-bản của người Âu-châu. Vì nhận-định không chia giai - cấp mà chúng ta mới thấy trong cái xã-hội cũ có một sự chung sống của hết thảy các hạng người và trong hết thảy các hạng người ấy nổi bật lên một số người gọi là văn-nghệ-sĩ tức là phần-tử ưu-tú của xã - hội, kết-tinh do những ước-vọng thẩm-thiết của quần-chúng. Những văn-nghệ-sĩ đó đưa những điểm sáng-tác ra, đưa những lời nói của mình ra, nhưng tuy là của mình thực, mà chính nó bắt nguồn từ trong nhân-dân, nó chính là cái ước-vọng của nhân-dân, nói ra bởi cửa miệng văn-nghệ-sĩ và là cái nòng cốt của văn-nghệ. Cái nòng cốt ấy có rồi, bây giờ nhân-dân nhắc đi nhắc lại đời này qua đời khác, nó lại trở về mà thành của tất cả mọi người trong nhân-dân. Như vậy chúng ta có thể hiểu được quá-trình thành-tạo của tất cả những áng thi văn cổ truyền-khâu.

Chủ-tọa đoàn : Ông Lê-văn-Siêu đã cho chúng ta nhiều ý hay, song, về văn-học chúng tôi thấy không thể nào làm thỏa-mãn mọi người được. Về vấn-đề tư-tưởng, về vấn-đề văn-nghệ, không thể nào biểu-quyết bằng nguyên-tắc đa-số và buộc thiểu-số phải

phục-tùng. Vì cần tôn-trọng tự-do tư-tưởng, nên chúng tôi thấy cần đề mỗi người phát biểu ý-kiến đề rồi mỗi người tùy mình mà kết-luận chớ không nên lấy biểu-quyết như trong các cuộc bàn-cãi khác.

Một đại biểu (192).— Tôi xin nói ngay rằng tôi không đồng ý với nhà văn Lê-văn-Siêu ở chỗ nhà văn đứng về mặt sử mà lại tin ở trực-giác. Các nhà bác-học bây giờ đều công-nhận có trực-giác, nhưng trực-giác là 1 dụng-cụ rất tinh-vi mà rất nguy-hiêm. Nếu nhà làm sử mà tin vào trực-giác thì nguy-hiêm vô cùng, nhất là học sử, để nghiên-cứu về dân-tộc. Tôi xin nêu vài điểm về sự nguy-hiêm đó. Điểm thứ nhất nhà văn quan-niệm rằng cái văn-chương truyền-khẩu không phải là của đại-chúng. Tôi xin nói rằng, nếu ta đã học lịch-sử V.N., ta thông-cảm rằng dân-tộc V.N. trải qua hàng nghìn năm nay đã phấn-đấu rất nhiều với thiên-nhiên, với các trở-lực để mà sống. Dân-tộc ta đa-số là nông-dân, vậy ngày xưa văn-hóa V.N. xây dựng cấu-cứ vào nông-nghiệp. Trong đám nông-dân hàng nghìn năm ấy, tranh-đấu với thiên-nhiên, sống thông-cảm với thiên-nhiên, sống phát-triển với thiên-nhiên đã có những hơi thở là những lời thơ mà tôi không đồng-ý với 1 bạn nữa cho rằng lời thơ ấy cổ hủ, thô-sơ mà ngược lại chính là lời thơ trác-tuyệt, mà những nhà văn-hào phải kính-phục. Chúng ta nên thông-cảm với những lời thơ ấy, không phải là lời thô-sơ, đấy là cả hồn dân-tộc, ví dụ như :

Gió mưa là bệnh của trời.

Tương-tư là bệnh của tôi nhớ nhà.

Những lời thơ rất tự-nhiên nó làm cho ta rung cảm.

Đứng về phương-diện nghiên-cứu, tôi không đồng-ý với nhà văn khi nói rằng « đời nhà Lý, tam-giác đồng-nguyên là cái nền Quốc-học Việt-Nam ». Ta nên nhớ rằng 6, 7 nghìn năm về trước nền đạo-học đã phát-triển rất cao và đều công-nhận một điểm chung là phương-diện phát-triển nhân-cách con người đều tuyệt-đối. Sáu bảy nghìn năm về trước đã có ngay ở Ấn-Độ nhiều đạo khác nhau và đều cùng chủ-trương như vậy. Thế thì không phải đời nhà Lý nước ta mới có chủ-trương ấy và có thể gọi là Quốc-học. Nếu ta nghiên-cứu về Đạo của Nhật của Tàu của cả Đông-phương này thì bất-cứ ở đâu cũng thấy một quan-niệm chung.

Trong thời nhà Lý, Phật-giáo rất phát-triển mà phật-giáo thì có óc dung-hòa. Bởi thế nên từ hàng nghìn năm về trước, khi từ Ấn-Độ truyền sang Tàu, trong khi đạo Khổng và đạo Lão thịnh-hành mà không có cuộc đờ máu.

Cái dung-hòa ấy căn-cứ vào lòng tôn-trọng chân-lý và lòng yêu-thương đã hun-đúc tinh-thần chung cho các đạo chứ không phải do lòng người công-nhận tam-giáo đồng-nguyên mà có. Nhà văn lấy bài thơ của Viên-Chiếu Thiên-sư mà cắt nghĩa rằng bài thơ ấy, nhà sư công-nhận có Thượng-đế linh-thiên, điều đó sai đối với đạo Phật. Vì tôn-giáo chỉ là hình-thức nhỏ nhất của đạo Phật.

Những người thờ Phật, công-nhận có người tiến trước mình có người tiến sau mình, nhiệm-vụ của mình là mình phát-triển cho mình đến triệt-đề và giúp bao người khác cũng tiến. Phật-pháp là những phương-pháp để phát-triển mình và giúp bao nhiêu người khác về phương-diện trí-tuệ và các đức-tính. Bởi thế ta có thể nói rằng lúc xưa đạo Phật được phát-triển nhưng dung-hòa tất cả các đạo khác nên mới có sức mạnh về phương-diện văn-hóa.

Một giáo-sư (892).— Tôi không đồng ý với nhà văn Lê-văn-Siêu đã nói rằng chỉ có Việt-Nam ta có nói lái, theo tôi thì mình dùng nói lái làm chuyện đùa chơi, còn các nước khác họ dùng nói lái để mà sáng-lập văn-ngệ chứ không phải đùa để đùa bỡn. Về văn học, trong khuôn-khổ thời-gian của Đại-Hội, tôi thiết tưởng nhà văn Lê-văn-Siêu nói đã tương-đối đầy đủ.

Đại-biểu Khánh-Hóa (360) — Vừa rồi một Đại-biểu có bệnh-ức nhà văn Lê-văn-Siêu về diêm văn-chương bình-dân không phải là của người bình-dân và có nêu lên rằng : Quan-niệm cho văn-chương bình-dân là của những người Bình-dân là quan-niệm mà Trương-Tửu, Nguyễn-bách-Khoa đã có nói rồi và những người Cộng-Sản Đệ-Tam Quốc-tế đã áp-dụng và đã sai-lệch, rồi đại-biểu lại nêu rằng không cần sống cũng có thể sáng-tác được, chúng tôi nhận thấy :

Thứ I : Chúng ta xét về văn-chương Bình-dân không phải xét văn-chương Bình-dân vào thời-kỳ thực-hiện trong những ngày gần đây, không phải xét ở trong giai-đoạn mà bọn đệ-tam Quốc-tế đã lợi-dụng để bóp méo cả vấn-đề đó, mà chúng ta phải

xét vấn-đề văn-chương bình-dân từ gốc cho tới thời kỳ phát-triển hiện nay.

Thứ II Về vấn-đề sống và sáng-tác, chúng tôi không quan-niệm sống như Cộng-Sản là sống tam-cùng : cùng ăn, cùng ở, cùng làm mới sáng-tác được. Tuy-nhiên phải sống hòa mình với quần-chúng, phải hiểu được tâm-trạng, nguyện-vọng hiểu được ý-thức của họ chúng tôi có thể nói rằng không ai hiểu người Bình-dân bằng người Bình-dân.

Một đại biểu : Bàn về nhận-định lịch-sử. Ở đây, tôi không võ-đoán mà cho rằng nho-sĩ không thể sáng-tác được. Có thể được lắm, nhưng mà ít thôi, những người đó có sống hòa mình với đám Bình-dân, mới nói lên được lòng người Bình-dân chứ.

Những sáng-tác của người nho-sĩ có thể được người Bình-dân công-nhận và trở thành những thi-ca Bình-dân, chỉ khi nào họ thông-cảm được những nỗi lòng của người Bình-dân và khi đó do sự truyền-khẩu các tác-phẩm được nhập vào kho-tàng của đám Bình-dân.

Nếu muốn nhận-định cho đúng, chúng ta phải đặt cái sự-khien lịch-sử trong khung cảnh không-gian và thời-gian của nó, chứ không thể nào tách rời không-gian và thời-gian cũ mà chỉ lấy trực-giác của chúng ta để phê-phán. Thường thì nhà sử chép đúng có khi giải-thích non kém mà làm cho ta thiếu tin-trưởng. Thi-dụ như việc nhận-định về vua Lê-Long-Đĩnh.

Chủ-toạ đoàn Đại-Hội thảo-luận xoay quanh 2 vấn-đề trọng tâm. Vấn-đề thứ nhất là nguồn gốc của văn-chương bình-dân. Sau 1 hồi thảo-luận, chúng ta đã thấy có 3 quan-niệm : một, chủ-trương rằng do đích người bình-dân sáng-tạo ra. Một, chủ-trương rằng hoàn-toàn do những phần-tử ưu-tú làm ra do sự thông-cảm và người bình-dân truyền-khẩu. Một, chủ-trương rằng cả 2 bên đều có thể sáng-tác được. Vậy văn-chương bình-dân có thuộc độc-quyền người bình-dân hay không ? Phải chăng người nào cũng có thể góp phần trong văn-chương đó ?

Một đại biểu (704) : Tôi nhìn thấy trong tài-liệu trang 11 có 1 điều mà nhà văn xét hơi quá đáng : « Suốt thời-kỳ từ 1945 đến 1954, dưới chế-độ độc-tài, không còn một tư-tưởng nào được khác với tư-tưởng Cộng-Sản ». Đó là một nhận-định có lẽ sai lầm.

Theo tôi, từ 1945 tới 1954 có nhiều tư-tưởng mãnh-liệt về Quốc-gia chứ không phải là không có một tư-tưởng nào về Quốc-gia. Bằng chứng cụ-thể là do tư-tưởng chống Cộng-Sản mà có nhiều khu-vực Quốc-gia chống Cộng-Sản bằng võ trang, thí-dụ Bùi-Chu, Phát-diệm ngoài Bắc mà ở trong Nam là các khu-vực của Cố Trung-tướng TRỊNH-MINH-THỂ. Nếu chúng ta nhận-định như thế, thời chúng ta từ 1945 đến 54 hoàn-toàn đầu hàng Cộng-Sản chẳng ? Chúng ta nhận-định như thế thì chúng ta phủ-nhận tất cả những thành-tích của cuộc Cách-Mạng Quốc-Gia trong thời-gian ấy đã quật-khởi đề tiến đến ngày nay. Xin đề-nghị sửa chữa lại trong bản thuyết-trình.

(Tới đây, hội-ngị tạm ngưng thảo-luận vì đã hết giờ.)



KHOA-HỌC CỦA CON NGƯỜI

Chiều 9-1-1957 :

ĐỀ-MỤC :

THUYẾT-TRÌNH VỀ KHOA-HỌC CỦA CON NGƯỜI

Thuyết-trình-viên : Bác-sĩ Nguyễn-hữu-Phiếm.

Chủ-tọa-đoàn : Bác-sĩ Lê-văn-Thuần

Bác-sĩ Nguyễn-trọng-Lai

Ông Vũ-văn-Tĩnh

(Giám-đốc Nha Thông-Tin C.N.T.P.)

Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI-DUNG :

Khoa-học có thể biến-cải con người được không ?

Sau khi hai trái bom nguyên-tử nổ ở Hiroshima và Nagasaki, nhà bác-học trứ-danh của thế-kỷ thứ 20 : Ông Albert EINSTEIN, đã thốt ra những lời sau đây :

« Nếu tôi phải làm lại cuộc đời của tôi, thì tôi thích làm một người thợ hàn hay người phụ-vác hơn là một nhà khoa-học ».

Vậy, sống ở thế-kỷ này, ở thời-đại khoa-học, đặt hết cả tin-tưởng, kỳ-vọng vào khoa-học, ta thử tìm hiểu những lý-do, tất là phải chính-đáng, đã khiến Ông EINSTEIN lên tiếng để cảnh-cáo nhân-loại.

Ta hãy nhận-định xem, trên thực-tế, khoa-học ngày nay đã đem lại cho ta những gì ?

Ai cũng phải công-nhận rằng nhờ sự phát-minh của khoa-học mà nhiều nước bán-khai, có tiếng là khô-khan, nghèo-nàn nhất, có thể

trở nên những đất phì-nhiều, phong-phú. Như ta đã biết, những bãi sa-mạc mênh-mông xứ Arabie-Séoudite, đã trở nên những đồng ruộng xanh tươi; bao nhiêu sông đào, to, nhỏ, chằng-chịt trên mặt đất nhờ những giếng nước ở từng sâu dưới đất khai lên; bao nhiêu đường nhựa, đường sắt đặt trên bãi cát làm cho sự giao-thông rất nhanh chóng; các thành-phố tối-tân, với những nhà chọc trời mọc lên như nấm; những mỏ dầu lửa vô-tận tự tìm đất phun lên làm cho xứ này thành một nước giàu có nhất nhì thế-giới hiện nay.

Thực-tại trên đây cho phép ta hy-vọng rồi đây, tại những bãi sa-mạc bên Phi-Châu, nhiều đất đai có tiếng là nghèo-nàn ở Úc-Châu Á-Châu, mà dân-tộc bán-khai đang phải sống hiện nay một đời sống u-tối, những nguồn lợi thiêng-liêng sẽ được khai-thác và trở nên thịnh-vượng.

Đời sống của ta so với thời trước cũng khác hẳn, có phần dễ chịu hơn: nhà cửa cao-ráo, sạch-sẽ, sáng-sủa, có đủ điều-kiện vệ-sinh, đủ mọi tiện-nghì: điện, nước...

Làm việc, dù ở buồng giấy hay tại các công xưởng, hay ở ngoài đồng-áng, dù trời nực hay trời rét, không thấy vất-vả, khó nhọc như xưa.

Nói rằng một người thường-dân, một người lao-công thời nay, sống sung-sướng hơn một nhà đại-phú, một vị đế-vương cách đây năm mươi năm, không phải là ngoa vậy.

Sự sinh-hoạt cũng dễ-dàng, nhờ sự giao-thông nhanh chóng từ nơi này đến nơi khác: bằng xe-hơi, xe-lửa, tàu-thủy, phi-cơ. Liên-lạc từ tỉnh này qua tỉnh khác, có khi từ nước này sang nước khác, rất thuận-tiện, mau-lẹ nhờ có điện-tín, điện-thoại, máy thu-thanh, truyền-thanh.

Và nhờ những phương-diện đó, sự hoạt-động của con người ta cũng tăng-cường hơn trước: Một vị quốc-trưởng, một chính-trị-gia, có thể trong một ngày đi kinh-lý nhiều nơi, tham-dự nhiều buổi họp, gặp được nhiều chính-khách để đàm-luận về thời cuộc liên can đến quốc-gia hay quốc-tế...

Nói tóm lại: Đời sống ngày nay là đời sống công-cộng, tập-đoàn. Dù ở những nơi thâm-sơn, cùng-cốc, nhờ có những máy thu-thanh, ta cũng được biết tin-tức trong nước hay trên thế-giới một cách đầy đủ, nhanh-chóng.

Và ta có thể nói rằng sống cô-độc, sống ảm-dật, chỉ biết có mình hay gia-đình nhỏ của mình, ngày nay là một hình-phạt của xã-hội, nếu không phải là một thú hiềm có vậy.

Ở những nơi đô-thị, đi một quãng đường, dù gần đã có xe máy, xe hơi, làm cho ta đỡ vất-vả.

Nếu ở những tầng lầu cao, đã có thang máy đưa ta lên, khiến ta không cần đi cũng tới.

Ngoài ra còn những cuộc giải-trí, mỗi ngày một nhiều, một lạ. Nào chiếu-bóng, ca-kịch, sân vận-dộng, bể bơi... Trong nhà, có máy thu-thanh hoặc ở bên Âu-Mỹ hay bên Nhật có máy vô-tuyến truyền-hình...

Và lẽ dĩ-nhiên, trước những sự ích-lợi hiển-nhiên mà khoa-học đã đem lại cho ta, thử hỏi ai là không hoan-nghenh nhiệt-liệt, ai là không sẵn-sàng bỏ hết những tập-quán xưa, những tập-quán đã đòi hỏi ở ta nhiều cố-gắng, nhiều nhân-lực, để sống một cuộc đời dễ-dàng, đầy-đủ, sung-sướng ngày nay?

Về phương-diện y-học :

Ta có thể nói được rằng từ hai mươi năm nay, sự tiến bộ rất quan-trọng.

Y-học đã thắng được biết bao nhiêu bệnh mà xưa kia, các danh-y đã bó tay chịu, như bệnh thương-hàn (typhoïde), bệnh sưng phổi (pneumonie), bệnh lao màng óc (mningite tuberculeuse), bệnh lao (tuberculose), bệnh cùi vân vân... nhờ những thuốc có thể gọi là thần-dược — như chất pénicilline, streptomycine, terramycine, P. A. S., rimifon v.v...

Ngay cả đến những bệnh như bệnh tê-liệt của trẻ em, ngày nay cũng đã có thuốc tiêm phòng rất hiệu-nghiệm.

Khoa giải-phẫu cũng tiến một bước rất xa. Nhờ có thuốc mê, nhờ có truyền máu, Bác-sĩ giải-phẫu có thể mổ hàng giờ mà không nguy-hiểm cho bệnh-nhân.

Mổ óc, mổ tim, khâu các mạch máu, tiếp con người (greffe de la cornée), tiếp cơ-thể... bây giờ là một việc thông-thường.

Về sự ăn uống : ăn uống cũng có khoa-học, đầy đủ hơn trước, nhất là về phương-diện sinh-tổ.

Tóm lại : Ta nhận thấy nhờ y-học, sức-khỏe của ta ngày nay được bảo-vệ, bệnh-tật giảm đi rất nhiều. Số trẻ con sơ-sinh hay chết,

rất ít nhờ có thuốc, nhờ những phương-pháp nuôi nấng được phổ-biến trong dân-chúng. Ngày nay, tại các bệnh-viện bên Âu-Mỹ người sản-phụ sinh-nở dễ-dàng, và không đau-đớn gì cả.

Trẻ con, thanh-thiếu-niên, thường-thường mạnh-khỏe, cao-lớn hơn bố mẹ. Tại các nước tân-tiến, người ta nhận thấy có nhiều lực-sĩ hơn trước. Một bằng-chứng là biết bao thành-thích hàng năm bị phá trong những cuộc thể-vận gần đây.

Đời sống trung-bình của ta hiện nay là 65 năm. Theo nhà sinh-vật-học Jean Rostand, thì trước năm 2.000, đời sống trung-bình sẽ lên tới 75 hay 80 năm.

Ta đã thấy công-dụng của khoa-học ngày nay đã làm đảo lộn hẳn cuộc đời sống của ta, nhưng ta thử hỏi :

Khoa-học có thể biến-cải được Con Người ta không ?

Ta không nói đến vệ-sinh, cách bồi-dưỡng, phương-pháp luyện-tập thân-thể, đến trang-phục, cách tô-sơn điểm phấn, hay cả đến khoa giải-phẫu để làm thay đổi bộ mặt, làm cho người xấu hóa đẹp. Vì đó chỉ là những sự-biến-cải về hình-thức mà thôi.

Đối với nhà sinh-vật-học, những sự biến-cải, ngay trong con người ta mới đáng kể.

Trước hết, có một điểm mà ít ai lưu-tâm đến là sự trì-cửu (stabilité) của chủng-loại.

Trái với nhiều người lầm-tưởng, đã từ lâu, người ta thôi không tiến-hóa nữa, hay thôi không thay đổi mấy, so với người đời thượng-cổ, cách đây 10 hay 20 vạn năm: cũng khởi óc ấy, cũng khuôn mặt, khuôn cằm ấy.

Và theo các nhà bác-học như giáo-sư Caullery, Vandel, không có lý-do gì mà về phương-diện tinh-thần, về mặt tư-tưởng, người thời cổ-sơ lại khác người ở thế-kỷ thứ 20 này.

Những nhà cổ sinh-vật-học khi đào những bộ xương người xưa cũng công-nhận như thế.

Sự khác nhau một vực, một trời, giữa người thợ đẽo đá với người ngày nay, chỉ do công-nghiệp của văn-minh mà ra, nghĩa là cái văn-hóa tích-lũy lâu đời, rồi cứ truyền dần mãi đi trong xã-hội. Con người ta bao giờ cũng tiềm-tàng có những khả-năng

về kỹ-nghệ, kỹ-thuật, khoa-học, triết-học... nó chỉ chờ cơ-hội thuận-tiên để phát-triển thôi.

Nếu ta có phép gì làm cho một đứa trẻ, sinh từ đời cổ-sơ, sống trở lại, để ta nuôi nấng, chăm nom, dạy dỗ, giáo-hóa nó như con ta, tất nhiên nó sẽ trở nên một người như chúng ta, một người mà về hình-thức, về hạnh-kiếm, về tư-chất thông-minh, về tính-tình, tư-tưởng, không ai dám bảo là ngoại-lai, từ ngàn xưa hiện về. Người đó có thể tranh-luận được với bất cứ ai về những vấn-đề phức-tạp về triết-lý cao-siêu, về văn-nghệ v.v...

Nhà tâm-lý học Henri Piéron có tường-thuật câu chuyện sau đây :

Ở Paraguay (Nam-Mỹ), có một dân-tộc thô-sơ : dân Guayaquil. Họ chỉ chuyên sinh-sống nhờ mật ong, lấy ở các hốc cây trong rừng. Vì thế người ta còn gọi họ là « văn-minh mật ». Một ngày kia, một bon thám-hiểm gặp một đứa trẻ gái Guayaquil, ước chừng lên 2 tuổi bị thất-lạc ở vùng đó. Nhà chủng-học Vellard bèn đem về nhờ mẹ trông nom. Được hấp-thụ nền văn-minh mới, được rèn-tập từ nhỏ, đứa bé « mọi-rợ » trở nên một thiếu-phụ rất tân-tiến, học-bác uyên-thâm, nói được nhiều thứ tiếng.

Thiếu-phụ có cộng-tác rất đặc-lực với bố nuôi và sau kết-hôn với ông.

Ta xem như thế đủ rõ ảnh-hưởng của giáo-dục, của hoàn-cảnh xã-hội, hai yếu-tố quan-trọng trong cuộc tiến-triển của loài người.

Nhưng ta không nên quên rằng chính yếu-tố « sinh-vật-học » đóng vai trò quyết-định lúc khởi-thủy.

Và chính yếu-tố « sinh-vật-học » có trách nhiệm lớn-lao trong cái kỳ-công về nhân-chủng.

Nếu kể từ một thời-kỳ nào trong lịch-sử loài người, con người sở-dĩ tiến tới trình-độ ngày nay, là do một sự biến-thiên — một sự biến-thiên rất cởn cợn — trong cơ-thể.

Sự biến-thiên ấy là gì ? Tại sao phát ra ? Biến-thiên ở chỗ nào trong cơ-thể ?

a) — *Về phương-diện triết-lý.* — Dù người ta có những ý-kiến nào mặc lòng về bản-chất của tư-tưởng, ta cũng phải công-nhận rằng óc, não là căn cho sự hoạt-động của tư-tưởng ta, của tinh-thần.

Theo các nhà bác-học, thì óc của loài khỉ bé hơn óc người. Nhưng giữa loài người với nhau, nếu đem so sánh người thông-minh với kẻ đần-độn, mà chỉ căn-cứ vào óc, não, nặng hay nhẹ, thì không thể biết được một cách rõ-rệt.

Theo Giáo-sư Lhermitte, tác-giả cuốn sách « Não và tư-tưởng » (Le cerveau et la pensée), thì giá-trị của con người, không do khối óc, nặng hay nhẹ. Có lẽ, theo ông, những người nào xuất-chúng thì hai bán-cầu của não chênh-lệch nhau.

Nếu khối óc của những bậc vĩ-nhân như Cuvier, Cromwell, Byron... nặng hơn óc người thường, trái lại, cũng có nhiều người lỗi-lạc mà xét ra bộ óc không có gì là đặc-biệt cả.

Như thế khoa-học ngày nay chưa khám phá được cái bí-ẩn của khối óc con người ta.

Ta chỉ biết nhờ có sự biến-thiên mà người ta khác loài vật, vượt hẳn trên con vật, tuy chưa biết biến-thiên đó là gì và ở đâu. Trước còn là cao-đẳng động-vật, sau trở nên một sinh-vật độc-nhất làm biến-chuyển lịch-sử đời người, lịch-sử địa-cầu và có lẽ rồi đây, lịch-sử vũ-trụ.

Một kỷ-nguyên kỳ-diệu mở đầu, mà ngày nay mới chỉ là buổi sơ-khai thôi.

b) — Các nhà bác-học, trong khi khảo-cứu về óc, đã lưu-tâm đến những sự biến-chiuyển hóa-học ở trong óc.

Theo các vị đó, người ta ngu-dần vì trong não có toan-thủy phénylpyruvique.

Quan trọng hơn hết, có lẽ là những chất *Kích-thích-tổ* (*hormone*) — nghĩa là những chất do các hạch riêng của cơ-thể bài-tiết ra rồi dồn vào trong máu.

Công-dụng của một vài chất kích-thích-tổ rất rõ-rệt: Tại miền núi Alpes bên Pháp, Hi-Mã-Lạp-Sơn (Himalaya) bên Ấn-Độ, biển-hồ bên Hoa-Kỳ, vì thiếu chất Iode mà dân vùng đó đần-độn, ngây-ngô, học-hành chậm tiến.

Chất Iode cần cho hạch thyroïde nảy-nở. Và muốn chữa những người đó, chỉ cần cho họ kích-thích-tổ lấy ở hạch thyroïde.

Kích-thích-tổ lấy ở dương-hạch (testostérone) đã được đem thí-nghiệm cho các loài-vật, như gà, chim.....

Thiếu chất đó, mào gà sống, đang đỏ sẽ nhợt màu và sẽ nhỏ lại. Con vật sinh ra hiền-từ, đối với con mái trở nên lãnh-đạm.

Tiêm kích-thích-tổ cho nó, chỉ trong vài tuần lễ, mào lại đỏ lại, lớn lên. Nó lại gáy như xưa, hiếu-chiến và ưng đập mái. Đối với chim sẻ, nếu cắt dương-hạch đi, mỏ đang đen thành trắng. Tiêm kích-thích-tổ, chỉ trong vài ngày, mỏ sẽ đen trở lại như cũ.

Nhiều giống chim, chỉ con đực là hay hót thoi. Nhưng nếu tiêm kích-thích-tổ dương cho con mái, những con này cũng hót được. Người ta đã thí-nghiệm về người với những kích-thích-tổ. Kết-quả tuy không được rõ rệt như khi thí nghiệm về loài vật, nhưng trong một vài trường-hợp, cũng khả-quan.

Về cuối thế kỷ thứ 19, bác-sĩ Brown Séquard, khi đó đã 72 tuổi đã tự thí-nghiệm vào mình, bằng cách tiêm kích-thích-tổ dương. Ông ta thấy khỏe-mạnh, lanh-lẹn, tinh-thần sáng-suốt hơn trước.

Bác-sĩ Léon Binet đã phúc-trình tại Viện Hàn-Lâm Khoa-Học Pháp trường-hợp một cụ già 88 tuổi, không đi, không đứng được, và trí-tuệ suy kém.

Tiêm kích-thích-tổ dương cho cụ, chỉ trong 3 tuần-lễ, cụ có thể đi không cần chống gậy, một mình lên thang xuống thang được. Cụ lên cân, và ham đọc sách.

Có thứ kích-thích-tổ, như *prolactine*, tiêm cho những con súc-vật cái, làm cho phát-triển tình mẫu-tử.

Những con chuột tơ, thấy chuột mới sinh, chúng rất thản-nhiên. Nhưng khi đã chích cho chúng chất *prolactine*, được ít lâu chúng sẵn sóc đàn chuột mới sinh kia, không khác gì mẹ chăm con cả.

Một vị tu-sĩ và cũng là một nhà sinh-vật-học có thuật lại trong cuốn sách của ông, trường-hợp một con trâu nước (*hippopotame*), đã giết ba con nhỏ của nó. Sau khi sát lên mình nó chất *prolactine*, con vật trở nên hiền-từ và săn-sóc đến những đứa con nó còn lại.

Trên đây chỉ nói sơ qua một vài thứ kích-thích-tổ mà thoi. Rất có thể, nhờ sự điều-khiển khéo-léo những chất đó, người ta cao, lớn hơn lên, và sau khi thí-nghiệm cho súc-vật có hiệu-quả, đem áp-dụng cho người được.

c) Ngoài kích-thích-tổ ra, *khoa giải-phẫu về não* ngày nay cũng phát-triển.

Nhờ cắt được giây thần-kinh ra từng đoạn mà các nhà bác-học có thể biến-đổi tính-tình con người ta. Có thể lấy một miếng não trong đầu ra để làm cho người ta hết lo sợ, để làm cho một người buồn-bực, đau-đớn, có khi điên-rồ trở lại cuộc đời bình-thường.

Và biết đâu rồi đây, nhờ khoa giải-phẫu mà người ta chả trở nên thông-minh hơn ?

d) Về vấn-đề này, người ta đã dùng đến những chất hóa-học.

Chắc chắn trong một ngày gần đây, các phòng thí-nghiệm sẽ phát minh ra, ngoài những kích-thích-tổ nói trên, những sinh-tổ (vitamine), những dược-phẩm, để làm tăng hay giảm những tính-tình con người ta.

Ta đã biết nhiều học-sinh sắp tới kỳ thi, đua nhau dùng thuốc như Ortédrine, Maxiton...— để tỉnh đêm không mệt, tinh-thần vẫn sáng suốt.

Như chất toan-thủy glutamique, người ta còn gọi là « Toan-thủy của thông-minh » (acide aminé de l'intelligence) hình như cũng đóng vai tưởng quan-trọng trong sự bổ-dưỡng tế-bào của não.

Trong một vài trường-hợp tinh-thần trì-độn, dùng chất này thấy công-hiệu.

Nhà bác-học Zimmerman và một số nữa đã nhận thấy rằng đem thí nghiệm toan-thủy glutamique cho loài chuột, giống này dù bị nhốt vào một nơi, có đường lối quanh co, cũng có thể tìm được lối ra.

Đem thí-nghiệm cho người, kết-quả cũng được khả-quan — những đứa trẻ trì-độn, mỗi ngày dùng độ 10 grammes toan-thủy glutamique, trong vòng 6 tháng, người ta thấy học-hành tấn-tới, thông-minh hơn, chăm-chú hơn, trí nhớ cũng khá hơn trước.

Như bệnh đờng-tiện (diabète), ngày nay nhờ có Insuline, mà tình-trạng đờng ở trong huyết được điều-hòa hơn.

Và biết đâu rồi đây, chẳng có một thứ thuốc hóa-học hằng ngày tiêm vào, người ta sẽ trở nên minh-mẫn hơn, khỏe-mạnh hơn, lanh-lẹ hơn hay..... quý-quyệt hơn ?

Ông Alexis Carmel đã viết: Một ngày kia có nhà bác-học sẽ tìm ra phương-pháp làm một đứa trẻ tầm-thường thành một bậc vĩ-

nhân, cũng như loài ong, đã biến-hóa một con ong non thường thành ra ong chúa, nhờ có những chất đồ ăn riêng!

Người ta nghĩ sẽ có thể chế-tạo ra những chất hóa-học để giúp vào việc xử-thể trong xã-hội, như thuốc để phát-triển đức-hạnh, lòng nhân-từ, bác-ái, vị-tha... cũng như, về loài vật, như trên đã nói, đã có thứ thuốc để phát-triển bản-năng mẫu-tử, luyện-ái, can-dảm vân vân....

e) — *Sau hết ta cũng nên nói qua về ảnh-hưởng của sự ăn uống, sự bồi-dưỡng đến tinh-tình của con người ta.*

Như ngu-dần vì trong món ăn thiếu những chất sinh-tổ. Nhà triết-học Nietzsche đã viết: « Các món ăn có kết-quả về tinh-thần không? Có một triết-lý về sự bồi-dưỡng không? »

Bác-Sĩ Laumonier, năm 1922, đã đề-nghị: chữa bệnh tham ăn bằng vôi và thanh-diên (bismuth); chữa chứng ghen bằng sữa; tính giận-dữ bằng trái-cây; tính kiêu-cãnh bằng rau; tính hư-danh bằng thuốc sủ. Và tính keo-kiệt bằng mã-tiền.



Ta đã thấy khoa-học ngày nay chi-phối hầu hết cả những sự hoạt-động của con người ta, về vật-chất cũng như về tinh-thần. Ta thấy khoa-học đã xen-lấn vào nội-tạng của con người.

Cách đây ít lâu, các báo-chí trên hoàn-cầu đã đăng tin một thiếu-phụ người Anh tên là Emmarie Jones, còn gọi là cô Alpha, sanh con mà không hề gần gũi một người đàn ông nào. Do sự « sinh-dục đơn-tính » (parthénogenèse), các tế-bào sinh-sản của người mẹ thụ-thai. Bản phức-trình của các bác-sĩ danh-sư Anh đã làm chấn-động y-giới hoàn-cầu.

Theo tờ tạp-chí y-học Anh « The Lancet » thì trong số 1.600.000 phụ-nữ, có thể sinh một đứa con mà không cần gần gũi với đàn ông.

Thật ra, người ta đã biết vấn-đề thụ-thai đơn-tính từ hai thế-kỷ nay, trong tạo-hóa.

Nhưng lần đầu tiên, vào năm 1900, nhà sinh vật-học trứ-danh Mỹ Jacques Loeb thực-hiện việc thụ-thai nhân-tạo với những loài hải đởm (oursin).

Sau này, người ta thí nghiệm với sên, ốc....

Năm 1910, nhà bác-học Bataillon thâu được kết-quả rất tốt đẹp với những động-vật có xương, như cóc, ếch.

Sau hết, theo ông Pincus, người ta có thể tạo ra thỏ mà không cần có thỏ đực.

Theo lời nhà bác-học Rostand, với sự tiến-triển của khoa-học, rất có thể, một ngày gần đây, vấn-đề thụ-thai đơn tính nhân-tạo đem áp-dụng cho người, có thể thực-hiện được. Và cũng theo ông, đó là một điều may-mắn cho những gia-đình hiếm hoi, nếu sự hiếm hoi đó, do người chồng mà ra.



Ta đã rõ, tuy khoa-học ngày nay chưa giải-quyết được hết cả những vấn-đề liên-quan đến sự *sinh-sống* của con người ta, chưa chế-tạo được ra sinh-vật tại các phòng thí-nghiệm, nhưng ta cũng phải công-nhận rằng khoa-học đã chi-phối một phần nào tạo-vật, ít ra đối với các giống súc-vật.

Ta đã thấy khoa-học, nhất là khoa-sinh-vật-học, có thể đề-cập được lắm, tới những sự biến-cải sâu-xa của con người, không nói về phương-diện hình-thức, mà ngay cả về phương-diện tư-tưởng.

Nhưng, những kết-quả, dù mỹ-mãn chẳng nữa, có thể truyền lại đời no sang đời kìa được không?

Các nhà bác-học đã trả lời: không.

Nghĩa là: nếu nhờ khoa giải-phẫu, hay một chất dược-phẩm hóa-học, hay một kích-thích-tổ, một sinh-tổ nào, ta sản-xuất ra một siêu-nhân (surhomme), thì con người đó không có ảnh-hưởng gì đến đứa con, dù hẳn kết-hôn với một người vợ « siêu-nhân ».

Cặp vợ chồng đó chỉ sinh ra những đứa con thường. Và muốn cho đứa trẻ trở nên bậc siêu-nhân, lại phải áp-dụng cho nó những phương sách « siêu-nhân-hóa ».

Nhưng ta thử hỏi, nếu khoa-học ngày mai có thể chế-tạo ra được siêu-nhân, có phải là một điều đáng mong, đáng mừng không? Và có thể đem lại hạnh-phúc cho nhân-loại không?

Các nhà bác-học — trong đó có ông Einstein, đạo-đức học, triết-học... hết thấy đều tỏ vẻ lo ngại, xao-xuyến trước những khả-năng mà khoa-học đã và sắp đem lại cho loài người.

Bác-Sỹ Alexis Carrel, trong cuốn sách nhan-đề : « Người ta, tất cả một sự huyền-bí » (L'Homme, cet Inconnu) đã lên án một cách gắt-gao nền văn-minh hiện-tại. Ông đã tự hỏi : nếu ta có đủ tiện-nghì, đủ lịch-sự, đủ những máy móc tối-tân, mà ta không có đủ tư-cách để xử-dụng, để điều-khiển, phỏng có ích gì ? Không phải khoa-cơ-giới-học, vật-lý-học, hóa-học có thể đem lại cho ta đức-hạnh hay sự thư-thái trong tâm hồn ta. Thế-giới ngày nay không còn là thế-giới của ông cha ta nữa. Trước sự đắc-thắng của khoa-học chỉ cần đem lại cho người ta giàu có, tiện-nghì phẩm-giá của con người ta, mỗi ngày mỗi sụt kém. Lý-trí đã làm cho người ta không biết thẩm-mỹ, tín-ngưỡng là gì. Ta chỉ lo làm giàu, bằng đủ mọi cách, miễn là những cách đó không đưa ta tới trước tòa-án, hay vào nhà lao.

Để hi-vọng hưởng một số tiền bảo-kê, ước chừng bốn vạn đồng mỹ-kim, tên sát-nhân Graham đã không ngần-ngại làm nổ một chiếc phi-cơ trong đó có mẹ hắn và 44 hành-khách.

Để chiều lòng nhân-tình, mẹ Denise Labbé đã không ngần-ngại giết đứa con riêng của mình, nở tâm đem dìm đứa bé vào trong bể giặt.

Theo ông Carrel, đời sống hiện-tại chỉ khiến ta lo-lắng thêm : lo-lắng mất địa-vị, lo-lắng mất cơ-nghiệp... và khoa-học chỉ chú-trọng đến vật-chất và sao-nhãng phần tinh thần. Nếu để cho người ta — nghĩa là người của thế kỷ thứ 20 này — xử-dụng khoa-học khi họ không có một căn-bản vững chắc, khi họ không phải là con người đức-hạnh, không biết nghĩa-vụ của mình, không biết trách-nhiệm là gì, thật là một sự nguy-hiểm vô cùng.

Muốn có những căn-bản đó, trước hết cần phải hiểu thấu « con người », điều mà khoa-học ngày nay chưa đề-cập tới. Một sự khiếm-khuyết lớn vậy.

Nhà triết-học Alain, bàn về tốc-lực của máy-móc đã viết những giòng châm-biếm sau đây :

Hành-khách lấy làm sung-sướng thấy xe tốc-hành tới nơi, sớm được 15 phút, do sự phát-minh của các vị kỹ-sư. Nhưng thử hỏi : Lợi ở chỗ nào, và lợi cho ai ? Và những người hành-khách đó dùng 15 phút kia để làm gì, nếu không phải thường thường, để vào tiệm uống cà-phê, hay đọc báo đến trang tư, đọc tạp-chí nhảm, hay để tán chuyện gẫu, nếu không phải là để nghĩ vẩn nghĩ vơ ?

Ngồi trên xe lửa, đáng lẽ nhìn ra ngoài để ngắm cảnh-vật của tạo-hóa, núi sông hùng-vĩ, những cánh đồng bát-ngát, bao-la... thì

người khách đó đọc báo, hoặc xem đồng-hồ hoặc ngáp, hết mở va-li ra lại đóng vào. Tôi gả hần vội vã gọi xe để về nhà, như nhà có cháy. Tôi đến, ta lại gặp hần ở hí-viện. Hần ngắm-nghía những cây, những nhà cửa giả, trên sân-khấu, rồi trầm-trồ khen-ngợi: những người đóng giả thợ-gặt, hát tuy không đúng điệu, nhưng cách bài-trí đẹp thật ».

Nói tóm lại: Khoa-học ngày nay, chỉ đã hoạt-động, sưu-tầm, nghiên-cứu trong thực-tại hữu-hạn vật-chất. Những phát-minh của khoa-học, theo ông Carrel, không hợp với bản-chất con người, không theo một kế-hoạch nào, chỉ hướng về thị-hiểu của con người, hướng về nhân-dục, mà lãng quên phần chân-lý thiêng-liêng, huyền-diệu nhất của con người là: Tinh-Thần.

Thiếu-cần hơn nữa, khoa-học không cho phép ta được công-nhận những điều ngoài sự chứng-nghiệm vật-chất.

Trong lĩnh-vực khoa-học, con người chỉ hoàn-toàn là một sinh-vật có cơ-thể, có sống, có chết, biết ăn uống, sinh-sản như sinh-vật khác và hoàn-toàn sinh-hoạt theo luật sinh-lý do những phản-ứng hóa-học cố-định.

Có người nói rằng như vậy là vì khoa-học có tính-cách lãnh-đạm vô-tư. Ta có thể thêm rằng « vô-nhân-loại », vì khoa-học đã không nhìn thấy cái bản-tính của con người.

Trước con mắt phân-tích của khoa-học, con người là một con vật nằm ép trong cái tròng chi-phối của kinh-tế, nghĩa là của vật-chất. « Con người theo định nghĩa của Feuerbach — là những cái mà con người ăn » (L'Homme est ce qu'il mange). Đó là con người kinh-tế (Homo Oeconomicus).

Với sự nhận xét hẹp-hòi và nhầm lẫn về con người như vậy, khoa-học đã khiến cho con người đau khổ trong xã-hội văn-minh cơ-giới hiện-tại do khoa-học gây nên.

Điều làm-lấn tai-hại nhất là sự chuẩn-tắc-hóa con người (standardisation des hommes). Như những con vật khác, con người ai cũng như ai, chỉ cần nuôi cho lớn, dạy cho thuần và bắt làm việc trong đoàn, trong bọn, như những đàn trâu, đàn bò là được.

Vì vậy đã có những chế-độ chính-trị phủ-nhận phẩm-cách cá-nhân và tổ-chức xã-hội, đoàn-thể như những trại mục-súc khổng-lồ, ép con người vào những khuôn-khổ bắt-di, bắt-dịch, tạo nên những « con người đồng-loạt ».

Trong số những chế-độ chính-trị chà-đạp lên nhân-phẩm, ta phải kể chế-độ cộng-sản độc-tài, xây-dựng trên hệ-thống *tu-tướng duy-vật*, và là con đẻ của nền khoa-học thiển-cận và nhầm-lẫn về con người.

Tây-phương là nơi phát-minh ra khoa-học vật-chất, thì cũng là nơi chịu đau-đớn về cộng-sản trước nhất.

Nhưng rồi đây, một khi đã ý-thức được chân giá-trị của mình, con người sẽ không chịu để giam-hãm trong vòng vật-chất.

Nếu nó có một đời sống vật-chất, thì nó còn có một đời sống tinh-thần. Chính cái tinh-thần này mới định rõ được phẩm-cách của từng cá-nhân con người. Tinh-thần thúc-đẩy con người vươn mình lên cao hơn thực-tại vật-chất để sống một cuộc đời xứng-đáng với danh-từ: NGƯỜI, một thực-thể tối-cao trong vạn-vật.

Theo quan-niệm duy-vật của cộng-sản, xây-dựng trên một nền khoa-học khiếm-khuyết, que-quặt, tinh-thần lệ-thuộc vật-chất và chỉ có vật-chất chi-phối được tinh-thần.

Thật ra, theo các nhà bác-học, hồn và xác không thể rời bỏ nhau được. Giữa tinh-thần và vật-chất, mỗi liên-quan rất mật-thiết:

a) — *Ảnh-hưởng của vật-chất về tinh-thần.* — Trên đây, ta đã rõ những ảnh-hưởng của các hạch trong cơ-thể, nhất là những chất kích-thích-tổ, đến trí-tuệ, tâm-tính của ta, nhất là dương và âm-hạch.

Những bà mẹ chồng khó tính khắt-khe, vì trong người thiếu kích-thích-tổ âm folliculine.

b) — *Ảnh-hưởng của tinh-thần đến vật-chất:* Khi ta cảm-động, những giây thần-kinh làm cho mạch máu co vào hay giãn ra. Vui làm cho ta đỏ mặt. Giận-dữ, sợ-hãi, làm cho ta tái đi: bạch-huyết-cầu và huyết-áp-lực giảm đi.

Có người nghe được tin buồn, hay cả đến tin vui một cách đột-ngột, có thể chết được vì quả tim ngừng đập.

Khi vui hay khi buồn, những kích-thích-tổ ở trong các hạch sẽ tăng hay giảm để gây ảnh-hưởng đến cơ-thể của ta.

Vì thế: thèm muốn, ao-ước, thù-hằn, ghen-ghét... những bệnh của thời-đại, thường làm cho ta ốm đau.

Cũng như lo lắng làm hại đến sức khỏe, sinh tật-bệnh, và làm những người ham công, tiếc việc chết non.

Tóc của một thiếu-phụ Bỉ, trong có một đê, trước khi bị quân Đức đem ra hành-hình, bạc hết cả.

Trong những cuộc oanh-tạc, nhiều người sợ quá phát điên, hay tự-nhiên thấy trên mình nổi ban (urticaire).

Như thế: Tinh-thần và vật-chất không thể tách ra được và đều hỗ-trương ảnh-hưởng.

Vậy muốn cho được đầy-đủ, và có thể mang hạnh-phúc cho nhân-loại, khoa-học cần phải chuyển-hướng để phụng-sự cả vật-chất và nhất là tinh-thần.

Đem so sánh hai nền văn-minh Tây-phương và Đông-phương, ta nhận thấy các dân-tộc Đông-Phương (Cận-Đông, Trung-Đông và Viễn-Đông), từ mấy ngàn năm nay đã có một nền văn-minh tối-cao và một nền văn-hóa đặc-biệt. Nhưng không quan-niệm đời sống như người Tây-Phương.

Tây-Phương thiên về vật-chất mà Đông-Phương thiên về tinh-thần. Vì lẽ đó, mà Đông-Phương là nơi thủy-tổ những tôn-giáo, cao-siêu của nhân-loại: Phật-Giáo, Hồi-Giáo, Thiên-Chúa-Giáo.

Trung-Quốc là nơi sản-xuất ra Đạo-Nho và Đạo-Lão, Ấn-Độ: đạo Bà-La-Môn.

Cái nguyên-tắc cốt-yếu của người Đông-Phương là hoàn-mỹ đời sống tinh-thần, chứ không phải là lo-lắng đến đời sống vật-chất như Tây-Phương. Nguyên-tắc đó thu vào hai chữ: TU-THÂN (Tu-thân tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ) là khuôn vàng thước ngọc của người Á-Đông để tiến tới bậc: Hiền-nhân Quân-tử. Nói như thế không phải là Đông-Phương không trọng khoa-học và văn-ngệ.

Dân-tộc nào sáng-chế ra địa-bàn, thuốc-súng, các môn y-học, được-học, các môn ngoại-khoa (Hoa-Đà, Biển-Thước), các môn toán-lý, số-học, thiên-văn-học, các nghệ-thuật tuyệt-sảo để tô-điểm đời sống tráng-lệ, huy-hoàng của các bậc đế-vương thời « Một ngàn một đêm lẻ » ? trong khi các dân-tộc Tây-Phương còn đang sống trong thời-đại bán-khai.

Tại sao cái văn-minh cổ đó, sáng-lạn trong một thời-kỳ rồi lại lu-mờ ?

Đó là vì cái đạo-lý ở Đông-Phương chú-trọng đến nhân-phẩm con người hơn là chú-trọng đến đời sống con người, nên tất cả mọi học-thuật ngoài đạo-lý bị coi rẻ, coi khinh.

Người quân-tử chân-chính đời xưa, phải là người ham-thích sự an-nhàn, sống một đời đạm-bạc, cao-thượng, đầy lòng thí-xã, và suốt đời chỉ trau dồi Đức của mình.

Với cái triết-lý ấy, thì khoa-học và kỹ-thuật không cần phải phát-triển.

Hơn nữa, cái quan-niệm sai-lầm của Đông-Phương là tin-trưởng rằng sự tiến-hóa đã lên tới một mực tối-cao, kẻ hậu-sinh chỉ cứ việc nhắm mắt theo, không được phê-bình, sửa-đổi.

Cái triết-lý và cái quan-niệm của Đông-Phương là thế. Nên khi Tây-Phương nổi dậy, với cái văn-minh chú-trọng về vật-chất, thì Đông-Phương không thể theo kịp nữa. Những kẻ tự hào đã có một nền văn-minh tối-cổ, lại chịu ảnh-hưởng sâu-xa của Tây-Phương, vì khoa-học chi-phối tất cả thế-giới, sống ở một thời-đại cạnh-tranh, mạnh được yếu thua.

Nhưng ta đã rõ, không phải tất cả mọi người Tây-Phương đều tán-thành cái khoa-học triệt-để nó sẽ biến con người thành những máy, những con vật để thí-nghiệm và làm sai-lạc cái sứ-mạng cao-cả của con người là phải đưa nhân-loại tới: *Chân — Thiện — Mỹ*.

Như thế: Đông-Phương và Tây-Phương cần phải dựa vào nhau, bồi-bò lẫn cho nhau.

Chúng ta, người Đông-Phương ngày nay, dầu muốn hay không, cũng đã bị lôi cuốn, vào đời sống khoa-học hiện-tại, nhưng cần phải bảo-tồn những cái đặc-tính nó đã làm cho dân-tộc ta hùng mạnh và trường-cửu cho tới ngày nay. Miễn là những dân-tộc-tính đó không đi ngược lại trào-lưu văn-minh của thế-giới.

Đối với chúng ta, khoa-học phải vươn cao hơn cái thực-tại vật-chất thấp hèn để đề-cập tới thực-tại tinh-thần cao quý.

Khoa-học cần phải cố-gắng đạt nhiều thành-tích và là tổng-hợp để tiến tới một quan-niệm sâu, rộng, đầy-đủ về con người, để làm căn-bản cho mọi hoạt-động của nhân-loại.

Khoa-học cần phải mở rộng cửa để đón những vấn-đề do các tôn-giáo, hay siêu-hình-học đề-xướng, những giải-thích do tôn-giáo hay siêu-hình-học cung-cấp.

Tóm lại: Khoa-học không nên tự chôn mình trong vòng vật-chất để giữ lấy độc-tôn, vì có thể một ngày kia, cái khoa-học sản-xuất để phụng-sự nhân-loại, lại trở nên những lợi-khí để tàn-sát nhân-loại.

Vậy cổ-ngữ đã nói :

« **Khoa-học không có lương-tâm chỉ là bại-hoại của linh-hồn** » (Science sans conscience, n'est que ruine de l'âme).



ĐOẠN II

A. — Xét qua hiện-trạng Khoa-học Việt-Nam trong giai-đoạn gần đây, ta nhận thấy :

a) *Về phương-diện kỹ-thuật* : Trừ một vài khoa, như y-nha-được-khoa, có một số đại-diện, tương-đối tạm đủ và lành nghề, và đối với ngoại-quốc, khả dĩ cũng gây được đôi chút uy-tín.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu ngành khác, cần-thiết cho công-cuộc phục-hưng nước nhà, chưa được sáng-lập hoặc không được khuếch-trương như : kỹ-nghệ (hầm, mỏ, điện-khí, cơ-khí, hóa-học,...) nông-lâm, mục-súc, vận-tải, giao-thông (đường-bộ, hỏa-xa, hàng-hải, hàng-hà, hàng-không), bưu-điện, viễn-thông, kỹ-nghệ chuyển-hóa (nhà máy gạo, cao-su, thuốc-da, thực-phẩm, diêm, sà-phòng, xi-măng, gạch, sơn, v.v...)

Một phần vì chưa có đủ trường, đủ chuyên-viên, một phần, có lẽ quan-trọng hơn, vì không có cơ-quan nào để hướng-dẫn, hay khuyến-kích sinh-viên Việt-Nam trong việc lựa-chọn nghề, những nghề cần-thiết trong việc xây-dựng đất nước.

b) *Thật thế.* Thử hỏi từ trước tới nay, trong giới mệnh-danh là giới trí-thức phỏng có bao nhiêu người hành nghề sau khi đã suy-nghĩ, dẫn-đo lựa-chọn nghề của mình. Rồi, khi ở trong nghề, mấy ai đã biết quý nghề của mình, và suốt đời say-mê phụng-sự nghề mình thành một nghề cao-quý ?

Hay, phần nhiều, nếu không phải là hầu hết, họ không có định-kiến gì cả. Nghề nào cũng được, miễn là nghề đó có nhiều quyền-hành, uy-tín, làm cho họ mau giàu có, mà ít vất-vả, không có trách-nhiệm, dù nghề đó không thích-hợp với sở-thích, sở-trường hay bản-năng của họ.

Vì thế, ta thường thấy có những thanh-niên đổ xô vào một ngành, cho tới khi nào xét ra, vì luật cạnh-tranh, ngành đó hết lộc, họ lại đổ xô sang ngành khác.

Có những nhà bác-học uyên-thâm, lỗi-lạc, đã làm cho quốc-dân thất-vọng, vì họ không đem tài-năng, kinh-nghiệm ra để giúp xã-hội, để diu-dắt đồng-bào.

Có thể, vì dưới chế-độ thực-dân, phong-kiến, họ bị bạc-dãi, hất-bưởi, nên đang ở nghề này, họ sang nghề khác, một cách miễn-cưỡng. Dù sao, đó cũng là một điều đáng tiếc cho họ và thiệt-thòi cho quốc-gia.

Một đôi khi, vì sự miễn-cưỡng, vì sự lạc nghề, nên có những ông Bác-sỹ, Dược-sỹ, Giáo-sư v.v., không tận tụy với nghề, thiếu lương-tâm...

B— Vậy đề kịp cứu-vãn tình-trạng đó, đề xứng đáng với danh-từ « thượng-lưu trí-thức » « lãnh-đạo quần chúng »... đề có thể giúp ích cho xã-hội, đề góp một phần vào công cuộc kiến-quốc, xây-dựng văn-hóa mới, các nhà khoa-học Việt-Nam, các bậc thuộc giới trí-thức, phải làm gì và phải có thái-độ nào ?

Về phương-diện kỹ-thuật :

Như ta đã biết, hiện-trạng khoa-học chỉ mới ở thời-kỳ phôi-thai, cần phải được phát-triển mạnh mẽ, để kéo lại thời gian gần 100 năm Pháp-thuộc, mà dân-tộc ta đã bị ngu-dân-hóa.

Nước Nhật, từ đời vua Minh-Trị, quyết-chí theo gót Tây-Phương mà chỉ trong ngót một thế-kỷ, đã trở nên một nước rất hùng-cường trên thế-giới. Ngày nay, sau cuộc đại-chiến thứ hai, tuy bại trận mà cũng không thua kém một nước nào bên Âu-Mỹ về mọi ngành khoa-học tối-tân và hiện giữ một địa-vị tối-quan-trọng ở Đông-Nam Á. Nước Nhật, cũng là một nước Á-Đông, cái óc thông-minh chưa chắc đã hơn gì dân-tộc Việt-Nam. Sở dĩ họ trở nên mạnh, là vì dân-tộc họ đã sớm hiểu rằng, muốn tranh-thủ với

Tây-Phương, tất phải học cái bí-quyết của sự hùng-mạnh của Tây-Phương. Cái hùng-mạnh ấy là ở trong khoa-học. Vì trước kia, những nhà cầm vận-mệnh nước Việt-Nam không tính-ngộ, quá bảo-thủ, nên khoa-học Việt-Nam mới ở tình-trạng thấp kém ngày nay.

Nhưng nhắc tới dĩ-vãng, ta phải hướng về hiện-tại và tương-lai, và ta nên lấy nước Nhật làm cái gương sáng để soi chung.

Vậy nay, muốn cho khoa-học được phát-triển, cần phải lập một chu-ong-trình thực-tế, tối-thiểu cấp-tốc, đại-khái như sau :

1) Thành lập một hội-nghị trong đó có đủ các nhà khoa-học Việt-Nam tham-dự (y-dược-học, lý-hóa-học...) để thảo-luận về những nhu-cầu hiện-tại trong nước.

Hội-nghị đó, đặt dưới quyền bảo-trợ của chính-phủ, sẽ mở đường sau này cho một Hàn-lâm-Viện Khoa-học Việt-Nam, sau những sự lựa chọn đích-đáng nhân-tài trong nước và ngoài nước.

2) Hướng-dẫn thanh-niên về những ngành khoa-học còn thiếu sót ở trong nước.

Đó là nhiệm-vụ tối quan-trọng của hội-nghị và của những ủy-ban nghiên-cứu và tìm tòi, cũng như của chính-phủ, để các thanh-niên biết rõ con đường phụng-sự tổ-quốc cho có hiệu-quả, để họ có một quan-niệm tổng-quát về tiền-đề khoa-học Việt-Nam.

Thí-dụ: Về y-học, cần chú-trọng về phương-pháp phòng bệnh hơn chữa bệnh, và hướng về mặt phụng-sự xã-hội, phụng-sự đại-chúng, để cải-thiện đời sống vật-chất và tinh-thần của toàn dân. Những tư-tưởng ích-kỷ phải được thay thế bằng những tư-tưởng xã-kỷ, vị-tha, nhân-đạo, để nâng cao phẩm-giá của con người.

Sở-dĩ về y-dược-học, những môn vi-trùng, ký-sinh-trùng học bị sao-nhãng, những dược-phẩm có thể lấy ở nguyên-liệu trong nước không được chế-tạo và vẫn do ngoại-quốc cung-cấp, vì không có phòng thí-nghiệm, và thứ nhất vì những môn-học cùng những sự khảo-cứu đó, đòi hỏi nhiều sự cố-gắng, kiên-nhẫn, hy-sinh, thành thực... những đức-tính đó cần phải được trau dồi tại gia-đình, tại học-đường ngay từ khi còn nhỏ.

Vì có những sự tìm tòi, học hỏi, không vụ-lợi và vụ danh, tự do không bị kiểm-chế, nên mới có những bậc vĩ-nhân, các nhà bác-học trú-danh như Pasteur, như Fleming (người đã phát-minh ra Pénicilline) vân vân...

3) *Khuyến-kích, nâng đỡ những thanh-niên anh-tuấn bằng đủ mọi phương-tiện*: xin chính-phủ cấp học-bổng, đặt giải-thưởng về khoa-học như tại các nước tân-tiến, kêu gọi sự giúp đỡ của các tư-gia, các cơ-quan xã-hội, từ-thiện, để có thể gửi nhiều du-học-sinh đi Âu-Mỹ, hay những người đã có ít nhiều kinh-nghiệm về mọi ngành khoa-học.

Lẽ dĩ-nhiên, một khi họ đã thành-tài trở về nước, họ phải được thâu-dụng một cách xứng-đáng, về tinh-thần cũng như về vật-chất.

b) *Nhưng cần nhất là : Quan-niệm Khoa-học Việt-Nam hiện tại, cần phải đặt trên căn-bản Nhân-Vị.*

Ngày nay, nước ta đã lấy « nhân-vị » để làm nền-tảng cho Hiến-pháp, cho cuộc sống của nhân-dân, nền khoa-học của ta cũng sẽ được xây-dựng trên căn-bản « nhân-vị » để hoà mình vào sức phát-triển của Đất nước.

Chỉ có chủ-nghĩa « nhân-vị » chân-chính, chú-trọng đến giá-trị của con Người ta, đem làm nền-tảng cho đời sống công-cộng mới có thể giúp khoa-học đề-đào-tạo những phần-tử có tâm-hồn cao-thượng, những người có tâm-huyết đối với đồng-bào, xã-hội, thay thế cho những hạng duy-vật thực-tế, chỉ biết sống để ăn chơi, không có cao-vọng, không có lý-tưởng nào hết.

Như thế, mục-đích của nền khoa-học nhân-vị là phục-vụ cho con NGƯỜI, vì không có NGƯỜI, thì không có khoa-học. Hơn nữa, vì con NGƯỜI đã phát-minh ra khoa-học.

Khoa-học dựa trên Nhân-vị, dựa trên con Người : con Người có thể-xác, có tâm-linh.

Như về y-học, sở-dĩ từ ngàn xưa, được trọng-vọng, vì các lương-y đã chú-trọng nhiều đến phẩm-giá con người ta, đã không coi con người như các bộ máy chấp lại, để nay sửa mai lau, như ta lau dầu, sửa bánh cho một bộ máy.

Một vị bác-sỹ đối với bệnh-nhân là đối với con Người. Nếu những sự đau đớn của bệnh-nhân về thể-xác cần phải chữa, những sự lo-lắng, buồn-phiền, những nỗi thắc-mắc cũng cần phải được an-ủi. Giữa người thầy thuốc và người bệnh cần phải có sự hiểu biết, tin cậy.

Vì vậy, trên đây tôi đã nhắc câu cổ-ngữ :

« Khoa-học không có lương-tâm chỉ là bại-hoại của linh-hồn ». Và cũng vì vậy mà mới đây, Đức Giáo-Hoàng đương-kim Piô XII đã phán tại La-mã, nhân dịp Hội-nghị Quốc-tế về ung-thư:

« Thầy thuốc cần phải chú-trọng không những đến thể-xác của bệnh-nhân, mà cả đến phần linh-hồn của họ nữa. Trong mỗi trường-hợp, thầy thuốc phải suy nghĩ rất nhiều về những yếu-tố nhân-đạo ».

Từ trước tới nay, khoa-học nước ta chưa được hướng-dẫn, chưa được tổ-chức. Trong giai-đoạn kiến-quốc này, việc hướng-dẫn, việc tổ-chức để tạo hoàn-cảnh cho nền khoa-học nước nhà thật là cần-thiết.

Chúng tôi tin-tưởng rằng nền khoa-học Việt-Nam ta, nếu dựa trên căn-bản NHÂN-VỊ sẽ có rất nhiều triển-vọng vì óc phát-minh của nhà khoa-học đã có một định-hướng rõ rệt là phục-vụ con NGƯỜI, đồng thời tôn-trọng phẩm-giá và địa-vị của nó.

Hiện nay, trên thế-giới, chưa có quốc-gia nào lấy NHÂN-VỊ làm hướng đi cho khoa-học. Chúng tôi mong mỗi rằng nước ta sẽ là đầu tiên xây-dựng khoa-học trên căn-bản nhân-vị vậy.

Bác-sĩ NGUYỄN-HỮU-PHIÊM



BÁO - CHÍ VIỆT - NAM

Ngày 10-1-1957 (sáng và chiều) :

ĐỀ MỤC :

1) THUYẾT-TRÌNH VỀ BÁO-CHÍ VIỆT-NAM 2) NHẬN-ĐỊNH VỀ TÌNH-HÌNH BÁO-CHÍ VÙNG VIỆT-CỘNG

Thuyết-trình viên : 1) Ký-giả Văn-hoàn,
2) Ký-giả Tô-văn.

Chủ - tọa đoàn : Ông Đình-văn-Khai. (Chủ-nhiệm tòa-
báo Tiếng-Chuông)
Nguyễn-vạn-An (Ký-giả)
Cò Xuân-Lan (Ký-giả)

Thư - ký đoàn : Như cũ.

NỘI-DUNG

Thời-kỳ phôi-thai.

Báo-chí Việt-ngữ chào đời tới nay trên 60 năm, nghĩa là từ thời-kỳ Việt-Nam còn chịu sự đô-hộ của ngoại-bang. Dĩ-nhiên người nắm giữ quyền đô-hộ khôn-ngoan hơn chúng ta nhiều hơn nữa, dân-tộc ta đã khéo biết lợi-dụng sức-mạnh của câu văn, tờ báo để ba phen thực-hiện cuộc Cách-mạng đánh-đổ lực-lượng Quân-chủ chuyên-chế, nên ngay từ buổi đầu họ không đại gi dễ cho chúng ta lợi-dụng chiến-pháp « gây óng dập lưng óng ». Họ đã kiểm-chế, kiểm-soát gặt-gao báo-chí Việt-ngữ ngay từ lúc nó mới chào đời, kiểm-soát dưới cả hai phương-diện trực-tiếp và gián-tiếp.

Trực-tiếp bằng cách đưa người của họ đứng ra xuất-bản coi-sóc từ việc biên-tập tới sự ấn-loát tờ báo. Gián-tiếp, lo sự ban-hành đạo-luật 1898 ở Đông-Dương, bắt buộc chủ-nhiệm phải xin chính-phủ bảo-hộ cho phép trước rồi mới được xuất-bản một tờ báo. Đó là trường-hợp những tờ báo Việt-ngữ đầu-tiên đã chào đời trên đất nước này : tờ Nông-Cổ Min-Đam ở Saigon và tờ Đông-Dương Tạp-Chí ở Hà-Nội. Cả hai đều do một Pháp-kiều rất am-hiểu ngôn-ngữ, phong-tục tập-quán người Việt, là Ông Schneider làm chủ. Theo các bậc đàn anh thuật lại, Ông nói tiếng Việt rất giỏi song cũng không vượt ra ngoài giới-hạn sự đàm-thoại thông-thường. Ví như thơ lập-ngôn trọng-hệ phải cần nhắc từng chữ từng câu thì Ông không có đủ cái vốn Hán và Việt-văn cần-thiết. Do đó, ông phải nhờ tới sự hợp-tác của các thanh-niên đương-thời, có trình-độ hiểu-biết Pháp-văn khá cao mà cũng có một vốn-liếng Hán-văn phong-phú, như các Ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Đào-nguyên-Phổ, Phạm-duy-Tốn, ngoài Bắc, Lê-hoàng-Mưu, Gilbert Chiêu, trong Nam để phụ-trách phần biên-tập. Hầu hết các cụ ký-giả tiền-bối ấy được liệt vào hàng « Tây-học tiên-tiến » và đều ôm-ấp hoài-bảo giống trống đồng chuông, để cảnh-tỉnh đồng-bào còn đang mê-say nho-học, mãi-miết văn-chương khoa-cử, vì lý-do dễ hiểu là riêng các Ông Tú, Ông Cử, Ông Nghè (Tấn-sĩ) mới hy-vọng được trào-đình tuyển-dụng làm quan để đủ phần hia-mão, cân-đai phần vua lộc nước mà mưu phú-quí sang giàu.

Báo-chí nhận-định vai-tuồng của mình. —

Các phần-tử Tây-học, trái lại đã kịp thời nhận thấy nền học ấy đã lỗi thời, lạc-hậu trong cái thế-giới đang thi-đua trên đường văn-minh cơ-khí. Cuộc đấ-thắng liệt-oanh của Hải-quân Nhật trong eo-biển Đồi-Mã, tiếp theo sự đấ-thắng của Lục-quân Nhật trước thành Lữ-Thuận như hai tiếng sét nổ giữa bầu trời trong-trẻo thanh-bình, làm cho nhiều người bừng tỉnh giấc mơ chủ-bại.

Các phần-tử tri-thức của Trung-Hoa cũng như Việt-Nam từ đó mới nhận rõ vai-tuồng quyết-định của khoa-học trong thế-kỷ mới khai-sanh — thế-kỷ 20 — nên cực-lực hô-hào quốc-dân, đồng-bào duy-tân, tự-cường để giành quyền sống tự-do, sống cho xứng-đáng giá-trị con người.

Đó cũng là hoài-bảo của đa-số các nhà viết báo Việt-ngữ đầu tiên.

Thực-dân kiểm chế.—

Tuy nhiên, như đã nói, kẻ thống-trị luôn-luôn dòm ngó, coi chừng và lo bảo-vệ kỹ-càng, châu-đáo quyền-lợi của họ, các Ký-giả Việt-Nam muốn viết gì thì viết song quyền đăng hay không là do Chủ-nhiệm người Pháp.

Vậy lẽ dĩ-nhiên những danh-từ « độc-lập » « tự-do » không thể xuất-hiện trên mặt báo.

Mặc dầu vậy, hạt giống tự-do đã gieo rồi sớm muộn nó cũng đâm rễ, trở mầm. Nó đã kết-tinh lại trong các phong-trào đấu-tranh quyết-liệt giành độc-lập cho xứ sở do các phần-tử duy-tân khởi xướng, lãnh-đạo, từ « Đông-Kinh Nghĩa-Thục » ở Bắc-Việt, đòi « Giảm thuế hải-xâu ở Trung-Việt » tới cuộc đấu-độc tại thành Hà-Nội, cuộc võ-trang khởi-nghĩa ở Thái-Nguyên. Mỗi lần nổi dậy là một phen bị súng đạn thực-dân đàn-áp tàn-nhẫn. Hàng ngàn nhà ái-quốc, thanh-niên ưu-tú của dân-tộc đã bị kẻ thống-trị bắt bớ, tàn-sát, giam cầm và đầy ải. Trong hoàn cảnh ấy, Thực-dân đâu có muốn thấy làng báo Việt-ngữ mở mang, đi sâu vô quần-chúng. Cho nên suốt vài chục năm, báo-chí từ Nam ra Bắc vẫn leo-heo có vài tờ như tờ Lục Tỉnh Tân-Văn ở Sài-gòn, tờ Trung-Bắc Tân-Văn ở Hà-Nội, tuy có người Việt đứng tên chủ-nhiệm hay chủ bút song quyền điều-khiển thật-sự vẫn không khỏi tay ông chủ người Pháp, cái ông Schneider mà ta có thể coi là tổ-sự các lái giầy ở Việt-Nam vậy.

Báo-chí theo kịp sự giác-ngộ của nhân-dân :

Dầu chánh-sách ngu-dần có tế-nhi, khôn ngoan cách mấy nữa cũng không thể chặn ngầu hoàn-toàn phong-trào giác-ngộ, tự-cường của một dân-tộc. Do sự đòi hỏi ráo-riết của nhân-dân, trường học công dẫu hạn-chế, các tư-thục thi nhau mở mỗi ngày nhiều thêm, số thanh-thiếu-niên biết đọc, biết viết tăng-gia mau lẹ, nên số sách, báo xuất-bản cũng phải tăng theo để thỏa-mãn nhu-cầu học-hỏi của dân-chúng. Và theo định-luật, sách báo muốn bán chạy phải đáp trúng ít nhất một phần nào những khao-khát nguyện-vọng của độc-giả. Khao-khát ấy không có gì khác lạ hơn là nơi rộng chế-độ cai-trị, tăng thêm tự-do và trừ bớt tham-những áp-bức. Người ta thấy những cơ-quan ngôn-luận mặc dầu có các phần-tử mà thực-dân tin-nhiệm cho phép xuất-bản như tờ Đông-Pháp Thời-Báo trong Nam, Thực-Nghiệp Dân-Báo ngoài Bắc, cũng lần lần chuyển-hướng, chiều

theo nguyên-vọng độc-giả, mà trình-bày những tư-tưởng tự-cường giải-phóng, tố-cáo những sự ý-thế, lạm quyền, điều thúi-tha, mục-nát.

Thời-kỳ trưởng-thành

Phong-trào dâng lên thì lại do chính thực-dân đã quá bở-hình, trời hai thùng dầu cho bùng cháy dữ dội... liên-tiếp vụ nhà đại ái-quốc PHAN-BỘI-CHIÊU bị bắt rồi đem về xử trước tòa Đê-hình Hà-Nội và cuộc hồi-hương của nhà chí-sĩ trung-kiên Phan-châu-Trình kích-thích tinh-thần quốc-gia với ý nguyện giải-phóng Độc-lập của toàn thể nhân-dân Việt, lên tới một độ chưa hề thấy, từ khi người Pháp đặt chơn lên đất nước này. Dầu muốn dầu không, báo-chi cũng phải phản-ảnh phần nào dư-luận đại-chúng đương thời. Những bài tường-thuat các phiên tòa xử cụ Phan-Sào-Nam với những lời tuyên-bố danh thép, lý luận vững vàng cứng rắn của Cụ và của các luật-sư biện-hộ về quyền dân-tộc tự-quyết, về nguyên-tắc « Yêu nước không phải là một tội-trạng » cùng những bài diễn-văn cảnh-tình thanh-niên đồng-bào của cụ Tây-Hồ, đăng trên các báo, được độc-giả thiết-tha coi đi coi lại, rồi đem đi đọc và giảng cho bà con lối xóm nghe, để cuối cùng trở nên đầu đề những cuộc thảo-luận, bàn cãi sôi-nổi ráo-riết. Đó là triệu-chứng cuộc giác-ngộ của nhân-dân Việt đã tới giai-đoạn kết-tinh và sửa-soạn đơm bông, kết trái.

Chánh-phủ thực-dân dĩ-nhiên theo dõi sự tấn-triển của dân tâm, dân-trí từng bước, từng giờ nên thấy rõ hiểm-họa đã lộ dạng ở chân trời Việt-Nam.

Họ lập tức đối-phó bằng cách khẹp chặt chế-độ báo-chi Việt-ngữ, với hai sắc-lệnh hết sức nghiệt-ngã.

Văn-kiện thứ nhất ngày 4-10-1927, do Tổng-Thống Gaston Doumergue ký tên cải-tổ hoàn-toàn chế-độ báo-chi, đại-khái buộc các báo phải xin phép trước và dĩ-nhiên là khi nghịch ý nhà cầm quyền thì sẽ bị rút giấy phép, phải khai và nạp báo xuất-bản cho văn-khố quốc-gia v.v.. Ngoài ra, họ còn quy-định thêm sự trừng-phạt về tội-trạng mới là tội « xâm-phạm tới sự tôn-trọng quyền-uy của Pháp ở Đông-Dương hoặc tới các Chánh-phủ bôn-xứ do Pháp bảo-vệ. Hơn nữa văn-thơ sáng-tác nào bị coi là xúc-phạm tới viên Toàn-Quyền hay các quốc-vương do Pháp bảo-hộ, các Hoàng-Hậu, các quốc-trưởng hoàng-tử, hoàng-

thái-hậu và đông-cung thái-tử thọ-phong cũng sẽ đem lại cho tác-giả sự phạt tù hay phạt tiền.

Sắc lệnh thứ nhì, ký ngày mùng 4 tháng 2 năm 1928 còn tàn-nhân hơn nữa : nó giao các ký-giả phạm tội báo-chí thẳng cho các Tòa Nam xét xử, và theo luật Gia-long thì người nào phạm tội kêu là « khi quân » có thể mất đầu, nhẹ lắm thì cũng tù chung thân, đi đầy Côn-đảo.

Phong-trào tranh-thủ tự-do của báo-chí phát-triển mạnh.

Tuy nhiên khi một phong-trào dân-chúng đang lên thì dầu cho súng-dạn, binh-lực cũng không đàn-áp nổi.

Phản-ảnh là những bài báo kêu gọi đồng-bào giác-ngộ, đoàn-kết mà độc-giả say-sưa, thích-thú bình-luận, nghiên-ngâm.

Lẽ tự-nhiên thực-dân không ngu dại gì mà nhắm mắt, làm ngơ cho nhân-dân ta thúc-đẩy mạnh công-cuộc tuyên-tuyến tự-giác tự-cường đó nên mặc dầu ở dưới quyền một viên Toàn-quyền cựu đảng-viên xã-hội Alexandre Varenne — chánh-sách đàn-áp báo-chí tiến-hành quyết-liệt và tàn-nhân không kém gì dưới những « đời » toàn-quyền chánh-hiệu thực-dân. Những báo có khuynh-hướng, tự-do, dân-chủ như các tờ Tân Thế Kỷ, Rạng-Đông trong Nam nối-tiếp bị đóng cửa. Những ký-giả bị nghi là có tư-tưởng tấn-bộ bị bắt bớ, tù đầy...

Phong-trào có vẻ bị chặn đứng một thời-gian, bởi các báo còn « sống sót », đều tỏ ra ngoan-ngoãn, không dám viết bài đăng tin gì có thể làm phật ý các Ông Giám-Đốc chánh-trị hay mật-thám Đông-dương hoặc địa-phương. Sự thật, đó chỉ là sự im-lặng phỉnh-phờ bề ngoài và theo các định-luật, cuộc đàn-áp hung-bạo chừng nào thì sức phản-ứng ngầm-ngầm, từ bên trong càng mãnh-liệt dữ-dội thêm chừng đó.

Phản-ứng của các nhà ái-quốc Việt-Nam là sách và báo của họ bí-mật xuất-bản rất nhiều và truyền-bá sâu-rộng trong nhân dân.

Kết-quả là các phong-trào thực-hiện cuộc giải-phóng dân-tộc được tổ-chức khắp nơi, khoảng năm 1929-1931. Vụ này đồ bề, đảng-viên bị bắt bớ thì đảng khác hay hội kín khác được tổ-chức tiếp theo liền, cuộc bùng nổ dữ-dội và có tiếng vang mạnh-mẽ nhất là vụ khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-dân-Đảng, do vị

như-hùng dân-tộc là Nguyễn-thái-Học cầm đầu. Văn biết kết-cuộc của nó là vụ hành-hình tàn-ác sát-sa tại Yên-Dây song ta có thể nói rằng :

Từ đây, sự quật-khởi với quyết-tâm giải-phóng của dân-tộc đã trải qua sự thử-thách bằng Máu, với Lửa, đã có tách-cách cứu-quốc thiêng-liêng và xiết-chặt tình đoàn-kết nhơn-dân bằng sợi dây máu, nên không còn một áp-chế, bạo-lực nào dập tắt nổi.

Người Pháp đã dùng đủ biện-pháp khéo-léo, quĩ-quyết để trông những xiềng-xích chắc-chắn lên đầu, lên cổ báo-chi Việt-ngữ, ngăn cản nó không cho làm tròn sứ-mạng thiêng-liêng là diu-dắt quốc-dân trong cuộc đấu-tranh giành lại tự-do với độc-lập. Đáng kể nhất là ngày 10 tháng 4-1935, Pháp còn ban-hành thêm 1 sắc-lệnh trừng-phạt gắt-gao « Những ai dùng Văn-thư, ấn-hành cổ-động sự chống lại việc tuân theo luật-lệ, quy-pháp hiện-hành » hoặc « xâm-phạm tới quyền-ủy của Pháp ở chánh-quốc hay thuộc-địa », chính vì sắc-lệnh này mà từ 1936 tới 1939, rất nhiều ký-giả ưu-tú, nhiều nhà ái-quốc chọn-thành dáng kẻ như : Tạ-Thư-Thâu, Trần-Văn-Thạch, Phan-Văn-Hùm đã bị thực-dân bắt giam rồi đày đi Côn-đảo. Hàng mấy chục tờ báo hàng tuần và hàng ngày nổi tiếng bị đóng cửa. Thực-dân thấy ký-giả nào có thái-độ ngay thẳng, cương-ng nghị mà nếu không phải sanh-trưởng ở nơi hành-nghệ thì chúng bắt đuổi về nguyên-quán. Mặc dầu vậy, cuộc đấu-tranh của báo chí Việt-ngữ tiến song-hành với cuộc đấu-tranh của dân-lộc, đã bắt trờn có đà nên không một bạo-lực nào có thể cản-ngăn, chặn đứng.

Thắng-lợi đầu tiên

Năm 1937, báo-chi Việt-ngữ thâu-hoạch một thắng-lợi đầu tiên, bằng cách buộc tòa Thượng-thẩm Saigòn nhia nhận rằng : các sắc-lệnh năm 1898, 1928 không thể sửa đổi được đạo-luật 1881 về báo-chi. Theo luật này thì ở một thuộc-địa Pháp, báo-chi xuất-bản không cần xin phép. Nam-kỳ là thuộc-địa Pháp thì không có lý-do gì buộc được các chủ báo phải xin và được phép trước rồi sau mới xuất-bản báo đầu Việt hay Pháp-ngữ.

Từ đó, báo-chi Việt-ngữ ở Nam-Việt về bề mặt có thể coi là hoàn-toàn tự-do : không xin phép trước cũng như không bị kiểm-đuyệt (phòng kiểm-đuyệt đã bãi bỏ từ 1935).

Nhưng sự thật thì nhà cầm-quyền Thực-dân vẫn bí-mật theo dõi và tìm mọi cách để ngăn-cản kịp thời những tờ báo nào xét thấy có thể gây rối cho họ.

Dù sao, gặp được thời cơ tương-đối thuận-liện, báo-chí... đua nhau xuất-bản, phổ-biến đủ các khuynh-hướng chánh-trị, trình-bày đầy đủ nguyện-vọng của mọi tầng lớp dân-chúng.

Ký-giả có thái-dộ thẳng-thắn thì thực-dân cho là có « âm-mưu làm rối trị an » và « xúc-phạm uy-tin, chủ-quyền nước Pháp ». Nhà cầm quyền Pháp bắt-bớ giam-cầm người này thì người khác nhảy vô thế chỗ. Báo vẫn ra đều. Có thể nói rằng đây là thời-kỳ cực-thịnh của báo-chí Việt-ngữ ở Nam-Việt. Trong khi ấy rất tiếc là báo-chí Việt-Nam ở Trung còn bị chế-độ kim-hãm xin phép trước và kiểm-duyet, song trận gió quét-khỏi cũng đã thổi đi khắp nơi và cuộc tranh-dấu của anh em ký-giả ngoài đó cũng không kém phần sôi-nổi cương-quyết.

Trận thế-giới đại-chiến thứ II bùng nổ là dịp may bất ngờ cho thực-dân phục thù. Viện lễ tình-trạng chiến-tranh, công việc đầu tiên của họ là lập lại kiểm-duyet rồi đóng cửa các báo không có giấy phép. Nhật-hồn thấy có lợi nên sau ngày 9-3-45, họ cũng làm bộ quen luôn để tình-trạng ấy kéo dài.

Tình-hình dưới chế-độ bù - nhìn phong - kiến

Sau khi chiến-tranh chấm dứt, Pháp mưu toan tái chiếm Đông-Dương tuy đã kiểm-soát được phần lớn lãnh-thổ và các đô-thị Sài-gòn — Hà-nội v.v... song phải kiêng nể dư-luận quốc-lễ, họ cũng buộc lòng phải bãi bỏ kiểm-duyet mà chỉ giữ quyền đóng cửa báo nào tỏ vẻ cứng-cỏi trong việc đòi độc-lập, chủ-quyền.

Mĩa mai nhục-nhã nhất là chánh-phủ tự xưng độc-lập đầu tiên của Việt-Nam sau ngày Bảo-Đại trở về đã được Pháp tuyên-bố quy-hoàn trọn vẹn quyền-hành do Trần-văn-Hữu cầm đầu bằng Nghị-định 81-SG/PTT ký ngày 19-5-1950. Chính cái chính-phủ ấy đã tái-lập chế-độ kiểm-duyet lợi-dụng cây viết chì xanh với con dấu, đã đàn-áp báo-chí một cách trắng-trợn tàn-nhẫn, mục-dịch mé-hoặc dân-chúng để lời kéo họ ủng-hộ cái tân Quốc-trưởng và chánh-phủ bù-nhìn.

Hiện tình sáng-sủa nhờ sự lãnh-đạo của Ngô Tổng-Thống

Ngô Tổng-Thống đi sát quần-chúng, hiểu thấu ước-nguyện của đồng-bào nói chung, và của báo-chí nói riêng, nên liền ngay sau khi trật-tự văn-hồi và an-ninh được củng-cố, Người không ngần-ngại bãi bỏ kiểm-duyet.

Sự phồn-thịnh của báo-chí ngày nay, với thái-độ cứng-rắn thẳng-thắn của các cơ-quan ngôn-luận trong những phong-trào quan-liệ tới tương-lai vận-mạng Quốc-gia — trung-cầu dân-ý, Tổng-tuyển-cử Quốc-hội, lãnh-mạnh hóa xã-hội, phát-triển văn-hóa và kinh-tế, chứng tỏ rằng báo-chí nước nhà đã trưởng-thành và xứng-đáng với sứ-mệnh của giai-đoạn lịch-sử hiện-tại.

Vai trò báo-chí :

Không ai có thể chối-cãi rằng trong giai-đoạn hiện-tại báo-chí Việt-ngữ giữ một vai-trò rất quan-trọng và lớn-lao trong công việc kiến-thiết quốc-gia và củng-cố nền độc-lập mới thâu-hồi.

Chúng tôi xin phân-tách ra hai phần rõ-rệt :

1) Về mặt tinh-thần :

Đề-cao sự tôn-trọng nhân-vị của mỗi người dân, đả-kích tư-tướng phong-kiến lạc-hậu hay độc-tài Cộng-sản, mục đích là đi tới sự dứt-khoát tư-tướng trong bản thân mỗi người và đạt tới sự đồng-tâm nhất-trí trong nhân-dân, đồng-thời lãnh-mạnh hóa xã-hội, phổ-biến rộng-rãi chủ-trương bài trừ tư-đồ-tướng, thứ nhất là cách giáo-đục quần-chúng, để mỗi người giác-ngộ về hậu-quả tai-hại của tư-đồ-tướng mà tự ý lánh xa thay vì các biện-pháp bắt-buộc, cấp-bách, nhất thời.

2) Về phương-diện vật-chất :

Cồ-động mạnh-mẽ cho sự cải-thiện kỹ-thuật và óc tò-chức khoa-học để tăng-gia sản-xuất trong mọi ngành hoạt-động nông, kỹ và thương-nghệ.

Mục-dịch là tăng-gia nguồn lợi trong nước, nâng cao mức sống của nhân-dân và củng-cố nền độc-lập kinh-tế quốc-gia.

Một mặt báo-chí còn phổ-biến rộng-rãi những kỹ-thuật lối-tân hữu-hiệu nhất về nông, công, kỹ-nghệ — mà xét là có thể

áp-dụng liền ngay lúc này ở nước nhà. Mặt khác, hô-hào cổ-động mãnh-liệt cho phong-trào dùng đồ nội-hóa, đề khuyến-kích các nhà sâu-xuất trong nước đồng thời tiết-kiệm tiền bạc Việt-Nam khỏi xài-phií vào việc nhập-cảng hàng-hóa ngoại-quốc mà chúng ta đã bắt đầu tự-minh cung-cấp cho mình.

Nhiệm-vụ của báo-chí: Gạch nối liền dân - chúng với chính - quyền

Ngoài ra báo-chí còn là cái gạch nối liền giữa nhân-dân và chính-quyền, một cái gạch 2 chiều, nghĩa là :

1.— Đạo-đạt lên chính-quyền những ý-kiến, nguyện-vọng, nhu-cầu tha-thiết, khẩn-bách của nhân-dân về mọi phương-diện xã-hội, kinh-tế, chính-trị v. v...

2.— Phổ-biến trong dân-chúng những đường lối, dự-định của chính-phủ. Cũng trọng mọi địa-hạt kể trên — nhấn vào những điểm then mấu, quan-trọng, giải-thích những sai lầm cần sửa chữa, những trọng tâm xây-dựng đòi hỏi sự đoàn-kết, hiệp-tác chặt chẽ giữa chính-quyền và nhân-dân.

3.— Xây-dựng dân-chủ, tự-do. Ngày nay Việt-Nam Cộng-Hòa đã có giềng-mối một Quốc-gia thật-sự độc-lập, đang vươn mình trường-thành. Nhiệm-vụ của báo-chí là góp phần lớn đặt móng đắp nền trong việc kiến-quốc ấy.

Hiến-pháp đã ban-hành. Mọi quyền tự-do dân-chủ căn-bản đã được đảm-bảo, gồm có tự-do ngôn-luận. Trách-nhiệm của báo-chí là phổ-biến sâu rộng các thắng-lợi ấy trong nhân-dân, giải-thích cặn kẽ cho mọi người thấm-nhuần những tư-tưởng, nguyên-tắc, đề lần hồi cải-tiến tinh-thần của nhân-dân, khiến mọi người, trong mọi tầng lớp đều có quan-niệm đúng-dắn, vững-vàng về phân-sự cũng như trách-vụ của mỗi công-dân trong một xã-hội dân-chủ trường-thành.

Tuy-nhiên chúng ta nên nhận-định vai trò của báo-chí một cách chân-xác và đúng-dắn.

Tỷ-dụ như : công việc xây-dựng dân-chủ, bảo-vệ tự-do căn-bản của con người không nên lầm-lẫn với sự my-dân thấp-hèn, vì mục-dịch thương-mại, với sự chiều theo những thị-hiểu quá sống-srong đến thờ-lở.

Mục đầu trong bản thuyết-trình này, chúng tôi chưa phác-họa kế-hoạch đề đạt lời các mục-liệu chính-yếu nêu

trên đây, vì còn chờ ý-kiến và nguyện-vọng của quý-vị đại-biêu
đề cô, đúc thành một bản dự-thảo đầy-đủ, song chúng tôi cũng xin
phép trình bày sơ qua về ưu, khuyết-diểm của báo-chi hiện
thời, để chúng ta cùng xét coi báo-chí Việt-ngữ có khả-năng
và khuyết-diểm gì trước công-tác nặng-nề đang chờ đợi nó.

1.— Về ưu-diểm, có lẽ không một bạn nào chối cãi rằng
trong 10 năm vừa qua, báo-chi đã tiến-bộ nhiều về phương-
diện ấn-loát, trình-bày khả-dĩ thỏa-mãn những bạn muốn có
tờ báo đẹp-dẽ, sáng-sủa và sắp đặt có hệ-thống quy-củ.

Chính nhờ đó 1 phần mà con số phát-hành đã lãng-gia khá-
quan. Theo những nguồn tin hữu-quyền thì ở miền Nam Việt-
Nam hiện tổng-số phát-hành các báo là 388.570 tờ, (nếu ta tính
mỗi tờ báo có thể từ 5 đến 10 người đọc thì có lối 2 triệu người
đọc báo), với 12 tờ nhật-báo, 22 tờ tuần báo và 9 tạp-chí
nguyệt-san. Đó là chưa kể 18 báo chí ngoại-ngữ. So sánh với 12
triệu dân, thì con số kia đã có thể coi được là khá-quan.

Về phương-diện tinh-thần, chúng tôi thấy một sự
khuyến khích không kém. Nhiều đồng-nghiệp đã tỏ thái-độ can-
đảm và xây-dựng cương-quyết tố-cáo những thói hư, tật xấu,
những sự ý-thế, lạm-quyền, tham-nhũng, thối nát — tàn-tích của
chế-độ thực-dân, phong-kiến. Đồng thời các đồng-nghiệp ấy
không ngọt cô-vô sự dút-khoát tư-lương, phổ-biến những hiểu-
biết kỹ-thuật mới mẻ, góp phần xây-dựng, củng-cố độc-lập kinh-
tế và chính-trị quốc-gia.

2.— Bên ưu-diểm dĩ-nhiên có khuyết-diểm.

Đáng kể nhất là vài bạn chưa dút-khoát được với đường
lối cũ, công nặng về mục-đích thương-mại mà hơi nhẹ về trách-
vụ kiến-quốc của mình. Một vài tờ chưa có tinh-thần trách-
nhiệm đứng mức, do đó, những tin thuộc loại « *giết gân* » còn
choán 1 chỗ quá đáng. Nhiều tin dâm-ô, ăn cướp, sát nhân v.v...
đôi khi lẫn chỗ những tin-tức quốc-tế trọng-hệ, và những bài vở
xây-dựng đứng-dẫn. Kể đó, ít nhiều đồng-nghiệp mà chúng tôi
nhìn nhận là đầy nhiệt-tâm, nhiệt-huyết — vì quá sốt-sắng với
việc chỉ-trích, mà coi nhẹ phần kiến-thiết, quên đưa đề-nghị
cải-cách hay xây-dựng. Sự-trạng ấy đáng tiếc vì có thể gây dư-
luận cho là báo-chí Việt-ngữ thiếu phần sâu sắc. Ngoài ra phải
can-đảm công-nhận rằng một phần lớn các báo còn phải chăm-
chú gọt sửa Việt-ngữ hơn.

Chúng tôi đã trình-bày tổng-quát về lịch-trình phát-triển báo-chí Việt-ngữ, về sự trưởng-thành, hiện-trạng, với ưu-khuyết-diểm của nó. Chúng tôi cũng đã đề ra vai trò quan-trọng, nặng-nề của nó.

Muốn giữ được vai trò lịch-sử của mình, muốn đạt những mục-tiên cấp-thiết ở trên, lẽ dĩ-nhiên báo-chí cần được phổ-biến ngày thêm rộng-rãi trong dân-chúng, từ thành-thị đến tới những thôn, xóm, hẻo lánh xa-xôi. Chắc-chắn ai nấy đều đồng-y rằng : số độc-giả của báo-chí sẽ đồng-thời lũng gia với số đồng-bào biết đọc, biết viết.

Chúng tôi thấy báo-chí Việt-ngữ còn một vai-trò quan-trọng khác.

Đó là : *Vai-trò làm một tên lính tiền-phong trong công cuộc thanh-toán nạn mù chữ.*

Chỉ ngày giờ nào nạn mù chữ được thanh-toán thì báo-chí Việt-ngữ mới hy-vọng phát-triển thêm.

Đề tạm kết-luận phần thứ nhứt bản thuyết-trình này — về quá-trình phát-triển, hiện-trạng và vai-trò của báo-chí Việt-ngữ. Chúng tôi xin nhắc lại một câu của một ký-giả tiền-hối đại danh, Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh :

«Nước Việt-Nam ta mai sau hay, dở, cũng do nơi quốc-ngữ».

Chủ-tịch bộ-môn báo-chí :

Đình-văn-Khai

Văn-Hoàn

Lê-tâm-Việt.

Tiền-ban thuyết trình :

— Văn-Hoàn

Nguyễn-tấn-Lợi

Phú-Đức

Nguyễn-văn-An

Lê-tâm-Việt.

Sài-gòn, ngày 4 tháng 1 năm 1957.



Vài lời giới-thiệu : Với dân-số 13 triệu người, toàn thể Bắc-Việt chỉ có 2 nhật-báo với lối 10 tuần-báo hoặc tạp-chí. Tất cả đều là cơ-quan phái-biểu tư-tưởng chủ-trương của Đảng Lao-

động, một bộ-phận trá binh của Đảng Cộng-sản nhằm mục-dịch duy-nhất là nhồi sọ nhân-dân. Báo có rất ít tin thời-sự — trong nước cũng như ngoài nước — chỉ dành chỗ đăng diễn-văn huấn-thị của các lãnh-tụ, với những bài ca-ngợi nhà cầm-quyền (hết Việt-Cộng tới Trung-Cộng và Nga-sô vĩ-đại) thống-kê thành-tích của « thế-giới Cộng-sản » đồng thời tìm hết cách xuyên-lạc sự thật để chỉ-trích mặt-sát thế-giới tự-do ngõ hầu gây cho dân-chúng một niềm tin-tưởng mù-quáng « Nơi thiên-đường cộng-sản ».

Gần đây để thực-hiện một khẩu-hiệu bip-bọn mới : « Trăm hoa đua nở » của bọn quan thầy Trung-Cộng, đối với văn-ngệ, Việt-Cộng cũng đề ra chính-sách cởi mở, cho phép các nhà văn nhà báo được phê-bình các sai lầm của cơ-quan, đoàn-thể.

Năm được cơ-hội, một số văn-sĩ, ký-giả còn đòi chút lương-năng như Phan-Khôi, Nguyễn-Bình v.v... đã cho xuất-bản vài tờ tạp-chi như « Nhân-Văn » « Trăm-Hoa », đồng thời đề dặt dặt vấn-đề công-kích sự kìm hãm văn-ngệ bằng những bài vở nói bóng gió, xa-xôi.

Tuy chỉ là những bài báo chỉ-trích nhẹ-nhàng nhưng đối với một chính-quyền độc-tài : Cộng-sản cũng như thực-dân, mọi ý-kiến đụng chạm đến chúng đều coi là trọng tội, nên ta không ngạc-nhiên được tin là hiện nay các tờ báo nói trên đã bị đóng cửa, bị tịch-thâu và một số văn nghệ-sĩ, ký-giả đã vì ham muốn tự-do mà bị nhốt trong ngục-thất.

Tóm tắt lại, báo-chi Việt-Cộng chỉ là những tờ truyền-đơn hàng ngày hay hàng tuần chứ không phải báo-chi theo chúng ta quan-niệm.

Một bạn đồng-nghiệp của chúng tôi, bạn Tô-Văn sẽ trình-bày tường-lận vấn-đề báo-chi tại Bắc-phần.

Ký-giả **VĂN-HOÀN**



Quan-niệm về báo-chi của Việt-Cộng

Ký giả Tô Văn : Báo-chi của Việt-Cộng là để phổ-biến chủ-trương chính-sách của Đảng. Cho nên các bạn không lấy làm lạ những tờ báo của Việt-Cộng có lý-luận, lối hành-văn nhắc đi nhắc lại sáo-trá, bip-bọn một cách lộ-liểu đáng ghét.

Nói thế không phải là tờ báo của Việt-Cộng không có phần Thông-Tin. Việt-Cộng chỉ cho thông-tin về : Công đoàn thi-đua vượt mức, Cán-bộ Cộng-sản đã huy-động dân-chúng đập xong con dê làng X trước hạn-định, Mậu-Dịch Quốc-Doanh đã mua được của Dân-chúng gần hết lúa gạo vì dân-chúng đã giác-ngộ quyền-lợi của mình và của Chánh-phủ. Anh-hùng Lao-Động đã sang Liên-Xô để học-tập thêm. Phái-doàn văn-ngệ Liên-Xô hay Trung-Quốc vĩ-dại đã trình-diễn văn nghệ Nhân-Dân trước 20 vạn dân-chúng Thủ-Đô. Phim Bạch-Hoa-nữ của Trung-Quốc vĩ-dại xứng đáng là phim của Nhân-Dân. Bọn Địa-chủ đã bị đánh gục trong các thôn xóm. Nông thôn đã trở về tay Nhân-Dân ta v.v... nghĩa là có phần Thông-Tin nhưng Thông-Tin chọn lọc. Chánh-sách Thông-Tin của Việt-Cộng cũng là nhõm sọ.

Ta có thể nói được rằng báo-chi Việt-Cộng là một tấm màn ảnh mà Đảng và Chánh-phủ ngụy-quyền Việt-Cộng là cái máy chiếu phim. Bởi vậy chúng ta cũng không lấy làm lạ về những tờ báo của Việt-Cộng tờ nào cũng như tờ nào cũng một luận điệu, một đề tài như nhau.

Tự-Do báo-chí đối với Việt-Cộng

Chủ-Nghĩa Mác Lê-Nin, Duy-Vật lấy vật-chất làm căn-hản, lấy chính-quyền làm phương-tiện và công-cụ đàn-áp, bởi vậy danh-từ Dân-Chủ và Tự-Do của Cộng-Sản định-nghĩa như sau : « Dân-chủ của ta là Dân-chủ tập-thể, là *dân-chủ tập trung*. Đối với những kẻ thù-ngịch lợi-dụng Dân-Chủ chính-quyền ta nhất thiết trừng-trị, nhân-dân ta sử-dụng chính-quyền dân-chủ để trừng-trị » (Trích trong bài diễn-văn của Tôn-Đức-Thắng đọc trong buổi mít-tinh kỷ-niệm ngày 19-12 và ngày 22-12 tại Hà-Nội ngày 22-12-56).

Định-nghĩa danh-từ Tự-Do của Việt-Cộng : « Quyền Tự-Do Dân-Chủ ở miền Bắc là quyền Tự-Do để nói, để làm những việc có lợi cho sự nghiệp củng-cố miền Bắc, quyết không phải là quyền Tự-Do của những kẻ vô-tình hay cố-ý phá-hoại ». (Trích bài xã-thuyết đăng trong Tạp-chi HỌC-TẬP số II trong tháng II và 12 năm 1956 cơ-quan Học-Tập của Trung-Ương Đảng-Bộ Việt-Cộng).

Đây là Tự-Do và Dân-Chủ của Việt-Cộng, chúng ta không lấy làm lạ tại sao Việt-Cộng nói Tự-Do ngôn-luận mà các báo-chi không được đăng những tin-tức phản-ảnh của xã-hội Bắc-

Việt như đầu-tổ, con giết cha, vợ giết chồng, em giết anh, những cảnh vô luân, bại lý giữa đồng-chi với đồng-chi, những tin « động trời », những pha « cụp-lạc ».

Một điều xin các Bạn nhớ cho rằng hồi tiền-chiến, thời những báo tư-nhân còn được xuất-bản nhưng từ khi có Kháng-Chiến, Việt-Cộng bóp nghẹt ngay các báo tư-nhân không cho ra nữa, chỉ còn toàn những báo-chi của Đảng mà thôi. Đến khi trở về được Hà-Nội nghĩa là trở lại sinh-hoạt thành-thị là nơi tai mắt ngoại-quốc trông vào, Việt-Cộng không thể trắng-trợn lộ-liển tính-chất độc-tài được nhất là trong công-tác cấp-thiết của giai-đoạn là ngăn-cản cuộc di-cư vào Nam giữ lại máy in của những nhà in lớn nên Việt-Cộng đưa ra nhiều chánh-sách, chủ-trương bên ngoài trông có vẻ Dân-Chủ như : Không đấu-tổ ở Hà-Nội Hải-Phòng và các thành phố khác, cho Tự-Do báo-chi, trả đủ lương cho công-chức ở lại v. v... Nhưng bên trong. Chúng đã bố-tri kiểm-soát chặt-chẽ. Đặt cán-bộ Đảng nằm trong những chi-bộ công-đoàn, của mỗi nhà in, mỗi toà-soạn. Những tên cán-bộ này là nòng-cốt quyết-dịnh tất cả những ý-kiến về bài vở. Chúng ta có thể gọi tên này là quản-lý chánh-trị trong các Tòa báo. Công việc của tên này là kiểm-soát lại những tin-tức mà tòa-soạn đưa xuống để xếp chữ. Nếu chủ-nhiệm cứ cho lên khuôn những tin không hợp chủ-trương của Việt-Cộng thì chúng đối phó : Một là báo công-an đến tịch-thu số báo đang in nếu là tin có hại lớn cho Việt-Cộng. Hai là vẫn cho đăng cho có vẻ dân-chủ nếu là ít hại nhưng ngày sau chúng sẽ phát-động công-nhân đấu-tranh đòi tăng lương, hạch tội phần dân-chủ của người chủ-nhiệm v. v... Lẽ dĩ-nhiên, nếu có đấu-tranh thời phần thắng-lợi nhất-định thuộc về tay chúng rồi. Chỉ từng ấy ví dụ nhỏ cũng đủ để các Bạn thấy sự kiểm-soát của Việt-Cộng đã chặt-chẽ chưa cần kể những âm-mưu sảo-quyệt, thiên-hình vạn-trạng của Việt-Cộng nữa.

Muốn triệt một tờ báo nào Việt-Cộng chỉ ra một chỉ-thị « mật » cho cán-bộ của chúng là kiểm-soát việc phát-hành tờ báo ấy đồng thời cấm không cho Nhân-Dân mua báo ấy ở các Tỉnh lẻ. Báo chỉ bán được ở mấy Thành-phố như Hà-Nội và Hải-Phòng mà thôi nên có chạy lẩn cũng chỉ bán được 2.000 số là cùng. Báo Nhân-Văn, Giai-phẩm mùa Thu, Trầm-Hoa, Đất Mới là những tờ báo bán chạy nhất ở 2 tỉnh Hà-Nội và Hải-

Phòng mà in ra chỉ có 3.000 số. Cho nên tờ báo nào mà bị Việt-Cộng « trừ » là chết ngay vì không đủ tiền trả cho nhà in cũng như tòa-soạn.

Với những mảnh khoe trên, Việt-Cộng thi-hành trọn vẹn sự bịp-bợm và lợi dụng danh-nghĩa Tự-Do Báo-Chí mà không sút mẻ một chút nào quyền-lợi, lại nắm được vững-vàng dư-luận quần-chúng qua các báo-chí, đủ uy-quyền, mảnh khoe dễ bóp chết những kẻ nào muốn thực-hiện thực sự danh-từ Tự-Do Báo-chí. Khi Việt-Cộng vừa tiếp thu Hà-Nội, chúng ban-hành luật Tự-Do báo-chí làm nhiều người hi-hững bỏ tiền ra xuất-bản báo như tờ Đại-Chúng, Sông Hồng, Báo Mới v.v... đều sống ngắc-ngoải được độ 3 tháng là chết.

Trong thời-gian Việt-Cộng tiếp thu Bắc-Việt cho đến nay ngoài tờ Thời-Mới là của tư-nhân được « đoàn-thể-hóa » còn không có một tư-gia nào dám ra báo. Một điều thực-tế nhất là không có đủ tiền mà ra báo, thứ hai nữa giấy báo lại thuộc về Mậu-Dịch Quốc-Doanh sở Công-Thương và Mậu-dịch bách-hóa phân-phối. Lẽ dĩ-nhiên giấy báo khó kiếm.

Vụ án báo-chí « Trăm-Hoa », « Giải-Phẩm Mùa - Thu » và « Nhân-Văn » chỉ là kế-hoạch « sù hơi có bảo-đảm » (souple de sûreté) của Việt-Cộng.

Vụ án về 3 tờ báo « Trăm Hoa » « Giải-Phẩm Mùa Thu » và « Nhân-văn » nổ ra ở Bắc-Việt mà Nhật Báo Cách-Mạng Quốc-Gia ở miền Nam Tự-Do đã lên tiếng tố-cáo sự tàn ác, độc-tài, lưu-manh của bè lũ Việt-Cộng trước dân-chúng, và trí-thức miền Nam. Kiểm điếm lại những bài báo « bất mãn » của 3 tờ tuần báo đó và bài bút chiến của Tạ-Quang-Đạm đăng trong báo Nhân-Dân (báo Việt-Cộng) chúng tôi thấy những người chủ-trương 3 tờ báo trên chỉ là những người bất mãn với chánh sách, với cá-nhân, với nội-bộ Việt-Cộng mà thôi. Họ không viết được bài nào để thể-hiện được tất cả những cái uất hờn của dân-chúng Bắc-Việt và đồng-bào Nam-Việt ra tập-kết ở miền Bắc đã anh dũng nổi lên đấu-tranh chống Cộng-Sản như vụ Quỳnh-Lưu, Nghệ-An, ở Ba-Làng Thanh-Hóa, ở Hà-Giang Việt-Bắc, ở Phát-Diệm, Bùi-Chu, ở công-trường Cầu-Yên Ninh-Bình của đồng-bào Nam Bộ. Chúng tôi sợ rằng có sự dàn cảnh của Việt-Cộng để hạ thủ Cụ Tú Phan-Khoi là người thành-tâm chống Cộng.

Vụ án báo-chí ở Hà-Nội đã đề-dàng xảy ra, chúng tôi nói đề-dàng xảy ra vì có lẽ Việt-Cộng bố-trí rất cần-mật, có những kế-hoạch rất khoa-học để bóp chết từ trong trứng những bài báo đả-kích chúng. Người ta lấy làm lạ tại sao những tên cán-bộ Quản-Lý Chánh-trị nằm trong các Nhà in. Các tổ-chức Công-An Nhân-Dân của Việt-Cộng lại để yên cho báo Nhân-Văn, Giai-Phẩm mùa Thu cũng như Trăm Hoa đã ra được tới số 6 đến số 10 lúc ấy mới bị tịch-thu, đóng cửa, ông Tú phan-Khôi và những kẻ không Cộng-Sản như Hồ-Dzênh, Nguyễn-Bình mới bị bắt.

Để chứng-minh lời suy-luận của chúng tôi, chúng tôi xin lấy một bài báo « Ba Ngày Tự-Do » đăng trong tờ l'Express số 287 ra ngày 21-12-56 trang 32 và 33, những đoạn văn chống đối chế-độ Cộng-sản Hung-gia-Lợi, lên án chính-sách tàn ác của Nga-Sô thể-hiện được cuộc Cách-Mạng của Nhân-Dân Hung-gia-Lợi chống Cộng-sản của những nhà văn, thi-sĩ Hung-gia-Lợi như Tibor Dery, Gyorgy Paloezi Horvath, Milanfust, Lorinc Szabo, Miklos Hub, Hubay, Laszlo Nemeth khác hẳn với những bài chỉ-trích của những người chủ-trương tờ Nhân-Văn, Giai-Phẩm Mùa Thu, Trăm Hoa ở Bắc-Việt. Cho nên chúng tôi có thể nói rằng vụ án báo-chí ở Bắc-Việt là do Việt-Cộng đàn cảnh với mục-dích :

1º) — Gây trong dư-luận ngoài nước, cho rằng chánh-sách báo-chí của Việt-Cộng được hoàn-toàn tự-do nên mới có những vụ Nhân-Văn, Giai-Phẩm Mùa Thu, Trăm Hoa viết bài chống đối lại chánh-sách của chúng. Chứng-minh rằng tờ « Sống Chung » ở Cao-Miên, một tờ báo của Việt-Cộng đang rêu-rao chính-sách báo-chí của V.C. ở Bắc-Việt được hoàn-toàn Tự-Do nên mới có vụ án báo-chí trên.

2º) — Làm xoa-dịu sự bất-mãn của một số người đang cảm-tức Việt-Cộng, khi đọc được một vài bài báo bất-mãn về chánh-sách Việt-Cộng. Ở những tờ Nhân-văn, Giai-phẩm Mùa Thu, Trăm Hoa.

3º) — Đưa những bài báo bất-mãn ra để dò xét tâm-lý quần-chúng, đo-lường sự bất-mãn của dân-chúng để đặt kế-hoạch khủng-bố, cho sát và khoa-học hơn.

4º) — Lừa bắt, thủ-tiêu, an-trị những kẻ thật tâm chống nguy-quyền Việt-Cộng vì những bài báo trên làm cho những người đang bất-mãn, uất-ức với Việt-Cộng gửi bài tới, hoặc

mua báo năm, ủng-hộ tiền cho các báo trên đề hưởng-ứng phong-trào chống-đối V. C. trong kế-hoạch « si hơi có bảo-đảm » của V. C.

Căn-cứ vào những điều trên, chúng tôi có thể nói quả-quyết vụ án Báo-chí ở Hà-Nội trong tháng vừa qua là một kế-hoạch si hơi có bảo-đảm (soupape de sûreté) của Việt-Cộng đề rồi sau vụ án báo-chí này, chế-độ báo-chí của tư-nhân sẽ khép-chặt gấp một triệu lần cũng như sau kế-hoạch « sửa-sai, chữa-lầm » Việt-Cộng sẽ phát-động phong-trào đấu-tố mạnh gấp một ngàn lần phong-trào năm 1953-1954 vì bao Địa-Chủ lọt-luới, bao kẻ phản-động đều công-khai chống Cộng dựa vào kế-hoạch sửa-sai, Chữa lầm mà đấu-tranh cho hợp-pháp.

Kế-hoạch « si hơi có bảo-đảm » của Việt-Cộng là gây những phản-trùng nhỏ nhỏ rồi bịt lại ngay cho kịp thời đề trấn-áp dư-luận và để tìm kế-hoạch cụ-thể ngăn-cản việc nhỏ xé ra to. Kinh-nghiệm Quốc-Tế (Vụ Budapest và vụ Poznan), Quốc-Nội (Vụ khởi-nghĩa Quỳnh-Lưu) đã cho chúng một bài học và chúng đã kiểm-thảo như sau đây : Vụ Hongrie xảy ra là lỗi ở lãnh đạo không kịp thời sửa chữa, rập tắt được phong-trào đề cho bọn phản Cách-Mạng lợi-dụng phá-hoại và chống-đối với Liên-Xô » (Bài báo của Ông Thorez lãnh-tụ Đảng Cộng-Sản Pháp) đăng trong báo Humanité, Việt-Cộng trích ra để học-tập trong nội-bộ Đảng).

Đối với những trí-thức nằm trong Đảng dã lĩnh - ngộ sau vụ quân-đội Nga-Sô tiến vào Budapest tàn-sát Nhân-dân Hung-Gia-Lợi, họ nảy ra ý bài Nga-Sô bỏ Cộng-Sản Quốc-Tế mà đi đến Cộng-Sản Quốc-Gia kiểu Ti-Tô như tình-trạng Đảng Cộng-Sản Pháp, Đảng Cộng-Sản Ý v.v... Đó là một kinh-nghiệm thực-tiền cho Việt-Cộng đề-phòng những Trí-thức hiện đã theo chúng trong 10 năm Kháng-Chiến và 2 năm dưới danh-nghĩa Hòa-Bình. Chúng đã có thước đo bình hơi phần-nộ của dân-chúng miền Bắc, của đồng-bào tập-kết miền Nam, của giai-cấp Trí-thức nên chúng phải cho si hơi có bảo-đảm để khỏi phải bật nỏ cái « nôi súp de » Bắc-Việt, trong lúc bất ngờ sẽ làm V.C. trở tay không kịp để đối phó với tình-thế, với thời cuộc.

Bởi vậy, phải ý-thức được rõ-ràng vấn-đề Sửa Sai của Việt-Cộng là do sự bức-bách của thời-cuộc, của sự tiến-bộ của Dân-Chúng đã nảy ra kế-hoạch phản-ứng đấu-tranh chánh-trị và xu-hướng Dân-chủ-hóa ngay trong nội-bộ Việt-Cộng.

Hướng đi của báo-chí Việt-Cộng tỏ rõ sự phản-bội Dân-Tộc, phản-bội Toàn-Dân phản-bội Kháng-Chiến.

Trong những năm Kháng-Chiến từ Cứu-quốc được coi như là tờ báo chính-thức của chánh-quyền Việt-Cộng ra hằng ngày, còn tờ Nhân-Dân là tờ báo của Đảng Lao-Động tức Đảng Cộng-Sản Đông-Dương ra hàng tuần. Nhưng đến năm 1953-54 thời tờ Cứu-Quốc mất hẳn vai trò quan-trọng của nó mà rút về thành tờ tuần báo, còn tờ Nhân-Dân đã nhảy lên làm tờ Nhật-báo, đóng một vai trò hướng-dẫn cốt cán.

Việt-Cộng đã đặt hướng đi cho nhiệm-vụ báo-chí sai hẳn đồng thời lại phản-bội tinh-thần Dân-tộc, Kháng-chiến, phủ-nhận công-lao hy-sinh của tất cả mọi người dân Việt-Nam, chúng trắng trợn cướp công của toàn dân, cho tất cả công-lao kháng-chiến kiến-quốc đều là của Đảng Cộng-Sản Đông-Dương mà đã là công lao của Đảng Cộng-Sản Đông-Dương tức là công lao của Trung-quốc vĩ-dại, của Liên-Xô vĩ-dại vì Đông-Dương Cộng-Sản Đảng chỉ là một bộ-phận trong mặt-trận Cộng-Sản Quốc-Tế mà thôi.

Kết-luận

Triển-bày sơ-lược cùng các Bạn tình hình báo-chí trong vùng Việt-Cộng, chúng tôi có thể kết-luận một câu như sau :

Báo-chí Bắc-Việt không có tự-do ngôn-luận vì không có một tờ báo nào là của tư-nhân.

Có thể nói thẳng được rằng anh chị em ký-giả chân-chính, ký-giả có tư-tưởng tự-do, những anh chị em trí-thức, Văn-nghệ-sĩ ưa chuộng tự-do dân-chủ thật-sự đều thất-nghiệp và nếu có xin được việc làm thời việc làm ấy ở công-trường nước độc với 2 ký gạo một ngày.

Đứng trong vòng kiểm-tòa, quản-thức của chế-độ độc-tài Cộng-Sản không ai dám nghĩ đến việc ra báo. Muốn nói không nói được, muốn làm không làm được. Tiền của tư-nhân, lương của ký-giả do tư-nhân trả liền nhưng việc làm thời đứng là « cơm nhà, vác tù-và Việt-Cộng ». Lạch-lạc một chút là chân đeo cùm, tay đeo xiềng đi học trường « Lý-Bá-Sơ » ngay.

Những người cầm bút biết tự trọng không ai có thể viết khen những điều ngang tai trái mắt, con giết cha, vợ giết

chồng ; cảnh lột tận xương, tận tủy dân chúng, coi dân-chúng như con vật.

Báo-chi không có tự-do. Ký-giả chân-chính thời thất-nghiệp. Tiếng nói của dân-chúng không có. Viết phải đóng khung trong lý-luận một chiều : Tù đầy, cùm kẹp, công-trường nước độc luôn luôn ám ảnh đe dọa.

Sự khổ đau buồn-bã của anh chị em cầm viết tới thế, xin đề các Bạn tự đặt lấy nhiệm-vụ Cứu-quốc, nhiệm-vụ dành lấy quyền sống cho bản thân cho gia-đình cho Dân-Tộc, quyền Tự-Do, Dân-Chủ cho ngôi bút, quyền-lợi thiêng liêng nhất của con người.

Ký-giả TÔ-VĂN



PHẦN THẢO-LUẬN

Đại-biểu Pleiku : Qua bản thuyết-trình của ký-giả Văn-Hoàn, chúng tôi đồng-y về những điểm mà ký-giả đã phác qua. Chúng tôi xin bổ-khuyết vào bản thuyết-trình đó như sau :

— Về quá trình báo-chi, bản thuyết-trình nhắc lại rất đơn sơ, chúng tôi thấy nếu nói về phương-Bắc chúng ta phải nhớ tới tờ « Phong-Hóa » và sau đó là tờ « Ngày nay » tờ « Chủ-nhật ». Còn về miền-Trung có tờ « Tiếng-Dân » và tờ « Tin-Nhàn » và sau đó là tờ « La Gazette de Huế » Thuyết-trình-viên đã nói rằng tất cả những tờ báo Pháp trong thời kỳ đó đều do những người Thực-dân Pháp đưa ra. Chúng tôi không đồng-y với quan-diểm đó là vì chúng tôi nhận thấy có tờ « La Lutte » của nhóm Tạ-Thu-Thâu, chính chúng tôi đã đọc, và mỗi lần đọc chúng tôi phải lên lút dấu-diểm.

Tờ Phong-Hóa là 1 tờ báo rất xứng đáng, vì lẽ tờ Phong-Hóa đã đem lại ánh sáng cho dân-chúng lúc đó.

— *Một ký-giả* : Hơn 2 năm nay, chính-phủ Cộng-Hòa xây-dựng nền Văn-Nghệ mới tẩy-trừ những tàn tích Thực-Cộng-Phong.

Bản thuyết-trình đã quên mất không nói đến nhất là về đấu-tranh Văn-Hóa chống Cộng-Sản và vai trò báo-chi Việt-Nam xây-dựng chế-độ Cộng-Hòa, ủng-hộ những chủ-trương chính-sách của chính-phủ đề ra.



HỘI-HỌA VIỆT-NAM

Sáng 1 / 1957 :

ĐỀ-MỤC :

THUYẾT-TRÌNH VỀ HỘI-HỌA VIỆT-NAM

- 1 thuyết trình viên :* Họa-Sĩ Đào-Sĩ-Chu
1 chủ-tọa đoàn : Ô-ô. Phạm-huy-Tường (họa sĩ)
Nguyễn-văn-Siêu (họa sĩ)
Trọng-Đình (họa sĩ)
Thư ký đoàn : Như cũ

NỘI-DUNG

Thưa quý vị.

Thưa các bạn.

Để xây-dựng bản thuyết-trình này, chúng tôi đã tiếp-xúc với nhiều nhân-vật và cơ-quan, công và tư : Ông Giám-đốc Lê-Văn-Đệ và các giáo-sư của trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật, Ông Giám-đốc Lưu-Đình-Khải và các giáo-sư trường Mỹ-nghệ thực-hành Gia-định, Ông Giám-đốc và các giáo-sư trường Mỹ-nghệ Biên-hòa và Thủ-dầu-Một. Ông Vương-hồng-Sơn Giám-đốc Viện Bảo-tàng Quốc-gia. Ông Đoàn-quang-Tấn Giám-đốc Thư-viện Quốc-gia, Bác-sĩ Dương-Tấn-Tươi và một số Văn-nghệ-sĩ.

Nhân tiện đây, chúng tôi xin trân-trọng cảm tạ các vị trên đây, đã giúp đỡ chúng tôi, về mọi phương-diện. Những tài-liệu chúng tôi đã thu-thập được gồm thành một tập ước độ ba trăm (300) trang khảo-lược về những vấn-đề của hội-họa và được chia ra làm 12 tập sau đây :

1) TẬP NHẤT

a) Lời mở đầu

b) Kiểm tra những mỹ-thuật-phẩm trước thời Pháp thuộc

- 1) *Mỹ-thuật về tôn-giáo*
- 2) » *Đại chúng*
- 3) » *Chiến tranh*
- 4) » *Tang lễ*

2) TẬP HAI

Khảo về Hội-Họa Trung-Hoa

3) TẬP BA

Ảnh-hưởng của Hội-Họa Âu-Tây.

- 1) *Trường Mỹ-Thuật Hà-nội (chương-trình học)*
- 2) *Danh-sách các họa-sĩ tốt-nghiệp.*
- 3) *Trường Mỹ-Thuật Hà-nội lưu-vong (Thời-kỳ kháng-chiến)*
- 4) *Trường Quốc-gia Mỹ-thuật Gia-Định (Chương-trình)*
- 5) *Trường Mỹ-nghệ Gia-Định (Chương-trình học)*

4) TẬP BỐN

Các cuộc triển-lãm (và phê-bình) từ 1931 cho đến nay.

(đề-tài có phong-cảnh, lịch-sử, gia-đình, chân-dung, tĩnh-vật, thôn quê, đời sống thôn quê, rất ít về xã-hội, quân-đội tranh-đấu, tư-tưởng, khoa-học, chính-trị)

5) TẬP NĂM

Các cuộc triển-lãm (tiếp theo)

6) TẬP SÁU

Các cuộc triển-lãm (tiếp theo)

7) TẬP BẢY

a) Nguồn gốc mỹ-thuật Hội-họa.

b) Nghệ-thuật Hội-họa.

- c) Nghệ-sĩ với học-giả, nhà văn, nhà báo.
- d) Nghệ-sĩ với công-chúng.
- e) Một vài nhận xét về Hội-họa.

Cái đẹp bức tranh, kỹ-thuật, đề-tài, nội-dung, sáng-tác, một vài môn phái, lập-thể, dã thú.

8) TẬP TAM

- 1) Thăm-mỹ
- 2) Quan-niệm đẹp với nghệ-thuật tranh ảnh.
- 3) Quan-niệm về thăm-mỹ của ta xưa thế nào.

9) TẬP CHÍN

- 1) Những nét vẽ loạn : Tranh siêu-thực ; Những kẻ thụ-động.
- 2) Trường Hội-họa mới.
- 3) Những bức tranh giả.
- 4) Hội-họa mới sẽ đi về đâu ?
- 5) Một lối cách-mạng sai lầm của vài họa-phái.
- 6) Picasso phục-thiện.
- 7) Một chương-trình làm việc.
- 8) Giai-đoạn mới
- 9) Ấn-tượng hay biểu-hiệu.
- 10) Thế nào là cảm-thông với đại-chúng.

10) TẬP MƯỜI

- 1) Hội-họa là gì ?
- 2) Cái giống của Hội-họa
- 3) Cái thực của Hội-họa
- 4) Hội-Họa với nhân dân
- 5) Tranh tuyên-truyền.

11) TẬP MƯỜI MỘT

Hội-họa Việt-Nam hiện-đại

12) TẬP MƯỜI HAI

- 1) Khoa-học và Hội-họa
- 2) Các Họa-phái.

Chúng tôi sẽ dựa vào những tài-liệu này để thảo-luận cùng với các bạn.

Nhưng ở đây, chúng tôi chỉ xin tóm tắt các quan-điểm. Chúng tôi xin trình-bày sự ảnh-hưởng của hội-họa Trung-Hoa và Âu-Tây vào nền hội-họa Việt-Nam.

Hội-họa trước kia được coi như một nghệ-thuật cao quý dành riêng cho các nhà quý-phái, thượng-lưu. Hội-họa Trung-hoa có những quy-tắc và những luật-lệ bất-di bất-dịch. Người họa-sĩ bị trói buộc trong một khuôn khổ chật hẹp bằng những thành-kiến sai lầm về đời sống thực-tế. Với những kỹ-thuật gò bó và giả-tạo và với những nguyên-liệu đơn sơ, sự sáng-tạo không được nảy nở theo ý muốn của người họa-sĩ.

Trong văn-hóa xưa, những phẩm-giá văn-hóa thường được quan-niệm không rõ rệt, mọi phong tục được bảo-tồn bất-di bất-dịch. Hội-họa ở trong lĩnh-vực bất-động ấy cũng không thể tiến-triển được: ngoài mấy mẫu Mai, Lan, Cúc, Trúc và mấy loại sơn-thủy, nhân-vật, hoa điếu, thảo-trùng nó không để ý đến đời sống thực-tế của quần-chúng với mọi vẻ ái, ố, hỉ, nộ của lòng con người.

Vì văn-hóa không phải là một sự nhồi sọ, thuộc lòng, bắt ép, vì nó phải là sự sáng-tạo do sáng-kiến hợp cùng với tư-tưởng mà ra. Ý-nghĩa này phải được áp-dụng vào hội-họa Việt-Nam hiện giờ. Nhưng với sự thoái-bộ của nền văn-hóa cổ-truyền, hội-họa Việt-Nam dưới thời Bắc thuộc không thoát khỏi những nét vẽ thuộc lòng mà ta gọi là điều-luyện, trong đó ta chỉ nhận thấy cái khéo tay của một người thợ vẽ chứ ta không thấy cái sáng-tạo cái rung động và cái tâm-hồn của một người nghệ-sĩ đang sống, hoặc đã biết sống một cách thiết-thực với tất cả mọi sự vui buồn, sướng khổ, của con người và loài người. Trước khi được cùng các bạn thảo-luận về hội-họa Việt-Nam theo chương-trình mà chúng tôi đã ghi trên đây, chúng tôi nhận thấy sự định-nghĩa của một vài danh-từ của hội-họa là một sự rất cần-thiết.

Vì rằng, nếu chúng ta không thống-nhất ý-kiến trong sự định-nghĩa của một vài danh-từ thì sự thảo-luận sẽ mâu-thuân và không đem lại những kết-quả cụ-thể mà chúng ta mong muốn. Trước hết, chúng tôi xin cùng các bạn thảo-luận và định-nghĩa danh-từ hội-họa. Chúng tôi xin các bạn chỉ bảo để bổ-khuyết cho thêm phần đầy đủ.

Hội-họa là gì ?

Hội-họa bắt nguồn ở thiên-nhiên bởi sự rung động của lòng người. Khởi thủy là một sự **cóp chép** đơn-sơ bằng đường nét, màu sắc và hình khối. Nhưng từ khi con người đã bắt đầu **ghi thêm sự sáng-tạo** của mình (có lẽ ngay từ thời cổ xưa) thì hội-họa mới được *quan-niệm* đúng nghĩa của nó. Vậy hội-họa nói chung là kết-quả của sự *diễn-tả* (trên mặt gỗ, vải, giấy, lụa, đá, kim-khí, thủy-tinh, vân vân...) bằng đủ mọi *phương-tiện* (dao, kéo, than, chì, sơn màu, phấn mực vân vân...) những sự *rung-động* của lòng người, *cảm-xúc* trước một cảnh-vật, một ý-tưởng, một giấc-mơ, Một tiếng đàn, một màu-sắc vân vân... đẹp hay không đẹp, vui hay buồn, do họa-sĩ sáng-tạo nên, với trí tưởng-tượng, với tri-giác hay với lý-luận. Vậy làm việc hội-họa không phải là ghi-cóp thật đúng một cách máy móc cảnh-vật như một chiếc *máy ảnh*. Người họa-sĩ là người đã sáng-tạo nên những tác-phẩm nghệ-thuật một họa-phẩm thiếu những điều-kiện nói trên chỉ là một sự *kinh-nghiệm hội-họa* (expériences) chứ không thể coi như một *tác-phẩm nghệ-thuật*. Ai ai cũng có quyền vẽ, rung-động và sáng-tác theo ý-thích của mình, nhưng không phải ai ai cũng đều làm ra được những tác-phẩm nghệ-thuật. Hội-họa không phải là một *độc-quyền* của riêng ai.

Quan-niệm thẩm-mỹ (quan-niệm cái đẹp) cũng là một vấn-đề mà chúng tôi muốn cùng các bạn định-nghĩa ngay. Chúng tôi xin tóm-tắt mấy ý nghĩ của chúng tôi như sau này :

- a) Quan-niệm đẹp không có tuyệt-đối, nghĩa là chỉ đúng trong phạm-vi tương-đối. Cũng một tác-phẩm người này cho là đẹp, kẻ khác cho là xấu.
- b) Quan-niệm đẹp là một vấn-đề tâm-lý cho nên quan-niệm đó cũng thay-đổi tùy theo tâm-lý từng người, từng dân-tộc. Dân-tộc cổ-sơ ưa những màu-sắc rực-rỡ, những hình-thù mộc-mạc. Dân-tộc văn-minh lại khác hẳn, họ ưa-chuộng những màu dịu-dàng nhã-nhận, những hình tạo-nhã vân vân Xứ lạnh thích màu nóng đậm, xứ nóng thích màu mát nhẹ. Cho nên quan-niệm đẹp cũng phải tùy theo phong-tục, trình-độ văn-hóa và tính-tình của mỗi người, của mỗi dân tộc. Quan-niệm đẹp tùy theo từng thời (époque). Ví-dụ như quan-niệm đẹp của ta xưa và nay. Ngày xưa người con gái đẹp phải được *diễn-tả* theo câu ca-dao sau đây :

Một thương tóc bỏ đuôi gà,

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên,

Ba thương má lúm đông tiền,
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kếm thua,
Năm thương giải yếm đeo bùa
Sáu thương nón thương quai tua dậu dàng.»

Lại như :

« Thấy em xinh nói xinh cười,
Xinh quần, xinh áo, xin đôi nụ vàng,
Chân em sỏ dép quai ngang,
Tay đeo nhẫn bạc lại càng thêm xinh ».

và :

« Cờ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau,
Miệng cười như thề hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thề hoa sen,
Nón trắng mà đôi thao đen ».

Đó là kiểu mẫu cái đẹp cách đây có lẽ mấy chục năm về trước, cái đẹp truyền-tử nhược-tôn, cái đẹp bất-di bất-dịch. Ngày nay các bạn gái đua nhau để răng trắng, đánh răng trắng, phục-sức và trang-điểm theo lối tân-thời.

c) Quan-niệm đẹp tùy theo sự cần dùng và ảnh-hưởng quốc-tế.

d) Cái đẹp của nghệ-thuật-phẩm và cái đẹp thông thường không giống nhau.

Riêng quan-niệm đẹp về một nghệ-thuật-phẩm (mỹ-thuật-phẩm) cần có hai điểm chính là sự rung động chân-thành và sự sáng-tạo của nghệ-sĩ (kỹ-thuật, đề-tài, nội-dung)

2) Quá-trình của nền hội-họa Việt-Nam.

Chúng ta sẽ thảo-luận về vấn-đề này theo những điểm sau đây :

a) Nguồn gốc của hội-họa

b) Ảnh-hưởng từng thời-kỳ (Hội-họa Trung-hoa và hội-họa Âu-Tây)

c) Kiểm-điểm các mỹ-thuật-phẩm của hai thời kỳ ấy.

Từ xưa loài người đã mến yêu-cái đẹp và đã tìm cách diễn-tả cái cảm-tình ấy. Từ xưa người ta đã thấy rung động bởi cảnh sắc. Từ xưa người ta đã tỏ ra một tâm - hồn dồi-dào và mơ-mộng. Ta thử xem họ diễn-tả ra bằng cách nào. Đứng

trước một cảnh đẹp của tạo-bóa, người thương-cổ ở cửa hang, nghe thấy tiếng suối róc-rách bên sườn non, lá vàng lác-đác trên nội cỏ, gió hát trong rừng hoang, lòng tự-nhiên cũng thấy có một thứ âm-nhạc dạt-dào ở trong và như ăn-nhịp với điệu-nhạc ở ngoài. Người cảm thấy thế nhưng diễn-tả bằng cách nào? Nhờ có tiếng nói, sáng-tạo ra những bài ca sơ-sài, nhờ có cử-động mà nhảy múa, thì nhờ có sự cốp-chép hình-vật, người làm ra những bức họa đơn-sơ. Cho nên những chữ viết lâu đời như chữ Hán, Hi-Lạp, Do-Thái, chữ Phạn đều có tính-cách hội-họa nhiều lắm. Nhưng lần lần chữ viết thoát ra ngoài hội-họa. Từ đây mỹ-thuật đã ra đời và đã chia ra làm hai ngành :

- 1) Một theo cái tai và quây-quần chung quanh tiếng nói.
- 2) Một theo con mắt mà chữ viết và hội-họa có công rất lớn.

Ngay từ buổi sơ-khai, người ta đã có tính thích xếp-đặt, thích hòa-hợp để sáng-tạo ra những cái đẹp hợp với lòng mình. Ngay từ bước đầu, thiên-tính bắt chước đã vượt qu. bởi trí sáng-tạo, nó có tự-nhiên như mọi cảm-tính khác. Bởi vậy ta không thể nói quả-quyết rằng nền mỹ-thuật nọ bởi nền mỹ-thuật kia mà ra.

Văn-hóa Việt-Nam trải qua bao thế-kỷ đã bị hai văn-hóa Trung-Hoa và Âu-Tây ảnh-hưởng rất sâu xa. Hội-họa Việt-Nam cũng vậy. Người ta tìm thấy nhiều di-tích ảnh-hưởng hội-họa Trung-Hoa ở các mộ-địa mà người ta thường gọi là mả tàu, thuộc đời nhà Hán từ 265 đến 589 sau Thiên-Chúa giáng-sinh và thuộc về đời nhà Thanh 618 đến 907, như mộ Lạc-Y ở Vĩnh-Yên, mộ Nghi-Vệ ở Bắc-Ninh, mộ địa cổ ở làng Yên-Biên Thanh-Hóa, những cách trang-trí hội-họa giống như mỹ-thuật-phẩm nhà Thanh-bèn-Tàu. Những di-tích về thành Cổ-I oa, thành Đại-La (địa-điểm trường đua ngựa cũ Hà-nội) có lối họa trang-trí giống như đời Tống, những tháp Bình-Sơn ở Việt-Trì, ở gò Kim-Tôn, những chùa Vạn-Phúc làng Phật-tích tỉnh Bắc-Ninh, chùa Côi ở Vĩnh-Yên đều theo một kiểu kiến-trúc và điêu-khắc giống hệt mỹ-thuật đời Tống. Mỹ-thuật của Việt-Nam chia ra làm bốn loại: Tôn-giáo, Đại-chúng, Chiến-tranh, và Tang-lễ. Những di-tích về mỹ-thuật tôn-giáo tìm thấy ở các chùa như chùa Ninh-Phúc ở Bút-Tháp, phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh. Những tượng phật Thích-Ca, Long-Thần, Hộ-Pháp, Bà La-Sát, ông Thiên-Lôi, Quan-âm, Ngọc-Nữ, Di-Lạc, những bát hương đủ các kiểu là những mỹ-thuật-

phẩm tôn-giáo có lối họa bắt-di bắt-dịch lưu-truyền từ đời này qua đời khác. Về loại tranh thờ ta thấy trước kia có bán ở các hàng Mã, các hàng bán tranh phố hàng Trống và phố hàng Mành ở Hà-Nội. Về loại mỹ-thuật đại-chúng ta thấy các kiểu chợ, quán, cầu, các tranh mộc-bản, gà, lợn, bán trong dịp Tết. Về loại mỹ-thuật chiến-tranh và quân-nhu thì ngoài những dấu tích kiến-trúc của các thành Đại-La, Cổ-Loa, Lũy-Lâu người ta còn thấy các kiểu họa, giáo, mác, áo giáp, chuỗi guơm, áo mũ của quân-đội. Sau hết về loại mỹ-thuật tang-lễ người ta tìm được nhiều di-tích ở những cổ mộ vua chúa như mộ vua Đinh-tiên-Hoàng ở núi Mã-yên-Sơn Hoa-Lư, vua Lê-thái-Tổ ở Lam-Sơn, Thanh-Hóa, mộ vua Lý-thái-Tổ ở Cổ-Pháp làng Đình-Bảng Bắc-Ninh. Muốn rõ những ảnh-hưởng trong hội-họa Việt-Nam, chúng ta cần phải biết rõ hội-họa Trung-Hoa ra sao. Thật ra hội-họa dân-tộc Trung-Hoa là một lối vẽ biểu-tượng, lấy nét bút điêu-luyện làm căn-bản. Người họa-sỹ Trung-Hoa vẽ theo những biểu-hiệu và những mẫu có sẵn của những cảnh vật mà họ coi như là những tượng-trưng của tư-tưởng. Hội-họa dân-tộc Trung-Hoa có bốn loại mà người ta thường biết là: Sơn-thủy, Nhân-vật, Hoa-điều, Thảo-trùng. Lối họa mà người Trung-Hoa thích nhất là lối họa Sơn-thủy. Người họa-sĩ Trung-Hoa vẽ phong-cảnh để tả nỗi lòng của mình, lối vẽ Mai, Lan, Cúc, Trúc, cũng là một lối được dùng đến rất nhiều; tuy không có nhiều sách dạy vẽ, người họa-sĩ Trung-Hoa làm việc với những dụng-cụ đơn-giản (giấy, mực, lụa, bút lông) trong một khuôn khổ chật hẹp của mấy nguyên-tắc bắt di bắt dịch. Sự ảnh-hưởng của các tôn-giáo, như Khổng-giáo, Phật-giáo và Lão-giáo không giúp cho hội-họa dân-tộc Trung-Hoa được phát-triển mạnh mẽ trên con đường sáng-tác. Người họa-sĩ Trung-Hoa xưa kia thường vẽ thuộc lòng mấy mẫu vẽ cổ-truyền, cho nên khi người xem tranh, xem một bức thì còn thấy thú-vị, nhưng khi xem cả một cuộc triển-lãm có hàng chục, hàng trăm bức, thì người ta có cái cảm tưởng bức nào cũng giống bức nào, cùng theo một lối vẽ thuộc lòng nhờ những từ-chương kinh-sách của Khổng-giáo. Hội-họa Việt-Nam chịu sự ảnh-hưởng ấy cũng chỉ đứng tại một chỗ không tiến thêm chút nào. Người ta chép đi chép lại mấy mẫu vẽ có sẵn, truyền đi truyền lại, từ bao đời bắt di bắt dịch.

Đến hồi Pháp thuộc, người ta đã nhận thấy những mỹ-thuật-phẩm đợm về lai-căng (métissage), nửa Tàu nửa Tây, do sự đưng

chạm của hai nền văn-hóa Âu-Á. Người ta đã được trông thấy bàn ghế đóng kiểu Lô-Y thập ngũ (Louis XV) mà lại chạm dây dưa, con giới chữ triện, theo lối Tàu, những vách dựa lưng khảm sà-cừ cây trúc chim sẻ, theo lối Nhật-Bản. Tình-trạng ấy xảy ra, bởi thời-cuộc và hoàn-cảnh xã-hội lúc bấy giờ. Mỗi phường có một ông Tổ-Sư, ví dụ như ông Lỗ-Ban là tổ-sư phường đồ gỗ. Ở Hà-Nội cũ, người ta cũng đã thấy những người cùng một phường hội họp nhau ở cùng một phố, ví-dụ như phố Hàng Bạc của phường thợ làm đồ nữ-trang vàng-bạc, phố Hàng Khay của phường thợ làm đồ sà cừ, phố Hàng Trống của phường thợ thêu, phố Hàng Hòm của phường thợ làm đồ gỗ, phố Hàng Gai của phường thợ sơn, vân vân... Mỗi phường làm việc theo kỹ-thuật và tinh-thần riêng của nghề. Người thợ tiểu-công-nghệ phải làm việc theo qui-tắc chuyên-môn của nghề và của phường, vì vậy mà những mẫu họa với tinh-thần mỹ-thuật được bảo-tồn và lưu-truyền mãi cùng với cá-tính dân-tộc Việt-Nam. Trong hồi đầu của thời Pháp thuộc, có lẽ vì lý-do an-ninh và chính-trị mà những người cùng một phường không được tự-do tụ-tập hành nghề cùng một chỗ để nghề-nghiệp dần dần tan rã, vì xa phường mỗi người hoạt-động theo ý riêng của mình, nên tiểu công-nghệ chịu ảnh-hưởng lai-cãng.

Đến khi trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Đông-Dương ở Hà-nội ra đời, dưới sự hướng-dẫn của họa-sư lão-thành, Victor Tardieu, nền Mỹ-thuật Việt-Nam với ảnh-hưởng của văn-hóa Âu-Tây, dần dần đổi hướng, mở ra một kỷ-nguyên mới. Ông Victor Tardieu được giải-thưởng về hội-họa (Prix d'Indochine), có sang thăm Việt-Nam và có nhận thấy người Việt-Nam có tài vẽ cốp (copistes) nên ông có sáng-kiến xin phép chính-phủ Pháp lập ra trường Cao-Đẳng Mỹ-thuật Đông-Dương tại Hà-nội (Ecole des Beaux Arts d'Indochine) vào năm 1925. Ở đây, chúng tôi cần phải đánh một dấu ngoặc để nhận rằng trước ông Tardieu, trường Mỹ-nghệ Gia-Định đã được ông kỹ-sư Công-chánh André Joyeux sáng-lập ra ở Nam-Việt từ năm 1913 nghĩa là 12 năm về trước. Người Pháp đã để ý sưu-tầm và bảo-tồn những mỹ-thuật-phẩm cổ-truyền của ta bằng cách lập ra nhà bảo-tàng Blanchard de la Brosse từ tám mươi năm nay. Đến năm 1900 ông toàn-quyền Paul Doumer đã cho thành-lập trường Viễn-Đông Bắc-Cổ (Ecole Extrême-Orient) để sưu-tầm tài-liệu bắc-cổ và bảo-tồn những mỹ-thuật-phẩm cổ-truyền Việt-Nam. Từ đó những đình chùa đều được trường này gìn-giữ và xếp-đặt

theo từng loại và từng kiểu. Rồi viện bảo-tàng Louis-Finot cũng được xây-dựng vào năm 1920 cùng chung một mục-dịch nói trên. Dần dần tại các nơi khác, người Pháp cũng lập nên những bảo-tàng-viện như Musée Parmentier ở Tourane, Musée Albert Sarraut ở Phnompengh, Sở Conservation d'art du Laos ở Vientianne, Musée de Khải-Định ở Huế. Sự thành-lập trường Cao-Đẳng Mỹ-thuật Hà-nội được coi như một công-nghiệp của ông Victor-Tardieu. Ông Tardieu mà người ta thường gọi là cụ Tạc, đã gặp rất nhiều khó-khăn trong việc lập-trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật và việc duy-trì trường đó. Thật ra lúc đầu trường Mỹ-Thuật chỉ là cái xưởng bỏ không của sở Hỏa-Xa ở phố Reinach (Trần-quốc-Toản). Ông Tardieu lúc sau còn sáng-lập ra hội Việt-Nam Mỹ-Thuật kỹ-nghệ.

Hội đó về sau được ông Charles de Lacollonge chỉ-huy. Năm 1936 cụ Tạc gặp ông Lê-văn-Đệ ở Paris muốn phó-thác trường cho học trò cụ đã thành-tài, ý muốn thực-hiện câu châm-ngôn : « Tiên tri, giác hậu tri, tiên giác, giác hậu giác ». Năm 1937 ông thọ bệnh và mất đi, sau ông Tardieu thì có những ông Jonchère, Inguimberty, Tô-ngọc-Vân tiếp kế điều-khiển trường Mỹ-thuật. Tôn-chỉ của trường này là dung-hợp tự nhiên với truyền-thống khiến học-sanh phải quan-sát và biểu-diễn tự-nhiên theo những nguyên-tắc mỹ-họa phổ-thông của loài người để phát-triển những tinh-thần đặc-biệt của nghệ-thuật Việt-Nam và Đông-phương.

Học-sinh phải lĩnh-hội cái đẹp của nghệ-thuật và phải hiểu rằng nó vốn có quan-hệ mật thiết với mình.

Chương-trình học của trường Mỹ-Thuật Hà-nội được chia ra làm 5 năm. Năm đầu, ngoài những môn học lý-thuyết như nhân-hình học (anatomic), sử-ký mỹ-thuật quốc-tế và Âu-Tây, sử-ký mỹ-thuật Đông-phương, khảo-cổ họa (relevé d'archéologie), kiến-trúc (architecture), thẩm-mỹ học (esthétique) văn-chương mỹ-thuật (littérature de l'art), các học-sinh được học thực-hành lối vẽ truyền chân (dessin à vue) lối vẽ khỏa thân (académie) phối-cảnh họa (perspective) và trang-trí (décoration). Mỗi ngày thì buổi sáng vẽ than (fusain) vẽ truyền chân và khỏa thân, buổi chiều vẽ trang-trí bằng một màu (gouache). Trong môn trang-trí này học-sinh được học :

a) Trang-trí trong nhà (décoration intérieur), vẽ đồ mộc (kiểu Việt-Nam, kiểu Tàu, kiểu Pháp), đồ khảm, đồ thêu đồ chạm trổ.

b) Trang-trí tiểu-công-nghệ về hàng ren (dentelle, Broderie blanche), đan mây (vannerie) nặn và khắc.

c) Trang-trí về sân-khấu, phối-cảnh họa đường bóng ngả.

Về vẽ trang-trí đại-cương thì học-sinh được học vẽ màu sắc và cách hòa-hợp màu sắc (harmonie de couleur) sắc độ (ton), phân-biệt màu nóng, màu lạnh (ton chaud, ton froid), cách xếp khoảng màu (tache) bố cục (composition) cách xếp đặt nét vẽ và hướng đi của nét vẽ (jeux de lignes) vẽ theo hình-học (dessingéométrique) vẽ biến-chế một hình thật ra hình mẫu trang-trí (stylisation), sưu-tầm tài-liệu ở các bia mộ, chùa chiền cũ để rập lấy mẫu hoặc lấy tài-liệu ở các bảo-tàng (documentation) học pha màu từng đợt (gamme de couleurs) về môn điêu-khắc, chương-trình của học-sinh trong năm đầu : sáng vẽ than như bên họa, chiều nặn (modelage), còn những năm thứ hai, thứ ba thì học chuyên về trang-trí điêu-khắc và vẽ tượng.

Năm thứ hai, chương-trình cũng như năm thứ nhất. Sáng vẽ khóa thân bằng sơn dầu, chiều vẽ phong-cảnh bằng sơn dầu hay bột màu, có thêm ít sơn mài và khắc gỗ mộc-bản (Estampe), lối này là lối vẽ tranh Tết (gà, vịt, lợn, mèo) trước kia dùng để in kính, chỉ có nét khắc in đen còn màu thì bôi sau bằng tay, lối khắc trên gỗ (gravure sur bois) có nhiều mỹ-thuật hơn. Về môn vẽ tranh sơn mài chỉ áp-dụng từ đời ông Inguimberty trở đi. Lối vẽ sơn mài này xuất hiện là do sự khảo-cứu chung của học-sinh trong trường và mấy người thợ sơn dưới quyền điều-khiển của ông Inguimberty. Trước kia người Việt-Nam cũng có biết một thứ vẽ sơn gọi là sơn then dùng để làm hoành-phi câu đối. Người Nhật cũng có vẽ sơn nhưng thật ra chỉ là lối vẽ sơn phủ dầu lên trên. Theo như ý-kiến của ông Trần-dzu-Hồng (một họa-sĩ chuyên về sơn mài) thì những tranh sơn mài Việt-Nam là một mỹ-thuật-phẩm đặc-biệt Việt-Nam, nước khác không có, vì nguyên-liệu là thứ sơn sống lấy ở cây sơn, chỉ mọc ở miền thượng-du Việt-Nam. Những người ngoại-quốc muốn làm sơn mài cũng phải mua nguyên-liệu của Việt-Nam. Ông Trần-dzu-Hồng cho biết rằng nhờ trường Mỹ-Thuật Hàn-đội mới có sơn mài Việt-Nam hiện-tại. Trong môn học sơn mài, học-sinh phải học pha sơn, phân-chất sơn để biết sơn nhất, sơn nhì và sơn ba, đánh sơn, hom bó nghĩa là gỗ đem bó vôi sô mỏng với sơn sống nhiều lần rồi phết hom lên trên (đặt thố mùn cửa tròn với sơn) để mặt bức tranh được phẳng và khi ngâm nước không cong hoặc co dãn, làm cho bức tranh được bền lâu dài.

Năm thứ ba, chương-trình cũng như trên nhưng học-sinh thêm môn bổ-cục (composition) để làm ba loại bổ-cục vẽ sơn mài, sơn dầu và lụa (grande composition). Học-sinh phải vẽ một bức họa lấy theo hiện-thực rồi khi về tới họa-thật làm ra một khảo-án họa (étude) bằng bút chì hay bằng than (fusain), sau khi đã làm xong công việc bổ-cục mới vẽ lụa hoặc làm sơn mài.

Năm thứ tư thì chương-trình khó hơn, học-sinh phải đi vẽ ở ngoài trời từng nửa tháng hoặc một tháng một lần ở các miền thượng-du, Sơn-Tây, Thạch-Thất, Hòa-Bình, các chùa-chiền lãng-tắm hoặc các cảnh xã-hội.

Năm thứ năm được dành để sửa-soạn cho sinh-viên thi ra trường. Bài thi gồm có một bức tranh sơn, một bức tranh lụa và một bức sơn mài.

Kết-quả của trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Đông-Dương tại Hà-nội là đã đào-tạo ra một số họa-sĩ có tài.

Những họa-sĩ tốt-nghiệp từ năm 1930 đến năm 1944 cả thảy có 97 người, trong đó có chừng 37 họa-sĩ theo nghề, 24 người sống một đời độc-lập của nghệ-sĩ và 12 người được chính-phủ bổ đi làm giáo-sư và công-chức.

Nhiều cuộc triển-lãm về hội-họa đã được tổ-chức để phô-diễn tài-nghệ của các họa-sĩ trên đây. Cuộc triển-lãm đầu tiên tổ-chức tại trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Hà-nội cũ thật ra chỉ là sự trình-bày các họa-phẩm của các sinh-viên mấy lớp đầu tiên.

Sau khi ông Tardieu mất đi thì trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật được các ông Jonchère, Inguimberty, lần lượt điều-khiển cho đến ngày 9 tháng 3-1945 đảo-chính Nhật. Ông Inguimberty còn điều-khiển trong năm tháng rồi giao trường cho Ông Nam-Sơn trông nom cho đến thời kỳ Việt-Minh. Đến khi Việt-Minh cầm quyền, một sinh-viên dự-thính trường Mỹ-Thuật là Phan-kế-An lên chiếm giữ trường ấy bốn tháng rồi mới giao cho họa-sĩ Tô-ngọc-Vân. Lúc ấy có một số họa-sĩ như Trần-văn-Cẩn, Nguyễn-đỗ-Cung, Lương-xuân-Nhị, Nguyễn-thị-Kim, Trần-văn-Thọ, Nguyễn-sĩ-Ngọc, Phạm-văn-Đôn, vân vân..., lập một ủy-ban hội-họa tuyên-truyền.

Đến ngày tác-chiến 19 tháng 12 năm 1946, trường Mỹ-Thuật cùng ban kịch thanh-niên lên Thái-Nguyên Phú-Thọ đổi

tên là trường Nhân-Dân Mỹ-Thuật. Trong thời kỳ đó lối khắc gỗ và in thạch-bản đem áp-dụng làm tranh tuyên-truyền.

Đảng Cộng-Sản đã sử-dụng Mỹ-Thuật làm một lợi-khí tuyên-truyền. Họ lập ra các lối vẽ tuyên-truyền bình-dân như vẽ tranh Tứ-Bình gọi là tranh Truyện, có thứ tranh màu sặc-sỡ, vẽ gà vịt dùng cho nông-thôn, có những lối vẽ điển-hình hí-họa tuyên-truyền. Một phòng triển-lãm Việt-Minh có độ một trăm bức tranh, được chia ra làm ba dãy tuyên-truyền, mỗi lần cho bốn mươi người vào xem để giảng-giải tuyên-truyền để người xem tranh ai ai cũng phải hiểu và thuộc, rồi mới cho bốn mươi người khác vào xem, cứ thế lần lượt.

Từ hồi tác-chiến, vùng Pháp thuộc Bắc-Việt không tái-lập trường Mỹ-Thuật nữa, tuy họa-sĩ Nam-Sơn nhiều lần cũng đã có ý muốn xin tái-lập trường đó tại Hà-nội. Đến năm 1955, dưới sự lãnh-dạo của Thủ-Tướng Ngô-dinh-Diệm, trường quốc-gia Cao-Đẳng Mỹ-Thuật được thành-lập, do họa-sư Lê-văn-Đệ làm giám-đốc. Chương-trình học của trường quốc-gia Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Gia-Định hơi khác với chương-trình của trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Đông-Dương cũ ở Hà-nội. Hiện nay ở Gia-Định, học-sinh học một năm dự-bị và bốn năm chính-thức gồm có ba phần học về mỹ-thuật phổ-thông và một phần học chuyên hướng. Có nhiều học-sinh không theo học lớp dự-bị cũng có thể thi vào trường học các lớp chính-thức. Ở lớp dự-bị, người ta đã giảng dạy những môn họa sau đây :

- Vẽ phỏng-họa (dessin à vue)
- Vẽ khóa-thân (Dessin académique)
- Vẽ trang-trí (Décoration)
- Vẽ chuẩn-hoa (Croquis côtés)
- Vẽ kẻ nét (Dessin graphique)
- Vẽ phối-cảnh (Perspective)
- Vẽ khảo-học (étude documentaire)

Trong ba năm đầu, trường dạy về Mỹ-thuật phổ-thông (Culture générale des Beaux-Arts) cũng giống như ở trường Mỹ-Thuật Hà-Nội :

- Năm đầu vẽ than (fusain)

Năm thứ hai vẽ bột màu (gouache)

Năm thứ ba vẽ sơn dầu (peinture à l'huile)

Môn kiến-trúc hiện giờ được tách riêng ra thành một trường Quốc-Gia Cao-Đẳng Kiến-Trúc thuộc Bộ Giáo-dục. Năm thứ tư là năm chuyển hướng, học-sinh được tùy ý chọn theo học một trong ba ngành sau đây :

1) Ngành giáo-sư hội-họa (Professeur de Dessin)

Các sinh-viên tốt-nghiệp sẽ được bổ đi dạy vẽ ở các trường. Trong ngành này có ban truyền-bá mỹ-thuật trong các trường học (Section de Vulgarisation artistique dans les écoles).

2) Ngành mỹ-nghệ để đào-tạo những huấn-luyện-viên chuyên môn về tiểu-công-nghệ. Các sinh-viên tốt-nghiệp có trách-nhiệm nâng cao trình-độ mỹ-thuật trong các tiểu-công-nghệ.

3) Ngành mỹ-thuật thuần-túy để đào-tạo những họa-sĩ chính-thức (Beaux-Arts proprement dits). Trong ngành này các sinh-viên được vào học trong những họa-thất (ateliers) dưới sự hướng-dẫn của các giáo-sư quốc-gia và quốc-tế. Riêng về ngành mỹ-thuật thuần-túy có các môn hội-họa và điêu-khắc. Trong môn hội-họa, sinh-viên được học vẽ :

Sơn mài (laque), vẽ lụa (peinture sur soie), vẽ sơn dầu (peinture à l'huile), vẽ bích-hoa trên tường ướt (fresque) vẽ thạch-bản (lithographie), vẽ trang-trí (décoration) : vẽ đồ gỗ, vẽ thảm (tapis), vẽ sân khấu (théâtre) vẽ vải (éttoffe) vẽ giấy in (papiers peints). Trong môn điêu-khắc, các sinh-viên được học :

Nặn (modelage), đục đá (sculpture), khắc gỗ (gravure sur bois) đúc khuôn (moulage) vân vân...

Nhân tiện đây chúng tôi xin nói qua về chương-trình học của các trường Mỹ-Nghệ mà trong đó trường Mỹ-Nghệ Gia-Định là một khuôn mẫu. Chương-trình học có bốn năm (theo nền Trung-học phổ-thông). Học-sinh ít nhất phải mười bốn tuổi và phải có bằng tiểu-học (certificat d'études primaires). Học-sinh phải thi vào lớp dự-bị bằng một bài thi vẽ phông-họa (dessin à vue) và một bài thi vẽ trang-trí (décoration). Bốn năm học theo chương-trình được chia làm một năm dự-bị và ba năm chuyên-môn. Cuối mỗi năm có thi lên lớp (examen de passage), học-sinh nào kém vừa thì được học lại một năm (redoubler), còn học-sinh nào kém quá bị loại ra khỏi trường.

Ở lớp nhất (lớp dự-bị) học-sinh được học những môn sau đây :

- Phông-họa (dessin à vue)
- Trang-trí (décoration)
- Chuồn-họa (croquis cotés)
- Vẽ kẻ nét (dessin graphique)
- Phối-cảnh (perspective)
- Khảo-họa (étude documentaire)

Cuối năm dự-bị tùy khả-năng từng người, mỗi học-sinh được vào học một trong ba ban sau đây :

- Ban trang-hoàng
- Ban ấn-loát và thạch-bản
- Ban nhà cửa

Ví-dụ : học-sinh nào giỏi kẻ nét thì vào học ban nhà cửa (section Bâtiments), học-sinh nào có nét sắc-sảo (précision) thì vào học ban ấn-loát và thạch-bản (lithographie) còn học-sinh nào giỏi vẽ màu sắc thì vào học ban trang-hoàng.

Trong ban trang-hoàng học-sinh được học vẽ quảng-cáo trên giấy, trên gỗ để làm « panneaux routiers » các cửa hàng (devantures) vẽ báo-chí, minh-họa (illustration) bích-chương (affiches) panneaux décoratifs, panneaux laques. Hiện nay trong ban này, học-sinh được vẽ thêm tranh họa thuẫn-túy, (tableau de chevalet) vẽ lụa : sơn dầu và bôi màu. Trong ban thạch-bản học-sinh được học vẽ ấn-loát trên đá, gỗ và đồng. Ban này đào-tạo ra những người chuyên-môn về thạch-bản, sau khi tốt-nghiệp, có thể điều-khiển được một công xưởng, một nhà in. Học-sinh còn được học khắc đá (gravure sur pierre). Trong ban nhà cửa, học-sinh học làm nhà (kiến-trúc). Họ sẽ trở nên họa-viên (dessinateurs des bâtiments) để phụ-giúp các Kiến-trúc-sư. Họ để tính-toán (calculer) nhưng họ không được ký vào các kiểu nhà. Xem như vậy mỗi ban được học ba năm. Ngoài những phần về chuyên-môn, học-sinh được học những phần phổ-thông (culture générale) như Việt-văn, Pháp-văn, toán, khoa-học, kế-toán (Comptabilité), thể-thao vân vân...

Trường Mỹ-Nghệ lại có một hội-đồng cố-vấn gồm có các ông chủ nhà in, chủ hiệu đồ gỗ (ameublement), kiến-trúc-sư, các đại-diện các công-sở (địa-dư, công-chánh, địa-chánh vân vân.....) Các học-sinh tốt-nghiệp một số vào làm việc trong các công-sở như

địa-chánh, công-chánh, địa-dư của chánh-phủ; một số vào làm việc trong các hãng tư: nhà in tư, hãng đồ gỗ, hãng quảng-cáo, các nhà kiến-trúc, hãng cao-su vân vân..., và một số ra kinh-doanh tự-do như vẽ báo, vẽ quảng-cáo, mở hiệu đồ gỗ, hay lãnh công việc của các kiến-trúc-sư về nhà làm.

Trong số những học-sinh tốt-nghiệp có nhiều người có tài đã được trường Mỹ-Nghệ xin chính-phủ cấp học-bổng (bourses) sang ngoại-quốc theo học ở các trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật như Ecole des Arts Décoratifs, Ecole des Beaux-Arts, Ecole des Hautes Etudes d'architecture, Ecole de Baule, Ecole Estienne. Hiện nay có ba học-sinh theo học ở Ecole des Arts Décoratifs tại Paris, ba học-sinh học Ecole des Beaux-Arts de Paris và hai học-sinh học Architecture ở Paris.

Cuộc triển-lãm chính-thức đầu tiên ở ngoại-quốc của các sinh-viên đã tốt-nghiệp trường Mỹ-Thuật là cuộc triển-lãm Đẩu-xảo thuộc-địa tại Vincennes Paris (Exposition Coloniale de Paris) năm 1931. Cuộc triển-lãm này là một sự thành-công của trường Mỹ-Thuật Hà-nội. Người ta chú-ý đến những bức tranh lụa của ông Nguyễn-phan-Chánh. Các báo-chí ở Paris hồi đó và nhất là nhà phê-bình mỹ-thuật Léandre Vaillat, đã phải công-nhận rằng những bức tranh lụa của họa-sĩ Nguyễn-phan-Chánh là những họa-phẩm tuyệt-tác, màu sắc và bố-cục được nhiều dân-tộc-tính. Họ đã nói rằng ông Nguyễn-phan-Chánh đã sáng-tạo ra hội-họa Đông-Dương vì trước ông, hội-họa Đông-Dương hình như không có.

Ngoài ông Nguyễn-phan-Chánh ra còn có các họa-sĩ có tên sau đây đã được giới văn-nghệ Pháp rất chú-ý: ông Nam-Sơn, Lê-văn-Đệ, Lê-Phổ, Mai-trung-Thứ, Công-văn-Trung, Tô-ngọc-Vân, Vũ-cao-Đàm và bà Lê-thị-Lựu một nữ họa-sĩ đầu tiên của nước Việt-Nam.

Sau cuộc triển-lãm này, kế tiếp đến các cuộc triển-lãm quốc-tế khác nhau như cuộc triển-lãm La-Mã (Rome) năm 1932, trong đó họa-sĩ Lê-văn-Đệ đã được giới văn-nghệ-sĩ quốc-tế rất chú-ý. Năm 1934 có cuộc triển-lãm quốc-tế Milan và Naples (Ý-Đại-Lợi), năm 1935 hội Mỹ-Thuật và Mỹ-Nghệ Việt-Nam do ông Tardieu sáng-lập đã tổ-chức một cuộc triển-lãm ở từng lầu Collège Paul-Bert cũ (Hà-nội) trong đó có trưng-bày các họa-phẩm của họa-sĩ: Lê-Phổ, Mai-trung-Thứ, Nguyễn-tường-Lân, Lương-xuân-Nhị, Trần-văn-Cần, Tôn-thất-Đàm, Nguyễn-gia-Trí, Nguyễn-văn-Anh. Năm 1935 Việt-Nam có tham-dự cuộc triển-lãm Bruxelles. Năm 1936 hội Việt-Nam Mỹ-

Thuật và Kỹ-Nghệ có tổ-chức một cuộc triển-lãm tại Auto-Hall Bainier Hà-nội. Năm 1937 có cuộc triển-lãm tại Viện Bảo-Tàng Maurice Long Hà-nội, cũng năm ấy Việt-Nam có dự hai cuộc triển-lãm quốc-tế San-Francisco và Paris. Năm 1941 có cuộc triển-lãm hội-họa, trong đó có các họa-sĩ: Nguyễn-đỗ-Cung, Nguyễn-văn-Ty, Trần-văn-Cẩn, Nguyễn-Khang, Lương-xuân-Nhị, Nguyễn-Huyền, Nguyễn-đức-Nùng, Lưu-văn-Sìn, Trần-văn-Thọ, Nguyễn-tiến-Trình, Nguyễn-văn-Giáo. Năm 1942, có cuộc triển-lãm tại viện Bảo-Tàng Maurice Long, cũng năm đó có hai cuộc triển-lãm nữa, một ở Saigon của hai họa-sĩ Nguyễn-văn-Mười và Nguyễn-cao-Thương, hai ở Hà-nội tại phòng hội khai-trí Tiến-Đức, trong đó họa-sĩ Nguyễn-văn-Ty trình-bày sơn mài V. N. lần đầu tiên để đánh dấu một kỷ-nguyên mới trong kỹ-thuật của hội-họa Việt-Nam. Năm 1943 có cuộc triển-lãm ở Hội Khai-trí Tiến-Đức Hà-nội gọi là Salon Unique trong đó hai họa-sĩ Trần-dzu-Hồng và Nguyễn-tử-Nghiêm được giải-thưởng (Lauréats du Salon). Cuối năm 1943 có cuộc triển-lãm tại hội-chợ Saigon. Năm 1944 Việt-Nam có dự hội-chợ Tokyo. Cũng năm đó ở bảo-tàng Louis Finot có cuộc triển-lãm tranh Phật của họa-sĩ Công-văn-Trung. Năm 1946 hai họa-sĩ Nguyễn-đình-Cường, Phạm-huy-Nhung đã trưng bày tranh tại phòng hội Khai-Trí Tiến-Đức. Năm 1949 có cuộc triển-lãm của bốn họa-sĩ: Trần-dzu-Hồng, Văn-Thọ, Phạm-Ninh và Vũ-văn-Thu. Năm 1950 một Salon của các họa-sĩ như Tạ-Ty Nguyễn-tiến-Chung, Nguyễn-Huyền, Đình-Minh, Dzu-Hồng. Cũng năm đó Việt-Nam có dự triển-lãm Vatican (La-Mã). Năm 1951 có cuộc triển-lãm Văn-Thọ ở phòng Thông-Tin Pháp; của Tạ-Ty tại hội Khai-Trí Tiến-Đức và của Nguyễn-văn-Thịnh tại nhà Thủy-Tạ Bồ Hồ. Cũng năm 1951 ở Saigon có cuộc triển-lãm của hai họa-sĩ Đình-Minh và Phạm-Ninh. Năm 1952 ở Hà-nội có những cuộc triển-lãm: Văn-Xương ở nhà Hát lớn và của Nguyễn-Huyền tại phòng Thông-Tin Pháp. Ở Saigon có những cuộc triển-lãm hội-họa của Dora-Rosine tại Hotel Continental, của Trần-minh-Thị (Lê-Thy) và Trần-minh-Thơ tại nhà Hát lớn; của Sara-Farhi ở Hotel Continental, của Rembran Hồ-tấn-Thuận tại Hotel Continental; của hội-họa Pháp tại Tòa Đô-Sảnh; của Tô-văn-San; của các giáo-sư trường Mỹ-Nghệ Gia-Định: Lưu-đình-Khai, Nguyễn-văn-Anh, Nguyễn-văn-Long. Năm 1953 có cuộc triển-lãm của Trần-văn-Thọ và Trần-phúc-Duyên ở Phòng Thông-Tin Pháp, của các học-sinh của hai họa-sĩ Lương-xuân-Nhị và Nguyễn-tiến-Chung tại Hội Trí-Tri

Hà-nội, Tại Saigon có những cuộc triển-lãm của: Trần-văn-Hà (tháng giêng) của Tú-Duyên (tháng ba); của Nguyễn-Huyền (tháng năm); của Thuận-Hồ và của Trần-Hà (tháng bảy) của Đinh-Minh (tháng tám); của Hoàng-Ngọc và Phạm-Tú (tháng chín); của bốn ông Văn-Lang, Văn-Hoa, Nguyễn-Tú, Thái-văn-Ngôn (tháng mười); của Lê-Thy (tháng mười một) và Đinh-Minh (tháng một). Năm 1954 ở Saigon có những cuộc triển-lãm sau đây: Salon d'Été, Văn-Đen, hội-họa quốc-tế Unesco, Hồ-thị-Linh và Mạnh-Trần. Cũng năm đó ở Hà-nội có những cuộc triển-lãm: Hoàng-lập-Ngôn, Văn-Liễn, Duy-Thanh, Ngọc-Dũng và Lê-kính-Hòa, Tú-Duyên. Năm 1955 ở Saigon có những cuộc triển-lãm: Salon des Beaux-Arts de l'Alliance Française 1955; triển-lãm hội-họa của Bộ Thông-Tin; triển-lãm Thuận-Hồ; Salon 1955; triển-lãm Tai-wan-Kiun (Trung-Hoa); triển-lãm Jaques-Halpern. Năm 1956 ở Saigon có những cuộc triển-lãm Lê-Thy; Paul Nougarede; Jacqueline Hà-văn; Ngọc-Dũng và Duy-Thanh; André Maitre; Đoàn-Giáp; Tú-Duyên; Duy-Thanh; Văn-Đen và Văn-Thọ; Ưng-Sao; Thuận-Hồ; Hội Văn-hóa Việt-Nam. Ngoài những phòng triển-lãm thường-xuyên đề gồm của trường Mỹ-Nghệ Biên-Hòa; đồ gỗ và sơn-mài của trường Mỹ-Nghệ Thủ-dầu-Một ở Saigon còn nhiều nhà bán tranh và đồ dùng sơn mài kèm với một số ít tranh lụa và tranh sơn dầu.

3) Đường lối của hội-họa Việt-Nam:

Trong cuộc hội họp lần cuối cùng ngày 18-12-1956, một số đông các họa-sĩ thủ-đô và các tỉnh đã thảo-luận rất sôi nổi về vấn-đề đường lối hội-họa Việt-Nam, và đề-nghị Hội-họa Việt-Nam cần phải:

- 1) — Phục-vụ dân-tộc.
- 2) — Hướng-dẫn quần-chúng và đề-cao nhân-vị.

Ủy-ban thuyết-trình chúng tôi cũng đồng-ý theo hai điểm trên.

Đã gọi là mỹ-thuật, hội-họa bao giờ cũng hoạt-động phù-hợp với lòng yêu Chân, Thiện, Mỹ của con người. Cái gì đã làm nảy nở được cái đẹp ở trong tâm-hồn của con người sẽ tự nhiên ảnh-hưởng vui vẻ vào đời sống của dân-tộc nói riêng và nhân-loại nói

chung. Từ sự đề-cao nhân-vị, hội-họa cùng âm-nhạc xây-đắp nền hạnh-phúc của dân-tộc và của nhân-loại. Sự phục-vụ dân-tộc của hội-họa là một hành-vi tự-nhiên của nó và của những người biết dùng nó. Hội-họa Việt-Nam đã tìm hiểu vai trò của mình. Cái đẹp, cái chân, cái thiện của chủ-nghĩa tự-do dân-chủ sẽ chiến-thắng để đập đổ hết cái xấu, cái giả, cái ác của chủ-nghĩa vô nhân-đạo, của thực-dân và cộng-sản độc-tài. Hội-họa Việt-Nam, phải đảm-nhiệm lấy trọng-trách hướng-dẫn quần-chúng trong sự xây-dựng Độc-Lập, Thống-Nhất quốc-gia. Người họa-sĩ chân-chánh phải hoạt-động theo đúng đường lối cao quý nói trên, để tôn-trọng và đề-cao nhân - phẩm. Hành-vi hay hoặc dở của một người hay của một nhóm người sẽ ảnh-hưởng sâu xa đến đời sống và hạnh-phúc của cả một dân-tộc. Trong sự trao đổi văn-hóa giữa các quốc-gia trên thế-giới, sự hoạt-động của một dân-tộc sẽ ảnh-hưởng đến đời sống tinh-thần và vật-chất của cả nhân-loại. Đúng trước tương-lai của dân-tộc và của nhân-loại, hội-họa Việt-Nam nói riêng, và hội-họa quốc-tế nói chung, sẽ liên-kết mật thiết, trong đời sống thanh-bình của nhân-loại, để nâng cao nhân-vị, trong ý-chí mạnh-mẽ.

4) Kế-hoạch xây-dựng cho hội-họa Việt-Nam.

Theo buổi họp các họa-sĩ thủ-đô và các tỉnh ngày 18-12-56 nói trên, vấn-đề kế-hoạch sẽ được đem thảo-luận trong một phiên họp sau.

Nhưng ở đây, ủy-ban thuyết-trình chúng tôi cũng xin phép đề-nghị tạm thời, một vài ý-kiến xây-dựng. Trước những công cuộc tổ-chức đã sẵn có để phát-triển và phổ-biến nền hội-họa Việt-Nam hiện đại, như mấy trường quốc-gia Cao-Đẳng Mỹ-Thuật, các trường Mỹ-Nghệ thực-hành Gia-Định, Biên-Hòa và Thủ-dầu-Một, chúng tôi thiết nghĩ một sự giáo-dục hội-họa trong quần-chúng cần được tổ-chức một cách rộng-rãi hơn. Như chúng tôi đã trình-bày ở trên, mỗi trường chính-thức của hội-họa như trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Hà-nội, mỗi năm chỉ đào-tạo được năm bảy họa-sĩ tốt-nghiệp. Như vậy số họa-sĩ đối với một dân-số hai mươi nhăm triệu kể là rất ít. Ở một nước như nước Pháp theo một cuộc điều-tra mới nhứt hiện giờ, nước Pháp có tám trăm ngàn (tám mươi vạn) họa-sĩ trong đó có bốn mươi nhăm ngàn người lấy hội-họa làm kế sinh-sống.

Riêng ở Paris đã có hai mươi ngàn họa-sĩ; ở thế kỷ thứ mười tám đã có hai mươi nhăm ngàn họa-sĩ nhà nghề rồi.

Những con số vĩ-đại đó đã bắt ta phải đặt câu hỏi: tại sao nước người nhiều họa-sĩ đến thế? Chúng tôi xin trả lời ngay rằng ngoài các trường Mỹ-Thuật quốc-gia chính-thức và bán chính-thức, mỗi tỉnh có rất nhiều trường dạy họa trong giờ và ngoài giờ làm việc (buổi sáng sớm một giờ trước khi vào sở, buổi tối sau bữa cơm). Lại còn rất nhiều trường dạy vẽ bằng lối hàm-thụ. Người ta lại thấy có những họa-thất (académies) để cho mọi người đến vẽ trong một hoàn-cảnh và không-khí thuận-tiện với sự giảng dạy của những họa-sĩ có tiếng như Andre-Lhote, Ferdinand Léger, tại họa-thất La Chaumière xóm Montparnasse ở Paris. Đây là không kể những cuộc thảo-luận sôi nổi về hội-họa của các họa-phái tại những quán cà-phê Flore, Les Deux-Magots, vân vân... phố Saint Germain des Prés. Ta còn thấy hàng trăm phòng triển-lãm thu-động-trực ở Paris ngoài những phòng triển-lãm chính-thức của chính-phủ Pháp ở Tuileries, ở Orangeries, ở Musée d'Arts Moderne, ở Palais Chaillot vân vân, và những viện bảo-tàng Musée du Louvre, Musée de l'Homme, Musée d'Arts d'Extrême Orient, Musée d'Arts Modernes, những cuộc triển-lãm quốc-gia và quốc-tế Salon d'Automne, Salon des Artistes Indépendants, Salon des Artistes Français cùng nhiều Salon khác, ví dụ Salon de la Médecine, Salon des Cheminots, vân vân. Riêng một Musée du Louvre trong đó có những tác-phẩm hội-họa quý nhất thế-giới, người ta phải để một tháng gởi mới xem hết được. Chúng tôi mong mỗi mỗi tỉnh sẽ có một trường dạy vẽ. Saigon có thể có nhiều trường dạy vẽ bán chính - thức, trong đó học-sinh có thể đến học theo giờ của mình được. Một vài họa-thất rộng-rãi cũng cần để cho học-sinh hay họa-sĩ đến làm việc không phải giả tiền học giả tiền chút ít. Chúng tôi lại mong muốn một sự thành-lập những phòng triển-lãm thường-trực để tuần nào cũng ít nhất một hai cuộc triển-lãm và cần luôn luôn tổ-chức những cuộc triển-lãm do chính-quyền bảo-trợ để nâng đỡ tài-nghệ và khuyến-kích trí thi-đua trong công cuộc tìm tòi và sáng-tác của họa-sĩ. Những cuộc triển-lãm lưu-động các tỉnh sẽ theo đuổi hai mục-đích: truyền-bá hội-họa và hướng-dẫn nhân-dân. Những cuộc tổ-chức để nói chuyện về hội-họa trong xã-hội, và trong các trường học cũng là những việc rất cần-thiết cho sự nâng sao trình-độ văn-hóa của dân-tộc. Chúng

tôi đề-nghị nên lưu-ý kíp lập một bảo-tàng cho mỹ-thuật-phẩm hiện-đại (Musée d'Arts Modernes Vietnamiens) để lưu-trữ những mỹ-thuật-phẩm như tài-liệu văn-hóa của một thời-đại. Khi đã có nhà bảo-tàng rồi, mỗi lần có cuộc triển-lãm, chính-phủ sẽ chọn mua một tác-phẩm để ghi dấu vết cho lịch-trình tiến-triển của nền mỹ-thuật.

Hiện giờ, chúng tôi thấy rằng ở đây thiếu vật-liệu và dụng-cụ cho các họa-sĩ, các hội văn-hóa Việt-Nam cần tổ-chức những hợp-tác-xã để trữ thuốc và vật-liệu bán rẻ và bán dần dần cho anh em họa-sĩ nghèo (bán hòa vốn) Hội-họa quốc-tế trong mười năm gần đây có xuất-bản rất nhiều sách về hội-họa, trong đó có rất nhiều những bản in màu đập theo mẫu họa của những họa-sĩ danh tiếng quốc-tế (reproduction en couleurs). Cá-nhân không thể nào mua đủ được các sách đó ở nhiều nước như Pháp, Mỹ, Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ý-Đại-Lợi, Đức, Hòa-Lan, Anh, vãn vãn... dù cho có thật nhiều tiền, (nhưng có thể nhờ hội văn-hóa quốc-tế Unesco mua dùm mới được đầy đủ). Những sách đó sẽ là một kho tàng quý báu về tài-liệu cho sự phát-triển hội-họa Việt-Nam. Những sách đó sẽ được để ở Thư-Viện quốc-gia, để cho ai ai cũng có thể đến xem và học hỏi. Một sự cần-thiết nữa không những cho hội-họa mà cho tất cả anh em văn-ngệ-sĩ là một câu-lạc-bộ để làm chỗ hội họp và chỗ trao đổi tư-tưởng của các giới văn-ngệ. Chúng ta cũng không nên bỏ qua vấn-đề cho sinh-viên đi du-học ngoại-quốc và mời các giáo-sư ngoại-quốc đến giảng dạy tại các trường quốc-gia Việt-Nam.

Động-lực để thúc đẩy văn-ngệ-sĩ là báo-chí về mỹ-thuật. Chúng ta cần vài tờ báo mỹ-thuật phê-bình và giúp cho sự tiến-bộ trong sáng-tác. Các họa-sĩ cũng như các nhạc-sĩ thường sống lẻ-tẻ. Chúng tôi mong có sự thành lập đoàn-thể hội-họa để đoàn-kết họa-sĩ.

Về mỹ-ngệ đồ gốm và đồ sơn mài, chúng tôi mong tìm chỗ tiêu-thụ tại ngoại-quốc và giúp đỡ cho anh em tiểu-công-ngệ phương-tiền làm việc. Một vật-liệu rất cần-thiết cho kỹ-ngệ đồ gốm là đất cao-linh (kaolin) hiện nay rất hiếm, mà những đất mới tìm thấy thì sộp và bỏ không dùng được. Về việc truyền-bá hội-họa mỹ-thuật, chúng tôi xin giúp cho phương-tiền để in những tranh rẻ tiền hợp với túi tiền của quần-chúng như lối tranh mộc-bản cũ Việt-Nam.

Những tranh đó sẽ bán hòa vốn. Những đề-nghị tạm thời của chúng tôi trên đây nếu thiếu sót xin quý bạn vui lòng chỉ bảo để bổ-khuyết.

ĐÀO-SI-CHU — Chủ-tịch

và toàn ban xây-dựng thuyết-trình :

Bà Hồ-thị-Linh

Ô. Ô. Ưng-Sao

Thái-Tuần

Phạm-huy-Tường

Duy-Thanh

Hoàng-ngọc-Anh

Trần-Dzụ-Hồng

Hồ-xuân-Thuận

Thái-văn-Ngôn



CÂU CHUYỆN Y-TẾ

Chiều 11-1-1957 :

ĐỀ-MỤC :

NÓI CHUYỆN VỀ VẤN-ĐỀ Y-TẾ

Diễn-giả : *Bác-sĩ :* Phạm-hữu-Chương.
Chủ-lịch-đoàn : *Bác-sĩ :* Lê-văn-Thuấn.
 Dược-sĩ : Trần-kim-Quang.
 Trung-tá bác-sĩ : Nguyễn-dắc-Lộc.
Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI DUNG :

Trong Đại-hội văn-hóa, quý vị từng được nghiên-cứu những bản thuyết-trình đầy ý-kiến xây-dựng. Mấy vần thơ uyển-chuyển, canh nhạc du-dương, mấy nét chấm phá huyền-diệu, đem lại cùng mọi người một luồng gió « Mới », đầy hứa hẹn cho tương-lai của Quốc-Gia Việt-Nam.

Giữa không-khí tung biring ấy, mà đem làm quà câu chuyện « Y-Tế » chẳng hóa ra « Lôi-diệu cung đàn » ư ! Nói đến Y-Tế là nói đến bệnh tật, đến đau thương, ly-biệt. Nhưng, từ muôn thủa « đau thương » há đã chẳng là nguồn cảm-xúc bất-diệt của bao Thi-nhân, Nghệ-sĩ.

Trong lâu-dài Văn-hóa, nếu Thi, Nhạc, Họa là những cây cao, bóng cả, thì cũng phải dành một khoảng rộng-rãi cho Khoa-học, một cỗ-thụ hùng-vĩ, cành đâm dài, rễ ăn sâu. Khoa-học giúp cho « con người » tiến tới « Chân Thiện Mỹ » theo những định-luật chắc-chắn. Tổ-chức Y-Tế xây-dựng trên một căn-bản Khoa-học, nhiệm-vụ thoa dịu đau thương, bảo-vệ sức khỏe, trực-tiếp giúp đỡ con Người dành khả-năng phục-vụ « Nhân-Sinh ».

Câu chuyện « Y-Tế » trình bày hôm nay mong sao gom góp được một phần nào vào công cuộc xây-dựng Văn-hóa Quốc-Gia Việt-Nam.

Trước hết xin phác qua quan-niệm của « người ngoài phố » đối với vấn-đề chữa bệnh. Theo ý-kiến thông-thường chỉ có hai vai chủ-động : người có bệnh và người thầy thuốc. Hai « Người ấy » giao-thiệp với nhau ổn thỏa là xong.

Nhưng xã-hội đã biến chuyển, quan-niệm cổ-điển về chữa bệnh cũng không tồn-tại được. Phần thứ hai trình-bày quan-niệm cổ-điển ấy và những lý-do khiến chính-sách Y-Tế chuyển hướng.

Phần thứ ba sẽ bàn qua về hướng mới và nhất là nêu lên vấn-đề An-Ninh Xã-Hội.

Về phần kết-luận, chúng tôi xin đề quý vị nhận-xét theo hoàn-cảnh hiện-tại của nước nhà, chúng ta có thể hy-vọng những gì ?



PHẦN THỨ NHẤT

THÀY THUỐC VÀ BỆNH-NHÂN

Trong hoàn-cảnh xã-hội cũ, vấn-đề chữa bệnh là vấn-đề trực-tiếp giữa bệnh-nhân và ông Thầy. Từ bao thế-hệ, từ Đông sang Tây, nghề chữa bệnh vẫn là nghề tự-do và người Thầy thuốc có một địa-vị đặc-biệt trong xã-hội.

Đề phục-vụ bệnh-nhân, đề xứng đáng với sự đòi hỏi của nghề-nghiệp, người Thầy thuốc đã được huấn-luyện như thế nào ?

Chương-trình Y-học là chương-trình dài nhất của bậc Đại-Học.

Chữa bệnh không thể cầu ở may rủi, mà phải có một căn-bản Khoa-học vững-vàng, phải được hiểu đại-cương tổ-chức về Sinh-lý, về bệnh-lý mới mong trị bệnh.

Hai năm đầu, Sinh-viên học cơ-thể-học, sinh-lý-học, triệu-chứng bệnh. Thực tập về cơ-thể học làm cho Sinh-viên quen với tổ-chức tinh-vi của cơ-thể con người. Qua hai năm, người Sinh-viên hiểu rõ các bộ-phần trong cơ-thể. Biết được lúc thường sẽ nhận ra những « bất thường », khi bất thường xuất-hiện.

Năm thứ ba, học về vi-trùng học, sản-khoa, cơ-thể bệnh học, bệnh-lý nội ngoại thương.

Đến phần thứ tư, thứ năm hoàn-thành công-cuộc huấn-luyện về lý-thuyết. Ngoài ra Sinh-viên trong năm năm theo thầy nhận xét bệnh ở trên giường bệnh-nhân.

Khi tốt-nghiệp ra, người thầy thuốc tuổi trẻ đã được học-tập đại-cương đề có thể giúp đỡ người đau yếu.

Đĩ-nhiên, căn-bản Khoa-học ấy cần được trau dồi luôn luôn và phải được bồi-bổ bằng kinh-nghiệm bản-thân nhiều.

Trong chương-trình huấn-luyện về Y-học của các nước tuy có khác nhau, song căn-bản Khoa-học không thay đổi. Bên Mỹ, học lý-thuyết bốn năm và thêm hai năm nữa để thực-tập trong bệnh-viện. Tóm lại thời gian huấn-luyện bao giờ cũng phải mất sáu bảy năm. Sở-dĩ phải học nhiều cũng chỉ vì khoa chữa bệnh rất khó-khăn và phạm-vi Khoa-học cần-thiết cho Y-học càng ngày càng thêm rộng.

Công-chúng thường có nhiều thành-kiến sai-lầm về vấn-đề này. Có người cho rằng tại các nước, số thầy thuốc nhiều quá nên phải kéo dài thời-gian học để hạn-chế số Y-sĩ. Có người quen với quan-niệm cũ về Đông-Phương cho việc xem sách chữa bệnh là một việc rất dễ-dàng : theo sách dạy, ai mà chẳng tạm chữa được các bệnh thông thường.

Có biết đâu ngay người thầy thuốc trẻ tuổi mới tới-nghiệp rất bỡ-ngỡ trước công việc chữa bệnh hàng ngày. Mỗi bệnh-nhân một khác, sách chỉ dẫn đâu ra đấy, thăm bệnh thì chứng nọ lẫn trong chứng kia, sự so-sánh, phân-lách rất phức-tạp.

Hơn nữa, đời sống hàng ngày của người thầy thuốc đòi hỏi nhiều nhẫn-nại, nhiều cố-gắng. Ngày mai mình sẽ làm gì, không một người thầy thuốc nào biết trước. Giờ ăn, giờ nghỉ, giờ làm việc không bao giờ ấn-định được chắc-chắn. Bệnh-nhân có quan-niệm là người thầy thuốc lúc nào cũng thừa thời-giờ để săn-sóc mình. Người ta đã đòi hỏi ở người Thầy thuốc nhiều quá : ông Thầy bao giờ có mệt được, bao giờ ốm được. Hơn nữa quý rầy có mười phút có là bao mà than phiền !

Bệnh-nhân thì thật là đủ mọi hạng người, phức-tạp. Ngay tại các nước Âu-Mỹ, bệnh-nhân tuy được tiếng là trình-độ hiểu biết đủ cao mà về phương-diện « chữa bệnh » cũng vẫn rất ngây thơ. Quảng-cáo của các báo hàng ngày vẫn dễ gây « lòng

tin » của công chúng. Vì thế mà tại Pháp, tại Mỹ, bất cứ tại nước nào loại « lang-bấm » lừa bịp thiên-hạ cũng vẫn dễ kiếm tiền. Một bằng chứng cụ-thể, mở tờ báo ngày nào mà chẳng đọc được vài mục quảng-cáo thần-dược hoặc lời minh-tạ trong-y.

Giữa thầy thuốc và bệnh-nhân đã thêu dệt nên những mối liên-lạc đặc-biệt mà phương-diện tâm-lý đóng một phần quan-trọng.

Mọi bệnh-nhân tin một ông Thầy chưa chắc đã vì ông Thầy giỏi. Người ta tin vì ông Thầy ấy, ngày ấy, giờ ấy đã nói những lời, đã có những cử-chỉ gọi được « niềm tin » của bệnh-nhân ấy. Có những thầy thuốc giỏi mà Phòng thăm bệnh thừa thớt, có những thầy thuốc chẳng tài gì mà tại Phòng mạch phải lấy vé số. Đây là vấn-đề tâm-lý.

Cũng vì tâm-lý mà khi chữa bệnh, người thầy thuốc phải rất thận-trọng. Muốn cho bệnh-nhân khỏi, trước hết phải làm cho bệnh-nhân tin mình. Lại có những trường-hợp, mà căn-bản Khoa-học không đủ giúp thầy thuốc quyết thắng bệnh, phải có chút nghệ-thuật về tâm-lý.

Hơn nữa, hiện nay « bi mật của tạo-hóa » còn nhiều, công-hiệu của dược-liệu có hạn ; thầy thuốc đứng trước nhiều bệnh phải thú thật mình bất tài.

Chữa bệnh có bệnh khỏi, có nhiều bệnh không khỏi, nhưng thầy thuốc bao giờ cũng mong ít ra làm dịu được sự đau thương của bệnh-nhân.

Đứng trên quan-niệm ấy, sự khéo léo của thầy thuốc càng cần-thiết lắm,

Để chứng-minh sự quan-trọng của phương-diện tâm-lý, để một phần nào làm sáng tỏ nghệ-thuật trong nghề chữa bệnh, chúng tôi xin phép kể chuyện làm quà cúng quý vị mấy mẫu giai-thoại đơm màu thi-vị sau đây :

Năm 1938, một buổi tối mùa hè, bạn đồng-nghiệp Ngô-Trực-Tuán tới mời tôi cùng đi thăm một « ca » khó giải-quyết. Chúng tôi tới phố Thái-Hà-Áp vào một biệt-thự nhỏ. Trong nhà trang-hoàng vào hạng lịch-sự. Bệnh-nhân là một thiếu-phụ ngoài hai mươi, mới cưới một tháng, chồng một sinh-viên nhanh-nhẹn, khỏe mạnh. Thiếu-phụ nằm giữa giường, cõ, chân tay đều đeo bùa. Theo người nhà thuật lại : cưới được hai hôm

thì tự-nhiên thiếu-phụ lên cơn mê sảng, đúng 12 giờ đêm thì tưởng-tượng như có « ma » nhập vào mình, mà tự xưng là « chồng kiếp trước » đuổi người « chồng mới cưới » ra ngoài. Thiếu-phụ ấy có chút học-vấn, trước khi yếu được tiếng là hiền-lậu. Chúng tôi dành mười lăm phút xem một lượt, tim, gan, phổi, bộ tiêu-hóa, mạch... như thường. Nhận thấy mấy điểm : mắt sáng quắc, tinh-thần lạnh-lợi. Thiếu-phụ ấy từ ngày yếu luôn luôn nói tiếng Pháp. Chúng tôi mất hai đêm ngồi chơi đến quá một giờ đêm để trực-tiếp nhìn « thấy cơn mê sảng tái diễn » đúng 12 giờ khuya.

« Không có những đạo bùa này thì quyết là linh-hồn bị mang đi rồi ».

Chúng tôi nhất-quyết cắt hết các đạo bùa dù là bệnh-nhân dọa nạt gia-dình lo sợ. Chúng tôi đã phải kiên-nhẫn theo dõi tinh-thần của « bệnh-nhân » trong khi cắt các vòng giấy « Người thiếu-phụ ấy lướt-hoảng sợ hãi ». Buổi sáng lại thăm, người thiếu-phụ không lên cơn, song lúc nào cũng ngáp-ngừng có cái muốn nói mà không nói được. Ngày thứ ba sau một hồi chuyện riêng thân-mật gọi ra phần nào lý-do ngáp-ngừng ấy. Chúng tôi đã bày trò quý-thuật cắt nốt đạo bùa ở cổ giải-thoát cho bệnh-nhân mỗi mặc-cảm không lối thoát. Đêm ấy cơn « ma » tiền-kiếp không xuất-hiện. Ra về chúng tôi giải-thích riêng cho người chồng trẻ tuổi hiền. Hai tháng sau chúng tôi nhận được chút quà nhỏ mọn với mấy lời cảm ơn. Một năm sau, tinh cờ qua nhà ấy một buổi chiều, chúng tôi được thiếu-phụ và chồng cố mời dùng bữa phút vào chơi. Thiếu-phụ mang con nhỏ hai tháng ra « chào ». Người chồng nhẹ-nhàng : « thế mới biết giáo-sư Freud là nhà tâm-lý học đại-tài ». Thiếu-phụ, ứng hai gò má, chỉ xuống hôn con sẽ ngậm ;

« Một cơn mưa gió nặng nề.

« Thương gì đèn ngọc tiếc gì đèn hoa »,

Câu chuyện này xin tặng bạn trẻ : trước tối tân-hòn, nên ôn lại « la sexualité » của Freud.

Gần đây trong các buổi thường-trực, chúng tôi cũng ghi được một trường-hợp.

Hai giờ đêm, chuông kêu vang, chúng tôi ở trên gác xuống Phòng mạch thấy đưa vào một thiếu-phụ trạc ngoài ba mươi. Bệnh-nhân nằm sổng-sượt trên giường thăm mạch, hai mắt nhắm, chân tay lạnh giá, mạch nhanh. Hỏi thì chủ thấy lắc đầu,

thỉnh thoảng có tiếng nấc. « Chiều nay nhà tôi vẫn khỏe mạnh. Vừa tự nhiên lên cơn mệt... » Xem mãi, tìm, phôi, bộ tiêu-nóa, nhlệt-độ, không có triệu-chứng gì khả-dĩ sinh ra mệt bất-thần như vậy. Bẩn-khoăn không biết tìm ra manh mối. Tôi chợt đề ý đến một điều : « Ông chồng quần áo, cravate rất chỉnh-tề ». Á, ông này đi chơi mới về. Hơn nữa, mỗi khi ông chồng ghé lại hỏi thì bệnh-nhân nhắm nghiền mắt, tiếng nấc càng to. »

« Bệnh mà mệt quá, phải tiêm thuốc X... thuốc này buốt lắm bà ráng chịu vậy nhé ».

Chưa hết câu thì bệnh-nhân nắm chặt lấy tay, móng tay bấm vào sâu thật là đau. Chúng tôi cười bảo ông chồng đưa bà vợ về đi nghỉ, hai giờ hơn rồi đừng bắt tội lây đến « tôi » là người « thầy thuốc thương-trực ».

Thưa quý vị,

Muốn chứng-minh rõ hơn nữa, trong « người thầy thuốc », Khoa-học và nghệ-thuật phải phối-hợp như thế nào, thì cần nhiều mẫu chuyện tương-tự để làm nổi bật « vai trò quan-trọng của Khoa tâm-lý » Hơn hai mươi năm trong nghề, chúng tôi cũng ghi chép được nhiều kỷ-ức khả dĩ mua vui lúc trà dư, tửu hậu. Song ỉe, trong một Đại-hội văn-hóa trang-nghiêm này, chúng tôi không dám làm rườm rà tại quý vị.

Thưa quý vị,

Với quan-niệm : Người thầy thuốc và bệnh-nhân, theo lối cổ-diễn của chúng ta, thì chính-sách Y-tế không đặt thành vấn-đề.

Nhưng xã-hội loài người ngày một phức-tạp. Chữa bệnh không còn là sự giao-thiệp trực-tiếp của Y-sĩ và bệnh-nhân.

Những thiếu-thốn về tài-chính của đa-số nhân-dân đã biến vấn-đề chữa bệnh thành một vấn-đề xã-hội.

Đề theo rõ sự biến-chuyển ấy, chúng tôi xin phép trình-bày chính-sách Y-tế cổ-diễn và các lý-do khiến chính-sách ấy phải thay đổi. Nhiên-hậu sẽ bàn đến phương-hướng mới của Y-tế.

★

PHẦN THỨ II

CHÍNH-SÁCH Y-TẾ

Vi nhu-cầu của bệnh-nhân chia ra một số ngành chuyên-viên mà nhiệm-vụ là giúp đỡ mọi người trong mọi trường-hợp :

1) Ngành Y-sĩ chữa bệnh, tức là những Y-sĩ hằng ngày tiếp-xúc với bệnh-nhân.

2) Ngành Y-sĩ chuyên-viên.

Khoa-học tiến-bộ, nghề chữa bệnh ngày một phức-tạp, Y-sĩ không thể nào kiểm trị tất cả mọi bệnh hoặc đủ khả-năng để xử-dụng những phương-pháp hoặc dụng-cụ tối-tán. Vì thế mới tạo nên những Y-sĩ chuyên-viên từng ngành Y-học : chuyên-viên về phẫu-thuật, chuyên-viên về điện-học, chuyên-viên sản-dục, chuyên-viên về nhi-dồng.

3) Ngành nữ hộ-sinh.

Một phần nào ngành này phụ-thuộc ngành Y-sĩ để săn-sóc người sản-phụ trong các trường-hợp thông-thường.

4) Ngành bào-chế.

Chế thuốc, nghiên-cứu dược-liệu, ngành bào-chế liên-quan mật-thiết với ngành Y-sĩ.

5) Ngành phụ-tá Y-tế.

Y-sĩ làm việc cần người giúp hoặc để săn-sóc bệnh-nhân, hoặc làm những công việc đặc-biệt khác.

Tất cả những ngành chuyên-viên nói trên đều nhằm một mục-đích : phục-vụ bệnh-nhân.

Với sự biến-chuyển về tổ-chức xã-hội, mục-đích « phục-vụ bệnh-nhân » không thay đổi, song hoàn-cảnh và nhu-cầu của bệnh-nhân đã thay đổi. Vì thế các ngành phục-vụ Y-tế cũng cùng với biến-chuyển của xã-hội mà chịu ảnh-hưởng càng ngày càng sâu xa.

Để cho vấn-đề được sáng-tỏ, trước hết trình-bày tổ-chức Y-tế theo lối cổ-diễn.

1.- Tổ-chức cổ-diễn của nghề làm thuốc.-

Người có bệnh cần thầy thuốc, đó là phương-diện giao-thiệp trực-liếp cá-nhân với cá-nhân. Tin « ở ông thầy », đó là tất cả lý-do sự lựa chọn. Đối với người bần-bách, người thầy thuốc giúp đỡ một phần nào nhưng không giải-quyết được tình-trạng : không chỗ ở, không cơm ăn, không thuốc uống, không có tiền trả người săn-sóc. Sự-kiện ấy đã khiến các nhà từ-lâm động lòng trắc-ẩn tổ-chức các « Chẩn-y-viện ». Đó là những công cuộc Y-tế từ-thiện.

1.— Nghề chữa bệnh tư.

Nghề thầy thuốc vốn là nghề tự-do.

Người có bệnh « tự-do » chọn thầy mình tin.

Người thầy thuốc « tự-do » chữa theo kinh-nghiệm và khả-năng của mình.

Nguyên-tắc « hành nghề tự-do » là một điểm bất-khả xâm-phạm.

Chính-quyền không can-thiệp vào cách hành nghề song có bổn-phận bảo-đảm sinh-mệnh tài-sản của nhân-dân.

Chính-quyền bắt buộc người thầy thuốc hành nghề phải có tối-thiểu khả-năng chuyên-môn. Tổ-chức việc dạy nghề làm thuốc, kiểm-soát sự hành nghề trái phép, quy-định những trường-hợp mà người thầy thuốc có nhiệm-vụ giúp việc ích chung. Tất cả những điểm đó thuộc phạm-vi của Chính-phủ. Ngoài ra người thầy thuốc được hoàn-toàn tự-do chọn nơi hành nghề, tổ-chức cách làm việc riêng của mình.

Chính-phủ không bao giờ xen vào sự liên-lạc giữa bệnh-nhân và thầy thuốc. Cách chữa bệnh, quan-niệm chữa bệnh, thầy thuốc chỉ có « giới hạn » là « lương-tâm nhà nghề » của mình.

Sự liên-lạc giữa bệnh-nhân và thầy thuốc không có luật-pháp quy-định song vì ích-lợi chung, vì danh-dự nghề-nghiệp mà cũng do tập-tục truyền-thống, bổn nguyên-tắc được tôn-trọng hợp-thành một hiến-chương riêng biệt của người Y-sĩ.

a) — Nguyên-tắc thứ nhất : tự-do lựa chọn. Bệnh-nhân phải có toàn quyền chọn người mình tin, tin ở khả-năng chuyên-môn tin ở tư-cách con người. Sự tự-do lựa chọn, niềm tin đặc-biệt rất cần-thiết để bệnh-nhân có thể thờ-lộ hết tâm-tinh, hết mọi-chi-tiết ngõ hầu tìm ra nguyên-nhân tật bệnh.

Tự-do lựa chọn là hình-thức tiện nhất để xét định giá-trị khả-năng chữa bệnh của người thầy thuốc mà bệnh-nhân đã tin-cần : chữa bệnh đau chỉ là một Khoa-học, chữa bệnh còn là một nghệ-thuật tế-nhị mà khó có mực thước để đo lường.

Bệnh khỏi hay không, bệnh-nhân là người trước hết trực-tiếp chịu đựng, nên quyền lựa chọn cũng là một cách để nhẹ trách-nhiệm cho mọi người.

Đối với thầy thuốc, sự được chọn là một bằng-cứ tin-nhiệm. Đây cũng là một sự khuyến-khích đáng kể về phương-diện nghề-nghiệp.

Trái lại người thầy thuốc cũng có quyền « chọn » : có những bệnh-nhân mà một người Y-sĩ không muốn chữa. Nếu có sự « khẩn cấp » cố nhiên Y-sĩ phải cấp-cứu ngay, nhưng sự cấp cứu đã qua thì người Y-sĩ vẫn đủ quyền khước-lừ tiếp-tục chữa.

b) — Nguyên tắc thứ hai là tự-do định phương-pháp chữa bệnh, tự-do quyết-định các phương thuốc. Khi bệnh-nhân đã tin, người thầy thuốc có trách-nhiệm tinh-thần, trách-nhiệm ấy định quyền-hạn. Dĩ-nhiên người thầy thuốc vẫn phải giới-hạn quyền mình trong hai trường-hợp :

— Khả-năng tái-chính của bệnh-nhân.

— Khả-năng chuyên môn của mình.

Thầy thuốc có quyền, song bệnh-nhân chỉ có thể có tiền đến chừng mực nào. Bỏn-phận thầy thuốc là không « buộc » bệnh nhân phải vượt khả-năng của mình.

Tự-do quyết định cách chữa bệnh, song « cách chữa ấy » một phần nào phải hợp với những phương-pháp thông thường.

Phạm lỗi về chuyên-môn là một điểm mà « quyền tự-do chữa » không thể che chở nổi.

Nếu muốn thi-hành những phương-pháp đặc biệt, nhất là những phương-pháp mới, thầy thuốc có bổn-phận giảng cho bệnh-nhân và cần được sự thỏa-thuận của bệnh-nhân trước khi thi-hành.

c) Điểm thứ ba là phi-tôn về sự chữa bệnh do sự thỏa-thuận trực-liếp giữa bệnh-nhân và thầy thuốc.

Khám bệnh trả tiền, không thể trả tiền như trả công làm việc. Tiền thù-lao này chỉ là phần vật-chất, Trả tiền đâu đã đủ. Trả tiền nghĩa lý gì đối với tất cả mọi nguy-hiểm về « nạn lây bệnh ». Trả tiền đâu đủ đối với những bầu-khoản của người thầy thuốc trước trường-hợp khó-khẩn. Lao-lực về tinh-thần không thể đo lường bằng mấy tờ giấy bạc.

Người thầy thuốc có quyền đòi nhiều tiền của người bệnh-nhân giàu thì cũng có bổn-phận lấy ít tiền của người bệnh-nhân nghèo, của thân-băng cố-hữu, của các bạn đồng-nghiệp.

Đôi phen dư-luận không rõ tinh-cách đặc biệt của vấn-đề « tiền thù lao » nên đặt ra vấn-đề « hóa giá tiền thăm bệnh ». Luật-pháp có thể định một giá tiền song lấy mực thước nào đo được cố-gắng của thầy thuốc trong công việc « Khám-bệnh ».

d) Điểm thứ tư là tinh-cách bí-mật nhà nghề của người thầy thuốc,

Bệnh-nhân cần thổ-lộ hết tâm-can để người thầy thuốc tìm kiếm những chi-tiết khả dĩ tìm nguyên-nhân tạt bệnh.

Nếu chi-tiết ấy có thể « bị người ngoài biết » thì khi nào bệnh-nhân còn dám nói thật nữa. Bí-mật bất-khả xâm-phạm của người thầy thuốc trước lời kẻ lẽ bệnh nhân. Nếu không tôn-trọng nguyên-tắc thiêng-liêng ấy thì không còn ai dám đi thú tội. Không còn ai còn dám đi kẻ bệnh.

Hiến-chương của nghề thuốc là khuôn vàng thước ngọc cho bao nhiêu thế-hệ Y-sĩ từ Đông sang Tây, là ngọn đuốc đã soi sáng bao nhiêu lương-tâm từ thế-kỷ này qua thế-kỷ khác.

Trong Đại gia-dinh Y-tế, dĩ nhiên kẻ hay có, người dở có, đã có người phạm lỗi với lương-tâm nhà nghề, đã có người lạm-dụng địa-vị mình để có tội với luân-lý. Song đứng trên đại-cương thì bốn nguyên-tắc của Hiến-chương nghề thuốc đã giúp cho người thầy thuốc phục-vụ đúng mức quyền-lợi của bệnh-nhân.

2) Tổ-chức chẩn-tế-viện

Thầy thuốc có thể chữa giúp người nghèo song tìm đâu nơi yên nghĩ, tìm đâu tiền mua thuốc.

Vi thế vấn-đề chẩn-tế-viện ra đời.

Lúc đầu tổ-chức chẩn-tế-viện là một công-cuộc của các cơ-quan từ-thiện, một hình-thức Y-tế bổ-thí.

Rồi chính-quyền, trước sự đòi hỏi của tinh-thế, mời tổ-chức các bệnh-viện công-cộng. Những chi-phí về tổ-chức này do công-quỹ đài-thọ song nguyên-tắc vẫn trên quan-niệm : Chẩn-tế.

Trong các cơ-quan Y-tế công hay tư, hiến-chương về nghề thuốc không được giữ toàn vẹn nữa.

Bệnh nhân đã vào Y-viện bắt buộc phải nhờ Y-sĩ của Y-viện điều-trị.

Y-sĩ của Y-viện cũng chỉ có thể định những phương-pháp chữa bệnh hợp với khả-năng của cơ-quan.

Tổ-chức của xã-hội biến-chuyển. Các đô-thị ngày một đông-dúc, công-kỹ-nghệ ngày một phát-triển, các chẩn-tế-viện dần

dần biến thành bệnh-viện công-cộng của Chính-Phủ. Rồi các phòng thăm mạch thì được thành-lập các tổ-chức Y-tế giúp đỡ các tầng lớp cầu-lao được tăng-cường.

II. — Những nguyên-nhân làm biến đổi nghề chữa bệnh

Ngày giờ trôi qua, tiến-triển của Khoa-học đã làm đảo lộn hết mọi tổ-chức của xã-hội. Nghề chữa bệnh cũng chịu ảnh-hưởng của sự thay đổi đó.

1. — Nguyên-nhân về phương-diện kỹ-thuật.

Từ cuối thế-kỷ thứ XIX ngành Y-học tiến-bộ rất nhiều, nhất là trong vòng hai ba chục năm gần đây. Các ngành Khoa-học khác : lý-học, hóa-học, điện học... đem lại cho Y-học nhiều phương-tiện về định bệnh, chữa bệnh. Về phương-diện kỹ-thuật, nhiều biến-chuyển làm thay đổi hẳn tinh-thế.

Trước hết, y-học phải thành-lập nhiều chuyên-khoa. Một y-sĩ khó lòng bao-quát được tất cả mọi ngành chuyên-khoa, khó lòng thạo được tất cả mọi dụng-cụ cần-thiết. Số những môn Chuyên-khoa càng ngày càng tăng. Giữa bệnh-nhân và người thầy thuốc quen biết xen thêm một loại người chuyên-khoa. Vấn-đề liên-lạc gây nhiều thắc-mắc.

Bệnh-nhân, ngoài thù-lao của thầy thuốc phải lo tiền thù-lao về chuyên-khoa. Sự chữa bệnh càng ngày càng tốn kém. Làm thế nào giải-quyết được sự mong muốn đa-số nhân-dân được hưởng mọi phương-tiện về định bệnh và chữa bệnh.

Đối với thầy thuốc, lập một phòng thăm bệnh không còn là một vấn-đề dễ-dàng nữa : phải có một số dụng-cụ cần-thiết. Thầy thuốc chuyên-khoa lại cần nhiều phi-lần hơn nữa. Làm thế nào để trả đủ được sự hao mòn của dụng-cụ đắt tiền như vậy.

Thầy thuốc phải tìm đường hợp-tác với nhau thành một nhóm chuyên-khoa nâng đỡ lẫn nhau.

Người thầy thuốc tư càng ngày càng cô-lập và tại các nước tiền-tiến, tại các đô-thị, nghề chữa bệnh phải do một nhóm Y-sĩ tập-trung khả-năng và phương-tiện về định bệnh và chữa bệnh.

2. — Những hội tương-tế, tổ-chức an-ninh xã-hội.

Vì số tiền cần-thiết để chữa bệnh càng ngày càng lừng lừng nên mới xuất hiện những hội tương-tế : các hội này có nhiều biện-pháp giúp đỡ đoàn-viên.

-- hoặc điều-dinh với một hoặc nhiều y-sĩ để nhận chữa theo một số thù-lao nhất định hàng tháng ;

☞ -- hoặc hoàn lại cho đoàn-viên từ 60 đến 80 phần trăm số tiền chữa bệnh ;

— các xi-nghiệp tổ-chức việc chữa bệnh cùng theo một trong hai biện-pháp nói trên.

Chính-quyền nhiều nước đã tiến một bước : tất cả những người nghèo được quyền chữa bệnh. Mỗi người được cấp một cái thẻ « vô-sản » và được chọn một y-sĩ trong hạt mình để ghi tên chữa : Chính-quyền thị-xã sẽ hoàn lại cho y-sĩ tiền thù-lao tính theo giá riêng.

Tiến một bước nữa, chúng ta đi đến tổ-chức an-ninh xã-hội.

Công-nhân tư-chức hay công-chức đóng hàng tháng một số tiền tùy theo lương-bổng của mình. Đã ghi tên vào An-ninh xã-hội tức được cấp thẻ chữa bệnh và hoàn lại tiền thuốc mua để chữa bệnh. Các quỹ an-ninh xã-hội thương-thuyết với nghiệp-đoàn y-sĩ địa-phương để định thẻ-thức hoàn lại tiền thù-lao cùng ấn-định số tiền thù-tao tùy theo công việc phải làm.

3.— *Quan-niệm mới về tổ-chức bệnh-viện.*

Lúc đầu bệnh-viện là một chẩn-tế-viện. Nay bệnh-viện là một nơi tập-trung được nhiều dụng-cụ và phương-liện định bệnh và chữa bệnh.

Không nhẽ với các hy-sinh lớn-lao về tài-chính mà dành bệnh-viện riêng cho một số người. Bệnh-viện công-cộng thành một nơi mở cửa đón tiếp tất cả các hạng bệnh-nhân ; ai vô-sản được thị-xã trả tiền, ai có tiền thì trả theo khả-năng về tài-sản của mình. Chi-phí về bệnh-viện phải do công-quỹ đài-thọ. Khi bệnh-viện không còn là cơ-quan từ-thiện nữa thì dĩ-nhiên người thầy thuốc, nhân-viên của các cơ-quan ấy được trả một số thù-lao hàng tháng tùy theo trường-hợp.

4.— *Pháp-luật tổ-chức công cuộc bảo-vệ sức khỏe.*

Thời trước, với quan-niệm « tự-do » hoàn-toàn, Chính-Phủ không lưu-ý gì đến các nhu-cầu của cá-nhân.

Hiện nay điều-kiện về sinh-hoạt đòi hỏi rất nhiều :

Nhân-dân tập-trung khiến bệnh-tật dễ lây, điều-kiện lao-động khiến bệnh tật liên-quan trực-tiếp đến khả-năng sản-xuất. Chính-Phủ thấy có bổn-phận phải can-thiệp.

— đề đề-phòng bệnh tật.

— đề ngăn-ngừa dịch-tễ.

Đề đem lại một tổ-chức có hiệu-lực, Chính-quyền đã can-thiệp vào nghề chữa bệnh.

a) Các thầy thuốc đã thành-lập Nghiệp-đoàn đề bệnh-vực quyền-lợi về nghề-nghiệp, Chính-quyền đã thành-lập đoàn y-sĩ để giữ-gìn cho nghề-nghiệp được tôn-trọng, đề bài-trừ tất cả mọi tệ-đoan của những phần-tử thiếu lương-tâm.

b) Chính-Phủ đã ra các luật-lệ đề-phòng bệnh tật :

— đặt điều-kiện tối-thiểu về vệ-sinh trong công việc xây-cất nhà mới :

— kiểm-soát các bệnh truyền-nhiễm ;

— khai-báo các bệnh truyền-nhiễm ;

— tổ-chức thăm thai, thăm bệnh trẻ em ;

— tổ-chức y-tế học-đường ;

— tổ-chức y-tế xí-nghiệp ;

— tổ-chức khám bệnh hàng năm cho đoàn-viên của an-ninh xã-hội.

Tổ-chức y-tế công cộng chuyên theo hai hướng mới :

— Chuyên về phòng bệnh ;

— Tổ-chức khám-bệnh, đề-phòng với những phương-tiện tối-tân.

5) Y-tế công-cộng

Chính-quyền trước sự đòi hỏi của nhân-dân đã dần dần thành-lập một tổ-chức y-tế công-cộng mà sự phát-triển không ngừng ảnh-hưởng rất nhiều đến vấn-đề y-tế.

Y-tế công-cộng có những tính-chất đặc-biệt :

a) Hướng về việc tổ-chức khám-bệnh toàn-diện cho từng nhóm người, từng đoàn-thể chuyên-nghiệp ;

b) Chú-trọng về sự phòng bệnh nhiều hơn chữa bệnh ;

c) Có tính-cách chung mà ít lưu-tâm đến cá-nhân.

Sự phát-triển ấy đặt ngay vấn-đề liên-lạc giữa y-tế công-cộng chuyên-về phòng bệnh và y-tế chuyên về chữa bệnh.

Phải có sự phối-hợp giữa hai tổ-chức, giữa hai ngành y-tế.

Người y-sĩ của y-tế công-cộng khi tìm thấy một cá-nhân bị bệnh sẽ khuyên người đó đi tìm « thầy thuốc thường chữa » để theo dõi. Đó là trường-hợp xảy ra luôn trong các trường học : Một trò nhỏ khi đi khám hàng năm, y-sĩ phụ-trách sẽ ghi vào phiếu báo cho cha mẹ rõ « em bé này có những cái gì bất-thường cần gửi tới y-sĩ theo dõi ».

Nhưng khi y-tế công-cộng phát-triển thì những bệnh có tính-cách xã-hội buộc phải có những Phòng y-tế chuyên-môn của y-tế công-cộng để tiếp-tục chữa. Tuy là phạm công-cuộc y-tế cá-nhân song đến nay vấn-đề này không đến nỗi gay go.

Sự chuyển hướng của y-tế công-cộng bắt-buộc xét lại chương-trình huấn-luyện y-khoa, đại-học-đường. Đến nay y-sĩ sau khi tốt-nghiệp mới có một căn-bản đại-cương về y-tế chữa bệnh.

Muốn cho người y-sĩ ấy phụ-trách y-tế công-cộng, cần có một sự huấn-luyện thêm để chuyển rõ quan-niệm về công-tác.

Chính-sách y-tế công-cộng đem lại nhiều thay đổi về bộ máy chủn-quyền phụ-trách y-tế. Người điều-khiển, hoặc những cơ-quan điều-khiển phải có những khả-năng chuyên-môn hiểu thấu vấn-đề thì công-cuộc của bộ máy mới được nhẹ-nhàng, thích-ứng cùng nhu-cần. Sự đòi hỏi của nhân-dân càng ngày càng tăng. Chi-phi về y-tế công-cộng cần những ngàn-khoản lớn lao, những phương-tiện càng ngày càng phức-tạp.

Hơn nữa công-cuộc y-tế công-cộng ra ngoài phạm-vi thuần-túy chuyên-môn. Săn-sóc bảo-vệ sức-khỏe của nhân-dân đã thành một vấn-đề chính-trị, một lợi-khí tuyên-truyền, tranh-thủ nhân-dân, đòi hỏi một chương-trình tổng-quát, một sự phối-hợp của nhiều cơ-quan, của nhiều tổ-chức.



PHẦN THỨ III

CHUYỂN HƯỚNG VỀ QUAN-NIỆM Y-TẾ

Thời xưa : chữa bệnh là một nhu-cần của cá-nhân. Giữa thầy thuốc và bệnh-nhân. Sự giao-thiếp trực-tiếp, sự liên-hệ thường-xuyên đem lại một niềm tin-tưởng chắc-chắn, một mối ân-tình sâu xa, đôi khi nhiều thi-vị đặc-biệt của nghề-nghiệp.

Tổ-chức xã-hội đã biến-chuyển.

Con người không còn có thể hoàn-toàn tách mình riêng đối với các tổ-chức của xã-hội. Điều-kiện đời sống kinh-tế ngày một phức-tạp buộc « cá-nhân » lệ-thuộc vào các tổ-chức chuyên-nghiệp.

Vấn-đề y-tế đã chuyển hướng.

Người dân đòi được quyền tự-do, dân-chủ. Tiến một bước nữa người dân đòi quyền được sống : quyền có công việc làm để bảo-đảm đời sống hàng ngày.

« Quyền được sống » trước những khó-khăn về kinh-tế của xã-hội hiện tại đặt ra vấn-đề « An-ninh xã-hội ».

Trong thời công kỹ-nghệ chưa phát-triển, « con người » vừa làm vừa cố-gắng để dành một phần huế-lợi để phòng-bị khi yếu-dau, khi không có việc hoặc để dành cho con cháu. Hình-thức ăn nhịn để dành nêu cao tinh-thần cố-gắng của cá-nhân tự mình hạn-chế chi-tiêu, đề-phòng ngày mai bất-chắc. Tại các nước bên Âu-Mỹ số quỹ để dành này thâu được một số dự-trữ khá lớn. Trước 1939, tại Mỹ-Quốc ngót 14 triệu người để dành được 9757 triệu Mỹ-kim. Tại Pháp-quốc ngót 11 triệu người để dành 30.000 triệu quan.

Sức để dành của cá-nhân bị đảo lộn vì hai cuộc đại-chiến, đồng tiền mất giá, người ăn nhịn để dành bỗng chốc hóa gần tay không. Hơn nữa cuộc đời ngày thêm khó-khăn không ai để dành nổi nữa.

Vì thế xuất-hiện ra các hội trong-tế các hãng bảo-hiêm.

Hội trong-tế cũng bị gặp những khó-khăn như quỹ để dành của cá-nhân.

Hãng bảo-hiêm cũng bị trở thành vấn-đề trực-lợi của công-ty vô-danh, không hợp với mục-đích giúp đỡ người gặp tai-nạn.

Hơn nữa với tổ-chức xã-hội hiện tại những « bất ưng » phải phòng-bị càng ngày càng rộng : bảo-hiêm bệnh-tật, bảo-hiêm tai-nạn, bảo-hiêm mất việc làm v.v... Về phương-diện chính-trị, tinh-thần công-giáo xã-hội đưa lên một phong-trào bảo-đảm cho mỗi người tất cả mọi bất-chắc trong cuộc đời « lao-động » Thông-điệp của Giáo-hoàng Léon XIII năm 1891 đòi hỏi ở Chính-quyền Quốc-gia « tổ-chức thế nào để người thợ lúc nào cũng có việc làm, lúc nào cũng có quỹ giúp đỡ khi bị yếu-dau

hoặc tai-nạn ». Năm 1931 Giáo-Hoàng Pie XI nêu lên vấn-đề phụ-cấp gia-đình.

Tại Mỹ, căn-bản về An-ninh xã-hội phải chờ mãi đến năm 1935. Tổng-Thống Roosevelt đệ lên Hạ-nghi-viện đạo-luật tổng-quát ấn-định : « các phương-pháp để chống lại những bất-ưng xảy ra cho đời sống lao-động nhất là bảo-hiêm khi mất việc làm, bảo-hiêm lúc tuổi già không đủ sức hoạt-động ». Tất cả mọi hình-thức bảo-đảm liên-hệ với nhau để giúp con Người thoát khỏi sự « rủi » không ai tiên-đoán được.

Năm 1941 bản báo-cáo của Huân-tước William Beveridge đặt nền móng cho một tổ-chức An-ninh xã-hội rộng-rãi tại Anh-quốc.

Năm 1950 đạo-luật Social Security Act mở rộng phạm-vi bảo-hiêm An-ninh xã-hội tại Mỹ-quốc cho trường-hợp những người tàn-tật hoặc không đủ khả-năng để tự nuôi thân. Năm 1956 tại Pháp, Chính-Phủ Guy Mollet đã thành-lập quỹ « hữu-trì » cho người già.

Hiện nay tổ-chức An-ninh Xã-hội tại các nước Âu-Mỹ đại khái thỏa-mãn các tính-cách sau đây :

1. — Tổ-chức An-ninh Xã-hội bảo-đảm hết các tai-nạn ;
2. — Tổ-chức An-ninh Xã-hội bao trùm tất cả dân-chúng các tầng lớp ;
3. — Tổ-chức An-ninh Xã-hội bảo-đảm về mọi mặt : bệnh-tật, già-lão, thất-nghiệp, gánh nặng gia-đình v.v...

Quyền-lợi của con Người đối với bảo-đảm « An-ninh xã-hội » đã được hiến-pháp nhiều quốc-gia ghi rõ.

Bản tuyên-ngôn Mỹ-quốc về quyền-lợi và bổn-phận của công-dân trong điều XVI đã ghi « tất cả mọi người được quyền bảo-đảm về an-ninh xã-hội để đề-phòng hậu-quả của sự thất-nghiệp, tuổi già yếu, của bệnh tật hay bất cứ của nguyên-nhân gì khiến đương-sự không thể tự-túc đời sống hàng ngày ».

Trong đoạn khai mào hiến-pháp năm 1946 của nước Pháp cũng tuyên-bố quyền của người dân được có việc để làm.

Đến như Hiến-chương của Liên-hiệp-Quốc thì điều 55 định rõ Liên-hiệp-Quốc có bổn-phận nâng mức sống, nâng đỡ sự phát-triển kinh-tế của các nước chậm tiến ».

Đại-Hội-Đồng Liên-hiệp-Quốc năm 1948 trong bản tuyên- ngôn nhân-quyền đã ghi trong các điều 22, 23, 25 quyền người công-dân được có việc làm, được bảo-dảm tai-nạn, bệnh-tật v.v.

Đứng về phương-diện chính-trị, sự bảo-đảm an-ninh xã- hội đưa lại một quan-niệm rõ ràng về công-bằng xã-hội : tài- nguyên của các tầng lớp nhân-dân trong một Quốc-gia sẽ được phân chia lại bằng cách người giàu đóng nhiều thêm, để giúp đỡ các tầng lớp thiếu-thốn « ăn đủ no, mặc đủ ấm, ốm có thuốc chữa, già được nghỉ v.v... ». Trong xã-hội mới sẽ có sự đoàn-kết của các tầng lớp nhân-dân để phát-triển kinh-tế, nâng cao mức sống chung, khai-thác khả-năng để tiến tới một tổ-chức hoàn- thiện.

Đưa ra vấn-đề bảo-dảm an-ninh xã-hội tức đề-cập đến hướng mới của chánh-sách y-tế.

Trong bảo-dảm an-ninh xã-hội có giải-quyết vấn-đề chữa bệnh và phòng bệnh. Cũng vì thế mà chính-sách y-tế đã chịu một chuyển hướng quan-trọng. Tổ-chức y-tế công-cộng được mở rộng đi đến bao trùm gần hết lãnh-vực của « nghề chữa bệnh ». Người y-sĩ tư bị lôi cuốn vào y-tế quốc-gia.

Đề quan-niệm mức quan-trọng của chuyển hướng này xin đem chính-sách y-tế của Anh-cát-lợi làm một tỷ-dụ : Năm 1930, Hội Y-tế Anh-quốc British Medical corporation đề-nghị mở rộng phạm-vi an-ninh xã-hội cho gia-quyển của đoàn-viên. Một cuốn bạch-thư về chính-sách y-tế được công-bố năm 1944 và đến tháng mười một 1946 « Tổ-chức y-tế quốc-gia » được thành-lập (National Health Service). Sau nhiều cuộc thương-thuyết với Nghiệp-đoàn y-sĩ, đạo-luật về y-tế quốc-gia được ban-bố ngày 5 tháng 7 năm 1948.

Tổ-chức y-tế chia ra ba phần :

Phần thứ nhất : Các bệnh-viện.

— Tất cả các bệnh-viện của các đoàn thể, của các công-ty được Chính-Phủ mua lại giao cho Ban quản-trị địa-phương điều- khiển chia ra nhiều loại bệnh-viện : những bệnh-viện trung-ương khu-vực với những dụng-cụ và tổ-chức đầy-đủ về mọi phương- diện. Các đô-thị nhỏ sẽ có các bệnh-viện cấp-cứu để giải-quyết các trường-hợp thông thường.

Dù nhỏ hay nhỏ, trong mỗi bệnh-viện, phương-tiện đình bệnh, chữa bệnh bao giờ cũng được tập-trung khả-năng hơn các tổ-chức của tư-nhân.

Phần thứ hai : Các cơ-quan vệ-sinh chung phụ-trách về phòng bệnh.

— Có rất nhiều tổ-chức : Bảo-trợ sản-phụ và hài-nhi, chích thuốc phòng ngừa dịch-lễ, thăm và theo dõi bệnh-nhân ở bệnh-viện về.

Phần thứ ba dành cho công việc thăm bệnh và chữa bệnh tư-nhân.

Ủy-ban địa-phương thỏa-thuận cùng Nghiệp-đoàn y-sĩ địa-phương phân chia số y-sĩ cho từng vùng đồng thời theo dõi số bệnh-nhân đi chữa tại các Phòng thăm bệnh tư. Tiền thù-lao do Ủy-ban định với sự thỏa-hiệp của Nghiệp-đoàn sở-quan. Số tiền mua thuốc và dược-liệu được hoàn lại cho bệnh-nhân.

Tổ-chức y-tế quốc-gia chịu trách-nhiệm hoàn-toàn các chi-phí về chữa bệnh và dược-liệu. Đứng trên lập-trường xã-hội tổ-chức này rất đẹp về phương-diện lý-thuyết, sau đây ta sẽ bàn về thực-tế kết-quả ra sao.

Tại Mỹ-quốc phong-trào y-tế công-cộng được thúc đẩy từ 1935. Hai thông-diệp đặc-biệt của Tổng-Thống Truman tháng 11 năm 1945 và tháng 5 năm 1947 hoạch-định phương-hướng mới của chính-sách y-tế. Tổng-Thống Truman đã vạch rõ chính-sách ấy không có quan-niệm là sẽ « Xã-hội hóa » y-tế. Các y-sĩ vẫn hoàn toàn có quyền hành-nghề tự-do, chọn người thầy thuốc mình tin. Quỹ Liên-Bang giúp đỡ nhiều về việc xây-dựng các bệnh-viện hoặc việc an-ninh xã-hội (Hospital Survey and construction act 1946, National Mental Health Act). Bảo-hiêm về bệnh-tật thường được tổ-chức theo quy-chế của từng tiểu-bang nhưng được bảo-đảm bằng những hợp-đồng công-cộng giữa Chủ và Thọ do các hãng bảo-hiêm tư phụ-trách.

Tổ-chức Y-Tế Quốc-Tế (O.M.S)

Sự giao-thông ngày càng thêm thuận-tiện thì dịch-lễ cũng nhờ đó có thể từ nước này tràn sang nước khác dễ-dàng, đó là nguyên-nhân thúc-dục thành-lập một cơ-quan quốc-tế với những luật-lệ quốc-tế về phòng bệnh. Hội-nghị y-tế quốc-tế họp lần đầu tiên tại Balé năm 1851. Năm 1892 thành-lập Ủy-ban ngừa bệnh Ai-cập (Conseil de la Quarantaine d'Egypte). Thỏa-hiệp quốc-tế đầu tiên về phòng bệnh tả, bệnh dịch được ký-kết năm 1912. Ủy-ban quốc-tế về vệ-sinh công-cộng được thành-lập năm 1908. Quy-định y-tế về giao-thông hàng-hải được ban-bố năm 1926. Năm 1933 y-Tế về giao-thông bằng phi-cơ đã được chấp-thuận.

Tổ-chức y-tế quốc-tế hiện-tại được thành-lập do hội-nghị năm 1945.

Tổ-chức gồm một Hội-Đồng trung-ương mỗi năm họp một kỳ. Hội-đồng ấn-định chính-sách chung về y-tế và quy-định các luật-lệ để ban hành. Ngày thường một ủy-ban chấp-hành gồm 18 hội-viên hằng năm họp hai kỳ phụ-trách điều-khiển mọi việc. Những ủy-ban địa-phương được thành-lập tại Alexandrie, New Delhi, Manille, Washington. Tổ-chức y-tế quốc-tế liên-lạc với các viện khảo-cứu, các tổ-chức y-tế các quốc-gia, các nghiệp-đoàn y-sĩ. Những cơ-quan của tổ-chức y-tế quốc-tế nghiên-cứu đặc-biệt về các bệnh xã-hội : bệnh lao, bệnh cùi, bệnh sốt rét con.

Tổ-chức y-tế quốc-tế giúp đỡ các quốc-gia nào yêu-cầu được sự giúp-đỡ về chuyên-môn, về phương-liệu, về học-bổng, về huấn-luyện v.v...

Tổ-chức y-tế quốc-tế khuyến-khích các cuộc nghiên-cứu thuộc phạm-vi phòng bệnh và chữa bệnh. Nhiều hội-nghị quốc-tế về các vấn-đề chuyên-môn đem lại cho y-sĩ dịp trao đổi kinh-nghiệm tài-liệu.

Tổ-chức y-tế quốc-tế còn duy-trì và trả kinh-phí cho các cơ-quan hành-chính và chuyên-môn, tập-trung các tài-liệu về dịch-tễ để thông-báo cho các quốc-gia hội-viên. Các cơ-quan này còn có tham-vọng duy-nhất những danh-từ về dược-liệu, ấn-định những trọng-lượng, các mẫu quốc-tế về huyết-thanh, và tuyến-tổ, về chất kháng-sinh v.v...



PHẦN THỨ IV

KẾT - LUẬN

Trong sự chuyển hướng của chính-sách y-tế nhiều người đã có viễn-tướng là tổ-chức y-tế quốc-gia của Anh-cát-lợi có thể là hình-thức tốt đẹp đáng làm gương.

Nhưng sau mấy năm thực-hành ai cũng công-nhận thấy rõ những khuyết-điểm.

1o) Số y-sĩ hiện có của Anh-cát-Lợi không sao đáp nổi nhu-cầu của bệnh-nhân. Chữa bệnh không mất tiền, nên ai cũng muốn đi chữa, bất cứ cái gì cũng muốn chữa.

Kết-quả là thầy thuốc bị tràn ngập, từ chối không được dành chữa và thăm bệnh rất vội vàng.

2o) Số bệnh-viện hiện có không đủ cho bệnh-nhân, vì ai hơi đau cũng muốn đi bệnh-viện.

Kết-quả khi có bệnh-nhân cấp-cứu lại không còn chỗ nữa.

3o) Số dược-liệu tăng lên rất nhiều, chi-phi về y-tế quốc-Gia lớn kém quá. Năm đầu ước lượng 200 triệu Anh-kim, tức 20.000 triệu bạc theo giá chính-thức, sự-thực đã tiêu 368 triệu Anh-kim, năm 1951 trên 489 triệu Anh-kim.

Kết-quả là tài-chính Anh-quốc tuy hồi đó dôi-dào mà không đương nổi gánh nặng. Chính-phủ Anh phải ra các chỉ-thị hạn-chế :

— Rút mức lời của các dược-sĩ (từ 33 phần trăm rút xuống 16 phần trăm) ;

— Rút giá tiền chi-phi cho Nha-sĩ ;

— Hạn-chế các chất dược-phẩm (không cho dùng thuốc đắt tiền) ;

— Bệnh-nhân trả lại một phần tiền về làm răng giả hoặc mua kính.

Mỗi lần xin đơn phải trả một Shilling, tuy hạn-chế như vậy, mà năm 1952 quỹ Anh-quốc tiêu mất 495 triệu anh-kim về tổ-chức y-tế quốc-gia.

Nghị-sĩ Bevan, lãnh-tụ lao-động, người xường-xuất ra tổ-chức y-tế quốc-gia đã phải thốt lời khuyên.

« Dân-chúng cần sử-dụng tổ-chức y-tế này một cách thận-trọng nếu không tổ-chức ấy sẽ sụp-đổ ».

Trong thời-gian ấy, tổ-chức y-tế tại Mỹ-quốc vẫn giữ được chính-sách tự-do.

Điều ấy đáng cho chúng ta suy-nghĩ.

Đối với Quốc-gia Việt-Nam, trong giai-đoạn kiến-thiết, vấn-đề y-tế nhất là y-tế xã-hội cần được chấn-chỉnh lại. Song chúng ta cần cân nhắc hoàn-cảnh của nước nhà, nhất là những khả-năng kinh-tế của chúng ta.

Ai mà không muốn cái gì cũng hay, cũng đẹp, cũng đủ.

Muốn, là một vấn-đề, có đủ sức thực-hiện lại là chuyện khác.

Nóng nẩy muốn thực-hiện ngay một tổ-chức y-tế hoàn-bị như các nước Âu-Mỹ ; Không thể được.

Nói thế không phải bênh-vực thuyết tiêu-cực bất-dộng.

Nêu rõ những khó-khăn ấy để dư-luận sáng-suốt hơn trong sự đòi hỏi yêu-sách.

Một chính-sách thực-tế nên lưu-ý đến những điểm sau đây :

1) Nước Việt-Nam là một nước nông-nghiệp, tám mươi phần trăm dân-chúng sống rải-rác nơi thôn quê.

Tổ-chức y-tế thôn quê là phần quan-trọng nhất, mà cần-kíp nhất.

2) Với phương-hướng mới của Khoa-học phải hướng về phòng bệnh. Tập-trung vào công-cuộc chữa-bệnh không bao giờ giải-quyết được tình-trạng bế-tắc. Phòng bệnh là nghĩ đến những thế-hệ tương-lai.

3) Đặt rõ quan-niệm chính-trị : vấn-đề xã-hội y-tế là một vấn-đề công-bằng xã-hội, chứ không phải vấn-đề từ-thiện. Giải-quyết vấn-đề ấy đòi hỏi sự đồng-lực công-tác của tất cả các tầng lớp nhân-dân, khi người ta chỉ nghĩ đến người thầy thuốc là đặt sai trọng-tâm. Người thầy thuốc chỉ có nhiệm-vụ cán-bộ chuyên-môn hướng-dẫn công-cuộc phòng bệnh.

4) Định rõ nguyên-tắc dân-chủ : có hưởng quyền-lợi thì có bổn-phận. Y-tế đã không thể là tổ-chức bố-thi thì người dân phải gom-góp kinh-phi vào công-cuộc chung. Chỉ khác có một điểm, sự đóng góp này tùy theo khả-năng từng người : kẻ có công, người góp sức.

5) Muốn thành-công phải chuẩn-bị kế-hoạch, chương-trình và đưa vấn-đề giáo-dục nhân-dân lên đầu. Người dân là người sẽ được hưởng, người dân phải hiểu để tự thi-hành chỉ-thị phòng bệnh.

Công cuộc giáo-dục ấy không phải một lúc mà thành, một ngày mà xong. Nó đòi hỏi sự phối-hợp của các tầng lớp nhân-dân. Nó cần xư-dụng đủ mọi hình-thức tuyên-truyền giáo-huấn.

Về ngân-sách, không quỹ quốc-gia nào có thể dài-thọ được kinh-phi của An-ninh xã-hội theo tổ-chức y-tế quốc-gia Anh-cát-Lợi. Ngay tổ-chức này của nước Anh cũng đã phải thay đổi nhiều. Với quỹ Quốc-Gia Việt-Nam, dù có sự viện-trợ của

các nước bạn cũng không thể giải-quyết ngay những khó-khăn hiện-tại.

Các cơ-quan hướng-dẫn du-luận có nhiệm-vụ giải-thích, chúng ta chỉ có thể làm những gì với các phương-liện mà chúng ta có thể có.



Thưa quý vị,

Nước nhà trong giai-đoạn kiến-thiết, chúng tôi tin rằng với sự cố-gắng bền-bĩ của toàn-dân tất ngày thành-công, không đến nỗi xa-xăm. Trong công cuộc xây-dựng y-tế nhân-dân, anh em thầy thuốc chúng tôi bao giờ cũng sẵn sàng gom góp một phần nhỏ mọn để phục-vụ dân-tộc và bệnh-nhân.

Saigon, ngày 7 tháng 1 năm 1957

Bác-sĩ PHẠM - HỮU - CHƯƠNG
Tổng Thư-Ký Nghiệp-Đoàn Bác-sĩ tư Việt-Nam



MỘT QUAN-NIỆM VỀ VĂN-HÓA

Chiều 11-1-1957 :

ĐỀ-MỤC

TRÌNH-BÀY MỘT QUAN-NIỆM VỀ VĂN-HÓA

Thuyết-trình viên : Ông Ngô-đình-Nhu. (Cố-vấn Chính-Phủ.)

Chủ-lựa đoàn : Luật-sư Bùi-tường-Chiêu.

Luật-sư Cao-văn-Tường.

Ông Nguyễn-hữu-Khai (dân-biểu quốc hội)

Thư ký đoàn : Như cũ.

NỘI-DUNG.— (trích báo *Cách-Mạng Quốc-Gia*)

Trước Đại-hội văn-hóa toàn-quốc nhóm họp ở Rạp Thống-Nhất, ông Ngô-Đình-Nhu, Cố-Vấn tại Tổng-Thống-Phủ, đã trình-bày quan-niệm của ông về vấn-đề xây-dựng một nền văn-hóa có tánh-chất hoàn-toàn dân-tộc.

Sự hệ-trọng của vấn-đề trình-bày và phẩm-cách của diễn-giả đã hấp-dẫn đến Đại-hội một số rất đông thính-giả. Ngoài một số rất đông Đại-biểu dự đại-hội, người ta nhận thấy có các ông Bộ-trưởng Trần-chánh-Thành người tổ-chức Đại-hội Văn-hóa, ông Bộ-Trưởng Đỗ-văn-Công, Hoàng-Hùng, ông Trần-quốc-Bửu, Chủ-tịch Tổng Liên-đoàn Lao-công Việt-Nam nhiều vị Dân-biểu Quốc-hội và viên-chức cao-cấp.

Ba ông Bùi-tường-Chiêu, Cao-văn-Tường và Nguyễn-hữu-Khai ngồi ghế Chủ-tịch đoàn.

Sau khi một nhân-viên trong Ban tổ-chức giới-thiệu, ông Ngô-đình-Nhu bước lên diễn-đàn giữa tiếng vỗ tay của các thính-giả.

Trong khoảng trên một tiếng đồng hồ, diễn-giả hấp-dẫn được cử toạ chăm-chú theo dõi câu chuyện mà đề-tài đã gây ra những cuộc tranh-luận rất sôi-nổi trong các buổi họp của Đại-hội văn-hóa.

Sau khi nhắc lại quá-trình tiến-triển của nền văn-hóa tại các nước Á-châu, sự tiến-triển phát-sinh từ phong-trào Cách-mạng Quốc-gia ở Á-châu, trước sự lan-tràn của chủ-nghĩa thuộc-địa của người Âu-châu, ông Ngô-đình-Nhu phân-tích các kết-quả đã đạt được và đưa ra những luận-kết cần-thiết cho việc xây-dựng nền văn-hóa V.N.

Về vấn-đề này, ông trình-bày cùng Đại-hội một quan-niệm mới về văn-hóa. Quan-niệm đó là đặt nền văn-hóa của nước nhà trên căn-bản nhân-vị, với những dân-tộc tính V.N. và dân-tộc tính Á-Đông.

Vai trò chính-yếu của văn-hóa

Nhấn mạnh tới điểm quan-trọng của văn-hóa vào đời sống một quốc-gia, diễn-giả cho rằng thiếu một nền văn-hóa thực-sự, một nước bất-cứ là nước nào chẳng sớm thì muộn cũng sẽ bị đào-thải ra ngoài liệt-quốc trên hoàn-cầu.

Ông cho rằng : Nghĩa-vụ của người công-dân là phải làm phát-triển văn-hóa của mình và góp phần vào công cuộc xây-dựng văn-hóa của toàn-quốc. Nền văn-hóa quốc-gia là do sức sinh-hoạt và các khả-năng của một dân-tộc tạo nên. Phong-trào văn-hóa lớn-lao hiện đang phát-triển tại Việt-Nam Tự-do là một sự kích-thích rất đáng quý cho tất cả người Việt-Nam chúng ta.

Cuộc Cách-mạng của các dân-tộc Á-Châu

Sau đó, diễn-giả thuật lại sự tiến-triển của nền văn-hóa các dân-tộc Á-châu, từ nửa thế-kỷ nay, hay là, nói cho đúng hơn, từ cuộc chiến-tranh nha-phiến Trung-Hoa, nó là tiếng chuông báo chết của nền độc-lập phần đông các nước Á-châu.

Ông nói : « Sau cuộc thất-bại trước sức bành-trướng của chủ-nghĩa thực-dân Âu-Tây do sức tiến-bộ của nền kỹ-thuật tối-tân tăng-cường thêm, các nước Á-châu tìm cách phân-tích những nguyên-nhân sự kém cỏi của mình.

« Các nước Á-châu liền « kiểm-tra » lại tất cả mọi giá-trị tinh-thần và luân-lý của mình và tất cả mọi quan-niệm tinh-thần, đạo-đức, chính-trị từ trước tới nay vẫn được coi như bất-di bất-dịch.

Sức cố-gắng tái-thăm và cải-tạo, một thứ men chính-trị và trí năng đã làm căn-bản cho tất cả các phong-trào cách-mạng quốc-gia các dân-tộc Á-châu.

Trước đê-quốc chủ-nghĩa của các cường-quốc Âu-tây, phản-ứng của các dân-tộc Á-Châu có thể tóm thâu vào trong 2 điểm chính :

Về phương-diện chính-trị, những dân-tộc ấy chiến-đấu cho nền độc-lập chính-trị của họ.

« Về phương-diện văn-hóa, các dân-tộc ấy tìm cách lấy điều gì mà họ coi là nền-tảng của sự hùng-cường các nước Tây-phương nghĩa là khoa-học, phương-pháp và kỹ-thuật tân-kỹ của Âu-Tây, nhưng đồng thời vẫn bảo-vệ được « nhân-vị » riêng cùng những giá-trị cổ-truyền của nước mình.

« Trên hai con đường vạch ra đó các dân tộc Á-Đông phát-triển trào-lưu của mình mà hiện nay vẫn còn đang tiếp-diễn, mặc dù nền độc-lập chính-trị đã hoàn-thành.

THIỆU MỘT TIÊU - CHUẨN

« Những chương-trình mà các phong-trào cách-mạng quốc-gia theo đuổi đó đã đem lại những kết-quả tốt đẹp cho các dân-tộc Á-châu chưa? » Đối với câu hỏi đó, ông Ngô-dình-Nhu tỏ ý thận-trọng. Ông nói:

« Thực ra, những cố-gắng của các dân-tộc đáng nhẽ có một vận-mệnh tốt đẹp hơn nếu những nhà lãnh-đạo có một tiêu-chuẩn vững chắc hơn.

« Về nước Việt-Nam ta, những kết-quả thu được không tương-xứng với sức hoạt-động bền bỉ kiên-nhẫn của dân-tộc ta. Trên con đường tiến-bộ mà chúng ta mò mẫm mãi không ai dẫn dắt, chúng ta đã gặp phải biết bao nhiêu là trở-lực, do đó chúng ta mất rất nhiều thời-gian.

« Những mục-đích nêu ra trong các chương-trình quốc-gia rất đúng đắn vì tất cả cuộc cách-mạng thực-sự đều nhằm vào 3 mục-phiêu :

- 1 — Ly khai với tất cả các giá-trị sai lầm hay lỗi thời.
- 2 — Giữ giữ những giá-trị phổ-biến
- 3 — Tiến-bước

« Nhưng vấn-đề là phải xét xem nên tiến bước về phương-hướng nào và phải nhận-định đâu là giá-trị thực-sự và đâu là giá-trị sai lầm ».

Diễn-giả nhấn mạnh :

« Điều thiếu-sót của chúng ta là không có một tiêu-chuẩn « công-cụ » để suy xét và để thẩm-định ».

TÔN-TRỌNG NHÂN-VỊ

Để tìm cách bổ-khuyết cho điều thiếu sót đó, ông Ngô-đình-Nhu xét lại tất cả các nền văn-hóa trên hoàn-cầu để tìm ra những kết-luận hợp-lý.

Theo diễn-giả thì văn-hóa của một vài cường-quốc Tây-phương, nó đã đem lại sức mạnh cho Âu-châu và ưu-thế đối với Á-châu không phải là nền kỹ-thuật mà là tinh-thần tạo nên nền kỹ-thuật đó. Sức mạnh về kinh-tế và binh-bị của Âu-châu không phải là nguyên-nhân căn-bản của tiến-bộ mà chỉ là những hiệu-lực của tiến-bộ.

Văn-hóa Âu-Tây đã bắt nguồn trong thông-điệp của Phúc-âm, trong tư-tưởng tinh-mật và trong biện-chứng pháp Hy-Lạp.

Ông Ngô-đình-Nhu nói : Văn-hóa Âu-Tây chỉ có thể phát-đạt được nhờ có tinh-thần tôn-giáo mà người Âu-châu coi như một công-cụ để thẩm-định giá-trị con người, tư-tưởng tinh-mật và biện-chứng pháp Hy-Lạp, là những phương-tiện dùng để thẩm-thấu vào thiên-nhiên, để chi-phối thiên-nhiên.

« Đặc-điểm của nền văn-hóa Tây-phương là lòng tín-ngưỡng vào thiên-chức của con người và giá-trị siêu-việt của thiên-chức đó ».

Nói tới văn-hóa Á-đông nhất là văn-hóa Ấn-độ và văn-hóa Trung-hoa là hai nền văn-hóa cổ nhất ở Á-đông, diễn-giả chứng tỏ những nguyên-tắc tôn-trọng nhân-vị có nói trong học-thuyết Rig Vê-đa và Onpanishads cùng trong học-thuyết Mạnh-tử và cả trong sự truyền-thống bình-dân của Việt-Nam.

Ông Nhu kết-luận : « Như vậy tiêu-chuẩn mà chúng ta đang tìm cho nền văn-hóa quốc-gia không gì khác hơn là « Nhân-vị » trong cộng-đồng »

ĐỘC-LẬP KINH-TẾ

Ông Ngô-đình-Nhu nhấn mạnh vào phương-diện khác của vấn-đề văn-hóa : phương-diện kinh-tế, Ông nói :

— « Phong-trào Cách-mạng quốc-gia chỉ hoàn-tất với nền độc-lập về kinh-tế ».

« Nhân-phẩm con người của người cần-lao chỉ được tôn-trọng nếu nước nhà độc-lập về kinh-tế ».

Sau khi đoan-quyết rằng quan-niệm về nhân-vị đã có một tiếng vang lớn trong giới thợ-thuyền của nước Việt-Nam tự-do từ mấy năm nay, ông Ngô-đình-Nhu cho rằng giải-pháp về vấn-đề kinh-tế là công-cuộc tổ-chức một nền kinh-tế chỉ-huy phù-hợp với những đòi hỏi của nền kỹ-thuật tối-tân. Mà đã nói đến kinh-tế chỉ-huy là nói tới hạn-chế sự tự-do.

Điều này lại bắt chúng ta trở lại trung-tâm của vấn-đề văn-hóa.

Kết luận

Diễn-giả kết luận như sau :

« Những điều khó-khăn ghê-gớm mà Việt-Nam vấp phải là số-mệnh của chúng ta. Chúng ta phải can-đảm nhận số-mệnh đó.

« Ấy là một điều vinh-dự cho thể-hệ chúng ta, nếu chúng ta biết dùng men « nhân-vị » để làm cho văn-hóa chúng ta « bốc men ». Men « nhân-vị » đó sẽ làm giàu cho nền văn-hóa trên mọi phương-diện mà không thúc đẩy nền văn-hóa đó tới những giải-pháp quá-khích sang cực-hữu hay cực-tả.

« Tôi tin chắc rằng nhờ sức cố-gắng kiên-nhẫn của dân-tộc V.N. mà người ngoại-quốc đã phục là thông-minh và có năng-lực, chúng ta sẽ thực-hiện được những lời cầu-chúc của Tổng-Thống Eisenhower trong bức điện-văn của Ngài ngày 26-10-56 gửi dân-tộc V.N. trong đó, Tổng-Thống có tuyên-bố, « sự cố-gắng của dân-tộc V.N. sẽ là 1 nguồn suy-luận cho tất cả các nước dân-chủ Á-Đông hiện-tại.

Cuộc trần-thuyết của ông Ngô-đình-Nhu được cử-tọa nhiệt-liệt hoan-giêng.

Tiếp đó là cuộc trao-đổi quan-điểm. Diễn-giả vui vẻ trả lời mọi câu hỏi của thính-giả đưa ra và giải-thích rõ ràng những điểm thắc mắc.



NGHỆ-THUẬT NHIẾP-ẢNH VIỆT-NAM

Sáng 12-1-1957.

ĐỀ-MỤC:

THUYẾT-TRÌNH VỀ NGHỆ-THUẬT NHIẾP-ẢNH VIỆT-NAM

Thuyết-trình viên : Ông Nguyễn-văn-Mùi (nghệ-sĩ)

Chủ-tọa đoàn : như cũ.

Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI-DUNG :

Nhiếp-ảnh là một ngành văn-nghệ trẻ-trung nhất và tuy mới nhập nước ta được hơn nửa thế-kỷ nhưng đã nghiêm-nhiên chiếm một địa-vị quan-trọng trong văn-hóa Việt-Nam.

Bước tiến của Nhiếp-ảnh sở-dĩ mau và dài một phần nhờ ở sự tiến-triển chung của nghệ-thuật Nhiếp-ảnh thế-giới về phương-diện kỹ-thuật cũng như về phương-diện mỹ-thuật, một phần nữa nhờ ở khả-năng diễn-tả riêng của ngành ấy đã phù-hợp đời sống con người với thiên-nhiên và nhất là với lòng tôn-trọng sự thật, tính chất-phác của người Việt chúng ta.

Khởi thủy, các bạn làm nghề đã ra mắt công-chúng bằng những tiệp ảnh với những bức chân-dung lột hết sự thật và đã được hoan-ngênh nhiệt-liệt.

Thật vậy, một bức chân-dung được tạo ra trong khoảng-khắc để làm kinh-ngạc mọi người, hơn nữa, bức chân-dung ấy không những đã ghi hết được những nét mặt, giáng điệu, y-phục của đương-sự, mà còn có năng-lực màu-nhiệm làm ngừng hẳn lại khoảng thời-gian luôn luôn trôi mãi, để không bao giờ trở lại.

Xét tâm-lý chung, người ta ai mà chẳng luyến tiếc những thời đã qua. Ông già bà cả mỗi khi được ngắm lại chân-dung của mình trong thời niên-thiếu thì uھر đã sống trở lại thời xưa trong vài phút.

Các bạn thanh-niên, thiếu-nữ đều mong ghi lại mãi hình-dung của tuổi vô-tư, sung-sướng, trẻ em cũng nhờ nhiếp-ảnh để đo sức lớn của mình.

☉ Liên với những chân-dung của các bạn làm nghề, cảnh-vật thiên-nhiên đã là trọng-tâm để các Nhiếp-ảnh tài-tử khai-thác.

Ngôi nhà thân yêu, quenthuộc, tại đó ta đã sinh-trưởng, phong-cảnh của đất nước mà ta đã thăm qua, ta đều muốn dùng Nhiếp-ảnh để làm cho thành bất-diệt và trở thành sở-hữu riêng của ta.

Nếu giới làm nghề đã là tiền-phong của nghệ-thuật Nhiếp-ảnh Việt-Nam, thì giới tài-tử đã có nhiều công trong việc phổ-biến và nâng cao Nghệ-thuật ấy để đạt một trình-độ với một giá-trị cao cả, vững chắc như ngày nay.

Thật vậy, báo-chí Pháp, năm 1954 đã có lời phê-bình như sau :

« Những năm gần đây, trong những cuộc triển-lãm Quốc-tế Nghệ-thuật Nhiếp-ảnh ở tại Âu-châu, mấy nước ở Á-châu đã tỏ ra rất trội, tác-phẩm của những nước ấy đã là những cái đỉnh của các phòng triển-lãm, chúng ta phải kể : Nhật-bản, Việt-Nam, Trung-hoa (Hương-Cảng).

Sở-dĩ giới tài-tử đã thu được kết-quả lớn lao và trong một thời-gian kỷ-lục thế là vì các bạn ấy đã hoạt-động không ngừng và đứng trên lập-trường rõ-rệt « Phụng-sự Nghệ-thuật ».

Kiểm-điểm lại thành tích và Nghệ-phẩm của nền Nhiếp-ảnh Việt-Nam từ trước tới nay, chúng ta cần nhắc lại ở đây mấy giai-đoạn chính :

1. — Giai-đoạn phôi-thai (1900 — 1930)

Chúng tôi không thể nhớ Nhiếp-ảnh nhập vào nước ta năm nào, bởi ai, chỉ biết rằng ở Hà-nội, hiệu ảnh Đông-phô đã mở tại đường Hàng-Bồ vào khoảng năm 1900 và sau đó các hiệu mọc lên rất nhiều và quy-mô ngày càng rộng lớn như các hiệu Hương-ký, Khánh-ký...

Đồng thời các tài-tử cũng lác đác chơi ảnh với những loại máy nhỏ khổ 10 x 15, 9 x 12 để đi tới khổ 6 x 13, 6 x 9, 4 x 6 và sau cùng năm 1925 khổ 24 x 36 ly.

2. — Giai-đoạn phở-biến và phát-triển mỹ - thuật ảnh (1930 - 1940)

Có thể nói rằng từ năm 1930 nghệ-thuật Nhiếp-ảnh đã phổ-biến rộng rãi trong công-chúng và mỹ-thuật ảnh cũng đã có định-hướng.

Tại các hiệu, những bức chân-dung vẽ hoàn-toàn chất-phác, ngây-ngồ đã được thay thế dần bởi những bức chụp; thái-độ tự-nhiên với ánh-sáng nhẹ-nhàng bay bướm làm rõ ý-nghĩa tấm-ảnh.

Giới tài-tử, với kỹ-thuật mới đã tạo được những tác-phẩm hấp-dẫn bởi màu sắc, ánh sáng và bố-cục.

Khách hâm-mộ biết thưởng-thức ngành mỹ-thuật tân-tiến này cũng một ngày một tăng để đưa đến sự chú-ý của người sáng-lập ra trường Mỹ-thuật, ông Victor Tardieu.

Năm 1935, ngành Mỹ-thuật mới của nước ta đã tổ-chức một cuộc thi và trưng bày ảnh với sự nâng đỡ công-khai của Chính-quyền.

Kỳ triển-lãm đầu tiên này đã hấp-dẫn không ít và kết-quả thu được đã ngoài sự mong muốn mà phần chính do giá-trị thực-sự của ảnh với những nét duyên-dáng; ánh-sáng lộng lẫy, trình-bày vững chãi.

Liên mấy năm sau: 1936 tại Bắc-kỳ có mở cuộc thi ảnh mỹ-thuật rộng-rãi với hai đề-tài: Nhân-vật và phong-cảnh.

Năm 1937, phòng thương-mại tổ-chức triển-lãm ảnh tại Hội-chợ Hà-nội, trụ-sở viện Bảo-tàng Maurice Long.

Hội Trí-tri Hà-nội mở triển-lãm tại Hội-quán đường Hàng quạt năm 1938. Cùng năm ấy tại Nam-định, một nhóm nghệ-sĩ mở phòng triển-lãm ảnh tại Cầu-lạc-bộ tỉnh.

Qua Tác-phẩm trưng bày thuộc đủ các loại, nhiều bức đặc-sắc đã nêu danh tác-giả.

Tác phẩm « Bà và cháu » của Văn-Anh, giải nhất cuộc thi ảnh năm 1936 về nhân-vật, chứa đựng một tình-yêu nồng-nàn và ấm-cúng trong gia-đình Việt-Nam.

Tác-phẩm « Đèn Ngọc-Sơn » với cầu Thế-Húc sau những chòm rêu si lả lướt, của Dương-Quý đề-cao cảnh nên thơ của nơi thắng-cảnh đệ-nhất Thủ-đô,

Tác-phẩm « Con Sấu đá tại chùa Đẻ-thiên » nổi bật thân hình đen bóng trên nền trời mây trắng (của Võ-an-Ninh).

Cùng với bao nhiêu tác-phẩm của những nghệ-sĩ xuất-sắc đã đánh dấu một bước tiến mạnh-mẽ của nghệ-thuật Nhiếp-ảnh Việt-Nam.

Những tác-phẩm ấy, với kỹ-thuật chắc-chắn của tác-giả đã phổ-bày được nhiều vẻ đẹp của thiên-nhiên: Hùng-vĩ của núi sông, bao la của cây cỏ, cũng như đã tả được vẻ tự-nhiên của người và vật, sự êm đềm thân-mật của đời sống gia-đình, lòng thương con của bà mẹ hiền, sự ngon lành đầy sinh-tổ của những quả chín...

Nhiều nghệ-sĩ tác-giả của những bức ảnh đặc-sắc được ca-tụng trong đó có hai ngôi sao sáng chói là Võ-an-Ninh và Lê-đình-Chu.

Nối tiếp với giai-đoạn hệ-biên và phát-triển Nhiếp-ảnh tại Bắc-Việt, thì ở miền Nam, với tình-trạng và hoàn-cảnh năm 1946 một số nghệ-sĩ Nhiếp ảnh Hoa-kiều đã tổ-chức một cuộc triển-lãm ảnh mỹ-thuật tại Phòng Thương-mại Chợ-lớn.

Trong số một trăm (100) tác-phẩm trưng-bày, những bức phong-cảnh nhẹ-nhàng màu sắc in hết như bức tranh cổ Trung-hoa đã được tán-dương đặc-biệt và tác-giả: bạn Trần-phong-Cur, Lý-Lan-Tiêu đã nổi tiếng.

Tuy-nhiên, trong giai-đoạn này, số tác-phẩm hoàn-toàn còn rất hiếm. Tác-giả cũng như khán-giả mới chú-trọng đến một cái đẹp lộng-lẫy bề ngoài mà chưa đi sâu được vào nội-dung kín-đáo và cao-siêu.

Vẻ đẹp được ưa-chuộng vẫn là cái đẹp chân-phương, chất-phác. Một vài tác-phẩm có đường lối và ánh-sáng bay bướm hơn tuy rằng không tránh được vẻ khô-khan, ghép-gượng, đã tỏ ra rằng tác-giả thực đã có tâm-hồn nghệ-sĩ tìm-tòi bước tiến mới mẽ đi xa hơn nữa.

Một điểm đáng tiếc, làm chậm bước tiến của văn-nghệ nói chung và của Nhiếp-ảnh nói riêng là văn-nghệ hồi ấy mới chỉ được dùng nội trong phạm-vi kỹ-thuật và mỹ-thuật, chưa có một đường-lối nào khác hướng về phụng-sự một lý-tưởng. Dân-tộc-tính chưa hề được nghĩ tới, tình-trạng ấy có thể là do hoàn-cảnh chính-trị chung không cho phép chăng? Dưới ách đô-hộ của thực-dân, người Việt chưa được nói lên hay ca-tụng những cái đẹp của dân-tộc của Tổ-quốc chăng?

3.— Giai-đoạn Chân-hưng (1950-1954)

Một thời gian gián-đoạn khá dài (1941-1949) bởi thời cuộc một phần vì vật-liệu về Ảnh còn hiếm và giá quá đắt, một phần vì vấn-đề nhân-sinh gặp bước khó-khăn, an-ninh chưa có. Nghệ-thuật

ảnh-ảnh lại được chấn-hưng và mở-đầu cho một kỷ-nguyên mới vào năm 1950 đến 1954.

Các Nghệ sĩ nhiếp-ảnh, sau khi hồi-cur về Thủ-đô Hà-nội cũng là Thủ-đô Văn-bóa Việt-Nam, đã biết đoàn-kết chặt-chẽ, vạch ra một chương-trình hoạt-động chung và định rõ đường lối cho ngành nhiếp-ảnh.

Màu-sắc Á-Đông nói chung và bản-sắc Việt-Nam nói riêng đã là một điều thắc-mắc chính cần giải-quyết và đạt tới. Đó cũng là điều khó-khăn nhất đã làm tổn hao-nhiều tâm-lực cho các nghệ-sĩ không những chỉ có mục-đích phụng-sự nghệ-thuật và còn tự nhận lấy trách-nhiệm của người công-dân yêu-nước, người chiến-sĩ Văn-hóa trong việc tô-điểm non sông và giống-nòi.

Nhiều nhóm năm, bảy người đã mọc lên từng khu phố với sự liên-lạc mật-thiết đã làm việc không ngừng để đưa tới việc tổ-chức những cuộc Triển-lãm hàng năm tại Thủ-đô đất Bắc với sự hưởng-ứng nhiệt-liệt của các ban nghệ-sĩ miền Trung và Nam.

Triển-lãm hàng năm nghệ-thuật nhiếp-ảnh Việt-Nam tại nhà Hát-Lớn Hà-nội trong những năm 1952, 1953 và 1954 đã hấp-dẫn một số khán giả kỷ-lục. Từ giờ khai-mạc cho đến phút bế-mạc, phòng Triển-lãm không lúc nào vắng khách.

Ngoài những bức ảnh có màu-sắc nhẹ-nhàng của một bức tranh thủy-mạc do các nghệ-sĩ có tâm-hồn trong trắng sáng-tác, những bức tả chân đã làm cho người ta phải nghĩ ngợi và cảm-thông với giới bình-dân lam-lũ, nghèo-nàn, vất-vả nhưng vẫn nỗ-lực mưu-sinh bằng cả một ý-chí cương-quyết và tự-lập, những trẻ em hồn-nhiên, vui-vẻ, linh-hoạt vui-đùa gợi cho khán-giả sự tin-tưởng ở những mầm-non của đất nước.

Kỹ-thuật và mỹ-thuật ảnh đã được dung-hòa về đủ mọi khía cạnh để tả ý muốn của các nghệ-sĩ trên một đường lối rõ-rệt vạch ra với một mục-đích định sẵn. Vì thế cho nên những điểm khiếm-khuyết trước kia đều được sửa chữa và nội-dung tác-phẩm đã chiều được ý-muốn tác-giả và làm thỏa-mãn cả nhà thưởng-thức sành-sỏi.

« Ngây thơ của Đỗ-Huân thật đã tiêu-biểu rõ-rệt cho Thiếu-nhi Việt-Nam đang hồn-nhiên sung-sướng, tin-tưởng ở một ngày mai hy-vọng ».

« Mớ tóc mây » của Trần-Lê-Linh đã hình-dung được những nét mềm-mại óng-ả của phụ-nữ Đông-Phương.

« Âu-yếm » của Dương-Quy đã gọi trong lòng khán-giả bao tình-yêu thâm-thía.

« Yên ba giang-thượng » của Trần-phục-Lê, chứa đựng cả một tâm-hồn thi-sĩ, đã như lối cuốn người trần-tục lạc vào cõi tiên.

« Bơ vơ » của Bằng-bí-Lân đã phản-ảnh rõ-rệt vết thương của xã-hội khiến khán-giả phải bùi-ngùi, xúc-động đến tận lòng bác-ái.

Nói chung, biết bao nhiêu tác-phẩm trưng bày đã nói lên một cách thống-thiết tất cả những cái đẹp của non sông gấm-vóc, của mỗi tầng lớp nhân-dân đang vùng lên trên con đường tranh-đấu xây-đựng những tinh-hoa quý báu của giống nòi.

Nhắc nhớ lại giai-đoạn này là giai-đoạn đầy cố-gắng, gian-lao mà cũng đầy hy-vọng và cương-quyết chúng tôi không khỏi bùi-ngùi. Bùi ngùi ở chỗ chúng tôi rất nghèo, nghèo về tài-lực, nghèo về thể-lực, nghèo về phương-tiện, nghèo về kinh-nghiệm nữa. Nhưng chúng tôi đã giàu về tâm-hồn, giàu về ý-chí, về lý-tưởng, đó là những điểm duy-nhất dẫn chúng tôi đến thành-công, và an-ủi khuyến-khích chúng tôi để tiến mãi không ngừng.

Với bàn tay không và một số đề-tài chọn lọc, chúng tôi đã « nai lưng » làm việc.

Mượn phòng để triển-lãm, in sách giới-thiệu, quảng-cáo, giao-dịch xin phép Chính-quyền và mời đại-biểu tân khách đến khai-mạc.

Với hai bàn tay không và một ý-chí của một số nghệ-sĩ trung-kiên, triển-lãm Quốc-gia nghệ-thuật nhiếp-ảnh tại Hà-nội vẫn thành và cứ sau mỗi năm, bước tiến lại càng rõ, mạnh và vững hơn.

Năm 1952, số nghệ-sĩ tham-dự là 25 người với 56 tác-phẩm. Tuy nhiên không phải vì số ít như thế mà phòng triển-lãm kém phần giá-trị. Sang năm 1953, 56 nghệ-sĩ, 56 tâm-hồn ở khắp nẻo đường của đất nước, đã biểu-dương sức mạnh hấp-dẫn của nhiếp-ảnh trên 166 tác-phẩm đủ các loại: ảnh nắng gay-gắt của mùa Hạ miền Nam núi non trùng-điệp của Vịnh-Hạ-Long, đất phù-sa nhầy-nhựa của giòng sông Hồng-Hà, cảnh êm-dềm trên sông Hương, tất cả những cảnh ấy cùng nhân-vật quanh ta, đều được mô-tả đầy đủ bằng những bàn tay già-giận. Đến 1954, số tác-giả tham-dự cùng tác-phẩm được lựa-chọn đều giảm xuống để cấu-tạo nên một nghệ-thuật cao-siêu hơn. 36 nghệ-sĩ, 96 tác-phẩm đã gây nên một thành-tích mạnh về phẩm. Không còn một bức ảnh nào để khán-giả phải phàn-nàn về điểm này còn non, điểm kia còn yếu.

Những tác-phẩm này phần nhiều đều đã nêu thành-tích tại ngoại-quốc, trong những cuộc triển-lãm quốc-tế mà chi-tiết sẽ được trình-bày ở đoạn sau đây :

4. — Giai-đoạn tiếp-xúc với Thế-giới (1952-1954)

Sau một thời-gian chấn-hưng nghệ-thuật và đồng thời với những tổ-chức triển-lãm quốc-gia, để thăm dò sự tiến-triển của Nhiếp-ảnh Thế-giới, các nghệ-sĩ Việt-Nam đã gửi tác-phẩm của mình đi dự các cuộc thi ảnh và triển-lãm quốc-tế nghệ-thuật nhiếp-ảnh tại hầu khắp các nước trên thế-giới.

Tiếng chuông Việt-Nam đã nhiều phen, âm vang ở nước ngoài mà dư-âm lan truyền sang nhiều nước khác xa-lòì ở khắp năm Châu.

Danh-từ Quốc-gia Việt-Nam đứng cạnh các Quốc-gia : Bỉ, Ý, Pháp, Anh, Mỹ... hơn 20 nước khác nhau không một chút dẹt dè, e-ngại. Nhiếp-ảnh Việt-Nam đã nói lên một cách hùng-hồn cái tiếng riêng biệt của mình cho hoàn-cầu biết tới. Nhiếp-ảnh Việt-Nam còn được tán-thưởng, nhiều khi còn chiếm địa-vị, trong làng Nhiếp-ảnh Quốc-tế. Những huy-hiệu vàng, huy-chương quốc-tế và bao nhiêu giải-thưởng đã được đem về đất nước Việt-Nam.

Dư-luận thế-giới nhiếp-ảnh như đã nói ở đoạn đầu đã đặc-biệt chú-ý và khen-ngợi nghệ-thuật nhiếp-ảnh Việt-Nam. Tên tuổi các bạn nghệ-sĩ : Lê-anh-Tài, Trần-Lê-Linh, Dương-Quy, Đỗ-Huấn, Nguyễn-văn-Chiêm v.v., đã bao lần được nêu trên đài vinh-quang, cũng hợp với các nghệ-sĩ quốc-tế.

Tác-phẩm « Tuổi thơ » của Trần-Lê-Linh, được giải danh-dự trong kỳ triển-lãm quốc-tế tại Tây-ban-Nha năm 1953.

« Vô-Đề » của Lê-anh-Tài đã gây rất nhiều thành-tích trên Quốc-tế trong những năm 1953-1954.

Kết-quả trên đây đã là mục-thước để đo các giá-trị của nhiếp-ảnh Việt-Nam và có thể nhận rằng nền nhiếp-ảnh đã tới độ trưởng-thành vậy.

5. — Giai-đoạn trưởng-thành (1954-1956)

Nếu không có những biến-cổ xảy ra thì khoảng cuối năm 1954, sang đầu năm 1955, một cuộc triển-lãm nghệ-thuật nhiếp-ảnh quốc-tế đã được tổ-chức tại Hà-nội rồi.

Sau khi định-cư tại Nam-Việt, với sự đoàn-kết chặt-chẽ giữa các nghệ-sĩ Bắc và Nam; các bạn ấy đã làm việc không ngừng gây được tín-nhiệm với chính-quyền quốc-gia.

Được nâng đỡ trong tuần lễ Văn-nghệ Việt-Nam tổ-chức vào giữa năm 1955 tại Saigon, các bạn ấy lại được dịp nêu thêm thành-tích cùng chân giá-trị về phương-diện kỹ-thuật, mỹ-thuật và cả lý-tưởng nữa.

Đề-tài dân-tộc, dân-sinh và tiến-hóa được nêu ra làm trọng-tâm cho cuộc triển-lãm và một con đường mới rộng thênh-thang được mở ra cho các nghệ-sĩ cùng tiến bước.

Một lần nữa, tác-phẩm đặc-sắc của nhiều nghệ-sĩ quen thuộc đã được tán-thưởng:

« Nguồn-sống của Nghiêm-vĩnh-Cân, « Thuyền về cùng bến » của Nguyễn-mạnh-Dang, « Hình và bóng » của Trần-phong-Cư, « Nắng sớm » của Phạm-ngọc-Chất, « Lan » của Trần-phúc-Lệ, « Sau màn » của Đỗ-văn-Cường, cùng hơn một trăm bức ảnh mỗi bức một vẽ đều cùng góp phần xây-dựng một đường lối văn-nghệ dân-tộc mà cả mọi ngành đều có bốn-phận vun-đắp.

Triển-lãm nghệ-thuật Nhiếp-ảnh trong tuần lễ Văn-nghệ năm 1955 đã có kết-quả đặc-biệt không những đối với khán-giả Việt-Nam mà còn đối với khán-giả ngoại-quốc nữa.

Bằng chứng cụ-thể là liên-tiếp theo đó, hội Việt-Mỹ đã yêu-cầu các nghệ-sĩ Nhiếp-ảnh cung-cấp tài-liệu để hội ấy tổ-chức cuộc triển-lãm Ảnh Việt-Nam tại nhiều thành-phố bên Mỹ-Quốc mở đầu tại Ertman House, Rochester do Ông Đại-sứ Việt-Nam Trần-văn-Chương khai-mạc.

Một tiếng chuông Việt-Nam chính-thức lên tiếng tại nước bạn giới-thiệu nghệ-thuật Nhiếp-ảnh Việt-Nam.

NHỮNG TÁC-DỤNG KHÁC CỦA NHIẾP-ẢNH

Nhiếp-ảnh không những có tác-dụng mạnh-mẽ trên lãnh-vực văn-nghệ mà còn có nhiều tác-dụng khác nữa.

Trong Chính-quyền, ảnh được chính-thức dùng làm tài-liệu báo-cáo công-tác, ảnh được dùng nhiều hơn công-tác tuyên-truyền. Có thể nói rằng trong công-tác tuyên-truyền và thông-tin, ảnh đã chiếm phần-vụ quan-trọng.

Dân-chúng lui tới các phòng thông-tin đã được hấp-dẫn mạnh-mẽ bởi hình ảnh vì ảnh vừa thực, vừa dễ hiểu, vừa vui mắt và điểm cốt-yếu là thỏa-mãn được cả những người thiếu học, chưa biết đọc chữ hoặc những người không có nhiều thời giờ để đọc. Ảnh lại bổ-túc cho tin-tức bằng giấy tờ, ảnh đã chứng-minh sự thực được trình-bày.

Ảnh được dùng làm bằng-chứng chắc-chắn trong tư-pháp Công-an trên nhiều chi-tiết.

Hơn nữa ảnh còn góp một phần lớn trong nền kinh-tế quốc-gia.

Về mặt thương-mại, các tiệm ảnh được mở tại hầu hết các đường phố tại tất cả các đô-thị, vật-liệu và dụng-cụ về ảnh nhập-cãng vào nước ta không phải là ít.

Ảnh còn được áp-dụng trong việc ấn-loát. Biết bao nhiêu cách in hình lên báo chí, sách vở, sao, ghi các tác-phẩm mỹ-thuật bằng một hay nhiều màu đã được sáng chế, dựa trên nguyên-tắc nhiếp-ảnh đầu tiên.

Nói chung tác-dụng của nhiếp-ảnh vô cùng sâu rộng, công-hiệu của Nhiếp-ảnh đã được phổ-thông đến mọi tầng lớp nhân-dân.

Triển-vọng của nhiếp-ảnh còn dài và khó có thể đo-lường được.

CÁC MÔN-PHÁI TRONG NGÀNH NHIẾP-ẢNH

Qua những đoạn kể trên, nhiếp-ảnh Việt-Nam quả thật đã bước một bước quá dài mặc dầu bây còn non tuổi, nhất là đối với người anh Hội-họa, tuy vẫn có một cá-tính riêng biệt, nhiếp-ảnh nói chung vẫn theo cùng một con đường mà người anh đáng quý ấy đã vạch ra từ bao nhiêu thế-kỷ.

Hội-họa chia ra nhiều môn-phái, nhiếp-ảnh Việt-Nam cũng như nhiếp ảnh thế-giới tuy chưa chia hẳn ra từng môn phái giữa các nghệ-sĩ, nhưng trên tác-phẩm đó có khuynh-hướng môn-phái rõ-rệt.

PHÁI TẢ CHÂN

Phô-diễn những vẻ đẹp ẩn trong những cái xấu-xí của thường tình là phương-châm của phái tả chân.

Da mặt sần-sùi hay bàn tay gân-guốc của người thợ đã đề-cao tinh-thần đấu-tranh với đời của giới cần-lao.

Căn nhà tranh mục-nát nhưng chứa đựng một tâm-lòng cao-thượng đáng quý của gia-đình nông-thôn trong sạch.

Khung cử một cũ-kỹ so-sánh bên cạnh nước da mịn-màng của trẻ em gọi nơi khán-giả ý-thức « tre già măng mọc » đầy tương-lai, đầy nhựa sống.

PHÁI TRỪU-TƯỢNG

Dùng thật ít nét, ít màu sắc, ít chi-tiết mà ta được nhiều ý-tưởng cao, xa, phái trừu-tượng đã nêu một nghệ-thuật cao-siêu mà trước kia người ta tưởng rằng Nhiếp-ảnh không thể đạt được.

« Nhân-loại » của Châu-loài-Trung nói rõ đời sống con người như ảo-ảnh mà định-mệnh đã ghi sẵn trên bàn tay.

« Sức xuân » của Lê-sĩ-Dung phô bày sự tiềm-tàng của một lực-lượng hùng-hậu trong cỏ cây khi gặp thời-tiết thuận-tiện.

PHÁI THƠ MỘNG

Tác-phẩm « Yên ba giáng thượng » của Trần-phục-Lễ chứa đựng một màu sắc nhẹ-nhàng giản-dị đã cảm-thông với những ai có tâm-hồn hay mơ-màng những cảnh thần-tiên, ưa thích những phút mộng lung để tránh xa thực-tế phũ-phàng.

Còn bao nhiêu tác-phẩm khác liệt vào những phái trang-trí chân-phương, lập-dị đã chiều được đủ ý-thức thẩm-mỹ của những quan-niệm khác nhau, phức-tạp của con người.

Như trên đã nói, các môn-phái chưa hẳn phân chia, nhưng mỗi nghệ-sĩ có một sở-trường riêng.

Trong khi Nguyễn-văn-Chiêm, Lê-văn-Thiện ngả về thực-tế thì Nguyễn-cao-Đàm, Trần-phục-Lễ ngả về màu sắc nhẹ-nhàng và Bàn-gá-Lân thì luôn luôn ca ngợi cần-lao.

Tuy mỗi người muốn một bản-sắc riêng, nhưng đứng trước một ngã-ba của lịch-sử, mọi người công-dân đều hòa mình theo một đường lối dân-tộc chung, nghệ-sĩ Nhiếp-ảnh cũng đương-nhiên nhận lãnh nhiệm-vụ mới : nhiệm-vụ tranh-đấu chung trên con đường Cách-Mạng Quốc-gia.

LẬP-TRƯỜNG CÁCH-MẠNG CỦA NGHỆ-SĨ NHIẾP-ẢNH

Có người nói rằng : « Nghệ-sĩ Nhiếp-ảnh chỉ phụng-sự nghệ-thuật mà không hề có xu-hướng Cách-Mạng ».

Quan-niệm ấy rất sai lầm nhất là trong giai-đoạn lịch-sử này.

Tại sao các bạn ấy đã rời bỏ quê-hương yêu dấu mà đi-cư vào Nam hoặc đã ở lại miền Nam mà không tập-kết ra Bắc ?

Vì họ cũng như toàn-thể đồng-bào ở phía Nam vĩ-tuyến hiện nay đều có một lý-tưởng chung : phụng-sự chính-nghĩa Quốc-gia, tự-do dân-chủ.

Trong thời bình, nghệ-sĩ lúc nào cũng ca-ngợi những vẻ đẹp chung ; trong thời này có gì đẹp hơn là lý-tưởng. Cho nên, các nghệ-sĩ nhiếp-ảnh hiện nay, tuy bao giờ cũng lấy kỹ - thuật và mỹ-thuật làm căn-bản, nhưng đường lối phục-vụ đã đương nhiên hướng về quốc-gia. Hướng chỉ đường lối « Chống Cộng, bài Phong, đá Thực và xây-dựng chính-nghĩa Quốc-gia dân - chủ », đã được xác-nhận là lối thoát duy-nhất khả-dĩ bảo tồn được Tổ-quốc, dân-tộc và xây-dựng tinh-hoa, kho tàng quý báu cho toàn dân nói chung và nhất là cho nghệ-sĩ nói riêng.

Lý-luận thì rõ-ràng như thế nhưng hẳn còn có, người thắc-mắc rằng : trên thực-tế, dùng cách nào để một bức Ảnh mỹ-thuật tỏ rõ ý-nghĩa mà tác-giả muốn trưng-bày.

Các bạn nghệ-sĩ có thể cho phép những tác-phẩm văn-nghệ của Thực-dân còn lại vẫn còn được trưng-bày trước mắt dân-chúng để biết bao nhiêu cảnh xấu-xa, thấp kém được dùng làm tài-liệu, làm cho thế-giới lầm tưởng rằng dân-tộc Việt-Nam còn quá mọi-rợ, và để thực-dân còn cần phải đặt chỗ thuộc-địa hay bảo-hộ để khai hóa (1).

Nghệ-sĩ nhiếp-ảnh cũng như toàn thể nghệ-sĩ mọi ngành đều hiểu rằng những cảnh ấy đều là tàn-tích nô-lệ do thực-dân gây nên và bổn-phận của họ là phải chấm-dứt ngay.

Những đề-tài xây-dựng không thiếu : ca-tụng những vẻ đẹp của non sông, đề-cao tinh-thần yêu nước và dũng-mạnh của dân-tộc, những đặc-tính đáng quý của gia-đình và xã-hội vẫn là những đề-tài có nội-dung phong-phú nhất.

· Nhất là trong giai-đoạn đặc-biệt của lịch-sử, nghệ-sĩ lại cũng có dịp tận-dụng nghệ-thuật để phục-vụ lý-tưởng.

Triền-lãm văn-nghệ năm 1955, trong đó nhiếp-ảnh là trọng-tâm, đã là bằng-chứng cụ-thể đánh dấu một cuộc vùng dậy của dân-tộc khi vừa mới thoát ách Cộng-sản, đã lại cùng nhau sát cánh mạnh

tiến trên đường cách-mạng chống với các chế-độ nguy hại cổ-kết để
kìm hãm, áp-bức đến triệt-để dân-tộc ta : chế-độ thực-dân phong-
kiến và Cộng-sản.

Sang năm 1956, những khó-khăn căn-bản đã vượt qua, tiếp
theo giai-đoạn ấy, nhân-dân Việt-Nam nói chung và nghệ-sĩ nhiếp-
ảnh nói riêng đã chuyển hướng sang giai-đoạn củng-cố lực-lượng
cách-mạng cho vững chắc để dồn mọi lực-lượng triệt-để chống
Cộng-sản.

Tinh-thần dân-chủ thực-sự được phát-triển. Nghệ-sĩ nỗ-lực
trong công cuộc kiến-thiết quốc-gia : bài-trừ sâu mọt tham-nhũng, cải-
tiến xã-hội, cải-thiện dân-sinh, thẳng tiến cần-lao, tôn-trọng nhân-vị,
đó là những phương-châm chính dùng làm đích để các nghệ-sĩ tiến
bước. Bước tiến trước đã mạnh và vững, bước tiến sau lại càng
mạnh và vững hơn.

Muốn cho bước tiến được chắc-chắn, mục-đích được đạt tới
thì phải có kế-hoạch mầu-nhiệm.

Yếu-tố mầu-nhiệm nhất là sự đoàn-kết chặt-chẽ, vì vậy cần họp
lại thành Hội là hình-thức căn-bản.

Để thực-hiện điểm quan-trọng này các nghệ-sĩ nhiếp-ảnh
ngoài những nhóm riêng từng năm, mười người rải-rắc khắp nơi
trong Đô-thành cũng như tại các tỉnh, đã và đang tiến tới việc
thành-lập Hội.

Hội nhiếp-ảnh Huế thành-lập từ hai năm nay đã hoạt-động
mạnh-mẽ và còn nhiều triển-vọng.

Hội nhiếp-điện-Ảnh Việt-Nam thành-lập tại Saigon vào
tháng 6 vừa qua đã tập-trung đầy-đủ các nghệ-sĩ có danh mà thành-
tích trong tuần lễ văn-ngệ 1955 cũng như trên Quốc-tế đã ghi
nhiều nét đáng kể.

Nhưng còn nhiều thiếu-sót và thiếu hậu-thuần cùng phương-
tiện, vì vậy, ở đây, chúng tôi kêu gọi mọi người mọi ngành tập họp
lại thành một Hội lấy tên là « Tổng-Hội văn-hóa Việt-Nam » trong
đó ngành nhiếp-ảnh sẽ là một bộ-phận cũng như mọi bộ-phận khác.

Hệ-thống tổ-chức này một khi được thực-hiện sẽ là một lợi-
khí sắc-bén để bảo-tồn và xây-đắp những tinh-hoa cổ-truyền của dân-
tộc, tương-lai chung của nền Văn-hóa Việt-Nam do đó mà được
sáng-lạn hơn.

T.M. Ủy-Ban Xây-dựng Thuyết-trình Bộ môn Điện-Ảnh
NGUYỄN-VĂN-MUI

VẤN-ĐỀ KỸ-THUẬT TẠI VIỆT-NAM

ĐỀ-MỤC :

THUYẾT-TRÌNH VỀ KỸ-THUẬT TẠI VIỆT-NAM

Sáng 12-1-1957 :

Thuyết-trình-viên : Kỹ-sư Phạm-hữu-Vĩnh.

Chủ-lọa-đoàn : — Ông Lê-sĩ-Ngạc (chủ tịch Hội Kỹ-Sư và Kỹ-thuật gia Việt-Nam)

— Trung-tá Nguyễn-dắc-Lộc (đại - diện các chuyên-viên Kỹ-thuật quân-đội)

— Ông Đinh-siuh-Pai (Văn - Hóa Vụ - Trưởng Bộ Thông-Tin)

Thư - ký đoàn ; như cũ

NỘI-DUNG :

Thưa quý Vị,

Thường thường mỗi khi nói tới hai chữ « Văn-hóa » người ta tưởng ngay tới cái gì cao-quý, đẹp-dẽ, thanh-tạo, tiêm-tàng sẵn ở trong tâm-hồn một dân-tộc ; người ta nghĩ ngay tới những biểu-hiệu của văn-hóa như văn-chương, thi-phú, hội-họa, âm-nhạc, kiến-trúc... Nhưng ít ai nghĩ rằng trong văn-hóa lại còn có chỗ cho một ngành hoạt-động riêng về tri-óc mà ta gọi là kỹ-thuật.

Vậy ta hãy tìm hiểu sự liên-quan giữa kỹ-thuật và văn-hóa như thế nào ?

Văn-hóa nảy nở ra là do thiên-tính của loài người muốn đạt Chân-Thiện-Mỹ (sự thực, điều hay và cái đẹp). Vì mục-dịch là tìm tới cái « Chân-Thiện-Mỹ » ấy, nên văn-hóa của xã-hội, mặc dầu có những đặc-tính riêng, đều có một nền tảng chung trong sự cố gắng đạt cho được « Chân-lý ».

Sự tìm chân-lý sinh ra khoa triết-lý. Trong khoa triết-lý tách ra ngành khoa-học. Khoa-học đẻ ra kỹ-thuật, rồi kỹ-thuật giúp cho khoa-học tiến-triển, cải-thiện đời sống loài người. Người được no ấm có thêm phương-tiện để chọn đường « hay » tìm « cái đẹp ». Chính kỹ-thuật đã giúp một phần lớn trong sự tiến-triển của công cuộc tìm tòi cái « đẹp » này.

Thí-dụ kỹ-thuật làm màu đã giúp họa-sĩ trình bày những họa-phẩm ngày một tinh-vi đầy màu sắc, kỹ-thuật làm nhạc-cụ đã giúp cho nhạc-sĩ sáng-tác những bản nhạc, miêu-lả hết được tâm-hồn của mình.

Ngay từ trong công cuộc khảo-cứu về loài người, giữa thời-gian vô-tận, các nhà bác-học đã chia ra nào là thời-đại đồ đá, thời-đại dùng thau, thời-đại dùng thép, thời-đại nguyên-tử, phải chăng kỹ-thuật khai-thác vật-liệu thiên-nhiên đã là hình-ảnh của sự tiến-bộ của loài người. Như vậy ta có thể nói rằng kỹ-thuật không những là nguyên-tố của văn-hóa mà lại còn là phản-ảnh của văn-hóa.

Ngày nay, trong Đại-hội văn-hóa toàn-quốc, chúng ta họp nhau để kiểm-điểm cái giàu, cái nghèo của văn-hóa nước nhà tương cũng nên kiểm-điểm lại cái nguyên-tố của văn-hóa là kỹ-thuật.

Lịch-sử loài người cho biết rằng văn-minh phát-triển ở những khối « xã-hội » lớn rộng, phồn-thịnh.

Trong lúc nền giao-thông chưa tiện-lợi, các phương-tiện để ghi và chuyển các luồng tư-tưởng như máy in, vô-tuyến-diện, phim ảnh chưa được hoàn-hảo hoặc chưa có, văn-minh lan tràn đi nhờ kỹ-thuật chính-chiến. Những cuộc xâm-lăng đem tới những sự nhào trộn giữa các dân-tộc, mà kết-quả là sự hóa-hợp hoặc hỗn-hợp văn-hóa của kẻ đô-hộ với kẻ bị đô-hộ. Vì vậy những quốc-gia ở những ngã tư đường giao-thông, như các nước Trung-Đông ở miền Địa-Trung-Hải, do chiến-tranh từ Đông hay từ Tây tới, chịu ảnh-hưởng nhiều luồng văn-hóa khác nhau và đôi khi có những điểm đối chọi nhau.

Văn-hóa nước ta trong thời Trung-cổ chịu ảnh-hưởng Trung-Hoa do cuộc Nam-tiến của văn-hóa nước này. Cuộc đô-hộ trong 10 thế-kỷ ấy đem tới cho người dân Việt (ngoài những tư-tưởng, những phong-tục, tập-quán những cái xấu cái hay, cái đẹp cái dở của dân-tộc Trung-Hoa) những kỹ-thuật mới : kỹ-thuật canh-nông, chăn nuôi chài lưới.

Có văn-hóa tất có kỹ-thuật. Với dân-tộc-tinh mạnh-mẽ, dân ta hun-đúc một văn-hóa riêng của người Việt, hấp-thụ, đồng-hóa những cái nhập-cảng song vẫn biệt-lập với người Tàu.

Văn-hóa ấy, dân Việt giữ mãi cho tới ngày ta phải chạm trán với một nền văn-hóa khác, đời-dào về sinh-lực hơn, đó là văn-hóa Pháp.

Trước khi tiếp-xúc với nền văn-hóa này, nền kỹ-thuật của ta đã tiến được đôi phần như kỹ-thuật chinh-chiến, kỹ-thuật đúc súng ống, đóng tàu bè, xây đắp thành lũy.

Dân ta đã nam-tiến mạnh-mẽ. Nhưng rồi trong khi tiếp-xúc với Tây-phương, sự đối chọi về tin-ngưỡng lần lần đem tới cuộc chiến-tranh và nước ta bị ngoại-thuộc.

Cuộc đăc-thắng về kỹ-thuật chiến-tranh đem tới cuộc chiếm-đóng và dù muốn, dù không, dân ta chịu ảnh-hưởng nền văn-hóa mới đầy sinh-lực, với một trình-độ khoa-học, kỹ-thuật cao hơn trình-độ khoa-học và kỹ-thuật mà ta tiếp-thụ của văn-hóa Trung-hoa. -

Trong khuôn-khổ bài thuyết-trình này, chúng tôi không bàn-luận về văn-chương hay mỹ-thuật mà tất nhiên chúng tôi chỉ chú-trọng về vấn-đề kỹ-thuật.

Lợi dụng cái nhãn hiệu đem văn-minh đi khai-hóa các dân-tộc hậu-tiến, chính-sách thuộc-địa dù cố-gắng che đậy tới đâu cũng không dấu nổi tính-cách vụ-lợi của nó. Một thuộc-địa là một thị-trường, mà đã là một thị-trường thì không sao có thể khuyến-khích hoặc khuếch-trương ở đó cái gì có thể trở thành một cạnh-tranh với quyền-lợi của giới sản-xuất ở mẫu-quốc.

Hoàn-cảnh nước Việt-Nam ta không qua khỏi cái thông-lệ ấy.

Lúc bắt đầu Pháp-thuộc, người Việt vì thiếu tiếp-xúc với các nền văn-hóa khác, vẫn cho văn-hóa Trung-Hoa là toàn-thiện, toàn mỹ rồi, nên có ý khinh-khi văn-hóa Pháp, không chịu tìm hiểu cái hay của họ. Thế rồi, lúc biết ra muốn tìm học, lại bị cản trở bằng đủ mọi cách. Người Pháp không mở-mang các trường học để phổ-biến kỹ-thuật cho tới nơi tới chốn. Trình-độ học-thức đem giảng dạy chỉ vừa đủ để biến người Việt thành những người làm công cho họ trong các chức-vụ thừa-hành. Các trường kỹ-nghệ thực-hành với một số học-sinh ít-ỏi, chỉ đào-tạo được một số thợ chuyên-môn để hoặc làm việc thẳng cho một vài xí-nghiệp của Thực-dân hoặc điều-khiển giúp cho một đám nhân-công không chuyên-môn. Trong số học-sinh tốt-

ngiệp tại các trường này có nhiều người vì có chi học-hỏi và sáng-kiến, sau một thời gian thực-hành đã có thể mở-mang, làm chủ-nhân của một vài hãng, xưởng, nhưng vì thiếu học, chỉ đi tới mức một tiểu công-nghệ mà thôi.

Muốn ra nước ngoài đề học-hỏi thì Thực-dân không cho phép, cũng có một ít người may mắn được xuất-ngoại học làm những chuyên-viên cao-cấp trong các ngành, nhưng về xứ không có chỗ dụng tài.

Người Việt lúc đó không có ai mở-mang kỹ-nghệ được. Làm việc cho các hãng, xưởng của Thực-dân thì chỉ được giữ những chức-vụ không xứng đáng. Chỉ còn có cách làm việc cho Chính-phủ Thực-dân, nhưng cũng lại không được đảm-nhiệm công việc xứng đáng, vì các chức-vụ, địa-vị đều dành cho người Thực-dân, dù trình-độ học-vấn của họ thấp kém hơn.

Bởi vậy, ngày nay, trong lúc kiểm-điểm lại nền kỹ-thuật nước nhà, ta thấy thiếu chuyên-viên trong mọi cấp bậc.

Nước nhà hiện có một số lớn công-nhân nhưng là phần đông thiếu huấn-luyện căn-bản. Các chuyên-viên tốt-nghiệp ở các trường kỹ-nghệ thực-hành một phần lớn đã thành tiểu-chủ hay giải-nghệ và nhiều khi đổi nghề làm thương-gia v.v... Có người trở thành công-chức.

Trong khi nước nhà cần tới hàng vạn kỹ-thuật-gia mà tình trong toàn-quốc, chúng ta chỉ có lối 230 được-sư, 450 bác-sĩ và 250 kỹ-sư.

Tại sao lại có một tình-trạng như vậy ?

— Không phải là dân-tộc ta không đủ năng-lực để hấp-thụ được văn-hóa và kỹ-thuật Âu-Tây. Các Ông Bửu-Hội, Nguyễn-Đạt-Xương hay Nguyễn-Văn-Thoại đã làm rạng danh người Việt trên thế-giới trong công việc tìm tòi, nghiên-cứu khoa-học.

Lại còn rất nhiều người Việt khác đã đỗ-đạt cao tại các trường Đại-học kỹ-thuật khó nhất ở Âu-Châu.

Ngay như trong thời-kỳ kháng-chiến chống Pháp vừa qua với những phương-tiện nghèo-nàn, có thể kể như không có, người Việt cũng đã biết sản-xuất khí-giới và dụng-cụ cần-thiết tranh-đấu trên mọi mặt.

Không phải là dân Việt-Nam không ưa chuộng kỹ-thuật. Lý-do chánh, ngoài mọi cản trở do Pháp gây ra trong thời chiếm đóng Việt-Nam, là tại nước ta chưa có một lập-quán kỹ-nghệ,

mà chỉ có tập-quán công-nghệ, nên người học kỹ-thuật lúc về nước thấy bo-vo, không tìm được sự hưởng-ứng trong giới tư-nhân mà làm những công việc không thuộc về chuyên-môn của mình.

Có người can-dảm muốn đứng ra tự-lập một kỹ-nghệ, nhưng ngoài vấn-đề vốn-liếng, gặp một trở lực khó-khăn là mỗi kỹ-nghệ phải tự-túc lấy mọi mặt và không có những kỹ-nghệ xung-quanh giúp đỡ.

Trong giai-đoạn hiện tại, sau khi giành được độc-lập cho Quốc-Gia, mục-tiêu chính của Chính-Phủ là nâng cao mức sống của dân-chúng và củng-cố độc-lập chính-trị bằng một nền kinh-tế độc-lập.

Trong thể-hệ văn-minh máy-móc ngày nay, không sao có thể nâng cao đời sống của dân nếu không kỹ-nghệ-hóa xứ-sở.

Nhìn qua nền kinh-tế nước nhà, ta thấy, từ xưa tới nay, dân ta, ngoài một vài tiểu công-nghệ, chỉ chuyên về nông-nghiệp với hai sản-phẩm đáng kể là gạo và cao-su. Nay muốn chuyển một phần kinh-tế ra kỹ-nghệ, chúng ta phải khởi hành từ -con số không và các giai-đoạn phải qua không thể ngày một ngày hai mà vượt ngay hết được.

Kiểm-diểm lại khả-năng tiềm-tàng của xứ-sở, ta thấy về nguyên-liệu có nhiều thác nước quan-trọng có thể mở-mang thủy-diện-lực, ta có cao-su, than-đá, cát để làm thủy-tinh, muối tốt để làm các chất hóa-học, gỗ, tre để làm giấy và hầu hết mọi thứ quặng kim-khí,

Đất-đai màu-mỡ có thể trồng các loại cây kỹ-nghệ như bông, vải, gai, đay để dệt vải, dâu để nuôi tằm, cây quinquina để làm thuốc sốt rét rừng v,v....

Muốn khai-thác nội những tài-liệu sẵn có ấy cũng phải mấy chục năm mới hoàn-l tất được các cơ-sở cần-thiết.

— Có người hỏi : Trong lúc này có thể và có nên kỹ-nghệ-hóa V.N. hay không ? Có cần phải đặt một thời-gian chuyển-tiếp không ? Có đủ tài-chánh và chuyên-viên cần-thiết không ?

Chúng tôi xin trả lời ở đây câu hỏi ấy.

— Như chúng tôi vừa nói ở trên, phải có kỹ-nghệ mới có thể nâng cao đời sống con người được. Con người ở thế-kỷ thứ 20 này, muốn có « một đời sống xứng-đáng với phẩm-giá của mình » không phải chỉ cần có một ngày hai bữa cơm với một

tấm áo che thân, con cần phải có một số tối-hiểu tiện-nghi nữa. Các tiện-nghi ấy chính do kỹ-nghệ cấp-phát.

Không phải chỉ có một kỹ-nghệ mà phải có nhiều kỹ-nghệ.

Không có một xứ nào có thể kỹ-nghệ-hóa toàn-diện ngay một đợt được.

Theo tình-trạng kinh-tế của nước nhà, chúng tôi thấy có nhiều kỹ-nghệ có thể thiết-lập ngay như kỹ-nghệ dệt, kỹ-nghệ làm giấy, làm ve chai, làm đường, chế-tạo dược-phẩm và các dụng-cụ bằng cao-su để sản-xuất trong xứ những món rất cần dùng mà từ trước tới nay ta vẫn phải nhập-cảng.

Đồng thời ta có thể và nên thi-hành một chương-trình khai-thác thủy-điện lực, các mỏ than-đá để có thêm nguyên-động-lực cho các kỹ-nghệ nói trên sản-phát và giúp sự mở-mang thêm nhiều kỹ-nghệ khác.

Ta phải bắt tay ngay vào việc và tranh-thủ thời-gian thiết-lập cơ-sở, vượt nhanh qua một thời-gian chuyển-tiếp giữa hai nền kinh-tế cũ và mới.

Về phương-tiện tài-chánh thật quả có phần hơi khó-khăn.

Nhưng công việc này không phải là Chính-Phủ có thể đảm-nhiệm lấy một mình được. Cần phải chính nhân-dân quan-niệm rõ tình-hình kinh-tế mới đem vốn góp thêm vào và cũng cần phải có sự giúp đỡ của các nước bạn trong thế-giới tự-do.

Dù sao, với ý-chí « tự-lực cánh sinh » của dân-tộc, ta cũng có thể thi-hành được phần nào và nếu kế-hoạch kỹ-nghệ-hóa của ta có tinh-cách thực-tế và vững-chắc, mặc-nhiên ta sẽ có sự hỗ-trợ của các nước bạn.

Còn về vấn-đề chuyên-viên và kỹ-thuật-gia, theo những điều phác-họa mà chúng tôi đã trình bày ở trên, Việt-Nam hiện-tại thiếu chuyên-viên trong mọi cấp-bậc. Ngay trong guồng máy chánh-quyền, số chuyên-viên còn chưa đủ, lấy đâu ra để điều-hành các kỹ-nghệ sẽ được thiết-lập nay mai.

Việc đào-tạo chuyên-viên là một việc tốn nhiều thì giờ và mặc dầu người Việt có đủ khả-năng để trở nên những người thợ giỏi, những chỉ-huy tài, không thể cứ việc gửi học-sinh đi học lấy cấp bằng là có thể có được một số kỹ-thuật-gia đặc-lực ngay. Trong các chức-vụ điều-khiển còn cần bao nhiêu đức-tinh, bao kinh-nghệm nữa.

Vả lại còn phải lưu-tâm tới khiếu thiên-nhiên của mỗi người và khiếu ấy chỉ phát-lộ mạnh-mẽ khi giới học-sinh được theo kỹ-nghệ hoạt-động.

Vì vậy ta phải lo mở-mang ngay kỹ-nghệ theo một căn-bản tối-thiểu, với sự giúp sức, nếu cần, của chuyên-viên ngoại-quốc. Đồng-thời cũng phải thiết-lập ngay một kế-hoạch huấn-luyện chuyên-viên. Việc huấn-luyện này phải bao trùm cả các cấp, từ cấp thợ chuyên-môn, tới cấp trưởng-đoàn để chỉ-huy những thợ ấy và sau hết là cấp chỉ-huy.

Đề có một quan-niệm về số chuyên-viên cần-thiết, chúng tôi lấy thí-dụ kỹ-nghệ khai-thác thủy-điện-lực ở Danhin, việc xây cất đập chắn nước, nhà máy phát-điện, rồi đặt giây dây phát-điện khắp Nam-Việt với cả trăm nhà hóa-điện rải-rác khắp nơi cần dùng ít ra cũng phải năm chục Kỹ-sư điện-lực và hàng ngàn chuyên-viên và công-nhân chuyên-môn.

Các kỹ-nghệ khác có phần nhỏ bé hơn nhưng số chuyên-viên cũng tương-đối quan-hệ nếu ta muốn cơ-sở được vững bền và năng-xuất càng ngày càng tăng tiến.

Xem như vậy thì vấn-đề kỹ-nghệ hóa nước nhà thật là phức-tạp nhưng không phải là không thể giải-quyết được.

Ta cần phải cố gắng, góp sức với chánh-quyền, tranh-thủ thời-gian, theo cho kịp người và nâng cao mức sinh-hoạt đồng-hào đã bị thiếu-thốn nhiều trong suốt trên mười năm chinh-chiến.

Có một điểm mà chúng tôi rất vui mừng là thấy Chánh-quyền tuy chưa ban bố một kế-hoạch rõ-ràng, tỉ-mỷ về chính-sách triệt-đề nâng cao đời sống cho dân-chúng, nhưng những giải-pháp đã và đang thực-hiện như khuyến-trưng nông-nghiệp trong vùng Cái-ô vùng Cao-Nguyên miền-Nam, nâng đỡ một vài kỹ-nghệ bằng cách cho vay tiền do nơi Doanh-lĩnh-Cục, mở-mang những trường kỹ-thuật, Canh-nông, chúng tỏ một hướng đi sáng-suốt khiến cho ta có thể đặt hết hy-vọng nơi chánh-quyền.

Đó là những công-tác cấp-thời, chắc rồi đây, với hội đồng tối-cao kinh-lễ, sẽ có những kế-hoạch rõ-ràng đầy đủ hơn, toàn-dân có thể chung sức xây-dựng một nền kinh-lễ hoàn-bị phù-hợp với người dân Việt.

Một điều đáng mừng nữa, là giới tư-sản Việt-Nam, sau một thời-gian « chờ đợi » nay cũng đã nghiêng về các hoạt-động kỹ-

nghệ. Như vậy, giai-đoạn khó-khăn lúc ban đầu của mỗi chuyên-hướng kinh-tế có thể nói là đã vượt qua. Trong một thời-gian không lâu nữa, chắc kết-quả sẽ được mỹ-mãn.

Thưa quý Vị,

Chúng tôi vừa kiểm-điểm tình-trạng cùng nhu-cầu về kỹ-thuật của nước nhà. Mấy nét phác-họa, chắc còn nhiều thiếu sót xin quý Vị bổ-khuyết cho.

Trong khi, bên kia bức màn sắt, bao nhiêu kỹ-thuật-gia phải cong lưng làm việc để bành-trương kỹ-nghệ chiểu-tranh, gây sức mạnh cho một đảng-phái độc-tài thống-trị, thì ở đây chúng tôi hân-hoan được cùng quý Vị, dưới bầu trời tự-do, nêu lên vấn-đề kỹ-thuật với mục-dịch phụng-sự toàn-thể dân-tộc.

Chúng tôi tin-tưởng kỹ-thuật Việt-Nam sẽ tiến-bộ mạnh-mẽ, công-cuộc kỹ-thuật hóa Việt-Nam sẽ thành-công rực-rỡ nhằm mục-liêu thực-hiện « no ấm cho đồng-bào » và như vậy, nền văn-hóa Việt-Nam sẽ thêm điều-kiện để nảy-nở tốt đẹp.

Chúng tôi ước mong rằng sau cuộc thảo-luận về nhận-định quá-trình và tương-lai kỹ-thuật tại Việt-Nam, chúng ta sẽ có dịp thảo-luận chi-tiết về chương-trình kế-hoạch cụ-thể xây-dựng kỹ-thuật V.N. trong một kỳ Đại-hội toàn-quốc tới.

Thay mặt hội kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam

— **KỸ-SU PHẠM-HỮU-VĨNH**

— **ÔNG LÊ-SĨ-NGẠC, CHỦ-TỊCH :**



VĂN-NGHỆ trong QUÂN-ĐỘI

Sáng 12-1-1957 :

ĐỀ-MỤC.

THUYẾT-TRÌNH VỀ VĂN-NGHỆ TRONG QUÂN-ĐỘI XƯA VÀ NAY

Thuyết-trình viên : Đại-úy Phạm-văn-Sơn (Đại-diện văn-
nghệ-sĩ quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa).

Chủ-tọa đoàn : Ông Lương-danh-Môn (đặc ủy-viên Phủ
Tổng-Thống bên cạnh Bộ Quốc-Phòng.
Trung-tá Nguyễn-văn-Hiến.
Trung-tá Nguyễn-đắc-Lộc.

Thơ-ký đoàn như cũ.

NỘI-DUNG :

Khi tất cả chúng ta, nhân-sĩ, Văn-gia, học-gia và mọi tầng lớp trí-thức quân-nhân đã tới họp mặt với nhau dưới mái nhà này, chúng ta đã ý-thức sự quan-hệ của vấn-đề văn-hóa đối với dân-tộc Việt-Nam trong giai đoạn lịch-sử hiện thời thế nào.

Trước chúng tôi đã có bạn thuyết-trình đề-tài này một cách nồng-nhiệt, rộng-rãi, khiến mọi người chúng ta ai nấy đều nhận-định rằng văn-hóa có được xây-dựng và phát-triển thì chế-độ Cộng-hòa chúng ta vừa xây-dựng xong dưới sự điều-dắt anh-minh của Ngô-Tổng-Thống mới có cơ-bản-vững-trường-tồn. Quả vậy, một dân-tộc mới độc-lập như dân-tộc chúng ta sau hơn 80 năm Pháp-thuộc mà thực-dân đê-quốc đã tận-dụng chánh-sách ngu-dân về mọi mặt, chúng ta phải làm thế nào để có thể lành-mạnh, sáng-suốt mà chẳng bị lạc-hướng.

Giai-đoạn hiện nay là một giai-đoạn quyết-định, chúng ta cần phải tức-tức tìm phương giải-độc trước khi định một đường lối tiền ngõ hầu theo kịp các cường-quốc trên Thế-giới.

Nền văn-hóa của dân-tộc ta trải qua bốn ngàn năm lịch-sử đã diễn-tiến thế nào, các bạn trước chúng tôi đã trình-bày đủ và vấn-đề này cũng đã nhiều phen được khảo-luận kỹ-càng trên các báo-chí. Tại đây ta có thể nói rằng: « Nhờ có một nền văn-hóa phong-phú, lành-mạnh dồi-dào, dân-tộc ta dưới trời Đông-Á tuy trải xâm-lăng kinh-khủng bởi các kẻ thù mạnh gấp trăm, giàu gấp ngàn, chúng ta vẫn giữ vững được tự-do độc-lập, chúng ta vẫn thẳng tiến »...

Nền văn-hóa tốt đẹp như vậy và đã thành căn-bản sinh-tồn của dân-tộc, chúng ta suốt thời-gian 40 thế-kỷ xét ra đã xây-dựng bằng xương máu, bằng bao nhiêu ưu-tú, bằng bao nhiêu cuộc tranh-đấu gian-lao, bằng những hy-sinh vô bờ bến của mọi tầng lớp nhân-dân tiền-bối.

Nhưng ngày nay, trước một tình-thế hết sức phức-tạp trong quốc-gia, ngoài quốc-tế, trước khi định một hướng đi cho nền Văn-hóa của dân-tộc, ta không thể không kiểm-điểm lại các ưu-khuyết-điểm của những bước đường qua hầu rút lấy những kinh-nghiệm quý báu thuộc dĩ-vãng. Đồng-thời chúng ta phải tìm hiểu khả-năng của mỗi thành-phần xã-hội của mỗi tầng lớp nhân-dân để định trách-nhiệm và bổn-phận của mỗi đoàn-thể chúng ta trong công cuộc xây đắp một nền văn-hóa tương-lai cho tổ-quốc.

Lầu đài Văn-hóa Việt-Nam là của hết thảy mọi người công-dân Việt-Nam và mỗi người công-dân Việt-Nam đều có khả-năng phục-vụ văn-hóa nước nhà trong một lãnh-vực nào đâu ở thành-phần xã-hội nào, trừ những ai thiếu thiện-chí.

Hiện nay trước vấn-đề trách-nhiệm chung, bổn-phận chung, chúng tôi muốn xét các quá-trình văn-hóa dân-tộc về phía người quân-nhân Việt-Nam qua các thời-dại.

Một số tiền-nhân của chúng ta đã có sự-nghiệp gì với văn-hóa trong khi lăn mình ngoài bãi sa-trường hay vẫy-vùng ngoài ải?

Tiền-nhân của chúng ta đã để lại gì về văn-hóa chúng ta. Đó là đề-luận của chúng tôi ngày hôm nay.

Nếu ngược dòng thời-gian, theo các nhà khảo-cổ-học muốn tìm các sáng-tác văn-hóa của các Cụ từ nhiều thế-hệ trước thì thật là khó — Chúng tôi muốn nói đến cái văn-hóa Lạc-Việt 40 thế-kỷ qua,

khi ông cha chúng ta còn sinh tự bên bờ Dương-tử trước khi phiêu-lưu tới vịnh Bắc-việt rồi chiếm đóng miền đồng bằng sông Nhị ngày nay. Tất cả những di-tích về trên đây 8.000 năm hầu không còn nữa nên có thể nói rằng văn-hóa miền Dương-Tử gần như mất hẳn duy cái văn-hóa miền sông Nhị là cái văn-hóa hai ngàn năm trở về đây đã dần dần rō-rệt dưới mắt nhà Khảo-cổ-học.

Về thi-văn, chúng tôi xin kể trước hết bài thi ca đuổi hươu của thời hai Bà-Trưng cổ-võ nhân-dân chống nhà Đông-Hán gồm có ít câu như :

— *Ta lên núi, ta lên núi*
Đuổi đàn hươu, đuổi đàn hươu
Ta lên núi, ta lên núi
Đuổi đàn nai, đuổi đàn nai
Nỗi niềm tâm-sự tỏ cùng ai ?
Đoái trông phương Đông nước trảng mênh mông
Đoái trông phương Tây, đá trắng gồ-gề,
Đoái trông phương Nam, mây che dấu ngàn,
Ta lên núi, ta lên núi,
Đuổi đàn hươu, đuổi đàn hươu,
Ta lên núi, ta lên núi,
Đuổi đàn nai, đuổi đàn nai.

Bài này có ý nêu ra cái đau khổ của dân ta do bọn thống-trị Hán-tộc gây ra và thúc-dục các tầng lớp nhân-dân mạnh tiến trên con đường chiến-đấu giành độc-lập. Lời lẽ của bài này như các bạn thấy rất là giản-dị và rất dễ thông-cảm. Về phương-diện văn-chương tất-nhiên thuộc đó còn ấu-trĩ nên không có gì đặc-sắc.

Dưới đời nhà Đinh, điệu ca-vũ Xuân-phả đã được khai-sinh, ca-vũ Xuân-phả là một tác-phẩm về nhạc trong quân-đội tán-dương chiến-công oanh-liệt của Vạn-Thắng-Vương Đinh-bộ-Lĩnh đều nay vẫn còn thấy ở Thanh-hóa, Ninh-bình quê-hương của Đinh-bộ-Lĩnh.

Mười một thế-kỷ sau, trong cuộc kháng Tống giữa một giai-đoạn gay-go nhất, vị Đại-tướng nhà Lý là Thường-Kiệt đã biết áp-dụng văn-chương để gây tin-tưởng cho các chiến-sĩ của mình bằng bài :

Nam quốc Sơn-hà Nam-Đế cư,
Tiệt-nhiên định-phận tại Thiên-thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm-phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Xin dịch là :

*Sông núi của nước Nam thuộc về Vua nước Nam,
Điều này đã định hẳn trong sách của Trời
Có sao quân nghịch tới xâm-phạm bờ cõi của chúng ta
Các người chỉ mua lấy sự láng-bại mà thôi.*

Họ Lý lại khéo dùng thủ-đoạn cho người nấp trong đền Trương-Hát nhìn sang bên kia bờ sông Phú-Lương mà mắng giặc Tống bằng những lời thơ trên đây và cho loan-truyền rằng đây là lời của thần-nhân. Lòng binh-sĩ thuở đó đã được thấm-nhuần nhiều về thần-quyền càng thêm tin-tưởng rằng cuộc chiến-đấu của dân ta có thần-nhân và trời đất phù-trợ, do đó cuộc kháng Tống được bền-bĩ và đem lại nhiều kết-quả tốt đẹp là quân Tống chịu triệt-thoái binh-đội về nước sau bao nhiêu tổn-hại.

Ngày nay, ta có thể coi mánh-lời của Lý-Thường-Kiệt là một chiến-thuật của chiến-trường tâm-lý. Nhưng ta cũng không nên quên rằng trước cuộc kháng Tống tức là trước đó một năm quân Đại-Việt ta đã có một lần « nhập Tống » nghĩa là chúng ta đem quân-đội tiến vào nội-địa Trung-quốc đánh phá miền Hoa-Nam. Trong dịp này họ Lý đã dùng tờ « Lộ-bổ » mà nội-dung hoàn-toàn giống một tờ truyền-đơn ngày nay để dịch-vận và nêu cao chánh-nghĩa của đoàn quân chinh-chiến đối với đám dân-chúng địa-phương.

Hai thế-kỷ sau tức là vào năm Giáp-Thân (1284) tại Bến Vạn-Kiếp, Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn trước cái nguy-cơ Mông-cổ xâm lăng Việt-Nam lần thứ hai cũng đưa ra một áng danh-văn đọc trước ba quân — Đó là Hịch Tướng-sĩ.

Bài Hịch này viết bằng một giọng văn rất đanh thép, rất hùng-hồn và cũng rất bi-thiết gồm mấy phần dưới đây :

1.— Nêu tấm gương trung-quân, ái-quốc của người xưa để khích-lệ tướng-sĩ.

2.— Nhắc nhở sự tru-đãi của chánh-quyền đối với các tướng-sĩ và nhân-dân về phương-diện vật-chất và tinh-thần trong những ngày thái-bình, an-lạc.

3.— Kích-thích tinh-thần của dân-tộc bằng kể ra việc ngạo-nghe của các sứ-giả Mông-Cổ đã đem lại nhiều sự nhục-nhã cho quân-dân Việt-Nam và khuyên-quân-dân phải đoàn-kết để chiến-đấu và đưa ra những viễn-ảnh tốt đẹp của cuộc chiến-thắng.

4.— Nhắc nhở rằng quân mạnh không phải vì đông mà vì tinh-thần ta gắng chiến-đấu ắt phải thắng.

Ngoài bài Hịch này thống-lãnh tiết-chế Trần-quốc-Tuấn còn làm được cuốn Binh-thư Yếu-lược dạy các tướng-sĩ trong giai-đoạn chống Mông-cổ, tiếc ngày nay không còn giữ được nguyên bản đại-cương của cuốn binh-thư này nói về chiến-thuật, chiến-lược để áp-dụng theo địa-hình, địa-vật nước ta nêu các điểm tâm-lý chiến-tranh giữa ta và giặc qua các kinh-nghiệm lịch-sử.

Ngoài ra Trần triều còn ghi trên lịch-sử nước nhà bài thơ của Thượng-tướng Trần-quang-Khải khi ca khúc khải-hoàn sau cuộc chống Nguyên rất là hào-hùng cũng như bài thơ bi-ai của người chiến-sĩ thất-thể Đặng-Dung trong thời Minh-thuộc, bài vịnh Cổ đầu người của Nguyễn-Biểu rất là khảng-khái dưới đây :

*Đạt sáo Chương-Dương độ
Cầm hồ Hàm-Tử quan
Thái-bình tu nỗ-lực.
Vạn-cô thử giang-san*

.

*Thế-sự du du nại lão hà
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca
Thời lai đồ diếu thành công dị
Sự khứ anh-hùng âm-hận đa
Trí chúa hữu hoài phù-địa-trục
Tây binh vô lộ vấn thiên hà
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch
Kỳ độ long-tuyền đới nguyệt-ma*

.

Nhà Lê kế-tiếp nhà Trần do Nguyễn-Trãi vị Tham-mưu-trưởng của kháng-chiến đời bây giờ khi đuổi xong giặc Minh cũng để lại cho đời sau một áng danh-văn : bài Bình-Ngô Đại-cáo.

Bài này diễn-tả những khó-khăn vô cùng lớn-lao mà các nhà Cách-mạng đã vấp phải là quân-dân Việt-Nam sau khi nhà Hậu-

Trần thất-bại nặng-nề gần như mất hết tinh-thần, giặc đã tổ-chức hết sức hoàn-bị mọi cơ-cấu chánh-trị, quân-sự vô-vết hầu hết nhân-tài và của-cải của chúng ta, nhất là nhân-tài, theo Nguyễn Tham-mưu-Trường, đã hiềm-hoi như lá mùa thu. Nhưng nhờ vận nước, lòng dân thiết-tha với tự-do, độc-lập ta đánh được các đoàn quân hùng mạnh của địch, tiêu-diệt được các tướng-lãnh có đại-danh như Trần-Trí, Mộc-Thanh, Vương-Thông, Liễu-Thăng v. v...

Vào thế-kỷ thứ 15 vua Lê-Thánh-Tôn đem quân đi đánh Chăm đã đưa ra một bài tuyên-cáo quốc-dân để bày tỏ sự bất-đắc-dĩ của việc đồng-binh vì Chiêm-Thành đã luôn luôn hết đời này qua đời khác phạm vào tội đánh phá quấy rối dân-tộc chúng ta. Hơn thế nữa Chiêm còn bày nhiều cơ bậy-bạ để xui người Minh xuất-quân chinh-phạt Việt-Nam. Họ thi-hành nhiều thủ-đoạn hiểm-độc nếu không thẳng tay trừng-trị có thể mắc những tai-vạ tày trời. Dầu sao bài tuyên-cáo quốc-dân này vẫn có một nội-dung tràn đầy nhân-nghĩa chỉ tiếc rằng hơi cầu-kỳ và nhiều điển-tích không giản-dị như bài Bình-Ngô Đại-Cáo của cụ Úc-Trai.

Năm Mậu-Thân (1788) Vua Quang-Trung từ Phú-Xuân đuổi quân Thanh đang chiếm đóng Bắc-Hà cũng đã có những điệu hát trống quân có tác-dụng làm cho binh-sĩ quên sự mỏi mệt ở dọc đường và được phấn-khởi tinh-thần diệt giặc.

Trong đời nhà Nguyễn, để phản-đối chế-độ quân-ngũ bất-công của Triều-đình, người lính cũng xuất-phát tự cõi lòng những lời ta-thán thành-thực và chánh-đáng. Quả vậy, thuở ấy chỉ có những kẻ nghèo, ít vậy cánh, thì phải đi lính ở các vùng hẻo-lánh xa-xôi và không biết có ngày về. Công-tác quan-trên giao cho thì liên-miên bắt phân nhật dạ, mà ăn ở, lương-bổng thì tất thiếu-tbốn sơ-sài giữa nơi rừng thiêng nước độc.

Bài tự-thán làm theo lời ca-dao :

*Ba năm trấn thủ-lưu-đồn
Ngày thì canh điểm tối dồn việc quan
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn
Hữu thân, hữu khò phần-nàn cùng ai ?
Miệng ăn măng trúc, măng mai,
Nhớ giang cùng nửa lầy ai bạn cùng ?
Nước giếng trong, con cá nó vầy vùng.*

Bàn một cách tổng-quát, những áng danh-văn kể trên đã nêu ra nhiều đặc-điểm khi thì lấy sự ưu-tư để kích-thích lòng ái-quốc của dân-tộc, khi thì gây công-phản đối với địch, khi thì biểu-dương sức mạnh của dân-tộc để mang-lại cho binh-sĩ sự tự-tín, tự-cường.

Với bài Bình Ngô Đại-Cáo cũng như bài tuyên-cáo quốc-dân của vua Lê-Thánh-Tôn trước khi đi đánh Chăm chúng ta thấy binh-đội Việt-Nam có một tinh-thần đạo-đức, siêu-việt đó là lòng khoan-dung đối với kẻ thù, tinh-thần này còn tỏ rằng với các nhà đưng-cuộc đời bấy giờ chiến-tranh không phải là cứu-cánh, là mục-dịch, mà chỉ là một phương-tiện hết sức bất đắc-dĩ để xây-dựng Hòa-Bình, văn-hội trật-tự giữa ta và một vài lân-quốc, lớn là Trung-Hoa, nhỏ là Chiêm-Thành.

Cũng dưới đời Gia-Long, không mấy ai quên bài tế-tướng-sĩ trận-vong của Nguyễn-văn-Thành đọc tại Bắc-hà rất lâm-ly, thống-thiết nói ra những sự gian-lao của tướng-sĩ Nguyễn-Triều trong công việc tranh-đấu với nhà Tây-Sơn và đem nước tam-phân ngũ-liệt lòng dân ly-tán về một mối.

Cận-lai, nhà-văn Nguyễn-đình-Chiêu, một nhà ái-quốc đã làm bài tế nhà lãnh-tu kháng Pháp vào hạ bán thế-kỷ trước là Ông Trương-công-Định, đã cầm đầu một số đồng-bào Nam-Việt tự-động chống binh-đội Thực-dân. Cái-chết của họ Trương đã được toàn quốc đời bấy giờ thông-cảm thiết-tha, qua văn tế của Nguyễn-Đình-Chiêu.

Cũng trong giai-đoạn chống Pháp này, vào cuối thế-kỷ thứ 19. Cụ Phan-Đình-Phùng đã để lại một di-bút là một bài đường-luật tả những sự đau-buồn của một người anh-hùng cứu-quốc, mộng lớn chưa thành đã lìa cõi thế và cả cái đau buồn của dân-tộc trong giai-đoạn đi dần vào con đường vong-quốc.

Bài thơ di-bút ấy là:

*Nhưng trường vãng mạng đã mười đông
Việc võ lól-thôi mãi chữa xong.
Dân dót kêu trời vang ò nhận
Quân-gia dậy đất nhận đàn ong.
Chín trùng lặn-dận niềm quan-tái.
Trăm họ phôi-pha đám lửa hồng.
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,
Tướng môn riêng hò liêng anh-hùng.*

Về ngành kiến-trúc ta thấy tiền-nhân chúng ta cũng có nhiều sáng-kiến đặc-biệt như việc xây-dựng thành Cổ-Loa ngót ba thế-kỷ trước Tây-lịch — thành Thăng-Long dưới đời vua Thái-Tổ nhà Lý, thành nhà Hồ và lũy Trường-Dục về cận lai là những kỳ-công được người ngoại-quốc rất khâm-phục. Những công-trình xây-dựng này đã biểu-lộ được một phần nào cái khả-năng chuyên-môn của dân-tộc trong khi chúng ta chưa có những khoa-học chuyên-môn.

Thời-thế đổi thay, vào hạ bán thế-kỷ, quân-dân Việt-Nam lơ-làng một ván cờ quốc-sự rơi vào vòng nô-lệ thực-dân. Từ giai-đoạn này, mọi ngành sinh-lực của dân-tộc đều bị bẽ-tắt do sự kìm-hãm của Đế-Quốc về chánh-trị, quân-sự, kinh-tế cũng như văn-hóa.

Ngành quân-đội dưới thời Pháp-thuộc, dầu muốn, dầu không đã thành một dụng-cụ để bảo-vệ quyền-lợi cho Đế-quốc nên tư-tưởng và hành-động không còn gì là tự-do nữa, do đó người quân-nhân không phát-huy được những ý-nghĩ của mình.

Có thể nói rằng văn-hóa suốt 80 năm mất độc-lập ở các tầng lớp đồng-bào dân-chúng còn bị bóp nghẹt huống-hò quân-đội bị nằm trực-tiếp dưới sự chi-phối và ảnh-hưởng của chánh-quyền đế-quốc.

Từ 1945 đến ngày nay, dân-tộc Việt-Nam đã lợi-dụng cơ-hội thuận-tiện do cuộc thế-giới chiến-tranh lần thứ hai đưa lại để trỗi-dậy và tới ngày nay sau 10 năm chiến-đấu đã giành được Độc-lập.

Ngày nay, người quân-nhân Việt-Nam sáng-tác và nói lên những nguyện-vọng của dân-tộc, những ý-chí quật-cường của mình.

Đền đây, chúng tôi muốn mời quý-vị bước vào vườn Văn-ngệ của Quân-đội Việt-Nam Cộng-hòa để thấy rằng chính-nghĩa và tự-do mà chế-độ Cộng-hòa hiện nay mang lại đã giúp cho cây Văn-ngệ nở hoa, kết trái ở khắp mọi nơi. Ở đâu có sống là ở đấy có sáng-tác và cuộc sống ò-ạt, sôi nổi, vĩ-dại của quân-đội đã sản-xuất những tác-phẩm văn-ngệ đáng kể.

NHÌN QUA CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN-NGHỆ TRONG QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Trong phần đầu của bản thuyết-trình, chúng tôi đã nhấn mạnh về tính-cách quan-hệ của Văn-ngệ trong Quân-đội. Qua những cuộc khởi-nghĩa chống xâm-lăng như phạt Tống, bình Chiêm phá Nguyễn và suốt thời-gian đấu-tranh chống Thực-dân Phong-kiến và Cộng-Sản, Văn-ngệ đã đóng một vai trò khá quan-trọng trong việc động-viên tinh-thần, nâng cao lòng ái-quốc và chí chiến-đấu của quân-nhân.

Tuy-nhiên, phải đợi đến ngày Quân-đội Cộng-hòa chính-thức khai-sinh, vấn-đề Văn-nghệ trong quân-đội mới được xem trọng và đặt ra đúng mức. Trước thời đó, không phải là trong quân-đội không có hoạt-động văn-nghệ. Bắc-chính-đoàn ở Bắc, Việt-binh-đoàn ở Trung Vệ-binh Nam-Việt ở trong Nam đều có những cơ-quan văn-hóa, những ban kịch, tờ báo cung-cấp món ăn tinh-thần cho quân-nhân những hoạt-động của những tổ-chức này lại rất thiếu tổ-chức, thiếu sinh-lực phát-triển để có thể phục-vụ đúng mức. Do đó mà thời ấy, Quân-đội Quốc-gia chống Việt-Minh nhưng lính Quốc-gia lại hát những bài hát sáng-tác ở ngoài bụng, khi buồn sung nghĩ ngơi, họ đọc tiểu-thuyết kiếm-hiệp hoặc é a những câu Vong-cổ hoài-lang kể chuyện « Trụ-Vương mê Đắc-Kỷ » hay « Tôn-Tấn-Bàng-Quyên » v...v.

Việc giáo dục tinh-thần, hướng-dẫn tình-cảm người lính không được cấp chỉ-huy chú trọng đến cho nên, những hoạt-động Văn-nghệ trong Quân-đội thời ấy, không khỏi r ang tính cách lẻ tẻ. Hời hợt nếu không nói là đôi khi đi sai lạc.

Từ khi cuộc Cách-mạng tháng 5 thành công, Chí-sỹ NGỒ-ĐÌNH-DIỆM chính-thức được toàn dân bầu làm Tổng-Thống của nước Việt-Nam Cộng-Hòa, một luồng gió mới đã thổi tới truyền sinh-lực vào mọi ngành sinh-hoạt trong nhân-dân. Văn-học và Nghệ-thuật cũng đã chịu ảnh-hưởng trực-tiếp và sâu đậm của cuộc Cách-mạng này. Từ trong hoang-mang bế-tắc, ngột-ngạt, người Văn-nghệ đã bước ra ánh sáng, hít thở không-khí tự-do và từ đó cây Văn-nghệ được bắt rễ vào lòng đất phì-nhiều màu mỡ trở nên lớn mạnh một cách không ngờ.

Trong Quân-đội Cộng-hòa, các hoạt-động văn-nghệ cũng được phát-triển mạnh và được đặc-biệt chú-trọng, thúc đẩy. Một số đồng các Văn-nghệ-sĩ chân-chính, đồng-viên vào Quân-đội đã được phục-vụ trong ngành mình, thực-hiện được nhiều công-tác đáng kể. Phong-trào học-tập Văn-nghệ trong Quân-đội được hướng-dẫn và sáng-tác song song với những buổi học-tập chính-trị. Thường thường, sau mỗi buổi học-tập về chính-trị lại có những buổi trình-diễn về Văn-nghệ do quân-nhân tổ-chức.

BÁO-CHÍ

Hiện nay trong Quân-đội gồm có 200 tờ báo vừa là báo tường, báo liếp, lẫn báo in tay hoặc in máy. Phần nhiều là Tuần-san và Nguyệt-san chứ không có Nhật-báo. Trừ 2 tờ « Phụng-sự » và

« *Quân-đội* » thuộc Phòng V Trung-ương xuất-bản còn các tờ khác đều là báo của đơn-vị, tất cả đều hướng về việc giáo-dục, khai-trí và giải-trí chứ không có tờ nào chuyên-chú về một mặt nào riêng biệt. Phần nhiều các báo đơn-vị đều phản-ảnh được cuộc sinh-hoạt của người lính và gần-gũi, đi sát với đời-tượng.

Sau đây là những tờ báo Quân-đội đã xuất-bản từ hồi Quân-đội Quốc-Gia mới thành lập *Tiếng-Kèn* (Việt-binh-đoàn Trung-Việt) *Chiến-Sĩ* (Bộ Quốc-Phòng) *Lửa-Thiên* (Đệ Nhất Quân-khu) *Thần-Kiểm* — (Đệ Tam Quân-khu). *Chiến-Thắng* (Đệ Nhất Quân-khu) *Nó-Thần*, *Chiến-Hữu* (Đệ Tứ Quân-khu) *Phụng-Sự*, *Quân-Đội* của Bộ Tổng-Tham-Mưu. Kể về mặt Văn-chương hoa-mỹ thì báo-chí Quân-đội chưa được hoàn-toàn nhưng để thực-hiện việc tạo cho độc-giả quân-nhân món ăn tinh-thần thích-hợp thì báo-chí Quân-đội đã có thể gọi là làm trọn vẹn được vai trò. Ngoài ra, để phù-hợp với tình-thế mới, báo-chí trong Quân-đội có làm nhiệm-vụ trao đổi những ý-kiến, tài-liệu học-tập chính-trị giữa quân-nhân và quân-nhân, giúp cho binh-sĩ ý-thức được nhiệm-vụ lịch-sử của Quân-đội trong cuộc cách-mạng Quốc-Gia hiện nay.

VĂN

Từ lâu vì chưa có cơ-quan nào phụ-trách việc xuất-bản thơ-truyện thành tập nên nhìn qua Bộ-môn Văn, chúng tôi chỉ có thể xét qua các truyện ngắn, truyện dài ký-sự phóng-sự tùy-bút đã lâu nay trên khắp các báo-chí Quân-đội. Hầu hết đều viết về đời lính và đều thể-hiện bằng một lối văn-chương trong sáng, giản-dị hợp với trình-độ lĩnh-hội của anh em binh-sĩ. Những sáng-tác được chọn đăng trên các báo hầu hết đều vững vàng về kỹ-thuật và thêm một lợi điểm là tác-giả đã sống sát và thực với đề-tài nên sáng-tác nhờ thế mà mang nhiều khả-năng truyền-cảm. Chúng ta có thể kể hết những nhà Văn Quân-đội sau đây đã từng được lòng độc-giả binh-sĩ như các bạn: Thanh-Nam, Huy-Quang, Tô-kiều-Ngân, Toàn-Phong, Ai-Lữ, Trần-Huỳnh, Văn-Quang, Hy-Thanh, Huy-Sơn, Hải-Minh, Nguyễn-văn-Long, Vy-Bằng, Kỳ-văn-Nguyên, Phạm-văn-Sơn, Nguyễn-dình-Hòe, Uy-Trân, Nguyễn-Sơn-Hà, Giao-Thanh v.v...

Gần đây trong tủ sách văn-ngệ Quân-đội thêm được mấy tập mới như :

— *Khái-luận Văn-ngệ Quân-đội*, nghị-luận của Kiêm-Đạt Diên-Nghị, Phan-lạc-Tuyên.

- *Thơ mùa uất-hận thi-tuyển của 17 nhà thơ Quân-đội*
- *Ngày tàn phong-kiến trong tủ sách chiến-hữu.*
- *Giải-phóng Liên-Khu V của Vi-Bằng và Phan-lạc-Tuyên.*
- *Lá thư tiền-tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn-đình-Hồe*
- *Họa sa-trường tập truyện ngắn của 17 nhà thơ trong Quân-đội, ngoài ra :*

Trong mỗi chiến-dịch, mỗi đợt đấu-tranh, lại có những giai-phạm phản-ảnh cuộc đấu-tranh đó bằng những sáng-tác, thi-ca với tính cách phục-vụ kịp thời. Nhất là sau khi tình hình chính-trị nước nhà sáng tỏ, trạng-thái tinh-thần của người chiến-binh Cộng-hòa biến đổi có lợi cho đại cuộc, thì tiếng nói văn-ngệ của Quân-đội Việt-Nam thành tiếng nói cần thiết, và tiếng nói ấy đương nhiên trở thành tiếng nói chung của một chính-thể đang đấu-tranh cho tự-do của Quân-đội. Chúng tôi có thể kể một vài bằng-chứng cụ-thể : Chiến-dịch giải-phóng Bình-Ngãi có tờ Bình-Định. Chiến-dịch Đình-tiên-Hoàng có tờ Bình-Tây, Chiến-dịch Thọại-ngọc-Hầu có tờ Kiến-Thiết và Chiến-dịch Trương-tấn-Bửu có tờ Quân-Dân. Mỗi tờ đều có một sắc-thái riêng biệt tùy theo tính-chất của Chiến-dịch, nhưng tựu-trung đều cố-gắng hướng trọng-tâm công-tác vào việc phổ-biến quan-niệm tư-tưởng của người lính Cộng-hòa, và của Quân-đội Cộng-hòa trong giai-đoạn phục-vụ cho dân-tộc trên nền-tảng tranh-đấu một cách thiết-thực và quả-cảm.

THƠ

Trong Quân-đội hiện nay, Thi Ca, đã có một *chuyên-hướng* rõ-rệt mà chúng tôi xin lược-trình ra đây 3 đặc điểm :

Đặc điểm thứ nhất là : Thi-Ca Quân-đội đang nổi lại truyền-thống của dân-tộc. Đó là những vần thơ ca hùng-tráng.

Đặc điểm thứ hai là : Lìa bỏ lối thi ca Phong-kiến lạc-hậu và nô-lệ.

Đặc điểm thứ ba là : Tiến-lên Sáng-tạo cho hợp với trào-lưu của xã-hội : « Quốc-Gia Dân-Chủ » ngày nay.

Để dẫn-chứng về ba điểm trên, chúng tôi xin lược-trình sau đây một vài sự so sánh :

Nếu từ xưa tới nay, ai cũng công nhận : Thi ca đời Trần là **Thơ-ca hùng-tráng**, và nhờ có những bài thơ đầy sinh-khí ấy mà

dân-tộc ta đã đuổi được giặc, giữ vững nước, thì ngày nay thơ-ca Quân-đội cũng có rất nhiều và thơ không kém phần hùng-tráng. Thí-dụ xưa có :

*Đoạt-sáo Chương-Dương-dộ
Cầm hồ Hàm-tử-quan*

hay

*Hoành sáo giang sơn cập kỷ thâu
Tam quân hùng-hồ khí thôn ngâu
Nam-nhi vị đáo công-danh liễu
Tu thính nhân-gian thuyết vũ-hầu*

và ngày nay :

*Các anh chết trong tình yêu Tô-quốc,
Khi ngang tàng phạt Bắc thưở bình Nam,
Các anh đi rung chuyển cả non ngàn
Hoa chiến-thắng tung bùng trên đất nước
Trang huyết-sử ghi dài bao nhịp bước
Đẹp làm sao giây phút các anh đi
Cứu giống nòi qua khòì bước lâm nguy
Đem nhật nguyệt trả về sông núi cũ*

của **VŨ-NGỌC**

(Bảo Quân-đội)

Thưa quý vị,

Quả thực, cái chí-khí hùng-dũng của mấy câu thơ tám chữ trên đã tỏ rõ cái truyền-thống của dân-tộc.

Về đặc-điểm thứ hai là bỏ lối thơ ca phong-kiến lạc-hậu, và nô-lệ. Chúng ta đọc hàng trăm bài thơ ca Quân-đội, chúng ta khó có thể kiểm được một bài thơ than thân trách-phận như :

*Ba năm trấn-thủ lưu đồn
Ngày thì canh điểm tối dồn việc quan
Chém tre đàn gỗ trên ngàn
Hữu thân hữu khòì phần nài cùng ai*

hay là :

*Ngang lưng thì thắt bao vàng
Đầu đội nón dứa vai mang súng dài
Một tay thì cắp hỏa mai
Một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền*

**Tùng tùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.**

mà ngày nay thì chỉ có :

*Lửa chiến-dấu sưởi ấm lòng dân-tộc
Men thành-công đang đợi một mùa sang*

hay là :

*Là Chiến-sĩ nên ta không nản chí
Đã đem đời ra hiến cả non sông
Mưa gian-lao dề dựng một thành-công
Lấy đất nước làm nền xây sự-nghiệp*

QUANG-HÂN

(báo *Chiến-sĩ*)

Về đặc-điểm thứ ba là : tiến lên Sáng-tạo, chúng ta đã thấy rõ :

Nhà thơ quân-nhân đã làm cả hai việc : khi vác súng thì cài bút, và khi gởi súng nghỉ ở sa-trường thì cầm bút, do đó mà thời-gian qua có hàng ngàn bài thơ quân-đội đăng trên các báo-chí. Gần đây có 3 tập thơ quân-đội ra đời đó là : *Mùa hoa mới* của Phan-Lạc-Tuyên, *Tự-do* của Mạc-Ly-Châu và *Thu mùa uất-hận* của một số nhà thơ.

Đó là những dẫn-chứng cho ba đặc-điểm mà chúng tôi trình-bày ở trên.

Bây giờ, chúng tôi lại trình bày với quý vị thêm rằng : « Không phải người quân-nhân chỉ sống một cuộc đời khô-khan vì kỷ-luật, vì chiến-dấu. Mà người quân-nhân cũng có những rung-cảm, cũng có những sự yêu, thương, ghét, muốn, trước những cảnh của núi sông, trước những bức tranh của thời-đại và trước những tình người ». Chúng tôi xin mời quý-vị nhận thức ở đây một vài bài minh-chứng cho lời nói của chúng tôi :

— Người quân-nhân khi đã khoác bộ quân-y vào là cảm thấy mình có trách-nhiệm trước sông núi. Do đó mỗi tình yêu nước bao giờ cũng chiếm phần lớn trong tâm hồn vì thế không mấy bài thơ của người quân-đội là không nói đến sông núi :

*Đường đời là một trận giao-tranh
Sông núi ngày mai có vá lành ?
Và cái người xưa còn nổi được
Đó là ai đó ? đó là anh.*

ÁI-MINH

(Báo *Chiến-Sĩ*)

hay là :

*Tôi mang máu anh hùng
Của Lê-Lợi, Quang-Trung
Xin vì dân trừ hại
Xây-dựng lại non sông.*

ĐẶNG-VŨ
(Bảo Quân-đội)

Nhà Thơ quân-đội cũng biết rung cảm trước những cảnh của sông núi :

*Chim vàng hót
Trên ngàn cây
Tre căng nhựa sống vui vầy
Chợ đông nhộn-nhip, vườn đầy trái ngon
Trên đường tiếng hát véo-von
Ngọn cờ pháp-phối bóng đồn xa xa*

VĂN-HẢI
(Bảo Quân-đội)

và cũng biết lấy cuộc đời chiến-sĩ vào với những niềm vui như vui đón Xuân về :

*Bài thơ phóng bút đầu Xuân mới
Ý thăm tình vui nở hái-đường
Gửi bạn người anh ngoài chiến-địa
Xuân về đang đội sắc lên hương*

HÀ-LIÊN
(Bảo Quân-đội)

Người Chiến-sĩ là phải can-đảm mới có thể quen sống với sắt và máu để bảo-vệ bản-thân và dân-tộc nhưng không vì thế mà không có tình thương. Thương đất đai sông núi, thương xứ-sở quê-hương và thương-gia-đình mà tình thương có khi còn chứa đựng nhiều hơn những người khác. Ai mà không rung-động trước những câu thơ : Thương Hà-Nội :

*Tôi đứng trên này võ-tuyến
Thương về năm cửa ó xưa
Quan-trưởng đêm tàn dẫn lối
Đê cao hun-hút chợ Dừa
Cầu rền mưa dầm lầy-lội
Gió về đá buốt lòng chưa*

*Yên-phụ đôi bờ sóng vỗ
Nhị-Hà lấp-lánh sao thưa
Cầu Giấy đường hoa Phượng-vỹ
Nhớ nhung biết mấy cho vừa.*

của TẠ-TỴ
(Báo Quân-đội)

và tâm-tình của người con thương mẹ :

*Cánh nhận đầu về mẹ ước mơ
Ngày mai vang dậy khải-hoàn ca
Non sông rạng-rỡ trời tươi-thắm
Vạn đóa con mẹ rộn dưới cờ*

của DIÊN-NGHI
(Báo Quân-đội)

Rồi đến những vần thơ tâm-tình nói lên mối tình quân-dân nhất-trí. Những vần thơ sống thực như :

*Anh sẽ là anh đàn em nhỏ
Là con của mẹ, giữ quê hương*

của PHAN-LẠC-TUYÊN
(Báo Phụng-Sự)

cũng như :

*Đêm qua dưới ánh trăng xanh
Bên anh em kề sự-tình quê-hương
Đời lên như sóng trùng-dương
Lòng em là cả quê-hương lạc-hồng*

của QUANG-HÂN
(Báo Phụng-Sự)

đều đượm thắm mối tình quân-dân.

Sau nữa nói đến tình yêu. Cái yêu của người quân-nhân điển-hình bằng bài thơ sau đây :

*Nhà tôi nhỏ nhỏ mái tôn
Có đàn em bé tinh-khôn nhất đời
Thăng anh tiếng hét vang trời
Là thăng súng cối sáu mươi ly dài
Đại-liên là thăng thứ hai
Cười lên một tiếng giặc thối ngã lộn.*

Lại còn đức tin của người quân-nhân nó là nguồn an-ủi mãnh-liệt cho người chiến-sĩ. Họ tin-tưởng ở Thiên-Chúa hay ở Phật-Tổ như :

*Hoa sen trắng, thơm bừng hương đạo-hạnh
Người là ánh hải-dương chiếu rạng
Giấc buồn mê về bến giác vời xa
Nơi cuộc đời còn thắm vạn hương hoa
Nơi nhân-thế không còn đau khổ nữa*

(Báo Quân-đội)

và :

*Chúa là ánh-sáng dẫn đàn con tội-lỗi
Đến Thiên-đàng vui hưởng phúc muôn thâu
Chúa Cơ-dài, Chúa là niềm an-ủi
Cho lòng con tin-tưởng ở mai sau.*

(Báo Đại-băng)

Rồi đến lòng tin-tưởng ở ngày mai Thống-nhất, ngày ca khúc khai-hoàn. Do đó người chiến-sĩ hứa hẹn với những người có tình ở bên kia giới-tuyên :

*Em ơi dù cách vạn trùng
Còn sông còn núi xin đừng quên nhau
Mặc ai chia đất chặt cầu
Ngày về anh lấp sóng sâu anh về.*

THÁI-THỦY

Báo Quân-đội

Sau cùng, còn một điểm đặc-biệt nữa cần phải nhắc tới, đó là Quân-đội với thi ca Chống-Cộng. Tôi muốn nói ở đây là thi ca vạch tìm tội-ác Việt-Cộng.

Nhiều bài thơ Tố-Cộng được đăng trên các báo-chí và mảy tập thơ chống Cộng đã xuất-bản như :

- *Đây Thiên đường Cộng-Sản* : của Đinh-Thanh-Hà
- *Những cảnh đau lòng* : của Quang-Hân
- *Kiếp hồng-nhan* : của Nhật-Sơn

Ngoài ra, phong-trào thơ, ca-dao Tố-Cộng và học-tập đang là một trào-lưu trong Quân-đội hiện nay.

Thưa quý vị,

Sự chuyển-hướng và phát-triển thơ ca quân-đội, trình bày

như vậy tưởng cũng đã đủ. Phạm-vi bài này không cho phép chúng tôi nói dài hơn.

NHẠC

Nói đến âm-nhạc quân-đội đúng với nghĩa của nó, ở đây ta chỉ có thể kể từ ngày đất nước bị chia hai, vì từ đó, cũng như các ngành khác, phong-trào nhạc trong quân-đội mới được bành-trướng đến cao độ.

Năm 1945, khi toàn dân vùng lên giành độc-lập, các nhạc-phẩm quân-đội đã thấy xuất-hiện mạnh-mẽ, có những nét đặc-biệt, phản-ảnh được đời sống của quân-đội, cũng như ý-thức được vai trò tiên-phong của âm-nhạc với quân-đội. Trong thời kỳ này, ta phải kể đến các nhạc-phẩm: Chiến-sĩ Việt-Nam, Chiến-sĩ Thủy-quân của Văn-Cao, xuất-quân của Phạm-Duy, thành-đô chiến-thắng của Canh-Thân v.v...

Nhưng sau một thời-kỳ bột-phát ngắn-ngủ ấy, âm-nhạc quân-đội đã dần dần sút kém theo sự sụp đổ của uy-thế Việt-Minh đối với nhân-dân. Một số các nhạc-sĩ đã trốn V.M vào vùng Quốc-Gia, còn một số ở lại thì phải sáng-tác theo chỉ thị của « Đảng ». Do đó những nhạc-phẩm quân-đội ở vùng V.M. chỉ có một tác-dụng độc-nhất là thúc-dục quân-sĩ lao đầu vào cuộc chiến-tranh tàn-bạo mà thôi. Đó là ta chưa kể đến sự lai-cãng về hình-thức. Để điển-hình ta phải nhắc đến bài Chiến-Thắng Điện-biên-Phủ của Đồ-Nhuận.

Trong thời kỳ này ở vùng Quốc-gia âm-nhạc quân-đội còn rất lẻ-tẻ, nhưng nó bước chậm mà rất chắc, nên lần-lượt ta đã thấy xuất-hiện những ban nhạc trình-bày qua làn sóng điện của Tiếng nói Việt-Binh-Đoàn (ở Huế) năm 1949, tiếng nói Đệ Tam Quân-khu (ở Hà-Nội) 1952, buổi phát-thanh Lý-Thường-Kiệt của T.T.M. năm 1952 và Tiếng nói Quân-đội Quốc-gia Việt-Nam năm 1953. Chính những ban nhạc này, sau này đã là nơi sản-xuất ra rất nhiều nhạc-phẩm rất có giá-trị.

Sau ngày đất nước bị chia hai, quân-đội, sớm hơn ai hết, đã hoàn-toàn nhận chân được bộ mặt thực của Việt-Minh Cộng-Sản và thực-dân ngoan-cổ, cũng như đã ý-thức được nhiệm-vụ của mình đối với hiện-tình của đất nước. Do đó các nhạc-sĩ quân-đội đã sáng-tác được rất nhiều nhạc-phẩm có giá-trị cả về hình-thức lẫn nội-dung, phản-ảnh được đủ mọi khía cạnh của đời sống quân-đội, cũng như đã góp vào việc động-viên tinh-thần quân-sĩ không nhỏ. Ngoài ra nó còn đóng một vai trò trọng-yếu trong mọi công cuộc dã thực, bài phong và diệt cộng.

Chúng tôi xin trình-bày qua về mọi khía cạnh mà âm-nhạc quân-đội đã thực-hiện :

Để hàn gắn lại tình quân dân cả nước, sau 10 năm tang-tóc do V.M và thực-dân gây nên, ta phải kể đến các nhạc-phẩm *Tình quê hương* của Đan-Thọ và Phan-lạc-Tuyên, *Các anh về của Canh-Thần* và *Văn-Khôi* v.v... *Tình quân dân* của Văn-An, *Bóng chiến y* của Đan-Thọ và *Dặn-dò* của Thanh-Châu v.v...

Để nói lên nỗi uất-ức, căm-hờn của nhân-dân, cũng như của Quân-đội đối với bọn V.C. bạo-tàn đã chia rẽ đất nước, ta phải nhắc đến các nhạc-phẩm *Hòn Bến-Hải* của Trọng-Khương, *Tiếng khóc công-trường* của Ngọc-Bích và Thanh-Nam, *Tiếng than miền Bắc* của Ngọc-Bích v.v...

Trước thâm-cảnh ấy của đất nước, âm-nhạc quân-đội cũng không quên vai trò làm lũng-đoạn tinh-thần đối-phương, bằng cách gọi lại những tình thương yêu của lòng người. Về điểm này ta phải nhắc tới những nhạc-phẩm : *Về đây anh* của Nguyễn-Hiền và Nhật-Bằng, *Nhấn người lạc lối* của Văn-Phụng, *Về miền Nam* của Trọng-Khương v.v...

Đi song song với công-tác diệt Cộng ấy, âm-nhạc quân-đội còn đóng một vai trò trọng-yếu trong công cuộc bài Phong và đã Thực. Ta có thể nói : Về điểm này các nhạc-sĩ quân-đội — nhất là nhóm T.N.Q.Đ. đã tích-cực hơn hết — đã sáng-tác kịp thời, làm tròn được nhiệm-vụ cao cả của nó đối với quân-đội cũng như với nhân-dân.

Như việc truất-phế hôn-quân Bảo-Đại, đã có Nhạc-phẩm *Về truất-phế Bảo-Đại* của Ngọc-Bích và Thanh-Nam, *Phá tan ngai vàng* của Nguyễn-Hiền và Nhật-Bằng v.v...

Cũng như việc cổ-động cho công cuộc bầu-cử Quốc-hội, các nhạc-sĩ quân-đội đã sáng tác : *Lá phiếu tự-do* của Đan-Thọ, *Rủ nhau đi bầu* của Ngọc-Bích và Thanh-Nam, *Phụ-nữ đi bầu* của Xuân-Lôi v.v...

Tuy-nhiên, không phải những nhạc-sĩ quân-đội đã bỏ quên những nét sống của chính họ, mà trái lại ta thấy âm-nhạc quân-đội đã thể-hiện được rất nhiều quan-điểm.

Để nói lên sự trưởng-thành mau lẹ của quân-đội, cũng như ca-ngợi những chiến-công, ta phải nhắc tới các nhạc-phẩm : *Hoan-hô Q.Đ.V.N.C.H*, quyết chiến-thắng loạn-quân sáng-tác tập-thể của

nhóm T.N.Q.Đ: *Tiến về Cà-Mau của Nguyễn-Ngọc*, *Tiến về Bình-Định của Nguyễn-Hiến* v.v...

Để diễn-tả lại cuộc sinh-hoạt sôi nổi của quân-nhân có mục-đích gây niềm vui sống cho đời lính, ta quên thế nào được bản: *Lính một tờ-te của Hùng-Lân*, *Vợ tôi là súng Các-bin của Văn-Khôi* v.v...

Ngoài việc sáng-tác các ca-khúc, anh em nhạc-sỹ trong Quân-đội cũng chú-trọng đến việc soạn các nhạc-phẩm thuần-túy có thể chia ra 3 loại:

1) *Nhạc quân-hành (Marche militaire)* không lời ca. Như bản: *Việt-Binh đoàn của Trần-như-Tú*, *khúc chiến-thắng*, *khúc khởi hoan của Lê-Như-Khôi*

2) *Hành-khúc diễn-tấu: Xuân tung bùng của Lê-Như-Khôi*

3) *Nghệ-thuật hòa-thanh và phân-nhạc của các Quân-nhạc-trưởng áp-dụng trong các ca khúc.*

4) *Nhạc cổ-diền Tây-phương.*

Ngoài ra, các hình-thức cổ-nhạc như cổ-nhạc Nam-Việt, Trung-Việt, Bắc-Việt đều được sử-dụng trong các buổi phát-thanh trên sân-khấu; dùng « *bình cũ đựng rượu mới* » gây được nhiều tác-dụng mạnh mẽ trong việc động-viên tinh-thần anh em binh-sỹ.

Đó mới là những nét chính mà chúng tôi vừa đan-cứ, lẽ tất nhiên không sao tránh khỏi được sự thiếu sót trong việc trình-bày. Nhưng để kết-luận, chúng tôi có thể nói: âm-nhạc quân-đội trong non một năm gần đây đã tiến-triển rất khả-quan, nó đã thể-hiện được đầy đủ mọi khía cạnh của quân-đội về nội-tại cũng như về ngoại-diện. Hơn nữa nó còn làm sáng tỏ được thiên-thức của nó đối với tình của đất nước.

Tuy nhiên, nhìn chung, chúng ta vẫn chưa thể hài lòng. Như trong quân-đội mới đi những bước đầu tiên, không vấp ngã đã là điều đáng mừng. Muốn cho nó đứng vững, sống mạnh, thể-hiện đúng đắn vai trò của nó, anh em nhạc-sỹ trong quân-đội, người thường-thức nhạc cũng như chính-quyền đều phải chung một trách-nhiệm: sáng-tác, xuất-bản, trình-diễn, nâng đỡ, khuyến-kích.

KỊCH

Nói về kịch trong quân đội, chúng ta nhận thấy ngành kịch đã có ngay từ khi quân-đội Việt-Nam thành-lập, khởi-điểm từ

những ban kịch nhỏ trong từng đơn-vị trình-diễn với mục-đích giải-trí cho quân-nhân sau những giờ công-tác mệt-mỏi tiễn lần đến những ban kịch lớn có tổ-chức hẳn-hoại với những buổi công diễn long-trọng cho cả quân-nhân và dân-chúng thưởng-thức.

Căn-cứ vào công-tác của các ban kịch, chúng ta phải nhìn-nhận rằng bộ môn kịch trong Quân-đội đã phát-triển song song với những bộ môn khác.

Sáng-tác : Vì những nhu-cầu đòi hỏi càng ngày càng nhiều nên những sáng-tác về kịch-bản cũng tăng lên; song chúng ta phải nhìn-nhận rằng những sáng-tác ấy chưa đủ làm thỏa-mãn nhu-cầu các quân-nhân cũng như dân-chúng và chưa có một định-hướng rõ-rệt trong thời-kỳ đầu. Chúng ta có thể phân-loại những kịch-bản làm bốn loại :

- 1) Loại kịch Tổ-Cộng
 - 2) Loại kịch có tính-cách phản-ảnh sinh-hoạt quân-đội
 - 3) Loại kịch vui
 - 4) Loại kịch bi-hùng.
- a) Về loại kịch Tổ-Cộng chúng ta có thể kể những vở :

Trở về của Minh-Hải
Thoát-hiềm của Minh-Hải
Ngã ba thời loạn của Minh-Hải
Phản lệnh của Minh-Hải v.v...
Giot lệ bên sông của Quang-Hân
Bộ-đội Vem của Hoàng-Năm
Phục-vụ nhân-dân của Hoàng-Năm
Cán-bộ Thuế của Hoàng-Năm
Vượt ngục của Minh-Lý
Gặp-gỡ của Quang-Hân
Lý-dị của Minh-Lý
Đả-đảo đi tập kết của Quang-Hân
Đi tìm tự-do của Quang-Hân
Lệnh đảng tình cha của Quang-Hân
Hận Công-Trường của Hồng-Quang
Mỗi thù truyền-kiếp của Hồng-Quang.
Tai vách mạch rừng của Đặng-văn-Tám

Hai chí-hướng của Đặng-văn-Tám
Bờ hạnh-phúc của Hoàng-anh-Tài
Mài một lưới gươm của Thanh-Nam

b) Loại dã sử :

Trai thời loạn của Thu-Hồ
Thử lửa của Đào-xuân-Cường

c) Loại kịch quân-đội :

Ngày về của Thanh-Nam
Con trai Đại-úy của Hoàng-Nam
Thi-sĩ đầu quân của Đào-xuân-Cường
Bên kia vĩ-tuyến của Châu-Kỳ

d) Loại kịch vui :

Rất nhiều những vở kịch vui chừng 15 hay 20 phút trình-diễn cho quân-nhân và dân-chúng của các ban kịch lưu-động.

Hoạt-động sân-khấu : Trong thời-kỳ phôi-thai, những hoạt-động về kịch thu hẹp trong những buổi trình-diễn giúp vui cho các đơn-vị, sau đã tiến tới những buổi công-diễn long-trọng. Buổi công-diễn năm 1954 do Tiếng nói quân-đội tổ-chức trình-diễn vở kịch dài 3 màn của Hoàng-như-Mai: « Xuân chiến-thắng », đã thành-công rực-rỡ về mặt nghệ-thuật cũng như về mặt tuyên-truyền và đã mở đầu cho một kỷ-nguyên mới trong bộ môn kịch trong Quân-đội tại Thủ-đô. Năm 1955 lại thêm một bước tiến quan-trọng nữa, một tuần lễ Văn-nghệ do đài phát-thanh quốc-gia tổ-chức với sự tham-dự tích-cực của Quân-đội, vở kịch « Tró về » do Tiếng nói quân-đội phụ-trách, là vở kịch tổ-cộng đầu tiên đã thành-công về mặt đả phá lý-thuyết Cộng-Sản, những câu đối-thoại trong vở kịch đủ kích-thích khán-giả đến nỗi nhiều lúc vở kịch phải ngưng diễn vì những tiếng hô « Đả-đảo Cộng-Sản » Chúng ta cũng không thể quên những hoạt-động của các ban kịch lưu-động có một tác-dụng rất mạnh-mẽ đối với quần-chúng. Có thể nói đó là cái gạch nối liền giữa quân và dân đồng-thời đã khiến cho mối tình quân-dân càng thêm chặt-chẽ. Những ban kịch này tuy nghệ-thuật trình-diễn đơn sơ nhưng đi sát với quần-chúng hơn.

Nhận thấy sức kiến-hiệu của ngành kịch trong công-tác đề cao chính-thể Cộng-hòa, tác-động quần-chúng, giáo-huấn binh-sĩ, khơi tỏ ý-niệm quốc-gia nên các vị có trách-nhiệm trong quân-đội đã cho phép thành-lập trong từng đơn-vị (từ đại-đội) những ban kịch nhỏ nhỏ để thêm vào sự sinh-hoạt hàng ngày của quân-đội ngoài những công-tác thường-xuyên và đồng thời thành-lập một ban kịch riêng lấy tên là Ban Ca-Kịch Quân-đội. Ban ca-kịch này đã hoạt-động từ gần một năm nay và đã thu-thập được nhiều kết-quả khả-quan. Ban ca kịch đã đi dự các chiến-dịch của các quân-khu để khuyến-kích binh-sĩ và gây tình liên-lạc mật-thiết quân-dân trong các đô-thị lớn nhỏ.

Để kết-luận chúng ta phải nhìn nhận rằng kịch-trường có một tác-dụng rất mạnh-mẽ đối với đa-số quần-chúng vì kịch là phản-ảnh cuộc sống thực-tế hàng ngày.

Nhờ sự tận tâm và tinh-thần yêu nghệ-thuật, nên các nghệ-sĩ quân-nhân trong bộ-môn kịch đã gắng công rất nhiều; mặc dầu thiếu-thốn phương-tiện, gặp nhiều khó-khăn. Để gây một ảnh-hưởng mạnh-mẽ và phải cố-gắng để chú-trọng về cuộc sống toàn-diện của quân-nhân, đề cao những sinh-hoạt hàng ngày của mọi tầng lớp trong quân-đội.

Tuy nhiên ngành kịch còn có thể phát-triển mạnh hơn thêm nếu trong Quân-đội có một trường đào luyện riêng để đào-tạo những:

- Sáng-tác-gia
- Đạo-diễn
- Diễn-viên cùng các chuyên-viên về ánh-sáng âm-thanh v.v...

HỘI - HỌA

QUÁ - TRÌNH (1951 - 1955)

Bộ-môn Hội-Họa được thành lập trong Quân-đội kể từ ngày có Văn-nghệ Quân-đội — Nghĩa là cách đây khoảng 6 năm.

Bộ-môn này hoạt-động với những họa-sĩ được gọi nhập-ngũ. Mới đầu số họa-sĩ tòng-quân rất ít, mà nhu-cầu quân-vụ lại quá nhiều cho nên họ không được tập-trung lại để làm việc, mà chia ra lẻ-tẻ ở mỗi Phòng hoặc mỗi Quân-khu, và họ chỉ hoạt-động đặc-biệt và riêng-biệt cho Phòng và Quân-khu đó mà thôi. Chỉ riêng Phòng 5 của Bộ Tổng Tham-mưu là có một số họa-sĩ đáng kể và cũng là

những chiến-sĩ Văn-ngệ đầu tiên xây-dựng nền Hội-họa Quân-đội như: Thái-văn-Ngôn, Trần-duy-Liêm, Nguyễn-văn-Hiệp và Nguyễn-Siên, cùng các nữ-họa-sĩ đầu quân vào ngành Nữ-phụ-Tá như các cô: Trần-gia-Trang, Trần-thị-Điệp, Trần-công-Dung, Thái-thị-Ánh và Huỳnh-thị-Hạnh v.v...

Vì nhận thấy Hội-họa là một thứ khí-giới tuyên-truyền rất sắc bén, dễ truyền-cảm và phổ-biến mau lẹ, sâu rộng trong mọi tầng lớp dân-chúng cũng như Quân-đội, cho nên các cấp chỉ-huy lúc ấy mới nghĩ đến biện-pháp tăng-cường cho bộ-môn này bằng cách cho gọi nhập ngũ thêm, hoặc chuyển-chuyển từ đơn-vị chiến-đấu về một số họa-sĩ nữa như Tạ-Tỵ, Nguyễn-Cường, Trần-Dzu-Hồng, Nguyễn-văn-Ba, Đức-Sơn, Văn-Đạt, Nguyễn-văn-Ky, Trần-văn-Thời v.v.

Và cũng từ ngày ấy, hướng đi của Bộ-môn Hội-họa không còn quanh-quẩn ở trong khuôn khổ một vài tờ báo nữa, mà nó phát-huy ra bằng tất cả mọi hình-thức.

Hội-họa lúc ấy mở một giai-đoạn đầu cho chiến-dịch tuyên-truyền bằng những tấm bích-chương kêu gọi tinh-thần yêu nước của Thanh-niên, hoặc trên những tờ truyền-đơn tố-cáo hành-động dã-man của Việt-Cộng.

Các Họa-sĩ quân-nhân đã cố-gắng hòa-minh vào đời sống tập-thể của Quân-đội, nhưng đường lối riêng biệt của từng cá-nhân nghệ-sĩ được phát-triển, vì thế ở đây chúng ta cũng nhìn thấy nhiều lối vẽ trong nhiều hình-thức khác ở mỗi một tấm bích-chương, một bìa báo hoặc ở trong những bài vở minh-họa.

Nhưng sự cố-gắng và lòng hy-sinh chân-thành của từng cá-nhân họa-sĩ cũng không đem lại một kết-quả khả-quan nào vì nhân-dân Việt-Nam cũng như Quân-đội đang sống trong một không-khí nghi-ngờ một khi binh-quyền vẫn nằm trong tay Thực-dân Pháp. Vì thế, những tấm bích-chương, những tờ truyền-đơn và những tranh minh-họa trên mặt báo-chí đều mất đi, tính-chất đơn-thuần của nghệ-thuật Hội-họa để trở thành khô-khan và trắng-trợn.

Phê-bình.

Ưu-diêm.— Bộ-môn Hội-họa trong giai-đoạn ấy đã phát-huy được một phần đường lối sáng-tác mới của tranh tuyên-truyền bằng Hội-họa tuy rằng đường lối mới đó chịu ảnh-hưởng của kỹ-thuật Tây-phương nhưng nó vẫn giữ được dân-tộc-tính trong màu sắc và hình-thể mềm-mại của Á-Đông.

Nhược điểm.— Không phục-vụ đúng thời-gian, thiếu phương-châm làm việc để xây-dựng một hệ-thống tổng-quát và trường-kỳ cho bộ-môn này.

THỜI-KỲ TIẾN-TRIỂN VÀ XÂY-DỰNG (1955-1956)

Từ ngày nền Cộng-Hòa Việt-Nam lên ngôi, từ ngày ấy nền văn-nghệ Quân-đội chuyển mình tìm một hướng đi mới cho đường lối sáng-tác. Tất cả mọi bộ-môn như Văn Thơ Nhạc Kịch Họa đều hoạt-động tích-cực để góp phần vào công cuộc xây-dựng chung một Thế-hệ mới.

Bộ-môn Hội-họa đi vào giai-đoạn tích-cực và phổ-biến mau lẹ những sáng-tác trong mọi chiến-dịch và đào sâu sự cảm-thông giữa quân-đội và quân-đội, cũng như giữa quân-đội và nhân-dân.

Nhưng sự thực thì cho mãi đến tháng 2 năm 1956 Bộ-môn này mới hoàn-toàn phát-triển trên khắp mọi hình-thức, và có một hệ-thống tổ-chức vững-vàng, cùng đường lối hoạt-động được vạch ra đúng nhịp với bước tiến của lịch-sử. Ngoài những công việc thường-xuyên như vẽ bích-chương, truyền-đơn, trình-bày sách, báo, bản nhạc, bộ-môn này còn đảm-nhiệm sự trình-bày những ấn-loát-phẩm và bìa báo cho những đơn-vị từ cấp Sư-đoàn cho tới Đại-đội. Ảnh-hưởng của Hội-họa được lan rộng và thấm sâu vào huyết-quản của người Quân cũng như Dân, sự ảnh-hưởng đó càng rõ-rệt khi chúng ta được nhìn thấy những tờ bích-báo của những đơn-vị đóng ở nơi xa-xôi chỉ có ma thiêng và nước độc, luôn luôn phải đương đầu với kẻ thù mà vẫn vẽ, vẫn trình-bày màu sắc tươi vui và những bức tranh khôi-hài duyên-dáng. Ngoài ra, chúng ta còn được nhìn thấy trong những tờ báo của các cơ-quan Quân-Chính có trình-bày những bức vẽ của họa-sĩ quân-nhân vì lý-do ảnh-hưởng.

Đứng về mặt tuyên-truyền, các họa-sĩ đã cố-gắng đưa ra nhiều đường lối vẽ để tác-động, nhưng đứng trong phạm-vi sản-xuất, có nhiều loại không kém phần quan-trọng như: phù-hiệu, huy-hiệu, các lược-đồ hệ-thống, biểu-ngữ và trang-hoàng các Phòng Triển-lâm của Quân-đội ở trong nước cũng như ở ngoại-quốc, cùng phụ-trách về trang-trí sân-khẩu cho Bộ-môn Kịch Nhạc v.v...

Thời-kỳ này Hội-họa được đề cao vai trò, và được coi như một yếu-tố quan-trọng trong công cuộc Bài-Phong, Phấn-Đề, Diệt-Cộng.

Phê Bình

Ưu-diêm.— Hội-họa đã làm đúng mức của nó, và trình bày đúng lúc, đúng chỗ, để gây ảnh-hưởng trong địa-hạt chiến-tranh tâm-lý và mọi công-tác có liên-quan đến công cuộc tranh-đấu chung của dân-tộc.

Khuyết-diêm.— Tuy các họa-sĩ quân-nhân đã tận-tình phục-vụ nhưng vấn-đề kỹ-thuật chưa được phong-phú vì không có thời giờ để học hỏi để trau dồi kinh-nghiệm ở bên ngoài — lý do : Việc quá nhiều mà số chuyên-viên có hạn, cho nên dù muốn làm cho đẹp, cho hay cũng đành chịu vì thời gian không có.

Nói tóm lại Hội-họa là một bộ-môn của văn-nghệ, và văn-nghệ là một bộ-môn của văn-hóa. Các Họa-sĩ quân-đội đã ý-thức được trách-nhiệm cao cả của mình trước sự tranh-đấu của toàn-dân trên mọi lãnh-vực, cho nên họ nhất tâm dùng nghệ-thuật để phục-vụ cho nền văn-hóa dân-tộc nói riêng và nền văn-hóa nhân-loại tự-do nói chung, để tìm cho họ và cho con người đương sống tự-do trên trái đất một ý-niệm Đẹp trong tranh-đấu.

ĐIỆN - ẢNH

1) QUÁ-TRÌNH

Ngành điện-ảnh quân-đội có từ khi quân-đội quốc-gia thành-lập đến năm 1955 được chấn-chỉnh lại, tuy vậy cũng chỉ thực-hiện các cuốn phim tài-liệu hoạt-động của quân-đội. Các sáng-tác rất nghèo-nàn có thể nói không có gì, vì thiếu hướng-dẫn không có một chương-trình sản-xuất, và một hướng phục-vụ do đó các phim của ngành điện-ảnh ít phổ-biến trong quân-đội và không gây được thành-tích xây-dựng nào khả-quan.

Năm 1956 ngành điện-ảnh hoạch-định một chương-trình sản-xuất các cuốn phim thời-sự gom góp các phóng-sự hoạt-động của quân-đội trong khoảng thời gian ngắn tùy theo tính-cách quan-trọng của các phóng-sự. Các cuốn phim kể trên rất ngắn chừng 30 phút đến 45 phút, loại phim này đã thực-hiện được 3 cuốn và còn tiếp-tục.

Đứng về phương-diện thuần-túy kỹ-thuật thì Ban Phim-ảnh đã đạt được những thành-tích khá khả-quan trong phạm-vi thu-ảnh (prise de vue) và ráp phim.

Thu ảnh.— (Prise de vue) « Một vài hoạt-động của quân-đội Cộng-hòa Việt-Nam số 1 » Bạn Lê-quang-Sum đã thành-công

hắn về đoạn Tổng-Thống đi thăm mặt trận Rừng-Sát. Hình ảnh đậm-đà, dù tương-phản (contraste) mặc dầu thiếu ánh-sáng vì trời mưa tầm-tã. Góc cạnh (angle) rất linh-động nhất là những cảnh binh-sĩ bồng súng đứng dưới nước hoặc men theo bờ rừng để đón mừng Tổng-Thống về phần cấu-tạo (composition des images) cũng được cân-đối và vững-vàng nhờ những tiền-cảnh (premier plan) khéo được chọn để làm nổi bật trung-cảnh (2ème plan) và hậu-cảnh (arrière plan).

Trong các cuốn phim số 2 và 3, những ưu-điểm kể trên có phần tăng thêm. Các điện-ảnh-viên đã tiến đến lối quay ngược chiều ánh-sáng (contre soleil) quy đèn (lumière artificielle) và quay phim Triple X, một loại phim in hình rất nhanh), một cách rất có hiệu-quả.

Ráp phim. — Phần ráp phim do Ban Hà-Thúc-Cân điều-khiển cũng tương-đối khả-quan. Lối ráp đã hấp-dẫn và đã dành cho khán-giả nhiều sự bất ngờ. Ông Charles Mertz, chủ-sự phòng Phim-ảnh Hoakỳ phải chú-ý đến lối ráp phim trẻ-trung của Quân-đội và đã gửi lời khen ngợi với Trung-Tá Giám-Đốc Nha Chiến-Tranh Tâm-lý.

Nhiếp-ảnh. — Ngành nhiếp-ảnh cũng được thành-lập cùng với ngành Điện-ảnh. Ngành này thu lượm được nhiều kết-quả trong công cuộc tuyên-truyền bằng hình ảnh vì có đầy đủ phương-tiện hoạt-động. Tuy-nhiên, chuyên-viên nhiếp-ảnh cần phải trau-dồi thêm về nghệ-thuật và ý-thức phục-vụ trong công-tác để mỗi khi làm phóng-sự sẽ thêm được những hình ảnh đẹp có ý-nghĩa.

II. — BÀN VỀ ĐỊNH HƯỚNG MỚI CỦA NGÀNH ĐIỆN-ẢNH QUÂN-ĐỘI

Xét về điện-ảnh và nhiếp-ảnh rất cần trong công cuộc phát-huy văn-hóa trong Quân-đội, chúng tôi xin trình-bày một vài ý-kiến thô-thiển trong cuộc định-hướng và đặt kế-hoạch phát-triển ngành Điện-ảnh như sau :

Điện-ảnh phải nhằm các mục-đích :

1) *Nâng-cao trình-độ hiểu biết của Quân-nhân*

- Sáng-tác các cuốn phim về huấn-luyện, phim hợp với trình-độ hiểu biết của quân-nhân.
- Huấn-luyện trí-dục, thể-dục và tác-phong quân-nhân.
- Huấn-luyện kỹ-thuật và tác-chiến.

2) *Gây tình đồng đội giữa quân-nhân*

Thực-hiện các phim tài liệu về :

Các binh-chủng, sự liên-hệ giữa các binh-chủng để quân-nhân có ý-niệm đoàn-kết.

— Sinh-hoạt nội-bộ trong các đơn-vị chiến-đấu.

3) *Đề-cao các hoạt-động của Quân-đội Cộng-hòa.*

Thực-hiện các phóng-sự hoạt-động Quân-đội về các chiến-dịch, hành-quân, tảo-thanh, vân vân... mục-đích đề-cao nhiệm-vụ giữ nước an dân của Quân-đội. Một ý-niệm ưa chuộng đời sống của quân-nhân cho thanh-niên. Trình-bày những phim vui tươi, lành mạnh trong đời sống của quân-nhân để gây cho thanh-niên một ý-niệm hào-húng cao-cả trong việc thi-hành quân-dịch.

4) *Hoạt-động xã-hội của Quân-đội Cộng-hòa.*

Quay các cuốn phim ngắn và hoạt-động của Nha Xã-hội Quân-đội Cộng-hòa, Nha Cựu-chiến-Binh, Nữ-đoàn Bác-ái Quân-đội Cộng-hòa... v.v...

5) *Giải-trí lành-mạnh :*

Sáng-tác các cuốn phim vui, ngắn có tính-cách giải-trí và bài-trừ tệ-đoan xã-hội :

— Bài-trừ tư-đồ-tường.

— Tình quân-dân v.v...

Kế-hoạch.— Muốn thực-hiện các mục-đích kể trên, ngành điện-ảnh phải được mở-mang thêm.

— Phái các chuyên-viên đi dự học về kỹ-thuật điện-ảnh.

Kiện-toàn dụng-cụ và vật-liệu cho đầy-đủ (nhất là về phần ghi âm không có đủ dụng-cụ).

Hiện tại ngành điện-ảnh quân-đội nhằm hướng sản-xuất các phim ngắn, tuy nhiên cũng phải chọn lọc các diễn-viên xuất-sắc để thoát khỏi các sắc-thái « Kịch ». Cách thức đóng phim của các diễn-viên phải điều-luyện và tự-nhiên trong khung-cảnh rộng lớn đi sát với đời sống thực-tại khác hẳn kịch chỉ thu hẹp trên sân-khấu, từ lời lẽ, cử-chỉ của diễn-viên đều gò-bó, gượng-gạo kém tự-nhiên.

— Ngành điện-ảnh phải liên-lạc chặt-chẽ với ngành nhạc thì mới thâm-được kết-quả khả-quan.

— Hoài-bảo thực-hiện các cuốn phim dài cũng rất có thể nếu dư điều-kiện về : Đạo-diễn, Diễn-viên và kỹ-thuật-gia và các phương-tiện thiết-yếu về dụng-cụ vật-liệu.

Để ngành điện-ảnh được phụng-sự đại-gia-đình Quân-nhân và quần-chúng, chúng tôi ước mong tại Việt-Nam sẽ có trường dạy về điện-ảnh.

QUAN-ĐIỂM SÁNG-TÁC VÀ TRÌNH-ĐIỄN VĂN-NGHỆ TRONG QUÂN-ĐỘI

Khi nói đến Quân-đội là nói đến một tổ-chức chặt-chẽ, kỷ-luật nghiêm-minh nhưng phức-tạp ở thành-phần cấu-tạo. Vì có nhiệm-vụ thiết-yếu bảo-vệ độc-lập, tự-do của quốc-gia, dân-tộc, nên quân-đội là một tổ-chức rộng lớn gồm đủ các giai-tầng trong xã-hội. Vì thế quân-đội là một đại-gia-đình sống theo một nếp sống riêng biệt.

Do đó khi đã-động đến vấn-đề tình-cảm của quân-đội, chúng ta đã chạm đến một vấn-đề tế-nhị nhất. Do cảnh sống luôn luôn mộng, người chiến binh sống sát với nhau trong lúc vui, đùa, ngồi nghỉ hoặc khi xung-sát ngoài mặt-trận. Cuộc sống luôn luôn như đùa cợt với những bất-trắc, hiểm-nghèo đã tạo cho người chiến-sĩ từ trên xuống-dưới những nỗi vui rất hồn-nhiên, dễ-dãi, và những mối buồn rất trầm lặng, sâu xa, chẳng hạn như những nỗi buồn từ-biệt ngoài mặt-trận, có thể ngấm ngấm biến thành những mối thù đối với quân-địch. Tác-dụng văn-ngệ trong quân-đội đã nhằm vào chủ hướng là đánh bật những tính chất ủy-mị, đề cao lòng yêu nước thương nòi, đề cao tình chiến-hữu, gìn giữ cho lòng kiên-quyết chống xâm-lăng, chống phiến-loạn, chống Cộng-Sản sao cho được đơm chấy mãi trong lòng người chiến-binh.

Người chiến-binh trong quân-đội Cộng-hòa hôm nay có những cảm nghĩ sâu rộng và linh-động hơn người chiến-binh của thời-gian cận-đại. Tình yêu đất nước quê hương, ruộng đồng, ao cá, nương cau, cho đến lòng yêu thương nhân-dân, nhất nhất đều được người chiến-sĩ Việt-Nam trong giai-đoạn hiện tại thông-cảm một cách rõ-rệt và sâu sắc tùy theo trình-độ nhận-thức. Vì thế khi đặt vấn-đề viết, vẽ, hát, múa cho người chiến-binh thường-thức, người làm Văn-ngệ trong Quân-đội Cộng-hòa đã đặt mình trước mấy vấn-đề vô cùng tế-nhị.

Khi người văn-ngệ-sĩ trong quân-đội nêu lên vấn-đề,

— Viết thế nào ? vẽ thế nào ? hát, múa thế nào ?

Đồng-thời văn-ngệ-sĩ quân-đội cũng phải nghĩ đến việc cấu-tạo

cho quân đội một sắc-thái Văn-nghệ hoàn-toàn chứa đựng tính-chất dân-tộc.

Đặt một câu thơ, hát một bài hát, phác một nét vẽ, sáng-tác một điệu-vũ, người văn-nghệ-sĩ quân-đội đã thấy trước mắt mình một đối-tượng rất linh-động, buộc họ phải :

— Hát, vẽ, viết, múa, cho mấy trăm ngàn con người gần đủ các thành-phần trong xã-hội.

— Hạ xuống thấp quá, sẽ đi vào con đường vụ-lợi âm-mưu nô-lệ-hóa toàn-diện dân-tộc như Cộng-Sản.

— Lên cao quá sẽ vô bổ, hoặc là sẽ đi vào ngõ bí là quá phiến-diện. Ví-dụ : như những hình-thức Văn, Thơ, Họa trừu-tượng, lập-thể sẽ không làm thỏa-mãn được cảm-quan của đối-tượng binh-sỹ.

Vì những lẽ ấy, người văn nghệ-sĩ trong quân-đội đã hòa mình vào cuộc sống « động » của người chiến-binh để tìm lấy những hình ảnh sống nhút, những tâm-tư linh-động nhút.

Lỗi sáng-tác trình-diễn nhút luật không phải theo một lẽ-lối cố-định nào cả. Tóm lại, phải chuyển-biến, hòa-hợp, nắm cho được những rung cảm mấu chốt trong mỗi giai-đoạn để biến thành những xúc-động lớn làm động-cơ thúc đẩy một vấn-đề chính-yếu căn-cứ trên chủ-trương toàn-diện. Nhưng điều cốt-yếu mà người văn-nghệ-sĩ quân-đội không quên là trong khi dồn hết vào phần trình-diễn tất cả sắc-thái chung của dân-tộc, còn một điểm không thiếu phần quan-trọng : đó là tình đoàn-kết Quân-Dân.

Trong giai-đoạn cận-đại, người ta cũng đã nói đến câu chuyện đoàn-kết Quân-Dân. Nhưng đó chỉ là tiếng nói gượng-gạo, đúng hơn chỉ là một ước-vọng không thành hình.

Bây giờ, câu chuyện Quân-Dân đoàn-kết, tình quân-dân nhút-trí đã thành câu chuyện tượng-trưng cho công cuộc đấu-tranh vì chính-nghĩa. Do đó, tình đoàn-kết Quân-dân đã gọi cho người Văn-nghệ-sĩ quân-đội những hình ảnh rất đẹp, những câu chuyện rất linh-động thấm-thiết để họ cấu-tạo thành tác-phẩm.

Tóm lại, trong văn-đề sáng-tác và trình-diễn, người Văn-nghệ-sĩ quân-đội Cộng-hòa đã nắm những điểm chính-yếu :

- Đề-cao nhiệm-vụ quân-đội
- Đề-cao tình chiến-hữu
- Biểu-lộ màu sắc riêng biệt của quân-đội.

- Biểu-lộ tính-chất dân-tộc qua tính-chất quân-đội
- Phổ-biến tình cảm khoáng-đạt của người lính.
- Ca ngợi tình đoàn-kết.

Trong vấn-đề sáng-tác và trình-diễn văn-nghệ qua tất cả các bộ-môn, người Văn-nghệ-sĩ trong quân-đội nhằm vào những quan-điểm đã vạch ra ở trên để tiến tới, và thiết-tha tin-tưởng rằng con đường ấy sẽ được những người bạn văn-nghệ sắp mặc quân-phục để phụng-sự chung cho dân-tộc ở ngày mai, tiếp-tục đi tới mãi cho đến ngày hoàn-toàn thành-công.

KẾT-LUẬN

Xét về sáng-tác văn-hóa của quân-nhân trong các thể-hệ cũ, ta hiềm hoi rõ rệt bởi những nhân-vật có căn-bản văn-hóa không được nhiều trừ một số tướng-lĩnh như Trần-Hưng-Đạo, Lý-Thường-Kiệt, Phạm-Ngũ-Lão, Nguyễn-Trãi v.v... trước thời ly-loạn đã là những văn-gia hữu-danh.

Tuy sáng-tác văn-hóa của quân-nhân Việt-Nam thuở ấy ít-ỏi, nhưng về phẩm, ta thấy không đáng phàn-nàn chút nào từ bài hịch tướng sĩ, bài Bình Ngô Đại-cáo đến bài chiếu xuất-chinh đã nói ở trên.

Một điều đặc-sắc khác nữa của các sáng-tác văn-hóa trên đây là tính-cách thực-tế của văn-đề và hình-thức diễn-tả thường rất là đơn-giản.

Cái giai-đoạn trọng-văn, khinh võ, người quân-nhân chỉ là những người « Võ biền », cái giai-đoạn ấy đã qua. Giờ phút này do quan-niệm của quốc-dân đối với quân-nhân đã khác xưa nên quân-nhân còn là những người trí-thức nữa tuy hàng ngày họ khoác bộ quân-phục, họ sử-dụng súng đạn nhiều hơn bút mực vì thế ta hy-vọng rằng trên địa-hạt văn-hóa dưới chính-thể Cộng-hòa của chúng ta, văn-hóa Việt-Nam đang giữ một phần quan-trọng ở văn-nghệ-sĩ hiện có mặt trong Quân-đội.

Trong giai-đoạn hiện thời, Việt-Nam đã là một Quốc-gia độc-lập tại Đông-Nam Á-Châu đang cần mạnh tiến như các nước bạn trong thế-giới tự-do và đang được coi là một phòng tuyến số 1 bên này bán-cầu trước hiểm-họa xâm-lãng của Cộng-Sản quốc-tế. Vậy hoàn-cảnh chánh-trị quốc-nội và quốc-ngoại đã nêu ra nhiều nhu-cầu mới và trọng-đại đòi hỏi văn-hóa Việt-Nam phải có một sự cải-tiến mãnh-liệt để làm căn-bản cho mọi sự tiến-bộ.

Ngày nay cái phong-hóa đòi-bại, truy-lạc yếu-ớt về tinh-thần do thực-dân, phong-kiến gây nên từ nhiều thể-hệ phải nhường bước cho một nền văn-hóa lành mạnh, có đường lối nhất-định ăn khớp với các cuộc tranh-đấu và tiến-hóa của dân-tộc.

Trong hai năm nay tức là từ ngày Ngô Chí-Sĩ trở về nước một luồng gió mới đã thổi tràn qua khắp nước, hoàn-cảnh chánh-trị sáng-sủa nhiều, nền văn-hóa trong nước nói chung và trong Quân-đội nói riêng đã được cởi mở rộng-rãi và được coi là quan-trọng nên bắt đầu có đà để phát-huy mọi khả-năng tranh-đấu của người quân-nhân về mọi phương-diện. Nếu nhìn về lượng thì chúng ta có thể nói rằng báo-chí của quân-đội có tới 200 tờ từ cấp Sư-đoàn xuống cấp tiểu-đoàn đáng kể là mạnh. Các sáng-tác thơ văn nhạc kịch cũng bước cùng một nhịp vừa phản-ảnh được mọi góc cạnh của kịch vừa biểu-dương được ý-chí quật-cường của dân-tộc.

Tuy nhiên ta vẫn thấy hoạt-động văn-hóa trong quân-đội trong giai-đoạn mới này chưa ổn về vài phương-diện bởi nó có bề mặt nhiều hơn bề sâu vì còn thiếu phương-pháp, thiếu tổ-chức, nói tóm lại thiếu sự hướng-dẫn của đại-gia-đình văn-hóa Việt-Nam.

Tại đây chúng tôi muốn đặt một câu hỏi : Văn-hóa Việt-Nam đi về đâu lúc này ? Khi chúng ta đã đổ bao nhiêu xương máu từ nhiều thể-hệ để lật đổ chế-độ Phong-kiến và Thực-dân tham-tàn ích-kỹ, phải chăng vì chúng ta muốn sống một cuộc đời đang sống, sống có bảo-đảm về vật-chất cũng như về tinh-thần hôm nay và ngày mai.

Về vật-chất con người phải được no cơm ấm áo là điều căn-bản, về tinh-thần con người được tự-do phát-huy tư-tưởng ; được tự-do tín-ngưỡng miễn là cái quyền tự-do đó không xâm phạm đến quyền-lợi của Quốc-gia.

Từ nhiều thể-hệ, nhân-vị đã bị chà đạp và bao nhiêu Quốc-gia, dân-tộc đã lâm vào cảnh đau khổ, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu ánh-sáng, thiếu tự-do ăn nói, tư-tưởng, làm kiếp ngựa trâu.

Hàng ngàn con người đã hy-sinh để tranh-đấu, để bảo-vệ các quyền-lợi thiêng-liêng. Ngày nay lại có một loại đế-quốc mới, một loại thực-dân mới, đang phát-động một luồng tư-tưởng mới để cám-dỗ nhân-loại đầy đau thương ấy không phải là để đưa họ ra ngoài cuộc đời đen tối mà trái lại để xiềng-xích kiên-cố hơn, chặt - chẽ hơn, nặng-nề hơn, và nguy-hiểm hơn.

Đế-quốc đó, thực-dân đó, chính là bè lũ Cộng-Sản. Quả là một nguy-cơ ghê-gớm nếu loài người trong thế-giới tự-do không biết tìm cách ngăn-cản làn sóng đó.

Diệt-trừ cái ung-độc Cộng-Sản, hẳn không có liều thuốc nào khác là liều thuốc văn-hóa mà nguyên-tổ chân-ri của nó là Công-bằng Bác-ái, là sự tôn-trọng con người, là bảo-vệ bác quyền sống thiêng-liêng của con người, là sự giải-quyết những bất-bình trong xã-hội.

Hiện nay miền Nam tự-do chúng ta đang làm một cuộc Cách-mạng, về chánh-trị và văn-hóa vừa để rũ sạch các tàn-tích lạc-hậu của thực-dân, phong-kiến vừa ngăn-ngừa sự tấn-công của tà-thuyết Cộng-Sản.

Con người văn-hóa lúc này lãnh sứ-mạng tối-ư quan-trọng. Mọi sáng-tác của mình đều phải hướng vào việc xây-dựng nhân-loại, đề-cao giá-trị con người và mưu hạnh-phúc chung cho dân-tộc.

Các bạn nhà văn, nhà báo, nghệ-sĩ, nhà chánh-trị, nhà quân-sự, kỹ-nghệ-gia, nhà kinh-tế, tài-chính, đều có nhiệm-vụ xây-dựng nền Văn-hóa Dân-tộc lành mạnh nhận-định hướng tiến của Văn-hóa là đường sống duy-nhất của mình.

Để kết-luận chúng tôi xin các bạn hãy cùng chúng tôi mạnh tin rằng sứ-mạng văn-hóa Việt-Nam nhất-định sẽ thành-công, tương-lai của dân-tộc Việt-Nam nhất-định sẽ tươi sáng huy-hoàng.

Văn-nghệ-sĩ

Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa



THUYẾT-TRÌNH CỦA NGÀNH LUẬT-HỌC

Chiều 12-1-1957 :

ĐỀ MỤC :

QUAN-NIỆM VỀ LUẬT-PHÁP VÀ NHIỆM-VỤ CỦA CÁC LUẬT-GIA VIỆT-NAM

Thuyết-trình viên : Ông Lại-Tư, (Thẩm-phán Bộ Tư-pháp).

Chủ tọa đoàn : Ông Nguyễn-văn-Sĩ, Bộ-Trưởng Bộ Tư-pháp.

Bà luật-sư Nguyễn-phước-Đại.

Luật-sư Nguyễn-hữu-Thứ.

Thư ký đoàn : như cũ.

NỘI DUNG :

QUAN-NIỆM VỀ LUẬT-PHÁP VÀ NHIỆM-VỤ CỦA CÁC LUẬT-GIA VIỆT-NAM

Muốn thuyết-trình về quan-niệm luật-pháp và nhiệm-vụ của luật-gia Việt-Nam trong giai-đoạn hiện-tại cho hợp với khung cảnh Đại-hội văn-hóa toàn-quốc, chúng tôi thấy cần phải xác-định cho nền pháp-lý một cương-vị rõ ràng trong văn-hóa.

Dù chúng ta quan-niệm văn-hóa là chỉ các hình-thái điển-đạt trình-độ của một nền văn-minh hay văn-hóa là chỉ chung tất cả những giá-trị do linh-thần sáng-tạo ra, thì luật-pháp cũng phải được coi như bao gồm trong văn-hóa, thuộc về các bộ môn khoa-học và nghệ-thuật vì luật-pháp vừa là một khoa-học vừa là một nghệ-thuật.

Trước hết luật-pháp là một khoa-học có mục-dịch phân-tích và diễn-tả tương-quan giữa các chủ-thể của xã-hội về

phương-diện pháp-lý, do đó thuộc bộ môn xã-hội-học nên các luật-gia thường coi pháp-luật như một phản-ảnh của xã-hội.

Cũng như các ngành khác của xã-hội-học, luật-pháp khảo-sát mọi hình-thái hoạt-động của xã-hội, chỉ tách-biệt ở điểm các định-lệ, quy-tắc và tục-lệ do luật-pháp xác-định có tình-cách bó buộc, cầu-thúc và được tài-chế. Vậy cũng như các ngành khác của xã-hội học, luật-pháp là một hình-thái văn-hóa trong hệ-thống tổng-quát phổ-diễn một nền văn-minh. Hơn nữa trong nhiều trường-hợp, riêng mình luật-pháp có thể tượng-trưng cả một nền văn-minh. Nói tới văn-minh La-Mã chẳng hạn người ta liền-tưởng ngay tới nền pháp-lý sáng lạng của nền văn-minh này, tuy ngoài luật-pháp, hoạt-động văn-nghệ của thời-đại đó cũng không kém phần xuất-sắc. Các giáo-điều của thời trung-cổ Tây-phương và Đông-phương đã làm nổi bật sự đặc-thắng của nền văn-minh công-giáo tại Tây-phương, ảnh-hưởng của nho-học và phật-giáo tại Đông-phương về thời đó. Về kỹ-thuật, luật-pháp còn có một phương-pháp khảo-sát, phân-tích và suy-luận rất chặt-chẽ để thấu lượm, sắp loại, tổng-hợp và hệ-thống-hóa các phương-tiện pháp-lý, tiêu-biểu một quy-pháp hoạt-động tinh-thần đặc-biệt.

Là một nghệ-thuật, luật-pháp, về mặt văn-chương đã tạo ra được một văn-thể thích-ứng để diễn-tả pháp-tình của các kết-quả thấu lượm cùng đề-cao tinh-thần trọng pháp-lý mà các quốc-gia văn-minh hiện-tại coi như một hãnh-diện trong sự phục-tòng pháp-luật. Không ai còn lạ gì bộ luật Napoléon của nước Pháp đã được coi như một tác-phẩm gương-mẫu về thể-văn rành mạch và sáng sủa.

Ngoài ra, cũng trong lãnh-vực nghệ-thuật, pháp-luật còn là một nguồn cảm-hứng đã nêu ra được nhiều đề-tài giúp ích cho công-trình sáng-tác của các văn-nghệ-sĩ. Bức hội-họa của Prud'hon tượng-trưng cho « Công-Lý và sự báo thù của Thần-linh đang truy-nã tội ác » (*La justice et la vengeance divine poursuivant le crime-1808*) hiện vẫn được đề tại bảo-tàng Louvre bên Pháp là một họa-phẩm rất có giá-trị được nhiều người chú-ý tới. Trong kịch-trường Việt-Nam tích xưa, án Bàng-qui-Phi vẫn còn được lưu-truyền mãi mãi.

Sau hết về phương-diện xã-hội đòng-học, bản-chất là một sản-phẩm của hoạt-động tinh-thần nên luật-pháp vô-tình hay hữu-ý hướng-chiếu về tương-lai, vô-tình trong sự khuyến-kích

các nguyên-vọng sâu-sắc, các lý-tưởng cao-cả của dân-lộc trong lịch-trình tiến-triển của nền văn-hóa; hữu-ý khi chủ-tâm đặt điều-kiện, tạo thuận-tiện, lập khung-cảnh hay gây một bầu không-khí thích-ứng để thực-hiện lý-tưởng một nền dân-chủ sáng-suốt dung-hòa tự-do, quyền-lợi và hạnh-phúc cá-nhân với sự cần-thiết bảo-vệ quốc-gia; trong phạm-vi này, luật-pháp cũng là một nghệ-thuật theo đuổi một sự hoàn-mỹ lý-tưởng như các hoạt-động văn-ngệ khác.



PHẦN THỨ NHẤT

Quá trình tiến-triển của quan-niệm Pháp-Luật Việt-Nam

A.— Sau khi xác-định cương-vị của luật-pháp trong hệ-thống văn-hóa tổng-quát chúng ta nhận thấy qua lịch-sử, quan-niệm luật-pháp Việt-Nam, mặc dầu có chịu ảnh-hưởng ngoại-lai, đã tỏ ra về đại-cương có một căn-bản liên-tục và một khả-năng hấp-thụ dồi-dào nên trải qua bao luồng văn-minh tạp-lục vẫn giữ được dân-tộc-tinh.

Hướng về quá-trình, chúng ta đã có rất sớm một nền pháp-lý vững-chãi và tự-chủ từ triều Lý (1010-1225) với cuốn Hình-Thư (1042). Tiếc rằng tài-liệu pháp-lý đầu tiên này đã bị người Trung-Hoa tiêu-hủy theo chánh-sách « ngu dân » nhưng qua công-trình khảo-cứu của ông Phan-huy-Chú về lịch-sử, chúng ta nhận thấy quan-niệm pháp-luật đầu tiên của nước Việt-Nam đã dung-hòa được hai quan-niệm đối-lập bắt nguồn tại Trung-quốc, pháp-trị và nhân-trị chủ-nghĩa.

Nhờ đức-linh thực-tế của các luật-gia hồi đó, nền pháp-luật triều Lý đã thực-hiện nguyên-vọng của một xã-hội trọng nông với cả một chế-độ bảo-vệ điền-thổ tinh-vi (biết phân-biệt sự đoan-mại và sự điền-mãi) và một chương-trình cải-cách điền-địa mạnh bạo.

Về hình-luật, nước ta đã tiến trước Tây-phương tới gần 7 thế-kỷ trong sự tôn-trọng nhân-quyền (nếu chưa có án bị can được coi như vô tội) và nhờ ảnh-hưởng của Phật-giáo, đã tìm thấy nhiệm-vụ giáo-hóa và cải-thiện của hình-phạt trước Tây-phương gần 3 thế-kỷ, đó là chưa kể quan-niệm coi phạm-nhân như bệnh-nhân — cần phải được cứu chữa nhiều hơn là trừng-

trị mà taphải đợi tới hơn tám thế-kỷ sau mới thấy xuất-hiện ở Tây-phương với môn phái thực-luận Ý-đại-lợi.

B.— Bộ luật thứ nhì kế-tiếp, bộ Hồng-Đức (1460-1497) ban-hành dưới triều Lê không kém phần độc sáng và tinh cách tự-chủ với một kỹ-thuật trừng-giới vừa tinh-vi vừa thiết-thực. Lần đầu tiên luật-pháp Việt-Nam đặt một căn-bản tinh-thần cho tội-phạm đó là yếu-tố tinh-thần mà ta chỉ thấy xuất hiện tại Tây-phương trong pháp-chế thế-tục với học-thuyết cổ-diễn quảng-đại và thế-kỷ thứ 18. Các trường-hợp giảm hình được quy-định để có thể hóa các hình phạt, một chánh-sách trừng-trị mà ta phải đợi môn phái Ý-đại-lợi mới thấy xuất-hiện tại Tây-phương. Hơn nữa các luật-gia hồi đó đã lưu ý tới một loại tội-phạm đặc-biệt tượng-trưng một trình-độ văn-minh rất cao, thí-dụ tội sử-thân tư-thông với ngoại-quốc, tiết lộ bí-mật về chức-vụ, tịch-trữ hàng hóa v. v...

Ngoài ra bộ Hồng-Đức còn mở làm quan-niệm tổng-quát về luật-pháp chấp nhận lần đầu tiên phương-diện dân-sự của các tương-quan pháp-lý trước kia chỉ được quy-định dưới viên-cảnh hình-sự. Bộ Hồng-Đức đã được quy-định chế-độ lương hỏa, thừa kế, tài-sản của người dân bà có chớng hiện nay hãy còn được nại ra trước các pháp-đình như tục-lệ trong các trường-hợp bộ luật g'ân-yếu 1883 không trừ-liệu tuy rằng bộ-luật Gia-long kế tiếp đã gạt bỏ phần lớn các điều khoản dân-sự.

C.— Bộ Luật thứ ba này, ban-hành vào năm 1812 đã bị các luật-gia và các nhà sử-học chỉ-trích gắt gao, coi như đánh dấu một giai-đoạn thoái-bộ trong lịch-trình tiến-triển của quan-niệm luật-pháp tự-chủ cổ-truyền của ta vì đã lộ ra quá câu-nệ đối với bộ luật nhà Mãn-thanh, chép nguyên-văn nhiều điều-khoản không thích-hợp với trình-độ văn-minh của nước ta hồi đó.

D.— Dưới thời ngoại-thuộc vừa qua, nền đồ-hộ Pháp áp-dụng một chánh-sách « bóc-lột » và « chia rẽ » dưới màu sắc tôn-trọng tập-quán và pháp-chế của dân bản-xứ, đã thiết-lập một nền pháp-lý biệ-nhiệt gồm hai thứ-bậc, thượng tầng dành riêng cho dân thống-trị, và một nhóm người phò ngoại, hạ-lầng gồm ba chế-độ tạp-lục và cách-biệt về mọi phương-diện chánh-trị, hành-chánh và tư-pháp.

Sự cách-biệt giữa hai thứ-bậc pháp-lý trái với nguyên-tắc bình-dẳng giữa các dân-tộc và luật-pháp bị dày-xéo nhường chỗ cho chánh-sách đồ-hộ.

Tuy nhiên, đứng về phương-diện kỹ-thuật ta cũng nên công-nhận một cách vô-tư là trong thời-kỳ này nền pháp-luật Việt-Nam đã được xếp-đặt theo một hệ-thống có tính-cách khoa-học hơn xưa, mặc dầu tinh-thần nền pháp-luật đó chưa phù-hợp với quan-niệm lý-tưởng vẫn được phát-triển mạnh-mẽ trong tâm-trí giai-cấp tự nhận có nhiệm-vụ lãnh-đạo quần-chúng và phỏng theo khuynh-hướng quảng-dại Tây-phương: dân-chủ tự-do, bình-đẳng, trong nhân-vị.

Dù chưa đạt được kết-quả cụ-thể, quan-niệm lý-tưởng này vẫn tiềm-tàng trong tâm-trí dân-tộc nên vào năm 1945, hai ngày sau cuộc đảo-chính mồng chín tháng ba do quân-đội Nhật-bản khởi xướng, chính-quyền Việt-Nam đã nhân cơ-hội thuận-tiện tuyên-bố độc-lập và phế-hủy các hiệp-ước bảo-hộ Việt-Pháp.

Nhưng viễn-cảnh sáng-ạn vừa hé mở trên con đường độc-lập thì không may cho vận-mệnh quốc-gia, Việt-Minh lợi-dụng lòng ngay thẳng của Chính-Phủ Trần-trọng-Kim đã lật đổ chính-quyền quốc-gia, dọn đường cho chế-độ đảng-trị dưới nhãn-hiệu « chính-thể cộng-hòa » tuyên-bố ngày 2-9-1945.

Sau khi nắm chắc chính-quyền, Việt-Minh gạt bỏ các phần-tử quốc-gia châu-chinh, lợi-dụng triệt-dề lòng ái-quốc, linh-thần hy-sinh, lý-tưởng quốc-gia và độc-lập của dân-tộc để đưa một phần nhân-dân vào con đường nô-lệ ngoại-bang. Luật-pháp đối với họ chỉ là một trong các dụng-cụ để thực-hiện chánh-sách giai-cấp tranh-đấu, nếu cần phải dập vùi nhân-vị, hy-sinh tự-do và tính-mệnh của cá-nhân hay của một giai-cấp, họ cũng không ngần-ngại, vì theo « quan-niệm pháp-lý cộng-sản » quyền-lợi của đảng tức là quyền-lợi của dân-tộc, chánh-sách của đảng là căn-bản của nền pháp-lý, không cần qui-định các nguyên-tắc căn-bản mà thế-giới tự-do coi như một điều-kiện tất-tu của một nền pháp-lý văn-minh.

Nguyên-tắc : Luật không cấm thì không được bắt tội » (nulla pena sine lege) không được Việt-Cộng tôn-trọng. Mọi người đều có thể bị lên án, mặc dầu không phạm phải một điều-khoản nào trong luật-hình ; chỉ làm một điều mà nhà cầm quyền cộng-sản xét ra không nên làm là phạm tội. Các tội « phản-động » « phản dân-chủ » « phản quyền-lợi giai-cấp vô-sản » « phản cách-mạng » không thấy định-nghĩa rõ ràng.

Tánh-cách độc-lập của cơ-quan tư-pháp bị phủ-nhận. Theo quan-niệm cộng-sản, chính-quyền là công-cụ của giai-cấp thống-

trị, thì tòa-án là một bộ-phần của chính-quyền cũng chỉ là một công-vụ của giai-cấp thống-trị. Trong chế-độ cộng-sản, giai-cấp thống-trị là « giai-cấp vô-sản » do những phần-tử « liên-phong » của giai-cấp ấy lãnh-đạo tức là các cán-bộ của « đảng » do Trung-ương-đảng điều-khiển. Như thế giai-cấp vô-sản thống-trị trong một chế-độ cộng-sản chỉ là một vài đảng-viên đã nắm then chốt trong Trung-ương-đảng.

Tư-pháp là một công-cụ của giai-cấp vô-sản, đặt ra để thi-hành chánh-sách của đảng, phải tuyệt-đối phục-tòng mệnh-lệnh của đảng và đàn-áp nhân-dân kể cả những người vô-sản đi sai đường lối của đảng. Trong mọi trường-hợp, tòa-án phải xét-xử theo « lập-trường vô-sản » về hình-sự cũng như về dân-sự. Vì vậy các thẩm-phán, hội-thẩm tuyển-lựa trong giai-cấp công-nông không cần phải hiểu pháp-luật và chế-độ luật-sư được thay-thế bằng chế-độ biện-hộ. Người biện-hộ ra trước tòa không được tự-do bào chữa và biến thành người buộc tội có phần lại gắt-gao hơn công-tổ-viện và rất nguy-hiểm cho bị can vì cương-vị của y đối với kẻ bị truy-tố.

« Tòa-án nhân-dân », điển-hình của lò-chức tư-pháp trong chế-độ cộng-sản là một công-cụ đàn-áp tối-ư dã-man, phi luật-pháp, bất cần công-lý.

Nhận xét sâu xa hơn nữa thì ta thấy thái-độ của các lãnh-tụ cộng-sản rất ghét pháp-luật, e-ngại các luật-gia, vì pháp-luật làm trở ngại họ khi họ muốn thi-hành chủ-trương này hay chủ-trương khác.

Do đó nên hệ thống luật-pháp trong vùng cộng-sản rất thô-sơ dễ cho « đảng » rộng tay hành động. Thêm vào đó một sự giải-thích « co dẫn », một sự thi-hành « linh-động » cho phép họ có thể không tôn-trọng luật-pháp mà vẫn được coi là hợp-pháp. Cho nên Hiến-pháp và Luật-pháp của Việt-Cộng vẫn ghi đủ các quyền tự-do, như tự-do báo-chí, nhưng chỉ có vài tờ báo của đảng là được phép xuất-bản, tự-do đi lại nhưng ra khỏi làng, khỏi quận, đi thăm bà con thân thuộc là phải xin giấy thông-hành, cấm tra-tấn nhục-hình nhưng trước tòa-án nhân-dân vẫn dấu tổ dã-man và công khai.

Vì chà đạp lên nhân-phẩm con người, không phụng-sự lý-tưởng dân-chủ chân-chính, đặt quyền-lợi của đảng lên trên quyền-lợi của dân-tộc nên thí-nghiệm pháp-lý Việt-Cộng đã hoán-toàn thất-bại. Sự thất-bại này chúng đã thú nhận khi

tuyên-bố sửa-chữa sai-lầm trong việc cải cách ruộng đất. Chúng đã phải công-nhận sự xét-xử bất công của « Toà-án nhân-dân » và hứa sẽ bỏ tòa-án đó.

Gần đây, trên tờ báo Nhân-dân, cơ-quan ngôn-luận của Việt-cộng, một luật-gia, đảng viên cộng-sản cũng lên tiếng yêu-chính quyền Việt-cộng trở lại con đường pháp-trị, luật-pháp phải được rành mạch, ghi chép rõ-ràng và chế-độ luật-sư phải được phục-hồi. Điều này chứng-tỏ là càng ngày Việt-cộng càng nhận thấy rõ sự thất-bại của chúng đối với chính-sách đảng-trị dã-man.

Cũng may cho vận-mệnh quốc-gia, một số nhà ái-quốc chân-chính thoát khỏi vòng kiểm-tòa Việt-Cộng, đã lật mặt nạ của bọn phản-bội dân-tộc và cố-gắng xây-dựng một quốc-gia hoàn-toàn độc-lập, tuy theo đuổi một cuộc cách-mạng sáu-rộng nhưng không vì thế mà dập vùi nhân-phẩm, truất-quyền tự-do, gạt bỏ bình-dẳng và dân-chủ.

Năm 1954-55 đã đánh dấu một giai-đoạn quyết-liệt của cuộc cách-mạng này, đối ngoại cũng như đối nội, với sự chuyển-hoàn mọi chủ-quyền quốc-gia cho Chánh-Phủ Việt-Nam và sự thống-nhất nhân-tâm bằng cách quét sạch mọi phần-lực chia rẽ.

Hiến-pháp Cộng-hòa ban-hành ngày 26-10-1956 vừa qua, mở một kỷ-nguyên xây-dựng, đã long-trọng xác-nhận các nguyện-vọng tiềm-tàng trong trí-óc và tâm-can của mỗi người dân.



PHẦN THÌ NHI

Quan-niệm về Pháp-luật của người luật-gia Việt-Nam

Vì luật-pháp là giềng-mối của đời sống quốc-gia, nên phải kết chặt với thực-tại của xứ-sở và không thể không tìm cách thỏa-mãn những nhu-cầu thiết-yếu của dân-tộc

Như trên đã nói, bản Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa đã thể-hiện được những nguyện-vọng thiết-tha của nhân-dân Việt-Nam và là văn-kiện pháp-lý chính-thức để tổ-chức Quốc-gia Việt-Nam, nên về phương-diện nguyên-tắc cũng như về phương-diện thực-lễ một quan-niệm xác-đáng về pháp-luật là phải phù-hợp với tinh-thần của bản Hiến-Pháp đó.

Muốn được trường-tôn và hợp-hiến, pháp-luật Việt-Nam xây-đựng theo quan-niệm pháp-trị phải có đặc-tính là :

- bảo toàn độc-lập,
- xây-đựng dân-chủ,
- tôn-trọng nhân-vị,
- đề-cao nguyên-tắc bình-đẳng,
- chống-cộng triệt-đề,
- biểu-dương dân-tộc-tính và duy-trì một tinh-thần hòa-hợp trong đời sống xã-hội.

1) Luật-pháp Việt-Nam từ nay chỉ có thể xây-đựng quan-niệm pháp-trị, thấm-nhuần tinh-thần tôn-trọng đạo-đức.

Thật thế, quan-niệm nhân-trị cho rằng chỉ cần lấy lễ-nghĩa đạo-đức giáo-hóa con người, không cần phải bày đặt ra pháp-luật nghiêm-ngặt, chỉ có thể thích-hợp với những xã-hội cổ-sơ, sinh-hoạt sơ-sãi, thấp kém. Một nền pháp-luật quá thô-thiển không thể nào đem lại điều-hòa trật-tự cho một xã-hội đông đảo, với một cuộc mưu-sinh càng ngày càng thêm phiền-toái gay-gắt. Chính vì khuyết-điểm mà trong những xã-hội quân-chủ ngày xưa thường xảy ra những sự lạm-quyền vô-đoán của hạng người thống-trị làm cho những quyền tự-do cá-nhân của người dân luôn-luôn bị dày xéo. Xã-hội Việt-Nam ngày nay là một xã-hội tiến-bộ, đời sống quốc-gia dồn-dập, phức-tạp, cần phải có những luật-pháp đầy-đủ, phân-minh, không thiên-vị, để duy-trì trật-tự, bảo-đảm dân-chủ. Nhận xét như vậy lúc là chấp-nhận một quan-niệm pháp-trị trong công việc xây-đựng luật-pháp. Tuy nhiên, có một quan-niệm pháp-trị chưa đủ để đạt đến một cuộc sống tập-thể điều-hòa tốt-đẹp. Ta không nên quên rằng luật-pháp các nước Âu-tây đều xây-đựng trên pháp-trị chủ-nghĩa, nhưng không phải lúc nào trong cuộc sống xã-hội các nước ấy cũng có một tinh-thần trật-tự vững-vàng êm-đẹp. Luật-pháp có thể đặt ra đầy-đủ tinh-vi nhưng người dân không lương-thiện vẫn có thể tìm cách lẩn tránh pháp-luật bằng cách này hoặc bằng cách nọ, mưu-cần lợi riêng và đi ngược lại quyền-lợi của tập-thể. Vậy cho nên, một khi pháp-luật đã có rồi, người dân còn cần phải được giáo-hóa đầy-đủ, luật-pháp phải được nâng đỡ bởi tinh-thần tôn-trọng đạo-đức chung của toàn dân. Phát-triển và nuôi-dưỡng tinh-thần ấy là công việc của nhà chính-trị và của nhà giáo-dục. Tóm lại, ta có thể nói một cách khái-lược

rằng ; để tiến đến một xã-hội dân-chủ có kỷ-cương, trật-tự, cần phải áp-dụng pháp-trị chủ-nghĩa song song với công cuộc giáo-hóa dân-chúng.

2) Luật-pháp Việt-Nam phải thể-hiện và bênh-vực nền độc-lập quốc-gia.

Bất cứ ở nước nào, luật-pháp trước hết có mục-dịch giữ vững đời sống của quốc-gia, bảo-vệ cho cuộc an-toàn chung. Ở Việt-Nam, nhiệm-vụ này của luật-pháp lại càng khẩn-thiết hơn đâu hết vì nền độc-lập của chúng ta vừa mới vãn-hồi, những mối nguy-hại về kinh-tế cũng như chính-trị đang còn đè nặng trên vận-mệnh lương-lai của dân-tộc. Vì vậy trên bình-diện quốc-gia, luật-pháp Việt-Nam không thể là những nguyên-tắc công-lý tuyệt-đối, hoàn-toàn khách-quan, bất-chấp cuộc sống còn của đất nước. Luật-pháp Việt-Nam phải có chủ-quan Việt-Nam, phải bênh-vực chủ-quyền Việt-Nam.

Nhân-dân Việt-Nam đòi hỏi độc-lập kinh-tế quốc-gia thì luật-pháp Việt-Nam phải đặt ra những phương-thức thích-dáng hợp với luật-pháp quốc-tế để chấm-dứt các ưu-thế kinh-tế ngoại kiều còn rơi rớt trên đất nước. Những đạo-luật dành cho người Việt-Nam quyền kinh-doanh trong các ngành liên-quan đến đời sống hàng ngày của nhân-dân Việt-Nam, hoặc đến nền an-ninh quốc-phòng của Quốc-gia Việt-Nam, phải được coi là đã nhằm đúng cứu-cánh của luật-pháp Việt-Nam.

Nhưng có chủ-quan Việt-Nam, không có nghĩa là bài ngoại. Thực-tại không phải chỉ có thực-lại quốc-gia mà còn có thực-tại quốc-tế. Quyền-lợi các nước giao-hảo với Việt-Nam, cũng như quyền-lợi các ngoại-kiều cư-ngụ trên lãnh-thổ Việt-Nam, phải được bảo-đảm trong mực-độ không có hại cho chủ-quyền Việt-Nam.

3) Luật-pháp Việt-Nam phải thể-hiện sáu-sắc nền dân-chủ tự-do.

Con người Việt-Nam trong những thời-đại cũ, ở dưới chế-độ quân-chủ, trong một xã-hội chịu ảnh-hưởng của giáo-lý Khổng-Mạnh, chỉ biết sống cho đoàn-thể, chìm đắm trong đoàn-thể, bao nhiêu hoạt-động đều hướng về gia-dình, làng-mạc rồi đến quốc-gia, xã-hội, cho nên ít biết tự-do cá-nhân và không ý-thức rõ-ràng về tự-do cá-nhân. Dưới chế-độ cộng-sản, đảng-trị, độc-tài, con người bị chà-dạp, lẽ cố-nhiên vấn-đề tự-do cá-nhân không còn phải đặt ra nữa. Tự-do cá-nhân, quan-niệm một

cách đứng-dấn như là quyền của mỗi người được lựa chọn cuộc sống của riêng mình, trong sự tôn-trọng nhân-phẩm và trong ý-thức về trách-nhiệm đối với đoàn-thể, quốc-gia xã-hội, chính là kết-quả của sự đấu-tranh thắng-lợi trong cuộc cách-mạng dân-chủ vừa qua. Sự thắng-lợi ấy của nhân-dân đã được ghi vào trong Hiến-Pháp. Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa điều 2 định rõ : « Chủ-quyền thuộc về toàn dân » và điều 9 « Mọi người dân đều có quyền sinh sống tự-do an-toàn ».

4) Pháp-luật Việt-Nam phải có tinh-thần tôn-trọng nhân-vị.

Trên đây ta có nói rằng pháp-luật thực-hiện tự-do dân-chủ. Nhưng thế nào là tự-do dân-chủ ? Muốn xây-dựng tự-do dân-chủ thật-sự, luật-pháp Việt-Nam phải cấu-tạo theo ý-thức-hệ nào ? Quan-niệm nào sẽ là ý-lực (idée force) của nền pháp-chế Việt-Nam ?

Nhìn nhận quyền tự-do dân-chủ tức là nhìn nhận rằng mỗi người sinh ra không phải để làm tôi-mọi cho kẻ khác, không phải để cho kẻ khác trói buộc. Đời sống con người tự có một ý-nghĩa, con người sinh ra sẵn có nhân-phẩm, cái nhân-phẩm đó phải được tôn-trọng. Không có ai có thể việ-dấn quyền-lực nào mà xâm-phạm phá-hoại nhân-phẩm của kẻ khác. Dầu rằng con người có nhiều liên-hệ với xã-hội, nhưng đã nhìn nhận quyền tự-do dân-chủ, tức là nhìn nhận rằng con người tự nó là cứu-cánh. Một pháp-chế dầu thực-hiện dưới một nhãn-hiệu tự-do dân chủ lêu-loẹt thế nào đi nữa, mà đưa đến chỗ chà đạp nhân-vị, thì pháp-chế đó đích-thực phi tự-do và phản dân-chủ.

Nhìn qua lịch-sử của các nền dân-chủ thế-giới, chúng ta nhận thấy rằng dân-chủ Tây-phương kiêu cù với một chủ-nghĩa tự-do cá-nhân triệt-để và một quyền tư-hữu tuyệt-đối đã dẫn đến chế-độ tư-bản bóc-lột, xúc-phạm nặng-nề đến nhân-vị của con người cần-lao. Để đánh đổ chế-độ tư-bản, Cộng-sản chủ-nghĩa phát-sinh ; thủ-tiêu quyền tư-hữu, kiểm-chế cá-nhân, đề-cao giai-cấp và tập-thể, xóa bỏ mọi quyền tự-do căn-bản của con người. Nhân-vị không thể tồn-tại trong một chế-độ như thế.

Pháp-chế Việt-Nam không thể đi vào con đường cá-nhân chủ-nghĩa ích-ký và bóc-lột, lại càng không thể đi vào con đường tập-thể chủ-nghĩa, là kẻ thù của nhân-vị, kẻ thù của tự-do dân-chủ.

Tôn-trọng nhân-vị là con đường duy-nhất mà chúng ta phải noi theo sau bao kinh-nghiệm đau khổ của nhân-loại trong công

cuộc thực-hiện dân-chủ. Tôn-trọng nhân-vị, phát-huy nhân-phẩm, đó phải là ý-lực của nền pháp-chế Việt-Nam.

5) Luật-pháp Việt-Nam phải tôn-trọng nguyên-tắc bình-đẳng trước pháp-luật.

Tinh-thần tôn-trọng nhân-vị kết-hợp với tinh-thần tự-do dân-chủ đưa ta đến một nguyên-tắc không kém phần thiết-yếu mà nhà làm luật không thể không biết đến ; ấy là nguyên-tắc bình-đẳng của mọi người trước pháp-luật. Hiến-pháp Việt-Nam cộng-hòa đã ghi rõ trong điều 5 : « Mọi người dân không phân-biệt nam nữ, sinh ra bình-đẳng về phẩm-cách, quyền-lợi và nhiệm-vụ » và ở điều 70 : « Tư-pháp được tổ-chức theo nguyên-tắc bình-đẳng của mọi người trước pháp-luật ».

Con người đã bình-đẳng trong phẩm-cách, trong bản-thể lẽ dĩ-nhiên phải được bình-đẳng trước pháp-luật. Pháp-luật phải che chở mọi người một cách đồng đều. Xưa kia trong xã-hội La-Mã, người nô-lệ không có những quyền của người công-dân, do đó bị đối-xử tàn-tệ. Cỗ-sử Trung-Hoa cho ta thấy rằng có một thời pháp-luật chỉ áp-dụng cho thường dân mà không áp-dụng với hạng người quý-phái. Những sự-kiện bất bình-đẳng như thế không thể nào tồn-tại trong một pháp-chế mệnh-danh là dân-chủ trong xã-hội ngày nay.

Pháp-chế Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ không vì lý-do nào không xác-đáng mà ưu-đãi riêng một hạng người, làm thiên-lệch đặc-tính công-minh, nòng-cốt của luật-pháp dân-chủ. Tiền-của hay huyết-thống không còn là những yếu-tố để phân-biệt hạng người này với hạng người khác trước pháp-luật của một quốc-gia đã cương-quyết tiêu-hủy mọi tàn-tích phong-kiến thống-trị trong bất cứ lãnh-vực vào. Pháp-chế Việt-Nam sẽ không đi theo con đường lầm-lạc của cộng-sản như đã nói ở trên và phải tạo cho mọi người những « cơ-hội đồng đều » để có thể phát-triển trong một xã-hội tôn-trọng nhân-vị.

6) Pháp-luật Việt-Nam phải là pháp-luật chống cộng.

Mọi chương-trình tổ-chức dù tốt đẹp đến đâu cũng không thể thực-hiện được tinh-thần dân-chủ, đạo-đức dù cao cả đến đâu cũng không nẩy-nở trọn-vẹn được nếu trong xã-hội còn có sự hăm-dọa của cộng-sản và nhất là sự tai-hại của chủ-nghĩa Mác-Lênin.

Cộng-sản quốc-tế phủ-nhận quốc-gia, phá-hoại độc-lập xứ-sở, không chấp-thuận một nền pháp-luật xây-dựng trên những

nguyên-tắc căn-bản của thế-giới tự-do. Vì vậy, pháp-luật Việt-Nam dù có trọng tự-do dân-chủ đến đâu, cũng không thể nào chấp nhận việc tự-do truyền-bá và thực-hiện chủ-nghĩa cộng-sản. Trái lại, chính vì muốn bảo-vệ tự-do dân-chủ, mà phải tuyệt-đối đặt cộng-sản ra ngoài vòng pháp-luật vì chủ-nghĩa cộng-sản theo bản-chất của nó là diệt-trừ tự-do.

Ở đây ta không thể không nhắc đến lời tuyên-bố của vị niên-trưởng Quốc-hội lập-hiến trong diễn-văn khai-mạc Quốc-Hội đọc ngày 15 tháng 3 năm 1956 trước mặt Tổng-Thống : « Quốc-hội lập-hiến Cộng-hòa Việt-Nam trước hết là một Quốc-hội chống cộng ». Lời tuyên-bố này đã ghi thành một điều-khoản sắt đá trong bản Hiến-Pháp Việt-Nam : điều 7 ; « những hành-vi có mục-dịch phổ-biến hoặc thực-hiện một cách trực-tiếp hoặc gián-tiếp chủ-nghĩa cộng-sản dưới mọi hình-thái đều trái với các nguyên-tắc ghi trong Hiến-Pháp. »

Nguyên-tắc chống cộng triệt-để phải được xem như là một trong những nguyên-tắc căn-bản trong nền pháp-chế của nước Việt-Nam tự-do.

7) Luật-pháp Việt-Nam phải phù-hợp và tôn-trọng dân-tộc-tinh.

Chúng ta chống cộng còn có một mục-dịch nữa là bảo-vệ tinh-thần dân-tộc. Tinh-thần này là di-sản quý-báu của tiền-nhân để lại cho chúng ta, giúp cho ta đầy đủ sinh-lực tự-lòn và tiến-triển trong tương-lai. Tinh-thần văn-hóa trước hết là tinh-thần dân-tộc. Chẳng khác nào nhựa sống trong thân cây, tinh-thần này là duy-nhất, tuy cổ-truyền nhưng luôn luôn đổi mới, bắt đầu từ gốc dân-tộc phát-triển qua mọi ngành văn-hóa mạnh yếu tùy theo giai-đoạn của đời sống quốc-gia. Trong lãnh-vực pháp-lý, ta đã có dịp nhận thấy rằng trong những thời-kỳ pháp-luật xa lìa dân-tộc-tinh để đi theo lý-tưởng ngoại-lai thì pháp-luật không còn là những khuôn-khổ mềm-dẻo thích-ứng với đời sống dân-tộc, đem lại một bầu không-khí ngột-ngạt hoặc làm ngăn trở cuộc tiến-hóa của xã-hội.

Bài học dĩ-vãng qui-hóa này phải soi sáng chúng ta trong công-trình xây-dựng luật-pháp. Tinh-thần pháp-luật của chúng ta luôn luôn mở rộng để đón tiếp những kinh-nghiệm, những sáng-kiến của nhân-loại trong phạm-vi pháp-lý, nhưng không bao giờ quên rằng luật-pháp cũng phải luôn luôn phù-hợp với dân-tộc-tinh mới có đầy-đủ khả-năng đề trường-tồn và

đem lại ích-lợi thực tiễn. Chẳng hạn như khi xác-định quyền-hạn người cha đối với con-cái trong gia-đình, chúng ta nhận xét rằng chế-độ đại gia-đình ngày xưa có thể đem lại nhiều tệ-hại và quá nhiều ràng buộc đối với con người của thời-đại mới nhưng chúng ta không vội-vã chấm-dứt mọi liên-hệ của người con đối với gia-đình khi người này đến tuổi trưởng-thành giống như các bộ-luật Tây-phương vì chúng ta hiểu rằng người Việt-Nam tuy đến tuổi tự-lập bao giờ cũng nuôi nấng trong trí-óc một gia-tộc bền dai. Tinh-thần gia-tộc lại còn làm cho ta nhận-thức được sứ-mệnh của gia-đình là một sứ-mệnh thiêng-liêng, gia-đình là một sự đồng-tâm cộng-tác để gây dựng cho con cái. Vì thế ta không thể nghe theo tiếng gọi của Tây-phương mà quan-niệm gia-đình như một hợp-đồng có thể chấm-dứt bất kỳ lúc nào tùy theo sở-thích ý muốn của đôi bên vợ chồng.

Tóm lại, nhà làm luật, khi đặt ra những nguyên-tắc chi-phối đời sống quốc-gia trong mọi lãnh-vực, cần phải quan-niệm luật-pháp một cách mềm dẻo làm cho luật-pháp, tuy là những khuôn khổ nhưng không có tinh-cách làm cho đời sống dân-tộc trở nên ngột-ngạt mà phải tạo cho đời sống ấy những hướng tiến để phát-triển đời-dào.

8) Tinh-thần hòa-hợp của pháp-chế Việt-Nam.

Một trong những đặc-tính quan-trọng của tinh-thần dân-tộc là mền chuộng sự hòa-hợp trong đời sống xã-hội.

Con người luôn luôn thấy đứng trước mặt mình những thực-thể, cá-nhân, gia-đình, xã thôn, quốc-gia, tôn-giáo, v.v. Vì muốn tránh những sự đối chọi quá gay-gắt giữa cá-nhân với cá-nhân, cá-nhân với gia-đình, cá-nhân với xã-hội nên phải quy-định luật-pháp.

Tinh-thần Tây-phương quan-niệm luật-pháp như là những phương-thức phân chia quyền-lợi, mỗi người hay mỗi hợp thể một mảnh riêng, không ai được xâm-phạm đến phần của kẻ khác. Do đó phát-sinh ra tinh-thần ích-kỷ, đối-lập, hiếu-tụng.

Tinh-thần hòa-hợp, trái lại, vốn là truyền-thống của phương Đông. Con người hòa-hợp với đồng loại, với gia-đình, với xã-hội, với cả vũ-trụ pháp chế Việt-Nam phải thấm-nhuần tinh-thần hòa-hợp, tinh-thần này còn là một đặc-tính thiết-yếu của tinh-thần nhân-vị. Pháp-luật quy-định để làm khung

cảnh cho mỗi nhân-vị phát-huy trọn vẹn, sự phát-huy này chỉ có thể đến tuyệt-dịch nếu các phần-tử dãi-diu nhau mà tiến lên. Nếu pháp-chế Việt-Nam tương-lai cũng phải phân-lách và tĩ-mĩ, thì trái lại nhờ có tinh-thần nhân-vị hòa-hợp các quyền-lợi mà luật-pháp bớt phần gay-gắt đối chọi, để có một sắc-thái uyển-chuyển, pháp-chế Việt-Nam sẽ không đặt cá-nhân này đứng trước một cá-nhân khác, hay đứng trước gia-đình, mà phải đặt nhân-vị này với nhân-vị khác, bên cạnh nhân-vị khác, ở trong gia-đình, giữa lòng quốc-gia.

Chúng ta đã có một dấu-hiệu vô cùng quý báu của tinh-thần hòa-hợp nhân-vị ở trong điều 5 bản Hiến-Pháp « Mỗi người dân... phải đối-xử với nhau theo tinh-thần tương-thân tương-trợ. Đọc câu này, ta đừng nghĩ rằng đó là một lời khuyến-cáo về luân-lý đi lạc vào một văn-kiến pháp-lý. Chúng ta phải thấy đó là tinh-thần hòa-hợp, đạo-đức, nó phải thấm-nhuần pháp-chế Việt-Nam. Tinh-thần này không phải chỉ là những sự nhượng bộ lễ tể mà phải là một bầu không-khí bao bọc lấy cuộc sống xã-hội Việt-Nam và là một môi-trường trong đó pháp-chế Việt-Nam được nảy nở tốt đẹp.

Với tinh-thần hòa-hợp của nhân-vị, pháp-chế Việt-Nam sẽ định những phương-thức thăng hắng và điều-hợp giữa cá-nhân với tập-thể, giữa tư-hữu với công-lịch, giữa tư-bản với sức cần-lao, giữa sản-xuất và tiêu-thụ.



PHẦN THỨ BA

Nhiệm-vụ của luật-gia Việt-Nam

Quan-niệm của chúng ta về pháp-luật đã được minh-định rõ ràng, nhiệm-vụ của các luật-gia là phải hướng theo con đường đã được phác-họa đề đề-cao những ý-niệm biểu-dương cho sự tiến-triển của xã-hội và dân-tộc Việt-Nam trong giai-đoạn lịch-sử này.

1.— Nhiệm-vụ của người luật-gia trong việc làm luật

Từ một nước bị ngoại-bang đô-hộ và lãnh-thô bị phân chia ra làm nhiều miền, mỗi miền đặt dưới một quy-chế chính-trị khác nhau, quốc-gia Việt-Nam ngày nay đã trở thành một nước độc-lập, thống-nhất có đầy đủ chủ-quyền.

Vấn-đề chính-yếu đặt ra cho các nhà làm luật trong công cuộc xây-dựng một nền pháp-chế mới cho nước nhà là phải sớm cụ-thể-hóa nền thống-nhất của xứ-sở bằng cách chấm dứt tình-trạng hỗn-dộn và phức-tạp của nền luật-pháp hiện thời, di-sản của một chế-độ đã cáo-chung. Trong phạm-vi dân-sự, cũng như hình-sự và tố-tụng, những bộ-luật duy-nhất để áp-dụng chung cho toàn-quốc cần được soạn thảo để thay-thế cho những bộ pháp-diễn có tính-cách địa-phương vẫn còn được tạm thời áp-dụng tại mỗi phần. Không thể để tồn-tại mãi những điểm sai-biệt trong nguyên-tắc pháp-lý, trong việc quy-định tội-danh hay sự dự-liệu hình phạt. Không nên có tình-trạng : cùng một hành-vi mà có thể trừng phạt hay không là tùy theo địa-phương và quốc-tịch của đương sự hoặc cùng một sự-kiện pháp-lý mà có thể phát-sinh ra những hiệu-lực khác nhau tùy theo nơi sinh-quan của mỗi người công-dân nước Việt.

Nói rằng luật-pháp phải là phản-ảnh của một trạng-thái xã-hội, điều đó không còn ai phủ-nhận, nhưng một phần nào nhà làm luật cũng phải hướng về tương-lai khi đặt ra những qui-tắc để chi-phối các hoạt-động của tư-nhân hay để tổ-chức guồng máy xã-hội.

Dung-hòa hai quan-điểm đó trong khuôn-khổ một quan-niệm đặt nền tảng trên sự đề-cao tinh-thần dân-chủ, tôn-trọng nhân-phẩm, thực-hiện độc-lập là mục-tiêu mà các nhà lập-pháp Việt-Nam cần đạt tới trong công việc soạn thảo những bộ pháp-diễn tương-lai.

Nước ta hiện nay không còn là một thuộc-quốc nên trong địa-hạt hình-luật những tàn-tích của thời-kỳ đó-hộ cần phải được xóa bỏ trong bộ pháp-diễn sau này, để xác-nhận rõ-rệt nền độc-lập của quốc-gia về phương-diện đối nội cũng như về phương-diện đối-ngoại.

Với tư-cách là một nước hoàn-toàn độc-lập, hình-luật Việt-Nam không thể còn trừng-trị những tội-phạm xâm-hại đến an-ninh nước pháp như đã dự-liệu trong các bộ-luật cũ.

Trái lại đã là một nước có đầy đủ chủ-quyền đối nội và đối ngoại, có một hiến-pháp để xây-dựng một chánh-thề phù-hợp với quyền-lợi của toàn dân, thì ta cần phải bảo-vệ lấy xứ sở và chánh-thề của ta. Tất nhiên ta sẽ phải trừng-trị một cách nghiêm-khắc các mưu-toan hay hành-động phương-hại đến an-ninh của tổ-quốc, đến chánh-thề cộng-hòa, đến nền tự-do dân-

chủ. Ngoài ra những hành-dộng xâm-phạm đến quyền công-dân cũng cần được trừng-phạt vì trong một nước dân-chủ những quyền mà Hiến-pháp đã thừa-nhận cho người công-dân phải được mọi người tôn-trọng.

Nếu muốn thực-hiệu sự tôn-trọng nhân-phẩm, cũng cần phải có một quan-niệm mới về hình-phạt. Không phải chỉ tội-ác mới là mối nguy hại của xã-hội, chính cần phải chú-trọng nhiều đến thủ-phạm với các bản-năng phản xã-hội của hạng người đó. Bởi vậy ngoài các hình phạt có tính-cách thị-uy, nhà lập-pháp cũng cần trừ-liệu những biện-pháp thích-nghi với mục-đích cụ-thể hóa công-cuộc trừng-trị và cải-thiện tội-nhân. Nằm trong lãnh-vực này, vấn-đề nhi-đồng phạm-pháp cũng cần được chú-ý tới. Bên cạnh những điều-luật chỉ áp-dụng riêng cho nhi-đồng phạm tội nhằm mục-đích giáo-huấn hơn là trừng-trị, nên tổ-chức thêm những trại hướng-nghiệp, khuyến-khích cho các cơ-quan từ-thiện săn-sóc tới các trẻ con không nơi nương tựa và thành-lập những Tòa-Án nhi-đồng có các thẩm-phán chuyên-môn để xét-xử những thiếu-nhi bị sa ngã vào con đường tội lỗi.

Tuy nhiên muốn đảm-bảo cho sự phát-triển bản-năng của con người, ngoài phạm-vi hình-luật trên địa-hạt dân-luật, nhà lập-pháp khi quy-định mối tương-quan giữa cá-nhân với gia-đình, hoặc giữa cá-nhân với cá-nhân, mặc dầu có nhiệm-vụ phải duy-trì những lập-quán, dấu hiệu của một nền luân-lý tiêu-biểu cho cá-tính dân-tộc, nhưng cũng cần phải quan-tâm tới sự tiến-triển của xã-hội Việt-Nam trên lãnh-vực tư-tướng, chính-trị và kinh-tế trong giai-đoạn hiện-tại và trong thời-gian sắp tới.

Nếu dung-hòa được những giá-trị tinh-thần cũ với những ý-niệm mới-mẻ đương thời, nhà lập-pháp sẽ làm tròn nhiệm-vụ đề-đề cao cho lý-tưởng bình-đẳng giữa những công-dân thuộc các giai-tầng trong nước không phân-biệt nam hay nữ, giàu hay nghèo.

Luật-pháp phải đâu có tác-dụng kìm hãm bánh xe tiến-hóa của dân-tộc, luật-pháp phải xây-dựng một nền trật-tự phù-hợp với trào-lưu tiến-triển của xã-hội.

Không thể nào đạt được sự bình-đẳng giữa hai phái nam và nữ, nên trong bộ dân-luật tương-lai vẫn còn duy-trì một quan-niệm lỗi-thời, dành cho người chồng quá nhiều quyền hạn đối với tài-sản trong gia-đình, dù tài-sản đó có gồm cả những của

cải riêng của người vợ. Còn gì bất-công bằng tình-trạng một người vợ khi chết đi vì không có con cái, bao nhiêu của-cải riêng đã đem về nhà chồng sẽ thuộc trọn quyền xử-dụng của người chồng, cha mẹ đẻ của người đàn bà không được quyền đòi hỏi gì tới.

Đây là chưa nói đến chế-độ đa-thê, một tập-quán biểu-lộ rõ ràng sự chênh-lệch giữa địa-vị của người đàn ông và đàn bà trong gia-đình cũng như trong xã-hội.

Thiết tưởng đã tới lúc mà quy-chế của người đàn bà Việt-Nam phải được xét lại với một tinh-thần rộng rãi hơn. Cũng như là trong lãnh-vực kinh-lế, quan-niệm về quyền tư-hữu và quyền tự-do lập khế-rước cũng cần được chuyên-hướng về bên-hực cho những kẻ yếu thể một cách có hiệu-quả. Cuộc cải-cách điền-địa vừa qua đã chứng tỏ tinh-cách xã-hội của quyền tư-hữu, tinh-cách này phải được thể-hiện rõ ràng trong bộ dân-luật. Ngoài ra một nền luật-pháp có tinh-cách dân-chủ muốn cho hữu-hiệu phải đi đôi với một tổ-chức tư-pháp cũng có tinh-cách tương tự. Tòa-Án phải gần dân thì mới phụng-sự được quyền-lợi của dân ; khi cần đến sự che chở của công-lý, người dân không phải mất nhiều thì giờ, tốn công và tốn của, vì vậy thủ-tục nên được giản-dị-hóa và tụng-phí cũng cần được sút bớt, một chế-độ tư-pháp bảo-trợ rộng rãi nên được áp-dụng. Người dân chỉ bình-dẳng trước pháp-luật, khi nào công-lý được phân-phối điều-hòa và mau lẹ.

Ngân-sách nên sớm dành cho ngành tư-pháp một ngân-khoản đầy đủ để thực-hiệu chương-trình thiết-lập tại mỗi tỉnh một Tòa-Án cấp Sơ-thẩm và tại mỗi quận một Tòa-án hòa-giải.

Nhưng công-lý dù có được phân phối nhanh chóng, nhân-phẩm con người cũng chỉ được tôn-trọng khi nào có một nền luật-pháp bảo-đảm thực-sự cho tự-do cá-nhân ; quyền bắt bớ, giam cầm phải được quy-định rõ ràng, thủ-tục điều-tra các vụ phạm-pháp phải được chỉnh-dốn lại hầu tránh mọi lạm-dụng, vì một người bị tình-nghi chưa phải là một kẻ có tội trước khi có phán-quyết của Tòa-Án ; những phương-pháp khủng-bố hăm-dọa, lời hứa phỉnh-phờ hoặc những mảnh lời gài bẫy để bắt bị-can cung-khai nhận tội đều phải ngăn cấm ; quyền bào chữa của bị-can nên được mở rộng, ngay từ giai-đoạn khởi đầu của cuộc điều-tra trước cơ-quan công-an, cảnh-sát nên nghĩ đến sự để cho bị-can được có một luật-sư trợ-lực.

Thống-nhất luật-pháp về ba phương-diện hình-sự, dân-sự và tổ-tụng để chấm dứt một tình-trạng hỗn-tạp hiện thời, tất nhiên mới chỉ là một phần trong chương-trình hoạt-động của nhà làm luật.

Đời sống tập-thể luôn luôn đòi hỏi sự ban-hành các qui-tắc và luật-lệ để cai-quản mọi ngành hoạt-động trong xã-hội. Sự phát-triển nền công kỹ-nghệ trong nước sẽ làm cho số thợ-thuyền mỗi ngày một thêm đông-đảo, những cuộc tranh-chấp lao-động sẽ trở nên gay-go nếu không có một bộ-luật Lao-động tiến-bộ để đủ đảm-bảo cho giới cần-lao một đời sống xứng-dáng.

Một bộ-luật thương-mãi và một bộ-luật hàng-hải sớm được soạn-thảo sẽ giúp ích cho các thương-gia Việt-Nam ngày nay đã có đủ tài, đủ lực để đánh lại những quyền-lợi trước đây vẫn do những ngoại-kiều nắm giữ.

Một bản văn quy-định một cách đầy đủ về quyền sở-hữu văn-chương, mỹ-thuật hầu bảo-vệ bản-quyền tác-giả chống lại mọi sự xâm-phạm bất công, sẽ là một cơ-hội để khuyến-khích cho công-trình sáng-tác của các văn-nghệ-sĩ được thêm phần nở.

Một chế-độ thuế-khoá hợp-lý và khoa-học cũng cần được đặt ra để mỗi người dân có thể góp phần vào sự chi-tiêu công-cộng tùy theo khả-năng đóng góp của mình.

Nhiệm-vụ của người làm luật tại Việt-Nam ngày nay thật là bao la, rộng-rãi vì nó bao trùm tất cả đời sống của quốc-gia xây-dựng theo một nền trật-tự mới. Sửa đổi những luật-pháp không hợp thời của chế-độ cũ còn để lại, soạn-thảo những luật-lệ mới cho những vấn-đề mà từ trước tới nay chưa hề được quy-định. Làm tròn phận-sự đó để có một nền pháp-luật phong-phú hầu phụng-sự quyền-lợi chung, dù là trong phạm-vi lập-pháp tại quốc-hội, hay trong phạm-vi lập-quy của một cơ-quan hành-pháp, người luật-gia phải tỏ ra có tinh-thần đạo-đức của người tri-thức, sự khách-quan của nhà khoa-học, sự khôn khéo của nhà chính-trị cùng sự thành-tâm xây-dựng và bảo-cứu trong mọi lãnh-vực.

II. — Nhiệm-vụ của nhà luật-gia trong việc thi-hành luật-pháp.

Cấu-tạo một nền pháp-luật phù-hợp với những tiêu-chuẩn trên đây tuy cần phải nhiều cố-gắng, nhưng hiệu-lực của một

đạo-luật chỉ đạt được kết-quả mong muốn khi nào tinh-thần của đạo-luật đó cũng được các luật-gia phụ-trách công việc thi-hành thẩm-nhuần.

Một bản văn của nhà lập-pháp soạn thảo mấy khi có thể bao trùm được mọi trường-hợp và qui-định được mọi chi-tiết. Cuộc đời vô cùng phức-tạp, luật-pháp đâu có đủ được tất cả những trạng-thái của một sinh-hoạt xã-hội. Chỉ khi thi-hành hay khi áp-dụng mới thấy xuất-hiện những khuyết-diểm hay những trở-lực khó-khăn. Nếu một luật-gia trong ngành hành-pháp hay một thẩm-phán trong ngành tư-pháp không cùng một quan-niệm với nhà làm luật thì tinh-thần luật-pháp dễ bị xuyên-tạc cũng như hiệu-lực của bản văn dễ bị suy-giảm.

Luật-pháp bó buộc co-quan hành-chánh và Tòa-Án, khi nào có một sự quy-định rõ ràng. Nhưng biết bao nhiêu trường-hợp không được nhà làm luật giải-quyết và sự áp-dụng hay không áp-dụng luật-pháp đối với những trường-hợp đó đều do nhận xét của nhà hành-pháp hay tư-pháp. Cũng có khi vì sự thiếu sót hay tối-ngĩa của một bản văn mà luật-gia lãnh nhiệm-vụ thi-hành phải giải-thích để tìm kiếm ý muốn của nhà làm luật.

Trước tình-trạng đó, những tự-do dân-chủ mà Hiến-Pháp thừa-nhận cho người công-dân và được nhà làm luật quy-định, sẽ không có sự bảo-đảm chắc-chắn, cũng như lý-tưởng bình-đẳng và công-bằng xã-hội sẽ khó thực-hiện, nếu trong sự áp-dụng luật-pháp, các luật-gia không có một quan-niệm chính-xác về nhiệm-vụ của mình.

Đâu là bình-đẳng nếu một cấp chỉ-huy hành-chánh hầy còn bị chi-phối bởi một thành-kiến về huyết-thống hay địa-vị.

Thực-hiện sao được dân-chủ nếu những người đó không gạt bỏ mọi tinh-cách quan-liêu trong khi tiếp-xúc với dân-chúng.

Trong một cuộc điều-tra không gì bằng tinh-thần tôn-trọng tự-do cá-nhân để hướng-dẫn người thẩm-phán trong sự xử-dụng quyền giam-cửu hay quyền khám-xét nhà cửa tư-nhân.

Trước khi tuyên-án, chỉ có ý-niệm tôn-trọng phẩm-giá con người là có thể thúc đẩy kẻ ngồi xử phải tìm hiểu phạm-nhân để ấn-định một hình-phạt hay một biện-pháp thích-nghi, hầu cải-thiện kẻ có tội.

Ngó qua lịch-sử án-lệ của Tòa-Án, ta cũng có thể nhận thấy tuy chỉ áp-dụng pháp-luật, nhưng những quyết-dịnh của các thẩm-phán cũng có một phần nào sáng-tạo, và phản-ảnh được sự tiến-triển của xã-hội ở vào một giai-đoạn nhất-định, trong khi mà luật-pháp, vì cấu-tạo trong một khuôn-khổ cứng-rắn, chưa theo kịp trào-lưu đó.

Nhận xét trên cho ta nhìn thấy rõ địa-vị quan-trọng của người thi-hành luật-pháp đối với nền thịnh-vượng của quốc-gia.

III. — Nhiệm-vụ của luật-gia trong việc giáo-dục nhân-dân.

Thực-hiện một quan-niệm vừa được cải-tạo về pháp-luật, áp-dụng quan-niệm ấy vào khung cảnh xã-hội và chính-trị trong đó chúng ta đang sống và hoạt-động là một việc làm khá phức-tạp, đòi hỏi nhiều công-phụ và cố-gắng.

Nhưng làm luật và áp-dụng luật, phận-sự của các luật-gia Việt-Nam chưa phải đã hoàn-bì và còn thiếu sót nếu không góp phần vào công cuộc phổ-biến luật-pháp trong dân-chúng.

Người công-dân Việt-Nam sống dưới chính-thể Cộng-Hòa có những quyền-lợi và nghĩa-vụ.

Muốn hưởng đầy-đủ những quyền-lợi chính-đáng đó họ cần phải biết rõ những thế-lực phải theo, các điều-kiện phải thỏa-mãn để ngăn ngừa mọi áp-bức và tránh mọi lạm-dụng.

Ngoài ra người dân cũng còn phải thấu hiểu những nghĩa-vụ mà quốc-gia có quyền đòi hỏi ở họ. Có làm tròn được bổn-phận bảo-vệ tổ-quốc, xây-dựng dân-chủ thì người dân mới có cơ-hội an-hưởng những quyền tự-do căn-bản của con người. Vì vậy dùng những phương-tiện sẵn có như sách báo để truyền-bá những kiến-thức phổ-thông về pháp-luật trong lúc này có một ý-nghĩa vô cùng trọng-đại.

Người dân mà am-tường luật-pháp thì trình-độ sẽ được nâng cao, tinh-thần trọng pháp sẽ xuất hiện, trong sự đối-xử với nhau sẽ có một thái-độ đứng-đắn, ý-niệm dân-chủ sẽ nảy nở dễ-dàng và sự tham-gia vào công cuộc kiến-quốc sẽ tích-cực.

Trong mấy năm trước đây đã có nhóm luật-gia đứng ra xuất-bản những cuốn sách và những tạp-chí về luật-học, kinh-tế, xã-hội có một giá-trị phổ-thông đặc-biệt, như tạp-chí phổ-thông của Hội Ái-Hữu Cựu-Sinh-Viên trường Luật Hà-nội hay những sách của « Tủ sách Pháp-luật, Kinh-tế, Xã-hội

phổ-thông tại Saigon. Tiếc rằng vì thời-cuộc và hoàn-cảnh những hoạt-dộng đó đã bị ngừng. Gần đây mỗi cảm-tình của độc-giả đối với tập san « Pháp-Luật » do một nhóm thẩm-phán chủ-trương và tạp-chi « Luật-học Kinh-tế » do các Giáo-sư trường Đại-Học Luật-Khoa xuất-bản, cho ta thấy rõ môn ăn tinh-thần về pháp-luật đối với đồng-bào ta hiện nay là một nhu-cầu.

Nếu trong nhiệm-vụ truyền-bá pháp-luật các luật-gia Việt-Nam góp sức được vào sự hoàn-thành một chương-trình đầy-dủ cho môn công-dân giáo-dục để giảng dạy trong các trường, không những ở cấp Tiểu-học mà cả đến cấp Trung-học và cố-gắng tổ-chức được những cơ-quan chỉ-dẫn pháp-luật thông-thường cho dân-chúng không lấy tiền, thì thật là một việc làm thiết-thực hữu-ích vô cùng và như vậy người luật-gia Việt-Nam có thể tự-hào đã góp được một phần không phải là nhỏ trong công-kuộc xây-dựng văn-hóa và kiến-thiết quốc-gia.

Luồng gió cách-mạng vươn mạnh thỗi đề mở một kỷ-nguyên mới cho lịch-sự nền dân-lộc Việt-Nam. Một nền pháp-luật canh-tán phải được cấu-tạo để phù-hợp với nguyện-vọng của toàn dân quyết sống trong độc-lập, tự-do, và sự tôn-trọng những giá-trị tinh-thần nhân-bản.

LẠI-TU

Đại-diện bộ môn xây-dựng thuyết-trình về tư-pháp.



QUAN-NIỆM VỀ GIÁO-DỤC

Sáng 14.1-1957 :

ĐỀ-MỤC :

QUAN-NIỆM VỀ GIÁO-DỤC DƯỚI CHÍNH-THỂ CỘNG HÒA HIỆN-TẠI

Thuyết-trình viên : Ông Nguyễn-Thiệu, dân-biểu quốc-hội.

Chủ-tọa đoàn : Giáo-sư Võ-Thanh.

Giáo-sư Nguyễn-hằng-Thiệu.

Ông Phạm-xuân-Thái (nhà văn)

Thư-ký đoàn : như cũ.

NỘI-DUNG :

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi rất lấy làm hân-hoan được hội-kiến với quý-vị trong gian-phòng thân-mật và trang - nghiêm này để trình-bày đề-tài « Quan-niệm về giáo-dục dưới chính-thể Cộng-Hòa hiện-tại ».

Kính thưa quý vị,

Trong những năm gần đây, các báo-chí đã nêu lên việc cải-cách giáo-dục, mục-đích cải-thiện hoặc bổ-khuyết những phương-pháp và học-chế hiện-hành mà người ta cho là hư-văn lý-thuyết vì nó thiếu hẳn tính-cách thực-tiên trong vấn-đề nhân-sinh. Các nhà trí-thức, các bậc học-giả, các phụ-huynh học-sinh cũng như các chính-trị-gia đều chú-ý tới vấn-đề giáo-dục do tính-cách quan-trọng của nó. Một nước tiến hay không là do ảnh-hưởng của nền giáo-dục. Vì thế chương-trình giáo-dục phải luôn luôn đi sát với nhu-cầu của Quốc-gia thời mới mong kiến-thiết xứ sở một cách mau lẹ và nước nhà mới trở nên hùng-cường.

Để làm sáng tỏ vấn-đề, chúng tôi xin lần lượt trình-bày trong phần thứ nhất, lược-sử nền giáo-dục Việt-Nam từ trước tới nay, trong phần thứ hai, những tính-chất và nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục hiện-tại và trong phần thứ ba những cải-cách cần thực-hiện.

I.— PHẦN THỨ NHẤT

LƯỢC-SỬ NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM TỪ TRƯỚC TỚI NAY

A.— DƯỚI THỜI CỤU-HỌC :

Lấy Hán-văn làm chuyên-ngữ, chúng ta nhận thấy có những khuyết-điểm như sau :

1.— Chương-trình học nặng về tư-tưởng lý-thuyết cùng khoa-cử và nhẹ về phần chuyên-nghiệp, thực-tế, thực-hành cần-thiết cho công-cuộc khước-trương kính-tể, nâng cao đời sống toàn dân.

2.— Chính-quyền giao-phó việc tổ-chức giáo-dục cho dân-nhiều hơn là tự đảm-nhiệm để đặt thành một hệ-thống có qui-mô.

3.— Tài-liệu giáo-khoa hầu hết là từ Trung-quốc đem sang thành ra học-sinh hiểu văn-minh lịch-sử Trung-Hoa rành hơn cả thực-trạng nước nhà.

4.— Lề lối giảng dạy ít căn-cứ vào trạng-thái tâm-lý học-sinh, ít khai-thác sáng-kiến của học-trò và nặng về phương-pháp dạy nhồi sọ, các giáo-điều : Bảo sao nghe vậy (nào Khổng-Tử viết, Mạnh-Tử viết, nào cổ-nhân có câu, nào sách có thơ rằng...)

5.— Ông thầy dùng nhiều hình-thức nạt-nộ làm cho học-trò sợ hãi chôn vùi mọi sáng-kiến, biến thành cái máy khoan tay cúi đầu vâng-dạ tuân theo.

6.— Nhà trường thiếu ánh-sáng, vệ-sinh và tiện-nghi cần cho học-sinh hoạt-động. Học-sinh học trên sách vở, trong 4 bức tường chỉ còn biết ông thầy là ông Tánh, quyển sách là kho vàng, nước Tàu là trung-tâm thế-giới, văn-minh Tàu là ánh-sáng soi chung thiên-hạ).

Tuy nhiên bên cạnh những khuyết-điểm trên lại có những ưu-điểm đáng chú-ý. Ta thấy đó là một nền giáo-dục có tính-cách dân-chủ và nhân-dân. Mọi tầng lớp nhân-dân không phân biệt giàu,

nghèo, sang, hèn, già, trẻ đều có thể theo học thi đỗ làm quan, trước là vinh-hiến tông-đường, sau là giúp dân giúp nước. Nền giáo-dục đó đã đào-tạo lớp người biết trọng nhân-phẩm đạo-đức, sùng-kính thánh-hiền, trung-thành với nước, có hiếu với cha mẹ, có nghĩa với thầy, có tín với bạn, có thủy-chung với đạo tao-khang, có nhân với kẻ dưới, có lễ với mọi người. Nói chung nền giáo-dục đó đã rèn-luyện thanh-niên trong lò cương-thường đạo-lý làm cho bộ mặt xã-hội thời đó tuy không đượm màu kỹ-thuật, cơ-khí hoa-lệ, phồn-thịnh văn-minh, nhưng đã có cả một bầu không-khí êm-dềm, làm cho mọi người cùng nhau vui sống, tương-thân tương-ái, chân-thật trong hòa-khí, thư-thải trong tâm-hồn, lành mạnh trong tư-tưởng. Giáo-dục đó đã đề-cao nhân-phẩm và chính do đó đã xuất-hiện biết bao vị anh-hùng liệt-nữ sử-sách còn ghi.

B. — GIÁO-DỤC NÔ-DỊCH DƯỚI THỜI THỰC-DÂN :

Đến khi thực-dân Pháp đặt nền đô-hộ ở nước ta thì họ đã tổ-chức một nền giáo-dục nô-dịch có 3 đặc-điểm cần chú-ý :

1) *Tìm cách phá tan tinh-thần của dân-tộc của dân ta :*

— Dạy dân ta yêu mẫu-quốc.

— Đề-cao thứ luật-pháp đàn áp những nhà ái-quốc có ý-chí giải-phóng đất nước.

— Truy-lạc hóa thanh-niên để thanh-niên mê tiền tài danh-vọng và ái-tình ; tôn-sùng những cái gì thuộc mẫu-quốc, coi nhẹ quê-cha đất tổ, chôn vùi quốc-hận.

2) *Dập tắt mọi mầm móng của tinh-thần dân-chủ :*

— Giáo-dục thực-dân đề-cao nề nếp tôn-ty trật-tự lạc-hậu của xã-hội phong-kiến cũ, đồng thời mơn-trớn tay sai phong-kiến và duy-trì bất công xã-hội, thực-hiện chia rẽ giai-cấp để dễ cai-trị.

3) *Hạ phẩm-giá con người :*

Dưới hai ách : phong-kiến và thực-dân, người dân bị đói rét ốm đau, thất học, tối-tâm và giáo-dục bị quan-niệm chỉ là xa-xỉ-phẩm của một thiểu-số người có tiền của.

Vấn biết dưới thời Pháp-thuộc, tuy theo nền giáo-dục nô-lệ nhưng dân-tộc ta vẫn sản-xuất những nhà cách-mạnh quốc-gia nặng lòng vì dân vì nước, ném mật nằm gai, thực-dân không sao mua chuộc được, và nhờ đó ta mới có ngày nay, nhưng đó không phải là sản-phẩm đương-nhiên của chế-độ học-chánh thời Pháp-thuộc

mà chính đó là truyền-thống tinh-thần quật-khởi và ý-chí bất-khuất cùng lòng ái-quốc vô-biên của dân-tộc ta đào-tạo nên.

C.— GIÁO-DỤC PHẢN TIẾN-HÓA TRONG VÙNG VIỆT-CỘNG :

Sau khi xét qua những điểm chính của nền giáo-dục nô-dịch dưới thời Pháp-thuộc, chúng tôi xin đề-cập đến nền giáo-dục phản tiến-hóa và nô-lệ trong vùng Việt-Cộng.

Loại giáo-dục này đoạn-tuyệt hẳn với nền văn-minh cổ-truyền và quá-trình lịch-sử tranh-đấu vẻ-vang của dân-tộc Việt-Nam. Nó chủ-trương lật đổ hết mọi nề-nếp tổ-chức xã-hội nhân-loại từ trước đến nay để hồng thay thế bằng một thứ triết-lý ngoại-lai, đưa đến một tổ-chức xã-hội kiểu mác-xít như sau :

1) *Phá-ý-thức phụng-sự tồ-quốc.*

Xóa hết biên-cương các quốc-gia để tiến tới thế-giới đại-đồng đặt dưới quyền kiểm-soát và thống-trị của nước Nga-sô, trùm Cộng-Sản.

Do đó bọn Việt-Cộng bán nước đã xuyên-tạc lịch-sử oai-hùng của dân-tộc Việt-Nam và hạ-bệ tất-cả các vị anh-hùng liệt-nữ xưa kia đã anh-dũng chống lại cuộc xâm-lãng của Trung-Quốc.

2) *Chôn vùi ý-thức hạnh-phúc gia-đình.*

Bọn Việt-cộng đã phát-động phong-trào đấu-tổ dã-man, đập tan tổ-chức gia-đình để ném cá-nhân vào tổ-chức tập-thể, nai lưng ra làm việc cho Đảng Cộng-Sản, để Đảng ban cho dới rét bệnh tật và chết chóc sau khi đã bòn rút hết sức lao-động để làm giàu cho Đảng và cho mấy lãnh-tụ Cộng-sản phong-kiến hơn cả phong-kiến, thực-dân hơn cả thực-dân.

3) *Phá ý-thức tôn-sùng đấng hóa-công* để thay-thế vào đầu óc con người một thứ tôn-giáo mới, là học-thuyết Má-Lê-Nin, theo đó các tín-đồ phải cuồng-tín, hành-động một cách cường-bạo như bọn cướp, cốt để để phụng-sự tồ-quốc Nga-Sô và Trung-Cộng vĩ-đại.

Ta hãy nghe một ít câu thơ trong vùng Việt-Cộng :

« *Đồng chí Staltne oi,
Đảng-Bộ chúng tôi,*

*Bao năm trời vất vả
 Vẩn lòng trung muốn thuở
 Lòng chúng tôi theo bước Liên-Xô,
 Đảng chúng tôi theo mệnh-lệnh Bác Hồ.
 Và tương-vọng bên thành-trì Cộng-sản,
 Bao đồng-chí máu say trừ nội-phản,
 Còn hẹn với anh Hồng-quân yêu quý,
 Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ
 Cho ruộng đồng lúa tốt thuế mau xong.
 Cho Đảng bền lâu cùng tập bước chung lòng
 Thờ Mao-chủ-Tịch, thờ Staline bất-diệt.*

Hay là :

*• Ta là chiến-binh,
 Đấu-tranh cho hòa-bình
 Ta mơ Liên-Xô, thành-trì cách-mạng.
 Ta yêu Trung-quốc vĩ-dại đàn anh,
 Ta yêu Bun-ga-nin nguyên-soái
 Ta nguyện hy-sinh tất-cả cho Mao-trạch-Đông.*

4 — *Giáo-dục Việt-cộng chà-đạp nhân-phẩm và hạ con người xuống hàng thú vật.*

Nếu chúng ta nhận thấy văn-hóa nói chung và giáo-dục nói riêng nhằm cứu cách cuối cùng là xây-dựng nền thịnh-vượng cho xã-hội, đem lại hạnh-phúc cho cá-nhân, thực-hiện nguyện-vong cho người chân-thiện, là muốn có một Tổ-quốc để phụng-sự, để bảo-vệ, muốn có một gia-đình đầm-ấm để an-hưởng hạnh-phúc, muốn có một lý-tưởng tin-ngưỡng để tin theo, tạo niềm an-ủi cho tâm-hồn mỗi khi gặp nỗi éo-le của cảnh đời bất-trắc, muốn có một nhân-phẩm rõ rệt để con người không bao giờ trở thành con vật 4 chân thì rõ ràng nền giáo-dục phản nhân-vị và nhồi sọ của Việt-cộng đã đi ngược hẳn lại nguyện-vong kể trên của con người, vì nền giáo-dục đó chỉ để phục-vụ cho cuộc đấu-tranh giai-cấp, đẩy loài người vào vực-thẳm căm-hờn, giết chóc đấu-tố lẫn nhau, phá-hoại tổ-quốc, hủy bỏ gia-đình, chà-đạp nhân-vị, bóp chết tình-cảm.

II.— PHẦN THỨ HAI

TÍNH CHẤT VÀ NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM DƯỚI CHÍNH-THỂ CỘNG-HÒA

A.— TÍNH-CHẤT CỦA NỀN GIÁO-DỤC

Thưa quý-vị,

Hơn hai năm nay, chúng ta đã có một chính-phủ quốc-gia chân-chính nhưng không vì thế mà ta đã quét sạch hoàn-toàn hết mọi tàn-tích phong-thực-cộng còn sót lại trong đầu óc một số người. Vì vậy, chúng ta cần xúc-tiến gấp cuộc cách-mạng giáo-dục và thực-hiện song song 2 việc :

— Đả-phá địch bằng cách bài phong, đả thực, diệt Cộng, tại các học-đường công cũng như tư, để dọn đường cho cuộc cách-mạng tư-tưởng toàn dân làm lại cuộc đời lành-mạnh và cao đẹp.

— Xây-dựng ta bằng cách phổ-biến chính-nghĩa quốc-gia, tái võ-trang tinh-thần thanh-niên để gây-mạnh ý-thức cải-tiến xã-hội, đề-cao nhân-phẩm và đạo-đức cách-mạng, đồng thời rèn luyện thanh-thiếu-niên trên nền-tảng giáo-dục thực-tiến, chú-trọng đến công-kỹ-nghệ và những nghề chuyên-môn cần-thiết cho xứ-sở.

Muốn đạt được mục-đích nói trên, nền giáo-dục của chúng ta cần phải có 2 tính chất : Nhân-vị và dân-tộc.

1) Tính-chất nhân-vị : Giáo-dục là một phương-tiện để nâng-cao giá-trị siêu-việt của con người, xứng - đáng với địa-vị của nó là linh-thiên hơn cả muôn vạn loài sinh-động-vật sống trên trái đất này. Con người cần được nuôi-dưỡng trong ý-thức tranh-đấu cho được no cơm ấm áo, được tự-do tư-tưởng, tự-do tín-ngưỡng. Một lực-lượng nào cản-trở hay bóp chết nguyện-vọng cao-đẹp của con người là một trở-lực phản con người, phản nhân-phẩm, phản dân-tộc, phản văn-hóa và phản văn-minh nhân-loại.

2) Tính-chất dân-tộc : Dân-tộc ta trải qua bao thử-thách thăng-trầm biến-chuyển lịch-sử, vẫn tồn-tại tới ngày nay là nhờ nền văn-minh cổ-truyền đã hun-đúc cái tinh-thần bất-khuất, cái ý-chí quật-cường, sức sống bền-bĩ, sức đấu-tranh mãnh-liệt và lòng tin-tưởng vững-chắc ở thắng-lợi cuối cùng và tương-lai huy-hoàng của dân-tộc. Là những người có *nhân-tính*, chúng ta có nhiệm-vụ bảo-vệ nòi giống, giữ vững giang-sơn.

Giáo-dục dân-tộc là giáo-dục hun-đúc cho thanh-niên tấm lòng yêu nước thương nòi và chí hy-sinh tất cả để bảo-vệ cái gì là lợi quyền của dân-tộc, của xứ sở, không bao giờ để cho dân-tộc bị tiêu-diệt hay bị ngoại-bang thôn-tính bằng vũ-lực hay bằng xâm-nhập hòa-bình dưới hình-thức quốc-tế Cộng-sản.

Dân-tộc còn là nhờ dân-tộc-tính còn, mà dân-tộc tính còn là nhờ nền giáo-dục có tính-chất dân-tộc. Tính-chất này đập tan mọi

muu-mô và chủ-trương của bọn Cộng-Sản vô tổ-quốc tiến tới quốc hữu-hóa cá-nhân, quốc-tể-hóa các quốc-gia để thực-hiện đế-quốc chủ-nghĩa dưới hình-thức dân-chủ nhân-dân giả-dối và với những danh-từ bịp-bợm. *Tính chất dân-tộc cần được thể-hiện trong nội-dung các tài-liệu giáo-khoa, về triết-lý, văn-chương, sử-ký, kinh-tế, chính-trị và trong mọi sinh-hoạt nghệ-thuật.*

Tuy-nhiên, giáo-dục dân-tộc không có nghĩa là bài ngoại hay bẽ-quan tỏa-cảng trước trào-lưu giao-tế đối với các dân-tộc tân-tiến trong thế-giới tự-do. Ngô Tổng-Thống trong buổi lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất Thư-viện quốc-gia và Trung-tâm văn-hóa đã nhấn mạnh : ... Ngoài việc khai-thác kho-tàng văn-hóa của tiền-nhân, chúng ta còn phải tìm học những văn-hóa các nước ngoài để có thể hấp-thụ những cái hay, làm giàu thêm cho nền văn-hóa dân-tộc và đồng thời góp phần vào việc xây-dựng nền văn-hóa chung của nhân-loại...

B.— NHỮNG NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN CỦA NỀN GIÁO-DỤC MỚI :

Sau khi trình-bày tính-chất của giáo-dục, chúng tôi xin nêu những nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục Việt-Nam dưới chính-thể Cộng-hòa.

1) Làm cho học-sinh đỡ phụ-thuộc vào mảnh bằng : Từ ít lâu nay, người ta thường kêu gào học-sinh không nên phụ-thuộc vào mảnh bằng, học chỉ cốt lấy hiểu, v.v... *Nhưng theo chương-trình giáo-dục hiện-tại và cách dùng người hiện nay thì nếu không có bằng-cấp sẽ không có cách gì để học thêm hoặc đi làm.* Bởi vậy, mặc dầu nói là không nên coi mảnh bằng là mục-dịch của sự học nhưng mỗi khi cấp sách đến trường là người học-sinh chỉ cốt làm sao để giắt được mảnh bằng. Do đó nếu chương-trình giáo-dục không thay đổi mà chỉ hô-hào suông thì những lời hô-hào đó chẳng qua chỉ làm trò cười cho mọi người.

Vì vậy, muốn cho học-sinh trong khi đi học đỡ bị phụ-thuộc vào mảnh-bằng, người ta hãy dạy cho học-sinh một nghề chuyên-môn ngay khi còn đi học. Chẳng hạn như bên cạnh chương-trình giáo-khoa, học-sinh sẽ chọn lựa một nghề hợp với khả-năng của mình. Tới lúc đi thi, nếu đỗ, học-sinh sẽ học thêm, nếu không, điều đó cũng không cần vì học-sinh đã có sẵn nghề chuyên-môn trong tay, chỉ cần thạo nghề là có thể đi làm như những người thi đỗ. Làm như

vậy, trong lúc đi học, học-sinh sẽ chỉ để ý học-hành cho biết, cho giỏi, chứ không phải học tử học nhấy để cốt giặt lấy mảnh bằng.

2) *Đề-cao giáo-dục chuyên-nghiệp và hạ dần uy-thế của khoa-cử hư-vấn* : Môn học phổ-thông không nên vượt quá trình-độ phát-triển của ngành giáo-dục chuyên-nghiệp vì thanh-niên được rèn-luyện và đào-tạo để trở thành những người biết suy-tưởng nhưng cũng cần trở thành những người tháo-vác thành thạo thực-tiến, đem khả-năng ra xây-dựng, tô-điểm giang-sơn bằng 2 bàn tay công-vụ.

Kỹ-thuật thực-nghiệp cần thay thế cho lối học từ-chương, không-tưởng viễn-vông từ lâu đã kìm hãm dân ta tiến-hóa trước sự bỏ rơi quá xa của nền kỹ-thuật Tây-phương. Giáo-dục mới cần làm cho thanh-niên quan-niệm lại vấn-đề thực-tế để rũ bỏ đầu óc khoa-cử trước đây mà Thực-dân đã lợi-dụng để đim dân ta xuống vũng bùn ngu độn làm mồi ngon cho Tây-phương sang đây khai thác đất đai sau khi chinh-phục, biến thành thuộc-địa.

Hướng thực-tế đã thức tỉnh dân ta và đây là con đường đưa ta tới kế-hoạch kỹ-nghệ-hóa nước nhà, phục hồi kinh-tế Quốc-gia để củng-cố Độc-lập về chính-trị.

3) *Làm cho học-sinh, sau khi rời ghế nhà trường sẽ thành những người công dân tốt, có lập-trường chính-trị vững chắc thấm nhuần chính-nghĩa quốc-gia, xứng đáng là người dân của một nước Cộng-Hòa Độc-lập* : Đây là điểm quan-trọng của nền giáo-dục : thực vậy, tuy thời gian đi học chỉ chiếm một phần nhỏ trong đời một người nhưng nếu trong thời gian đó học-sinh không được rèn-luyện cẩn-thận về đức-dục thì ảnh-hưởng về sau không phải là nhỏ.

Bởi vậy ngay từ bậc tiểu-học và suốt trong bậc trung-học, môn đức-dục và công-dân giáo-dục phải được lưu-ý một cách đặc-biệt, về vấn-đề giáo-chức vì tư-cách của những vị này nhất là những giáo-viên tiểu-học có ảnh-hưởng rất lớn tới lớp học-sinh ngay thơ.

Chúng ta ai cũng công-nhận đi học để kiến-thiết nước nhà, phụng-sự Tổ-quốc, bảo-vệ giang-sơn là cái di-sản quý-báu của tiền-nhân để lại, chứ không phải đi học, để buôn bán nước như bọn Việt-Cộng đã nhập-cảng chủ-nghĩa mác-xít ngoại-lai làm cho nhân-dân bị đói rét khổ sở.

Bởi vậy, việc xây-dựng lập-trường quốc-gia dân-tộc cho học-sinh là một công việc thường-xuyên, trường-kỳ phải làm ở các

trường công cũng như tư. Nội-dung phải lồng vào các bài vở trong các môn học. Không phải chỉ cứ giảng mỗi tuần một giờ là các em học-sinh sẽ có lập-trường chính-trị. Sự giáo-dục lòng ái-quốc và tinh-thần quốc-gia dân-tộc phải được giới-thiệu qua những trang sử vẻ vang của dân-tộc, qua những tài-nguyên phong-phú của nước nhà, v.v... Vì vậy việc xây-dựng lập-trường quốc-gia dân-tộc chính là một việc hệ-trọng mà Bộ Quốc-gia giáo-dục cần chú-ý. Tất cả các môn học đều phải nhằm tới mục-dích ấy: Các bài vở trong môn khoa-học xã-hội cũng phải xoay quanh trọng-tâm ấy. Nếu cao tinh-thần quốc-gia nhưng đồng thời cũng phải đả phá mọi âm-mưu đặt nền thống-trị của những chủ-nghĩa độc-tài ngoại-lai.

Trong bài huấn-từ cho phái-đoàn đại-biểu giáo-dục toàn quốc hồi tháng 10 năm 1955 Ngô Tổng-Thống đã nhắc nhở: «... Trong những giờ giảng dạy về công-dân giáo-dục các bạn sẽ làm cho học-sinh và thanh-niên hiểu rõ thế nào là một nền dân-chủ chân-chính, thế nào là một nền độc-tài đảng-trị che lấp dưới danh-từ dân-chủ nhân-dân. Các bạn sẽ giải-thích và dẫn-chứng cho thanh-thiếu-niên nhân-định rõ mức sống cũng như các điều-kiện sinh-hoạt của đồng bào dưới hai chế-độ Việt-Nam tự-do và Cộng-Sản độc-tài khác-biệt nhau như thế nào.

Ngoài ra, giờ Việt-sử, môn Địa-dư, môn Việt-văn cũng phải là những môn giúp cho thanh-niên phát-huy được tinh-thần quốc-gia và nung-nấu được lòng ái-quốc mãnh-liệt.

...Từ nay môn chính-trị sẽ không phải là một môn học dành riêng cho những chánh-khách và chỉ giảng dạy ở những trường Đại-học chuyên-khoa. Môn chính-trị phải được phổ-biến trong mọi tầng lớp nhân-dân, trong các lớp học công và tư.

Như vậy, chúng ta mới vận-dụng được hết nhân-tài, nhân-trí, nhân-lực để kiện-toàn nền Độc-lập của đất nước và kiến-thiết Quốc-gia.

Như vậy, chúng ta mới đặt được nền tảng vững chắc cho một cuộc cách-mạng tinh-thần rộng lớn, khả dĩ đem lại cho toàn dân một đời sống tự-do, dân-chủ và hạnh-phúc...

4) *Làm cho học-sinh khi rời khỏi ghế nhà trường là những thanh-niên khỏe mạnh*: Vấn-đề thể-dục phải được chú-trọng vì cơ thể và tinh-thần có ảnh-hưởng lẫn nhau. Một dân-tộc hùng-cường là do mỗi cá-nhân hùng mạnh.

5) Đào-tạo số cán-bộ cần-thiết hàng năm cho Quốc-gia và tránh nạn thất-nghiệp trong tương-lai : Căn-cứ vào chương-trình giáo-dục của các nước trên thế-giới hiện nay, ta thấy có hai khuynh-hướng chính :

a) Khuynh - hướng thứ nhất là đào-tạo thanh-niên thành những người trí-thức uyên-thâm mặc dầu công việc đào-tạo rất khó-khăn và lâu dài.

b) Khuynh-hướng thứ hai là đào-tạo thanh-niên thành những chuyên-viên cần dùng cấp-thời cho Quốc-gia, công việc đào-tạo nhanh chóng hơn.

Theo khuynh-hướng thứ nhất, nếu một nước đã tiến xa trên đường văn-minh kỹ-nghệ rồi thì có lợi vì không cần nhiều chuyên-viên kiến-thiết.

Trái lại một tân Quốc-gia cần rất nhiều chuyên-viên kiến-thiết hàng năm thì theo khuynh-hướng thứ hai có lợi hơn. Nhưng theo khuynh-hướng này sẽ vấp phải trở ngại là nếu tân Quốc-gia đó là một nước giàu có, kinh-tế mở-mang không ngừng thì không sao, nhưng đối với một nước nghèo, kinh-tế chưa được mở-mang, nếu theo khuynh - hướng thứ hai, sau khi số chuyên - viên cần - thiết đã cung-cấp đầy đủ rồi, thanh-niên sẽ lâm vào tình-trạng thất-nghiệp.

Sau khi xét qua hai khuynh-hướng, ta thấy nước nhà ở vào tình-trạng không thể hoàn-toàn theo một khuynh-hướng nào. Nếu theo khuynh-hướng thứ nhất thì sẽ không đủ số chuyên-viên kiến-thiết trong mọi ngành đang cần mở-mang. Nếu theo khuynh-hướng thứ hai thời sẽ cung-cấp số chuyên-viên mau chóng hơn nhưng sợ không tránh khỏi nạn thất-nghiệp trong tương-lai.

Như vậy, để thỏa-mãn nhu-cầu hiện-tại, chương-trình giáo-dục của nước ta sẽ phải dung-hòa hai khuynh-hướng trên. Phải cấp thời đào-tạo một số thanh-niên thành những chuyên-viên cần-thiết cho Quốc-gia, còn một số nữa sẽ tiếp-tục học hỏi để trở nên các nhà bác-học thông-thái sau này.

III — PHẦN THỨ BA

NHỮNG CẢI-CÁCH CẤP-BÁCH CẦN THỰC-HIỆN

Thưa quý Vị,

Căn-cứ vào tính-chất nhân-vị và dân-tộc của nền giáo-dục và những nguyên-tắc căn-bản kể trên, chúng tôi xin đề-nghị một chương-trình giáo-dục đại-cương như sau :

trường ra càng ngày càng nhiều, cho nên chuyên-viên thì thiếu mà người có bằng cấp lại thất-nghiệp.

Nếu bây giờ học-sinh được học nghề ngay khi bước chân vào bậc trung-học, đến khi ra trường đã có sẵn một nghề trong tay có thể kiếm được việc làm. Hơn nữa, nếu một học-sinh trước đó đã học được nghề thợ mộc chẳng hạn, thì sau này dù có tốt-nghiệp trường Đại-học, người đó nếu yêu nghề mình đã học có thể trông coi một xưởng làm đồ gỗ, mặc dù có bằng cấp cao. Như vậy nạn thất-nghiệp có thể tránh được trong tương-lai vì thật ra người chuyên-môn không bao giờ thừa.

2.— Thời-gian học-tập của bậc Trung-học

Chương-trình trung-học hiện nay là 7 năm, nhưng trong 7 năm đó có các môn học-sinh học đi học lại trong 2, 3 năm hoặc là chương-trình ô-m-đồm nhiều quá, có tính-cách nhồi sọ cho nên phải kéo dài thời gian 7 năm.

Còn một khuyết-điểm nữa là trong chương-trình trung-học có chia ra làm 2 phần, 4 năm trung-học đệ nhất-cấp hay là trung-học Phổ-Thông và 3 năm trung-học đệ nhị-cấp hay là trung-học chuyên khoa. Học hết 4 năm phổ-thông, học-sinh bắt đầu lên chuyên-khoa, tuy nói là chuyên-khoa nhưng thật ra học-sinh vẫn học lại chương-trình của 4 năm trước và tới lúc đi thi tú-tài phần thứ nhất thí-sinh vẫn phải thi tới 5 môn như lúc đi thi Trung-học phổ-thông và chỉ có năm đệ-nhất là học-sinh mới được học chuyên-khoa mà thôi.

Để đào-tạo một cách mau lẹ số chuyên-viên cần-thiết cho nhu-cầu Quốc-Gia hiện-tại và để phân-phối một cách hợp-lý hơn về chương-trình trung-học, chúng tôi đề-nghị rút thời gian học-tập của bậc trung-học xuống 6 năm :

a) 4 năm phổ-thông : Dạy cho học-sinh tất-cả các vấn-đề phổ-thông để sau khi học hết 4 năm, học-sinh có một số kiến-thức cần-thiết.

b) 2 năm chuyên-khoa : để học-sinh bắt đầu chuyên về một trong các khoa văn-chương, khoa-học thực-nghiệm, khoa-học toán-pháp, và để giúp cho học-sinh sau này bước lên Đại-học được dễ-dàng hơn. Vì gọi là chuyên-khoa nên trong 2 năm đó môn học chính của khoa mà học-sinh theo đuổi sẽ quan-trọng hơn còn các môn khác sẽ nhẹ bớt.

3) Các môn-học của bậc trung-học.

Trong chương-trình hiện-tại, có những môn đáng lẽ không được chú-trọng lại chú-trọng một cách quá đáng, còn những môn đáng lẽ phải được chú-trọng đặc-biệt thì hầu như bị bỏ rơi : Vì vậy các môn học của bậc trung-học phải được phân-phối lại một cách hợp lý hơn.

a) *Việt-Văn* : Việt-văn cần chiếm một địa-vị quan-trọng trong tất cả các năm của bậc trung-học. Nhưng để khỏi mất thì giờ và có ích cho công việc giáo-dục hơn, nên nghiên-cứu kỹ-lưỡng và soạn-thảo những bộ sách thống-nhất để làm sách giáo-khoa áp-dụng cho học - sinh tất cả các trường công-tư. Hơn nữa những sách đem giảng cho học-sinh không nên giảng đi giảng lại trong nhiều năm.

b) *Công-dân giáo-dục* : Công-dân giáo-dục là một môn quan-trọng trong chương-trình giáo-dục mà từ trước tới nay hầu như bị lãng quên nhất là tại các tư-thục. Muốn cho học-sinh khi ra đời sẽ là những công-dân tốt thì phải tăng giờ công-dân giáo-dục ngang với các môn giáo-khoa khác và bắt buộc phải áp-dụng tất cả các trường công cũng như tư.

Giáo-sư phụ-trách về môn này phải được huấn-luyện cẩn-thận và có tư-cách xứng-đáng để làm gương mẫu cho lớp đầu xanh.

c) *Hán-văn* : Hiện nay phương-pháp dạy Hán-văn chưa được cải-tiến và sách giáo-khoa quá ít ỏi nên đối với học-sinh, giờ học Hán-văn đã biến thành một giờ giải-trí trong tuần.

Vì Hán-văn chỉ là một môn bổ-túc cho công việc học tiếng Việt nên chúng tôi đề-nghị nên cho môn Hán-văn vào một phần của chương-trình Việt-văn và phải dạy theo phương-pháp mới để hiểu biết nhiều danh-từ mới và cũ cần-thiết cho việc trau dồi Việt-văn chứ không phải dạy Hán-văn là nhờ sọ những câu, những bài của cổ-nhân hoặc dạy làm những thơ phú theo lối xưa.

d) *Sử-địa* : Nhìn tới học-sinh Việt-Nam, người ta không khỏi hổ thẹn vì trong khi học-sinh khắp các nước trên thế-giới lúc nào cũng hiểu rõ lịch-sử và địa-lý của nước mình thì trái lại học-sinh Việt-Nam chỉ học môn Sử-địa để khỏi hỏng kỳ thi văn-đáp. Môn sử-địa đáng lẽ phải được chú-trọng một cách đặc-biệt sau môn Việt-văn thì trái lại học-sinh Việt-Nam đã quan-niệm sử-địa là một môn khó chịu và buồn tẻ nhất. Vì vậy trong chương-trình mới cần phải

nâng môn sử-địa lên địa-vị xứng-dáng của nó. Nếu thanh-niên một nước kém về sử-địa và không chú-ý đến môn đó thì tinh-thần yêu nước cũng sút kém theo.

e) *Khoa-học* : (toán, lý-hóa, vạn-vật) : Chương-trình khoa-học cũng cần sửa-đổi để học-sinh có thể thấu-thập những kiến-thức về khoa-học một cách dễ dàng và ích lợi hơn.

Về môn vạn-vật chẳng hạn, không nên bắt học-sinh học thuộc lòng những thứ cây, thứ đá mà không bao giờ được trông thấy và chỉ đoán theo trí tưởng-tượng.

Cần thiết-lập gấp những phòng thí-nghiệm đầy đủ để giảng dạy về lý-hóa và vạn-vật.

f) *Sinh-ngữ* : Chương-trình giáo-dục hiện nay đã ồm ồm quá nhiều thứ lại còn bắt buộc học-sinh phải học một lúc 2 sinh ngữ : (Pháp-văn, Anh-văn). Hơn nữa chương-trình sinh-ngữ lại quá nặng thành ra có nhiều văn-học-sinh rất xuất-sắc mà bị gặt lại một cách oan-uổng trong các kỳ thi chỉ vì kém sinh-ngữ. Ngay những nước mà chương-trình giáo-dục nhẹ hơn chương-trình của ta như nước Pháp chẳng hạn, người ta cũng chỉ bắt buộc học-sinh học có một sinh ngữ là Anh-văn. Chương-trình Anh-văn đó cũng rất nhẹ. Nếu đem so-sánh với chương-trình Pháp thì chương-trình trung-học Việt-Nam đã thêm môn Pháp-văn lại rất nặng, nặng ngang với chương-trình Pháp-văn trong các trường trung-học Pháp. Pháp-văn chỉ là một sinh-ngữ thế mà lúc đi thi Tú tài lại bắt học-sinh làm những bài nghị-luận luân-lý hay văn-chương khó như những đề-thi tú-tài Pháp.

Còn một điểm đáng trách nữa là không có một bộ sách Pháp-văn duy-nhất để tuân-tự giảng dạy cho học-sinh từ lớp này lên lớp khác nên các giáo-sư phụ-trách cứ mạnh ai nấy dạy theo ý mình, thành ra có những trường học-sinh ở lớp này khá pháp-văn tới lúc lên lớp trên lại đuối sức không theo kịp.

Theo thiên-ý chúng tôi, về vấn-đề sinh-ngữ nên để học-sinh tự-ý lựa chọn tùy theo sở-thích của mình một trong hai sinh-ngữ chính là Anh-văn và Pháp-văn. Chỉ nên bắt học-sinh học sinh-ngữ thứ hai sau khi đã có những ý-thức căn-bản vững-vàng về sinh-ngữ, thứ nhất rồi, hoặc học vào năm đệ-ngũ hay ở bậc trung-học đệ-nhất cấp.

Nếu chỉ phải học có một sinh-ngữ, học-sinh sẽ chăm-chú và giỏi hơn là học một lần cả hai thứ, vì thà biết một mà giỏi còn hơn là biết cả hai mà lại dở dở ương-ương. Nếu bảo rằng cần dạy học-

sinh biết hiểu sinh-ngữ để mở rộng kiến-thức thì ta có trường ngoại-ngữ, học-sinh nào ham thích, có năng-khiếu về sinh-ngữ thì có thể học thêm tại trường đó.

4.— Các kỳ thi :

Theo chương-trình giáo-dục hiện nay, trong 7 năm trung-học, học-sinh phải qua ba kỳ thi (1 kỳ thi trung-học đệ nhất cấp, 1 kỳ thi Tú-tài phần nhất và 1 kỳ thi Tú-tài phần nhì).

Nếu để như cũ ta thấy nhiều kỳ thi quá, gây ra biết bao nhiêu phiền-phức và tốn kém cho công quỹ vả lại còn làm cho học-sinh « học tủ », « học nhảy » hoặc vùi đầu vào sách vở một cách vô ích.

Theo ý chúng tôi thì trong 6 năm trung-học chỉ giữ lại 2 kỳ thi vào cuối năm thứ tư và thứ 6 mà thôi.

Các môn thi nên có hệ-số ngang nhau để học-sinh lo học mọi mặt hơn là chỉ học gao vài môn có hệ-số cao. Hơn nữa, chỉ nên rút thăm cho thi độ 4, 5 môn trong số các môn học.

5.— Vấn-đề cán-bộ

Thay đổi chương-trình là một việc, còn chương-trình đó có áp-dụng được hay không là nhờ ở các cán-bộ tức là các giáo-sư, những người lãnh trọng-trách trong công cuộc giáo-dục.

Do sự tiến-triển của xã-hội Việt-Nam, và nhất là từ khi chiến-tranh kết-liệu, số học-sinh đã tăng lên gấp bội, vì thế tình-trạng chung hiện nay là thiếu giáo-sư, sở dĩ có tình-trạng này vì nhiều lý-do :

a) *Lý-do thứ nhất* : Nghề dạy học không được đối đãi một cách xứng đáng so với công việc và khả-năng của người đi dạy. Bởi vậy, phần đông mọi người đều coi nghề dạy học là một nghề bạc bẽo. Chính số đông những người hiện đang dạy cũng không yêu nghề mình và chỉ xem nghề này là một nghề tạm bợ cho qua ngày tháng để sau này xoay sang nghề khác. Vì thế xảy ra tình-trạng có vài giáo-sư thiếu lương-tâm, dạy học lấy lệ.

Cũng như có một số giáo-sư tha-thiết với nghề mình nhưng vì gia-đình thì nặng gánh mà tiền thù-lao lại không xứng đáng, cho nên phải đi dạy thêm nhiều nơi, mà khi một người đã phải làm việc quá sức mình mới đủ sống thì làm sao tận-tâm cho được.

a) Nguyên-nhân thứ hai là vai-trò trường Cao-đẳng sư-phạm :

Cũng vì ngạch giáo-sư bị coi rẻ đối với các ngạch hành-chánh nên trong khi các sinh-viên theo học trường cao-đẳng sư-phạm thì được lãnh phụ-cấp ít, đến khi tốt-nghiệp ra dạy học thì chỉ số lương thấp, tăng cấp, tăng lương chậm, nên mặc dầu nghề dạy học là một nghề tốt-đẹp, cao-quí được nhân-dân Việt-Nam xưa kia tôn-trọng, thế mà hiện nay không mấy ai muốn theo học trường cao-đẳng sư-phạm. Giáo-sư thì hiếm mà nhu-cầu giáo-dục lại đòi hỏi nhiều nên sự tuyển-dụng không được chu-đáo, do đó hiện nay có những phần-tử thiếu tư-cách, thiếu năng-lực.

Hơn nữa mặc dầu thiếu giáo-sư mà trường Cao-Đẳng sư-phạm chỉ thu-nhận một số sinh-viên theo học và chỉ cung-cấp được một số giáo-sư quá nhỏ so với số học-sinh tăng lên gấp bội.

Để giải-quyết vấn-đề giáo-sư, chúng tôi đề-nghị nên mở rộng trường Cao-Đẳng sư-phạm. Trong khi theo học trường này, các sinh-viên được cấp một số học-bổng ngang với học-bổng các sinh-viên ngạch hành-chánh. Chỉ-số lương như các ngành khác, ngoài ra nên cho giáo-sư được hưởng thêm một khoản phụ-cấp gọi là phụ-cấp sư-phạm để nhà giáo khỏi tự cảm thấy nghề mình bị đối-đãi bạc-bèo và yêu nghề mình hơn. Hơn nữa, có như vậy, gia-đình người đi dạy mới đủ sống, kẻ đi dạy khỏi phải đi dạy thêm mà vẫn đủ ăn để có đủ thì giờ học hỏi thêm cho tiến-bộ. Người đi dạy học sẽ không còn cảm thấy ngày càng bị cần-cỏi và sẽ có lương-tâm hơn trong nhiệm-vụ cao-cả là giáo-dục thế-hệ thanh-niên, nền móng của tổ-quốc.

Hơn nữa, số giáo-sư có đầy đủ mới có thể thay thế dễ dàng các phần-tử thiếu tư-cách, thiếu năng-lực, đã trà trộn vào giáo-giới.

Hiện nay, việc cấp-bách phải làm là mở những lớp sư-phạm cấp-tốc để đào tạo gấp số giáo-sư và giáo-viên cần-thiết chẳng những cho các trường công mà cả cho những trường tư-thục để đi đến chỗ trường tư-thục cũng có đủ đảm-bảo về chuyên-môn như ở các nước tân-tiến ngày nay.

Cũng cần tăng-cường số thanh-tra giáo-dục các cấp để kiểm-soát phương-pháp dạy học của các giáo-chức công cũng như tư

Ở đây, chúng tôi cần nhắc đến vấn-đề tư-thục. Khác với chế-độ giáo-dục chỉ-huy và nô-dịch của bọn Việt-cộng trong đó chỉ có nguy-quyền Việt-cộng và đảng Cộng-sản mới có quyền chọn,

trường cho con em, các đoàn-thể và tư-nhân có quyền mở trường theo điều-kiện luật-định...»

« Quốc-gia có thể công-nhận các trường tư-thực đại-học và cao-tiểu chuyên-nghiệp hội đủ điều-kiện luật-định, văn-bằng do những trường ấy cấp-phát có thể được quốc-gia công-nhận ».

Vậy, Chính - phủ ta tìm cách nâng đỡ một cách hữu-hiệu các trường tư - thực và khuyến-khích các tư-nhân cùng nhờ các đoàn-thể mở các trường tư để có thể thỏa-mãn số học-sinh tăng lên gấp bội phần.

C. — BẬC ĐẠI-HỌC

Chương-trình giáo-dục áp-dụng cho bậc Đại-học hiện nay cũng không đi sát với nhu-cầu của nước nhà vì đó là chương-trình của thực-dân còn sót lại. Nền Đại-học của một nước Độc-lập về chuyên-ngữ cũng như chương-trình học-tập không thể theo mãi nền Đại-học của nước ngoài được.

Nước Việt-Nam cộng-hòa ngày nay cần phải có một nền Đại-học Việt-Nam để phục-vụ nước nhà một cách hữu-hiệu hơn.

Vì vậy công việc cấp thời là mặc dầu khó-khăn, tất cả các khoa trong trường Đại-học Việt-Nam cần được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Theo đề-nghị của chúng tôi thì thời-gian của bậc Trung-học rút xuống 6 năm. Do đó nên cho 1 năm dự-bị Đại-học để chuẩn-bị sinh-viên vào khoa chuyên-môn theo sở-thích và năng-khiếu của mình.

Về Đại-học chúng ta rất cần hướng Sinh-viên về thực-nghiệp hơn là về tư-chương để nước nhà có đủ chuyên-viên cần-thiết cho công cuộc kiến-thiết xứ-sở.

KẾT-LUẬN

Thưa Quý vị,

Sở dĩ chương-trình giáo-dục hiện nay có nhiều khuyết-điểm là vì chúng ta mới giành lại được nền Độc-lập và mới thu hồi được chủ-quyền toàn vẹn chỉ hơn 2 năm nay, chưa có đủ thì giờ và phương-tiện để thay đổi hẳn chương-trình cũ.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã cố-gắng sửa chữa những khuyết-điểm kể trên bằng cách mở những trường thực-nghiệp, những trường

cộng-đồng dẫn-đạo và những lớp bình-dân giáo-dục giao cho chính-quyền địa-phương phụ-trách.

Nhưng theo ý chúng tôi cần phải hoạt-động gấp rút hơn và mạnh dạn hơn, cần phải làm một cuộc cách-mạng giáo-dục về phương-diện chương-trình học-tập cũng như về phương-pháp sư-phạm để tiến kịp theo đà tiến của xã-hội Việt-Nam hiện nay, để thỏa-mãn những nhu-cầu cấp-bách của giai-đoạn cứu quốc và kiến-quốc. Và nói tóm lại để đào-tạo thanh-thiếu-niên thành những con người mới cho Xã-hội Việt-Nam ngày nay và ngày mai, về phương-diện thể-chất lẫn tinh-thần.

Nước Việt-Nam mới của chúng ta cần phải có : những con người **khỏe mạnh**, khỏe để bảo-vệ đất nước, khỏe để có thể chịu đựng được tất cả những sự cực nhọc hay thiếu-thốn bất ngờ.

Những con người **yêu đời, vui sống, biết lo trau-dồi nhân-cách** cho mỗi ngày càng thêm toàn thiện ;

Những con người **ra hoạt-động, thích làm việc**, có thể tạo cho mình một cuộc đời đầy đủ và tự-lập, xứng đáng với phẩm-giá con người và có thể giúp đỡ đồng-bào, đồng loại.

Những con người có **tinh-thần độc-lập**, cư-xử theo những nguyên-tắc vững vàng, theo lẽ phải và lương-tâm không khuất-phục dưới cường-quyền, không a-dua theo thời thế, dám bênh-vực cho công-lý và chính-nghĩa Quốc-gia, dám hy-sinh tất cả để bảo-vệ tự-do cho mình và cho dân-tộc. « Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc » như Trần-Bình-Trọng thời xưa.

Những con người có **óc khoa-học thực-tiến** biết dùng trí óc và hai bàn tay để kiến-thiết xứ sở, để sắp đặt mọi việc có quy củ.

Những con người **biết trọng kỹ-luật và trật-tự** để cho người và mình đều được tôn-trọng, cho mọi việc thành-tự, cho đời sống yên vui.

Những con người có **tinh-thần gia-tộc**, biết tránh tất cả những cái gì có hại đến danh-giá nhà mình, như vậy sẽ không làm những việc càn dở.

Những con người có **ý-thức quốc-gia**, biết hãnh-diện mình là người Việt-Nam với một lịch-sử 4 ngàn năm, biết lấy làm vẻ vang, về công-trình xây-dựng của tiền-nhân hàng mấy chục thế-kỷ để rồi đến phiên mình, cũng ra công góp sức vào công cuộc kiến-thiết

một quốc-gia lành-mạnh, hùng-cường, sánh kịp các cường-quốc trên năm Châu ;

Sau hết những con người tín thành có một lý-tưởng để phụng-sự và làm phụng-châm cho tất cả các hoạt-động trong đời mình, cái lý-tưởng của mọi người Việt-Nam biết tự-trọng và biết yêu nước thương nòi, đó là lý-tưởng « hết lòng hy-sinh vì dân vì nước ».

Có như vậy nền giáo-dục mới làm tròn nhiệm-vụ của nó và chắc chắn nhân-dân ta sẽ sống một cuộc đời no ấm, hạnh-phúc, tự-do và dân-chủ thực-sự đúng như ý muốn của Ngô-Tổng-Thống, vị lãnh-tụ anh-minh của dân-tộc Việt-Nam.

Dân-biểu : NGUYỄN-THIỆU

Đại-biểu bộ Quốc-gia Giáo-dục

Nghe xong bài thuyết-trình và ý-kiến dõ-dào của một số quý-vị Đại-biểu, tôi thấy cần giải-thích một vài điểm để giải-quyết mấy thắc-mắc của liệt vị về sửa đổi chương-trình. Ngược giòng thời gian chúng ta thấy từ năm 1945 tới nay, chương-trình Tiểu-học và Trung-học đã được sửa đổi nhiều lần, ở bậc Tiểu-học chương-trình năm 1945 đã được sửa đổi, năm 1949 tới năm 1954 và năm 1955 lại có sửa đổi về chi-tiết. Ở bậc Trung-học chương-trình 1945 đã được sửa đổi năm 1949 tới năm 1953 một chương-trình mới đã được ban hành với chi-tiết. Ngay chương-trình 1953 cũng không có tính-chất vĩnh-viễn, sau mấy năm kinh-nghiệm năm 1955 có sửa đổi về văn-chương và năm nay 1956 sửa đổi về khoa-học để phù-hợp với tình-trạng hiện-tại. Việc sửa đổi chương-trình không do một vài người phụ-trách, đó là một công việc của một Hội-đồng mở rộng gồm những giáo-sư chuyên-môn hiện có thuộc từng ngành một và có đủ năng-lực, sửa đổi chương-trình, việc sửa đổi chương-trình dựa vào đời sống thực-tế, tôi xin kể ra đây một thí-dụ cụ-thể : Bậc Tiểu-học gồm 5 năm, nhưng 3 năm đầu học-sinh học một chương-trình cường-bách, 2 năm sau từ lớp nhì trở lên học sinh chia ra 2 Ban. Ban dự-bị phổ-thông và ban hướng-nghiệp về cộng-đồng, về tiểu-công-nghệ, một đặc-điểm cần ghi là chương-trình không có tính cách vĩnh-viễn, ở các bậc học chương-trình luôn được cải-thiện tùy theo khả-năng hiện-hữu, về cán-bộ về tài-chính về tài-liệu sách vở tôi thấy cần phải nhấn-mạnh rằng : nếu thêm những điều-kiện đó, chương-trình không thể nào áp-dụng được. Trong bài thuyết trình có nói chương-trình không chuyên-môn, hiện nay chương-

trình gồm có ba bậc giáo-dục, bậc Đại-học, Trung-học, Tiểu-học bậc Đại-học đào-tạo những Bác-sĩ, Dược-sĩ, Kỹ-sư, Luật-sư, về khoa-học cũng như văn-chương đã có mở trường Cao-đẳng Kiến-trúc, trường Cao-đẳng Mỹ-thuật gồm cả Hội-họa, Nhạc. Bậc Trung-học có hai ngành, ngành phổ-thông để cho Đại-học, ngành kỹ-thuật chuyên-nghiệp có những học-xưởng để dạy đánh máy, kế-toán, chụp hình, máy móc v.v... Bậc Tiểu-học cũng như trên đã nói có 3 năm phổ-thông và 2 năm hướng-nghiệp, nhằm mục-đích khai-tâm các học-sinh về các nghề như thợ-mộc, thợ-nề, thợ-rèn, máy-móc, thuyền chài, đồng-áng, ngoài ra còn có nền cộng-đồng dân-đạo, chú-trọng vào giáo-dục căn-bản để phục-vụ nhân-dân. Ngành binh-dân giáo-dục nhằm mục-đích thanh toán nạn mù chữ. Hơn nữa Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã cố-gắng khuyến-trưng những lớp tráng-nhiệm để những học-viên lớn tuổi có thể biết thêm được kiến-thức phổ-thông về khoa-học thường-thức sử-địa v.v... xưa kia, chương-trình không chú-trọng về chuyên-môn, nay Bộ Quốc-gia Giáo-dục trong những sửa-đổi lần-lần rất chú-trọng về hướng-nghiệp tùy theo khả-năng hiện-hữu. Về vấn-đề thi cử, Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã để ý đến nên có thể bãi-bỏ một vài kỳ thi trong thực-tế, việc này đã bắt đầu từ đầu năm 1956 ở Bậc Tiểu-học các học-sinh đủ điểm trung-bình trong các kỳ thi lục-cá-nguyệt ở lớp nhì và lớp nhất được miễn-khỏi thi bằng Tiểu-học, nhưng tình-trạng hiện-thời của nước nhà, chắc nhiều quý-vị cũng như chúng-tôi nhận thấy việc bãi-bỏ tất cả các khóa thi chưa thể thực-hiện được.

Về việc dạy Hán-văn, Bộ Quốc-gia Giáo-dục nhận thấy tất cả tính-chất quan-trọng của vấn-đề này và rất chú-trọng đến môn học rất hữu-ích. Do đó một số giờ đã tăng từ 3 đến 4 mỗi tuần lễ. Việc ấn-định chương-trình đã giao cho một Hội-đồng, để thảo-luận — Bộ khuyến-khích việc viết Hán-văn giáo-khoa. Hiện nay đã ấn-hành được 2 quyển cho lớp đệ-thất và đệ-lục, và đang ở vào giai-đoạn chuẩn-bị ấn-loát. Về môn học này, Bộ đã có nhiều cố-gắng lần-lần. — Đặc-biệt là Bộ hết sức khuyến-khích học-sinh học Hán-tự. Việc mở-mang, việc học Hán-tự luôn luôn được chú-ý. Hiện nay ở trường cao-đẳng sư-phạm có mở thêm ban Hán-Việt và ở trường Đại-học văn-khoa đã có mở thi chứng-chỉ Hán-tự và dự-định cho sinh-viên thi bằng cao-đẳng về Hán-văn, tuy-nhiên, Bộ để cho học-sinh và sinh-viên tự-chọn việc theo học Hán-tự không có tính cách bắt-buộc. Vì nếu bắt-buộc sẽ không đưa đến kết-quả nào. Về công-dân giáo-dục, môn

này được đặc-biệt chú-trọng, số giờ đã tăng từ 1 đến 2 giờ trong mỗi tuần lễ, về việc trường-sở, Bộ rất chú ý tăng số trường nhưng rất lấy làm tiếc với khả-năng tài-chánh ước-vọng này chưa được thỏa-mãn. Về vấn đề giáo-sư, đây là một vấn-đề có thể nói là nan-giải không những cho chúng ta mà hiện nhiều nước cũng chưa tìm cách giải-quyết thỏa đáng. Tuy-nhiên Bộ Giáo-dục vẫn luôn luôn cố-gắng không ngừng.

Kết-luận chúng tôi rất làm sung-sướng được thấy quý vị phát-biểu ý-kiến, điều đó chứng tỏ rằng quý vị luôn luôn để tâm đến việc giáo-dục thanh-thiếu-niên tương-lai của nước nhà. Tuy-nhiên việc sửa đổi chương-trình hay cải-thiện phương-pháp giáo-khoa, phải căn cứ vào thực-tế và dựa vào những khả-năng hiện hữu, Bộ Quốc-gia Giáo-dục rất lấy làm hân-hoan được các nhà chuyên-môn hữu-tâm cho biết, đề-nghị với các chi-tiết, Bộ sẽ cứu xét cái lợi và cái hại cần nhắc cẩn-thận trước khi nêu ra làm nguyên-tắc sửa đổi.



BÀN VỀ LUÂN-LÝ XÃ-HỘI và VĂN-HÓA

Sáng 14-1-1957 :

ĐỀ MỤC

BÀN VỀ LUÂN-LÝ XÃ-HỘI

Thuyết-trình-viên : L.m. Hoàng-Yến, (sáng-lập-viên Hội Bảo-Vệ Luân-lý Việt-Nam.)

Chủ-tọa-đoàn : ó.ó. Trần-thiện-Vàng (Cố-vấn Hội B.V.L.L.)
Vũ-như-Huyền (Tổng-thư-ký Hội B.V.L.L.)
Đình-sinh-Pai (Văn-Hóa Vụ-Trưởng
Bộ T.T.T.N.)

Thư-ký-đoàn : như cũ.

NỘI-DUNG

Trong những ngày thảo-luận, Đại-hội văn-hóa toàn-quốc đã đề-cập tới bao nhiêu vấn-đề quan-trọng về Luật-học, Y-tế, Kỹ-thuật, Văn-học, Kịch-trường, Hội-họa, Điện-ảnh, Báo-chi v.v...

Văn-hóa nước nhà hiện nay đang như con thuyền được thuận buồm xuôi-gió, lướt sóng băng ngàn. Nhưng một khi thuyền buồm văn-hóa đã thẳng lèo簸 gió, trớn chạy mau, lại cần một người bẹn trung, làm hoa-tiểu hương-dẫn. Bẹn đó là Luân-lý. Và văn-hóa đến giây phút càng tiến lạ, thì trách-nhiệm chỉ-đạo của Luân-lý càng tối-cần quan-hệ.

Tôn-chỉ của Hội Bảo-vệ Thuần-phong Mỹ-tục chúng tôi, là bảo toàn Luân-lý truyền-thống của Tổ-tiên, lấy trừ các đỏi-phong bại-tục, mà dân ta đã tiếm-nhiêm bởi ảnh-hưởng của các chế-độ trong thế-kỷ qua, và áp-dụng cái gì hay và tốt đẹp của nền văn-hóa mới.

Mặc dầu không đứng ở địa-vị nhà Luân-lý-học, muốn cho đặng khích-lệ đồng-bào thực-hiện xây-dựng nền văn-hóa nước nhà, tôi xin phép phát-biểu về :

- 1.— Định-nghĩa Luân-lý.
- 2.— Đối-tượng của Luân-lý.
- 3.— Lý-thuyết và thực-hành liên-quan đến văn-hóa.

I.— ĐỊNH-NGHĨA LUÂN-LÝ

1) Định-nghĩa theo danh-từ của nước nhà :

Luân : là thứ-tự, như nhơn-luân, ngũ-luân, luân-thường...

Lý : là lẽ, như thiên-lý, mạng lý, lẽ trời đã định.

Luân-lý : là giềng mối ; là thứ-tự phải giữ trong các bậc của nhơn-loại.

là Luật-lệ giáo-huấn sửa nết cho ra tốt.

Bởi đó khác với phong-tục, tập-quán, thói quen. Phong-tục không phải là bản-nguyên để tạo ra luật-lệ phong-hóa.

2) Ý-nghĩa tương-tự với danh-từ của Tây-phương :

Luân-lý : Morale, bởi tiếng la-tinh Mores, có hai nghĩa :

a) Khoa nghiên-cứu về phong-tục dân-tộc.

b) Giềng mối luyện nên dân-tộc tính, hay là nghĩa-vụ thực-hành mà dân ấy phải ở thế nào. (nghĩa chính của tiếng Phong-hóa).

II.— ĐỐI-TƯỢNG CỦA LUÂN-LÝ

1) Luân-lý nhằm ba mục-tiêu :

a) Khuyến-thiện.

b) Nghĩa-vụ, buộc ta phải làm tròn phận-sự.

c) Đào-tạo đức-tính con người.

2) Luân-lý, một vấn-đề quan-trọng, cần học-hỏi, khảo-cứu.

a) Văn-hóa có thể giúp cho con người thêm tài, nâng cao trình-độ, sinh-hoạt, hạnh-phước ở đời. — Còn Luân-lý, rèn luyện chí-khí, đức-hạnh, nâng cao đời sống tinh-thần.

Bởi đó, nhận thấy là vấn-đề quan-trọng.

b) Văn-hóa phát-triển tài-năng cho một số người trong xã-hội, nhất là các ngành văn-chương nghệ-thuật. Còn Luân-lý thì cần cho tất cả quần-chúng trong xã-hội. Ai ai cũng phải chuyên tập và có thể học-tập.

3) Muốn cho đồng-hào ta góp phần xây-dựng nền Luân-lý nước nhà, cần phải có chí : hành-thiện.

— song « Vô tri bất mộ », phải biết đâu là việc tốt, việc lành, mới ham-mộ. — Và cần phải biết đâu là nền Luân-lý.

a) Đời Trung-cổ Hy-lạp có người nêu ra chủ-nghĩa duy-cảm (sensualisme), họ tưởng cái gì làm cho con người vui sướng, đó là thiện ; mà bất-hạnh, đau-khổ là ác.

b) Phái người khác, theo công-lợi chủ-nghĩa (utilitarisme) của Epicure, tưởng rằng với nguyên-tắc « ích-dụng », tìm cái gì làm thuận-lợi cho mình, và đối với người đồng chủng, phải rán ở tử-tế, để họ ở tử-tế lại. Nguyên-tắc hạnh-phước vật-chất đây xem ra ích kỷ.

c) Lại có phái cương-quyết rằng nguyên-tắc Luân-lý là ăn ở sao cho cả quần-chúng xã-hội vui thỏa. (Stuard Mill).

d) Có phái khác (Adam Smith) căn-cứ vào sự cảm-giác bề trong cho rằng khi phi-bác hay ưng-thuận sự gì, vui khi bố-thí, buồn sợ áy-náy khi làm tội... đó là nguyên-tắc Luân-lý. — Điều ấy có phần trùng, là tiếng nói bề trong chỉ việc nào là lành, là dữ. Song lẽ, chưa có luật gì buộc phải làm phải lánh. Hơn nữa, có người mê tin hiểu sai, tưởng giết cha mẹ để đền ơn nợ nước là danh-dự, nên đây chưa phải là nguyên-tắc Luân-lý.

e) Các nhà hiền-triết Hy-lạp (Platon, Aristote) : nền Luân-lý ở sự phải chỉnh-dốn các tâm-tư thất tình, thế nào cho bản-năng linh-hồn dần-áp phần hạ, để cải-thiện đời sống trong sạch theo ý-dịnh của Đấng tạo thành : ấy là nguyên nhân Luân-lý. Lý-thuyết này đã có trình-độ cao, nhưng chưa hoàn-toàn.

f) Nguyên-tắc sau hết : phần đông các dân-tộc trên hoàn-cầu nhìn nhận một luật đời đời vô di bất diệt bởi Thượng-Đế điều-khiển loài người, từ sơ khai thiên-địa, nhưt luật cho mọi dân. Luật ấy nhờ lý-trí diễn ra, và lương-lâm giải-thích thông-dịch,

phát từ tâm tánh con người : đoán định tất cả các việc ta, tới ý-tưởng bên trong... dầu là tốt, dầu là xấu, và ăn ở theo càn-thăng-bảng, nguyên-tắc cao-cả, là lành và đáng thưởng « Thuận thiên giả lôn », còn trái lại « Nghịch thiên giả vong ».

— Các dân từ cổ chí kim, dầu khác trình-độ văn-minh, dầu khác hình-lhức Tôn-giáo, vẫn nhìn nhận nguyên-tắc vừa nói trên là Luân-lý.

Luân-lý đời đời nói đó, rất khác xã-luật, quốc chánh, vì luật nước là luật của loài người (nói đây là chung cho địa-cầu). Luật ấy do loài người định ra và tự sửa đổi, hoặc bỏ đi.

Luật Chánh-phủ chỉ buộc một dân-tộc nào, còn Luân-lý thiên-nhiên kia gồm hết các dân.

Luật Chánh-phủ : ai không lỗi bề ngoài là đủ, mặc dầu phía bên trong.

Còn Luân-lý, cần xây-dựng căn-cứ bên trong mới ra việc lành.

b) Đối với nghĩa-vụ. —

- a) Nền Luân-lý cần đặt căn-bản trên một tin-ngưỡng một tôn-giáo, mới có uy-lực buộc lương-tâm.
- b) Thuyết xã-hội, xã-giao, giữ ngũ-luân, ngũ thường, nếu không đặt căn-bản trên nguyên-tắc luật đời đời nói trên, cũng không đủ uy-lực bắt buộc. Những câu châm-ngôn, cách-ngữ của các vị quân-tử chỉ khuyến-thiện, song vẫn còn ở phạm-vi « người với người ». Người có thể từ chối quyền-hành của nhau.
- c) Chử Luân-lý khi nào xuất bởi luật bất di bất dịch của đấng tạo-hóa mới đủ quyền đối với lương-tâm.

III.— LUÂN-LÝ THỰC-HÀNH :

- 1) Đối với chính mình.
- 2) Với xã-hội.
- 3) Với Văn-hóa.

1) Với chính mình.— Con người gồm hai phần : xác, hồn.

Phần xác :

- a) Luân-lý công-bổ luật bảo-tồn tánh-mạng, đừng say sưa, hút xách, dâm ô, cờ bạc, tạt sát v.v...
- Một trật : luyện-tập co-thể, chuyên-nghiệp, cho đời sống thanh-tao trong sạch.
- Với thân-thuộc, với gia-đình, trọn nghĩa đạo cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu.

Phần hồn :

- a) Đào-tạo tâm-tánh, tâm-tư tinh-tinh, năng-lực thiêng-liêng.
- Luyện-tập trí *hiếu*, trí *muốn*... để cải-thiện con người.
- Rèn luyện chí-khí anh-dũng, nhẫn nại...

2) Với xã-hội.— Luân-lý :

- a) Dạy ở công-bình.
- b) Kính trọng quyền-lợi tự-do kẻ khác.
- c) Kính trọng thanh-danh, thể-diện.
- d) Kính trọng quyền sở-hữu gia-nghiệp kẻ khác.
- e) Thi-hành bác-ái, tương-trợ.
- f) Tâm-chí đoàn-kết với đồng-tộc, đồng-chúng, phụng-sự và sẵn-sàng hy-sinh cho Tổ-quốc.

3) Với Văn-hóa :

1.— Một nước có Văn-hóa cũng có thể thiếu luân-lý hay là một nước phong-hóa thuần-túy mà không văn-hóa.

- Đời Trung-cổ dân La-mã và Hy-lạp danh lừng nhưt hoàn-cầu, song đời ấy là thời : nô-lệ, họ mua tôi bán mọi, và coi mạng người như thú. Thời ấy cũng là thời ăn chơi say sưa, hoặc dâm-ô cho tôi trọng việc phượng thờ bụt nữ Venus.
- Nước Trung-hoa được thuần-phong mỹ-tục nhờ Luân-lý Khổng-Tử cổ-truyền.

2.— Ngoại trừ Tôn-giáo là nguyên-tắc siêu-nhiên cải-thiện con người ; văn-hóa cũng hiệp-tác để xây-dựng : miễn là có Luân-lý hướng-dẫn.

a) Tôn-giáo đi đôi với văn-hóa

- Bỏ thói ăn thịt người, như thế-giới mới và Phi-Châu...

— Bỏ giết người tế-lễ như ở Mexico trước khi ông Christophe Colomb tới...

b) *Phần văn-hóa*

a) Văn-hóa giúp mở-mang tinh-thần trí-thức, trau-dồi tài-nghệ mỹ-thuật, có thể cải-tạo con người, cải-tiến phong-tục cho nên tốt.

b) Văn-hóa như ngọc quý, gây hạnh-phúc cho thiên-hạ. Nhưng, ngọc phải giồi-mài ngọc mới có giá-trị. Văn-hóa lấy chi giồi mài? nhờ Luân-lý, cho có giá-trị thuần-túy thiên-nhiên

1) *Văn-học*.— Thi, thơ, tuồng, truyện, kịch-sử, nếu thanh-tạo dạy đời, nêu gương anh-hùng dũng-sĩ đề sảng dội cho tương-lai giống nòi, thì ấy là bảo-tồn luân-lý đặc-lực.

— Trái lại, nếu ta thấy rất nhiều sách vở tiêu-thuyết, viết ra không ngoài mục-đích làm tiền, hơn nữa càng nhắm-nhí truy-lạc, đề càng lại được nhiều tiền, thì Văn-hóa bị phá-hoại, bị lợi-dụng mà thấp hèn đi.

— Ở nước nhà, xem qua dĩ-vãng và hiện tại, bao-nhiêu phần trăm của sách vở đã xuất bản là hữu-ích.

Ước gì những ai có lòng yêu nước, lo cho tương lai xừ sở hãy đem hết tất cả năng-lực bài trừ các sách xấu, tăng-cường sản-xuất sách tốt.

— Đối với Văn-học nước ngoài, ta cần biết lọc-lựa cái gì hữu-ích và trong sạch, vất bỏ những gì hại tinh-thần.

2) *Nghệ-thuật*.— Nghề họa, điệu khắc, ca, vũ, nhạc, kịch, phim ảnh, tự bản tính nó không gì xấu, lại tô-diễm tài-năng cho con người.

Nghệ-thuật có thể phù-trợ Luân-lý :

— Họa những tranh ảnh đẹp, hay diễn-tích truyện dạy đời, hoặc cô-tích nêu gương.

— Ca những bản khuyến-khích trung-thành, bác-ái tương-trợ.

— Nhạc đánh những cung điệu cường tráng, rèn đúc tinh-thần, không nên ủy-mị, hèn yếu.

— Vũ là nghệ-thuật, từ xưa dân-tộc nào cũng múa. Múa để biểu-lộ hân-hoan. Cho tới trong việc tế-tự.

— Nghệ-thuật sân-khấu, có thể diễn tả đức-hạnh, anh-đũng trong những truyện tuồng lạnh-mạnh.

— Phim ảnh cũng như tuồng kịch, rất dễ cảm-giác, kịch-động tâm-thần : nếu là tích truyện thanh-tao hữu ích, sẽ giúp nêu phong-hóa đặc-lực.

Nhưng thường kết-quả ngược lại.

— Phải chăng con người truy-lạc làm cho ra xấu : như đem các ngọc quý ấy vùi lấp xuống bùn ?

— Phải chăng Văn-hóa tiến-triển, mà phong-hóa lại suy-đồi?

— Riêng về nước ta, từ ngày hấp-thụ Văn-hóa Á-châu đã bao nhiêu biến đổi. — Nhiều cách thức ăn-mặc trông trái, phim ảnh khiêu-dâm, tiêm-nhiễm lần lần cũng như trùng lao xâm-nhập là phôi ; bệnh nhờn trầm-trọng.



Vạn-vật là một tấm gương soi lại trí-tuệ và toàn-năng, với sự tốt đẹp vô-cùng của Đấng Tạo-hóa.

1.— Con người hưởng đặc-ân Trời phú, biết diễn lại, để hưởng cái vui đẹp của vạn-vật.

— Các vật tốt đẹp, là cuốn sách cho loài người đọc.

— Người ta có thể diễn-tả lại trong văn-chương, điêu-khắc, hay màn ảnh... mô-phỏng sao cho đẹp và cho đáng,

— *Đẹp thiên-nhiên và Đứng tự-nhiên*, nghĩa là không nên có truy-lạc.— Cũng như trong vạn-vật tự-do nó không nên có truy-lạc.

— Song le, đừng quên nếu nhân-loại hưởng chiều về xấu, về tội-lỗi thì khó tránh ảnh-hưởng trong khi diễn-tả vạn-vật.— Văn-học, Mỹ-thuật vì đấy có thể đi sai mục-đích.

2.— Bởi đó Văn-học và Nghệ-thuật cần nhờ Luân-lý chỉ-đạo, « Văn-chương và Nghệ-thuật » không thể là khoa-học độc-lập, đối với Luân-lý.

Đẹp và thực-tế là hai điều-lốt, nhưng thực-tế áp-dụng, và thực-tế liên-quan mới thành cái tốt thật sự.

Không ai khỏi chường mắt khi thấy nêu trên màn ảnh chớp bóng những cử-chỉ nhảm-nhi, dường như đã khinh-bĩ khàn-giã, không chút ngần-ngại.

Kết-luận ; Mỹ-thuật, Văn-hóa là tác-phẩm trong phạm-vi xã-hội.

a) Vì lẽ bác-ái, công-bình không được nhân dịp gây nên truy-lạc cho kẻ khác.

b) Ý lành của tác-giả không miễn thứ được lẽ nói trên.

— Luân-lý nước nhà cũng như toàn-thề nhơn-loại, cần xây-dựng trên nguyên-tắc Chân-lý đời đời của Tạo-Hóa, luật ấy lý-tri diễn ra ở lương-tâm mọi người.

— Muốn cải-thiện đời sống tinh-thần cũng như vật-chất của dân-tộc, ta cần hiệp sức xây-dựng nền Luân-lý.

— Ta phải nhờ đức sáng Luân-lý để soi cho các hành-dộng tiến-triển của nước nhà. Luân-lý phải làm hoa-tiêu hướng dẫn cho Văn-hóa và Văn-hóa phải được áp-dụng để mở mang tinh-thần và tri-tuệ dân-tộc ta, dưới sự điều-khiển chỉ-đạo của Luân-lý.



THAO-LUẬN VỀ VIỆC THÀNH-LẬP : TỔNG-HỘI VĂN-HÓA VIỆT-NAM

Chiều ngày 14-1-1957, toàn thể các đại-biểu văn-hóa đã nhóm họp đông đủ thảo-luận về việc thành-lập Tổng-hội văn-hóa Việt-Nam. Đại-diên Ban tổ-chức Đại-hội đọc bản dự-án về điều-lệ tổ-chức Tổng-hội văn-hóa Việt-Nam.

Đại-y bản dự-thảo điều-lệ nêu lên những điểm chính như sau :

Mỗi Tỉnh có 1 chi-nhánh của Tổng-hội gọi là « Hội văn-hóa Tỉnh » hay « Tỉnh-hội văn-hóa ».

Toàn thể các đơn-vị của Tỉnh họp lại thành « Tổng-hội văn-hóa Việt-Nam ».

Tổng-hội đoàn-kết mọi lực-lượng văn-hóa trong nước để xây-dựng và phát-triển văn-hóa dân-tộc và nhân-vị.

— Cương-vị của Tổng-hội đối với tất cả các tổ-chức văn-hóa trong nước và ngoài nước là bình-đẳng.

— Tổng-hội sẽ giúp đỡ những tổ-chức văn-hóa có mục-đích, chủ-trương đúng đắn.

Tổng-hội đoàn-kết toàn dân xây-dựng đời sống và tình-cảm lành-mạnh.

— Vận-động phát-huy mọi sáng-kiến và thu-thập mọi ý-nguyện của toàn dân.

— Huy-động mọi khả-năng tham-gia các phong-trào kiến-quốc như: Chiến-dịch diệt-dốt, bài trừ Túr-Đổ-Tương, bảo-vệ thuần-phong mỹ-tục nâng cao dân-trí v.v...

Tổng-hội nghiên-cứu và tiếp-xúc với các tổ-chức văn-hóa ngoài nước để tiếp-thụ văn-minh thế-giới và tổ-tình giao-hảo với các nước bạn.

Tổng-hội nghiên-cứu giúp đỡ phương-tiên, ngân-quỹ cho cho các người hoạt-động văn-hóa (ấn-loát tài-liệu) giúp phương-tiên sáng-chế, phát-minh, phổ-biến tác-phẩm, giúp đỡ đời sống vật-chất v.v...

— Gây quỹ tương-tử, cứu tế, giúp những tư-nhân hoạt-động văn-hóa bị hoạn-nạn tàn tật, (thí-dụ trường-hợp một nghệ-sĩ trong khi phụng-sự nghệ-thuật chẳng may bị tàn-tật sẽ được Tổng-hội săn-sóc về đời sống v.v...)

Thành-phần của Tổng-hội rộng-rãi, không phân-biệt các loại hội-viên nam, nữ, địa-vị xã-hội trong chính-quyền hoặc trong nhân-dân, nhưng hội-viên phải chấp-thuận hoạt-động theo đường lối chủ-trương của Tổng-hội.

Đại-hội đã nêu từng khoản mục và thảo-luận rất tỷ-mỷ. Đầu tiên, nhiều đại-biểu đề-nghị lấy danh-từ « Hội văn-hóa quốc-gia Việt-Nam » đặt tên cho hội, nhưng sau khi thảo-luận sôi nổi, Đại-hội đã quyết-định lấy danh-từ Tổng-Hội Văn-Hóa Việt-Nam.

Ông Trần-Chánh-Thành lên diễn đàn, tỏ bày quan-điểm của ông và đề-nghị Đại-hội nên bầu một Ban vận-động của Tổng-hội Văn-hóa Việt-Nam để nghiên-cứu việc chính-thức thành-lập Tổng-hội mà không nên bầu Ban Chấp-hành lâm-thời. Ban vận-động này sẽ được rộng quyền hoạt-động, gồm có các văn-nghệ-sĩ và các ủy-viên như sau :

- Ủy-viên các bộ môn văn-hóa.
- Ủy-viên đại-diện các Tỉnh.
- Ủy-viên tại hải-ngoại.

Đề-nghị của ông Trần-Chánh-Thành được toàn-thể Đại-Hội hoan-nghehnh nhiệt-liệt.

Sau đó, toàn-thể Đại-hội bầu-cử vị Chủ-tịch Ban vận-động vừa nói trên.

Một số đông các đại-biểu đề-cử ông Ngô-đình-Nhu, Cố-vấn Chính-Phủ. Toàn thể Đại-Hội đều đồng thanh hoan-nghehnh và giơ tay biểu-quyết chấp-thuận.

Buổi hội-nghị bế-mạc bằng một tràng pháo tay với niềm tin-tưởng mãnh-liệt.



C. — PHẦN TRÌNH - DIỄN

CHƯƠNG - TRÌNH TỔNG - QUÁT TRÌNH - DIỄN

TỪ 7-1-1957 ĐẾN 15-1-1957, (20g. — 23g.30)

- Ngày* 7-1-1957 : Trình-diễn Văn-Nghệ Trung-Hoa
— 8-1-1957 : Trình-diễn Ca Vũ Nhạc Huê-kỳ
— 9-1-1957 : Trình-diễn Tân-Nhạc Việt-Nam
— 10-1-1957 : Trình-diễn Sân-khấu Kịch, Chèo
— 11-1-1957 : Trình-diễn Văn-Nghệ Pháp.
— 12-1-1957 : Trình-diễn Sân-khấu tuồng Cải-lương,
Ca-vũ miền Thượng, Văn-nghệ học-sinh
— 13-1-1957 : Thuyết-minh và dẫn-chứng Điện-ảnh
Việt-Nam
— 14-1-1957 : Trình-diễn văn-nghệ Quân-Đội
— 15-1-1957 : Trình-diễn văn-nghệ Quân-Đội.
-

NGÀY 7 THÁNG 1 NĂM 1957
VĂN-NGHỆ DÂN-TỘC TRUNG-HOA

CHƯƠNG-TRÌNH TRÌNH-DIỄN :

A.— Chương-trình Ca, Vũ-Nhạc :

I.— *Đại Hợp xướng.*— do Thanh-Niên Đoàn Hoa-kiều trình-bày.

1.— Nhân-tục chí-thượng.

2.— Đào chiến hào.

3.— Niệm Tổ-Quốc.

4.— Trung-hoa Quốc-gia.

5.— Phương hương Tổ-Quốc.

(phụ-trách : Dương Văn Huyền).

II.— *Ca, Vũ « Đánh trống bóng ».*— do Trường học Chee-Yung trình-diễn (phụ-trách : Pho-Sac-Mai).

III.— *Ca, Vũ « Xuân Yêu mến ».*— do Nghĩa-an Học-Hiệu trình-diễn (phụ-trách - Lý-Linh).

IV.— *Ca-vũ « Cô Gái họ Trương ».*— do Quảng-Đông Học-đường trình-diễn (phụ-trách : Huỳnh-thu-Dung và Lý-vĩ-Hiền).

V.— *Ca-vũ « Mọc đồng ».*— do Trường học Phước-Kiến trình-diễn (phụ-trách : Lan-hung-Lui).

VI.— *Trung-Quốc Cổ-diễn Vũ.*— do Trường học Tân-Thanh trình - diễn (phụ - trách : Trần-Thanh-Tuyền).

VII.— *Trung-Quốc Dân-Thanh Vũ.*— do Trường học Tân-Thanh trình - diễn (phụ - trách : Trần-Thanh-Tuyền).

VIII.— *Khai-Thanh Sơn-Địa Vũ.*— do Trường - học Tân-Thanh trình - diễn (phụ - trách : Trần-Thanh-Tuyền).

B.— Tuồng cổ Trung-Hoa ;

Ban hát Triều-Châu trình-diễn vở :

— *Dân-Tộc Anh-Hùng.*

NGÀY 8 THÁNG 1 NĂM 1957

VĂN-NGHỆ HOA-KỲ

HUYẾT-MINH VÀ TRÌNH-DIỄN :

I.— Do tài-tử TOM TWO-ARROWS

— Trình-diễn nhiều điệu Vũ của người da đỏ tại Mỹ-Quốc.

(Một diễn-giả nhân dịp này thuyết-minh về nguồn gốc và cách sinh-sống của người da đỏ tại Mỹ-Quốc).

II.— Do Ông JOHN CORWIN DONNELL

1.— Trình-bày âm-nhạc thâu-thanh.

2.— Thuyết-minh về âm-nhạc phổ-thông Mỹ.

III.— Phần phim ảnh,

— Hoạt-động văn-hóa Mỹ.

NGÀY 9 THÁNG 1 NĂM 1957

TÂN NHẠC VIỆT-NAM

CHƯƠNG-TRÌNH :

- I.— *Diễn-văn khai-mạc* của Nhạc-sĩ Võ-đức-Thu, Chủ-Tịch Ủy-Ban Thuyết-trình bộ-môn Tân-nhạc.
- II.— *Đời lời Thông-Cẩn*, do Nhạc-sĩ Thầm-Oánh, thay mặt Ban Tổ-Chức Phần-Vụ Trình-Diễn và Trưng-Bày trong Đại-hội văn-hóa toàn-quốc.
- III.— *Đại Hợp-Xướng*, do Trường Ca Vũ Nhạc Phổ-Thông trình-bày :
 - 1.— Bức họa chiều quê (hai giọng) của Vũ-văn-Tuynh.
 - 2.— Ly rượu mừng Xuân (bốn giọng) của Phạm-Đình-Chương.Nhạc-sư điều-khiển : Vũ-văn-Tuynh.
- IV.— *Đơn ca* : do cô Minh-Trang trình-bày « Đêm tàn Bến ngự » của Dương-thiện-Tước.
- V.— *Nhạc-Kịch hài-hước*, do Ban Sầm-Giang phụ-trách. Nhạc-kịch hài-hước, Trần-văn-Trạch thủ-diễn.
- VI.— *Phối-hợp Nhạc-Kịch và Điện-ảnh*, do Ban Sầm-Giang trình-bày vở « Niềm Tin » với : Kiều-Hạnh, Bích-Liên, Phạm-Đình-Sĩ, em bé Kim-Chi.
Đạo-diễn : Trần-văn-Trạch — *Phần phụ-họa* : Nhạc-sĩ Nguyễn-phủ-Phi và hãng điện-ảnh Ảnh-Việt.
- VII.— *Hợp ca* : do Ban Hợp ca Hạc-Thành trình-bày :
 - 1.— Vùng Tự-do của Thanh-Bình.
 - 2.— Đón ánh sáng mới của Phạm-Nghệ với các danh ca :
— Nhật-Băng, Nhật-Phượng, Thê-Tần, và Hồng-Hào.
- VIII.— *Hợp-tấu vĩ-cầm, dương-cầm* : Bướm Xuân của Võ-đức-Thu.
— Nhạc-Sĩ Nguyễn-văn-Diệp, vĩ-cầm.
— Nhạc-Sĩ Võ-đức-Thu, dương-cầm.

IX.— *Hợp ca* : « Mùa Thài-Hòa » của Duy-Linh và Ngọc-Long do Anh-Ngọc và Vũ-Huyền trình-bày.

X.— *Đơn ca* : « Đố ai » của Phạm-Duy do cô Ánh-Tuyết trình-bày.

XI.— *Nhạc cảnh* : « Trên Sông Dương-Tử » của Lê-Thương.

Diễn viên : Lê-Thương, Vũ-Ngoạn, Đức-Quỳnh, Đặng-Khánh, Nguyễn-Long, Hùng-Cường, Ánh-Tuyết.

(Nhạc phụ-họa cho tất cả chương-trình trình-diễn Tân Nhạc do Ban nhạc Võ-đức-Tuyết phụ-trách).

NGÀY 10 THÁNG 1 NĂM 1957

SÂN-KHẤU KỊCH VÀ CHÈO VIỆT-NAM

CHƯƠNG-TRÌNH THUYẾT-MINH TRÌNH-DIỄN:

a) Dân ca Bắc-phần: chèo cổ

I.— *Thuyết-trình về các điệu Dân ca Bắc-Phần:*

Thuyết-trình viên: **Đỗ-Tri-Thông** tức **Mai-Lĩnh** (Trưởng Ban Cổ-Nhạc Bắc-Phần Đài-Phát-Thanh Quốc-Gia).

Thuyết-trình có kèm theo dẫn chứng bằng những điệu hát (Trống quân, cô lả, hát xẩm, hát huê-tình, sa-mạc...) do ban Cổ-Nhạc Bắc-Phần trình-bày.

II.— *Trình diễn vở: Đồng Quê: Nhạc, kịch gói ghém đủ các âm điệu dân ca Bắc-Phần, xếp đặt thành một chuyện.*

Thuyết-trình viên: **Đỗ-Tri-Thông** tức **Mai-Lĩnh**.

Tác-giả Đạo-Diễn: **Văn-Thuật**.

b.— Sân-khấu kịch:

III.— *Thuyết-trình về Sân-Khấu Thoại-Kịch:*

Thuyết-trình viên **Hoàng-Trọng-Miên**, kịch-sĩ

IV.— *Trình-diễn Sân-Khấu: Trình-diễn Vở: « DỊCH-THỦ » của Hải-Giang.*

Diễn-Viên: **Kiều-Hạnh**
Lê-Trác
Minh-dăng-Khánh
Hoàng-Liên

Đạo-Diễn: **Trọng-Miên**.

NGÀY 11 THÁNG 1 NĂM 1957

TRÌNH-DIỄN VĂN-NGHỆ PHÁP

CHƯƠNG-TRÌNH TRÌNH-DIỄN :

I.— Phần thứ nhất :

1.— Trình-diễn Ca-nhạc và kể chuyện, do học-sinh lớp 12 trường Trung-Học Marie Curie trình-bày.

— Phụ trách : Cô SAULAIS.

2.— Đồng ca do học-sinh trường « Ecole Française de Chợ-lớn » trình-bày.

— Phụ trách : Bà Jessenne.

3.— Trình-diễn Vũ điệu Cờ-Điền và Cận-Kim

— Do Bà Nicole TRIEM trình-bày.

4.— Thơ Pháp Cận-Kim, do học-sinh các trường Trung-Học Pháp trình-bày.

— Phụ-trách : Ông PASTOUREL

II — Phần thứ hai :

1.— Ban Đồng ca trường Trung-Học Marie Curie trình-diễn.

— Phụ-trách : Bà MARCEL

2.— KỊCH :

— Một đoạn trong « L'Ecole des Femmes » của MOLIERE.

— Một đoạn trong « Rayon des Jouets » của Jacques DE-VAL với hai nghệ-sĩ :

Donatella JACCOPOZZI và J.P.BIED

SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

CHƯƠNG-TRÌNH TRÌNH-DIỄN :

A.— Sân-khấu Cải-lương : do Bộ môn Sân-khấu Cải-lương phụ-trách.

Thuyết - trình - viên : Duy-Lân

Nghệ-sĩ trình-diễn : Bảy-Xê

Ba-Vân

Có Lệ-Liễu,

Nghệ-sĩ Duy-Lân phụ-trách thuyết-trình về Bộ-môn Sân-Khấu Cải-Lương từ nguồn gốc đến hiện-tại và triển-vọng ở tương-lai.

Các Nghệ-Sĩ chứng-minh hình ảnh nguồn gốc phát sinh nghệ-thuật Cải-Lương.

— Trình-diễn về :

« TỬ ĐẠI OÁN BÙI-KIỆM »

với

Bùi-Ông (do Bảy-Xê)

Bùi-Kiệm (do Ba-Vân)

Nguyễn-Nga (do Lệ-Liễu)

B.— Trình-diễn các vũ-diệu miền Thượng :

— Các vũ-diệu Thái (Lai-Châu) do đoàn vũ-nữ Thái di-cur tại Djiring về Thủ-Đô trình-diễn :

— Bài ca « Đoàn-kết » bằng tiếng Thái.

— Các vũ-diệu tả sự sinh-hoạt của đồng-bào miền Thượng : mùa quạt, mùa bướm hoa, mùa bông, mùa nhịp điệu, mùa xiêm-y, mùa hoa-đăng v.v...

— Trình-bày một điệu nhạc Thái với cây đờn đặc-biệt của bản xứ.

C.— Trình-diễn văn-nghệ tự-do

— Văn-nghệ học-sinh (do đoàn ca-nhạc học-sinh Tiếng nói học-sinh trên đài phát-thanh Saigon)

— Văn-nghệ-sĩ tự-do tại Thủ-Đô Saigon trình-bày một vài sáng-tác mới.

NGAY 13 THÁNG 1 NĂM 1957

ĐIỆN-ẢNH VIỆT-NAM

I.— Diển-văn khai-mạc và giới-thiệu

II.— Thuyết-minh về điện-ảnh Việt-Nam

do Ông Nguyễn-văn-Hảo

— Đinh-xuân-Hóa

— Lê-Dàn,

trong Ủy-Ban xây-dựng thuyết-trình bộ-môn điện-ảnh
Việt-Nam phụ-trách.

B.C.— Thuyết-minh về điện-ảnh Việt-Nam có dẫn chứng.
Nhiều đoạn phim ảnh Việt-Nam được chiếu lên ăn khớp với
phần thuyết-minh để có thể nói lên sự tiến-triển của nền Điện-
ảnh Việt-Nam qua các thời-kỳ.

CHƯƠNG-TRÌNH TRÌNH-DIỄN CỦA QUÂN-ĐỘI

THỦ TỤC : Chào Cờ

Suy-lôn Ngô, Tổng-Thống.

Mấy lời khai-mạc giới-thiệu.

CHƯƠNG - TRÌNH

- I.— « Khúc ca Văn-Hóa » của Ngọc-Linh do ban hợp-ca Quân-Đội trình-bày.
- II.— « Trăng lên » do Anh-Ngọc và Vũ-Huyền song ca.
- III.— « Ai xuôi Vạn-Lý » do cô Tuyết-Nhung đơn ca.
- IV.— « Em gắng chờ » của Huỳnh-Anh do 5 Nghệ-sĩ Tiếng nói quân-đội trình-bày.
- V.— « Mùa Xuân chiến-thắng » (kịch thơ sưu-lầm của Sĩ-Tiến và Vũ-Huân do các bạn Vũ-Huân, Vũ-Huyền và cô Cẩm-Thúy đồng diễn).
- VI.— Ban quân-nhạc Tổng-Thống-Phủ hòa tấu những bản cổ-diễn đặc-biệt.
- VII.— « Đường ra Bến-Hải » của Phạm-Duy do Ban Hợp Ca Quân-Đội trình-bày.
- VIII.— Một màn cổ-nhạc.
- IX.— « Bánh xe lãng-lữ » của Trọng-Khuông do Vũ-Huyền, Anh-Ngọc song ca.
- X.— Cô Xuân-Hương trong một màn đơn ca.
- XI.— « Thoát hiểm thoát kịch » của Minh-Hải (Màn I) do ban Kịch quân-đội trình-bày.
- XII.— « Anh sẽ về » do Lê-Quang và Tuyết-Nhung trình-bày.
- XIII.— Thoát hiểm (Màn II)
- XIV.— Cô Diệu-Thuyền đơn ca bản « Nổi-lòng Chinh-phụ ».
- XV.— Thoát hiểm (Màn III)
- XVI.— BẾ-MẠC.



THUYẾT-MINH VÀ TRÌNH-DIỄN VỀ:

**SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG
TRONG NỀN KỊCH-NGHỆ VIỆT-NAM**

(Nghệ-sĩ Duy-Lân)

PHẦN THỨ NHẤT

**QUÁ TRÌNH CỦA NGHỆ-THUẬT HÁT CẢI-LƯƠNG
(1916-1945)**

Mục thứ I : Nguồn gốc phát sanh

Mục thứ II : Triều-lưu phát-triển trên tiêu-chuẩn :
Sáng-tạo — Sanh-hoạt — Chiều-hướng.

I.— Nguồn gốc phát sanh

Nghệ-tuật hát cải-lương, gồm ca, nhạc, vũ cổ-diễn lồng trong kịch-thể, chắc chắn không ở nguồn Hát Bộ — tuồng cổ — phát sanh hay canh-cải ra, mặc dầu trong thời phát triển bán khai, nghệ-thuật này có vay mượn ít nhiều hình-thức để bổ-xung, mà lại là do nền ca-nhạc cổ-diễn và kho cổ-tích, thơ, truyện, của miền Nam nước Việt cấu-tạo nên, dùng 6 bản Bắc, 3 bản Nam, 5 bản oán, 7 bài lễ và các bản văn, phối-hợp vào các lớp đối thoại bằng văn vần, văn xuôi làm căn-bản diễn xuất và có dựa vào ý-thức kịch thể học được của Pháp ở phần Trung-học mà xây-dựng nên. Nên gọi nghệ-thuật ấy là ca-kịch (như opérette của Pháp.)

Giữa cuộc Áu-châu đại-chiến 1914-18, miền Nam nước Việt dưới ách thực-dân Pháp, toàn dân đều mượn thứ cầm-ca làm môn giải-trí thuần nhứt. Do đó mà nền ca-nhạc cổ-diễn miền Nam rất mực thanh-hành. Miền Đông như Chợ-lớn, Gò-công, miền Tây như Vĩnh-long, Sa-đéc, Mỹ-tho v.v..., các tài-tử ca-nhạc, các hội cầm kỳ thi họa đua nhau nảy nở. Đâu đâu cũng có người

mộ điều tranh nhau học hỏi, tập dượt, hoà tấu, đơn ca, ý-thức ấy thúc đẩy mạnh đến thể-hiện rõ-rệt từ trong những văn-dàn tao-mạc, dưới công làng, trên giòng trăng nước, đua nhau lên phô tài đờn, ca, hát cho đến cả trên sân-khấu một vài rạp hát bộ, nhằm những buổi lễ, hội lớn lao.

Sự trạng ấy nảy nở trước ở vùng Long-Hồ, tỉnh Vĩnh-long nơi được xem là đất giàu phong thể văn-nghệ, mà chỉ với một ông Trần-văn-Hườn, kinh lịch Toà-án, một tài họa xuất chúng về cầm kỳ thi họa có nhiều khả-năng sáng tác nhất, đã được người trong điều cầm ca khắp nơi ca ngợi là mực thước chánh tông, vốn là học-trò yêu quý nhất của hai danh-sư được sùng bái nhưt đương thời, ông Phạm-đăng-Đàn, ông Thủ-bôn-Thiêng. Nhà cầm-quyền Pháp lợi-dụng ngay cơ-hội tốt, mượn phong-trào cầm-ca làm lợi-khí tuyên-truyền để quyên góp tiền nhân-dân giúp « Mẫu Quốc » đang lâm nguy — Khẩu biểu « Rồng Nam phun bạc danh đô Đức tạc » được thực-dân tung ra và khai-thác « Quốc trái » đến triệt-để.

Đầu năm 1916 một buổi hát ca-kịch tiên khởi đặt viên gạch đầu tay cho nền móng hát cải-lương, được khai-sanh tại rạp hát tuồng cổ duy-nhất tại tỉnh của ông Trần-văn-Thiết, nghiệp-chủ, là thân-sinh của kẻ thuyết-trình về bộ-môn này, lấy tiền giúp « Nước Mẹ » bên kia trời.

Ai khởi xướng ra buổi hát lịch-sử ấy ?

Một danh-sĩ tài-hoa là ông Tống-hữu-Định, (tục-danh là Thầy Phó mười hai) vốn giòng-dôi một công-thần nhà Nguyễn, Ngài Tống-phước-Hiệp, thần-hoàng bốn tỉnh, người đã sáng-lập ra Văn-Thánh miếu thờ Đức-Khổng, hiện còn hương khói hiển-linh, mà cũng là người đã nung đỡ, châu toàn nền cổ-nhạc Long-Hồ được vang danh thuở ấy, đã góp công cùng quý ông : Nguyễn-thành-Điểm, Đốc-học-Thiếp, v.v... với các bậc danh-cầm như quý ông ; Trần-văn-Hườn, Trần-văn-Diệm (tục danh ông Năm-Diệm) Trần-văn-Triều (ông bảy Triều) — 2 ông sau là ông nội và cha của Trần-văn-Khê và quai-kiệt Trần-văn-Trạch hiện nay — Ba Phương, Ba Giỏi, Hai Nghị, v.v... và nhưt là ông Lê-văn-Hiến, một bậc chí-sĩ ẩn-danh, đồng xây-dựng nên buổi hát khởi thủy ấy.

Chương-trình buổi hát ấy có những gì ?

Một màn cầm-ca với hai hàng ghế, một dành cho các tay đờn ngồi sau lưng mấy trang « tài-tử » thay nhau ca Bắc, Oán,

Nam, v.v... giữa sân khấu. Rồi đến màn linh-hoạt nhưt với lớp ca diễn mang nhiều tính-chất kịch-nghệ, đó là màn « Tứ đại-Oán » « Bùi-Kiếm » với ba người thay nhau ca ra bộ trong bản tứ-đại nhịp tư ấy. Một bản ca được xem là mẹ đẻ, là cơ-cấu phát-triển điệu hát Cải-lương chính là bản Oán « Kiếm từ khi thi rớt trở về » này. Nội-dung bản ca diễn-tả từ lớp Bùi-Kiếm bị Bùi-Ông mắng nhiếc. Bùi-Kiếm trêu gheo Nguyệt-Nga, Nguyệt-Nga lạy tượng, đề thơ cảm-biệt họ Bùi rồi trốn đi. Lời văn duyên-dáng, ý-tứ trào-lộng, thi-vị của bản ca đã giúp sáng-kiến cho từ một người ngồi ca trọn bản, rồi hai nam một nữ đưa tài, đến cả ba người « vừa ca vừa ra bộ », rồi cuối cùng đem nhau lên sân khấu phổ-diễn thành một ca-nhạc-phẩm cực-kỳ linh-động và lý-thú — toàn là lời ca, không chen một câu nói nào cả, như lối Opéra của Pháp trong một lớp ngắn — Cô ba Định trong vai Nguyệt-Nga tha thướt, ông giáo Du trong vai Bùi ông... râu hồng gòn, và nhất là ông giáo Diệp minh-Ký trong vai Bùi-Kiếm... với câu nói pha lũng độc-nhút giữa lớp ca Thiên sanh ngã đại... Dương, ngã tưng thiên.. bé..hé, do ông xuất khẩu thành câu văn đã giúp cho toàn tỉnh một trận cười thỏa thích. Lớp ca diễn « Tứ đại oán Bùi-Kiếm » thuở ấy, tuy nội-dung không nói gì nhiều hơn là châm biếm nhẹ nhàng trào lộng một kẻ công tử bột thi rớt trở về. Nhưng nó được thể-hiện trên sân khấu lần đầu tiên với đầy đủ tính chất ca-kịch, cho nên nó — lớp ca diễn Tứ đại oán Bùi-Kiếm — được coi là điển-hình trong thời kỳ thoát sinh đã đặt viên gạch đầu cho nền ca kịch xứ ta.

Để quý ngài được chiêm-khảo tận-tường lối ca-diễn đầu-tiên ấy của nghệ-thuật sân khấu xứ mình, chúng tôi xin trình bày phần minh họa lớp « Tứ đại oán Bùi-Kiếm » do ba nghệ sĩ Ba Vân, Bảy Xê, và danh ca Lệ-Liêu đảm nhiệm, để giới-thiệu cùng quý ngài một nghệ-thuật sân khấu cải-lương trong buổi sơ sinh. Đây lớp « Tứ đại Bùi-Kiếm » bắt đầu (diễn).

Một điều đáng chú-ý là một tiểu hài-kịch đầu tiên được trình bày xuất sắc, mà tài-năng của các diễn-viên thuở ấy, đã làm ngạc nhiên toàn tỉnh ly, mặc dầu nội-dung lớp trào-phúng kia chỉ để quyền « Quốc trái » cho Pháp. Với đề tựa « Ông Bá Hộ Gòn cho vay », câu chuyện diễn-tả một ông Bá-hộ keo-kiệt, nhưng vì việc « nghĩa » nên cũng sẵn sàng mở túi bạc đã thắt-chặt từ lâu nay. Ông Ký-Thị trong vai thằng Lộ — tên này đã thành tục-danh một thời —

và ông Đặng-Bí-Phúc trong vai ông Bá-hộ, vô tình đã gây nên ý-thức hài kịch trong dân chúng trong bước đầu rất khả-quan.

Dựa vào sở-thích cảm ca của toàn dân, và kết-quả rực rỡ của buổi trình-diễn nói trên, thực dân Pháp mở rộng cuộc thu góp lạc-quyên cùng khắp, từ Saigon-Cholon lan dần ra các tỉnh.

Nhưng ngoài lễ cuộc « hát Quốc-trái », viên gạch cảm ca đã đặt nền móng và xây-dựng lên ráo-riết, gây thành phong-trào « Cải-Lương » vừa phổ-biến vừa náo-nhiệt.

II. — Thời-kỳ phát-triển

Buổi đầu bỡ ngỡ, thiếu phương-tiện, thiếu phần sáng-tác cứu-cánh, và cũng còn ngại dư-luân và kết-quả, nên năm 1917, Sadec nương luồng gió mới, ban xiếc cảm xa « Sadec Amis » rộn rịp chào đời. Nhào đu, đi giày, nhào lộn, thêm vài lớp ca-lý, hài kịch phụ-diễn, « Sadec Amis » của thầy ký Tông, (can vào một án bội tín bị đi đày vào rừng tập chơi vài trò xiếc, ngày mãn tù về lập nên) — cùng quý ông Ba-Thông, Tám-Cang, Tư-Hào, cô tư Sạng, cô hai Cúc, cô tư Mão, hai Vui v.v... đã gây nên một tiếng vang khá lớn.

Vĩnh-long quyết không nhường — ông Lê-văn-Hiển, nhà chí-sĩ ân-danh, (gốc người Trung-việt vào Nam lập gia-đình và sinh sống luôn tại vùng Long-hồ, một bậc văn hay võ giỏi, trọn đời không làm việc gì cho Pháp) tự lực động viên cả nhà lập nên một ban « Xiếc Cải-lương » với cô bảy Ngọc, tục danh cô bảy gái Vĩnh-long hiện còn theo nghề đi lưu diễn khắp nơi, là cô đào xưa duy nhất còn sống sót — (dâu của ông Hiển), hai cô gái cưng, cô Mười Lớn, cô Mười Nhỏ, ông Tám-Long (con trai), ông Ba Vân, ông giáo Lang, ông Năm Tốt v.v... những tay xiếc lừng danh. Ban xiếc « Lê-văn-Hiển » vẫn cũng một hình thức và nội-dung như « Sadec-Amis ».

Năm sau, vì thiếu phương-tiện lưu diễn, nên cả 2 ban « Xiếc Cải-lương » Sadec — Vĩnh-long đều suy sụp — nhóm nghệ-sĩ Sadec-Amis đi sang Mỹ-tho giúp thầy năm Tú dự định lập gánh hát Cải-lương, còn lại ba tay hề đặc-biệt Tông — Hào — Siêu, được ông André Thận hùn vốn vào, mượn tên ông làm bản hiệu, lại quật khởi lên. Riêng nhóm « Lê-văn-Hiển » thì cô bảy Ngọc xuống « đầu quân » cho « Kỳ lân ban » của bà huyện Xây, một gánh hát Cải-lương có tranh ảnh, có tuồng tích ca kịch hẳn hoi.

Đồng thời ở Mỹ-tho cô tư Sự lập nên ban Xiếc Cải-lương « Đồng bào Nam » quy tụ những tay kiệt-hiệt như cô Năm-Phỉ,

Hai-Giỏi, Hai-Bông, Ba-Du v.v... qua một lúc vui đùa, rồi tan rã. Họ kéo nhau quy tụ dưới bản hiệu của nhóm thợ Kim-hoàn mộ điệu cầm ca, dựng nên « Nam-đồng-Ban » vẫn với cô Năm-Phi— Kép Hai-Giỏi làm nòng-cốt, mượn cổ-tích, thơ truyện soạn nên tuồng, làm chấn-động toàn miền Nam nước Việt.

Do đó « Kỳ-lân-Ban » và « Nam-đồng-Ban » là hai gánh hát Cải-lương có một sân-khẩu ca kịch thuần-túy Việt-Nam đầu tiên trong lịch-sử của nghệ-thuật này. Năm 1920 « Kỳ-lân-Ban » biến thành « Nhā-tình-Ban » do ông Trần-phong-Sắc vừa chủ-trương vừa soạn tuồng— cũng như « Nam-đồng-Ban » sau ngày kép Hai-Giỏi yếu-vong đành nhường chỗ cho các gánh hát khác ở khắp nơi nổi lên tranh-đua ráo-riết « Thầy Năm Tú »— Mỹ-tho, « Văn-Hí-Ban »— Chợ-lớn « Tân-thịnh », Saigon, « Tập ích-Ban », Long-xuyên « Văn-Hùng »— Vĩnh-long v.v...

Nguồn sáng-tác trên sân-khẩu của các gánh hát Cải-lương từ 1921 đến 1926 đáng cho ta ca-ngợi vì đã xây - dựng trên tinh-thần thuần-túy dân-tộc tính, toàn-thể tuồng kịch đều vay mượn ở kho cổ-truyện vô tận của đất nước. Nhưng vì phải sinh-hoạt dưới chế-độ hà-khắc của thực-dân, sự kiểm-duyet vô cùng chặt-chẽ, khiến nên sự sáng-tác phải rập nhau hướng về một chiều đạo-đức, luân-lý suông, không ai dám đơn cử lên một khía cạnh tranh-đấu cho quốc-gia, lòng dũng-cảm chống quân thù của dân-tộc, nên lẽ dĩ-nhiên là không thấu nhận được hoàn-toàn sự tưởng-thưởng của người xem. Nội-dung sân-khẩu thời ấy đã không phong-phú lành-mạnh, mà hình-thức thì quá buồn tẻ, đơn-sơ. Thêm vào đó còn bị uy-quyền thực-dân đè nén, ý khinh miệt nên cuộc sinh-hoạt phải luôn luôn lưu-động theo dấu cũ của ngành Hát-Bộ, mà sự thâu-thập người theo nghề cũng khó nổi chọn-lọc trong giới hữu-học, tài hoa được. Thế nên mặc dầu điệu hát cải-lương là nghệ-thuật lành-mạnh bắt nguồn ở mạch cầm ca phong-lưu, ý-vị, nhưng đa-số người hát vì mực sống thấp kém, vì điều-kiện xã-hội không đầy-đủ, hóa ra cuộc sinh-hoạt tinh-thần và vật-chất của sân-khẩu cải-lương trong lúc bán-khai vẫn không hơn thực-trạng đáng buồn của ngành hát bội bao nhiêu.

Hình-thức tuồng cổ (tuồng Tàu) trên sân-khẩu cải-lương.— Cho đến năm 1927, đa-số các đoàn hát đều ào-uột, trong ấy có « Văn-hí-Ban » của ông Huỳnh-kim-Vui, tục danh là thầy mười Vui đã xuyt vì nợ, vì lỗ lã mà tan rã, nếu không có ông Đào-tú-Phú, tức Đào-Châu theo dấu ngành tuồng cổ, dùng chuyện tàu

soạn từng cải-lương tung ra vở « Xứ án Bằng-quý-Phi », với hình-thức nhiều màu sắc, với trống phách vang dậy, kích-thích mạnh của cảm-quan khán-giả, đã cứu vãn tình-thế nguy-ngập của « Văn-hí-Ban » lại còn thâm lượm được kết-quả rất khả-quan gây lên một tiếng vang lan rộng niềm hy-vọng đến các đoàn đang chới với.

Sự kiện ấy đã đưa đường cho từng Tàu vào ngự-trị trên sân-khẩu Cải-lương, tung-boành oanh-liệt đến nỗi ảnh-hưởng tới ngày nay vẫn còn sâu rộng đối với thị-hiệu của người xem — Từ đây, hầu hết các gánh đã sẵn có, thêm vào một số khác như « Tái-dồng-Ban », « Phước-Cương », « Huỳnh-Kỳ », « Trần-Đắc », « Hồng-Nhật », « An-lạc-Ban », v. v... đều phải có ít nhiều từng Tàu làm nòng cốt thu hút khán-giả mãi về sau. Tuy nhiên, đều phải chiều theo thị hiếu người xem để tranh thương, chịu cho sân-khẩu cải-lương tô đậm màu sắc ngoại-lai, nhưng cũng có một số rất ít đoàn hát, do một số soạn-giả chân-chính, ý-thức được quan-niệm văn-hóa cao quý, cần coi bỏ dần những hình-thức và nội-dung phản dân-tộc, phản tiến-hóa, phản khoa-học như quý ông : Đào-Châu, Trần-phong-Sắc, Nguyễn-trọng-Quyền, Nguyễn-công-Mạnh, Đặng-công-Danh, Nguyễn-thành-Châu, Huỳnh-thủ-Trung, Trần-hữu-Trang v. v... loại từng xã-hội tả thực từng lịch-sử hay dã-sử Việt-Nam được đem ra trình-diễn và đề cao phần nào ý-thức dân-tộc trên sân-khẩu. Vở bi ca-kịch lịch-sử hùng-tráng đầu tiên được đưa lên sân-khẩu « Văn-Hí-Ban » là vở « Trưng-Trắc — Trưng-Nhị » của ông Đào-châu tiếp theo đó « Triệu - Ai - Vương với bà Cù - thị » cùng một soạn-giả « Tái-dồng ban » có vở « Mao y thần cung » của ông Nguyễn-công-Mạnh — « Phước-cương » có « Tiểu anh hùng võ Kiệt » của ông Đặng-công-Danh dựa theo tiểu-thuyết dã sử của nhà văn Phú-Đức, nhưng bị bóp chết ngay sau đêm khai diễn đầu tiên. Vở « Giọt máu chung tình », vở Đông sơ Bạch thu Hà », vở « Vô-Tánh tử tiết » của ông Mộc-Quán, Nguyễn-trọng-Quyền, Đoàn Huỳnh-Kỳ » đã nêu thành-tích một thời oanh-liệt. Vì sự kìm kẹp của thực-dân và Phong-kiến nên các vở hát lịch-sử hay dã sử Việt-Nam rất ít được may mắn chào đời. Nhưng rất nhiều vở hát chứa chan ý-chí chống quân thù chung được bố-trí vào khung cảnh trong những màn diễn về từng của nước ngoài, trình-bày trên sân-khẩu thời đó. Riêng về loại từng xã-hội tả-thực, các soạn-giả đã phải khôn khéo lắm mới được phép cho « mở mắt ». Những vở giá-trị nhất mà Phước-Cương có như « tứ-đổ-tường » của Đặng-công-Danh,

« Đóa hoa rừng » của Nguyễn-thành-Châu », Trần-Đất có « Lơ tay trót đã nhúng chàm » của Huỳnh-thủ-Trung. « Huyền-châu-nữ » của Nguyễn-thành-Châu » v.v...

Trong khoảng thời gian từ 1930 cho đến 1945, trải qua rất nhiều gánh hát lớn nhỏ không kể xiết : « Năm-Phỉ », « Phụng-Hảo » « Năm-Châu », « Tân-Hí », « Kim-thoa » « Hữu-Thành », « Thái-bình » v.v... hiệp cùng các đoàn hát đã sẵn có, hoặc tan rã, hoặc xây dựng lại, nghệ-thuật cải-lương đã bước đến thời cực thịnh. Rất nhiều sáng-tác phẩm có giá-trị được trình bày, nhưng tựu-trung vẫn rất hiếm có vở nói lên được sức tranh đấu, chí căm hờn của dân-tộc đối với thực-dân Pháp. Nhưng chính trong thời này đất nước đã cung cấp cho sân khấu Cải-Lương nhiều tài-năng lỗi-lạc nhất, làm sáng danh kịch nghệ Việt-Nam mà một Năm-Phỉ, một Phụng-Há, một Năm-Châu, một Ba-Du đã đủ chứng tỏ sân khấu nhà không thiếu trang xuất-chúng. Do đó, có nhiều sự-trạng xảy ra đáng ghi chép lại :

1.— Nghệ-thuật cải-lương do các gánh An-lạc, Phước-Cương », « Trần-Đất », « Phi-Phụng », « Phụng-Hảo », « Năm-Phỉ, Hồng-Nhật, v.v... nhiều lần đi lưu diễn ở Trung, Bắc phần Việt-Nam, đã gây nên một ảnh-hưởng vô cùng sâu-rộng trong toàn-quốc, nhất là miền Bắc.

2.— Năm 1930, đoàn hát Phước-Cương gặp dịp sang Pháp, và năm 1934, sang Thái-lan đã được toàn khán giả hai Thủ-đô nước ngoài tán thưởng tài năng, mà cô Năm-Phỉ, cùng kếp Bảy-Nhiều đã nêu danh sân-khấu Việt-Nam đến chỗ cực-kỳ vinh hiển

3.— Năm 1943, thực-dân Pháp dưới trào Pétain, một lần nữa, lợi-dụng sân khấu cải-lương làm lợi khí tuyên-truyền cho mối bang-giao Việt-Pháp và cho nền Phong-kiến đã mục nát, dựng nên « Quốc-gta Kịch Đoàn » bắt ép dân chúng phải đi xem, gây căm hờn thêm trong lòng dân-tộc.

4.— Từ năm 1940, cho đến cuối năm 1944, cổ soạn-giả *Mộng-Vân Trần-tấn-Trung* tung ra một loạt tuồng kiếm-hiệp, dựa sát thị hiếu bình-dân, chống bức hiếp, chống cường quyền, nâng đỡ những đoàn hát nhỏ yếu quật khởi lên, dọn đường cho lối ca mới, giúp vận-hội cho một số tài-tử bước vào sân khấu, gây thành một phong-trào sôi nổi, tung bùng, khiến các đoàn hát lớn phải một phen núng thẽ.

Tuy nhiên, nghề hát Cải-lương dầu có phần canh-tiến, được lòng người mộ điệu thích ưa, nhưng vì phải sống dưới chế-độ hà-

khắc của thực-dân, dưới thành-kiến khinh miệt của phong-kiến, nên đầu gặp thời cực-thịnh, mức sống của đa số người theo nghề vẫn không hơn bên ngành hát Bộ: cũng bấp-bênh, cũng vất-vả, cũng truy-lạc; cũng nghèo khó, dễ rồi cũng có người chết lạnh bên vệ đường, nằm bơ-vơ trong nhà thương thí.

Tóm lại, thực-trạng của ngành sân-khấu cải-lương từ ngày phát sanh cho đến năm 1945, đã trưởng-thành qua muôn ngàn trở-ngại cực-kỳ nghiêm-trọng do chế-độ thuộc-địa và phong-kiến gây ra. Sân-khấu đã tạo cho mình một sự-nghiệp nghệ-thuật tương-đối vững-vàng. Còn về thành-tích phục-vụ dân-tộc, đầu bị bàn tay chánh-quyền thuộc-địa uốn nắn, bóp chết tới đầu, nghệ-thuật sân-khấu xứ ta vẫn biểu-hiện được tiềm-năng đấu-tranh của dân-tộc mình qua một số ít tuồng-sử hoặc dã-sử.



PHẦN THỨ HAI

I. — SÂN KHẤU TRƯỚC 1945 — 1956

A. — Phục-vụ kịp thời cho công cuộc quật khởi của toàn-dân ăn nhip theo phong-trào quật khởi của dân-tộc để dành lại cho độc-lập cho đất nước, sân-khấu cải-lương, lúc bấy giờ chuyển hướng thật mau lẹ. Phải nói rằng hầu hết các đoàn hát đều tạm nghỉ, vì nghệ-sĩ phải tham-gia vào các tổ-chức dân-chúng lúc đó. Tuy nhiên từ Saigon cho đến các tỉnh, chúng ta vẫn thấy nền ca kịch phát-triển và chuyển hướng mạnh mẽ. Từng nhóm một, nghệ-sĩ sân-khấu kết-hợp lại và với phương-tiện từng chỗ mà thi thố tại địa-phương mình.

Tuồng tích lúc bấy giờ đều quay về nội-dung ca-ngợi sự đấu-tranh của dân-tộc để giành độc-lập cho nước nhà; gây phấn-khởi cho mọi người gìn giữ giang-sơn tổ-quốc.

B. — Thể-hiện màu sắc dân-tộc, độc-lập qua tuồng tích

Chúng ta thấy xuất-hiện các vở ca kịch ngắn: Hội-nghị Diên-Hồng, (ca-ngợi tinh-thần dân-chủ) Đêm Lam-Sơn (đề cao anh-hùng dân-tộc, khích-động các tầng lớp chống xâm-lăng), Hận-Nam-Quan (gây căm-thù giặc nước).

Các vở hát lớn có sẵn từ trước, bây giờ được vận-dụng lại là Trưng-Trắc Trưng-Nhị (của gánh Hề-lập), Triệu-Âu (của Huỳnh-

thủ-Trung), và chúng ta cũng không quên được hai vở hát lớn nhất được trình-diễn khắp các tỉnh là Đền-Thám của Mộng-Vân (Hậu-giang) và Nguyễn-thái-Học của nhóm nghệ-sĩ miền Đông.

Có thể nói rằng : trước ngày khởi-nghĩa, sân-khẩu miền Nam đóng góp khá nhiều vào phong-trào tranh-thủ độc-lập mà trong đó hầu hết nghệ-sĩ sân-khẩu đều tích-cực.

II. — QUA CHÍN NĂM CHIẾN-TRANH (1946 — 1954)

A. — Sân-khẩu gượng gạo sống lại với tính - cách thương-mại (1946 — 1952)

Chiến-tranh bùng nổ. Pháp kiểm-soát phần lớn đất đai. Dân-chúng tập-trung về các đô - thị ; nhu - cầu giải-trí đòi hỏi sân-khẩu sống lại. Các gánh có tên tuổi trước kia lần lượt lại xuất-hiện hoặc với bản hiệu cũ, hoặc với tên mới. Tuy nhiên nghệ-sĩ hầu hết đều là anh chị em theo nghề từ trước.

Tuồng tích đều là các tác-phẩm có trước khi phát khởi chiến-tranh. Các hình-thức cải-lương lúc đó là :

- Tuồng Tàu (truyện tích : Phụng-Hảo — Năm-Phỉ)
- Xã-hội tả thực (Năm-Châu — Kim-Thoa)

— Kiểm-hiệp La-mã (Hậu-Tấn, Sao-Mai — Mộng-Vân) có lẽ thành hành nhất là môn phái kiểm-hiệp La-mã mà cố soạn-giả Mộng-Vân sáng-tác nhiều nhất để chiều theo thị hiếu của một số đông quần-chúng, các nhà kinh-doanh sân-khẩu nhờ ở loại này rất nhiều.

B. — Thiếu an-ninh cho sân-khẩu và đời sống nghệ-sĩ Cải-lương không được bảo-đảm.

Chiến tranh càng tiếp diễn gay-gắt, tình trạng sân-khẩu càng bấp bênh. Nhiều gánh chịu tai nạn khi trình-diễn hoặc bị cướp bóc lúc di chuyển. Nghệ-sĩ cải-lương sống không ngày mai, nên càng đi sâu vào nghiệp « Tứ đổ tường » để rước lấy cái chết bơ-vơ thâm-đạm (trường hợp Tám-Quần, P. Tấn, Năm Út) hoặc luôn luôn hồi hộp với những sự bất bớ giam cầm vô lý của nhà cầm quyền thực-dân hoặc sự hoành-hành của bọn quân-phiệt « Bảy-Viên — Ba-Cụt — Năm-Lửa v.v... trước ngày phong-trào Cách-Mạng Quốc-gia phát khởi. Nhân-phẩm của nghệ-sĩ cải-lương bị chà đạp đến tận gốc.

C.— Chiến-tranh càng già, sân-khẩu chạy theo tuồng chiến-tranh (1952 — 1954).—

Vì tranh thương trong phạm-vi nhỏ hẹp, các gánh lớn phải tìm sáng-kiến trình diễn những tuồng tích mới lạ, kích-động. Vì vậy môn phái La-mã kiểm - hiệp để ra sáng-kiến loại tuồng chiến-tranh.

Ngoài các vở vô ý-thức, nội-dụng bừa bãi, thường có một ít vở mượn khung-cảnh « Hoa Nhật Chiến-tranh » hay « Nhật Cao chiến kỷ », để hình dung lại tinh-thần quyết-thắng vì chánh-nghĩa, tinh-thần chiến-đấu bảo-vệ non sông. Nội-dụng chống xâm-lãng tích-cực ấy ta thấy được ở các vở hát :

- Triều-tiên vong-quốc-sử I ; II.
- Cảnh biên-cương và ngày chiến-thắng (của Văn-Nghiem)
- Đêm lạnh trong tù (của Lê-văn-Cao)

Cũng trong lúc đó trên một vài sân-khẩu người ta đã cho sống lại các vở dã-sử Việt-Nam, cũng với nội-dụng chống xâm-lãng, thể-hiện tinh-thần dân-tộc. Ta phải kể công soạn-giả Văn-Hoành với vở Hân-biên-cương (chống chiến-tranh) Diệu-Huyền với vở « Nỗi lòng kỹ-nữ », « Họa-Châu nghĩa sĩ » (dẹp thành-kiến đảng cấp, dẹp thù hiềm để chống giặc).

Tuồng Tàu cũng có được « Tây thi gái nước Việt », đề cao giá-trị phụ-nữ trong công cuộc diệt thù.

D.— Còn chiến-tranh, sân-khẩu còn bấp bênh !

Trong lúc giặc già chà đạp tất cả, thì bản thân nghệ-sĩ Cải-lương không có gì đảm-bảo. Do đó từ chủ-nhân đến người cộng sự đều cầu an, kiếm tiền sinh sống qua ngày. Cho nên tình-hình sân-khẩu rất phức-tạp. Không mấy ai chú-trọng đến nội-dung. Chỉ cần làm thế nào thỏa-mãn thị hiếu quần-chúng là được.

Ngoài số ít soạn-giả có lương-tâm nghề-nghiệp, có chí xây-dựng tiến-bộ, chúng ta có thể nói rằng :

Trong hai năm 1952-54, sân-khẩu miền Nam phát-triển nhiều chiều hướng khác nhau và không có chủ-đích xây-dựng căn-bản.

III.— CHỦ-QUYỀN VỀ QUỐC-GIA, SÂN-KHẨU HƯỚNG THEO CHIỀU XÂY-DỰNG (1955 — 1956)

Chiến-tranh chấm dứt trên đất nước và dân chúng trở về với sự lạc-nghiệp an cư dưới nền móng của chánh thể Cộng-Hòa. Sân-khẩu cũng chuyển mình theo chiều hướng xây-dựng căn-bản : dân-tộc, tiến-bộ, nhân-vị của cuộc Cách-mạng Quốc-gia quyết tâm thực-hiện.

A.— Hình-thức.— còn tồn tích chiến-tranh lưu lại.

Như đã nói, các soạn-giả có chú-trọng về nội-dung của tác-phẩm mình hơn trước nhiều, nhưng cũng chưa thoát ra được những hình-thức hỗn loạn, nẩy nở và phát-triển trong thời chiến-tranh. Bởi thế, mỗi đoàn đều chủ-trương theo đuổi một môn riêng biệt. Ta có thể kể hiện có :

- a) Tuồng Tàu (truyện tích Trung-hoa)
- b) La-mã kiếm-hiệp (phóng tác theo phim ảnh hay sách phiêu-lưu ngoại-quốc).
- c) Chiến-tranh (phóng tác theo phim ảnh hoặc trướng-tượng)
- d) Lịch-sử hay dã-sử Việt-Nam, cổ-tích thần thoại (truyện bình dân)
- e) Xā-hội tả thực

B.— Nội-dung.— Gác lại một bên những tác-phẩm cũ còn được sử-dụng trên các sân-khẩu hay có mục-đích thương-mại do một vài chủ-nhân chuyên chạy theo thị hiếu của một số khán-giả, ta thấy các tác-phẩm trong năm đầu nhằm vào những đề-tài xây-dựng theo đường lối của chánh-phủ Quốc-gia.

1.— *Đề cao tinh-thần yêu-nước, sự tất thắng của chính-nghĩa Quốc-gia.* Xuân Hòa-Bình (Phụng-Hảo), Máu nhuộm Bạch-dăng-Giang (Hương-Hoa), Đất Việt của người Việt (Thanh-Minh) Bút xiềng Nô-lê (Tiếng-chuông) ; Hướng về Lam-Sơn (Năm-Phi), Quán rượu Thành-Nam (Kim-chung), Chén cháo Chí-linh (của Điêu-Huyền...) Trống nước Lam-Giang (Kim-Thanh).

Lẽ tất nhiên sự tất thắng của chính-nghĩa Quốc-gia đều được thể-hiện trong tác-phẩm cùng với sự đoàn-kết của các tầng lớp nhân-dân, chống chiến-tranh xâm-lược, chống chính-sách nô-lê hóa dân-tộc.

2.— *Chống chia rẽ đất nước, tha-thiết kỳ vọng thống nhất trong hòa-bình và tự-do* : vở « Lấp sông Gianh » (Kim-Thoa) nói lên được ý-thức trên đây, « Mộng hòa-bình » (Hoa sen).

3.— *Đề cao tình thương gia-đình, tôn trọng tự-do tín-ngưỡng*. Các vở xã-hội tả thực : « Người mẹ Hiền » (Phước-chung) Lòng mẹ (Kim-Thanh).

4.— *Chứng minh luật quả báo, khuyến-thiện răn dũ, phân biệt chánh tà* : Đa số đều rút trong các thơ truyền cổ tích bình-dân như : Con Tấm con Cám (Phước-Chung — Năm-Hồng) Thạch-Sanh Lý-Thông (Kim-Thanh — Thanh-Minh) Bạch-Viên Tồn-Các (Năm-Hồng) Lâm-Sanh Xuân nương (Hương-hoa) Thoại-Khanh Châu-Tuấn (Kim-Thanh).

5.— *Bài-trừ tham-quan ô-lại, chống phong-kiến* : Đất Ma (Thanh-Minh) Sau cơn hỏa hoạn (Phước chung) — chống độc-tài : « Lá rụng về cội » (Hương-Hoa) Ly-hương (Kim-Chung) — đã đảo thực-dân : « Cô giáo làng » (Hương - hoa), bài-trừ tư-đồ-tưởng : « Tìm một lối đi » (Thanh-Minh).

6.— Ngoài phần sáng tác đặc-biệt chống Cộng-sản độc-tài, chống chánh-sách đầu tở của Việt-cộng, từ sự cải-cách ruộng đất xảo-trá, phản luân-lý dân-tộc đến tinh-thần hèn hạ lệ-thuộc Nga Tàu của bọn vong-bổn, sân-khấu còn thiếu phần xây-dựng cụ-thể để hòa-hợp theo nhịp tiến-triển của Văn-nghệ về những bộ-môn khác như kịch, nhạc, văn, thơ.

Về phương-diện ca-ngợi những thắng-lợi của dân-tộc thì đã có trong phần lớn các vở hát lành-mạnh theo những chiều hướng đã kể trên, tuy không nói lên rõ-rệt, nhưng người xem đã thông-cảm và xác-nhận được tinh-thần quốc-gia nhất-định thắng chễ-độ đảng-trị độc-tài

B.— Những thắng-lợi cụ-thể của đường lối Quốc-gia trong năm.

1.— Với ý-thức sẵn có, với tinh-thần tích-cực phục-vụ đường lối dân-tộc tiến-bộ, đa số soạn-giả đều nắm được chủ-trương đứng đắn của chánh-thể Cộng-hòa. Tuồng tích hiện quay về với sự nghiệp anh-hùng của đất nước (lich-sử dã-sử) cổ-tích dân-tộc (thần-thoại Việt-Nam). Khán-giả biết nhận thức giá-trị nội-dung, khiến cho trên sân-khấu, chuyện dã-sử, cổ-tích được ưu-thể.

Cuộc thi đua sáng-tác Văn-nghệ trong năm Bính-thân vừa qua với đề-tài nêu gương anh-hùng, liệt nữ, được đông-đảo soạn-giả tham-gia chứng-minh sự thắng-lợi vẻ-vang ấy.

2.— Nghệ-sĩ được tự-do kết hợp trong N.Đ.N.S.S.K. nằm trong hệ-thống L.Đ.V.N.L.C.V.N. dưới sự lãnh-đạo của T.L.Đ.L.C.V.N. đã tăng tiến phần nào về sinh-hoạt, thể-hiện được sự đoàn-kết chặt-chẽ để thi-hành chánh-sách « lao tư lưỡng lợi » của chánh-phủ Cộng-Hòa.

3.— Chánh-phủ Cộng-hòa đã chú-ý phần nào đến quyền-lợi các đoàn hát, theo dõi để cứu xét yêu sách từng vấn-đề :

C.— Những khó-khăn làm trở-ngại bước tiến của sân-khấu hiện hữu.

Sở dĩ sân-khấu không tiến kịp theo đà kiến-thiết mạnh-mẽ về mọi mặt của quốc-gia là do những trở-ngại sau đây :

1.— Giá rạp quá đắt, nạn vay lời nặng lãi, nạn « cộp » đã ảnh-hưởng lớn đến các gánh, khiến nghệ-sĩ sân-khấu chịu thiệt-thòi trên đường phụng-sự nghệ-thuật.

2.— *Mức sống quá thấp* quyền-lợi không được đảm-bảo đã làm lũng-đoạn tinh-thần sáng-tác diễn xuất, bắt buộc soạn-giả phải chạy theo nhu-cầu thương-mại của một số chủ-nhân. Sự lạm-dụng bản quyền dưới nhiều hình-thức cướp mất giá-trị tinh-thần sáng-tác. Do đó, nguồn sáng-tác thiếu phần phát tinh sáng-suốt và thiếu tinh-thần nghệ-thuật vững chắc.

3.— Sự kiểm-duyet soạn phẩm không thông nhứt, chậm chạp, thiếu tiêu-chuẩn điều-lệ căn-bản, thiếu sự hướng-dẫn, nâng đỡ làm trở-ngại phần lớn mức tiến của nghệ-thuật sân-khấu.

(Tuồng đem kiểm-duyet khi lâu, khi mau. Và ở Trung-ương đã cho phép đôi khi vẫn phải rút lại. Diễn tại Saigon được, đi lục-tỉnh hay ra Trung phần vẫn phải bỏ sửa nhiều đoạn. Những soạn phẩm được kiểm-duyet, loại ra không được kèm theo biện-pháp sửa chữa).

1.— Sân-khấu còn chưa loại được những vở hát hủ bại, sai hẳn với đường lối chủ-trương của quốc-gia đương thời. Cũng do những lẽ nói trên, các đoàn hát phải yên phận với những vở tuồng sẵn có dưới lớp biển chế kỹ-thuật, hình-thức bên ngoài, để che đậy

một nội-dung thâm tiễn. Các sáng-tác phẩm sân-khẩu cũng không thể mạnh dạn nhắm thẳng vào một đối-tượng nhất định nào để thu hái kết-quả tinh-thần thuần khiết, Thanh-niên, phụ-nữ, nhi-đồng, nông-dân, công-nhân..., hoặc tách cách xúc động mãnh liệt của một phong-trào, một cuộc biến động lịch-sử lớn lao v.v.. mà phải bước lòng nhằm vào thành-phần chung của khán-giả, chiều theo thị hiếu của một số người.

Tóm lại, từ năm 1945 cho tới khi có chính-thể Cộng-hòa ngày nay, nghệ-thuật sân-khẩu nước nhà đã trưởng thành qua nhiều thử-thách gay go do những biến động lịch-sử gây nên. Đời sống nghệ-sĩ từ chỗ bấp-bênh mờ tối, được đi lần lần đến nơi có ánh-sáng, tương-đối được an-ủi một phần nào. Và đường lối phục-vụ dân-tộc, phục-vụ con người được hầu hết các sân-khẩu chú-trọng nghiên-cứu và phát huy bên sự dũ dặt của chính-quyền, mà rạn-rỡ nhứt là trong 3 năm gần đây, sân-khẩu nước nhà đã tỏ rõ một sự chuyển hướng nghệ-thuật để phục-vụ dân-tộc và con người, với nhiều soạn-phẩm mới, lành-mạnh, đủ loại, biểu-dương sức sống mạnh của một dân-tộc đang lên.

Tuy nhiên, thực trạng của sân-khẩu nước nhà hiện nay, còn rất nhiều mối tệ-đoan do thời thực phong để lại, nên cảnh sống của đại đa số các đoàn hát vẫn còn sút kém. Trong một năm, có đến chín mười gánh hát tan rã, trong lúc chỉ có vài ba gánh chào đời. Có thể chứng thực được rằng trong 50 đoàn hát, chỉ có được năm đoàn thường được về diễn ở thủ-đô may ra mới đủ sức đương đầu với điều-kiện sanh hoạt khó-khăn kỳ dư đều lặn hụp trong các tỉnh, các quận xa xôi, chật vật. Ngày nào, tình trạng lưu-diễn con kéo dài, vấn-đề hát « cương » chưa thanh-toán được, mực sống của nghệ-sĩ sân-khẩu còn thấp kém, ngày ấy sân-khẩu Cải-lương còn phải chịu nặng phần canh-tiền.

Kết - luận

Thưa Quý Ngài,

Theo dõi quá trình phát-triển của nghệ-thuật sân-khẩu Cải-Lương nước nhà, chúng ta có một khái-niệm rằng : Nghệ-thuật sân-khẩu Cải-lương nước ta đã trưởng thành trong những điều-kiện khó khăn. Ngày nay ta có thể nói nó đã trưởng thành. Nhưng, nó có 2 mặt : trưởng thành trên phương-diện nghệ-thuật thuần-túy và trên phương-tiện phục-vụ văn-hóa dân-tộc. Khảo sát lại, cả 2 mặt ấy chúng tôi thấy chưa đồng đều, vì vấp phải trở ngại trong sự nâng

đỡ thiết-thực của chánh-phủ đối với ngành này. Bởi vậy, trong phần kết-luận của bản thuyết-trình về bộ-môn sân-khẩu này, chúng tôi xin giải bày.

Những thỉnh-nguyện của bộ-môn sân-khẩu Cải-lương đệ-trình lên Chánh-Phủ Cộng-Hòa

Trước phong-trào cách-mạng bùng-bột của dân-tộc dưới sự lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng-Thống, trước những nền móng kiến-thiết lớn lao của chế-độ cộng-hòa, nền văn-hóa cần được biểu-dương mãnh liệt mà bộ-môn sân-khẩu là ngành quan-trọng, cần có sự nâng đỡ thích đáng về mọi mặt : vật-chất lẫn tinh-thần.

1.— Có những biện pháp dễ dãi về thuế má tùy theo khả-năng của đoàn lớn, nhỏ, tùy theo phương-tiện thu-hoạch địa-phương.

2.— Đòi hỏi một sự nghiên-cứu sâu rộng về mọi phương-diện của bộ-môn sân-khẩu, trong đó có đại-diện ngành này tham-gia mỗi khi sắp ban hành một lệnh gì xuống ngành này. (như việc đóng cửa đình chùa có sân-khẩu và cấm ăn ở trong rạp v.v..)

3.— Thống-nhất kiểm-đuyệt, đề cao uy-tín của cơ-quan kiểm-đuyệt Trung-ương. Định hãn tối thiểu thời gian xem xét tác-phẩm.

4.— Thiết thực lãnh-đạo đường lối sáng-tác. Soạn giả được trực tiếp lãnh hội biện pháp sửa chữa tác-phẩm mình một khi thấy tư-tướng người viết còn lệch lạc

5.— Bài trừ gát gao nạn lạm-dụng uy-quyền để xem « hát cộp » và bảo-vệ hiệu quả an-ninh sân-khẩu.

6.— Bài trừ nạn đầu cơ rạp. Qui định giá rạp và phân phối đồng đều cho các gánh lớn nhỏ. Hướng-dẫn tư-nhơn, khuyến-khích cất thêm rạp. Riêng về chính-phủ cần có một Đại Hi-Viện quốc-gia làm chỗ tập-trung các ngành văn-nghệ để biểu-dương công cuộc kiến-thiết văn-hóa tốt đẹp của Việt-Nam trước các nước bạn.

Được như vậy, nghệ-thuật sân-khẩu nước nhà mới có đủ điều-kiện tiến mạnh hơn lên trong mặt trận văn-hóa quốc-gia, hầu đóng góp hiệu-quả phục-vụ dân-tộc và để hứa hẹn một tương-lai sân-khẩu tốt đẹp trong ngày mai sáng lạn, huy-hoàng.

Nghệ-sĩ DUY-LÂN

*Đại-diện Ủy Ban xây-dựng thuyết-trình
bộ-môn sân-khẩu Cải-lương*

THUYẾT-MINH VÀ TRÌNH-DIỄN VỀ :

TRIỂN-VỌNG CỦA ĐIỆN-ẢNH VIỆT-NAM

NGUYỄN-VĂN-HÀO

Phần I : Khả-năng của điện-ảnh trên phương-diện truyền-cảm.

Ngày nay điện-ảnh là một bộ môn Văn-Nghệ cần-thiết. Thực vậy, nếu Âm-nhạc có kỹ-thuật để gợi tình-cảm, nếu văn-tự có kỹ-thuật để diễn-tả tư-tưởng, thì điện-ảnh có kỹ-thuật làm sống lại sự thật. Kỹ-thuật điện-ảnh tiến tới cao-độ làm sống lại sự thật, dắt dẫn cho ta thấy mọi góc cạnh của vũ-trụ, của con người, điện-ảnh, cho ta thấy không những phần ngoại cảnh mà thấy cả phần nội tâm, không phải thấy một bề mà thấy ngang dọc, trước sau, mau chậm, gần xa, lớn nhỏ. Điện-ảnh gồm được cả không-gian và thời-gian.

Một cuốn phim làm thường nhưt, cũng lời cuốn được chúng ta một cách dễ-dàng. Điện-ảnh là một tiếng nói quốc-tế, ảnh-hưởng của tiếng nói điện-ảnh đi sâu vào quần-chúng mạnh-mẽ, hiệu-nghiệm hơn bài diễn-văn nhiều.

Ngoài ra, tinh-cách quan-trọng của điện-ảnh còn là cải-tạo xã-hội, xây-dựng con người một cách hiệu-nghiệm và thành-công nhất, bởi lẽ điện-ảnh có tác-dụng phơi bày cái đẹp và cái xấu một cách rõ-ràng, truyền cảm mau lẹ và mạnh-mẽ tư-tưởng con người.

Khác giống, khác nòi khác ngôn-ngữ phong-tục, tập-quán nhưng điện-ảnh có thể làm cho loài người hiểu nhau, thông-cảm nhau, tức là gần-gũi nhau dễ-dàng.

Điện-ảnh không chỉ làm cho giới trí-thức các nước hiểu biết nhau mà còn làm cho quảng đại quần-chúng các nước biết nhau hiểu nhau, thân nhau.

Muốn xây-dựng một cái gì, muốn đả phá một sự gì cho mạnh mẽ và có hiệu lực, phải có điện-ảnh.

Người ta nói chiến-tranh tàn-bạo nhưng phải có phim về chiến-tranh mới cho ta thấy chiến-tranh tàn-bạo như thế nào.

Một nhạc-trưởng đánh bản đàn « Chiến-tranh tàn-bạo »

Một họa-sĩ vẽ một bức họa « Chiến-tranh tàn-bạo »

Một ban kịch diễn vở « Chiến-tranh tàn-bạo »

Một văn-báo tả một cảnh « Chiến-tranh tàn-bạo »

Một nhà thơ làm một bài « Chiến-tranh tàn-bạo »

Không thể nào làm cho đối-tượng ghê tởm bằng coi một cuốn phim chiến-tranh như phim « Chiến-tranh Cao-Ly ».

Những khả-năng phi thường của điện-ảnh có sức làm thay đổi đời sống một Quốc-gia một dân-tộc dễ-dàng. Sự hiển-nhiên cho ta thấy những nước có một nền điện-ảnh phát-triển đều là những nước mạnh-mẽ hùng-cường. Sức mạnh của điện-ảnh như vậy, chúng ta không lấy gì làm lạ là chỉ trong vòng 50 năm, điện-ảnh đã chinh-phục được cả thế-giới.

Phần II. — Hiện-trạng điện-ảnh thế-giới so với điện-ảnh Việt-Nam : Chúng ta đã nhận thấy những khả-năng vô song của điện-ảnh, bây giờ chúng ta kiểm-điểm sơ qua tình hình phát-triển của điện-ảnh thế-giới thế nào.

Về kỹ-thuật, điện-ảnh thế-giới đã đi từ phim câm đến phim nói.

Từ phim đen trắng đến phim màu

Từ màn ảnh nhỏ đến màn ảnh lớn

Từ phim thường cho đến phim 3 chiều.

Về phần nội-dung, điện-ảnh thế-giới đã chuyển từ những chuyện phim giải-trí sang phim lịch-sử, văn-hóa giáo-dục, xã-hội.

Về lượng thì Huê-kỳ có lối trên 30 phim trường vĩ-đại.

Ngoài 20.000 rạp

Sản-xuất lối 400 cuốn phim dài, 2.000 cuốn phim ngắn một mán.

Ấn-Độ tới 60 phim trường

2.000 rạp

Sản-xuất tới 300 cuốn phim dài một màn.

Pháp có tới 15 phim trường.

7.000 rạp

Sản-xuất trên 100 cuốn phim dài, 300 phim ngắn

Ý-đại-Lợi có tới 13 phim trường

7.500 rạp

Sản-xuất tới 100 cuốn phim dài

Tiếp-khắc có 3 phim trường

4.200 rạp

Sản-xuất tới 30 phim dài, 100 phim ngắn.

Về Việt-Nam, chúng ta chưa có phim trường nào, từ 1954 tới nay nhờ vả bốn phương, mỗi năm sản-xuất được cả ngắn lẫn dài trung bình 4 cuốn một năm.

Số rạp từ vĩ-tuyến 17 trở về chừng 70 rạp trong đó có đến 40 không thành rạp.

Phần III : Quá-trình điện-ảnh Việt-Nam : Có thể chia làm hai giai-đoạn, trước thế-giới chiến-tranh thứ hai và sau chiến-tranh.

Giai-đoạn đầu là giai-đoạn thai-nghén, ít thành-tích nên chúng ta chỉ kể qua tên những phim đã ra mắt khán-giả mà không đi sâu vào chi-tiết.

Giai-đoạn thứ hai, chúng ta đang trải một giai-đoạn hình nổi mà mầm tiến-bộ đang hứa hẹn. Chúng ta kiểm-diểm lại những phim đã sản-xuất trong giai-đoạn này, để rút một bài học kinh-nghiệm, và để vạch một đường cho nền điện-ảnh Việt-Nam trong giai-đoạn tới.

Trong phạm-vi bài thuyết-trình nhỏ hẹp, chúng ta gói-ghim một đoạn lịch-sử phim ảnh Việt-Nam, đoạn lịch-sử tuy ngắn-ngủi nghèo nàn, nhưng thật ra cũng có nhiều điều đáng nói.

Chúng ta cố trình-bày một cách xác-thực và khách-quan. Nhưng tất hẵn dù sao cũng không tránh khỏi những điều sơ-xuất.

Theo lời truyền miệng, những cuốn phim đầu có người Việt-Nam đóng, do người Pháp thực-hiện, ấy là cuốn phim hài-hước châm-biếm « TOU-FOU », và hai cuốn phim dã-sử phiêu-lưu « BÀ-ĐÀ » « KIM-VÂN-KIỀU ».

Sau đó, vào khoảng năm 1937 — 1938, xuất-hiện mấy cuốn phim nói tiếng Việt, do người Việt đóng, quay tại Hồng-Kông bởi những chuyên-viên Trung-Quốc : « CẢNH-ĐỒNG-MA » « TRẬN-PHONG-BA » « TRỌN VỚI TÌNH » và « CẢNH-HOÀ-ROI ».

Ông Nguyễn-doãn-Vượng, một trong những người đã cùng Ông Đàm-quang-Thiện đứng ra hô-hào vận-dộng và tổ-chức một cuộc viễn-hành đầu tiên qua Hồng-Kông đóng phim nói : « CẢNH ĐỒNG MA » đã thành-công được là nhờ ở lòng ham muốn vô bờ bến của một số thanh-niên lúc ấy đối với nghệ-thuật. Tác-giả chuyện phim là Đàm-quang-Thiện Ông này định đưa ra một luận-thuyết về « khoa-học và di-truyền » diễn-lả lâm-trạng của Hùng, một sinh-viên trường thuốc, học-hành rất thông-minh nhưng vì xuất thân trong một gia-đình bất hảo (cha là trai tử phương, mẹ là gái giang-hồ), nên càng hấp-thụ khoa-học, những hành-động sai lầm của anh lại càng ghê-gớm hơn. Vì cốt chuyện đòi hỏi nhiều sự nỗ-lực về kỹ-thuật diễn-xuất nên hãng quay phim « Năm-Duyt » đã tự quyền sửa đổi và biến-thành một câu chuyện trinh-thám, đề hốt bạc. Trong tập hồi-ký « Một chuyến đi » Nguyễn-Tuân, một cốt trụ của đoàn đã lên án rằng « phim ấy quả là một trò rối », kết-quả của một cuộc lường gạt lớn-lao của hãng Năm-Duyt.

Sau khi đã dùng một mách-khỏe « trục-xuất » số thanh-niên thiết-tha với nghệ-thuật ra khỏi đất Hồng-Kông, và mua chuộc được một số người trong đoàn, hãng Năm-Duyt đã đứng ra tổ-chức quay cuốn « TRẬN-PHONG-BA » giao cho Đào-huân-Ngũ trông nom về mặt diễn-viên. Chuyện phim này kể cuộc đời của một học-sinh nông-thôn được cha mẹ nuôi nấng, cho đi học ở thành-thị và đã sa ngã trong gió bụi kinh-thành. Rút cuộc cha mẹ từ bỏ, vợ hiền dứt tình, nên anh đã tự-tử để thoát đời trần-tục. Sau đó, hai cuốn phim « TRỌN VỚI TÌNH » và « CẢNH HOÀ ROI » ; vẫn theo một chiều hướng lãng-mạn tiêu-cực như thế, chỉ gặt hái được kết-quả lu mờ.

Những cuốn phim nói trên, hiện nay không còn để lại một tiếng vang nào, nhưng đã đánh dấu được hiện-trạng một khởi-nguyên của việc xây-dựng nghệ-thuật điện-ảnh Việt-Nam.

Tiếp theo lớp phim Việt-Nam đầu tiên, là những phim do Ông Nguyễn-lấn-Giàu điều-khiển, đã chiếu tại Mỹ-tho và Saigon vào năm 1940, Đó là ba cuốn phim ngắn : « MỘT BUỔI CHIỀU TRÊN SÔNG CỬU-LONG » « ĐÈO NGANG TỨC CẢNH » và « THẦY PHÁP RẬU ĐỒ », hoàn-toàn do người Việt thực-hiện tại xứ, từ chuyên-viên đến tài-tử các Ông Văn-Vĩ, Văn-Đề, Văn-Nghiêm, Quốc-Mậu, Trường-Xuân... các cô Tấn, Diệp... phim chỉ chiếu trong vài buổi, sau này không bao giờ chiếu lại trước công-chúng.

Thật ra, mặc dù đã chứng tỏ một sự cố-gắng đáng khen nhưng đây chỉ là những phim, cỡ 16 ly âm-thanh phụ-họa bằng đĩa hát.

Những phim của nhóm Ông Nguyễn-lấn-Giàu mở đường cho một vài phim khác cũng thuộc hạng « tài-tử » trong số đó nên kể « HUẾ ĐẸP HUẾ THƠ », một cuốn phim có giá-trị về hình ảnh.

Giai-đoạn thai nghén đầu tiên của màn ảnh Việt-Nam đến đó là ngừng, chưa được một thành-tích gì đáng gọi là nghệ-thuật, họa chẳng chỉ ghi được sự cố-gắng của đoàn người đi tiên-phong.

Về vật-chất, những nhà thực-hiện những cuốn phim trên vì thiếu-thốn đủ mọi phương-diện nên đều không thể tiếp-tục được mọi công việc sản-xuất thêm nữa, nhưng vẫn luôn luôn theo đuổi phụng-sự cho điện-ảnh Việt-Nam.

Tết Nguyên-đán 1953, một phim Việt-Nam mới được ra mắt khán-giả tại Hà-nội và Saigon: MỘT TRANG NHẬT KÝ. Phim này do nhóm sản-xuất LY-TAO thực-hiện tại Paris từ năm 1951 và trước khi gửi về xứ đã chiếu cho Kiều-Bào thưởng-thức tại một rạp chớp bóng.

Cốt truyện của Lê-Kha, do Phạm-văn-Nhân đạo-dễn. Đây là phim phóng-sự ngắn tả một ngày sống của một sinh-viên Việt nghèo tại Paris : từ lúc bước xuống giường ngủ cho đến khi tới nhà trường lo tiền ấu ở rồi cùng bạn bè đi chợ, nấu cơm, giải-trí trong giọng đàn tiếng hát...

Theo lời tuyên-bố của nhóm « Ly-Tao » thì đây là một sự chung sức góp vốn của một số sinh-viên thiết-tha với « nghệ-thuật thứ bảy », nhưng bước đầu còn chập-chững. Vì vậy người xem có một thái-độ khoan-hồng trước những khuyết-diêm của cuốn phim.

Kỹ-thuật cuốn phim còn nghèo-nàn. Hình ảnh khá rõ nhưng ánh sáng không đều, trích đoạn quay trong phòng ăn sinh-viên. Âm-thanh tạm nghe được, nhưng tiếng nói của nhân-vật không đủ sức hấp-dẫn.

Về diễn-xuất, Phạm-trung-Vinh trong vai chính, lối đóng tự-nhiên và nhiều hứa hẹn ở tương-lai. Các vai khác đều có vẻ gương-ngập lúng-túng, kể cả cô Phùng-thị-Nghiệp (trước đã thoán qua trong cuốn phim màu « Barbe-Bleue » của Pháp).

Dù cốt truyện không lấy gì làm sâu-sắc, dù kỹ-thuật còn thô-sơ, cuốn phim ngắn « MỘT TRANG NHẬT KÝ » cũng có ảnh-hưởng rất lớn vì chính nó đã mở màn cho phong-trào quay phim Việt-Nam đợt thứ hai.

Phim ấy chiếu vào đầu năm 1953, thì cuối năm thấy đua nhau xuất-hiện những phim khác : « KIẾP HOA », « BẾN CŨ », « NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC » và « NGÀY VỀ ».

Trước hết là một cuộc chạy đua tranh-thủ thời-gian giữa hai phim KIẾP HOA và BẾN CŨ. Hai nhà sản-xuất Kim-Chung và Alpha tiên đoán rằng cuốn phim nào ra mắt trước thì sẽ thu hút nhiều người xem. Điều ấy rất đúng; phim « KIẾP HOA » may mắn ra đời trước nên được khán-giả tiếp đón hết sức nồng-nhiệt, sự thâu-hoạch về lợi-lức cho đến bây giờ chưa có phim Việt-Nam nào so bì kịp.

Cuốn phim thuật lại cuộc đời chìm nổi trầm-luân của hai chị em khi chiến-sự bùng nổ ở Việt-Nam.

Khói lửa chiến-tranh xua đuổi Lan và Thủy rời bỏ kinh-dò cùng mẹ tản-cư về nông-thôn.

Hai chị em tới ấp của Thiện, một thanh-niên giàu có ở vùng Thái-Bình.

Gặp nhau một thời gian, mỗi tình nẩy nở giữa Lan và Thiện nhưng Thiện có việc phải xa gia-đình. Chiến-sự lại tràn lan tới ấp, Lan và Thủy cùng dân-chúng trong vùng ấp lại phải tản-cư nữa.

Thiện được tin khói lửa lan-tràn tới ấp mình vội-vã trở về thì chỉ thấy nhà tan cửa nát. May nhờ có Nhạc là một bạn cũ của Thiện, đang mở quán cà-phê trong vùng, Thiện bèn trao cho Nhạc một bức ảnh xưa sau lưng có đề mấy chữ hẹn Lan tại Hà-Nội và nhờ Nhạc trao lại cho Lan.

Nhạc gặp được Lan, trao lại bức ảnh của Thiện, nhưng lời lẽ sau lưng bị sửa chữa : « Anh bị đạn không sao thoát khỏi. Từ biệt em ». Nhạc định thừa cơ-hội chiếm quả tim tan vỡ của Lan, nhưng bị Lan cự-tuyệt và sỉ-vả thậm-tệ.

Từ đó, đời của hai chị em Lan và Thủy không nơi nương tựa mỗi lúc một vất-vả thêm.

Bước đường cùng của nghèo túng đưa hai chị em Lan và Thủy đến ở chung nhà với một gã bán mì. Trong một đêm phũ-pháng, Lan bị gã này cưỡng hiếp, và từ đó phải ép lòng chần gối với gã đó. Nhưng gã bán mì lưu-manh lại dòm ngó luôn cả Thủy. Một hôm nợ gã dở trò xấu xa với Thủy nhưng ý định không thành. Hai chị em liền bỏ nhà gã bán mì ra đi.

Lan và Thủy lại tiếp-tục sống cuộc đời vất-vả, buôn tảo bán tần, cho tới một hôm tình cờ lại gặp Thiện đang dạo chơi phố trên một chiếc xe hơi lộng-lẫy.

Thiện nhất-dịnh nói lại duyên xưa. Lan một lúc đắn-đo, Lan nhận lời nhưng giữ bí-mật về quá-khứ của mình và gã bán mì.

Giữa đám cưới linh-đình, Lan nhận thấy trong số gia-bộc một đứa trẻ kia đã ở chung với gã bán mì và dĩ-nhiên là biết câu chuyện của nàng.

Lan lo sợ và điên cuồng rời bỏ nhà Thiện giữa đêm giông tố, chạy về ngôi nhà đã điêu-tàn của gia-đình nàng. Bỗng đâu tường đổ dưới một cơn gió mạnh, chấm dứt đời Lan, chấm dứt một « **Kiếp-Hoa** ».

Cuốn phim do công-ty Kim-Chung sản-xuất đã chiếu ở Hà-Nội và Hải-Phòng trước khi ra mắt khán-giả miền Nam vào tháng 10 năm 1953 dương-lịch. Chuyện phim của Trần-Lang, phần đạo-diễn và mỹ-thuật chuyên-môn đều do người Trung-Quốc điều-khiển.

Về phương-diện tâm lý đối với khán-giả, phim KIẾP-HOA ra đời gặp thời. Không kể một vài phim có người Việt đóng trong giai-đoạn đầu đã quá xa trong ký-ức, từ trước khách thích chiếu hóng chỉ thưởng-thức phim Ngoại-Quốc mà thôi. Giờ đây được thưởng-thức một phim Việt, do người Việt đóng và nói toàn tiếng Việt, thì ai mà không thích.

Về phương-diện kỹ-thuật, phim KIẾP-HOÀ, nhờ nhóm thực-hiện có đủ phương-tiện máy móc, ảnh chụp khá có vài chỗ đẹp, tuy nhiên không được đều với đôi chỗ hỏng. Tiếng nói rõ nhưng âm-thanh không đúng mức, xa như gần, đều đều một giọng, âm-nhạc phụ-họa rườm-rà, có vẻ « lại Tàu ».

Nhà đạo-diễn là người Trung-Quốc không hiểu rõ tâm-hồn người Việt nên cuốn phim có nhiều chỗ gượng-gạo, lai-căng.

Câu chuyện chứa đựng nhiều tình-tiết éo-le, nhưng thiếu nhịp điệu, thành ra có vẻ trầm-trầm. Nhiều cảnh hấp-lấp thiếu chuẩn-bị. Trái lại, nhiều cảnh khác lại kéo dài lê-thê vô-ích.

Về diễn-xuất, Kim-Chung thủ vai chính, tạm làm tròn nhiệm-vụ. Chỉ tiếc rằng cô không được xuất sắc như trên sân-khấu. Kim-Xuân trong vai Thủy biểu-lộ được nét duyên-dáng của tuổi dậy thì. Đến nay, hình bóng tươi trẻ của cô vẫn còn lưu trong trí nhớ của những người ham-mộ màn ảnh.

Về nội-dung, cốt chuyện phim mang nhiều màu sắc của thời-đại, có thể khai-thác được, nếu người viết nắm được đường lối chính của tâm-lý và xã-hội. Nhưng vì chưa đào sâu vào đời sống nên nhiều trường-hợp trong chuyện thành ra giả-tạo và nhân-vật có vẻ gượng-gạo. Ở đoạn kết, sự giải-quyết bằng sự ngẫu-nhiên không làm thỏa lòng khán-giả.

Du-luận báo-chi đã soi-nổi quanh cuốn-phim KIẾP HOA khen cũng có, chê cũng nhiều.

Nhiều cây bút đã phê-bình gắt gao Ông Trần-Doãn trong tạp-chi « **Đời Mới** » ngày 12-11-1953 cho rằng « **KIỆP HOA** » là « một phim phản-dộng ». Ông đã phê-bình: *đưa lên màn ảnh số rất ít thanh-niên nam-nữ tư-sản dấn-mạt, lu-hồng, trốn-tránh nhiệm-vụ, tác-giả « Kiếp Hoa » vẫn chưa hài lòng còn xây-dựng thêm một nhân-vật trong giới cần-lao, anh chàng bán phở mà cũng học đòi thói truy-lục đó. Thật tác-giả đã vu-khống cho một giai-cấp đang vươn mình lên một cách mạnh-mẽ hơn hết những giai-cấp nào ».*

Cũng trong số báo nói trên, ông Lương-danh-Hiền đã viết :

« Xét đại-thể, ta thấy những vai chính hầu hết là thanh-niên, mà thể-hệ thanh-niên của dân-tộc ta vào khoảng 1946 làm gì có những thành-phần như Thiện, Lan, Nhạc quần quanh

vòng yêu đương lừa-lọc chim-chuột lẫn nhau rồi đau xót mà nghe từng mãnh tình riêng tan vỡ ! »

Khe hở lớn là tác-giả đã lấy con người cũ để xây-dựng nên nhân-vật của mình. Đồng thời cũng lấy những con người cũ làm đối-tượng cho tác-phẩm của mình. Bởi vậy cho nên nhân-vật ấy lạc-hậu quá...

Ông Hoàng-Lan trong báo « Lê Sống » cũng cho rằng phim « KIẾP HOA » là một sản-phẩm ngoại lai, một đầu đề phản tiến-hóa của dân-tộc.

Với một lối phê-bình dịu-dàng hơn, ông **Phượng-Kiệt** trong báo « Tiếng-Đội » ngày 24-11-1953 đã có nhiều nhận xét xác-đáng về hai nhân-vật chính của cuốn phim :

« Không đáng đề-cao « cậu ấm » Thiện đến như thế. Là con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi, có duyên, đàn hay « mà lại « bột » như Thiện, một thời-kỳ tân-cư rồi hồi-cư không làm được một cái gì khả-ái, đáng quý thì thật không đáng đưa lên làm điển-hình cho thanh-niên Việt-Nam thế-hệ này ».

Lan có thể hiện ra một cách lộng-lẫy hơn, thu hút hơn với một bộ đồ nâu của cô thôn-nữ đang làm việc đồng-àng... còn hơn là đạo-róng với bộ y-phục « cao-bồi », cỡi ngựa « Phi-Luật-Tân » là những thứ không thể có ở hậu-phương, bất kỳ lúc nào. Trong lúc mẹ Lan đau nặng sắp chết (lại vào lúc binh-biến, sao Lan lại thanh-thoi đi chơi với Thiện như thế ?... Vì thiếu đạo-đức như vậy mà Lan mất cảm-tình với khán-giả nên sau này, trước sự đau khổ của Lan, thì sự thông-cảm của khán-giả bớt đi một phần lớn).

Dù sao, điều đáng ghi là trong bước đầu thử-thách, nhà sản-xuất Trần-Việt-Long đã mạnh dạn đặt một viên gạch đầu tiên, cùng góp công với một số người tiên-phong, đánh-dấu một giai-đoạn mới của điện-ảnh Việt-Nam.

Về mặt tinh-thần, phim KIẾP-HOA kể như bị thất-bại ở Bắc nhưng thành-công ở Nam. Những nhóm này không có ý-định tổ-chức thành cơ-sở sản-xuất phim ảnh lâu dài.

Sau phim KIẾP-HOA, vào đầu tháng 11-1953, BẾN-CŨ ra mắt khán-giả Saigon. Phim được quảng-cáo âm-ĩ, chiếu ở 9 rạp, nhưng kết-quả vật-chất lẫn tinh-thần đều kém, nguyên do phần lớn bởi phim BẾN-CŨ chiếu liền sau phim KIẾP-HOA,

lòng hiếu-kỳ của khán-giả đã dju bớt. Về nội-dung và nghệ-thuật cuốn phim không được vững-vàng lắm.

Chuyện phim tóm tắt như sau :

« Bác-sĩ Thọ một đêm kia vào tiêu-khiển tại vũ-trường Arc-en-ciel, tình cờ gặp Lệ-Dung, cô em gái của người bạn cũ đang làm ca-nhi ở đó, Thọ muốn cứu cô em bạn khỏi nơi trầm-luân. Vợ chàng lúc đầu ngần-ngại nhưng sau cũng chiều chõng cho Lệ-Dung đến chung sống trong gia-đình.

Dần dần tình thân theo thời-gian chuyển sang tình yêu, gieo giống-tổ vào lòng Thọ và Lệ-Dung. Thọ nhận chán tằm tình yêu ấy khi thấy mình ghen với Tuấn, em trai vợ Thọ từ Đà-lạt đến chơi, cũng phải lòng cô gái bơ-vơ.

Thấy vợ Thọ âm-thầm chịu khổ, Lệ-Dung hiền nổi niềm cay đắng mà không muốn chia rẽ hạnh-phúc của ân-nhân, nên đành lòng rút áo ra đi.

Thọ đến vũ-trường tìm Lệ-Dung, nhưng hình ảnh vợ hiền con thơ kim chân chàng không cho bước vào. Thế là mỗi đàng mỗi hướng thuyền quay về « BẾN-CŨ ».

Dại-cương, câu chuyện đặt vấn-đề mà không giải-quyết : Bác-Sĩ Thọ muốn cứu vớt một cô gái bơ-vơ, nhưng rồi chính mình cũng suýt sa-ngũ để kết-cuộc cũng lại đẩy cô gái trở lại con đường truy-lạc.

Ưu-điểm đáng nêu của BẾN-CŨ là cuốn phim dài và lại là phim màu đầu tiên hoàn-toàn do người Việt thực-hiện : Chuyện phim của Lê-Thương và Thái-Thúc-Nha, Phan-Tại và Nguyễn-Bá-Hùng dàn cảnh, Lê-hữu-Phương và Võ-văn-Nghiêm quay phim.

Kỹ-thuật của cuốn phim chứng tỏ một sự cố-gắng của nhóm người còn trong thời kỳ tập-sự, cố-gắng nhưng không thoát khỏi nhiều sơ-hở.

Phim thường thiếu mạch-lạc, chắp nối, những cảnh rời-rạc phim dùng lối giảng-giải kể chuyện nên cốt chuyện đã trầm, lại càng chìm thêm.

Hình ảnh đúng màu, nhưng cũng không khỏi lắm chỗ sai, Phần âm-thanh kém, nhạc nghe không rõ, tiếng nói nhiều khi lệch miệng nhân-vật !

Phần diễn-xuất chỉ đạt đến mức trung-bình. Hoàng-vĩnh-Lộc trong vai Bác-sĩ Thọ đóng tự-nhiên, nhưng không được

linh-động lẫm, Bích-Ngà trong vai người vợ hợp với vai tuồng một bà bác-sĩ đài-các, nhưng không làm cảm-xúc được khán-giả. Liên-Hương trong vai Lệ-Dung không được ăn ảnh, điệu bộ thường găng-gượng.

Về phương-diện nội-dụng, dư-luận báo-chi đối với BẾN-CŨ còn gắt-gao hơn là đối với phim KIẾP-HOÀ.

Ông Vũ-Lãng trong tuần báo Nữ-Lưu đã lên án :

« Sau « KIẾP-HOÀ » BẾN-CŨ còn dở worse hơn và có những hư hỏng không thể tha thứ :

— Một thức triết-lý bi-quan, thoái hóa.

— Một quan-niệm phản nhân-sinh, phản dân-tộc.

— Một tư-tưởng yếm thế, đọa-tạc, làm nhục lấy cho tất cả người xem lẫn người đóng.

Một sự cầu-thả vụng-về, vô ý-thức đã khinh-thường cả công-chúng lẫn nghệ-thuật.

— Một lối quan-niệm nhân-sinh lạc-hậu : « Tại trời » !

— « Ông trời » đã bắt cô con gái kia làm đi ?

— Ông trời đã khiến cho bác-sĩ yêu em gái của bạn ?

— Ông trời đã khiến cho cô kia lại trở về làm đi ?

(Quan-niệm ấy, vũ-nữ Ngọc-Dung đã diễn-tả bằng những câu như sau, trong bức thơ để lại lúc ra đi :

— Thôi lút cả đèn do trời !)

Ông Hoàng-thu-Dòng trong báo Dời-Mỏi cũng gọi « BẾN-CŨ » là « một cuốn phim vô ý-thức ». Ông cho rằng :

« Nội-dụng BẾN-CŨ lờng qua quan-niệm trọc-phú của tác-giả, ý chuyện là một sự phò-trương cái mã xa-hoa của nhà cửa đẹp, quần áo nhiều, xe hơi lộng-lẫy, nhảy đầm, ăn uống như Tây cùng bao nhiêu trò đùa-đỏn của một thứ người hợm liến và một hạng gái trụy-lạc. »

Như xét cho cùng, khởi đầu tác-giả cũng muốn có thiện-chí xây-dựng.

Nhưng chỉ vì diễn-tả không được khéo nên kết-quả đã phản lại thiện-ý ấy. Phim BẾN-CŨ thất-bại ở miền Nam nhưng đã thành-công một phần nào ở miền Bắc, ngược lại KIẾP-HOÀ đã thất-bại ở Bắc lại thành-công ở Nam, vậy điều khác với nhóm

Kim-Chung là hãng sản-xuất Alpha sau phim « BẾN-CŨ » có ý-định gây cơ-sở lâu dài cho điện-ảnh nước nhà và hiện đang thực-hiện ý-định này.

Một tháng sau phim BẾN-CŨ, tức là vào giữa tháng 12-1953 dương-lịch, phim « NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC » của hãng Việt-phim ra mắt khán-giả Hà-nội và Saigòn.

Sáng-tác chuyện phim do Ái-Liên, phần đạo-diễn và kỹ-thuật chuyên-môn đều do người Trung-Quốc điều-khiển, với những tài-tử Việt-Nam :

Các cô Ái-Liên, Lệ-Thanh, Quỳnh-Hương, các bạn Ngọc-Dư, Anh-Đệ, Đình-Hoàng, Triệu-Tường.

Chuyện phim tóm tắt như sau :

« Thân, chủ một gánh hát, đã có vợ nhưng say mê cô đào Hoa, muốn nhà riêng cho cô ở, viện cớ lập đồng để tự-do qua lại. Cuộc giao-dịch bị người tình-dịch tố-cáo nên vỡ lở. Vợ Thân ghen, đến nhà riêng trách-móc Hoa. Muốn tỏ rằng mình ngay thẳng, Hoa bỏ nhà ra đi, trong lúc đoàn hát sắp diễn một đêm làm nghĩa.

Vợ Thân và Thân hối-hận về hành-dộng của mình. Cả đoàn chia nhau đi tìm Hoa.

Chi em Hoa về. Mọi người đều vui-vẻ trong đêm ca-nhạc tại nhà Hát lớn.»

Về kỹ-thuật, cuốn phim chưa đạt đến mức trung-bình, thiếu nhịp điện, chấp nối những cảnh dài và ngắn một cách vô-ý-thức. Hình-ảnh trắng toát và phẳng-lì. Phần âm-thanh cũng hỏng, tiếng nói rè rè, lời ca không nghe rõ, tiếng nói thường có khí to, nghe chua chát. Lối diễn-xuất cũng không lấy gì làm đặc-sắc. Trừ Lệ-Thanh trong vai vợ Thân và Ái-Loan trong vai em của Hoa đóng khá tự-nhiên, tất cả các vai khác đều còn về cái-lương trên màn-ảnh.

Phim « NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC » đã thất-bại về lợi-lức cũng như về kết-quả tinh-thần. Cuốn phim bị dư-luận báo-chí và phần đông khán-giả kết-án gắt-gao, đi đến mức mạt-sát nặng-nề hơn cả phim BẾN-CŨ.

Ông Lục-Lãng, trong báo « Lẽ Sống » ngày 6-12-1953 cho rằng khán-giả « bị hức »,

Cô Thu-Hương trong báo « Nữ-Lưu » đã viết :

« Với cái đề tài **NGHỆ-THUẬT** và **HẠNH-PHÚC** to tát quá mà khi coi xong cuốn phim, thật tình ta không biết tìm đâu ra « Nghệ-thuật », tìm đâu ra « Hạnh-phúc »... Cái gì đã tiêu-biểu cho « Hạnh-phúc » ? Đâu có phải ca một vài bản hát, họp nhau tổ-chức một buổi công-diễn từ-thiện mà là cứu cánh của Nghệ-thuật ! Đâu có phải một người chồng say mê một nữ nghệ-sĩ, rồi sau tỉnh-ngộ trở về với gia-đình mà là « **HẠNH-PHÚC** ».

Các Ông Duy-Sinh và Hoàng-thu-Đông trong báo « Đời-Mới » cho phim **NGHỆ-THUẬT** và **HẠNH-PHÚC** là « một cuốn phim vong-bản, bớt nhẹ **NGHỆ-THUẬT**, vu-cáo thanh-niên nước nhà » theo các Ông « cuốn phim cho người xem cảm-tưởng rằng thanh-niên Việt-Nam toàn là những kẻ lưu-manh ăn mặc lỗ-lăng, tư-tưởng mất gốc, chỉ biết tán gái và ghen vặt lẫn nhau. »

Thật ra, bản tâm của nhà làm phim là muốn bênh-vực nghệ-thuật sân-khấu và Nghệ-sĩ sân-khấu. Nhưng vì xử-dụng nghệ-thuật diễn-dạt không đúng mức nên kết-quả đã đi ngược lại thiện-ý. Sau phim này Hội Việt-phim chuyển qua ngành chiếu phim ngoại-quốc.

Sau phim **NGHỆ-THUẬT** và **HẠNH-PHÚC** phim **NGÀY VỀ** của nhóm « nghệ-sĩ liên-hiệp » ra đời. Đây là một cuốn phim ngắn độ 45 phút, thực-hiện bằng phương-tiện tài-tử, do Đinh-Xuân-Hòa đạo-diễn với hai kịch-sĩ Kiều-Hạnh và Phạm-đình-Sĩ cùng đạo-diễn đóng 3 vai chánh.

Phim thuật lại « Ngày Về » của một người hồi-cư có vợ ở thành :

« Vợ chồng Tâm và Thái sống xa nhau vì chiến-sự, Tâm đứng bán hàng cho một hiệu buôn ở Saigon để sinh-nhai. Bất tin chồng mấy năm mà Tâm vẫn giữ mối tình trung-thủy, thường ngày cùng vui buồn với một bạn gái là Hiếu.

Nhưng rồi một ông khách hàng trẻ, giàu là Quỳnh đến mua hàng để ý và theo dõi Tâm, Quỳnh mời Tâm đi ngao-du Thủ-Đức, núi Châu-thới, Tâm cẩn-thận rủ Hiếu cùng đi theo.

Quỳnh lân-la đến nhà Tâm, ngỡ lời muốn cùng Tâm xây-đắp hạnh-phúc. Tâm từ-chối tình yêu, song vẫn giao-thiệp thân-mật.

Cho đến một hôm, Quỳnh mời riêng một mình Tâm đi Nha-Trang. Tâm sắp sửa lên đường thì Thái — chồng Tâm — đột-ngột trở về, về với đôi mắt mù-lòa. Chàng sờ-soạng nhận

những vật quen dùng trong nhà, bỗng cảm phải chiếc ống điều của Quỳnh bỏ quên. Người đàn ông vô phúc ấy ghen tức và lặng-lẽ bỏ nhà ra đi. Nhưng Quỳnh đến kịp giải-bày rõ tất cả sự thắc-mắc chứng tỏ rằng Tâm vẫn là một người vợ chung-tình, rồi Quỳnh im-lặng ra về với mối tình tuyệt-vọng bên cạnh sự xum-hạp của Tâm Thái.

Đôi vợ chồng nói lại tình xưa, làm lại cuộc đời. Thái đọc cho Tâm viết sách, khởi sự bằng chuyện « Ngày Về ».

— Câu chuyện có tính-cách thời-sự, tự nó đã dãi-dào, linh-động, nhiều ý-nghĩa. Nhưng cuốn phim bị thiệt-thời vì thiếu phương-tiện và tài-tử.

Hình ảnh đôi chỗ có góc cạnh khéo, nhưng thường không đúng ánh-sáng, máy còn rung. Âm-thanh hồng và đối-thoại rườm-rà, dường như nhà thực-hiện sợ màn-ảnh trống-trải tiếng nói, cho nên cuốn phim đầy đầy những câu giới-thiệu phong-cảnh như một phim thời-sự.

Về diễn-xuất, hầu hết các vai tạm làm tròn nhiệm - vụ, duy chỉ có Phương-Lan trong vai Hiếu chưa quen với màn-ảnh và Phạm-dinh-Sĩ trong vai người chồng, còn có vẻ đóng kịch.

Về phương-diện nghệ-thuật, cuốn phim có đôi chỗ ý-nhị như đoạn Tâm quyến-huyến Quỳnh bên sông cửa sổ. Nhưng tác-giả cuốn phim không thành-công về tính-chất phim. Tới cốt chuyện như thể đáng lẽ phim biến-chuyển đồn-đáp hơn. Cuộc đi chơi núi Châu-thời, quá dài đối với cuốn phim, thiếu những trò bất-ngờ nên hóa ra nhạt và thừa.

Về nội-dung, phim NGÀY VỀ chịu nhiều ảnh-hưởng của phim « Giò-Âm-U », cuốn phim Anh do Stanky-Smith và Reginald Cosford thực-hiện và đã được giải-thưởng tài-tử. Khung-cảnh cốt chuyện đặt vào hồi đại chiến thứ hai.

Jean và Hélène lấy nhau được ba tháng, Jean phải nhập-ngũ sang Viễn-dông, Hélène mòn mỏi đợi chờ trong 6 năm. Trong thời-gian ấy nàng quen Graham. Bỗng có tin Jean biệt tích Hélène và Graham yêu nhau. Rồi Đức bại trận. Đột-ngột có tin Jean còn sống, sắp về Luân-Đôn. Hélène thấy mình đã nặng tình với Graham, định gặp Jean nói rõ mọi điều rồi sẽ cùng Graham lập cuộc đời mới. Nhưng khi thấy Jean trở về với đôi mắt mù, nàng thương hại đổi ý-dịnh, bảo Graham đi xa, nàng ở lại với chồng cũ. Trong khi ấy, Jean lại bắt gặp chiếc

Ông điếu Graham, bỏ quên. Biết rằng trong nhà có người đàn ông thứ hai, trong lúc đau khổ điên cuồng, Jean nhảy qua cửa sổ trên lầu cao tự-tử. »

Dường như soạn giả phim NGÀY VỀ đã sửa đổi chuyện phim lại cho hợp với tâm hồn người Á-Đông. Hélène nản lòng chờ đợi Jean nên yêu Graham. Tâm nhân nại hơn có nhiều cảm tình với Quỳnh nhưng chưa dám yêu hẳn.

« NGÀY VỀ Kết-cuộc lạc-quan ; chiến-tranh tàn khốc lắm đó, nhưng chưa đến nỗi phá tan hạnh-phúc những người đã chịu đựng nhiều hy-sinh. Cuốn phim không nổi gậy thêm khổ cho gia-đình đang chờ « NGÀY VỀ của chồng con ở phương xa.

Được điểm này, thì mất điểm khác : so với « GIỜ-ÂM-U » phim NGÀY VỀ kém phần éo-le. Ngoài ra, còn có kẻ hở là : Tâm vẫn phong-lưu vui vẻ cùng các bạn trong lúc chờng khổ cực không biết tình mạng ra sao. Hơn nữa, khi Quỳnh đã tỏ tình rồi, Tâm vẫn còn giao-thiếp với chàng, lại có phần thân-mật hơn trước. Người xem có cảm-tưởng rằng nếu Thái chỉ về chạm chốc lát nữa thì Tâm sẽ là nhân tình thật sự của Quỳnh.

Dù sao với một số vốn tương-đối ít ỏi, với phương-tiện tài-tử, nhóm « nghệ-sĩ Liên-Hiệp » đã làm việc với nhiều thiện-chí nhưng có khả-năng tiến-triển mạnh mẽ. Năm 1953, phim HAI THẾ GIỚI của hãng « Tân-Việt-Nam phim » do Phạm-văn-Nhận điều-khiển được quay tại Pháp.

Cuốn phim tả cuộc tình-duyên của một sinh-viên từ « Thế-Giới đau ốm » bước sang « Thế-Giới mạnh khỏe » đây hứa hẹn trong tương-lai.

Chuyện phim như sau :

« Tân một sinh-viên trường luật tại Ba-Lê phải đi đàn hát trong các dạ-diêm kiếm tiền ăn học. Tân yêu Lan, một thiếu nữ nhan sắc và cũng nghèo nàn như chàng.

Đời sống kham-khở ăn uống thất thường làm cho Tân mắc bệnh lao phổi, Bác-sĩ khuyên Tân nên đi nghỉ ở một dưỡng đường. Tân thất vọng ra đi, bỏ Lan không một lời chào hỏi. Nhưng Lan vẫn thủy chung yêu chàng.

Ở dưỡng-đường, Tân gặp Các và Khoa, hai sinh-viên xấu số đã nghỉ ở đây tự mấy năm. Tân nắm chung phòng với Các, trong lúc tâm sự, biết là Các khinh đàn bà vì một mối hận tình xưa.

Lòng chung-thủy của Lan đối với Tân làm Các thêm muốn, sắc đẹp của Lan nhắc lại hình ảnh người xưa mà Các muốn lãng quên. Trong một phút yếu lòng, những ý nghĩ điên cuồng đã xui chàng mong cho Tân chết.

Ba tháng sau, Lan, Tân, Các, bắt tay nhau về tới Thế-Giới hoạt-động, bỏ lại Khoa, thân phận lẻ-loi. »

Phim rất giản-dị dường như tác-giả muốn đưa lên màn-ảnh những tài-liệu sống của sinh-viên Việt-Nam tại Pháp hơn là muốn tạo một cuốn phim tinh-tiết éo-le gay cấn.

Về dụng-ý tốt của soạn-giả. Ông Hoàng-thu-Đông trong báo Đời-Mới đã phê-bình một cách khá xác-dáng :

« Nhà đạo-diễn đã phản lại soạn-giả cũng chính là Ông Người xem không thấy sự tưng - thiêu, tranh - đấu chật-vật với cuộc sống của du-học-sinh ở Pháp mà trái lại, các nhân-vật đưa ra đều thuộc một thế-giới sa ngã tinh-thần và thể-xác. Phải chăng đời sống của du-học-sinh chủ loanh-quanh trong ăn chơi, trai gái, nên đã ảnh-hưởng lớn đến « Hai Thế-Giới » phản-ảnh thực-tại của sinh-viên Việt-Nam hiện giờ ở Pháp ? »

Vì trình-bày không được khéo nên phần nghệ-thuật có điều sơ-xuất như trên. Nhưng dù sao cuốn phim ấy cũng đã đánh dấu được sự tiến-bộ về kỹ-thuật của nhà đạo-diễn Phạm-văn-Nhận, sau phim « Một trang nhật-ký ». Đồng thời cuốn phim giới-thiệu được hai diễn-viên có khả-năng ; Lê-Hùng (trong vai Tân) và nhất là Vũ-ngọc-Tuân (trong vai Cát).



Năm 1951 cũng là một năm khá dãi-dào về phim Việt-Nam với những sáng tác mới ; « GIÁ HẠNH-PHÚC », « HIỀN TRINH-NỮ ». « TRAI THỜI-LOẠN » và « VÌ DẦU NÊN NÔI ».

« GIÁ HẠNH-PHÚC » mở đầu cho loạt phim mới, cũng của hãng « TÂN VIỆT-NAM PHIM » và do Phạm-văn-Nhận đạo-diễn.

Cuốn phim kể chuyện một thiếu-phụ Việt ở Pháp, lấy một người chông đáng diễm, vũ phu, đào mỏ. Người vợ nhu-nhược đành chịu khuất-phục trước tư-cách vô liêm-sĩ của chông, mặc dầu lời khuyên ly-dị của chị họ. Người chông ích-kỷ, vô nhân-đạo làm tiền vợ để chơi bời, mặc những lời can-gián của bạn là một Bác-sĩ. Sau nhờ một tai nạn xe hơi, tự chính mình gây

nên trong khi say rượu, người chồng mới bắt đầu hối-cải. Bấy giờ, người vợ mới tìm thấy hạnh-phúc gia-đình, nhưng hạnh-phúc đó nàng phải trả bằng một kiếp sống từ đây tàn-tật.

Dụng ý của tác-giả là muốn nêu cao đức-tính của người vợ hiền Việt-Nam, dù sống trong cảnh phồn-hoa tráng-lệ của kinh-thành Ba-Lê.

Chỉ tiếc rằng sự biến chuyển tâm-lý của các nhân-vật có vẻ gò ép, và cuốn phim đã phải kết-thúc bằng một sự ngẫu-nhiên. Nếu không có tai nạn xe hơi thì gia-đình ấy đi đến đâu, bao giờ người chồng hối-cải? Hơn nữa làm-trạng thụ-động quá mức của người vợ đặt vào hoàn-cảnh hiện-thời có vẻ ép-uổng quá.

Nhưng dù sao, « GIÁ HẠNH-PHÚC » cũng đã tiến-hộ vượt bực hẳn tất cả những phim Việt-Nam từ trước, nên về mọi phương-diện cuốn phim đã nói đúng tiếng nói điện-ảnh, nhà thực-hiện phim đã tỏ ra có ý-thức vững-vàng. Bối-cục của câu chuyện khéo léo, không làm chán người xem.

Đối-thoại gọn-gàng, ý-nghị. Nhạc đệm của Đoàn-Trường đi sát với động-tác, trội hơn hẳn những phim Việt đã có. Tất cả diễn-viên đều diễn-tả có nghệ-thuật Cố Vĩnh-Huệ vượt xa cô Phùng-thị-Nghiệp trong « HAI THẾ-GIỚI ». Lê-Hùng và Vũ-ngọc-Tuân cũng tiến nhiều hơn trong cuốn phim trước.

Về đạo-diễn nói chung, từ lối đặt góc chụp của máy quay phim, lấy ánh sáng, cho đến ráp nối phim và thâu thanh, GIÁ HẠNH-PHÚC xứng đáng là một phim nhà nghề, có thể so sánh với những phim trình-bày ngoại-quốc.

Một tháng sau Giá Hạnh-phúc đã chiếu vào tháng 2-1951, thì xuất-hiện phim « HỒN TRINH-NỮ » do nhóm « Hợp lực Phim » thực-hiện hoàn-toàn tại Việt-Nam với phim cỡ 16 ly.

Chuyện phim thật giản-dị :

« Lão thầy pháp Lê-văn-Năng, chữa bệnh cho một cô gái con một gia-đình điền-chủ lỡ tay giết chết bệnh-nhân. Do đó, lão bị tù và gia-đình phải sa sút, nghèo khổ. Bị ám-ảnh mãi bởi cái án ngộ-sát ấy, vợ lão kéo lê một cuộc đời đau khổ, tin-tưởng nơi định-luật quả-báo. Một hôm, con trai bà té núi què chân, nhờ hai học-sinh cứu chữa. Biết qua câu chuyện thương tâm của gia-đình bà, hai học-sinh giúp cho con bà được trở nên

một giáo-viên làng, và đem lại cho bà một niềm tin-tưởng nơi tương-lai.

Chuyện phim « Hồn Trinh-Nữ » vấp phải sự tiền-hậu bất nhứt : nửa phần đầu cuốn phim kể bằng hình ảnh chuyện thầy pháp trị ma, rồi khi cả con ma cùng thầy pháp đều biến mất trên màn ảnh theo cái chết của cô gái, thì nửa phần sau lại kể bằng những lời tuyên-truyền không nên tin dị-đoan cùng chuyện đưa con trai thầy pháp dạy lớp bình-dân. Vì thế nên câu chuyện thành ra loãng và rời-rạc. Hơn nữa, cuốn phim có những đoạn thật dài tai-hại, chẳng hạn như đoạn có con gái diên-chủ đi dạo thuyền hát mấy lượt bản « Mơ Về Sông Hương ».

Về tinh-thần cốt chuyện, tác-giả muốn nêu lên sự phản đối dị-đoan, nhưng lại chỉ phát-biểu bằng đối-thoại trên màn ảnh nên đã không đạt được ý muốn. Kết-quả lại có thể trái ngược, vì những cảnh hồn ma kéo dài bằng những hình ảnh thiết thực càng làm thiên lệch cuốn phim về phần dị-đoan nhiều hơn là chống mê-tin.

Phần kỹ-thuật cũng không cứu vớt được cuốn phim, chỉ vì phương-tiện tái-lử của phim 16 ly thực-hiện tại xứ không thể tránh được mọi sự trở-ngại, nhất là về âm-thanh.

Trương-đối hình ảnh rõ ràng hơn phim « Ngày về » cùng loại, âm-thanh dễ nghe hơn, dù tiếng xa gần không phân biệt và lời nói ít khi ăn nhịp miệng. Phần đạo-diễn do hai ông Văn-Vĩ và Hồ-Văn-Đề đảm nhiệm, có phần dễ dãi, nên không tránh được nhiều điều sơ sót. Diễn-viên chỉ có Lý-Quốc-Màu trong vai thầy pháp là được, các trò xảo thuật ma quái công phu làm cho những khán-giả dễ tính có thể thích được.

Nhận xét tổng-quát thì HỒN TRINH NỮ là một cuốn phim tầm thường về tinh-thần, nhưng đánh dấu được sự cố-gắng thi-nghiệm của một nhóm người yêu chuộng điện-ảnh.

Sau « HỒN TRINH-NỮ » đến lượt **TRAI THỜI-LOẠN**, một cuốn phim ngắn 45 phút, do Tư Chơi soạn, phim có vẻ tuồng hát hơn là sân-phẩm màn ảnh. Gần trọn cuốn phim, nhân-vật ngâm nga quanh bầu rượu, kỹ-thuật còn non, cầu-thả, không thành hình một cuốn phim.

Phim « TRAI THỜI LOẠN » chỉ trình-bày cho nghệ-sĩ và báo giới, mà không ra mắt công chúng, nên không có ảnh-hưởng gì.

Sau phim « NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC » đã thất-bại năm trước, hãng « Việt Phim » lại cho ra cuốn PHẠM CÔNG CÚC HOA vì bỏ nhiều công phu nghiên-cứu cuốn phim nên phim này tương-đối khá hơn phim trước, về nội-dung lẫn hình-thức.

Tích chuyện « Phạm Công Cúc Hoa » phần đông người Việt ai cũng biết. Nhà làm phim, khi đem lên màn ảnh, đã sửa đổi lại như sau :

Phạm-Công là một thanh-niên nghèo khổ, mồ-côi cha, ở làm vườn trong nhà tri-phủ họ Trần. Cúc-Hoa, con gái tri-phủ cảm mến về thông-minh, hiền lành và siêng-năng của Phạm-Công cảm mến đến nỗi mang bệnh tương-tư. Ông và bà tri-phủ vì thương con gái nên gọi mẹ Phạm-Công đến tính chuyện hôn-nhân.

Đám cưới xong, mẹ Phạm-Công từ-trần.

Mười năm qua, Cúc-Hoa sinh hạ một gái là Nghi-Xuân và một trai là Tấn-Lực.

Triều-đình mở đại khoa. Phạm-Công lều chõng đi thi đồ trạng-nguyên. Tể-tướng tại triều âm-mưu chia rẽ vợ chồng Phạm-Công bằng cách cho người tâm phúc mang tiền bạc và thơ giả cho biết rằng Phạm-Công đã có vợ. Cúc-Hoa thất-vọng nhảy xuống ao tự-tử may được một ni-cô vớt đem về chùa.

Cúc-Hoa quyết đi tới kinh-kỳ gặp mặt người chồng bội bạc, chẳng ngờ nàng bị tay sai của tể-tướng bắt đem nhốt làm mất tích.

Phạm-Công vinh-quy bá tử, về tới nhà mới hay Cúc-Hoa đã ra người thiên-cổ. Chàng nằm mơ thấy nàng về khuyên nên lấy vợ kế để săn-sóc hai con.

Phạm-Công cưới Tào-Thị, rồi lại chầy kinh giao Nghi-Xuân, Tấn-Lực cho Tào-Thị. Hai trẻ bị hành hạ, đánh đập bỏ đói bởi người di ghê độc ác và dâm-bôn. Sau cùng, chúng trốn nhà ra đi đến nương nhờ nơi nhà Ông ngoại.

Phạm-Công được thơ cha vợ cho hay tự-sự, vội-vã trở về bắt tội Tào-Thị rồi vào chùa làm chay cho vợ. Nghe ni-cô kể chuyện, Phạm-Công mới hay Cúc-Hoa còn sống. Chàng mừng rỡ đi tìm vợ. Cúc-Hoa bị giam cầm, may nhờ chim bồ câu đưa huyết thơ ra ngoài nên mưu gian tể-tướng bị bại lộ. Phạm-Công đem quân đến giải-thoát Cúc-Hoa, gia-đình sum họp vui-vầy.

Cũng như cuốn phim «NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC» phim «PHẠM-CÔNG CÚC-HOÀ» do người Trung-Hoa đạo diễn và điều-khiển về kỹ-thuật, chỉ có diễn-viên là người Việt.

So với phim trước, «PHẠM-CÔNG CÚC-HOÀ» tiến-bộ khá nhiều về hình-thức, hình ảnh rõ, ánh sáng đúng, góc ảnh đôi chỗ tìm lời, nhưng dàn cảnh còn hỗn-độn, thâu thanh còn kém, nhiều đoạn không nghe rõ. Nhạc đệm điệu Trung-Hoa ngâm nga mãi một giọng nghe dễ chán tai. Bài-tri có phần công-phu và tốn kém, nhưng chưa lột tả được bộ mặt thật của triều-đại phong-kiến. Diễn-viên được lựa chọn kỹ hơn trong «NGHỆ-THUẬT và HẠNH-PHÚC» tạm làm tròn nhiệm-vụ của mình.

Cuốn phim chứa nhiều lầm lỗi về bố-cục và tâm-lý nhân-vật. Cúc-Hoà có vẻ là cô gái tán thời, biết chọc trai, biết thả bỏ câu đùa tin. Nhưng nàng thiên-cận, yếu hèn, dễ bị gạt, thiên-cận đến nỗi khi thoát chết rồi lại không ghé nhà thăm con mà đi thẳng lên kinh tìm chồng. Phạm-Công tài-tri dường ấy mà ai nói gì nghe nấy, không cần dò xét lại, nghe nói vợ chết tin vợ chết, nghe nói vợ sống, tin vợ sống, nằm mơ thấy hồn vợ về bảo cưới vợ kể cũng nghe theo. Hai vai chính đều sống trong trạng-thái tâm-lý thật thường nên đôi khi phản lại sự trung trình tiết-liệt, anh-hùng nghĩa-khí của Phạm-Công trong chuyện tích.

Dù sao, các nhà thực-hiện phim «PHẠM-CÔNG CÚC-HOÀ» cũng có ý tốt là muốn nêu những tấm gương *Trung, hiếu, tiết nghĩa* của thời xưa nhưng tiếc vì không khéo khai-thác đề-tài nên không hoàn-toàn thành-công.

Sau phim «Phạm-công Cúc-hoà», phim «CÔ GÁI VIỆT» của hãng Mỹ-Vàn ra đời.

Chuyện phim như sau :

«Nhu-Mai và Tuyết-Mai là con gái ông Hưng-Thịnh, một nhà triệu-phủ, hai cô sống một cuộc đời sung-sướng an-nhàn.

Lúc Nhu-Mai và Tuyết-Mai còn bé, ông Hưng-Thịnh rất nghèo, nghèo đến nỗi nuốt nước mắt nhìn vợ qua đời trong một cơn bệnh, ngặt vì không tiền mua thuốc.

Nay hai cô đã khôn lớn, được người vú già kể lại dĩ vãng của gia-đình và khuyên lơn nên giúp đỡ những kẻ khốn cùng, hai cô liền giác-ngộ. Hai cô nhất định năn-nỉ cha cho phép đi

đự một lớp huấn-luyện xã-hội để khi ra trường sẽ phục-vụ đồng-bào và tổ-quốc. Việt-Hùng, một sĩ-quan huấn-luyện, vị hôn-phu của Như-Mai, cũng tán đồng ý-kiến của nàng.

Trong một đêm mưa bão, Như-Mai tình nguyện đi theo một đàn ông lạ mặt để đi đỡ đở cho vợ y. Lâm xong phận sự, Như-Mai trở về bệnh-viện, dọc đường té gãy chân.

Đang dưỡng bệnh tại nhà thương thì vị hôn-phu của Như-Mai đến thăm nàng và nhắc nàng về vấn-đề hôn-nhân. Như-Mai khẳng-khải chối từ vì còn lo phận sự phục-vụ nhân-dân.

Thế rồi, đôi thanh-niên băng-hải lên đường công-tác.

Ý-định của soạn-giả có vẻ to-tát, muốn đưa ra một nội-dung thật lành mạnh, xây-dựng, nhưng không được kết quả như ý muốn.

Soạn-giả đã có thiện-ý đưa các cô gái nhà giàu chịu cực khổ để hòa mình trong cuộc sống của nhân-dân, nhưng các cô còn sang quá, chưa sống được hay thông-cảm được cảnh-ngộ của người nghèo khổ. Trọn cuốn phim, khán-giả chỉ có thể xúc-dộng ở đoạn cô Như-Mai tình nguyện đi đỡ đở cho một nông-dân nghèo đói, giữa đêm mưa gió bão-bùng đến nỗi phải trượt té gãy chân. Còn ngoài ra thì cuốn phim chỉ toàn chứa đựng những cảnh sang-trọng, với những nữ học-viên yêu-điều lả-lướt, hay làm dáng hơn là học-hành, khán giả có cảm tưởng các cô nữ cán-bộ đi cắm trại giống như phong-trào « vui-vẻ trẻ-trung » « dạo nào » hơn là đi « công-tác quần-chúng ».

Nhưng dù sao, với phim CÔ GÁI VIỆT, hãng Mỹ-Vân cũng đã dành dấu được sự tiến-bộ về hình-ảnh và âm-thanh gần tương-đương với phim GIÁ HẠNH-PHÚC. Với kỹ-thuật đó, hãng Mỹ-Vân hứa hẹn nhiều trông trông-lai. Cũng bắt đầu từ đây hãng Mỹ-Vân tiến qua ngành chuyên-âm phim ngoại-quốc.

Phim « VÌ ĐÁU ĐẾN NỔ » khép màn cho năm 1954. Đây là cuốn phim dài thứ ba của Phạm-văn-Nhận điều-khiển tại Pháp cho hãng Mỹ-Phương.

Chuyện phim phỏng theo quyền tiểu-thuyết « CHA CON NGHĨA NẶNG » của ông Hồ-biểu-Chánh. Nội-dung như sau :

« Đồng quê Việt-Nam ba chục năm về trước.

Sửa ngày ngày chăm ruộng, bắt cá, sống yên trong làng quê với vợ và ba con.

Một hôm, Sửu bắt được vợ ngoại-tình với Hương-hào Hội. Trong cuộc xô xát giữa đôi vợ chồng, người vợ bị va đầu vào ván ngựa và trút linh-hồn.

Hương-hào Hội bị tình nghi sát nhân, nhưng nhờ đút lót nên khỏi tội, bỏ làng mà đi. Sửu cũng trốn đi biệt-tích.

Mười lăm năm sau :

Ông Tào, người cha vợ gương mẫu, đã gây-dựng cho hai cháu ngoại sắp thành gia-thất với con nhà xứng đáng trong làng.

Nhưng bỗng Sửu trở về, bị làng bắt trời giải đi. Nhờ chàng rể biết luật can-thiệp nên cha con lại được đoàn-tụ hưởng hạnh-phúc dưới một mái nhà.

Ý của tác-giả là muốn diễn-tả một thảm-cảnh của đồng-quê và nhân đó đề-cao tình phụ-tử. Nhà làm phim đã phóng-tác theo sát ý của tác-giả. Nhưng nghệ-thuật dàn cảnh không được đặc sắc lắm, có lẽ vì xa cảnh quê-hương những 15 năm, nhà đạo diễn chưa hiểu sát được tâm-lý nhân-vật và đời sống thôn-giã miền Nam, cho nên có nhiều sai lầm trong chi-tiết ăn mặc và cử-chỉ của nhân-dân nông-thôn miền Nam.

Nhưng về phưng-diện kỹ-thuật, đây là một sự cố gắng lớn lao : đoàn quay phim phải từ Paris đến vùng Camarque ở miền Nam nước Pháp để thu vào phim cảnh đồng lầy tương tự như ruộng nước ở Việt-Nam.

Nhà dàn-cảnh đã dụng-ý phối cảnh một cách chậm rãi để hòa theo nhịp sống của đồng-quê. Hình-ảnh rõ-ràng, ánh-sáng đã gây không-khí giúp cho phần diễn-xuất thêm linh-dộng. Đối thoại có vẻ không kỹ-lưỡng, nhưng nhờ âm-nhạc đã giúp một phần lớn cho cuốn phim. Hầu hết diễn-viên đều trung-bình. Hai em bé đôi khi làm cảm-dộng người xem.

Nội-dung cuốn phim « VÌ ĐÁU ĐẾN NÔI » không có gì là sâu-sắc. Nhà đạo diễn cũng chỉ trình-bày y cốt chuyện, không lợi-dụng được để diễn-tả nếp sống đặc-biệt ở đồng-quê. Cho nên cuốn phim chỉ đáng sắp vào hạng phim trung-bình. Sau phim này hãng Mỹ-Phương cho ra nhiều phim Việt-Nam nữa đồng thời cũng chuyển mạnh qua ngành chuyên-âm phim ngoại-quốc.

Sau hai năm tương-đối dỗi-dào về phim Việt-Nam, năm 1955 là một năm nghèo nàn về lượng cũng như phẩm.

Mở đầu cho năm 1955, hãng Liên-Hiệp, do người Trung-Hoa điều-khiển, quay được hai cuốn phim màu cỡ 16 ly : « ĐẤU LÃ HẠNH-PHÚC » và « PHỤ-TỬ TÌNH-THÂM ».

Hai phim này thật là non-hót. Cốt chuyện đầu voi đuôi chuột. Kỹ-thuật thô-sơ, không đáng kể là phim.

Phim chỉ chiếu một hai hôm ở một rạp Saigon rồi dẹp ngay, và từ đó hãng Liên-Việt không hoạt-dộng nữa.

Sau đó, phim KHÔNG MỘT MÁI NHÀ của hãng « Lúa vàng » ra đời, với sự ủng hộ rộng lượng của hầu hết báo giới.

Cuốn phim do Nguyễn-dức-Trọng Mỹ-Tin đạo diễn, tả bước long-dong của một gia-đình hồi-cư không tìm được nơi thành một mái nhà để trú ngụ :

« Tuấn và vợ là Lan cùng con mới về thành-phố, đi lang-thang khắp nẻo. Họ gặp anh Sáu, người bạn cũ, hiện giờ đập xích-lò. Sáu mời vợ chồng Tuấn về nhà cùng ở. Nơi đây, vợ Sáu đang bệnh trầm-trọng thoi thóp trên giường, hai đứa con nhỏ nheo nhóc không ai giữ.

Hôm sau, Sáu đập xe rủi ro bị xe nhà binh ngoại-quốc cán chết. Vợ Sáu hay tin, chết vì cảm xúc và đuối sức. Hai đứa con Sáu mồ-côi, vợ chồng Tuấn phải nuôi.

Tuấn đi bán báo, bị bọn thanh-niên « lưu-manh » hành-hung giựt tiền, may nhờ hai anh thợ sơn cứu thoát.

Tuấn bị bệnh, Lan phải mượn vốn đi bán chè để nuôi gia-đình. Nàng phải khổ sở với bọn thanh-niên chọc gheo, hai giờ khuya về lạng lẽ gục đầu bên vai chồng khóc nức-nổ.

Hết tai này tới họa kia, Tuấn bị đuổi nhà vì không có giấy tờ hợp-pháp. Con chủ đất đến bảo Tuấn dọn nhà đi. Lan thấy hẳn nhận ra ngay là bọn chọc gheo mình đêm trước. Nàng sợ hãi quấy nhiễu, và lời qua tiếng lại, cuộc xô-sát diễn ra, con chủ đất lên xe hơi nhà đông mắt, nhưng không quên đe-dọa.

Thế là hôm sau, trên đường xóm lao-dộng vắng-vẻ, hai vợ chồng Tuấn cùng đám trẻ đi lang-thang trong cảnh không một mái nhà ».

Ưu-diễm của cuốn phim là nêu được sự tàn-nhẫn của chế-độ thực-dân bất-công và những tay sai phong-kiến vào khoảng 1952 mà phim này đã thực-hiện :

Auh Sáu bị xe nhà binh Pháp cán chết, để lại lũ con neo-nhóc, mà không được một sự bồi-thường nào.

Người chủ đất phong-kiến đuổi nhà bất-chấp cả pháp-luật.

Lũ thanh-niên cao-bồi lác-quái giữa thành-phố mà không bị trừng phạt.

Bên cạnh những sự tàn-nhân đó, may mắn còn có một tình đoàn-kết tương thân giữa người dân lao-động.

Gia-đình Sáu và gia-đình Tuấn nâng-dỡ lẫn nhau trong cảnh nghèo-khổ khốn-cùng.

Ngày Tuấn bị hành-hung lâm bệnh, cái nôi chề do hàng xóm cho mượn đã tiếp hơi cho cả một gia-đình đang thoi-thóp.

Ngoài những ưu-điểm chính kể trên, cuốn phim không tránh khỏi vài khuyết-điểm về tình-tiết bố-cục. Những chi-tiết ấy có hại cho nội-dung lành-mạnh của toàn bộ cuốn phim.

Về phương-diện kỹ-thuật, phim KHÔNG MỘT MÁI NHÀ thực hiện bằng phương-tiện của hãng Hợp-lực, hình-ảnh và âm-thanh đều kém, phần diễn-xuất tương-đối khá, nhưng dàn-cảnh, phối-cảnh rời rạc, mặc dầu đôi chỗ đổi chọi nội-dung hình-ảnh một cách tế-nhị.

Vào khoảng gần cuối năm 1955, hãng Mỹ-Vân trình-diễn lại phim ngắn : « LƯƠNG-SƠN-BÁ TRÙNG - PHÙNG TRÚC-ANH-ĐÀI » và « TÌNH QUÊ Ý NHẠC ».

Mục-dịch của hai cuốn phim này là đem lên màn - ảnh những bản nhạc cổ trong cuốn phim thứ nhất phỏng theo một chuyện tình-sử Trung-Quốc và những bản tân-nhạc trong cuốn phim thứ hai, phim thực-hiện tại Hồng-Kông.

Phim « TÌNH QUÊ Ý NHẠC » là một phim có nhạc cảnh của Lê-Thương, do Auh-Lân trông nom về phần diễn-xuất Túy-Hoa đóng vai chánh, đề-tài không có gì là đặc-sắc, tả một cuộc tình-duyên mọt-mạc giữa đôi trai gái nông-thôn, bị một chàng thợ cạo ở tỉnh thành đến quấy rầy một thời-gian ngắn. Kết cuộc chàng thợ cạo bị lỏng cổ đi, dân quê trở lại sống cuộc đời êm-đềm như xưa. Ngoài những đoạn chọc cười thỏa-mãn được khán-giả bình-dân, cuốn phim không tránh khỏi nhiều sự thất sách trong việc xếp đặt câu chuyện, trong cách trang-tri và cử-chỉ của nhân-vật.

Cuốn phim « LƯƠNG-SƠN-BÁ TRÙNG-PHÙNG TRÚC-ANH-ĐÀI » được phỏng theo thiên tình-sử Trung-Hoa :

« Tiều-thơ Trúc-Anh-Đài con gái của Trúc viên-ngoại, được cha cho phép cải nam trang xuống làng Châu học tập. Trong 3 năm đèn sách, nàng kết bạn với Lương-Sơn-Bá. Nàng thầm yêu Bá, trong khi Bá chỉ nghĩ nàng là một bạn trai. Đến lúc được tin cha gọi về gấp, nàng mới thổ-lộ tâm-tình cùng sư-mẫu, và hẹn ngày Bá tới nhà, nói dối rằng để gả em gái cho chàng. Bá cũng đem lòng yêu Đài, khi rõ nàng là gái, nên đúng ngày hẹn chàng hăng-hái lên đường để được gặp mặt Đài.

Trúc-Anh-Đài có ngờ đâu cha nàng gọi về là để ép gả nàng cho Mã-văn-Tài, một người quyền-thế cho nên ngày Bá với Đài trùng-phùng, theo lời hẹn tại nhà nàng, tưởng phải là ngày vui-vẻ, rút cuộc thành một ngày đau khổ...

Nghĩ rằng nàng tham sang phụ khó, Bá mắng nhiếc Đài thậm tệ. Nhưng trước những giọt lệ đau thương của Đài, Bá tỉnh-ngộ và đề-nghị với Đài cùng nhau tự-tử để tái-ngộ bên kia thế-giới. Nhưng giữa lúc cả hai sắp chia tay, để mỗi người tự-tử một cách thì bỗng có tiếng đàn kêu cầu-cứu, chống giặc xâm-lãng ngoài ngõ. Tiếng trống thức tỉnh, Bá và Đài, hai người bỏ ý định tự-tử và tỉnh cùng nhau đồng lòng hiến thân cho xứ sở, chọn cái chết vì giang-sơn tổ-quốc.

Trong thiên tình-sử, Bá và Đài chết đi, thành đôi bướm quẩn-quít bên nhau. Nhà làm phim đã sửa đổi kết cuộc cho có phần xây-dựng.

Cuốn phim quá ngắn, thiếu động-tác nhưng nhờ những lời ca đối-đáp khá nên có thể khiến cho hăng Mỹ-Vân đặt lòng tin-tưởng nơi trong-lai.

Tết nguyên-đán năm 1956, phim « LÒNG-NHÂN-ĐẠO » của hãng Mỹ-Phương đã ra mắt khán-giả.

Phim do nhà đạo-diễn Phạm-văn-Nhận diễn-khiển. Cốt chuyện phỏng theo quyển tiểu-thuyết « Tiếng sừng đêm mưa » của Phú-Đức, kể chuyện một bác-sĩ, con nhà giàu sang, quen thời Ich-kỹ, được một nữ khán hộ xinh-đẹp cảm-hóa, đưa đi chung đụng và giúp đỡ giới lao-động.

Cuốn phim mở đầu nơi phòng mạch của bác-sĩ Cảnh. Một người đàn bà nghèo nàn ôm đứa con đang sôi đến xin bác-sĩ chữa bệnh thì bị bác-sĩ từ chối. Có nữ điều dưỡng Liên-Hương

ân cần an-ủi và giúp cho một số tiền nhỏ. Người đàn bà xấu số ấy là vợ anh Lân, phu xích-lò, gia-đình của anh Lân đã nghèo lại càng nghèo xơ xác sau khi Lân bị ở tù một năm vì đã bắt được một máy chụp hình của khách đã bỏ quên trên xe. Lân ra tù, trở về chứng kiến cảnh vợ thiếu ăn, con thiếu thuốc...

Về phần cô nữ điều dưỡng Liên-Hương, thấy bác-sĩ Cảnh xử tệ với người nghèo, mà chiều chuộng khách giàu sang, nên chường mắt muốn xin thôi việc. Nhưng nàng nghe lời mẹ, ở nán lại làm việc thêm, với ý định cảm hóa bác-sĩ Cảnh. Dần-dần nàng kéo được bác-sĩ vào xóm bùn lầy nước đọng để chữa bệnh cho dân nghèo. Tình cờ hai người lại đến nhà Lân, săn-sóc cho đứa con trai nhỏ của anh. Trong lúc ấy, Lân cùng khờ quá sanh ra làm liều đi ăn trộm và lại vào đúng bác-sĩ Cảnh mở tủ lấy tiền. Lấy xong về đến nhà, từ kẹt vách trông vào anh thấy bác-sĩ Cảnh và Liên-Hương đang săn-sóc cho con anh. Lân hối hận, chạy một mạch đến nhà bác-sĩ Cảnh trả tiền lại. Khi đó bác-sĩ Cảnh vừa về tới thấy kẻ trộm, móc súng ra dọa. Trong lúc dằng co giữa hai người, súng nổ làm cho Lân bị thương ở bả vai. Cảnh và Hương săn-sóc Lân cho đến ngày lành bệnh, rồi cả hai tiếp tục đi viếng xóm nghèo để chữa bệnh. »

Bên cạnh những tác phẩm bắn súng, choáng lộn của tác giả Phú-Đức, quyền tiêu-thuyết « Tiếng súng đêm mưa » tương-đối lành mạnh, đề cao lòng ưu ái giữa người đối với người. Nhưng báo-chí chỉ-trích cốt chuyện ấy, cho rằng nó mang nặng tinh-thần bố-thí của người giàu đối với kẻ nghèo.

Cuốn phim của Phạm-văn-Nhận đã lọc bớt một phần những tình-tiết có thể nêu lên tư tưởng bố thí ấy nhưng cũng không tránh thoát hết thảy. Đây cũng là một cuốn phim lành mạnh với nội-dung tương đối khá.

Đây là cuốn phim đầu tiên của nhà đạo-diễn Phạm-văn-Nhận cùng chuyên viên tài-tử Việt-Nam thực-hiện tại xứ. Vì thoát khỏi được những bó buộc về phong cảnh như khi thực hiện phim tại Pháp, nhà đạo diễn đã biết lợi-dụng một cách công hiệu những phong-cảnh nước nhà. Sự lựa chọn những diễn-viên cũng được hoàn-hảo hơn. Cuốn phim biểu lộ được tài năng hai nghệ-sĩ từ sân-khấu bước qua màn ảnh : Kim-Cương và Trần-văn-Trạch, ngoài ra, còn giới-thiệu những khả-năng mới : Hà-Minh, Hồng-Hà, Huyền-Anh và em bé Nghĩa,

Mặc dầu phương-tiện kỹ-thuật của phim Lòng Nhân-Đạo, vẫn chưa được tinh-xảo và đầy đủ, những sự thiếu sót đó đã ảnh-hưởng ít đến cuốn phim. Hình ảnh rõ, ánh sáng khéo chọn (nhất là cảnh mưa gió ban đêm), phần mỹ-thuật không kém gì phim ngoại quốc hạng trung-bình. Công việc bài-trí cũng khá hoàn-hảo, chỉ có phần hóa trang và y-phục diễn-viên là còn nhiều sơ sót. Đối thoại khá linh-động, nhưng nhiều khi tìm tòi, có vẻ vẫn viết hơn là vẫn nói. Âm-nhạc phụ họa có thể gọi là thành-công.

Về phối cảnh thì nhà đạo-diễn đã tỏ ra lành nghề, nhưng nhịp điệu cuốn phim chưa được hoàn-hảo, nhiều đoạn quá dài (cảnh khiêu vũ, cảnh thầy pháp chửi bậy) so với nhiều đoạn khác quá ngắn (cảnh bác-sĩ giết chén thuốc của con bệnh, cảnh ẩu đả giữa anh phu xich-lò và người chà...) Ngoài ra, còn một vài đoạn tối nghĩa, chẳng hạn như khán-giả không rõ địa-vị của vợ chồng Lân bên cạnh bác-sĩ Cảnh là thế nào, sau khi Lân lành vết thương.

Mặc dầu có những sơ-sót nói trên, phim « Lòng Nhân-Đạo » cũng đáng kể là một trong những cuốn phim Việt-Nam có giá trị.

Sau phim « Lòng Nhân-Đạo » một tháng, hãng Mỹ-Phương đã thực-hiện phim « Giọt Máu Rơi » cũng do Phạm-văn-Nhận điều-khiển. Đây là một cuốn phim xã-hội đem lên màn-ảnh việc đui nhà vào thời thực-dân trước kia. Theo lời nhà thực-hiện, thì kỹ-thuật phim « Giọt Máu Rơi » khá hơn phim « Lòng Nhân-Đạo », song phim này chưa được phép chiếu.

Vào giữa tháng 4 năm 1956 dương-lich, phim « Tình-Hận » của hãng Lạc-Long, do Nguyễn-văn-Thảo điều-khiển, đã ra mắt khán-giả Saigon.

Phim « Tình-Hận » diễn tả đời sống đồng quê Việt-Nam dưới chế-dộ cũ, nêu lên những sự bức hiếp của những kẻ cậy-quyền ý-thể và những nỗi cơ-cực của nông-dân hiền lành chất-phác.

Chuyện phim như sau :

« Phiên-tòa Đại-Hình đầu tiên của Cộng-Hòa Việt-Nam xử một vụ án mạng, bị cáo can tội tranh đoạt vợ người (giết chồng cô Sen) và bị buộc tội gặt gao.

Ông Trọng-Sư đưa ra một nhân chứng. Người làm chứng kể.

« Tại một làng quê Nam-Việt. Mít và Sen thương nhau nhưng mối tình bị trở ngại : Cậu hai Phú con của Ông Huyện mê sắc đẹp của Sen vì hiếm con, nên muốn lấy Sen làm vợ bé.

Phú và Lão-Túc (người kiểm điền của Phú) bày mưu dẫu cho được Sen, nên khi định phân lúa ruộng của hai người thì định số lúa thật cao để Ông Hai-Gốc, cha của Mít không có tiền làm lễ cưới Sen cho Mít. Một mặt Lão-Túc đến nhà Ông Năm, cha của Sen, dụ dỗ để Ông Năm gả Sen cho Phú, hứa trừ hết số nợ cũ lại cho thêm đất vườn. Nhưng người nông dân chất-phác chỉ biết có tình-nghĩa, nhất định : « phận con nó đánh đâu thì gả đấy, chứ không có lẽ ham tiền đi ép duyên con ».

Tới ngày đóng lúa ruộng, Ông Hai Gốc phân trần, lời qua tiếng lại sinh ra gây oán. Ông Huyện nóng giận đánh Ông Hai. Mít động tình cha con, chộp cước bổ vào Ông Huyện. Mít bị bắt giam. Ông Hai về nhà thấy trâu bị dẫm đi, lúa thóc bị vợ vét, Ông buồn phiền sinh bệnh rồi chết.

Lão-Túc lại đến nhà Sen dỗ-dành cho Sen ưng cậu hai Phú. Sen không chịu, Lão-Túc dọa sẽ đưa Mít ra tòa và đưa Mít đi đây tại Côn-nôn. Sen hoảng kinh năn-nỉ Lão-Túc. Sen nhớ lại lời trời trăng của Ông Hai Gốc khi hấp hối : « Sen, con ưng cậu Hai đi, đừng để anh Năm phải khổ như bác »...

Phú cưới được Sen, một đám cưới lạ lùng có cô dâu nhưng không có chàng rể.

Mít mãn tù về, trước cảnh cha chết, cửa nhà tan nát người yêu bị đoạt, nên đau lòng, uất-ức, Mít đang đem xách dao đi rửa hận. Ông Năm và anh em lân-cận tìm cách khuyên can.

Sau rốt Mít đành ly-hương để quên nỗi đau buồn thống khổ. Nhưng Sen hay tin quyết chạy theo Mít. Mít cương quyết không cho đi. Con thuyền chở Mít đã xuôi giòng, Sen chạy theo kêu, bị đất lở rơi xuống sông, kết liễu cuộc đời bạc phận, gây nên thiên « Tình-hận ».

Về phương-diện nghệ-thuật, nhìn chung phim « Tình-hận » ưu-điểm đáng nêu là sự nhận-xét tinh-vi về đời sống nông-thôn. Từ lời ăn tiếng nói, đến những phản-ứng, những cử chỉ của nhân-vật, tất cả đều được diễn-tả theo đúng tâm-hồn mộc-mạc của người dân quê. Với cảnh gặt lúa, cảnh giã gạo đêm trăng, với giọng hò đặc-biệt Việt-Nam, cuốn phim mang lại cho người xem hương-vị dịu-dàng của đời sống nông thôn, gọi lên

ình yêu thâm-thúy. Trái lại, khung-cảnh tòa-án không được diễn tả một cách đặc-sắc : phiên tòa đại-hình không gọi đủ không-khi oai-vệ trang-nghiêm. Cuốn phim chấm dứt ngay sau khi trạng-sư bênh vực bị cáo và có vẻ gương, nhất là thỉnh-giả lại ra về trước khi nghe tòa tuyên-án.

Phần diễn xuất trong phim « Tinh-Hận » rất đều, mặc dầu tất cả diễn-viên, trừ Lý-quốc-Mậu, đều đóng phim lần đầu. Đáng khen hơn hết là cụ Trọng-Linh (ông Hai Gốc) cụ Tiền-Ninh (ông Năm) và Phi-Long (Lão-Túc) đã đóng những vai tuồng khác hẳn lối sống thật ngoài đời nhưng vẫn diễn tả được một cách xuất sắc vì đã quan sát kỹ những vai tuồng ấy. Hoàng-Nhân trong vai Mit, Lan-Anh trong vai Sen và Kim-Huê trong vai Lại cũng gần diễn được đúng mức vai tuồng của mình.

Về phương-diện kỹ-thuật, với máy móc thô-sơ và thiếu thốn, với phương-pháp làm việc thủ-công, cuốn phim đã được thực-hiện hoàn-toàn ở Việt-Nam, từ rửa phim, in phim, nối phim cho đến thâu thanh, nhưng hình ảnh không được rõ, ánh sáng không được đều. Âm-thanh không đúng theo từng cảnh. Nhạc phụ họa cũng kém, không đủ sức gọi tình-cảm của hình-ảnh.

Nghệ-thuật phối cảnh và chọn lọc cảnh chưa được đúng mực, nên cuốn phim không được hấp-dẫn, đầu tình-tiết chuyện phim rất dài-dào.

Tuy có những khiếm-huyết về kỹ-thuật kể trên, phim « Tinh-hận » cũng đã gây du-luận sôi nổi trong giới báo-chí, vì nội-dung của nó.

Đức cha Võ-Thành đã viết trong báo « Đường-Sống » :

« Tinh-Hận » là một cuốn phim xã-hội đáng giá lột được tất cả dân-tộc-tình, làm sáng tỏ đường lối cách-mạng của dân ta. Công cuộc Cách-mạng toàn diện của dân-tộc đang được thực-hiện đã có âm-hương trong cuốn phim này rất nhiều. Đó là một cuốn phim bài phong diết cộng và nêu cao chánh nghĩa hơn hết. Nhất là cuốn phim đã làm nổi bật Công-Lý Cộng-Hòa do Ngô Tổng-Thống lãnh-đạo. Ngoài ra, còn một điểm tề-nhị mà tác-giả cuốn phim đã tài tình tạo nên được, đó là tinh cách « luân-lý đấu-tranh ». Đây là tinh cách xây-dựng đặc-biệt nhất của cuốn phim. Nó chống Cộng bằng hành-động chứ không phải bằng lời nói nữa. Cộng-Sản đã chủ-trương « giai-cấp đấu-tranh » bằng những

cuộc đờ máu, nhưng tại chánh thể Việt-Nam Cộng-Hòa người dân nghèo đã biết đấu-tranh bằng một cách « ôn-hòa »... chính Mit trong khi nuôi mộng các thù cũng phải thôi đi trước tình mặt nồng và trước « luân-lý đạo-giáo ».

Báo « Lẽ-Sống » cũng đã phê bình : « Nội-dung của phim nêu lên được những gì bi-ấn, u-uất của đồng quê giữa thời phong-kiến thực-dân. Ở đây, nhà sản-xuất muốn vẽ lại những cảnh đau lòng của đồng quê, giữa thời mà ông chủ điều gần như cầm chánh-quyền sanh sát vận mạng của tá-điền... »

Báo Tiếng Chuông đã khen : « Tinh-Hận đã phá chế-độ điền-chủ thực-dân đã vỡ vết đĩa tô, thóa-mạ nhân-vị — Cuốn phim làm sáng tỏ công-lý Quốc-Gia, tôn trọng nhân-vị, bảo-vệ gia-đình.

Và báo Phụ-Nữ Diễn Đàn « kết-luận » : « Cuộc thế nói rằng từ xưa đến nay chưa có một cuốn phim Việt-Nam nào nội-dung phong-phú và lành mạnh bằng phim « Tinh-Hận ».

Ngoài ra, còn nhiều báo khác cũng khen phim « Tinh-Hận » với những ý tưởng tốt như trên.

Bên cạnh những lời khen ấy, có một vài tờ báo chỉ-trích rằng cuốn phim có lợi cho Việt-Cộng, vì đề-cao giai-cấp đấu-tranh rõ-rệt.

Sau phim « Tinh-Hận », hãng phim Việt-Thanh đã cho ra phim « TẮM-CÁM », phần diễn xuất do người Việt đảm-nhiệm nhưng phần đạo-diễn và kỹ-thuật đều do người Trung-Hoa điều-khiển.

« TẮM-CÁM » là một chuyện cổ-tích Việt-Nam thường được truyền tụng, ai cũng biết, thiết-tưởng khỏi phải thuật lại ở đây.

Đem cốt chuyện ấy lên màn ảnh, nhà sản-xuất Việt-Thanh đã làm một việc có ý-thức, thỏa-mãn được nhu-cầu khán-giả. Ai cũng nhìn nhận rằng chuyện « Tắm-Cắm » có tác-dụng đề cao vai thiện, kết-án vai ác. Chỉ điểm đó cũng đủ mang lại cho cuốn phim một nội-dung lành-mạnh.

Nhưng tiếc rằng nhà làm phim đem ra rất ít phần sáng-tạo, không khéo khai-thác câu chuyện cho thêm ý-nghị và hấp-dẫn.

Vai trò sáng-tạo trong cuốn phim là Vai người cậu của cô Cám, chỉ làm hại cho chuyện phim. Vai ấy thừa vì nó làm mất một phần lớn tánh đanh-ác và trách-nhiệm của người di ghê.

Ngoài ra, chế-độ hà-khắc của gia-đình phong-kiến không được diễn tả sâu-sắc. Người di-ghê cứ lải nhải mãi mấy lời chửi mắng làm thưng với một vài cái ngắt véo cho có lệ. Dụng tâm của Cám hiệp đáp và ám hại Tấm có thể được khai-thác một cách dồi-dào.

Đối thoại rườm-rà thiếu bề sâu, phần dàn cảnh cầu-thả như cho xong chuyện, kinh thường cả nghệ-thuật, sự biến chuyển và trạng-thái, cùng hành-dộng của các nhân-vật không được nghiên-cứu cho hợp-lý.

Dư-luận các báo : báo Thời-Luận cho rằng : phim Tấm Cám không xây-đựng được gì cả và trình-bày quá cầu-thả. Báo Trời-Nam : « về kỹ-thuật cũng như nghệ-thuật, phần ưu-điểm, chúng tôi cố tìm nhưng thấy hiếm quá ».

Báo Lễ - Sống : « phim Tấm Cám làm thất-vọng mọi người ». Báo Tiếng-Chuông : « phim Tấm Cám nông - cạn thoái-bộ về nội-dung, cầu-thả về dàn-cảnh, đối thoại ngây-ngồ cộc lốc ».

Tuy nhiên vốn sẵn có nội-dung lành-mạnh và đi đúng vào tâm-lý quần-chúng, phim Tấm Cám đã gặt hái được kết-quả về tài-chánh.

Sau phim Tấm — Cám phim « Ánh Sáng Miền Nam » ra đời. Đây là cuốn phim Việt-Nam do hãng Đông-Phương cộng-tác với hãng phim Phi-Luật-Tân. Phần kỹ-thuật, chuyện phim dàn-cảnh, do nước bạn đảm nhận.

Nhờ kỹ-thuật máy-móc của nước bạn nêu hình-ảnh, ánh-sáng, âm-thanh đẹp, rõ-ràng.

Bài ca và bản nhạc « Quê-hương tôi » của Phạm-Duy đặt đúng chỗ gây được xúc cảm, riêng sự thay đổi địa điểm khi trong Nam khi ngoài Bắc, qua những hình ảnh mờ, làm khán-giả không hiểu kịp.

Phần diễn-xuất : Về phần tài-tử Việt-Nam, cô Khánh-Ngọc đã lo tròn nhiệm-vụ mình trong vai Lan.

Phần dàn-cảnh : Một nhà đạo-diễn Phi-Luật-Tân dàn-cảnh chuyện phim Việt-Nam lẽ tất nhiên không tránh được nhiều điều so-sát đến lúc cười.

Phần nội-dung lành-mạnh, cuốn phim nói lên được một đoạn lịch-sử đau thương nhất của dân-tộc Việt-Nam, vạch được

tội ác của Cộng-sản, đã làm gần một triệu người bỏ nhà cửa quê hương ra đi.

Đây là cuốn phim chống Cộng đầu tiên, từ khi có cuộc đi-cử của nhân-dân miền Bắc vào Nam.

Tuy có nhiều khuyết điểm về bố-cục nhưng nhờ kỹ-thuật diễn xuất vững vàng và câu chuyện hấp dẫn lại có thủ-cách thời sự nên lời cuốn được rất đông khán giả đi coi. Sau cuốn phim này, phim « CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG » ra đời, một phim Tố-Cộng đạt được nhiều thành công nhất.



Chúng ta nên xây-dựng Đ.A. Việt-Nam như thế nào ?

Trên nguyên-tắc cái gì khởi sự đứng đầu mới hy-vọng đi tới kết-quả mỹ-mãn. Đ.A. Việt-Nam ngày nay còn ấu trĩ nhưng, biết tổ-chức, biết rút kinh-nghiệm của 60 năm Đ.A. thế-giới, chúng ta có thể theo kịp các nước dần anh.

Đ.A. Việt-Nam xây-dựng dưới hình thức nào ? Ta có thể đề ra 3 hình thức :

- 1.— Hoàn-toàn tự-do, ai có tiền, thích làm điện-ảnh thì làm.
- 2.— Hoàn-toàn trong tay chính-phủ.
- 3.— Trong tay tư-nhơn do Chánh-Quyền điều-hòa, nâng-dỡ. thiếu điều-kiện không được làm Đ.A.

Hình thức thứ nhất, chỉ có thể thực-hiện được khi trong nước có một nền kinh-tế kỹ-nghệ vững-vàng (không hợp với hoàn cảnh nước ta.)

Hình thức thứ nhì, không thích hợp với nền dân-chủ tự-do, nền Cộng-Hòa Việt-Nam.

Hình thức thứ ba, hợp với hiện-trạng của nước nhà, hợp với thực-lực và ý-muốn của giới Đ.A. Việt-Nam. Muốn thực-hiện hình thức này, chúng ta cần phải có một chế-dộ mới cho Đ.A. V.N., một trung-tâm điện-ảnh

Chế-độ điện-ảnh

Chúng ta phải bãi bỏ càng sớm càng hay, những luật-lệ do thực-dân đề-lại. Những luật-lệ này rắc-rối phiền hà dụng ý là để cản trở sức tiến triển của Đ.A.V.N.

Sự kiểm-đuyệt phim là cần, nhưng muốn cho phù hợp với chế-độ dân-chủ, với đúng nghĩa dân-chủ thì trong ban kiểm-đuyệt phim phải có đại-diện của giới sản-xuất, có đại-diện của giới chuyên viên.

Thực hiện một cuốn phim là một công trình lớn lao tốn bao mồ hôi của tài-tử, của chuyên-viên, của nhà sản-xuất.

Công-trình có khi hàng năm, số tiền bỏ ra là cả sự nghiệp.

Nếu cứ hoàn thành cuốn phim rồi mới đem cho hội-đồng kiểm-đuyệt định-đoạt số phận của cuốn phim thì thiệt là một trở ngại lớn cho nhà sản-xuất.

Để tránh khỏi những phí tổn, mất công lao của các chuyên viên tài-tử đã đóng góp vào cuốn phim bị cấm, cơ-quan kiểm-đuyệt nên bàn cãi kỹ-càng tài-liệu của cuốn phim (découpage technique) trước khi cho phép quay. Trong (découpage technique) của cốt chuyện nhà chuyên viên đã trình-bày rõ-ràng từng cử-chỉ, từng hình ảnh, lời nói tiếng động, hội-đồng kiểm-đuyệt có thể nắm vững được tinh-thần tinh-chất của cuốn phim, nên cần phải bỏ đoạn nào, tiếng nói nào, thì nhà chuyên-viên và sản-xuất tìm cách sửa chữa cuốn phim ngay trước khi quay, như vậy chúng ta tránh được tình trạng phải xem những cuốn phim bị cắt xén... không có liên tục về hình ảnh và ý-nghĩa chuyện phim, (continuité). Một khi hội-đồng kiểm-đuyệt cho phép quay rồi, thì việc kiểm-đuyệt lần thứ hai sau khi quay xong chỉ là phụ.

Vấn-đề kiểm-đuyệt phim hiện nay đang làm cho các nhà sản-xuất băn-khoăn trong việc lựa chọn đề tài.

Cho nên việc cần-thiết nhất cho sự nâng đỡ Đ.A. là phải có một chế-độ cởi mở, phải có một cơ-quan do chánh-quyền thành-lập gồm có những người am hiểu Đ.A, có đại-diện của các nhà sản-xuất, đại-diện những nhà chuyên môn. Cơ-quan này là trung tâm điện ảnh Quốc-Gia Việt-Nam.

Trung Tâm Đ.A. Quốc-Gia Việt-Nam lo điều hòa, nâng đỡ, đặt ra những luật-lệ, tìm những biện pháp thích ứng cho Đ.A.

Vốn sản-xuất

Đã nhận thức được sự quan-trọng của Đ.A. đối với nền Văn-Hóa, đối với nền kinh-tế Quốc-Gia, đã thấy rằng Đ.A.V.N hiện đang được dân-chúng ủng-hộ, đã thấy phim Việt-Nam khan hiếm, vậy tại sao người có tiền lại không muốn bỏ ra làm phim ? tại sao bao nhiêu hãng làm xong được một cuốn phim lại bán máy, lại phá sản ? có phải vì sự rủi ro không ?

Nếu trong 10 hãng mà không may hai hãng phải bán máy, thì có lẽ là sự rủi ro đáng tiếc, nhưng thực trạng cho ta thấy 10 hãng thì 9 hãng rủi đều vậy.

Sự kiện này buộc ta phải chú-ý, phải mổ xe, phải tìm cho ra nguyên nhân.

Việc đó thiết tưởng cũng không khó gì.

Nguyên nhân chính là chúng ta thiếu vốn ; muốn có vốn thì chúng ta phải làm sao cho việc làm phim có lời. Tại sao làm phim Việt-Nam không có lời ?

1) Tại tất cả các máy-móc làm phim chúng ta không có, tại phim ảnh chúng ta phải mua ở nước ngoài, muốn mua những ngoại-phẩm này phải có nhiều tiền.

Có nhiều tiền là một chuyện khó.

Có tiền rồi lại phải làm sao có ngoại-tệ, là hai chuyện khó.

Hàng mua từ nước ngoài bị đánh thuế xuất-cảng, về tới nước mình, thêm thuế nhập-cảng, thuế nọ chồng lên thuế kia, món hàng đã đắt, càng thêm đắt.

2) Phim làm xong đem chiếu ngoài thị-trường, lãnh-vực phò-biến đã hẹp, lại hẹp thêm.

3) Vì sự tổ-chức của mình còn mới-mẻ, non-nớt và phải cạnh-tranh đương đầu với các hãng phim ngoại-quốc đã có những căn-bản vững-chắc nên thường bị lấn át, các rạp không chịu chiếu hoặc có chiếu thì chiếu vào những tuần lễ gần cuối tháng nghĩa là chiếu vào những tuần lễ mà dân-chúng hết tiền.

Muốn các nhà tư-bản Việt-Nam bỏ tiền ra, chúng ta phải làm sao cho những cuốn phim Việt-Nam giảm được giá vốn, vì hiện thời giá một cuốn phim Việt-Nam so với cuốn phim ngoại-quốc chuyển-âm giá đắt tới 4 lần. Một cuốn phim Việt-Nam tốn không dưới 800.000\$00, một cuốn phim chuyển-âm tốn lời

200.000\$00. Những nhà chuyên-âm đôi khi dùng mánh lời chuyên tiền có thể rút cuộc lời hẳn cuốn phim. Nghĩa là có cuốn phim chuyên-âm chiếu tại Sài Gòn mà không mất một đồng xu vốn, thực-trạng đó làm cho những nhà sản-xuất phim Việt-Nam đều chuyển-hướng về ngành nhập-cảng, chuyên-âm phim ngoại-quốc.

Muốn thoát khỏi cảnh bế-tắc này, muốn làm giảm giá thành cho phim Việt-Nam, chúng ta phải có một kế-hoạch.

Kế-hoạch này gồm có 5 điểm :

1.— *Thời-gian* : Kế-hoạch sẽ đặt trong vòng 5 năm, khoảng thời-gian này là khoảng thời-gian cần-thiết để vừa xây-dựng vừa rút kinh-nghiệm.

2.— *Trợ-cấp* : Trù-liệu một sự trợ-cấp trực-tiếp và gián-tiếp cho những cuốn phim Việt-Nam bằng cách :

a) Bỏ hẳn thuế nhập-cảng dụng-cụ máy-móc vật-dụng cần-thiết cho cuốn phim.

b) Trợ-cấp cho cuốn phim Việt-Nam một số tiền không dưới số tiền thuế sản-xuất, thuế du-hí (taxe de spectacle) thu được khi đem chiếu cuốn phim. Phương-pháp này đã được áp-dụng ở Pháp sau thời-kỳ chiến-tranh để phim Pháp tranh-thương được với phim ngoại-quốc.

3.— *Cho vay* : Cho vay trước từ 1/3 đến 2/3 số vốn cần-thiết để thực-hiện cuốn phim với điều-kiện khi đem chiếu, Chánh-phủ thu về trước phần cho vay.

4.— *Bênh-vực* : Bênh-vực các phim Việt-Nam chống lại sự cạnh tranh của các hãng phim ngoại-quốc (độc quyền rạp, độc quyền bán nguyên-liệu).

5.— *Cổ-động* : Cổ-động để nhiều nhà tư-bồn Việt-Nam bỏ vốn làm phim. Thành-lập những công-ty tư nhơn, những công-ty bán công bán tư.

Thực-hiện được 5 điểm trên đây chẵn-chẵn nền điện-ảnh Việt-Nam sẽ không thiếu gì vốn.

Lấy tiền đâu để thực-hiện kế-hoạch 5 năm xây-dựng Điện-ảnh Việt-Nam ?

Theo tài-liệu năm 1953, dân-chúng Việt-Nam mỗi năm trung-bình bỏ ra lời 300 triệu đồng để đi coi chiếu bóng.

Bỏ ra 300 triệu để được coi những cuốn phim không hợp với cảm quan mình, những cuốn phim lãng mạn truy-lạc ?

Trung bình trước kia chúng ta nhập cảng trên bảy trăm cuốn phim một năm. Số tiền lọt ra nước ngoài mỗi năm trên 100 triệu, số thuế thu được về Điện-ảnh lối 100 triệu. Nay ta chịu hy-sinh 5 năm đầu, 5 năm có nghĩa gì đối với lịch-sử, ta trích ra 20% nghĩa là lối 20 triệu đồng thời, để gây-dựng một nền Điện-ảnh Quốc-Gia lành mạnh.

Trích ra 20 triệu đồng trong số 300 triệu đồng, dân Việt-Nam bỏ ra để gây dựng lại một nền điện-ảnh lành-mạnh phục-vụ cho họ, điều thứ nhất là một việc làm hợp lẽ phải, điều thứ hai sau 5 năm kế-hoạch, nền điện-ảnh Việt-Nam phát-triển rồi, số tiền trên 100 triệu hàng năm lọt ra ngoại-quốc, sẽ lọt vào quỹ chánh-phủ, quỹ nhân-dân Việt-Nam. Điều thứ ba kỹ-nghệ điện-ảnh phát-triển sẽ thu hút một số lớn nhân-công, chuyên-viên, tài-tử, sẽ đỡ nạn thất-nghiệp. Điều thứ tư, điều can hệ nhất, không có tiền bạc nào đánh giá được, ấy là nền Văn-hóa Việt-Nam được thêm phần tiến-triển.

Cách-thức trợ-cấp Phim Việt-Nam như thế nào ?

Vấn-đề này nêu đề trung-tâm điện-ảnh Việt-Nam nghiên-cứu nhưng cũng cần nêu vài nguyên-tắc sau đây :

Nếu số trợ cấp là 100 thì :

- a) Phim, tất cả tài-tử do người Việt-Nam đóng được 25%.
- b) Phim do tài-tử Việt-Nam đóng, chuyên-viên Việt-Nam thực hiện được 50%.
- c) Phim do tài-tử Việt-Nam đóng, chuyên-viên Việt-Nam thực-hiện ở phim trường Việt-Nam được 75%.
- d) Phim do tài-tử Việt-Nam chuyên-viên Việt-Nam phim trường Việt-Nam thực-hiện được 100%.

Trên nguyên-lắc, sự trợ cấp không dưới số thuế sản-xuất, thì dụ mỗi cuốn phim Việt-Nam sẽ được trợ cấp lối 300 ngàn đồng tới 500 ngàn đồng.

Như vậy với 20 triệu ta có thể trợ cấp cho lối 50 cuốn phim Việt-Nam.

Trợ cấp để cho có 50 cuốn phim Việt-Nam, chống với 70 cuốn phim nhập cảng, kể ra cũng là yếu lắm rồi. Nhưng với sự

kiến-tạo sẵn có của giới điện ảnh Việt-Nam, chắc-chắn sau 5 năm, điện ảnh Việt-Nam sẽ vượt lên cao.

Phải trợ-cấp hay cho các rạp chiếu bóng vay.

Phim làm ra phải có rạp chiếu mới thu hồi được số vốn về và kiếm lời. Số các rạp chiếu bóng Việt-Nam từ vĩ tuyến 17 trở về có tất cả tới 70 rạp trong đó lối 10 rạp không đáng gọi là rạp chiếu bóng. Song song với sự nâng đỡ ngành sản-xuất, phải có sự nâng đỡ việc xây cất rạp, phải kiểm-soát sự kiến-trúc rạp, kiểm-soát việc đặt máy móc, phải khuyến-khích việc xây-cất rạp càng nhiều càng tốt, phải giúp các người muốn cất rạp cả phần kỹ-thuật và phần tài-chánh.

Điện-ảnh là một tiếng nói quốc-tế, thí-dụ : ta không biết tiếng Ý như coi phim Ý ta vẫn hiểu câu chuyện, vẫn thông-cảm với các vai trong chuyện.

Một đạo-diễn, một diễn-viên nói ra cả triệu người nghe không riêng đồng-bào họ nghe mà cả thế-giới nghe. Tiếng nói họ quan-trọng như vậy, tiếng nói điện-ảnh quan-trọng như vậy thì sự đào-tạo cán-bộ điện-ảnh ta lại dám cầu-thả sao ?

Cho nên cần thành-lập trường đào-tạo cán-bộ chuyên-môn điện-ảnh Việt-Nam. Trong chương-trình giáo-huấn chuyên-nghiệp của Chinh-Phủ phải có môn điện-ảnh. Ngoài ra phải có một cơ-quan sưu-tầm nghiên-cứu về điện-ảnh: Sưu-tầm nghiên-cứu về kỹ-thuật cũng như nghệ-thuật.

B) *Đường lối Văn-Nghệ của điện-ảnh Việt-Nam.* Điện-ảnh Việt-Nam ra đời trong thời-kỳ Pháp-thuộc, cho nên, lịch-sử điện-ảnh Việt-Nam cũng như lịch-sử dân-tộc Việt-Nam trong thời-kỳ đó, đã trải qua bao nhiêu thăng trầm sóng gió.

Trong khi ở các nước bạn độc-lập, nền điện-ảnh tiến-triển mạnh-mẽ để phục-vụ cho dân-tộc bạn thì ở Việt-Nam điện-ảnh bơ-vơ lạc-lỡng.

Cũng bởi sinh nở trong khi nước nhà bị lệ-thuộc, nền điện-ảnh Việt-Nam đã có bao nhiêu lầm-lạc, đã nếm bao mùi thất-bại chua cay.

Tuy nhiên, tinh-thần Quốc-Gia dân-tộc của nhân-dân Việt-Nam lần lần trỗi dậy đập tan xiềng xích nô-lệ, tinh-thần ấy đã bướng-dẫn điện-ảnh Việt-Nam từ chỗ không căn-bản, không

định hướng, lai căng, lẫn về với nhiệm-vụ của nó là phục-vụ cho toàn dân.

Từ những cuốn phim lạc-lỡng đi lẫn tới những cuốn phim có ý-thức xây-dựng như « Trai thời loạn », « lòng nhân-đạo », « giọt máu rơi », « chúng tôi muốn sống » v.v...

Từ những cuốn phim vô-vấn, ái-tình lãng-mạn đi lẫn về phim xã-hội đề cao Văn-Hóa Việt-Nam, đã phá những thói-nát xã-hội.

Điện-ảnh Việt-Nam đã từ trong nhân-đạo Việt-Nam mà ra từ lòng yêu nước yêu nghệ-thuật nòng-nân của nhân-dân Việt-Nam nảy-nở nên đã không đi sai đường hướng phục-vụ cho xứ sở, cho toàn dân.

— Điện-ảnh phải phản-ảnh văn-hóa Việt-Nam.

— Điện-ảnh phải ca tụng những phong-tục tập-quán thuần-mỹ của Việt-Nam.

— Điện-ảnh phải phản-ảnh những tiến-bộ của khoa-học trong nước và ngoài nước.

— Điện-ảnh phản-ảnh những trang lịch-sử oanh-liệt, những gương anh-hùng hy-sinh vì nước, vì dân-tộc.

— Điện-ảnh ca ngợi sức đấu-tranh và xây-dựng của nhân-dân, sự sinh-hoạt tiến-bộ của toàn-dân.

— Điện-ảnh bài trừ những đời phong bại tục, óc dị đoan, tư-tưởng phong-kiến, lãng mạn.

Điện-ảnh đã phá những tư-tưởng nô-lệ, tinh cách áp bức, độc-tài.

Tóm lại phương hướng và nội-dung của điện-ảnh là phải có dân-tộc tinh lẫm-mạnh, bài-phong, đã thực, chống cộng.

Điện-ảnh Việt-Nam, vừa thoát ách thực-dân và phong-kiến, còn đang bị đe dọa bởi một hiểm-họa ngoại lai.

Để tránh mối hiểm họa này, một nền văn-hóa dân-tộc, một nền văn-hóa nhân-vị, phải được tích-cực phát-triển.

C. — Đường lối phổ-biến :

— Chúng ta đã biết nhiệm-vụ của điện-ảnh, chúng ta đã biết sức-mạnh của điện-ảnh. Muốn tranh-thủ nhân-tâm thắng-lợi bằng sức mạnh của điện-ảnh trong hoàn-cảnh nước

ta bây giờ, chúng ta phải đặt trọng tâm vào loại phim nào ? loại 25 ly hay 16 ly để phổ-biến được sâu rộng ?

Qua các cuốn phim Việt-Nam từ trước tới nay ta nhận thấy một điểm chung đáng chú-ý là các cuốn phim sản-xuất tại Việt-Nam đều cỡ 16 ly. Những cuốn phim phần lớn kỹ-thuật nhờ ngoại quốc là phim 35 ly.

Sự kiện này là vì tất cả các vật-liệu và máy móc dụng-cụ về điện-ảnh chúng ta không phải mua ở nước ngoài vì ngoại tệ ít ỏi mà phim 35 ly đắt tiền hơn phim 16 ly nhiều, vì máy móc dụng-cụ để sản-xuất phim 35 ly đắt hơn máy móc dùng để làm phim 16 ly bội phần.

Giá hiện thời 1 thước phim 35 ly là 7\$

1 thước phim 16 ly là 3\$

Muốn chiếu trong một tiếng đồng hồ số thước phim 35 ly phải nhiều gấp ba lần số thước phim 16 ly.

Mỗi món đồ, máy móc hay dụng-cụ để làm phim 35 ly đều đắt hơn làm phim 16 ly từ 3 tới 5 lần.

Từ cuộc đại chiến thứ hai, loại phim 16 ly đã tiến những bước vượt mức, phải nói là nhờ ở sự tiến-bộ của máy móc, phim 16 ly đã làm một cuộc cách mạng điện-ảnh, đã thay thế được phim 35 ly trong mọi địa hạt : Khoa-học, quân-sự, Y-tế, giáo-dục, thông-tin.

Nhờ ở sự tiến-bộ của máy móc, phim 16 ly có thể rọi lên thành phim 35 ly dễ-dàng.

Ta thử so sánh lợi hại của hai loại cỡ phim :

Phim 35 ly.

Tay quay cũng như máy chiếu nặng-nề, kèn càng khó di chuyển.

Đắt tiền.

Màn ảnh rộng tới 20 thước chiếu được tại các rạp lớn hàng ngàn ghế ngồi tất cả các rạp lớn đều có máy chiếu.

Những rạp nhỏ những đoàn lưu-dộng không có máy chiếu. Có thể phổ-biến ở các đó-lị.

Phim 16 ly.

Máy quay cũng như máy chiếu nhẹ và gọn, dễ di chuyển...

Rẻ tiền.

Máy ảnh rộng tới 6 thước, chiếu được tại các rạp nhỏ bảy, tám trăm ghế trở xuống.

Một số rạp lớn không có máy chiếu.

Những rạp nhỏ, những đoàn chiếu bóng lưu-động đều có máy chiếu.

Khả-năng phổ-biến : khắp mọi nơi, từ đô-thị đến thôn quê.

Điện-ảnh muốn được đại chúng thì theo bằng đối chiếu trên đây loại phim 16 ly có nhiều ưu-điểm hơn, hợp với hoàn-cảnh nước nhà hơn.

Hiện nay một số rạp không có máy chiếu phim 16 ly và những máy chiếu 16 ly không được săn-sóc kỹ-lưỡng, vả lại loại phim này còn ít quá, một năm mới có một cuốn, có khi 2 năm một cuốn, nên chủ rạp không buồn săn-sóc tới, không muốn mua sắm thêm.

Trên thế-giới, kỹ-nghệ điện-ảnh đã chuyển hướng mạnh qua loại phim 16 ly.

Tại Huế-Kỳ có rất nhiều hãng nhiều xưởng, nhiều phim trường lớn chuyên làm máy móc và sản-xuất phim 16 ly.

Có biết bao nhiêu chuyên viên tài-tử chỉ chuyên làm phim 16 ly, từ loại đen trắng đến loại màu, từ phim tái-liệu đến phim dài. Số rạp chiếu phim 35 ly ở Mỹ đứng lại mà số rạp 16 ly tăng lên nhanh chóng.

Tại Pháp 5 năm đầu sau chiến-tranh, số rạp chiếu phim 16 ly đã lên tới 1824 rạp : cũng sau chiến-tranh ba năm đầu kể từ khi điện-ảnh nước Pháp được điều hòa nghĩa là từ 1947 đến 1950 số phim 35 ly đem trình-diễn tại nước Pháp là 1008 cuốn trong khi đó số phim 16 ly đang còn là số 963.

Tại Tiệp-Khắc sau chiến-tranh, một chương-trình 5 năm cho điện-ảnh được thi-hành. Sau chương-trình đó, nghĩa là tới năm 1953 số rạp chiếu phim 35 ly từ 1875 rạp ; rút xuống còn 1574 rạp. Số rạp chiếu phim 16 ly từ 393 rạp được đưa lên thành 2596 rạp. Thêm vào đó có 5000 máy chiếu phim 16 ly cho các trường học. Sự chuyển-hướng rõ-rệt trên đây buộc những nhà điện-ảnh Việt-Nam, những nhà có nhiệm-vụ xây-dựng nền điện-ảnh Quốc-Gia phải suy-nghĩ, phải thận-trọng, vì chúng ta sắp tiến những bước đầu.

Tại sao có sự chuyển-hướng trên đây ?

1.— Tại ở sự tiến-bộ vượt mức của máy-móc.

2.— Tại sau chiến-tranh, nền kinh-tế chiến-tranh các nước bị nhào đổ hay kiệt-quệ, không có tiền xây-dựng, phim trường quá đắt.

3. Rút kinh-nghiệm chiến-tranh, những xưởng kỹ-nghệ những nhà máy không tập-trung lại nữa mà phân-tán đi, các châu-thành được mở rộng, đa số khán-giả là dân lao-động cũng phân-tán theo nhà máy giạt ra sống ở ngoại-ô xa-xôi, nên những rạp lớn hàng ngàn ghế ngồi không thích-hợp nữa. Những rạp nhỏ 4 năm trăm ghế ngồi đương nhiên cần-thiết và loại rạp này hợp với phim 16 ly.

4.— Đời sống mỗi ngày một khó-khăn, dân-chúng nghèo, nhà sản-xuất phải giảm giá thành để họ được giá vé, để dân-chúng đi xem đòng.

5.— Phim 16 ly có khả-năng phổ-biến khắp các nơi dễ-dàng, ít tốn kém.

Trên thị-trường, trong sự cạnh-tranh, món hàng nào được hai điều-kiện sau đây :

Tiền lợi.

Rẻ tiền.

là món hàng đó tiêu-thụ mạnh.

Nếu loại phim 35 ly còn tồn-tại, không phải vì ít ưu-điểm sẵn có của nó, mà chính vì những máy-móc, những phim trường, những rạp của nó có sẵn, chưa thể một lúc mà bỏ đi được.

Nhưng thời-gian sẽ là một yếu-tố rất lợi cho loại phim 16 ly.

Có người nói : « Người ta còn đang đi đến màn-ảnh đại vĩ-tuyến kia mà ».

Cái gì có thực-tế mới bền vững, những màn-ảnh đại vĩ-tuyến là những phát-minh quý giá nhưng tốn tiền, nó chỉ gọi lên sự tò-mò của khán-giả một lúc mà thôi.

Nước ta nghèo, có một màn-ảnh đại vĩ-tuyến là quý, nhưng nếu ta quyết-định xây-dựng nền điện-ảnh Việt-Nam cho đa số

nhân-dân Việt-Nam, thì đời một màn-ảnh đại vĩ-tuyến ra làm 10 màn-ảnh bình-dân lại quý hơn.

Một ngày gần đây phải có từng đoàn cán-bộ điện-ảnh với một máy chiếu phim 16 ly lối 15 ki, một máy phát điện lối 15 ki trong những chiếc xuồng, trên những con vạch dọc ngang của nước Việt thân yêu, len lỏi đến hang cùng ngõ hẻm, tới những nơi đồng chua nước mặn, tới Nam-quan, Cà-Mâu, tới Cái-Lay, Đồng-Tháp, đem một nền văn-hóa dân-tộc, nhân-vị tới cho toàn dân.

Ngày đó sẽ làm tăng phần vẻ-vang cho nền văn-hóa dân-tộc Việt.

NGUYỄN-VĂN-HÀO



D. — TỔNG-KẾT

ĐẠI-HỘI VĂN-HÓA TOÀN QUỐC 1957

Sáng 15-1-1957 :

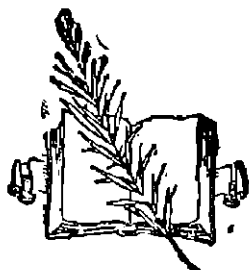
Đại-hội Văn-hóa toàn quốc nhóm họp phiên cuối cùng ngày 15-1-57. Sau khi Đại-hội tổng-kết những kết-quả thu-lượm được và lập xong bản quyết-nghị chung, ông TRẦN-CHÁNH-THÀNH, người đã đứng lên vận-động và tổ-chức Đại-hội, bước lên diễn-đàn, tỏ niềm hân-hoan về sự thành-công của đại-hội và ngỏ lời cảm ơn tất cả các vị đại-biểu, các cộng-sự-viên trong tổ-chức đại-hội.

Ông nhắc lại ý-nghĩa, mục-đích của đại-hội và nhân-định rằng, công-cuộc Cách-mạng Quốc-gia phải toàn diện đồng thời với cách-mạng chánh-trị, dân-tộc ta đòi hỏi cách-mạng trong lĩnh-vực

văn hóa để loại trừ tàn-tích thực-dân, phong-kiến cộng-sản và phát-huy tinh-thần dân-tộc và nhân-vị.

Các nhà văn-hóa đã cảm-thông với sự đòi hỏi của nhân-dân và của chính mình trên con đường tiến-bộ của dân-tộc, nên đã cùng đứng lên kêu gọi sự hợp-tác chặt-chẽ của mọi ngành văn-hóa để tổ-chức Đại-hội văn-hóa toàn quốc nhằm kiểm-điểm hiện-trạng, trao đổi quan-điểm, thống-nhất ý-chí và hành-động xây-dựng và phát-triển văn-hóa Việt-Nam để kịp bước tiến của cuộc cách-mạng chính-trị và tiền-phong trong công cuộc kiến-thiết xã-hội.

Để kết-luận, ông nhấn-mạnh rằng Đại-hội văn-hóa toàn quốc khai-mạc, sau những thành-công rực rỡ của dân-tộc về chính-trị và đương lúc cuộc cách-mạng xã-hội tiến-hành trong bầu không-khí tự-do với niềm tin-tưởng của mọi người về tương-lai huy-hoàng của nền Cộng-Hòa, đem lại cho mọi người, mọi ngành, phấn-khởi, hào-hứng. Những kết-quả quan-trọng mà đại-hội đã thu lượm được, là những viên gạch xây-dựng nền móng cho những thành-công đầy hứa hẹn. Đại-hội đã đánh một tiếng chuông báo hiệu kỷ-nguyên tươi sáng phục-hưng và canh-tân nền văn-hóa Việt-Nam./



BẢN TỔNG-KẾT

ĐẠI-HỘI VĂN-HÓA TOÀN QUỐC 1957

Trong phần tổng-kết hội-ng nghị, trước hết, Đại-hội nhận-định bản báo-cáo hoạt-động và đề-án công-tác tiến tới do ông Đinh-sinh-Pai, trong ban tổ-chức, được ủy-nhiệm trình-bày. Sau đó, hội-ng nghị thảo-luận rất sôi nổi để bổ-khuyết bản trình-bày đó.

Bản tổng-kết hội-ng nghị đã được cô-đúc lại như sau :

A. — BÁO-CÁO HOẠT-ĐỘNG

I. — Tổ-chức thực-hiện Đại-hội văn-hóa toàn-quốc 1957. —

Những biến-chuyển trong và ngoài nước đã đưa công-cuộc Cách-mạng Quốc-gia đến bước đường sáng-lạn. Công việc chuẩn-bị một Đại-hội văn-ng nghệ, dự-định trong năm 1956 đã tạo đủ điều-kiện để vượt lên một lãnh-vực cao hơn : đã đến lúc vấn-đề Văn-Hóa phải đặt thành một trong những trọng-tâm vấn-đề trong công-cuộc cứu quốc và kiến-quốc.

Hơn nữa, công-cuộc Cách-mạng Quốc-gia phải toàn diện, dân-tộc ta đòi hỏi một cuộc Cách-mạng trong lãnh-vực Văn-hóa để mở một đường lối xây-dựng và phát-triển Văn-hóa Việt-Nam trong sự tôn-trọng nhân-vị và theo tinh-thần dân-tộc và Á-đông.

Một ban vận-động và tổ-chức đã được thành-lập tại Thủ-đô Sài-gòn với sự hợp-tác của nhiều cơ-quan Đoàn-thể văn-hóa như :

- Hội nghệ-sĩ ái-hữu.
- Hội Văn-hóa Việt-Nam.
- Hội Văn-hóa bình-dân.

- Hội khuyến-học Nam-Việt.
- Nghiệp-Đoàn các bác-sĩ tư.
- Hội kỹ-sư và kỹ-thuật gia V.N.
- Hội báo-chí V.N.
- Nghiệp-đoàn các ký-giả V.N.
- Nghiệp-đoàn nghệ-sĩ sân-khấu.
- Hội bảo-vệ luân-lý V.N. v.v...

Ngoài ra còn được sự hợp-tác của các vị Bộ-Trưởng, các vị đại-diện cao-cấp trong chánh-quyền như Bộ Ngoại-giao, Bộ Tư-pháp, Bộ Giáo-dục, Bộ Thông-Tin và Thanh-niên, Bộ Y-tế xã-hội, Bộ Quốc-Phòng, Bộ Tài-Chánh. Ba hội thân-hữu đã tham-gia Đại-hội là hội Việt-Hoa thân-thiện, hội Việt-Mỹ thân-hữu và hội Việt-Pháp thân-hữu.

Nhiều bộ môn Văn-hóa đã được thành-lập với sự hợp-tác của nhiều văn-nghệ-sĩ, học-giả, kỹ-thuật-gia, giáo-sư, ký-giả, luật-giả... như bộ-môn nhiếp-ảnh, điện-ảnh, văn-thơ, hội-họa, tuồng chèo cải lương, tân-kịch, tân-nhạc, báo-chí, kỹ-thuật, luật-học, y-tế, giáo-dục v. v...

Được sự tán-trợ của các Hội Văn-hóa, các nhóm văn-nghệ tư-nhân tại Thủ-đô và trong toàn-quốc, sự tán-trợ đó đã được diễn-tả trong 65 bản kiến-nghị và được sự ủng-hộ của các cơ-quan văn-hóa, giáo-dục trong chánh-quyền, ban vận-động tổ-chức đã gửi lời hiệu-triệu toàn-thể đồng-bào, những người yêu văn-hóa ở trong nước cũng như ở hải-ngoại, mở một Đại-hội văn-hóa toàn quốc nhóm tại Thủ-đô Saigon để trao đổi ý-kiến rộng-rãi ngõ hầu đặt kế-hoạch xây-dựng, bảo-tồn và phát-triển nền văn-hóa Việt-Nam.

Từ các địa-phương Trung-phần, Nam-phần và Cao-nguyên, trong mọi ngành, mọi người đều mong có dịp họp mặt này.

Các hội-nghị văn-hóa nhóm họp kỳ sơ-bộ đã được tổ-chức tại nhiều tỉnh như Cần-thơ, Long-xuyên, Hà-tiên, Tuy-hòa, Đà-lạt, Huế, Saigon v.v... đáng lưu ý nhất là Hội-nghị văn-hóa Đà-lạt tháng 10-1956 và Đại-hội văn-nghệ miền Trung nhóm họp tại Huế tháng 12-1956.

Các bản dự-thảo thuyết-trình đã được xây-dựng từ những cuộc hội-ý từng nhóm đến những buổi hội-nghị sơ-bộ tại các tỉnh. Hình-thức của Đại-hội tiến-triển từ vận-động đến chủ-động từ mọi địa-phương quy-tụ về Thủ-đô.

Ngày 7-1-1957, Đại-hội văn-hóa toàn quốc đã khai-mạc tại Thủ-đô dưới quyền chủ-tọa của nhà chí-sĩ Ngô-đình-Diệm, đánh dấu một sự-kiện quan-trọng trong lịch-sử dân-tộc Việt-Nam.

Tham-dự Đại-hội có 1437 đại-biểu các ngành hoạt-động của các Tỉnh và Thủ-đô, các đại-biểu các bộ-môn văn-hóa, các nhóm văn-nghệ-sĩ, các tổ-chức văn-hóa hiện-hữu cùng những người quan-tâm đến nền văn-hóa nước nhà.

II.— Các kết-quả thu-đạt được.

Thời-gian hội-nghị kể từ 7-1-57 đến 15-1-57 là 9 ngày: sáng và chiều, thảo luận và nghị-quyết về các vấn-đề liên-hệ đến đường lối xây-dựng, phát-triển văn-hóa Việt-Nam, buổi tối trình-diễn văn-nghệ với sự thuyết-minh về quá-trình của từng bộ-môn văn-nghệ.

Không kể đến các kết-quả chi-tiết trong các buổi thảo-luận, xét chung, Đại-hội đã đạt được ba kết-quả lớn:

1) Phát-khởi một phong-trào phục-hưng canh-tân mạnh-mẽ trong khắp lãnh-vực văn-hóa.

2) Về phương-diện tư-tưởng, đoàn-kết chặt-chẽ mọi người, mọi ngành và gây hào-hứng phấn-khởi để đẩy mạnh công cuộc Cách-mạng Quốc-gia toàn diện.

3) Xác định trong lãnh-vực Văn-hóa Việt-Nam: Ý-thức đúng-đắn về dân-tộc tính và các quan-điểm về tư-tưởng nhân-vị. Nhận-định rằng Văn-hóa Việt-Nam cần được xây-dựng phát-triển theo tinh-thần dân-tộc và Á-đông căn cứ vào sự tôn-trọng và phát-huy nhân-vị.



Xét qua các bài thuyết-trình và các biên-bản về các buổi thảo-luận, Đại-hội đã thông-qua những quan-điểm như sau:

1.— Đại-hội nhận-định rằng: Tự-do tư-tưởng là một quyền tự-do cũng như quyền tự-do dân-chủ khác, quyền đó của người dân là do bản-thể con người mà có, không phải do quốc-gia ban cho. Mục-đích của mọi sinh-hoạt quốc-gia là sự phát-triển tự-do điều-hòa và đầy đủ của con người toàn diện (con người có nhiệm-vụ đối với tập-thể, không tách rời tập-thể mà trong đó con người sinh-hoạt và phát-triển). Nếu trong phạm-vi nội-tại cá-nhân, quyền tự-do tư-tưởng là một

quyền tự-do vô điều-kiện thì khi tư-tưởng được quăng-bá, chúng ta phải đặt Văn-hóa trước trách-vụ trọng-đại của mình và chính trách-vụ xã-hội của nhà Văn-hóa đã đặt điều-kiện sử-dụng quyền tự-do phổ-diễn và truyền-bá tư-tưởng. Về phương-diện sáng-tác, chúng ta không thể công-nhận quan-niệm chỉ-huy Văn-hóa. Tuy-nhiên quốc-gia có nhiệm-vụ tán-trợ người dân trong địa-hạt Văn-hóa vì cứu-cánh của quốc-gia là sự phục-vụ con người mà văn-hóa chính là một hình-thái sinh-hoạt của con người.

2.— Sau khi nhận-định quá-trình của báo-chí Việt-Nam từ thời-kỳ phôi-thai đến thời-kỳ trưởng-thành qua các chế-độ thực-dân kiểm-chế, phong-kiến bù-nhìn và độc-tài vong-bản, đến chế-độ Cộng-hòa tự-do hiện-tại, Đại-hội nhấn mạnh vào : quyền tự-do báo-chí là quyền dĩ-nhiên của mọi người dân ; vai trò quan-trọng của báo-chí trong công cuộc kiến-thiết xứ-sở, xây-dựng chính-quyền và xã-hội ; sự khác biệt giữa quan-niệm báo-chí tại miền Nam tự-do với quan-niệm báo-chí tại vùng Việt-Cộng qua các dẫn-chứng nhất là những dẫn-chứng cụ-thể về vụ Trăm hoa đua nở, Giai-phẩm mùa Thu, Nhân-văn, đồng thời chứng minh rõ hướng đi của báo-chí Việt-Cộng biểu tỏ sự phản-bội dân-tộc, phản-bội kháng-chiến.

3.— Đại-hội xác-định một lập-trường dứt-khoát triệt-để chống lại hiểm-họa Cộng-sản đang lũng đoạn nền văn-hóa dân-tộc, đồng thời tố-cáo âm-muru của Cộng-sản dẫu-diềm dưới sự đòi hỏi trao đổi văn-hóa.

Minh-định quan-niệm về vai-trò chính-yếu của văn-hóa trong công cuộc bảo-tồn và kiến-thiết quốc-gia, sự cần-thiết một tiêu-chuẩn để làm cân vàng thước ngọc đo những giá-trị về văn-hóa, nền văn-hóa Việt-Nam sẽ phong-phú trên mọi phương-diện nếu chúng ta biết dùng « men » nhân-vị để xây-dựng, phát-triển.

Phê-bình những quan-niệm thiếu sót về văn-hóa trước nay. Nhận-định đặc-tính của nền văn-hóa Việt-Nam hiện-tại là đặc-tính của học-thuyết duy-linh. Đề ra một chương-trình hoạt-động tổng-quát về các phương-diện nhằm xây-dựng và phát-triển nền văn-hóa dân-tộc nhân-vị.

4.— Đại-hội kiểm-điểm quá-trình nền văn-học Việt-Nam lấy, tư-tưởng nhân-vị xây-dựng tinh-hoa cho nền văn-học của dân-tộc. Đề ra những công-tác nhằm xây-dựng nền văn-học V. N :

a) Sưu-tầm, bảo-tồn và phổ-biến những tác-phẩm văn-học nền tảng cũ để giữ lấy những di-sản Văn-hóa cổ-truyền.

b) Thống-nhất ngôn-ngữ, chính-tả, ngữ-pháp để tiếng Việt xứng với địa-vị của một dân-tộc trưởng-thành và phát-triển ngôn-ngữ về mọi mặt : kỹ-thuật, ý-chí v. v... ngày thêm phong-phú.

c) Tu-soạn quốc-sử, văn-học-sử, văn-minh-sử trên quan-điểm nhân-vị. Tu-soạn bách khoa-thư để thấu-thái những tinh-hoa của Văn-hóa nhân-loại và để trao-đổi Văn-hóa với quốc-tế. Phiên-dịch, bình-chú những tác-phẩm văn-học nền tảng của ngoại-quốc.

d) Nghiên-cứu phổ-biến rộng-rãi văn-chương tư-tưởng trong dân-chúng. Tìm hiểu thấu-triệt dân-tộc với những xu-hướng và khả-năng để định-hướng đi trong cuộc sống Quốc-tế.

5.— Đại-hội xét lại nền giáo-dục V. N. từ trước tới nay : từ thời cựu-học, qua thời nô-lệ dưới ách thực-dân đến thời kỳ hiện-tại. Xác-định tính-chất và nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục V.N dưới chính-thể Cộng-hòa, hai tính-chất cần nêu rõ : *dân-tộc và nhân-vị*. Đối-chiếu sự giáo-dục nhân-vị tiến-bộ với sự giáo-dục nhồi sọ phản tiến-hóa trong vùng Việt-Cộng. Đề ra những nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục mới : phải làm cho học-sinh đỡ lệ-thuộc mảnh bèo, phải xây-dựng cho học-sinh quan-niệm học để phụng-sự quốc-gia, phụng-sự nhân-loại, giúp cho học-sinh những kiến-thức phổ-thông cần-thiết và đầy đủ cùng nghề-nghiệp để có thể sống tự-lập v.v...

6.— Đại-hội nhận-định sự liên-quan mật-thiết giữa kỹ-thuật và Văn-hóa và cáo rằng kỹ-thuật chính là một trong những nguyên-tổ xây-dựng Văn-hóa.

Xác-định quan-niệm khoa-học phải phụng-sự con người với ý-thức tôn-trọng và đề-cao nhân-vị : Nhận-định rằng một sự khiếm-khuyết lớn của khoa-học ngày nay là chưa đề-cập tới vấn-đề : « cần phải hiểu thấu con người ». Khoa-học cần phải vươn cao hơn cái thực-tại vật-chất thấp hèn để đề-cập tới thực-tại tinh-thần cao quý. Khoa-học phải tiến tới một quan-niệm sâu rộng, đầy đủ về con người để làm căn-bản cho mọi hoạt-động của nhân-loại, không nên tự chôn mình trong vòng vật-chất để giữ lấy độc-tôn vì có thể một ngày kia, cái khoa-học sản-xuất để phụng-sự nhân-loại lại trở nên lợi-khí để tàn-sát nhân-loại. Vì vậy, Đông-phương và Tây-phương cần phải dựa vào nhau, bồi-bổ cho nhau.

Ở Việt-Nam, muốn cho khoa-học được phát-triển, cần lập một chương-trình thực-tế, đại-cương như sau :

a) Thành-lập một hội-nghị trong đó có đủ các nhà khoa-học Việt-Nam tham-dự để thảo-luận về những nhu-cầu hiện-tại trong nước.

b) Hướng-dẫn thanh-niên về những ngành khoa-học còn thiếu sót ở trong nước. Khuyến-khích nâng đỡ các thanh-niên anh-tuấn về các phương-diện để có thể cho nhiều du học-sinh sang Âu-Mỹ hoặc những người đã có ít nhiều kinh-nghiệm về một ngành khoa-học. Sau này, họ trở về cần phải có một chính-sách thấu-dụng xứng đáng với khả-năng để họ có thể phụng-sự tổ-quốc một cách tích-cực và có hiệu-quả.

c) Giáo-huấn quan-niệm : « *Khoa-học phải đặt trên căn-bản nhân-vị* » trong tất cả các nhà trường ở Việt-Nam. Vì khoa-học không có lương-tâm, chỉ là bại-hoại của linh-hồn.

— Xét qua những tổ-chức y-tế tại một vài nước tân-tiến, nhận-định một chính-sách y-tế thích-hợp với hoàn-cảnh nước nhà trong đó một vài quan-điểm đáng lưu-ý :

a) Tổ-chức y-tế nông-thôn là vấn-đề quan-trọng và khẩn-thiết vì nước ta là nước nông-nghiệp, đa-số nhân-dân là nông-dân.

b) Chuyển hướng quan-niệm y-tế: lưu-tâm đến việc phòng bệnh nhiều hơn trị bệnh vì phòng bệnh là nghĩ đến những thế-hệ tương lai, tập-trung cả vào trị bệnh chỉ có tính-cách tiêu-cực đối-phó và không giải-quyết nổi tình-trạng bế-tắc.

c) Đặt rõ quan-niệm chính-trị: *vấn-đề xã-hội y-tế là một vấn-đề công-bằng xã-hội chứ không phải vấn-đề từ-thiện*. Y-tế không thể tổ-chức bở-thí, người dân có nhiệm-vụ đóng góp kinh-phí vào công cuộc chung. Muốn giải-quyết vấn-đề này phải thực-hiện công cuộc giáo-dục nhân-dân và đặt vấn-đề giáo-dục ấy lên trước hết.

7.— Đại hội xét quá-trình tiến-triển của quan-niệm luật-pháp V.N. Xác-định rằng luật-pháp V.N. có thể xây-dựng trên quan-điểm pháp-trị thẩm-nhuần tinh-thần tôn-trọng đạo-đức. Luật-pháp V.N. phải thể-hiện sâu-sắc nền dân-chủ tự-do, phải đượm tinh-thần tôn-trọng nhân-vị, tôn-trọng nguyên-tắc bình đẳng trước pháp-lý, phù-hợp và tôn-trọng dân-tộc tính.

Đề ra nhiệm-vụ của luật-gia V.N. trong việc làm luật, trong việc thi-hành luật-pháp; và trong việc giáo-dục nhân-dân.

— Ngoài ra, Đại-hội đề cập đến nhiều vấn-đề khác nữa như về nghệ-thuật: kịch nhạc, nhiếp ảnh, hội-họa, điện ảnh v.v...

Trong 9 đêm trình-diễn văn-nghệ và thuyết-minh về tuồng, chèo, kịch, cải-lương, điện-ảnh v.v... có ba đêm trình-diễn văn-nghệ dân-tộc các nước bạn, nhân đó, Đại-hội đã biểu-lộ tinh-thần sốt-sắng của dân-tộc V.N. luôn luôn mong muốn hấp-thụ những tinh-hoa của thế-giới và trao đổi văn-hóa với các nước bạn trong khối thế-giới tự-do.

Đại-hội đã thông-qua một bản quyết-nghị nội-dung chính-yếu như sau :

- Quyết tâm xây dựng và phát huy một nền Văn-hóa tôn trọng nhân-vị và dân-tộc tính.
- Sẵn sàng tiếp nhận tinh-hoa các nền Văn-hóa tôn trọng phẩm giá con người, tự-do tư-tưởng và tự-do ngôn-luận.
- Ủng-hộ cuộc tranh-đấu của các nhà trí-thức tại Bắc-Phần Việt-Nam và Hung-Gia-Lợi, đòi hỏi tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, bãi bỏ các hình thức cộng sản đàn áp tư-tưởng khủng bố các nhà trí-thức yêu chuộng tự-do.
- Tố-cáo âm-mưu của các tổ-chức Cộng-sản hay do Cộng-sản chi-phối muốn dùng sự trao đổi Văn-hóa để tuyên-truyền chủ-nghĩa Cộng-sản.
- Thành lập Tổng-Hội Văn-Hóa Việt-Nam để phát huy nền Văn-hóa tôn trọng nhân-vị và dân-tộc-tính góp phần xây-dựng nền văn-minh nhân-bản, bảo-vệ và phát-triển con người toàn diện.



Bàn về việc thành-lập Tổng-hội Văn-hóa, Đại-hội đã nhấn mạnh về chủ-trương đoàn-kết các lực-lượng văn-hóa trong nước. nghiên-cứu các điều-kiện và phương-tiện bảo-đảm sinh-hoạt cho những văn-nghệ-sĩ, những người hoạt-động về văn-hóa, giúp các văn-nghệ-sĩ sáng-tác giúp các nhà kỹ-thuật, khoa-học phát-minh, sáng-chế, phổ-biến sáng-kiến sâu-rộng trong và ngoài nước, nghiên-cứu giúp đỡ các văn-nghệ-sĩ tàn-tật, đau bệnh hoặc già nua kiệt sức, những người có công với nền văn-hóa nước nhà bị gặp những hoàn cảnh vật-chất khó-khăn v.v...

Sự thành-lập một Tổng-Hội văn-hóa có cơ sở rộng-rãi trong toàn quốc Việt-Nam và cả ở hải-ngoại là việc làm rất khẩn-thiết. Mọi ngành hoạt-động về văn-hóa trong nhân-dân cũng như trong chính-quyền, cần phải liên-kết lực-lượng, thống-nhất ý-chí, phối-hợp công-tác chặt-chẽ để cùng tranh-thủ kiến-thiết quốc-gia. Mục-tiêu chính của Tổng-hội là đoàn-kết mọi lực-lượng văn-hóa của nước nhà để phục-hưng canh-tân nền văn-hóa dân-tộc. Cương-vị của Tổng-hội đối với tất cả các tổ-chức văn-hóa trong và ngoài nước là bình-đẳng. Tổng-hội luôn luôn hô-hào sự đoàn-kết và giúp đỡ những tổ-chức văn-hóa hiện-hữu có chủ-trương đúng-đắn. Tổng-hội huy-động mọi khả-năng tham-gia các phong-trào xây-dựng văn-hóa nước nhà, tiếp thu, phát-huy và phổ-biến những sáng-kiến cùng ý-nguyện của nhân-dân. Việc hoạt-động cụ-thể của Tổng-hội là nghiên-cứu giúp đỡ phương-tiện, ngân-quỹ cho các người hoạt-động tích-cực về văn-hóa phụng-sự Quốc-gia (ấn-loát tài-liệu, giúp phương-tiện sáng-chế, phát-minh, phổ-biến tài-liệu v.v...) nghiên-cứu những nguyên-tắc bảo-đảm quyền-lợi của các người hoạt-động xây-dựng văn-hóa (quyền tác-giả, bảo-vệ nghề-nghiệp, giúp các tư-nhân hoạt-động về văn-hóa v.v...) Gây quỹ tương-tử, cứu-tử, giúp những người hoạt-động văn-hóa bị hoạn-nạn tàn-tật (nghệ-sĩ bị tàn-tật được săn-sóc về đời sống, một văn-nghệ-sĩ lâm-chung để lại gia-đình con thơ sẽ được Tổng-Hội lưu ý săn sóc gây dựng v.v...)

Thành-phần của Tổng-Hội rộng rãi, không phân biệt nam nữ địa-vị xã-hội... tất nhiên sẽ bao gồm những người hoạt-động và yêu mến văn-hóa nước nhà.

Đại-hội đã bầu một Ủy-Ban Vận-động thành-lập Tổng-hội Văn-hóa Việt-Nam để tiếp-tục công việc mà Đại-hội đã đề ra và để xin phép Chính-quyền thành-lập chính-thức Tổng-hội. Toàn-thê Đại-hội đã đồng-thanh biểu-quyết bầu ông NGÔ-ĐÌNH-NHU làm Chủ-tịch Ủy-Ban Vận-động này.

B. — ĐỀ-ÁN CÔNG-TÁC TIẾN TỚI

1. — Tiến tới xây cất một Rạp trình-diễn rộng lớn đủ tiện-nghi.

Trong Đại-hội văn-hóa, để thuyết-minh có kết-quả về nghệ-thuật như âm-nhạc, kịch, điện ảnh v.v... những buổi trình-diễn đã được tổ-chức xen vào hội-nghị thảo-luận.

Tiến tới mục-đích cao hơn để việc trình-diễn được liên-tục nuôi dưỡng và để truyền-bá nghệ-thuật rộng rãi cho dân chúng, để trao-đổi văn-nghệ với các nước bạn, đón tiếp các đoàn văn-nghệ với các nước bạn, đón tiếp các đoàn văn-nghệ các nước tới thăm Việt-Nam, cần xây cất một Rạp trình-diễn rộng lớn có thể chứa được thật đông khán-giả. Rạp này còn có thể dùng làm hội-trường của các cuộc mít-tinh, các cuộc diễn-thuyết v.v... Nó là phương-tiện của Tổng-Hội Văn-hóa, một nơi trung-tâm văn-nghệ trong đó có đủ mọi tiện-nghi cho mọi ngành hoạt-động và trình-diễn nghệ-thuật bao gồm : câu-lạc-bộ, họa-thất, nhạc-trường, thư-viện, sân-khấu, phòng điện-ảnh v.v... Văn-nghệ-sĩ sẽ tìm ở nơi đây phương-tiện gầy quĩ cho đoàn-thể của mình để bảo-đảm sinh-hoạt văn-nghệ, giúp giải-quyết nhiều vấn-đề phức-tạp trong công cuộc xây-dựng và phát-huy văn-nghệ. Nhìn chung những hí-viên trên thế-giới, mỗi nước tiến tiến đều có ít nhất một Rạp trình-diễn quốc-gia đủ tiện-nghi với tất cả những vẻ trang trọng.

Nước ta là một nước văn-hiến, nền dân-chủ thực-sự đã được thành-lập, dân-tộc ta cần có một Rạp trình-diễn tại thủ-đô thích-hợp với trình-độ và khả-năng của nước ta

Đây cũng là một công cuộc có lợi-ích cho uy-tín của chính-phủ một kế-hoạch để liên-kết các anh em văn-nghệ âm-nhạc, điện-ảnh, kịch-trường, một định hướng mới mở đầu cho một thể-hệ văn-nghệ mới vì nhờ những công cuộc khoáng-đạt mà để ra những tư-tưởng và hành-động khoáng-đạt.

Nhưng nếu chỉ trông mong ở công-quỹ trong khi công-quỹ còn cần phải chi tiêu cho nhiều công-vụ khẩn bách hơn, mà không tìm những biện-pháp dựa vào phương-tiện và khả-năng của nhân-dân sẵn có, thời đó là sự không hợp lý đối với nước nhà trong giai-đoạn hiện tại.

Tóm lại, muốn có một trung-tâm văn-nghệ, phương-tiện chính-yếu của Tổng-Hội Văn-hóa V.N.-trong công-kuộc xây-dựng, phát-huy nền văn-nghệ nhân-vị và dân-tộc, chúng ta cần phải nghĩ đến và ra sức hoàn-thành một Rạp trình-diễn quốc-gia đại-chúng.

2 — Thực-hiện định-kỳ những cuộc trưng-bày văn-nghệ tô-điêm đời sống nhân-dân.

Những cuộc trưng-bày văn-nghệ nhằm phổ-biến rộng-rãi nghệ-thuật và tư-tưởng trong quần-chúng là việc làm tất-yếu, song không thể thực-hiện với hình-thức lẻ tẻ, phiến-diện, thiếu tổ-chức và hướng-

dẫn. Cần nghĩ đến việc giúp cho văn-nghệ-sĩ, các kỹ-thuật-gia v.v... tổ-chức định-kỳ những cuộc triển-lãm mỹ-thuật-phẩm, văn-nghệ-phẩm. Hơn nữa cần nghĩ đến sự nâng đỡ sản-xuất đồ gốm mỹ-thuật, tranh sơn mài, đồ thêu, bức trạm khắc, tượng nặn đúc, tác-phẩm văn-chương khảo-cứu, các bài thơ, ca nhạc, các bản kịch, tuồng, chèo mà hiện nay đang thiếu phương-tiện phổ-biến.

Chính-quyền không thể nào mua cho hết được mà chỉ giúp được phần nào, vì ngân-sách quốc-gia có hạn-định.

Trong những cao-trào cách-mạng quốc-gia, văn-nghệ-sĩ chính là những người tiên-phong trong những cuộc xông-pha đưa tia sáng chính-nghĩa tới với quần-chúng. Lẽ nào sinh-hoạt của văn-nghệ-sĩ không được lưu-tâm đến và bảo-dảm.

Nhận-thức như vậy, ta có thể đề ra một vài ý-kiến như sau :

— Trong những dịp ngày lễ, ngày kỷ-niệm, ngày hội và nhất là ngày Tết Nguyên-đán, Tết Cộng-hòa, nên tổ-chức những cuộc triển-lãm văn-nghệ, trưng-bày sản-phẩm văn-hóa với sự tham-gia của đông-đảo văn-nghệ-sĩ, các kỹ-thuật-gia và những người quan-tâm đến nền văn-hóa nước nhà.

— Xin phép mở số Tombola mà phần lớn giải thưởng là những văn-nghệ-phẩm của nước nhà, kèm với các kỹ-nghệ-phẩm nội-hóa. Tiền thu vào dùng một phần giúp đỡ sinh-hoạt của các văn-nghệ-sĩ, một phần sung vào quỹ của Tổng-Hội Văn-hóa để xử-dụng trong công cuộc hoạt-động kiến-thiết chung.

Đặc-biệt trong những ý-kiến này, cần nhấn mạnh là phải thận trọng tránh mọi hình-thức có thể gây nên cơ-hội cho những kẻ lợi-dụng văn-hóa: sự tổ-chức triển-lãm văn-nghệ, trưng-bày sản-phẩm, cần thực-hiện với ý-nghĩa trong sạch, tuyệt-đối cấm-đội lốt dưới mọi hình thức cờ-bạc trá hình. Sự vào cửa xem triển-lãm, không nên lấy tiền, như vậy ý-nghĩa phổ-biến văn-hóa mới được quảng-bá rộng-rãi.

Ngoài những cuộc triển-lãm thường xuyên tại những phòng thông-tin, những cuộc triển-lãm lưu-động các Tỉnh, việc tổ-chức những cuộc triển-lãm quy-mô và định-kỳ nói trên, nhân dịp Tết nguyên-đán, còn có mục-đích và tác-dụng quan-trọng. Nó giúp cho nhân-dân vui Tết lành-mạnh, hưởng những ngày Tết « thật văn-nghệ », góp vào cái Tết cổ-truyền những ý-thức mới của lý-tưởng mới và đả-phá mọi quan-niệm lạc-hậu, bảo-thủ, tác-phong thô-lô, trào-lưu tứ đổ tường, tu-tướng « xôi thịt » rượu chè be bét.

Ngày xuân, nếu bạn bè mua đồ mỹ-thuật tặng nhau, bức tranh thêu, tượng nặn, thảm khắc, đồ gốm hoa màu, tranh họa v.v... những quà tết ấy chắc hẳn sẽ góp cùng các bức tranh gà, cây nêu, tràng pháo, biển cái « Tết xôi-thịt » trong đầu óc quần chúng thành cái « Tết văn-nghệ dân-tộc » đầy ý nghĩa đẹp đẽ.

Cứ mỗi năm, Tết đến, Tổng-hội văn-hóa, ở Thủ-đô cũng như ở các Tỉnh, gây một phong-trào vui « Xuân văn-nghệ », thì dần dần ý-thức nhập vào tiềm thức, những hoạt-động mới mẻ sẽ trở thành quen với tập-quán của nhân-dân. Ngày Tết khi đó sẽ là ngày « vui sống » nhất của văn-nghệ-sĩ, của những người hoạt-động văn-hóa và cũng là ngày vui đầy thi-vị nhất của toàn dân Việt-Nam.



QUYẾT - NGHỊ

Chúng tôi, các nhà văn-học, Nghệ-sĩ, Văn-sĩ, Ký-giả, Kỹ-sư, Bác-sĩ, Luật-gia, Giáo-sư, họp Đại-hội Văn-hóa toàn-quốc tại Saigon từ ngày 7 đến ngày 15 tháng 1 năm 1957.

Sau khi :

— Nhận-dịnh quá-trình và hiện-trạng của nền Văn-hóa nước nhà,

— Trao đổi quan-diểm và thảo-luận về các trào-lưu tư-tưởng hiện-đại,

— Ý-thức về nhiệm-vụ của mọi người dân là phải bảo-bồn xây-dựng và phát-triển nền Văn-Hóa dân-tộc trên căn-bản nhân-vị,

QUYẾT - NGHỊ :

— Hoan-nghênh chế-độ tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận đã được thừa-nhận trong Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ;

— Quyết-tâm xây-dựng và phát-huy một nền Văn-hóa tôn-trọng nhân-vị và dân-tộc tính ;

— Sẵn-sàng tiếp nhận tinh-hoa các nền Văn-hóa tôn-trọng phẩm-giá con người, tự-do tư-tưởng và tự-do ngôn-luận.

— Ủng-hộ cuộc tranh-đấu của các nhà trí-thức tại Bắc-Phần Việt-Nam, và Hưng-Gia-Lợi, đòi hỏi tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, bãi bỏ các hình-thức cộng-sản đàn-áp tư-tưởng, khủng-bố các nhà trí-thức yêu chuộng tự-do.

— Tố-cáo âm-mưu của các tổ-chức Cộng-sản hay do Cộng-sản chi-phối muốn dùng sự trao đổi Văn-hóa để lay-đòn-truyền-chủ-nghĩa Cộng-sản. Sự trao đổi Văn-hóa không thể thực-hiện được nếu trong các vùng bị Cộng-sản dò-hộ vẫn không có tự-do

tự-tưởng, tự-do ngôn-luận, tự-do đi lại và nêu chính-quyền Cộng-sản không bãi bỏ các độc-quyền làm báo, in sách, hoạt-động văn-nghe, phổ-biến văn-phẩm.

— *Thành-lập Tổng-Hội Văn-Hóa Việt-Nam để phát-huy nền Văn-hóa tôn-trọng nhân-vị và dân-tộc-tinh, góp phần xây-dựng nền văn-minh nhân-bản, bảo-vệ và phát-triển con người toàn-diện.*

Sai-Gon, ngày 14 tháng 1 năm 1957

**1437 chữ ký của các Đại-Biểu các ngành,
các bộ-môn, các tỉnh**



**VĂN-HÓA DÂN-TỘC PHÁT-TRIỂN
CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA THÀNH-CÔNG**

**BÀI-TRỪ TINH-THẦN NÔ-LỆ THỰC-CỘNG TRONG VĂN-HÓA
PHÁT-TRIỂN VĂN-HÓA DÂN-TỘC VÀ NHÂN-VỊ**

XÃ-HỘI AN-QUÁN
5-7-9, Ngô-dức-Kể
Điện thoại : 20.861
- SAIGON -